

VĂN KIẾN ĐẢNG TOÀN TẬP
XUẤT BẢN LẦN THỨ NHẤT
THEO QUYẾT ĐỊNH CỦA BAN
BÍ THƯ TRUNG ƯƠNG ĐẢNG
CỘNG SẢN VIỆT NAM, SỐ
208-QĐ/TW, NGÀY 1 THÁNG 11
NĂM 2013

HỘI ĐỒNG XUẤT BẢN

LÊ HỒNG ANH	Chủ tịch Hội đồng
ĐÌNH THẾ HUYNH	Phó Chủ tịch Hội đồng
TRẦN QUỐC VƯỢNG	Phó Chủ tịch Hội đồng
TẠ NGỌC TẤN	Ủy viên
NGUYỄN HOÀNG VIỆT	"
BÙI VĂN NAM	"
MAI QUANG PHẤN	"
PHÙNG HỮU PHÚ	"
LÊ QUANG VĨNH	"
PHẠM VĂN LINH	"
NGUYỄN QUANG THUẤN	"
HOÀNG PHONG HÀ	"

BAN CHỈ ĐẠO XÂY DỰNG BẢN THẢO

TRẦN QUỐC VƯỢNG	Trưởng ban
HOÀNG PHONG HÀ	Thường trực
LÊ QUANG VĨNH	Ủy viên
HOÀNG QUỐC TUẤN	"
NGUYỄN MẠNH HÀ	"

NHÓM XÂY DỰNG BẢN THẢO TẬP 57

ĐÌNH HỮU LONG (Chủ biên)
NGUYỄN THỊ NGÀ
NGUYỄN THỊ HẠNH
PHAN THỊ HẰNG

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

VĂN KIẾN ĐẢNG
TOÀN TẬP
TẬP 57
1998

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA - SỰ THẬT
Hà Nội - 2015

LỜI GIỚI THIỆU TẬP 57

Văn kiện Đảng Toàn tập, tập 57 phản ánh hoạt động của Đảng năm 1998, là năm nhân sự lãnh đạo cấp cao nhất của Đảng đã được kiện toàn từ sau Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII (tháng 12-1997).

Tiếp tục đường lối đổi mới của Đại hội VIII, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, năm 1998, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII có hai hội nghị quan trọng. Hội nghị lần thứ năm giải quyết vấn đề xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Hội nghị đã quyết định tiến hành đợt sinh hoạt chính trị tự phê bình và phê bình trong toàn thể cán bộ, đảng viên. Năm 1998, cuộc khủng hoảng tài chính, tiền tệ khu vực tiếp tục tác động vào nước ta. Hội nghị lần thứ sáu (lần 1) Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã quyết định những nhiệm vụ quan trọng về kinh tế - xã hội năm 1999, trong đó chú trọng đến phát triển nông nghiệp và nông thôn.

Các văn kiện còn phản ánh sự lãnh đạo, chỉ đạo và hoạt động của Trung ương Đảng trên nhiều lĩnh vực quan trọng như: lĩnh vực xây dựng hệ thống pháp luật, xây dựng thị trường chứng khoán, thị trường bảo hiểm; chủ trương hội nhập quốc tế về kinh tế; chỉ đạo về lĩnh vực an ninh, quốc phòng, đối ngoại, xây dựng Đảng, lãnh đạo đại hội của các tổ chức chính trị - xã hội như: Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Công đoàn Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam...

Ngoài văn kiện của các Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ năm, lần thứ sáu (lần 1), tập 57 công bố các nghị quyết, quyết định, chỉ thị, kết luận, tờ trình, thông tri, thông báo, báo cáo... của Bộ Chính trị, Thường vụ Bộ Chính trị, bài phát biểu của Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu.

Văn kiện Đảng Toàn tập, tập 57 công bố 107 tài liệu gồm hai phần: phần Văn kiện chính thức có 103 tài liệu; phần Phụ lục có 4 tài liệu.

Mặc dù đã có nhiều cố gắng trong việc sưu tầm, lựa chọn, biên tập và xuất bản, song khó tránh khỏi những thiếu sót. Rất mong nhận được sự góp ý, phê bình của bạn đọc để lần xuất bản sau cuốn sách hoàn thiện hơn.

Xin trân trọng giới thiệu tập 57, *Văn kiện Đảng Toàn tập* cùng bạn đọc.

Tháng 4 năm 2015

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA - SỰ THẬT

CHỈ THỊ
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ
Số 26-CT/TW, ngày 8 tháng 1 năm 1998
Về việc tổ chức thực hiện
Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành
Trung ương Đảng khóa VIII

Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII là Hội nghị thường kỳ nhưng có ý nghĩa rất quan trọng. Hội nghị đã ra nghị quyết về "Tiếp tục đẩy mạnh công cuộc đổi mới, phát huy nội lực, nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế, cần kiệm để công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phấn đấu hoàn thành các mục tiêu kinh tế - xã hội đến năm 2000" và quyết định về vấn đề nhân sự, kiện toàn cơ quan lãnh đạo cao nhất của Đảng với sự nhất trí rất cao.

Quán triệt và tổ chức thực hiện tốt Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ tư là đòi hỏi bức bách của tình hình hiện nay. Bộ Chính trị yêu cầu các cấp ủy và tổ chức đảng nắm vững yêu cầu và thực hiện theo kế hoạch sau:

1. Yêu cầu

a) Tạo ra sự thống nhất trong toàn Đảng, toàn dân, toàn quân về đánh giá tình hình và nguyên nhân, về những

quan điểm chỉ đạo và giải pháp lớn được xác định trong Nghị quyết Trung ương 4.

b) Việc quán triệt và tổ chức thực hiện nghị quyết phải khẩn trương, thiết thực, tránh hình thức, lãng phí thời gian và tiền của. Các cấp, các ngành từ Trung ương tới cơ sở khi nghiên cứu quán triệt nghị quyết phải kiểm điểm, liên hệ với tình hình của ngành, địa phương và cơ sở mình, có chương trình hành động cụ thể để thực hiện nghị quyết, trong đó xác định rõ các nhiệm vụ trọng tâm, các vấn đề bức xúc phải giải quyết, tổ chức ngay lực lượng, phân công rõ đơn vị và cá nhân chịu trách nhiệm thực hiện; thường xuyên đôn đốc kiểm tra việc thực hiện.

c) Triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 phải đồng thời gắn với thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 về xây dựng Đảng, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ cơ sở và thực hành các thiết chế dân chủ.

d) Phải tạo ra được phong trào cách mạng sôi nổi, sự tham gia tích cực của toàn dân vào thực hiện và kiểm tra việc thực hiện nghị quyết của Đảng, nhằm tạo được sự chuyển biến mạnh mẽ và những kết quả cụ thể trong các lĩnh vực kinh tế - xã hội, biến nghị quyết của Đảng thành hiện thực.

2. Kế hoạch triển khai

a) Trong tháng 1-1998, các đồng chí tham dự Hội nghị Trung ương 4 có trách nhiệm truyền đạt nội dung cơ bản của nghị quyết trong tỉnh ủy, thành ủy, các ban, đảng đoàn, ban cán sự đảng do mình phụ trách. Các cấp ủy tổ chức truyền đạt tinh thần nghị quyết đến các tổ chức cơ sở đảng và đảng viên.

Tài liệu chính thức để phổ biến quán triệt là nghị quyết và các bài phát biểu của đồng chí Đỗ Mười và đồng chí Lê Khả Phiêu tại Hội nghị.

Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương biên soạn đề cương giới thiệu nội dung Hội nghị Trung ương 4 để phục vụ đợt học tập. Các phương tiện thông tin đại chúng tuyên truyền phổ biến nghị quyết rộng rãi trong nhân dân. Các trường học, viện nghiên cứu đưa nội dung nghị quyết vào chương trình giảng dạy, học tập, nghiên cứu.

b) Trong tháng 2-1998, các cấp, các ngành phải xây dựng xong chương trình hành động thực hiện nghị quyết.

Đảng đoàn Quốc hội, Ban Cán sự Đảng Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao và Viện Kiểm sát nhân dân tối cao khẩn trương chỉ đạo việc chuẩn bị chương trình thực hiện nghị quyết theo phạm vi trách nhiệm của mình, xác định rõ những nhiệm vụ trọng tâm, những vấn đề cấp bách cần tập trung giải quyết trước, trong đó một số vấn đề cần có ngay các đề án, các quy chế, quy định, chế độ chính sách để thực hiện, ví dụ: quy chế về thực hành tiết kiệm ở các doanh nghiệp, các đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước, trong xã hội; quy chế về phát huy quyền làm chủ trực tiếp của nhân dân ở cơ sở, một số chính sách về ruộng đất đối với nông dân, về sắp xếp và cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước... trình Bộ Chính trị cho ý kiến.

Trong tháng 3-1998, Bộ Chính trị sẽ tổ chức hội nghị cán bộ chủ chốt các tỉnh, thành phố và các bộ, ban, ngành, đoàn thể trực thuộc Trung ương (trừ những đồng chí đã dự Hội nghị Trung ương 4) với hình thức thích hợp để phổ biến và lấy ý kiến góp ý vào các chương trình, quy chế, quy định... nói trên.

c) Các ban của Đảng có trách nhiệm giúp Bộ Chính trị và

cấp ủy đảng các cấp đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện nghị quyết, bám sát thực tiễn, sát cơ sở, tổng kết tình hình, phát hiện những điển hình tốt, rút ra và phổ biến những kinh nghiệm hay, uốn nắn kịp thời những lệch lạc, báo cáo với cấp ủy về những vấn đề mới phát sinh để chủ động xử lý.

d) Phát động phong trào thi đua sôi nổi trong toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, thực hiện thắng lợi nghị quyết với các nội dung chính là:

- Phát huy tinh thần tự lực, tự cường, ra sức cần kiệm, chống xa hoa lãng phí, dồn vốn cho đầu tư phát triển, phát huy nội lực, nâng cao hiệu quả kinh tế đối ngoại, thực hiện thắng lợi các chương trình, kế hoạch của từng ngành, đơn vị, địa phương, góp phần thiết thực vào sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

- Thi đua nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả sản xuất, công tác.

- Đấu tranh chống tham nhũng, buôn lậu, quan liêu và các tệ nạn xã hội khác.

Với phương châm khẩn trương, tích cực, thiết thực và hiệu quả, các cấp ủy và tổ chức đảng phải lãnh đạo, chỉ đạo tốt việc quán triệt và tổ chức thực hiện nghị quyết, định kỳ báo cáo kết quả với Bộ Chính trị, kiên quyết khắc phục tình trạng yếu kém trong khâu tổ chức thực hiện các Nghị quyết của Đảng.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

PHẠM THẾ DUYỆT

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**CHỈ THỊ
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ**

Số 27-CT/TW, ngày 12 tháng 1 năm 1998

**Về việc thực hiện nếp sống văn minh
trong việc cưới, việc tang, lễ hội**

Từ nhiều năm qua, cuộc vận động xây dựng nếp sống văn minh - gia đình văn hóa đã được thực hiện trong cả nước. Nhiều tỉnh, thành phố đã có những việc làm thiết thực đẩy mạnh phong trào xây dựng gia đình văn hóa, thôn ấp văn hóa; bước đầu hình thành một số nghi thức mới trong việc cưới, việc tang, lễ hội, cải tạo phong tục tập quán lạc hậu, phát huy truyền thống đạo lý uống nước nhớ nguồn, hiếu thảo, thủy chung của dân tộc.

Những năm gần đây, trong quá trình chuyển đổi nền kinh tế sang cơ chế thị trường, chúng ta đã có phần buông lỏng chỉ đạo, quản lý trên một số lĩnh vực văn hóa - xã hội, xem nhẹ việc giáo dục nếp sống và lối sống, thiếu sự hướng dẫn kịp thời về phong tục, thiếu những quy định cụ thể của Nhà nước đối với việc cưới, việc tang, lễ hội nên đã để phát sinh nhiều hiện tượng không lành mạnh trong xã hội. Nhiều gia đình, trong đó có cả những cán bộ có chức quyền, vì động

cơ hiếu danh, vụ lợi, tổ chức đám cưới, đám tang linh đình, phô trương, có những trường hợp thực chất là "bán cổ thu tiền". Mê tín dị đoan cùng nhiều hủ tục, kể cả một số hủ tục mới hình thành do thói đua đòi, và do cách học theo nước ngoài thiếu sự phê phán, chọn lọc, đang có khuynh hướng phục hồi và phát triển khá phổ biến ở nhiều nơi...

Những hiện tượng trên trở thành những vấn đề xã hội nhức nhối, làm xói mòn các giá trị đạo đức truyền thống, lối sống cần kiệm, giản dị của dân tộc, phá hoại thuần phong, mỹ tục, ảnh hưởng xấu tới đời sống tinh thần vật chất của nhân dân, ngày càng bị những bộ phận tiên tiến trong nhân dân lên án, không đồng tình.

Trước tình hình đó, Bộ Chính trị quyết định mở cuộc vận động sâu rộng trong toàn Đảng, toàn dân đẩy mạnh xây dựng nếp sống văn minh - gia đình văn hóa, trong đó có việc thiết lập nếp sống lành mạnh trong việc cưới, việc tang, lễ hội theo những định hướng:

- Bảo tồn có chọn lọc, cải tiến, đổi mới những phong tục, tập quán tốt đẹp của dân tộc; loại bỏ dần trong cuộc sống những hình thức lỗi thời, lạc hậu; nghiên cứu xây dựng và hình thành dần những hình thức vừa văn minh, vừa giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc trong việc cưới, việc tang, lễ hội.

- Lành mạnh, tiết kiệm, tránh xa hoa lãng phí, phiền nhiễu.

- Chống khuynh hướng kinh doanh, vụ lợi.

- Xóa bỏ hủ tục, bài trừ mê tín dị đoan.

Để thực hiện chủ trương trên, cần làm tốt một số công việc sau đây:

1. Cấp ủy đảng và chính quyền các cấp phải thực sự quan

tâm, có kế hoạch cụ thể chỉ đạo xây dựng nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội, coi đó là một trong những nhiệm vụ quan trọng của địa phương ngay trong dịp tết và Xuân Mậu Dần này.

2. Phát động phong trào quần chúng rộng rãi, nêu cao vai trò làm chủ, ý thức tự giác của nhân dân, xây dựng và thực hiện các tiêu chuẩn về nếp sống văn minh - gia đình văn hóa.

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị, tổ chức xã hội đóng vai trò nòng cốt phối hợp kế hoạch tiến hành cuộc vận động từ cơ sở xã, phường, lời cuốn mọi người, mọi lực lượng tham gia, tạo ra dư luận xã hội mạnh mẽ phê phán những biểu hiện cổ hủ, xa hoa lãng phí, hiếu danh, vụ lợi trong cưới xin, ma chay, tế lễ không phù hợp với yêu cầu của cuộc sống văn minh.

3. Cán bộ, đảng viên, đoàn viên thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, nhân viên nhà nước và cán bộ, chiến sĩ các lực lượng vũ trang nhân dân phải gương mẫu chấp hành những quy định của Nhà nước, quy ước của địa phương, cơ quan, đơn vị về nếp sống văn minh, bài trừ hủ tục, mê tín dị đoan, cổ hủ, xa hoa lãng phí, vụ lợi trong việc cưới, việc tang, lễ hội, coi đây là một tiêu chuẩn để đánh giá cán bộ, đảng viên, đoàn viên. Nghiêm khắc phê bình và xử lý kỷ luật thích đáng đối với những đảng viên, đoàn viên, cán bộ và chiến sĩ vi phạm nếp sống văn minh.

4. Ngành văn hóa - thông tin có trách nhiệm xây dựng và hướng dẫn những nghi thức phù hợp trong việc cưới, việc tang, lễ hội; kiến nghị nhà nước bổ sung luật lệ và quy định về lĩnh vực này theo các định hướng đã nêu ở trên; các địa phương dựa vào các quy định này mà cụ thể hóa và vận dụng

thích hợp với điều kiện của từng vùng, miền và đồng bào các dân tộc.

5. Các cơ quan truyền thông đại chúng, văn hoá, nghệ thuật có nhiệm vụ thường xuyên tuyên truyền về cuộc vận động này, nêu gương những điển hình tiên tiến, những mô hình làm tốt về nếp sống văn minh - gia đình văn hoá, giữ gìn thuần phong mỹ tục; hình thành những tập quán mới tiến bộ, khắc phục các tập quán lạc hậu.

6. Các cấp ủy đảng, cơ quan, chính quyền tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo và có kế hoạch cụ thể để bảo đảm thực hiện thắng lợi cuộc vận động.

Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương, Ban Cán sự Đảng các ngành, các cấp theo dõi, kiểm tra, định kỳ sơ kết, tổng kết, đúc rút kinh nghiệm và có báo cáo việc thi hành Chỉ thị này.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

PHẠM THẾ DUYỆT

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
Ý KIẾN CỦA THƯỜNG VỤ BỘ CHÍNH TRỊ
Số 105-TB/TW, ngày 17 tháng 1 năm 1998
Về chủ trương và giải pháp hạn chế ảnh hưởng
của khủng hoảng tài chính, tiền tệ ở các nước
Đông Nam Á đối với nền kinh tế Việt Nam

Ngày 15-1-1998, sau khi nghe Ban Cán sự Đảng Chính phủ báo cáo về khủng hoảng tài chính, tiền tệ ở các nước Đông Nam Á, tác động của nó đến nền kinh tế Việt Nam và những giải pháp xử lý, Thường vụ Bộ Chính trị có ý kiến chỉ đạo như sau:

1. *Cuộc khủng hoảng tài chính, tiền tệ ở các nước Đông Nam Á* đã gây ra hậu quả rất nghiêm trọng về nhiều mặt đối với sự phát triển của các nước trong khu vực và trên thế giới, gây tác động đối với nền kinh tế Việt Nam. Để hạn chế ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng này việc đề ra các giải pháp chính sách cần quán triệt các nguyên tắc sau:

- Phải bảo đảm cho nền kinh tế tiếp tục phát triển ổn định và bền vững trên cơ sở triển khai kịp thời các biện pháp thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (khóa VIII) ở tất cả các cấp, các ngành. Tập trung mọi nỗ lực để thúc đẩy sản xuất;

sử dụng có hiệu quả các nguồn lực cả trong nước và ngoài nước cho đầu tư phát triển.

- Phải kiên trì phấn đấu để thực hiện các mục tiêu về tăng trưởng và phát triển kinh tế đã được đề ra trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000; đồng thời nhạy bén với tình hình, kịp thời điều chỉnh các chính sách để hạn chế tối đa những ảnh hưởng tiêu cực đối với nước ta.

2. Những biện pháp cụ thể cần triển khai trong lĩnh vực đầu tư

Phải đánh giá lại tình hình và hiệu quả đầu tư thuộc tất cả các nguồn vốn của Nhà nước, của doanh nghiệp và dân cư; qua đó làm rõ những bất hợp lý về cơ cấu đầu tư; đặc biệt là việc sử dụng các nguồn vốn vay ngắn hạn và vay trả chậm để đầu tư vào đất đai và bất động sản, xây dựng khách sạn, nhà hàng...

Điều chỉnh lại cơ cấu đầu tư thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước theo hướng tập trung trước hết cho các công trình sắp hoàn thành để đưa vào sử dụng, các công trình đưa lại hiệu quả kinh tế cao, giảm bớt hoặc đình hoãn các công trình chưa thật sự có nhu cầu cấp bách hoặc chậm mang lại hiệu quả (như đường xa lộ Bắc - Nam, một số cảng biển, một số khu công nghiệp...).

Bổ sung các chính sách ưu đãi khuyến khích đầu tư nước ngoài. Sửa đổi ngay các thủ tục hành chính gây phiền hà cho chủ đầu tư, thực hiện cơ chế một cửa trong khâu xét duyệt và cấp giấy phép đầu tư; khắc phục tình trạng quá chậm và gây nhiều tiêu cực trong công tác đấu thầu, xét thầu các dự án đầu tư. Thực hiện chính sách ưu đãi cao hơn về chính sách thuế, giá thuê đất đối với đầu tư nước ngoài vào các cơ sở chế

biến nông sản, hải sản, sản xuất các mặt hàng xuất khẩu, các dự án đầu tư vào miền núi, vùng sâu, vùng xa. Đẩy nhanh việc giải ngân các dự án ODA đã ký kết.

Xóa bỏ dần sự phân biệt về chính sách có liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ giữa đầu tư nước ngoài và đầu tư trong nước. Tiến tới thực hiện thống nhất chính sách đầu tư cả đối với trong và ngoài nước.

Cần có biện pháp mới để mở rộng hướng thu hút vốn đầu tư ở các nước Tây Âu, Bắc Mỹ và Mỹ.

3. Đối với lĩnh vực xuất, nhập khẩu cần triển khai các giải pháp sau

- Bằng mọi biện pháp để trụ vững trên các thị trường truyền thống, đặc biệt là các thị trường xuất khẩu các mặt hàng có kim ngạch lớn như gạo, cao su, cà phê, hải sản, may mặc, giày dép. Đồng thời, phải nhanh chóng tìm kiếm mở rộng thêm các thị trường mới, khôi phục lại các quan hệ thương mại với các nước thuộc SNG và các nước Đông Âu. Ở trong nước cần nâng cao hiệu quả của các khu công nghiệp, khu chế xuất, sớm nghiên cứu hình thành các khu vực mậu dịch tự do để tạo thêm điều kiện khuyến khích xuất khẩu.

- Bổ sung thêm các biện pháp chính sách hỗ trợ khuyến khích xuất khẩu để giảm bớt một phần thiệt hại cho các doanh nghiệp xuất khẩu do phải giảm giá cạnh tranh, phải chuyển sang thị trường mới... Thực hiện miễn toàn bộ thuế xuất khẩu gạo, cao su, thủy sản, giảm tới mức thấp nhất khung thuế suất đối với các mặt hàng khác. Dành một khoản tín dụng ưu đãi đặc biệt để hỗ trợ cho các doanh nghiệp xuất khẩu. Đơn giản hóa các thủ tục xuất khẩu, ban hành ngay

các quy định cụ thể về đấu thầu hạn ngạch (côta) và việc cho phép các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế trước hết là các doanh nghiệp sản xuất được xuất khẩu trực tiếp theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 4.

Đối với các doanh nghiệp sản xuất nói chung, sản xuất hàng xuất khẩu nói riêng, để vượt qua được khó khăn hiện nay, tạo thế và lực để phát triển lâu dài, trước mắt phải tổ chức sắp xếp lại sản xuất và quản lý, lành mạnh hóa tài chính (bao gồm cả việc xử lý dứt điểm nợ giai đoạn II), thực hành các biện pháp tiết kiệm trong sản xuất để giảm chi phí, chỉ hạch toán những chi phí xã hội cần thiết (bao gồm chi phí lao động và máy móc thiết bị cần thiết, hợp lý) vào giá thành để hạch toán đúng giá thành sản xuất sản phẩm, cải tiến mẫu mã, nâng cao chất lượng sản phẩm phù hợp với thị trường và nâng cao khả năng cạnh tranh với hàng hóa của các nước khác.

- Kiểm soát chặt chẽ nhập khẩu để hạn chế nhập khẩu các mặt hàng tiêu dùng không thiết yếu, sản xuất trong nước đã đáp ứng được nhu cầu. Giám sát chặt chẽ các hợp đồng nhập hàng theo phương thức L/C trả chậm. Khuyến khích các doanh nghiệp trong nước có nhu cầu và có khả năng sử dụng có hiệu quả, tranh thủ mua công nghệ tiên tiến với giá rẻ trong điều kiện các nước đang khủng hoảng hiện nay, thông qua sự hỗ trợ và tạo điều kiện của Chính phủ.

Tăng cường việc thực hiện các biện pháp chống buôn lậu, đặc biệt cần tăng cường lực lượng kiểm soát các cửa khẩu biên giới đất liền và trên biển có hàng nhập khẩu từ Thái Lan.

4. Về chính sách tỉ giá, lãi suất, tăng cường quản lý hoạt động của ngân hàng thương mại

- Tỉ giá và lãi suất là những vấn đề rất nhạy cảm và có tác động dây chuyền rất phức tạp, cần phải được nghiên cứu một cách thận trọng, bảo đảm sự ổn định của nền kinh tế, việc xử lý phải tính đến khả năng chịu đựng của sản xuất; tính toán kỹ về mức độ và thời điểm trong từng bước đi. Phương án xử lý cụ thể liên quan đến tỉ giá và lãi suất phải thường xuyên báo cáo Thường vụ Bộ Chính trị xem xét, quyết định. Trước mắt đồng ý tăng mức lãi suất tiền gửi để khuyến khích gửi tiền tiết kiệm bằng đồng Việt Nam.

- Tăng cường quản lý hoạt động kinh doanh của các ngân hàng, bao gồm cả ngân hàng quốc doanh, ngân hàng thương mại cổ phần và các tổ chức tín dụng khác, chấn chỉnh lại các hoạt động tín dụng của các ngân hàng thương mại, bằng mọi biện pháp để giảm nợ quá hạn của các ngân hàng thương mại xuống mức 5% tổng dư nợ, xử lý dứt điểm nợ giai đoạn II và xử lý các tài sản thế chấp của các doanh nghiệp không có khả năng hoàn trả vốn vay cho ngân hàng.

- Ban hành quy chế quản lý ngoại hối theo hướng Nhà nước thống nhất quản lý toàn bộ lượng ngoại tệ trong nền kinh tế. Đẩy mạnh các hoạt động có thu ngoại tệ như du lịch, hàng không, viễn thông... Giám sát chặt chẽ hoạt động của thị trường ngoại tệ liên ngân hàng. Có biện pháp để ngăn chặn và chống đầu cơ ngoại tệ, tạo nhu cầu giả tạo trên thị trường.

5. Thực hiện triệt để các biện pháp tiết kiệm, giảm bội chi ngân sách nhà nước, dành vốn để đầu tư phát triển

- Tăng cường các biện pháp quản lý, chống lãng phí trong

chi tiêu ngân sách. Giảm tới mức tối đa việc chi tiêu cho các hội nghị tổng kết, kỷ niệm, rà soát lại các chế độ, chính sách, các định mức chi ngân sách, kiểm soát chặt các khoản chi ngoài định mức của ngân sách nhà nước. Năm 1998 ngừng việc mua xe ô tô con. Thực hiện việc điều chuyển nội bộ trụ sở, xe con và các trang bị có giá trị lớn khác. Ban hành Pháp lệnh tiết kiệm, chống lãng phí trong thời gian sớm nhất.

Các ngành, các cấp cần đề ra các biện pháp cụ thể, thiết thực để tiết kiệm chi tiêu, trước mắt chỉ sử dụng 90% chỉ tiêu chi ngân sách năm 1998 đã được phân bổ để hoàn thành các mục tiêu và nhiệm vụ của mình. Giữ mức bội chi ngân sách không vượt quá 3,5% GDP. Năm 1998 không đặt vấn đề cải cách tiền lương và tăng lương tối thiểu (trừ việc hỗ trợ lương cho ngành giáo dục theo Nghị quyết Trung ương 2).

- Phát động phong trào tiết kiệm trong toàn Đảng, toàn dân. Các tổ chức đảng, cơ quan nhà nước, các doanh nghiệp, các tổ chức công đoàn và đoàn thanh niên, phụ nữ, các cán bộ, đảng viên phải thực sự là nòng cốt, gương mẫu đi đầu trong việc thực hiện chủ trương này.

6. *Công tác thông tin tuyên truyền* trên các phương tiện thông tin đại chúng về khủng hoảng tài chính, tiền tệ khu vực cần có sự chỉ đạo và hướng dẫn. Chính phủ và các cơ quan có trách nhiệm cần phải công bố về các nhận định, phân tích tình hình một cách công khai và rộng rãi để hướng dẫn dư luận; khắc phục tình trạng tuyên truyền một chiều, đưa thông tin không chính xác hoặc quá nhấn mạnh đến ảnh hưởng xấu của cuộc khủng hoảng gây tác động tâm lý trong xã hội bất lợi cho việc quản lý vĩ mô. Cần chú trọng việc giáo

dục ý thức tiết kiệm trong mọi tầng lớp nhân dân, tập trung mọi nguồn vốn cho đầu tư phát triển đất nước.

7. Ban Cán sự Đảng Chính phủ chỉ đạo việc thành lập *Hội đồng Tài chính, tiền tệ* do Phó Thủ tướng thường trực làm Chủ tịch, lãnh đạo các Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Ngân hàng Nhà nước... làm thành viên, để thường xuyên nắm tình hình, đề ra các giải pháp ứng phó kịp thời. Đồng thời, có sự phân công trách nhiệm cụ thể cho các bộ, ngành, kể cả các cơ quan thông tin tuyên truyền tổ chức thực hiện.

Căn cứ vào ý kiến chỉ đạo trên, Ban Cán sự Đảng Chính phủ, Ban Cán sự Đảng các bộ, ngành có liên quan tổ chức tốt việc triển khai cụ thể; thường xuyên báo cáo những diễn biến tình hình về cuộc khủng hoảng tài chính, tiền tệ trong khu vực, cũng như tiến độ và tình hình thực hiện các giải pháp ngăn ngừa khủng hoảng ở nước ta với Thường vụ Bộ Chính trị. Những vấn đề nếu xét thấy cần thiết Ban Cán sự Đảng Chính phủ báo cáo Thường vụ Bộ Chính trị xem xét, quyết định.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

PHẠM THẾ DUYỆT

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
Ý KIẾN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ
Số 104-TB/TW, ngày 6 tháng 2 năm 1998
Về một số dự án Pháp lệnh

Tại phiên họp ngày 22-1-1998, sau khi nghe Đảng đoàn Quốc hội trình một số vấn đề của các dự án Pháp lệnh cán bộ, công chức, Pháp lệnh chống tham nhũng và Pháp lệnh thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; Bộ Chính trị đã có ý kiến như sau:

1. Nội dung của các pháp lệnh trên có quan hệ chặt chẽ với nhau nhằm thực hiện chủ trương của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị về chống tham nhũng, quan liêu, lãng phí, làm trong sạch bộ máy Đảng và Nhà nước ta. Về cơ bản, ba dự án pháp lệnh đã thể hiện được ý kiến chỉ đạo của Bộ Chính trị trong Thông báo số 55-TB/TW, ngày 29-3-1997. Để các pháp lệnh có hiệu lực khi thi hành, đối tượng điều chỉnh và các quy định cụ thể cho phép hoặc không cho phép làm phải phù hợp với tình hình thực tiễn và có khả năng thực hiện; vấn đề gì chưa rõ thì chưa nên quy định.

2. Về Pháp lệnh cán bộ, công chức

- Vấn đề cán bộ, công chức làm tư vấn, nguyên tắc chung

là được làm, chỉ cấm những trường hợp gây phương hại đến lợi ích quốc gia. Trong Pháp lệnh cần nêu cụ thể những trường hợp cấm; nếu chưa đủ cơ sở để xác định thì nêu nguyên tắc chung và giao cho Chính phủ nghiên cứu, cân nhắc để quy định cụ thể.

- Vấn đề không được tham gia góp vốn trong các tổ chức kinh tế, tán thành quy định ở phạm vi hẹp như Đảng đoàn Quốc hội đề nghị và áp dụng đối với người đứng đầu và cấp phó cơ quan và tổ chức. Đối với doanh nghiệp nhà nước thực hiện cổ phần hóa, cán bộ lãnh đạo và quản lý doanh nghiệp có thể tham gia mua cổ phần, nhưng cần khống chế ở tỉ lệ thích hợp.

- Về cán bộ chính quyền cơ sở, không nên xác định là công chức hưởng lương, chỉ hưởng phụ cấp sinh hoạt phí.

3. Dự án Pháp lệnh chống tham nhũng

- Về phạm vi điều chỉnh, đồng ý như Điều 2 của dự án Pháp lệnh. Trong chỉ đạo thực hiện Pháp lệnh, cần nhấn mạnh những hành vi tham nhũng nghiêm trọng đang xảy ra phổ biến hiện nay, như: những hành vi tiêu cực trong đấu thầu, trong hoạt động thương mại, trong hoạt động tư pháp...

- Việc quy định kê khai tài sản của cán bộ, công chức là cần thiết, nhưng nên làm từng bước, trước mắt chỉ nên quy định kê khai nhà, đất và tài sản khác có giá trị lớn đối với một số đối tượng theo tinh thần của Chỉ thị số 10-CT/TW, ngày 4-1-1997 của Bộ Chính trị. Đối tượng cụ thể phải kê khai, trình tự, thủ tục kê khai giao cho Chính phủ quy định.

- Khi có vụ việc tham nhũng xảy ra, phải làm rõ trách nhiệm của cả tập thể và cá nhân để có hình thức xử lý thích

hợp. Người có hành vi tham nhũng (bất kể ở cương vị, chức vụ nào) phải được xử lý nghiêm theo pháp luật; người có quyền hạn càng cao thì trách nhiệm càng lớn.

Cần có biện pháp kiên quyết để thu hồi triệt để tài sản bị chiếm đoạt hoặc bị thất thoát do hành vi tham nhũng.

4. Về dự án Pháp lệnh thực hành tiết kiệm, chống lãng phí

- Đồng ý với đề nghị của Đảng đoàn Quốc hội về đối tượng điều chỉnh của Pháp lệnh là các tổ chức, cá nhân trực tiếp quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước, vốn, tài sản nhà nước, bao gồm các cơ quan hành chính sự nghiệp, lực lượng vũ trang, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội và một số tổ chức xã hội, xã hội - nghề nghiệp (hưởng trợ cấp từ ngân sách nhà nước) trong bốn lĩnh vực: sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước; sử dụng đất đai, nhà công vụ, tài nguyên thiên nhiên; quản lý, sử dụng vốn đầu tư xây dựng, quản lý và sử dụng vốn, tài sản tại các doanh nghiệp nhà nước.

Pháp lệnh cần nhấn mạnh: cấm dùng công quỹ để quà cáp, biếu xén; nghiêm cấm chi tiêu ngoài sổ sách.

- Điều quan trọng để Pháp lệnh này được thực hiện là xây dựng hệ thống định mức tiêu chuẩn đồng bộ và nhất quán, phù hợp với thực tiễn và có khả năng thực hiện. Các văn bản của Chính phủ quy định về vấn đề này cần phải lấy ý kiến của các tổ chức và cá nhân có liên quan và phải được ban hành ngay sau khi Pháp lệnh được thông qua.

5. Việc sớm ban hành các pháp lệnh trên là yêu cầu cấp thiết hiện nay. Nhưng, vấn đề đặc biệt quan trọng là việc tổ chức thực hiện sau khi các pháp lệnh được ban hành. Các

đồng chí Ủy viên Trung ương, các cấp ủy đảng, các cấp, các ngành, các tổ chức, đoàn thể xã hội phải xác định việc lãnh đạo và tổ chức thực hiện ba Pháp lệnh và các quy chế dân chủ ở cơ sở là nhiệm vụ trọng tâm của năm 1998. Phải tạo ra sự chuyển biến thực sự trong việc phòng và chống tham nhũng, quan liêu, lãng phí, để nhân dân tin tưởng cùng Đảng và Nhà nước xây dựng bộ máy của Đảng và Nhà nước ta trong sạch và vững mạnh.

Căn cứ những ý kiến chỉ đạo trên và các ý kiến của các đồng chí Bộ Chính trị tại phiên họp này, Đảng đoàn Quốc hội và Ban Cán sự Đảng Chính phủ chỉ đạo việc chỉnh lý các dự án Pháp lệnh và xin ý kiến các đồng chí Bộ Chính trị (bằng văn bản) trước khi Ủy ban Thường vụ Quốc hội thông qua.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

PHẠM THẾ DUYỆT

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUYẾT ĐỊNH CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 32-QĐ/TW, ngày 7 tháng 2 năm 1998

Về việc phân công các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị

Sau khi Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương (khóa VIII) đã đồng ý để các đồng chí Đỗ Mười, Lê Đức Anh, Võ Văn Kiệt thôi tham gia Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương và bầu bổ sung bốn đồng chí vào Bộ Chính trị, Bộ Chính trị đã quyết định điều chỉnh sự phân công các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị như sau:

- 1- Đồng chí Lê Khả Phiêu, Tổng Bí thư, Bí thư Đảng ủy Quân sự Trung ương, trực tiếp chỉ đạo quốc phòng, an ninh.
- 2- Đồng chí Trần Đức Lương, Ủy viên Thường vụ Bộ Chính trị, Chủ tịch nước, Ủy viên Thường vụ Đảng ủy Quân sự Trung ương, Ủy viên Thường vụ Đảng ủy Công an Trung ương, chỉ đạo nội chính.
- 3- Đồng chí Phan Văn Khải, Ủy viên Thường vụ Bộ Chính trị, Thủ tướng Chính phủ, Bí thư Ban Cán sự Đảng Chính phủ, Ủy viên Thường vụ Đảng ủy Quân sự Trung ương, Ủy viên Thường vụ Đảng ủy Công an Trung ương.
- 4- Đồng chí Nông Đức Mạnh, Ủy viên Thường vụ Bộ Chính trị, Chủ tịch Quốc hội, Bí thư Đảng đoàn Quốc hội.

5- Đồng chí Phạm Thế Duyệt, Ủy viên Thường vụ, Thường trực Bộ Chính trị.

6- Đồng chí Đoàn Khuê, Ủy viên Bộ Chính trị, chỉ đạo công tác bảo vệ chính trị nội bộ và công tác tổng kết Đảng lãnh đạo chiến tranh.

7- Đồng chí Nguyễn Mạnh Cầm, Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Thủ tướng Chính phủ kiêm Bộ trưởng Ngoại giao, chỉ đạo công tác đối ngoại (Đảng, Nhà nước, đoàn thể).

8- Đồng chí Nguyễn Đức Bình, Ủy viên Bộ Chính trị, chỉ đạo công tác lý luận và khoa học xã hội; Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

9- Đồng chí Nguyễn Văn An, Ủy viên Bộ Chính trị, Trưởng ban Tổ chức Trung ương, chỉ đạo công tác tổ chức và cán bộ của hệ thống chính trị.

10- Đồng chí Phạm Văn Trà, Ủy viên Bộ Chính trị, Bộ trưởng Quốc phòng, Phó Bí thư Đảng ủy Quân sự Trung ương.

11- Đồng chí Nguyễn Thị Xuân Mỹ, Ủy viên Bộ Chính trị, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương.

12- Đồng chí Trương Tấn Sang, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh.

13- Đồng chí Lê Xuân Tùng, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Thành ủy Hà Nội.

14- Đồng chí Lê Minh Hương, Ủy viên Bộ Chính trị, Bộ trưởng Nội vụ, Bí thư Đảng ủy Công an Trung ương.

15- Đồng chí Nguyễn Tấn Dũng, Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Thủ tướng thường trực Chính phủ, Phó Bí thư Ban Cán sự Đảng Chính phủ.

16- Đồng chí Phạm Thanh Ngân, Ủy viên Bộ Chính trị, Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam.

17- Đồng chí Nguyễn Minh Triết, Ủy viên Bộ Chính trị, Trưởng ban Dân vận Trung ương, chỉ đạo công tác dân vận, mặt trận, đoàn thể.

18- Đồng chí Phan Diễn, Ủy viên Bộ Chính trị, Trưởng ban Kinh tế Trung ương, chỉ đạo tài chính và kinh tế đảng.

19- Đồng chí Nguyễn Phú Trọng, Ủy viên Bộ Chính trị, chỉ đạo công tác tư tưởng, văn hóa, khoa giáo.

Các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị căn cứ vào Quyết định này chỉ đạo các ban đảng có liên quan xây dựng quy chế làm việc cụ thể về lĩnh vực được phân công.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

TỔNG BÍ THƯ

LÊ KHẢ PHIÊU

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

CHỈ THỊ
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ
Số 28-CT/TW, ngày 14 tháng 2 năm 1998
Về lãnh đạo đại hội cấp tỉnh, thành phố
và Đại hội toàn quốc lần thứ III
Hội Nông dân Việt Nam

Thời gian qua, nhờ đường lối đổi mới đúng đắn của Đảng, sự nỗ lực phấn đấu của các cấp ủy đảng, chính quyền, của các ngành, các đoàn thể, công sức đóng góp của nông dân, của các cấp Hội Nông dân, nông thôn nước ta đã có những thay đổi theo hướng tích cực. Sản xuất nông nghiệp không ngừng phát triển, đời sống nông dân được cải thiện, góp phần quan trọng vào thành tựu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Cùng với phong trào nông dân, tổ chức, nội dung và phương thức hoạt động của Hội Nông dân từng bước được đổi mới, hiệu quả hoạt động ngày càng tăng.

Tuy nhiên, so với yêu cầu phát triển nông nghiệp và xây dựng nông thôn trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa thì tổ chức và hoạt động của Hội còn nhiều mặt yếu kém. Cơ sở Hội còn hẹp, vai trò nòng cốt trong phong trào nông dân phát triển kinh tế - xã hội ở

nông thôn còn hạn chế, chức năng đại diện lợi ích của nông dân chưa được thực hiện đầy đủ.

Để Đại hội cấp tỉnh, thành phố và Đại hội toàn quốc lần thứ III của Hội Nông dân Việt Nam đạt kết quả tốt, tạo chuyển biến mới trong xây dựng giai cấp nông dân và Hội Nông dân theo tinh thần Nghị quyết Đại hội VIII của Đảng, Bộ Chính trị yêu cầu các cấp ủy đảng làm tốt một số việc sau đây:

1. Đảng đoàn Hội Nông dân Việt Nam, Ban Thường vụ các tỉnh ủy, thành ủy chỉ đạo Ban Chấp hành Hội Nông dân cấp trung ương và tỉnh, thành phố chuẩn bị thật tốt nội dung Đại hội. Báo cáo tổng kết công tác Hội nhiệm kỳ vừa qua cần đánh giá đúng phong trào nông dân và hoạt động của các cấp Hội, nhận định vai trò, tác dụng của giai cấp nông dân, của tổ chức Hội trong việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 8B (khóa VI), Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VII) và các Nghị quyết khác của Trung ương (khóa VIII); khẳng định những việc làm được, làm rõ những việc chưa làm được, phân tích kỹ nguyên nhân, bài học kinh nghiệm; trên cơ sở đó, xác định đúng phương hướng hoạt động và những nhiệm vụ chủ yếu của Hội trong nhiệm kỳ mới. Cần nhận thức đầy đủ vai trò, trách nhiệm của giai cấp nông dân trong khối liên minh giữa giai cấp công nhân, giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức, trách nhiệm của Hội Nông dân trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn; xây dựng giai cấp nông dân về mọi mặt, nâng cao trình độ văn hóa, khoa học - kỹ thuật, tham gia với Nhà nước xây dựng cơ chế và biện pháp phát

huy quyền dân chủ trực tiếp của nông dân ở cơ sở; chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp và nông thôn theo hướng mở mang công nghiệp, dịch vụ, tạo thêm việc làm, tăng thêm thu nhập, cải thiện đời sống vật chất và văn hóa của nông dân. Gắn phát triển kinh tế hộ gia đình với phát triển kinh tế hợp tác với nhiều hình thức, từ thấp đến cao.

Tiếp tục đổi mới nội dung và phương thức hoạt động, phát huy vai trò chủ động, tích cực, sáng tạo của các cấp Hội; khắc phục tình trạng hoạt động hành chính và hình thức. Hướng hoạt động của Hội về cơ sở, hướng dẫn cơ sở củng cố và phát triển tổ chức. Nâng cao chất lượng hoạt động, xây dựng Hội thực sự là một trong những tổ chức chính trị mạnh ở nông thôn, dưới sự lãnh đạo của cấp ủy đảng. Đoàn kết, giáo dục hội viên chấp hành đúng chính sách, pháp luật. Nắm bắt và phản ánh kịp thời nguyện vọng của nông dân với cấp ủy đảng và chính quyền để giải quyết và giám sát việc thực hiện.

Thực hiện tốt phương châm "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra"; phát huy quyền làm chủ của hội viên, tham gia đấu tranh chống tham nhũng, mở rộng dân chủ đi đôi với giữ gìn trật tự, kỷ cương, pháp luật, giữ vững ổn định chính trị, xã hội. Phối hợp với các ngành có liên quan hướng dẫn, hỗ trợ nông dân sản xuất có hiệu quả, đặc biệt chú trọng hỗ trợ về vốn, các dịch vụ khoa học - kỹ thuật, bảo quản, chế biến, tìm thị trường tiêu thụ sản phẩm; chú ý phát hiện và kịp thời nhân rộng các điển hình (hộ và cá nhân) sản xuất giỏi.

2. Triển khai mạnh mẽ phong trào nông dân thực hiện

nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng nông thôn mới, củng cố quốc phòng, an ninh của địa phương ngay từ đầu năm 1998 theo tinh thần Nghị quyết kỳ họp thứ hai Quốc hội khóa X và Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII. Tiếp tục mở rộng và nâng cao chất lượng phong trào nông dân sản xuất, kinh doanh giỏi, thực hành tiết kiệm và xóa đói giảm nghèo. Củng cố, kiện toàn tổ chức Hội các cấp, trước hết ở cơ sở, tập hợp rộng rãi nông dân, phát triển hội viên mới.

3. Chuẩn bị chu đáo nhân sự Đại hội các cấp. Những cán bộ tham gia ban chấp hành nhiệm kỳ mới phải được chọn lựa, có phẩm chất, đạo đức tốt, có năng lực vận động nông dân, gương mẫu, đi đầu trong sản xuất, nhiệt tình, năng động, có uy tín, có khả năng tham gia xây dựng và tổ chức thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước liên quan đến nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Cấp ủy cử cấp ủy viên có năng lực để giới thiệu vào cương vị chủ chốt của Hội.

4. Ban dân vận, ban tổ chức thuộc các cấp ủy đảng có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ với Đảng đoàn Hội Nông dân tham mưu, giúp cấp ủy chỉ đạo Đại hội cả về nội dung và nhân sự. Chính quyền và các ngành, các đoàn thể có liên quan từ trung ương đến địa phương cần phối hợp, hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi để Hội Nông dân tổ chức tốt Đại hội. Chính quyền các cấp cử đại diện báo cáo tình hình kinh tế - xã hội và nhiệm vụ chính trị của địa phương, giải đáp những vấn đề đặt ra tại Đại hội.

5. Đồng ý để Hội Nông dân Việt Nam tổ chức Đại hội đại

biểu toàn quốc lần thứ III vào cuối năm 1998, tại Thủ đô Hà Nội, với số lượng đại biểu như Đảng đoàn Hội Nông dân Việt Nam đề nghị. Đại hội cần được tổ chức trang trọng, đề cao dân chủ, tiết kiệm, tránh phô trương, hình thức.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

PHẠM THẾ DUYỆT

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

CHỈ THỊ CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 29-CT/TW, ngày 14 tháng 2 năm 1998

Về tăng cường công tác kiểm tra của Đảng

Kiểm tra là một trong những chức năng lãnh đạo của Đảng, một bộ phận quan trọng trong toàn bộ công tác xây dựng đảng. Các cấp ủy đảng và người đứng đầu cấp ủy có trách nhiệm lãnh đạo và trực tiếp thực hiện nhiệm vụ kiểm tra.

Trong thời gian qua, công tác kiểm tra của Đảng đã góp phần quan trọng vào việc bảo vệ đường lối, quan điểm, các nguyên tắc của Đảng, thúc đẩy thực hiện các nhiệm vụ chính trị, xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức đảng, góp phần tăng cường sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng.

Các tổ chức đảng đã nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên về công tác kiểm tra của Đảng, nhiều cấp ủy đã quan tâm lãnh đạo công tác kiểm tra, xây dựng chương trình kế hoạch và trực tiếp kiểm tra tổ chức đảng cấp dưới theo quy định của Điều lệ Đảng, bước đầu có kết quả thiết thực.

Tuy nhiên, công tác kiểm tra của các tổ chức đảng và cấp

ủy các cấp còn nhiều thiếu sót, khuyết điểm. Không ít cấp ủy chưa nhận thức đầy đủ về công tác kiểm tra của Đảng, coi đây chỉ là công việc của ủy ban kiểm tra các cấp. Khi xem xét kỷ luật hoặc khi đơn vị có vụ việc, còn lúng túng, thiếu chủ động cả về nội dung và phương pháp kiểm tra. Nhiều chủ trương, nghị quyết, chỉ thị của Đảng không được chấp hành nghiêm túc, thậm chí sai lệch nhưng không được kiểm tra, uốn nắn. Nhiều tiêu cực trong quản lý kinh tế, tài chính, tiền tệ gây hậu quả nghiêm trọng, tệ quan liêu, tham nhũng đang làm tha hoá một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên nhưng chậm được kiểm tra, phát hiện, xử lý công minh, kịp thời. Công tác cán bộ còn nhiều thiếu sót khuyết điểm, chưa đáp ứng yêu cầu.

Để bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng ở các cấp từ Trung ương đến cơ sở, thực hiện thắng lợi mọi nhiệm vụ kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng, đối ngoại... trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, cần tăng cường hơn nữa công tác kiểm tra của Đảng. Trong tình hình hiện nay, công tác kiểm tra của Đảng cần tập trung vào một số nội dung sau đây:

1. Kiểm tra việc chấp hành Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ VIII, các nghị quyết, chỉ thị của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và của cấp ủy các cấp về kinh tế - xã hội, công tác xây dựng đảng, an ninh - quốc phòng, đối ngoại, phát hiện những điển hình tốt và chỉ ra những khuyết điểm, lệch lạc cần uốn nắn nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả lãnh đạo của các tổ chức đảng.

2. Thông qua các tổ chức của Đảng, kiểm tra việc chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng về sản xuất, phân phối

vật tư, tài chính, tiền tệ... trong các ngành, các đơn vị trên địa bàn không phân biệt thuộc địa phương hay Trung ương quản lý. Kiểm tra thu, chi ngân sách bảo đảm thu đủ, chi đúng mục đích, tiết kiệm, có hiệu quả; kiểm tra việc huy động vốn và cho vay vốn đúng chính sách, sử dụng vốn đầu tư có hiệu quả. Kiểm tra khắc phục những tiêu cực, tham ô, lãng phí, gây thất thoát tiền của, tài sản Nhà nước và nhân dân.

3. Kiểm tra công tác cán bộ, trước hết tập trung kiểm tra việc quán triệt và thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 3 về "Chiến lược cán bộ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước". Chú trọng kiểm tra về quan điểm đánh giá cán bộ, việc quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, lựa chọn, bố trí, đề bạt... nhất là đối với cán bộ chủ chốt trong các cơ quan đảng, cơ quan quản lý nhà nước, quản lý kinh tế - xã hội, trong các đơn vị sản xuất, kinh doanh, bảo đảm đúng tiêu chuẩn và chính sách cán bộ của Đảng.

Qua kiểm tra phát hiện biểu dương mặt tốt, uốn nắn sai lệch, xử lý nghiêm minh, kịp thời những sai phạm, đúng chức năng và thẩm quyền của từng cấp; nếu quá thẩm quyền phải báo cáo với tổ chức đảng cấp trên xử lý. Nếu vi phạm thất thoát tiền của của Nhà nước phải xác định trách nhiệm đền bù và thu hồi cho Nhà nước.

Về tổ chức chỉ đạo công tác kiểm tra, các cấp ủy đảng cần chú ý:

1. Phải tổ chức thực hiện nghiêm túc, đầy đủ, có hiệu quả nhiệm vụ kiểm tra của cấp ủy quy định tại điểm 2, Điều 30 Điều lệ Đảng. Căn cứ vào nhiệm vụ trọng tâm và đặc điểm tình hình địa phương trong từng thời gian, xây dựng chương trình kiểm tra của cấp ủy theo định kỳ hằng năm, hằng quý.

2. Các đồng chí cấp ủy viên phải trực tiếp thực hiện nhiệm vụ kiểm tra đối với lĩnh vực và địa bàn được phân công phụ trách. Đồng chí bí thư, phó bí thư, thường trực cấp ủy phải định kỳ mỗi quý hoặc mỗi tháng một lần nghe các đồng chí phụ trách tài chính, ngân hàng... báo cáo, nhận xét và cho ý kiến chỉ đạo kịp thời. Lãnh đạo các cấp cần dành thời gian xuống cơ sở để nắm chắc tình hình, giải quyết kịp thời, có hiệu quả công việc theo chức năng, quyền hạn. Những vấn đề cần tập thể cấp ủy bàn bạc, quyết định phải báo cáo kịp thời để tập thể quyết định hoặc báo cáo cấp trên nếu vượt quá thẩm quyền.

3. Đảng viên là thủ trưởng các cơ quan, các tổ chức kinh tế - xã hội... có trách nhiệm báo cáo đầy đủ, trung thực và kịp thời với cấp ủy, phục vụ cho công tác kiểm tra của Đảng.

4. Phát huy quyền làm chủ của nhân dân trong giám sát thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; triển khai thực hiện các thiết chế dân chủ sẽ ban hành. Lãnh đạo các cơ quan nhà nước, các tổ chức đảng, đoàn thể chính trị - xã hội thực hiện nghiêm túc việc tiếp dân, lắng nghe ý kiến của dân và giải quyết kịp thời những kiến nghị chính đáng của nhân dân.

5. Cấp ủy đảng chỉ đạo ủy ban kiểm tra và các ban đảng trong công tác kiểm tra và chỉ đạo sự phối hợp giữa ủy ban kiểm tra, các ban của Đảng với các cơ quan thanh tra nhà nước, thanh tra nhân dân, các cơ quan bảo vệ pháp luật.

Các ban của Đảng, ban cán sự, đảng đoàn phải chủ động kiểm tra lĩnh vực công tác được phân công phụ trách và báo cáo trung thực, kịp thời với cấp ủy và báo cáo lên cấp trên.

Giao Ủy ban Kiểm tra Trung ương hướng dẫn các cấp ủy và ủy ban kiểm tra các cấp thi hành Chỉ thị này.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

PHẠM THẾ DUYỆT

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
Ý KIẾN CỦA THƯỜNG VỤ BỘ CHÍNH TRỊ

Số 107-TB/TW, ngày 14 tháng 2 năm 1998

**Về chính sách giảm tiền mua nhà ở cho cán bộ,
công nhân, viên chức nhà nước,
lực lượng vũ trang khi mua nhà đang ở
thuộc sở hữu nhà nước**

Ngày 10-2-1998, sau khi nghe Ban Cán sự Đảng Chính phủ báo cáo về chính sách giảm tiền mua nhà ở cho cán bộ, công nhân, viên chức nhà nước, lực lượng vũ trang khi mua nhà ở đang thuê thuộc sở hữu nhà nước, Thường vụ Bộ Chính trị có ý kiến chỉ đạo như sau:

1. Đồng ý với chính sách do Ban Cán sự Đảng Chính phủ đề nghị về giảm tiền mua nhà ở cho cán bộ, công nhân, viên chức nhà nước, lực lượng vũ trang khi mua nhà ở đang thuê thuộc sở hữu nhà nước.

Chính sách bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước cho cán bộ, công nhân, viên chức nhà nước, lực lượng vũ trang là một chính sách lớn của Đảng và Nhà nước về một lĩnh vực phức tạp, vì vậy cần có kế hoạch đồng bộ, tính toán tổng thể với các bước thực hiện từng năm, dự kiến các tình huống phải xử

lý và cần phân ra từng loại nhà, từng loại đối tượng để có chính sách giải quyết đúng đắn, có lý có tình. Loại nhà tuy do nhà nước quản lý nhưng đang có tranh chấp khiếu kiện thì không thuộc diện nhà để bán.

2. Tiền thu được từ việc bán nhà phải được sử dụng vào việc xây dựng quỹ nhà mới theo quy hoạch ở các thành phố, khu đô thị để cho thuê hoặc bán cho cán bộ và nhân dân.

3. Xây dựng một số nhà công vụ, đặc biệt ở Thủ đô Hà Nội, để có nhà ở cho cán bộ được điều động về Hà Nội công tác có nhu cầu bức thiết về nhà ở.

4. Đề nghị Chính phủ chủ trì bàn với các ban, ngành liên quan và thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh... để triển khai thực hiện chính sách này. Chú ý giải thích rõ chính sách với mọi đối tượng trước khi thực hiện.

T/M THƯỜNG VỤ BỘ CHÍNH TRỊ

PHẠM THẾ DUYỆT

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
Ý KIẾN CỦA THƯỜNG VỤ BỘ CHÍNH TRỊ
Số 108-TB/TW, ngày 14 tháng 2 năm 1998
Về việc xây dựng khu nghỉ ngơi, giải trí
(có sân golf) tại xã Kim Nỗ, huyện Đông Anh,
Hà Nội

Ngày 10-2-1998, Thường vụ Bộ Chính trị đã nghe Thường vụ Thành ủy và Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội báo cáo về việc xây dựng khu nghỉ ngơi, giải trí (có sân golf) tại xã Kim Nỗ, huyện Đông Anh, Hà Nội.

Thường vụ Bộ Chính trị có ý kiến như sau:

1. Khu đô thị Bắc Thăng Long là một bộ phận quan trọng trong quy hoạch tổng thể Thủ đô Hà Nội bao gồm đồng bộ các khu công nghiệp, khu dân cư, dịch vụ và nghỉ ngơi, giải trí đã được Bộ Chính trị tán thành, Thủ tướng Chính phủ đã có quyết định cho xây dựng (Quyết định số 559/TTg, ngày 23-9-1995).

Thực hiện quyết định của Thủ tướng Chính phủ, thành phố Hà Nội và huyện Đông Anh cùng Đảng bộ và chính quyền, nhân dân xã Kim Nỗ đã làm được một số việc để giải phóng mặt bằng. Đến nay đã có 446/548 hộ nhận tiền đền bù

giải phóng mặt bằng và tiền hỗ trợ (bằng 81,3% tổng số hộ trong phạm vi quỹ đất thuộc dự án). Tuy vậy trong bước đầu giải phóng mặt bằng, thành phố còn tỏ ra nóng vội, chưa đi sát chỉ đạo huyện, xã thực hiện chính sách đền bù cho dân nên dễ xảy ra một số vấp vấp, thiếu sót làm ảnh hưởng không tốt đến dư luận, dự án chậm được triển khai. Thành ủy và Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội cần nghiêm túc rút kinh nghiệm.

2. Trong quá trình tiếp tục triển khai khu đô thị Bắc Thăng Long (trong đó có sân golf Kim Nỗ) cần chuẩn bị kỹ đề án, triển khai thận trọng từng bước; xúc tiến sớm các dự án khu công nghiệp, khu dân cư, dịch vụ theo quy hoạch. Nếu tiến hành làm trước khu nghỉ ngơi giải trí (có sân golf) thì phải được hầu hết nhân dân hiểu và đồng tình; không dùng mệnh lệnh hành chính để giải phóng mặt bằng. Cần coi trọng biện pháp tư tưởng, tiếp tục tuyên truyền sâu rộng chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước trong nhân dân (nhất là còn trên 100 hộ dân thôn Thọ Đa, xã Kim Nỗ chưa nhận tiền đền bù) để nhân dân hiểu rõ lợi ích trước mắt và lâu dài của việc thực hiện dự án đối với quốc gia gắn với quyền lợi thiết thực của nhân dân địa phương. Cán bộ lãnh đạo chủ chốt (đảng, chính quyền, Mặt trận, đoàn thể) của thành phố và huyện Đông Anh trực tiếp đến gặp gỡ trao đổi, thuyết phục nhân dân, lắng nghe tâm tư nguyện vọng chính đáng và quan tâm đến quyền lợi của nhân dân như: mức đền bù, giải quyết việc làm cho người lao động của các hộ có đất giao cho dự án, xây dựng các công trình phúc lợi tại địa phương, làm cho đời sống của nhân dân trong vùng dự án được ổn định và ngày càng nâng cao.

3. Củng cố và nâng cao khả năng lãnh đạo, điều hành của các tổ chức đảng, chính quyền, đoàn thể xã Kim Nỗ và thôn Thọ Đa. Phát huy quyền làm chủ của nhân dân để phát triển kinh tế - xã hội, giữ gìn trật tự kỷ cương và đoàn kết nội bộ giữa nhân dân với cán bộ, chính quyền cơ sở; giữa các thôn, đội.

Những cán bộ, đảng viên có khuyết điểm trong quá trình thực thi nhiệm vụ phải được kiểm điểm, xử lý đúng mức. Kiên trì giáo dục, thuyết phục đối với những người gây rối, quá khích hoặc lợi dụng tình hình để vi phạm pháp luật, nếu cố tình vi phạm thì phải nghiêm khắc xử lý; đồng thời có sự khoan hồng cho người vi phạm pháp luật biết hối cải.

4. Thành ủy, Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội cần phối hợp chặt chẽ với các ban, ngành, đoàn thể Trung ương có liên quan chỉ đạo, tổ chức tốt việc triển khai dự án, không được để xảy ra những điều gì đáng tiếc.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

PHẠM THẾ DUYỆT

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

CHỈ THỊ CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 30-CT/TW, ngày 18 tháng 2 năm 1998

Về xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở

1. Mở rộng dân chủ xã hội chủ nghĩa, phát huy quyền làm chủ của nhân dân là mục tiêu, đồng thời là động lực bảo đảm cho thắng lợi của cách mạng, của công cuộc đổi mới.

Những năm qua, Đảng và Nhà nước ta đã ban hành nhiều chính sách đổi mới về kinh tế, chính trị, xã hội, phát huy một bước quyền làm chủ của nhân dân, nhờ đó đã đạt được những thành tựu to lớn trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc.

Tuy nhiên, nhìn chung, quyền làm chủ của nhân dân còn bị vi phạm ở nhiều nơi, trên nhiều lĩnh vực; tệ quan liêu, mệnh lệnh, cửa quyền, tham nhũng, sách nhiễu, gây phiền hà cho dân vẫn đang phổ biến và nghiêm trọng mà chúng ta chưa đẩy lùi, ngăn chặn được. Phương châm "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra" chưa được cụ thể hóa và thể chế hoá thành luật pháp, chậm đi vào cuộc sống.

Như Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa VIII) (tháng 6-1997) đã nhấn mạnh,

lúc này để giữ vững và phát huy được bản chất tốt đẹp của Nhà nước ta, phải phát huy quyền làm chủ của dân, thu hút nhân dân tham gia quản lý nhà nước, tham gia kiểm kê, kiểm soát nhà nước, khắc phục tình trạng suy thoái, quan liêu, mất dân chủ và nạn tham nhũng.

Khâu quan trọng và cấp bách trước mắt là phát huy quyền làm chủ của nhân dân ở cơ sở, là nơi trực tiếp thực hiện mọi chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, là nơi cần thực hiện quyền dân chủ của nhân dân một cách trực tiếp và rộng rãi nhất.

Muốn vậy, Nhà nước cần ban hành *Quy chế dân chủ ở cơ sở* có tính pháp lý, yêu cầu mọi người, mọi tổ chức ở cơ sở đều phải nghiêm chỉnh thực hiện. Quy chế dân chủ cần được xây dựng cho từng loại cơ sở xã, phường, doanh nghiệp, bệnh viện, trường học, viện nghiên cứu, cơ quan hành chính, v.v., phù hợp với đặc điểm của từng loại cơ sở.

2. Việc xây dựng Quy chế dân chủ ở cơ sở cần quán triệt *những quan điểm chỉ đạo sau*:

- Đặt việc phát huy quyền làm chủ của nhân dân ở cơ sở trong cơ chế tổng thể của hệ thống chính trị "Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ". Coi trọng cả ba mặt nói trên, không vì nhấn một mặt mà coi nhẹ, hạ thấp các mặt khác.

- Vừa phát huy tốt chế độ dân chủ đại diện, nâng cao chất lượng và hiệu lực hoạt động của Quốc hội, Chính phủ, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các cấp, vừa thực hiện tốt chế độ dân chủ trực tiếp ở cấp cơ sở để nhân dân bàn bạc và quyết định trực tiếp những công việc quan trọng thiết thực, gắn liền với lợi ích của mình.

- Phát huy dân chủ phải gắn liền với phát triển kinh tế - xã hội và nâng cao dân trí, tạo điều kiện mở rộng dân chủ có chất lượng và hiệu quả.

- Nội dung các quy chế phát huy dân chủ ở cơ sở phải phù hợp với Hiến pháp, pháp luật, thể hiện tinh thần dân chủ đi đôi với kỷ cương, trật tự, quyền hạn gắn với trách nhiệm, lợi ích đi đôi với nghĩa vụ; chống quan liêu, mệnh lệnh, đồng thời chống tình trạng vô chính phủ, lợi dụng dân chủ vi phạm pháp luật.

- Gắn quá trình xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ với công tác cải cách hành chính, sửa đổi những cơ chế, chính sách về thủ tục hành chính không phù hợp.

3. Nội dung Quy chế dân chủ ở cơ sở cần chú trọng làm rõ những vấn đề sau:

- Quy định quyền của mọi người dân ở cơ sở được thông tin về pháp luật, các chủ trương, chính sách của Nhà nước, nhất là những vấn đề liên quan trực tiếp đến đời sống và lợi ích hằng ngày của nhân dân tại cơ sở; có chế độ và hình thức báo cáo công khai trước dân công việc của chính quyền, cơ quan, đơn vị về sản xuất và phân phối, về việc sử dụng công quỹ, tài sản công, về thu, chi tài chính, các khoản đóng góp của dân, quyết toán các công trình xây dựng cơ bản, chế độ thu và sử dụng học phí, viện phí...

- Có quy chế và các hình thức để nhân dân, cán bộ, công chức ở cơ sở được bàn bạc và tham gia ý kiến vào các chủ trương, chính sách, nhiệm vụ công tác chuyên môn, công tác cán bộ... của chính quyền, cơ quan, đơn vị; kết quả ý kiến đóng góp phải được xem xét, cân nhắc khi chính quyền hoặc thủ trưởng ra quyết định.

- Có quy định về việc để nhân dân bàn và quyết định dân chủ đối với những loại việc liên quan trực tiếp đến đời sống của nhân dân trên địa bàn (như chủ trương huy động sức dân để xây dựng kết cấu hạ tầng và các công trình phúc lợi, các khoản đóng góp và lập các loại quỹ trong khuôn khổ pháp luật...); chính quyền, thủ trưởng cơ quan, đơn vị tổ chức thực hiện theo ý kiến của đa số nhân dân, có sự giám sát, kiểm tra của nhân dân.

- Hoàn thiện cơ chế để nhân dân, công nhân, cán bộ, công chức ở cơ sở trực tiếp và thông qua Mặt trận, các đoàn thể, ban thanh tra nhân dân kiểm tra, giám sát hoạt động của chính quyền, thủ trưởng cơ quan, đơn vị; kết quả thanh tra, kiểm tra, giám sát của nhân dân phải được tiếp thu nghiêm túc.

- Mở rộng các hình thức tổ chức tự quản để nhân dân, công nhân, cán bộ, công chức tự bàn bạc và thực hiện trong khuôn khổ pháp luật những công việc mang tính xã hội hóa, có sự hỗ trợ của chính quyền, cơ quan, đơn vị (như việc xây dựng hương ước, quy ước làng văn hóa, xây dựng tổ hòa giải, tổ an ninh, phong trào vệ sinh - môi trường, đền ơn đáp nghĩa, giúp đỡ người nghèo, v.v.).

- Xác định rõ trách nhiệm và tổ chức tốt việc tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và trả lời thắc mắc của nhân dân, công nhân, công chức ở cơ sở, chính quyền, cơ quan, đơn vị mình, nghiêm cấm mọi hành vi trù dập người khiếu nại, tố cáo.

- Xác định trách nhiệm của tổ chức chính quyền, thủ trưởng cơ quan, đơn vị cơ sở định kỳ (ba tháng, sáu tháng, một năm) báo cáo công việc trước dân, phải tự phê bình và tổ

chức để nhân dân, công nhân, cán bộ, công chức ở cơ sở góp ý kiến, đánh giá, phê bình; nghiêm túc tiếp thu những ý kiến đóng góp đó.

4. Về phương châm, phương pháp thực hiện, cần chú ý:

Tổ chức đảng và đảng viên phải gương mẫu, đi đầu trong việc thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở. Tổ chức đảng phải làm cho đảng viên thông suốt; đảng viên, nhất là các đảng viên có chức vụ trong chính quyền phải gương mẫu tự phê bình và phê bình nghiêm túc trong đảng bộ và trong nhân dân.

- Phải làm từng bước vững chắc, không làm lướt, ô ạt. Cấp ủy cấp trên trực tiếp chỉ đạo điểm, rút kinh nghiệm, bồi dưỡng cán bộ rồi mới triển khai mở rộng.

- Qua tự phê bình trong nội bộ và qua phê bình nhận xét của nhân dân, biểu dương những cán bộ, đảng viên tốt, gương mẫu và xử trí những cán bộ, đảng viên có sai phạm. Việc xử trí cán bộ, đảng viên sai phạm phải nghiêm minh, có lý có tình, lấy giáo dục làm chính. Những người đã sai phạm nếu thành khẩn kiểm điểm và tích cực sửa chữa thì được xem xét giảm nhẹ hình thức kỷ luật; nếu ngoan cố hoặc tái phạm thì phải xử trí nghiêm khắc hơn.

5. Để tổ chức thực hiện Chỉ thị này, cần làm những việc sau:

- Ban Cán sự Đảng Chính phủ cùng Đảng đoàn Quốc hội chỉ đạo các ban, ngành liên quan tập trung nghiên cứu xây dựng và ban hành các quy chế dân chủ, trước mắt cho ba loại cơ sở là xã (thị trấn, phường), doanh nghiệp nhà nước và cơ quan hành chính sự nghiệp. Dựa vào quy chế của ba loại cơ sở trên sẽ nghiên cứu, vận dụng thích hợp để xây dựng và ban hành tiếp quy chế phát huy dân chủ cho tất cả các loại hình cơ sở khác.

- Trước mắt có thể ban hành các quy chế nói trên dưới hình thức nghị định của Chính phủ, qua một thời gian thực hiện sẽ rút kinh nghiệm, hoàn chỉnh các quy chế và xem xét việc nâng lên thành pháp lệnh hoặc luật.

- Các tỉnh ủy, thành ủy tổ chức quán triệt Chỉ thị và các thiết chế dân chủ cơ sở do Nhà nước ban hành cho các đảng bộ cơ sở, có kế hoạch triển khai thực hiện và đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện ở địa phương.

Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố có thể có thêm những quy định chi tiết sát với đặc điểm tình hình của các loại cơ sở trong địa phương và phù hợp với những quy định trong Quy chế dân chủ cơ sở do Nhà nước ban hành.

- Các bộ, các chính quyền tỉnh, thành phố cần rà soát, điều chỉnh, bổ sung những quy định hiện hành cho phù hợp với Quy chế dân chủ cơ sở như về: các thủ tục hành chính, Quy chế làm việc của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân xã, Quy chế về trưởng thôn, Quy chế tiếp dân, giải quyết đơn thư của dân, hướng dẫn xây dựng hương ước, Quy ước làng văn hóa, v.v..

Nghiên cứu sửa đổi, bổ sung *Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân* theo tinh thần Chỉ thị.

- Phải kiện toàn đảng bộ và chính quyền cơ sở trong sạch, vững mạnh để tự giác và nghiêm túc thực hiện Chỉ thị. Mặt khác, qua việc thực hiện dân chủ ở cơ sở mà sàng lọc, chỉnh đốn tổ chức đảng và chính quyền trong sạch, vững mạnh.

- Mặt trận và các đoàn thể nhân dân tuyên truyền, giáo dục rộng rãi trong hội viên, đoàn viên và nhân dân Chỉ thị này và các quy chế dân chủ ở cơ sở. Làm cho mọi người hiểu

và sử dụng đúng các quyền của mình đã quy định trong Quy chế dân chủ cơ sở, đồng thời chấp hành đầy đủ trách nhiệm, nghĩa vụ công dân. Mặt trận và các đoàn thể phối hợp với chính quyền trong việc thực hiện và giám sát thực hiện các quy chế dân chủ ở cơ sở.

- Các ban của Trung ương Đảng có trách nhiệm kiểm tra việc thực hiện trên những lĩnh vực và ở những ngành được phân công theo dõi.

- Các đồng chí Ủy viên Trung ương, các ban thường vụ tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương, các ban cán sự đảng, đảng đoàn trực tiếp chỉ đạo thực hiện Chỉ thị này trong phạm vi mình phụ trách và định kỳ báo cáo kết quả với Bộ Chính trị.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
TỔNG BÍ THƯ
LÊ KHẢ PHIÊU

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
Ý KIẾN KẾT LUẬN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ
Số 110-TB/TW, ngày 23 tháng 2 năm 1998
Về một số vấn đề về tổ chức của Bộ Nội vụ

Sau khi xem xét báo cáo và kiến nghị của Đảng ủy Công an Trung ương và lãnh đạo Bộ Nội vụ về một số vấn đề về tổ chức của Bộ Nội vụ, Bộ Chính trị đã có ý kiến kết luận như sau:

1. Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ và tổ chức của Bộ Nội vụ, đồng ý đổi tên Bộ Nội vụ thành Bộ Công an.

Một số nhiệm vụ hiện nay Bộ Nội vụ đang đảm nhiệm nhưng không thuộc chức năng của lực lượng Công an nhân dân thì Chính phủ nghiên cứu chuyển cho các cơ quan khác phù hợp.

Chính phủ báo cáo để Quốc hội cho ý kiến quyết định về việc đổi tên Bộ Nội vụ.

2. Để phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và thuận tiện trong việc giao dịch, đồng ý đổi tên Tổng cục Phản gián thành Tổng cục An ninh trực thuộc Bộ trưởng Công an.

3. Đồng ý thành lập Tổng cục Khoa học - Kỹ thuật và Công nghệ trực thuộc Bộ trưởng Công an để thống nhất việc

quản lý, chỉ đạo thực hiện công tác khoa học - kỹ thuật, công nghệ và môi trường trong lực lượng Công an nhân dân. Việc thành lập Tổng cục Khoa học - Kỹ thuật và Công nghệ trực thuộc Bộ phải đáp ứng tốt hơn yêu cầu công tác nghiệp vụ của các lực lượng trong toàn ngành.

4. Đồng ý giữ nguyên tổ chức Bộ Tư lệnh cảnh vệ trực thuộc Bộ trưởng Công an. Bộ Tư lệnh cảnh vệ được xác định ngang cấp sư đoàn của quân đội. Tư lệnh cảnh vệ do Bộ trưởng Công an quyết định bổ nhiệm.

5. Đối với hai trường Đại học An ninh nhân dân và Đại học Cảnh sát nhân dân; Đảng ủy Công an Trung ương bàn với Ban Cán sự Đảng Bộ Giáo dục và Đào tạo nếu thấy có đầy đủ các tiêu chuẩn và điều kiện để nâng lên thành Học viện An ninh nhân dân và Học viện Cảnh sát nhân dân thì trình Chính phủ quyết định.

6. Thành lập đồn công an là đơn vị cơ sở của tổ chức công an trực thuộc công an quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh. Đồn công an được thành lập ở các thành phố, thị xã, các khu chế xuất, các cụm công nghiệp tập trung, những trọng điểm phức tạp về an ninh, trật tự, chủ yếu làm các nhiệm vụ cơ động chiến đấu và tiến hành các biện pháp nghiệp vụ đấu tranh chống tội phạm, giữ gìn an ninh, trật tự. Biên chế cán bộ, chiến sĩ đồn công an lấy từ biên chế công an phường và quận... Không làm tăng thêm biên chế của lực lượng Công an nhân dân.

Trước mắt, cần làm thí điểm lập đồn công an ở một số thành phố trọng điểm để rút kinh nghiệm, sau đó mới triển khai ở các địa phương khác.

7. Công an phường cần tổ chức thật gọn, tập trung làm

nhiệm vụ chủ yếu là quản lý nhà nước về an ninh, trật tự ở cơ sở, quản lý nhân khẩu, hộ khẩu, làm nòng cốt trong việc vận động nhân dân tham gia phong trào bảo vệ an ninh, phong trào tự quản ở cơ sở.

Ban Cán sự Đảng Chính phủ, Đảng ủy Công an Trung ương chịu trách nhiệm thực hiện các kết luận trên đây của Bộ Chính trị phù hợp với luật pháp của Nhà nước.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

PHẠM THẾ DUYỆT

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
Ý KIẾN KẾT LUẬN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ
Số 111-TB/TW, ngày 4 tháng 3 năm 1998
Về tình hình tỉnh Thái Bình

Ngày 14-2-1998, Bộ Chính trị đã nghe Tổ công tác của Bộ Chính trị tại Thái Bình báo cáo về tình hình giải quyết việc khiếu kiện của nhân dân ở tỉnh Thái Bình trong thời gian qua.

Bộ Chính trị có ý kiến kết luận như sau:

1. Thái Bình là tỉnh giàu truyền thống cách mạng, nhân dân Thái Bình đã có những đóng góp xứng đáng vào sự nghiệp đấu tranh bảo vệ và xây dựng Tổ quốc. Sau hơn 10 năm thực hiện đường lối đổi mới, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được cải thiện rõ rệt, bộ mặt nông thôn Thái Bình đã thay đổi hẳn. Song trong những năm gần đây đã xuất hiện tình trạng bất bình của nhân dân dẫn đến việc khiếu kiện tập thể ở nhiều nơi tới các cơ quan của Đảng và chính quyền các cấp, đối tượng bị khiếu kiện chủ yếu là cán bộ cấp xã (237/285 xã, phường chiếm 83% tổng số xã, phường có khiếu kiện, trong đó có 57 xã tình hình khiếu kiện nghiêm trọng và rất nghiêm trọng).

2. Bản chất, nội dung việc khiếu kiện của nhân dân trong tỉnh nói chung là đúng. Nhưng do các cấp ủy đảng, chính quyền các cấp của tỉnh thiếu nghiêm túc xem xét, giải quyết ngay từ đầu nên đã để tình hình ngày càng diễn biến phức tạp. Số phần tử xấu lợi dụng việc khiếu kiện của nhân dân ở một số xã và lợi dụng việc "chống tham nhũng" để kích động, tổ chức thành các đoàn đông người kéo lên trụ sở chính quyền xã, huyện, tỉnh gây rối, đòi hỏi những yêu sách vô lý. Có nơi họ còn dùng thủ đoạn nham hiểm, lôi kéo cả gia đình thuộc diện chính sách để gây rối và vi phạm pháp luật.

Lợi dụng tình hình này, ở bên ngoài, lực lượng thù địch đua nhau công kích Đảng và Nhà nước, muốn nhân cơ hội này kích động nhân dân chống lại Đảng, Nhà nước và chế độ ta.

3. Để xảy ra tình trạng khiếu kiện tập thể gay gắt ở Thái Bình là do những sai lầm trong lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh, trước hết trách nhiệm thuộc về Thường vụ Tỉnh ủy và Thường trực Ủy ban nhân dân tỉnh trong công tác xây dựng đảng, xây dựng bộ máy nhà nước.

Lãnh đạo tỉnh không sát thực tế, đề ra chủ trương đầu tư quá sức dân, chạy theo thành tích, tự ban hành hoặc buông lỏng quản lý để cấp dưới tùy tiện đề ra nhiều quy định thu của dân trái với chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Có nhiều sai phạm về công tác cán bộ, về thực hiện quyền làm chủ của nhân dân ở cơ sở, làm cho dân xa Đảng. Khi sự việc xảy ra thì do tư tưởng chủ quan, tự mãn và quan liêu nên đã mất khả năng nhạy bén về chính trị, cùng với những sai phạm về phẩm chất của một số cán bộ chủ chốt nên vừa tránh né, buông trôi, vừa nóng

vội, không dám nhìn thẳng vào sự thật, không dám nhận trách nhiệm trước dân, đánh giá sai nguyên nhân của tình hình, dẫn đến lúng túng, bị động, có nơi phạm sai lầm trong quá trình xem xét, xử lý; ở nhiều cơ sở đã để mất ngọn cờ lãnh đạo, mất lòng tin của dân.

Mặt khác, để xảy ra tình hình nghiêm trọng kéo dài ở Thái Bình còn có một phần trách nhiệm của Bộ Chính trị và Chính phủ; thể hiện rõ nhất là tình trạng quan liêu, không nắm được thực chất tình hình, đánh giá bố trí cán bộ chủ chốt của tỉnh vừa qua chưa đúng.

4. Từ giữa năm 1997, nhất là từ cuối tháng 10-1997, sau khi nghe các cơ quan chức năng báo cáo, Bộ Chính trị đã đề ra một số chủ trương, biện pháp, thay đổi và sắp xếp lại một số cán bộ chủ chốt của tỉnh nhằm sớm giải quyết ổn định tình hình. Với sự giúp đỡ của Tổ công tác của Bộ Chính trị tại Thái Bình, Thường vụ Tỉnh ủy đã lãnh đạo triển khai đồng bộ, có hiệu quả các mặt công tác tư tưởng, thanh tra, kiểm tra tài chính, địa chính, nội chính... nhờ đó tình hình Thái Bình đã bước đầu ổn định, khiếu kiện của nhân dân đã lắng dịu, tổ chức đảng, chính quyền và các đoàn thể ở những cơ sở khó khăn đã hoạt động trở lại, nhân dân đã bắt đầu tin vào việc Đảng quyết tâm giải quyết những vấn đề khiếu kiện đúng đắn của mình.

Thời gian tới Tỉnh ủy cần tập trung lãnh đạo, chỉ đạo việc phê bình và tự phê bình trong nội bộ và trước nhân dân, giải quyết tiếp những vấn đề còn tồn tại trong dân, thanh tra kết luận sớm những vụ việc phức tạp (như cho con nuôi, viện trợ nhân đạo, ruộng đất...). Chính phủ cần chỉ đạo các ngành có

liên quan tìm biện pháp hỗ trợ tỉnh xử lý một số khoản nợ trước đây vay của dân để xây dựng công trình.

5. Sự việc vừa qua ở Thái Bình là nghiêm trọng, kéo dài, để lại hậu quả rất nặng nề. Ở các địa phương khác những biểu hiện sai phạm tương tự như Thái Bình cũng đã xuất hiện. Vì vậy, việc tổng kết để rút ra bài học sâu sắc về các vấn đề bảo đảm quyền dân chủ của dân, xây dựng hệ thống chính trị ở nông thôn (bộ máy cán bộ đảng, chính quyền, đoàn thể...), thực hiện liên minh công nông trong cách mạng xã hội chủ nghĩa... là rất cần thiết. Bộ Chính trị giao Ban Tổ chức Trung ương, Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương và Ban Dân vận Trung ương phối hợp với Tổ công tác của Bộ Chính trị sớm đi sâu nghiên cứu tổng kết đầy đủ vấn đề này để phổ biến, rút kinh nghiệm trong cả nước.

Các ban đảng có liên quan, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể quần chúng như Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Nông dân Việt Nam, Hội Cựu chiến binh Việt Nam cần liên hệ để rút ra bài học sâu sắc về công tác tham mưu, chỉ đạo và công tác vận động quần chúng. Các cơ quan thuộc Chính phủ như Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài chính, Tổng cục Địa chính, Thanh tra, Công an... tổ chức rút kinh nghiệm về công tác chỉ đạo, quản lý theo chức năng của mình.

6. Bộ Chính trị nhất trí với báo cáo của Tổ công tác về tình hình Thái Bình. Xét thấy tình hình ở Thái Bình còn cần có sự giúp đỡ, chỉ đạo của Tổ công tác, Bộ Chính trị quyết định duy trì Tổ công tác đến khi Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình được bổ sung đủ cán bộ, đảm nhiệm được mọi hoạt động bình thường của tỉnh. Khi Tổ công tác kết thúc nhiệm

vụ, một số ban, ngành có liên quan ở Trung ương cần tiếp tục giúp tỉnh giải quyết dứt điểm những vấn đề còn tồn tại để tỉnh nhanh chóng ổn định và phát triển.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

PHẠM THẾ DUYỆT

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
QUYẾT ĐỊNH CỦA BỘ CHÍNH TRỊ
 Số 112-TB/TW, ngày 10 tháng 3 năm 1998
Về việc bổ sung Quy định số 12-QĐ/TW,
ngày 19-11-1996 "về việc đình chỉ sinh hoạt đảng
của đảng viên, đình chỉ sinh hoạt cấp ủy
của cấp ủy viên, đình chỉ hoạt động
của tổ chức đảng"

Căn cứ vào tình hình thực tế, xét đề nghị của Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Bộ Chính trị quyết định bổ sung Quy định số 12-QĐ/TW, ngày 19-11-1996 "về việc đình chỉ sinh hoạt đảng của đảng viên, đình chỉ sinh hoạt cấp ủy của cấp ủy viên, đình chỉ hoạt động của tổ chức đảng" như sau:

Trường hợp thật đặc biệt, ngoài các điều kiện đã quy định, đối với các vụ án phức tạp, trong quá trình điều tra thấy có dấu hiệu liên quan đến trách nhiệm cá nhân hoặc có những dấu hiệu vi phạm nghiêm trọng khác đang trong quá trình kiểm tra đối với cấp ủy viên là cán bộ chủ chốt từ cấp tỉnh, thành trở lên thì Bộ Chính trị quyết định đình chỉ chức vụ mà cán bộ đó đang đảm nhiệm.

Sau khi kết thúc điều tra, kiểm tra nếu cán bộ đó vi

phạm pháp luật hoặc vi phạm đến mức phải thi hành kỷ luật thì xử lý như quy định; nếu không vi phạm hoặc vi phạm không đến mức cách chức thì khôi phục lại các chức vụ đã đình chỉ hoặc bố trí làm công tác khác.

Xin thông báo các đồng chí biết.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

PHẠM THẾ DUYỆT

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
Ý KIẾN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ
Số 114-TB/TW, ngày 19 tháng 3 năm 1998
Về dự án *Luật khiếu nại, tố cáo*

Tại phiên họp ngày 14-3-1998, sau khi nghe Đảng đoàn Quốc hội trình bày một số vấn đề về dự án *Luật khiếu nại, tố cáo*, Bộ Chính trị đã có ý kiến chỉ đạo như sau:

1. Đồng ý chuyển *Pháp lệnh khiếu nại, tố cáo* thành Luật nhằm tạo cơ sở pháp lý cao, góp phần giải quyết có hiệu quả khiếu nại, tố cáo của nhân dân. Nội dung của Luật này phải thể hiện được các quan điểm của Nghị quyết Hội nghị Trung ương 3 (khóa VIII) đối với vấn đề khiếu nại, tố cáo:

- Tạo thuận lợi để người dân trình bày ý nguyện, thực hiện quyền khiếu nại, tố cáo của mình; đồng thời ngăn chặn những hành vi lợi dụng quyền khiếu nại, tố cáo để xuyên tạc, vu khống, gây rối.

- Xác định rõ trách nhiệm của thủ trưởng cơ quan nhà nước trong việc giải quyết khiếu nại, tố cáo của nhân dân; phân định rõ hơn trách nhiệm của cơ quan thanh tra và tòa án hành chính.

- Tăng cường công tác giám sát và kiểm tra của cấp trên

đối với cấp dưới trong việc giải quyết khiếu tố của cấp dưới. Xử lý nghiêm minh các hành vi trì hoãn, chậm trễ, làm sai lệch, can thiệp trái pháp luật hoặc lẩn tránh trách nhiệm đối với việc giải quyết khiếu nại, tố cáo.

Luật khiếu nại, tố cáo liên quan trực tiếp đến quyền cơ bản của công dân, do vậy cần tổng hợp đầy đủ ý kiến các tầng lớp nhân dân đóng góp vào dự luật; trên cơ sở đó, Quốc hội thảo luận và cân nhắc kỹ, nếu đủ điều kiện thì thông qua tại kỳ họp thứ 3; nếu còn nhiều điểm chưa rõ thì chuẩn bị tiếp để thông qua tại kỳ họp Quốc hội lần sau.

2. Về một số vấn đề cụ thể của nội dung dự luật

- Dự luật mở rộng chủ thể quyền khiếu nại gồm mọi cá nhân, cơ quan, tổ chức là cần thiết; trong đó, bao gồm cả cá nhân, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam.

- Xác định thanh tra nhà nước cấp tỉnh và Tổng Thanh tra Nhà nước là cấp có quyền giải quyết khiếu nại.

- Về nguyên tắc, cấp giải quyết khiếu nại cuối cùng là Thủ tướng Chính phủ, đối với các lĩnh vực mà luật chuyên ngành đã quy định Bộ trưởng là cấp giải quyết cuối cùng thì thực hiện theo quy định đó.

- Không nên quy định: "khi khiếu nại lên người có thẩm quyền giải quyết lần thứ hai thì người khiếu nại phải cam đoan không khởi kiện vụ việc tại tòa án". Cần xác định là: sau khi đã có quyết định giải quyết cuối cùng (trừ quyết định giải quyết cuối cùng là quyết định của Thủ tướng Chính phủ) và ngay cả trong quá trình giải quyết ở các cấp dưới, người khiếu nại có thể khởi kiện vụ án hành chính tại tòa án theo quy định của pháp luật tố tụng.

- Về nghĩa vụ nộp lệ phí của người khiếu nại, cần được tiếp tục nghiên cứu; hiện nay chưa nên quy định vấn đề này.

- Đồng ý với dự luật quy định: "Người tố cáo gửi đến hoặc trực tiếp trình bày với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền. Trong đó tố cáo phải ghi rõ họ tên, địa chỉ người tố cáo, nêu rõ nội dung sự việc, họ tên, địa chỉ, chức vụ người bị tố cáo kèm theo các bằng chứng về vụ việc mà mình tố cáo". Nhưng, các cơ quan có thẩm quyền khi nhận được thư tố cáo khuyết danh, mạo danh, nên coi đó là nguồn tin để phát hiện vi phạm.

- Đối với những khiếu nại, tố cáo liên quan đến tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp cần nghiên cứu kỹ để quy định rõ những việc áp dụng theo luật này và những việc nội bộ thuộc trách nhiệm xử lý theo điều lệ của các tổ chức trên.

Trên cơ sở ý kiến chỉ đạo trên và ý kiến của các đồng chí Bộ Chính trị trong phiên họp này, Đảng đoàn Quốc hội và Ban Cán sự Đảng Chính phủ chỉ đạo chỉnh lý lại dự án để trình Quốc hội xem xét quyết định.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

PHẠM THẾ DUYỆT

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
Ý KIẾN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ
Số 117-TB/TW, ngày 19 tháng 3 năm 1998
Về dự *Luật tài nguyên nước* và dự án
Pháp lệnh cảnh sát biển

Tại phiên họp Bộ Chính trị ngày 13 và ngày 14-3-1998, sau khi nghe Đảng đoàn Quốc hội trình bày một số điểm của dự *Luật tài nguyên nước* và dự án *Pháp lệnh cảnh sát biển*, Bộ Chính trị có ý kiến chỉ đạo như sau:

I- Về dự án *Luật tài nguyên nước*

1. Đồng ý với ý kiến của Đảng đoàn Quốc hội về các vấn đề nêu trong Tờ trình số 85/ĐĐQH (khóa X), ngày 11-3-1998 và việc trình dự án Luật này để Quốc hội xem xét thông qua tại kỳ họp thứ ba.

2. Về nội dung cụ thể, dự luật cần làm rõ thêm một số điểm sau đây:

- Đối với nước biển, cần nói rõ ngoài vùng nước biển áp dụng theo *Luật tài nguyên nước*, các vùng nước biển còn lại thuộc phạm vi điều chỉnh của các luật khác.

- Về phạm vi điều chỉnh, chú ý cả hai mặt: khai thác,

sử dụng mặt lợi của nước và ngăn chặn, phòng chống các tác hại do nước gây ra.

- Cần có quy định trong Luật để làm cơ sở cho việc đàm phán với các nước láng giềng có chung nguồn nước với ta.

- Quy định cụ thể hơn về việc chống lấn chiếm, đề phòng ô nhiễm ở hồ nước kiến tạo và nhân tạo, nhất là các hồ nước trong các đô thị.

II- *Pháp lệnh lực lượng cảnh sát biển*

1. Đồng ý với đề nghị của Đảng đoàn Quốc hội về việc sớm ban hành Pháp lệnh về cảnh sát biển nhằm tạo cơ sở pháp lý để xây dựng lực lượng chuyên trách (lực lượng cảnh sát biển), tăng cường quản lý nhà nước về an ninh, trật tự, kiểm tra, kiểm soát việc chấp hành pháp luật trên biển.

Nội dung của pháp lệnh phải quán triệt các quan điểm chỉ đạo của Bộ Chính trị về chiến lược phát triển kinh tế biển; những quy định về phạm vi hoạt động, thẩm quyền của lực lượng cảnh sát biển phải phù hợp với Hiến pháp, pháp luật hiện hành của Nhà nước ta và Công ước của Liên hợp quốc về *Luật biển 1982*.

2. Đồng ý với ý kiến của Đảng đoàn Quốc hội nêu trong tờ trình về việc quy định mức phạt tiền đối với hành vi vi phạm trên biển và quyền được nổ súng của cán bộ, chiến sĩ cảnh sát biển.

3. Về quản lý nhà nước đối với lực lượng cảnh sát biển, Chính phủ thống nhất quản lý, không chia cắt theo đơn vị hành chính, do vậy không nên phân cấp cho Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (như Điều 25 quy định).

4. Hoạt động trên biển có tính phức tạp và nhạy cảm trong quan hệ quốc tế, do vậy cần có quy định về sự phối hợp giữa các lực lượng hoạt động trên biển của ta, trên cơ sở xác định rõ ràng về chức năng, nhiệm vụ và phạm vi hoạt động của từng lực lượng; quy định sự phối hợp với các nước láng giềng trong việc chống tội phạm trên biển.

Việc triển khai lực lượng cảnh sát biển là công việc mới, Ban Cán sự Đảng Chính phủ chỉ đạo Bộ Quốc phòng và các ngành có liên quan phải chuẩn bị chu đáo về lực lượng, phương tiện và đào tạo cán bộ.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

PHẠM THẾ DUYỆT

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
Ý KIẾN CỦA THƯỜNG VỤ BỘ CHÍNH TRỊ
Số 123-TB/TW, ngày 21 tháng 3 năm 1998
Về xử lý thanh toán nợ giai đoạn II

Sau khi nghe Ban Cán sự Đảng Chính phủ báo cáo đề án xử lý thanh toán nợ giai đoạn II, Thường vụ Bộ Chính trị có ý kiến chỉ đạo như sau:

1. Đồng ý về nguyên tắc chủ trương triển khai thực hiện tổng thanh toán nợ giai đoạn II theo nội dung nêu trong tờ trình ngày 19-3-1998 của Ban Cán sự Đảng Chính phủ.

2. Trong quá trình chỉ đạo thực hiện cần lưu ý một số vấn đề sau đây:

a) Để làm tốt việc tổng thanh toán công nợ giai đoạn II cần phân tích và xác định rõ nguyên nhân chủ quan, khách quan và trách nhiệm cụ thể của từng đơn vị, cá nhân trong việc làm phát sinh nợ nần dây dưa, quá hạn, mất khả năng thanh toán và thất thoát tài sản.

Phải căn cứ vào tính chất và nội dung các khoản nợ để phân loại cho phù hợp với từng đối tượng theo nguyên tắc:

- Loại nợ do nguyên nhân khách quan, cho xóa nợ.
- Loại nợ do nguyên nhân chủ quan, phải căn cứ vào

tình hình thực tế của các đối tượng nợ để có phương hướng và biện pháp xử lý, cụ thể là:

+ Nếu đối tượng có khả năng trả nợ thì phải tự trả nợ. Nhà nước tạo điều kiện thuận lợi giúp đối tượng đó hoạt động sản xuất kinh doanh có hiệu quả để thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

+ Đối với các đối tượng không có khả năng trả nợ thì Chính phủ chỉ đạo việc phân loại và giải quyết từng trường hợp cụ thể.

b) Do tính chất phức tạp của các khoản nợ giai đoạn II, việc kê khai, xác nhận nợ và phân tích nguyên nhân phải đầy đủ, trung thực, chính xác, khách quan, công bằng giữa các doanh nghiệp, không được lợi dụng chủ trương này để hợp pháp hóa các khoản nợ phát sinh do tiêu cực, tham nhũng và làm nảy sinh tiêu cực mới.

Chính phủ cần tổ chức hội nghị với các cấp, các ngành, các đối tượng có liên quan để công khai hóa các khoản nợ, xác định phương hướng và biện pháp xử lý từng khoản và rút ra những bài học kinh nghiệm trong sự quản lý của Nhà nước ở các cấp, các ngành và của các doanh nghiệp. Đồng thời cần hoàn thiện các cơ chế vay nợ, thanh toán, bảo lãnh để hạn chế tối đa việc phát sinh công nợ dây dưa, quá hạn trong nền kinh tế.

c) Rút kinh nghiệm việc xử lý thanh toán nợ giai đoạn II, cần có biện pháp xử lý kịp thời những khoản nợ mới phát sinh từ năm 1991 đến nay, không để tồn đọng kéo dài.

T/M THƯỜNG VỤ BỘ CHÍNH TRỊ
PHẠM THẾ DUYỆT

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
Ý KIẾN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ
Số 120-TB/TW, ngày 25 tháng 3 năm 1998
Về sửa đổi, bổ sung một số điều
của *Luật khuyến khích đầu tư trong nước*

Sau khi nghe Đảng đoàn Quốc hội báo cáo về dự thảo luật sửa đổi, bổ sung một số điều của *Luật khuyến khích đầu tư trong nước*, Bộ Chính trị có ý kiến như sau:

1. *Việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật khuyến khích đầu tư trong nước* phải nhằm tiếp tục tạo môi trường pháp lý thuận lợi, khuyến khích các thành phần kinh tế bỏ vốn đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh, góp phần phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm thực hiện bình đẳng, đồng bộ các chính sách, biện pháp khuyến khích, ưu đãi đầu tư trong nước với đầu tư nước ngoài tại Việt Nam; đặc biệt là các chính sách ưu đãi về thuế, đất đai, mặt bằng sản xuất kinh doanh phải tạo động lực mới thúc đẩy mạnh hơn việc huy động các nguồn lực trong nước, khuyến khích mạnh dạn bỏ vốn đầu tư phát triển vào những ngành và lĩnh vực khuyến khích phát triển, vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc... góp phần đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh

tế, đẩy mạnh xuất khẩu, đổi mới công nghệ, thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và tăng cường hội nhập kinh tế giữa nước ta với các nước trong khu vực và thế giới; cụ thể hóa những định hướng và giải pháp về phát huy mạnh mẽ nội lực của nền kinh tế theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 4 (khóa VIII).

2. Về đối tượng, phạm vi áp dụng

Luật khuyến khích đầu tư trong nước sửa đổi mở rộng thêm đối tượng "Bên nước ngoài" được phép đầu tư bằng hình thức góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp trong nước đang hoạt động hoặc cùng thành lập công ty mới với mức thấp hơn 30% vốn điều lệ của doanh nghiệp được thành lập, hoạt động theo *Luật công ty* là cần thiết trong điều kiện hiện nay. Về nguyên tắc, Bộ Chính trị đồng ý mở rộng thêm đối tượng áp dụng "Bên nước ngoài" để phát triển doanh nghiệp trong nước. Tuy nhiên, việc mở rộng thêm đối tượng áp dụng là "Bên nước ngoài" có thể phát sinh những vấn đề phức tạp mà ta chưa có kinh nghiệm và điều kiện quản lý chặt chẽ. Vì vậy, trước mắt giao cho Chính phủ nghiên cứu và áp dụng thí điểm việc cho "Bên nước ngoài" đầu tư góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp trong nước đang hoạt động hoặc thành lập công ty mới với mức thấp hơn 30% vốn điều lệ.

3. Đối với các giải pháp hỗ trợ và ưu đãi đầu tư

Việc sửa đổi, bổ sung *Luật khuyến khích đầu tư trong nước* phải theo hướng cụ thể hóa các giải pháp hỗ trợ và ưu đãi đầu tư trên cơ sở quán triệt Nghị quyết Trung ương 4 (khóa VIII). Đồng thời phải tính đến khả năng bổ sung, sửa đổi của *Luật đất đai* và việc áp dụng *Luật thuế giá trị gia tăng*, *Luật thuế thu nhập doanh nghiệp* trong thời gian tới.

- Trong điều kiện hiện nay luật cần quy định việc doanh nghiệp được giao đất hoặc được thuê đất, được bảo đảm về quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật về đất đai. Đồng thời, Chính phủ tổ chức thí điểm việc giao cho một số doanh nghiệp được sử dụng đầy đủ 5 quyền đối với đất đai đã được giao hoặc thuê, qua đó rút kinh nghiệm để sửa đổi, bổ sung *Luật đất đai*.

- Các ưu đãi về thuế quy định trong dự thảo luật là một trong những giải pháp có tác dụng trực tiếp nhất để khuyến khích nhà đầu tư bỏ vốn sản xuất, kinh doanh vào những ngành nghề, lĩnh vực và địa bàn mà Nhà nước cần khuyến khích phát triển. Luật cần quy định rõ ràng, cụ thể mức ưu đãi về thuế cả về thời gian miễn thuế và thời gian giảm thuế theo các tiêu thức xác định được hưởng ưu đãi của từng ngành, nghề và từng địa bàn cụ thể (ngang bằng với đầu tư nước ngoài, tạo môi trường đầu tư, kinh doanh bình đẳng). Chủ trương tăng thêm thời gian miễn thuế, giảm thuế để thu hút vốn đầu tư vào các vùng khó khăn, vùng sâu, vùng xa và ngành nghề, lĩnh vực cần khuyến khích phát triển là hoàn toàn phù hợp với tinh thần Nghị quyết Trung ương 4. Nếu thấy cần thiết có thể sửa đổi, bổ sung các luật thuế đã ban hành, để bảo đảm *Luật khuyến khích đầu tư trong nước* (sửa đổi) đi vào cuộc sống.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

PHẠM THẾ DUYỆT

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
Ý KIẾN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 121-TB/TW, ngày 25 tháng 3 năm 1998

**Về sửa đổi, bổ sung các dự án *Luật thuế tiêu thụ đặc biệt; Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu*
và *Luật ngân sách nhà nước***

Sau khi nghe Đảng đoàn Quốc hội báo cáo một số vấn đề về sửa đổi, bổ sung các *Luật thuế tiêu thụ đặc biệt; Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu* và *Luật ngân sách nhà nước*, Bộ Chính trị có ý kiến như sau:

1. Việc sửa đổi, bổ sung các luật thuế và luật ngân sách phải bảo đảm tính đồng bộ và thống nhất của hệ thống pháp luật về thuế, tháo gỡ khó khăn, tạo điều kiện cho sản xuất phát triển, hướng mạnh vào xuất khẩu, nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế; đồng thời góp phần vào việc điều tiết tiêu dùng trong xã hội, giảm khuynh hướng đi vào xã hội tiêu dùng; phục vụ thiết thực cho việc nước ta tham gia vào một số tổ chức kinh tế, tài chính quốc tế và khu vực; hạn chế những ảnh hưởng tiêu cực của cuộc khủng hoảng tài chính - tiền tệ đối với nền kinh tế nước ta; bảo đảm cho nền kinh tế phát triển ổn định và bền vững, phát huy mạnh mẽ

nội lực của nền kinh tế theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 4 (khóa VIII).

2. Đối với việc sửa đổi *Luật thuế tiêu thụ đặc biệt*: Khi quy định đối tượng chịu thuế, giá tính thuế và thuế suất tiêu thụ đặc biệt phải bảo đảm sự đồng bộ, nhất quán và kết hợp chặt chẽ với *Luật thuế giá trị gia tăng*; *Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu*, nhằm bảo hộ hợp lý hàng hóa sản xuất trong nước theo tinh thần bảo hộ có điều kiện, có chọn lọc và có thời hạn, hạn chế việc nhập khẩu các mặt hàng cao cấp, xa xỉ không cần thiết (ô tô, xe máy, điều hòa, rượu, bia, thuốc lá, bài lá, vàng mã...), khuyến khích tiêu dùng hàng sản xuất trong nước và tăng cường xuất khẩu, bảo đảm mức động viên hợp lý vào ngân sách nhà nước, tránh tình trạng lạm thu và bỏ sót nguồn thu.

Đồng ý quy định thuế suất thuế tiêu thụ đặc biệt chung cho cả ô tô nhập khẩu và lắp ráp trong nước để bảo đảm công bằng trong cạnh tranh, điều tiết tiêu dùng đối với mặt hàng này. Tuy nhiên cần quy định cụ thể việc giảm thuế có thời hạn cho các cơ sở lắp ráp ô tô trong nước để tiêu thụ nội địa, miễn thuế hoàn toàn đối với ô tô lắp ráp trong nước để xuất khẩu.

Cần đưa vào diện chịu thuế tiêu thụ đặc biệt mặt hàng bài lá, vàng mã là những sản phẩm không khuyến khích tiêu dùng, cân nhắc kỹ việc đưa vào diện chịu thuế đối với đầu video - camera, catset loại có sử dụng đĩa từ, băng hình hiện đã được sử dụng tương đối phổ biến hiện nay.

3. Đối với dự án *Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu* (sửa đổi): Việc sửa đổi *Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu* lần này nhằm mục đích đẩy nhanh tiến trình hội nhập, thực

hiện từng bước những cam kết quốc tế và khu vực về thuế quan mà ta đã ký kết tham gia (AFTA, EU...) hoặc chuẩn bị tham gia (APEC, WTO...), góp phần đẩy mạnh lưu thông hàng hóa trong nước và quốc tế, tạo những điều kiện thuế quan thuận lợi nhất cho xuất khẩu và nhập khẩu những mặt hàng phục vụ sản xuất và tiêu dùng cần thiết trong nước. Đơn giản các mức thuế suất bảo đảm dễ hiểu, dễ thực hiện; công khai hóa thủ tục hải quan; bảo đảm thu đúng, thu đủ và nhanh gọn thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, chống buôn lậu, tiêu cực và trốn thuế, chiếm dụng thuế, nợ đọng thuế của Nhà nước.

Đồng ý việc quy định các loại thuế suất: thuế suất thông thường; thuế suất ưu đãi; thuế suất ưu đãi đặc biệt theo tờ trình của Đảng đoàn Quốc hội. Việc áp dụng thuế suất bổ sung giao cho Chính phủ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định phù hợp với từng thời kỳ.

Về thời hạn nộp thuế, nơi kê khai và nộp thuế cần có những quy định phù hợp với điều kiện đa số các doanh nghiệp xuất, nhập khẩu của nước ta là thiếu vốn và ít vốn, phù hợp với các loại hàng hoá xuất nhập khẩu, tránh gây ách tắc trong khâu nộp thuế và đưa hàng vào nội địa; đồng thời cần có quy định chặt chẽ kiểm soát tình trạng trốn thuế, gian lận thương mại, chiếm dụng tiền thuế, nợ đọng thuế gây thất thu cho ngân sách nhà nước.

4. Đối với việc sửa đổi, bổ sung *Luật ngân sách nhà nước*: Phải góp phần chuẩn bị tốt việc thực hiện *Luật thuế giá trị gia tăng*, *Luật thuế thu nhập doanh nghiệp*, bảo đảm ổn định nguồn thu cho các địa phương và khuyến khích chính quyền địa phương các cấp tăng cường quản lý thu thuế trên địa bàn

để chủ động điều hành ngân sách thực hiện các nhiệm vụ chi. Đồng thời việc phân cấp lại nguồn thu giữa các cấp ngân sách cần tạo điều kiện để tăng thu cho ngân sách địa phương nhưng không được làm thất thu ngân sách trung ương. Việc quy định cụ thể các nguồn thu 100% của mỗi cấp ngân sách, các khoản thu phân chia theo tỷ lệ giữa các cấp ngân sách và số bổ sung từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới trong dự án luật sửa đổi, bổ sung của *Luật ngân sách nhà nước* phải căn cứ vào tính chất các nguồn thu và nhiệm vụ chi của các cấp ngân sách để trình Quốc hội xem xét, quyết định.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

PHẠM THẾ DUYỆT

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
KẾT LUẬN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ
Số 122-TB/TW, ngày 25 tháng 3 năm 1998
Về việc đấu thầu dự án nhiệt điện Phả Lại II

Ngày 23 và ngày 24-3-1998, sau khi nghe Thường vụ Bộ Chính trị, Ban Cán sự Đảng Chính phủ, Đảng đoàn Quốc hội và các cơ quan chức năng báo cáo về quá trình đấu thầu dự án nhiệt điện Phả Lại II, Bộ Chính trị đã thảo luận và kết luận:

1. Việc mời thầu, xét thầu, chọn thầu dự án nhiệt điện Phả Lại II đã được Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo chặt chẽ qua nhiều bước đúng với quy định của pháp luật Việt Nam và tổ chức tài trợ của Nhật Bản, thực hiện đúng các kết luận của Thường vụ Bộ Chính trị.

Bộ Chính trị tán thành việc Chính phủ chỉ đạo Bộ Công nghiệp giao Tổng Công ty Điện lực Việt Nam ký kết chính thức với nhà thầu Sumitomo xây dựng nhà máy Nhiệt điện Phả Lại II. Ban Cán sự Đảng Chính phủ chỉ đạo tổ chức thực hiện chặt chẽ các bước tiếp theo trong suốt quá trình triển khai thực hiện dự án này.

2. Đối với những ý kiến đề nghị của các chuyên gia, hoặc những thư khiếu nại, tố cáo trong quá trình đấu thầu dự án

niệt điện Phả Lại II, Bộ Chính trị giao Ban Cán sự Đảng Chính phủ chỉ đạo các cơ quan chức năng tiếp tục xem xét, nghiên cứu hoặc điều tra xác minh, thanh tra để có kết luận. Trường hợp phát hiện thấy bất kỳ tổ chức hoặc cá nhân nào có vi phạm đều phải được xử lý nghiêm minh theo quy định của pháp luật.

Tiếp tục tập trung chỉ đạo việc củng cố Tổng Công ty Điện lực Việt Nam về mọi mặt; đồng thời tiến hành kiểm tra, thanh tra giải quyết những tồn đọng để Tổng Công ty đủ sức hoàn thành nhiệm vụ.

3. Chính phủ cần chỉ đạo rà soát lại quy chế đấu thầu, rút kinh nghiệm để bổ sung, sửa đổi kịp thời để đưa công tác này đi vào nền nếp, tiến tới việc ban hành luật về đấu thầu.

Bộ Chính trị thông báo để các đồng chí biết.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

PHẠM THẾ DUYỆT

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
Ý KIẾN CỦA THƯỜNG VỤ BỘ CHÍNH TRỊ
Số 119-TB/TW, ngày 26 tháng 3 năm 1998
Về việc viết lịch sử kháng chiến chống Pháp
của quân và dân khu Tả Ngạn Sông Hồng

Tại phiên họp ngày 20-3-1998, Thường vụ Bộ Chính trị đồng ý với đề nghị của đồng chí Đỗ Mười, Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng, về việc nghiên cứu và viết "Lịch sử kháng chiến chống Pháp của quân và dân khu Tả Ngạn Sông Hồng". Đồng ý lập Hội đồng chỉ đạo do đồng chí Đỗ Mười, nguyên Bí thư Khu ủy, kiêm Chủ tịch Ủy ban kháng chiến hành chính khu và Chính ủy Bộ tư lệnh khu Tả Ngạn Sông Hồng làm Chủ tịch; có bộ phận biên tập giúp việc. Thành viên của Hội đồng chỉ đạo và bộ phận biên tập do đồng chí Đỗ Mười quyết định.

Kinh phí để làm việc này do Hội đồng chỉ đạo lập dự trù với tinh thần tiết kiệm và được ngân sách của Đảng và Nhà nước cấp. Trong khi chờ làm thủ tục xét duyệt kinh phí, Ban Tài chính - Quản trị Trung ương tạm cấp một khoản kinh phí ban đầu.

Cần viết xong cuốn sử này trong vòng vài ba năm.

Các ban, ngành và các tỉnh ủy, thành ủy có liên quan tạo điều kiện để việc viết cuốn sử này đạt kết quả và đúng tiến độ.

Xin thông báo các đồng chí biết.

T/L THƯỜNG VỤ BỘ CHÍNH TRỊ

CHÁNH VĂN PHÒNG

TRẦN ĐÌNH HOAN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
KẾT LUẬN CỦA THƯỜNG VỤ BỘ CHÍNH TRỊ
Số 124-TB/TW, ngày 27 tháng 3 năm 1998
Về việc tổng kết 10 năm thực hiện Chỉ thị 14
của Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa VI
về công tác của Hội Chữ thập đỏ Việt Nam

Ngày 24-3-1998, sau khi nghe đại diện Đảng đoàn Hội Chữ thập đỏ Việt Nam báo cáo về tổng kết 10 năm thực hiện Chỉ thị 14-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa VI "Về việc củng cố tổ chức, phát huy tác dụng tích cực của Hội Chữ thập đỏ Việt Nam", Thường vụ Bộ Chính trị đã thảo luận và kết luận như sau:

1. Nhất trí với báo cáo tổng kết của Đảng đoàn Hội Chữ thập đỏ Việt Nam về kết quả 10 năm thực hiện Chỉ thị 14-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa VI.
2. Từ khi thành lập đến nay, Hội Chữ thập đỏ Việt Nam ngày càng phát triển và trưởng thành, đã có những đóng góp to lớn trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Đặc biệt trong 10 năm thực hiện Chỉ thị 14-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa VI) hoạt động của Hội Chữ thập đỏ Việt Nam và sự nghiệp nhân đạo đã có những chuyển biến, tiến bộ:

Đã tạo được sự chuyển biến về nhận thức và trách nhiệm của nhiều cấp ủy đảng, chính quyền, mặt trận, đoàn thể, cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân về vị trí, vai trò và hoạt động của Hội Chữ thập đỏ và sự nghiệp nhân đạo. Tổ chức của Hội được củng cố, kiện toàn và phát triển nhanh cả về số lượng và chất lượng. Hoạt động của Hội tuy còn có khó khăn, nhưng Hội đã phát huy tính tích cực, chủ động phấn đấu vươn lên đã đạt nhiều kết quả thiết thực. Hội đã tập hợp ngày càng đông đảo, rộng rãi các tầng lớp nhân dân tham gia hoạt động nhân đạo, từ thiện, mở rộng quan hệ đối ngoại, tranh thủ viện trợ quốc tế. Hoạt động của Hội đã góp phần thực hiện tốt chính sách nhân đạo của Đảng và Nhà nước, khơi dậy và phát huy đạo lý, truyền thống nhân ái tốt đẹp của dân tộc Việt Nam, được nhân dân ghi nhận và ngày càng trở thành nhu cầu của quần chúng.

Bước vào thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, các cấp ủy đảng cần tập trung chỉ đạo thực hiện tốt những nhiệm vụ sau:

a) Tiếp tục quán triệt và thực hiện tốt Chỉ thị 14-CT/TW và các văn bản của Đảng về công tác Chữ thập đỏ, nâng cao nhận thức và trách nhiệm của các ngành, các cấp và quần chúng nhân dân về việc phát huy truyền thống nhân ái, nhân đạo của dân tộc. Các cấp ủy đảng tăng cường lãnh đạo Hội Chữ thập đỏ thông qua đảng đoàn và tổ chức đảng, định kỳ nghe báo cáo và cho ý kiến về định hướng hoạt động của Hội; chỉ đạo các cấp chính quyền, các ban, ngành, đoàn thể phối hợp và tạo các điều kiện cần thiết cho Hội hoạt động; huy động cán bộ, đảng viên gương mẫu tham gia hoạt động nhân đạo, thông qua đó để làm tốt công tác quần chúng, tạo

niềm tin của quần chúng đối với Đảng, với chế độ. Coi trọng việc sơ kết, tổng kết, phát hiện những nhân tố mới, những bất hợp lý để bổ sung hoàn thiện các chính sách đối với Hội.

b) Kiện toàn tổ chức Hội Chữ thập đỏ đủ sức làm tham mưu giúp cấp ủy đảng và nhất là tổ chức Hội cơ sở làm nòng cốt trong công tác nhân đạo.

c) Tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của Hội theo hướng xã hội hóa, đa dạng hóa, công khai, dân chủ, đúng pháp luật. Tổ chức nhiều hình thức, biện pháp linh hoạt, sáng tạo, tạo dựng nhiều mô hình hoạt động, đáp ứng nhu cầu của cán bộ, hội viên và nhân dân, nhằm tăng cường khả năng thu hút, tập hợp nhân dân tham gia hoạt động nhân đạo, từ thiện. Hội cần tập trung thực hiện tốt các nhiệm vụ nhân đạo, từ thiện, chăm lo thiết thực đời sống và sức khỏe nhân dân, trợ giúp các đối tượng khó khăn, bất hạnh, nạn nhân chiến tranh, nhất là nạn nhân chất độc da cam. Hoạt động cứu trợ, giúp đỡ của Hội cần hướng vào việc tạo điều kiện để các đối tượng khó khăn, bất hạnh tự vươn lên hòa nhập vào cuộc sống cộng đồng.

d) Tăng cường và mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế của Hội nhằm tranh thủ sự giúp đỡ nhân đạo của phong trào Chữ thập đỏ quốc tế và các chính phủ, tổ chức phi chính phủ, các tổ chức quốc tế đối với nhân dân ta thông qua Hội Chữ thập đỏ Việt Nam. Nâng cao hiệu quả viện trợ, vừa thực hiện có kết quả theo chương trình, vừa gắn với việc thúc đẩy phong trào. Hội cần tích cực, chủ động tham gia hoạt động trong phong trào Chữ thập đỏ quốc tế, nhất là các nước trong khu vực, góp phần thực hiện tốt đường lối đối ngoại của Đảng trong thời kỳ mới.

đ) Hội Chữ thập đỏ nghiên cứu, tổng kết trình Chính phủ thể chế hóa các quan điểm chủ trương của Đảng về tổ chức hoạt động của Hội Chữ thập đỏ Việt Nam.

3. Đồng ý để Hội Chữ thập đỏ Việt Nam nhận đăng cai tổ chức hội nghị Chữ thập đỏ - Trăng lưỡi liềm đỏ châu Á - Thái Bình Dương tại Việt Nam vào năm 1998, nhưng phải chuẩn bị chu đáo, bảo đảm an toàn, hiệu quả.

4. Chính phủ nghiên cứu bố trí trụ sở cho Hội Chữ thập đỏ Việt Nam và quyết định lập Quỹ bảo trợ nạn nhân chất độc da cam trực thuộc Hội Chữ thập đỏ Việt Nam.

Hội Chữ thập đỏ Việt Nam nghiên cứu trình Chính phủ chế độ trích tỷ lệ kinh phí viện trợ, cứu trợ phục vụ hoạt động của Hội.

Các tỉnh ủy, thành ủy, các ban, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Trung ương căn cứ kết luận này triển khai thực hiện. Đảng đoàn Hội Chữ thập đỏ Việt Nam và Ban Dân vận Trung ương tổ chức triển khai, theo dõi việc thực hiện Kết luận này và định kỳ báo cáo Thường vụ Bộ Chính trị.

T/M THƯỜNG VỤ BỘ CHÍNH TRỊ

PHẠM THẾ DUYỆT

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

CHỈ THỊ CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 31-CT/TW, ngày 2 tháng 4 năm 1998

Về công tác sản xuất kinh doanh bổ sung ngân sách đảng

Sau 10 năm thực hiện Chỉ thị số 12-CT/TW, ngày 31-7-1987 của Ban Bí thư về tăng cường công tác tài chính đảng trong tình hình mới, ở Trung ương và các tỉnh, thành ủy trực thuộc Trung ương đã có hàng trăm doanh nghiệp làm nhiệm vụ tạo nguồn thu cho ngân sách đảng và góp phần phát triển kinh tế - xã hội, giải quyết việc làm cho hàng chục ngàn người. Lợi nhuận của doanh nghiệp ngày một tăng, đóng góp một phần vào ngân sách nhà nước, đồng thời là nguồn bổ sung vốn để mở rộng sản xuất, kinh doanh cho các doanh nghiệp của Đảng. Công tác quản lý sản xuất kinh doanh, quản lý tài chính trong các doanh nghiệp Đảng có tiến bộ.

Những kết quả đạt được gắn liền với sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng, sự hỗ trợ, giúp đỡ của các cơ quan chức năng nhà nước, sự nỗ lực của các doanh nghiệp của Đảng.

Tuy nhiên, kết quả kinh doanh đạt được vừa qua chưa

tương xứng với tiềm năng, thế mạnh thực có, trong quá trình thực hiện đã bộc lộ những yếu kém và khuyết điểm cả về phương hướng, cơ cấu sản xuất, kinh doanh và tổ chức quản lý điều hành. Số doanh nghiệp của Đảng kinh doanh kém hiệu quả và thua lỗ còn chiếm trên 11%, trong doanh nghiệp của Đảng đã nảy sinh một số vụ tiêu cực nghiêm trọng.

Ngày 28-2-1998, sau khi nghe Ban Tài chính - Quản trị Trung ương báo cáo về tình hình tổ chức sản xuất, kinh doanh bổ sung ngân sách đảng trong 10 năm qua, phương hướng nhiệm vụ sản xuất kinh doanh đến năm 2000, Bộ Chính trị đã kết luận và chỉ thị:

1. Về chủ trương tổ chức sản xuất kinh doanh bổ sung ngân sách đảng

Tiếp tục thực hiện chủ trương tổ chức sản xuất kinh doanh góp phần tạo nguồn thu cho ngân sách đảng; nhưng không đặt vấn đề tiến tới tự "trang trải được ngân sách của Đảng" như đã nêu trong Chỉ thị 12-CT/TW, mà chỉ nhằm bổ sung nguồn thu cho ngân sách đảng ở hai cấp trung ương và tỉnh, thành phố, phục vụ cho các yêu cầu chi đặc biệt theo quy định của cấp ủy. Các tỉnh, thành ủy và Ban Tài chính - Quản trị Trung ương phải chỉ đạo chặt chẽ các doanh nghiệp phải đảm bảo kinh doanh đúng đường lối, chính sách và pháp luật, đạt hiệu quả cao, giữ gìn uy tín của tổ chức đảng.

2. Định hướng sản xuất kinh doanh

- Trong những năm tới hoạt động kinh tế đảng cần tập trung vào các lĩnh vực kinh doanh ổn định, an toàn, có hiệu

quả, chủ yếu là sản xuất và xây dựng, xuất nhập khẩu gắn liền với sản xuất của bản thân doanh nghiệp. Chấm dứt kinh doanh thương mại đơn thuần. Cần khắc phục tình trạng đầu tư dàn trải trong những năm trước đây, tập trung dành vốn cho đầu tư chiều sâu, cải tạo, nâng cấp những cơ sở đã có. Trước mắt, tận dụng số nhà và biệt thự hiện có để cho thuê, không xây dựng thêm khách sạn mới.

- Trong năm 1998, các tỉnh, thành ủy và Ban Tài chính - Quản trị Trung ương phải tiến hành kiểm tra để sắp xếp lại các doanh nghiệp và ngành nghề kinh doanh. Đối với các doanh nghiệp có quy mô quá nhỏ, kinh doanh manh mún, phân tán, kinh doanh thương mại đơn thuần, thua lỗ, kém hiệu quả và khó khăn trong quản lý thì kiên quyết sắp xếp lại, sáp nhập, cổ phần hóa, chuyển sang nhà nước quản lý hoặc giải thể.

Những tỉnh, thành phố thực sự không có khả năng, điều kiện thì không tổ chức sản xuất kinh doanh, xây dựng ngân sách đảng. Không tổ chức sản xuất kinh doanh, xây dựng ngân sách đảng ở cấp quận, huyện.

- Về liên doanh với nước ngoài chủ yếu là củng cố những liên doanh đã có, không thành lập liên doanh mới, trường hợp thật cần thiết phải tính toán cân nhắc kỹ về hiệu quả kinh tế và phải xin ý kiến cấp trên.

- Các tỉnh, thành ủy, Ban Tài chính - Quản trị Trung ương phải khẩn trương lập kế hoạch về đào tạo, bồi dưỡng và điều động bổ sung cho các doanh nghiệp của Đảng những cán bộ có phẩm chất tốt, giỏi nghiệp vụ chuyên môn, kỹ thuật, ngoại ngữ và quản lý để thực hiện các định hướng sản xuất kinh doanh có hiệu quả cao nhất.

3. Về cơ chế quản lý và chính sách

- Mọi hoạt động của các doanh nghiệp của Đảng phải tuân theo pháp luật của Nhà nước, đồng thời những doanh nghiệp kinh doanh có hiệu quả cũng được Nhà nước xem xét cấp vốn lưu động và vay ngân hàng như các doanh nghiệp nhà nước.

- Hằng năm các doanh nghiệp của Đảng ngoài việc thực hiện các nghĩa vụ giao nộp cho ngân sách nhà nước trong quy định của pháp luật, các cơ quan tài chính đảng cấp trên của doanh nghiệp thu về ngân sách đảng khoản thu về sử dụng vốn, lãi các khoản doanh nghiệp vay từ nguồn vốn của Đảng và một phần lợi nhuận được trích theo tỷ lệ phần trăm (%) trên số lợi nhuận để lại trước khi doanh nghiệp trích lập ba quỹ. Nguồn thu này được dùng để bổ sung cho ngân sách đảng ở hai cấp trung ương và tỉnh, thành phố. Việc sử dụng khoản tiền này do cấp ủy quyết định, không đưa vào cân đối chi tiêu thường xuyên.

- Đối với những dự án đầu tư của các tỉnh, thành ủy và các tổng công ty trực thuộc Ban Tài chính - Quản trị Trung ương (được xây dựng trên cơ sở kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và nguồn vốn đầu tư theo Quyết định 247-CT, ngày 2-7-1992 của Chính phủ) đã hoàn thành nhưng còn nợ, hoặc đang làm dở dang do thiếu vốn đang phải đình lại, Nhà nước sẽ đầu tư bằng vốn tín dụng ưu đãi để tiếp tục hoàn thành; đồng thời xem xét miễn thuế một số năm khi công trình đưa vào sử dụng. Những dự án không mang tính chất kinh doanh như xây dựng trụ sở, nhà in báo đảng của các tỉnh, thành ủy, đặc biệt với những tỉnh mới tách, nếu thật cần thiết thì sẽ được giải quyết bằng vốn đầu tư xây

dựng cơ bản. Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì phối hợp với Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước và Ban Tài chính - Quản trị Trung ương hướng dẫn thực hiện việc này.

4. Về tổ chức và chỉ đạo

- Ở những tỉnh, thành phố có điều kiện tổ chức sản xuất kinh doanh xây dựng ngân sách đảng, thông qua ban tài chính - quản trị, cấp ủy phải chịu trách nhiệm chỉ đạo và quản lý chặt chẽ đối với hoạt động sản xuất kinh doanh, huy động và sử dụng tiết kiệm, có hiệu quả các nguồn lực trong các doanh nghiệp. Thường vụ tỉnh, thành ủy phải phân công một đồng chí phụ trách chỉ đạo công tác tài chính đảng và sản xuất kinh doanh của Đảng. Ban tài chính - quản trị được ủy quyền làm chủ sở hữu tài sản của Đảng, có trách nhiệm giúp cấp ủy nghiên cứu, phối hợp với các cơ quan chức năng của Nhà nước hướng dẫn các doanh nghiệp thực hiện sản xuất, kinh doanh theo đúng pháp luật của Nhà nước và những quy định của tài chính đảng. Cùng với ủy ban kiểm tra tỉnh, thành ủy và cơ quan chức năng nhà nước thực hiện sự kiểm tra, kiểm soát cần thiết đối với hoạt động của doanh nghiệp.

- Ban Tài chính - Quản trị Trung ương được ủy quyền làm chủ sở hữu tài sản của Đảng, quản lý trực tiếp hai tổng công ty trực thuộc, có trách nhiệm định hướng sản xuất kinh doanh, đề bạt, bổ nhiệm cán bộ chủ chốt của hai tổng công ty (theo *Luật doanh nghiệp* quy định), giao vốn cho hội đồng quản trị, hướng dẫn các tổng công ty thực hiện chế độ, chính sách của Đảng và Nhà nước, kiểm tra, kiểm soát hoạt động của các tổng công ty. Ngoài ra, Ban Tài chính - Quản trị

Trung ương còn có trách nhiệm hướng dẫn về chiến lược phát triển, định hướng sản xuất kinh doanh và việc vận dụng các chế độ, chính sách, cơ chế quản lý của Nhà nước cho các cấp ủy có kinh doanh xây dựng ngân sách đảng; phối hợp với Ủy ban Kiểm tra và các cơ quan chức năng nhà nước thực hiện việc kiểm tra, kiểm soát đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp trực thuộc cấp ủy địa phương.

- Cùng với việc chấn chỉnh quản lý các doanh nghiệp của Đảng, Ban Tài chính - Quản trị Trung ương và các cấp ủy đảng phải thực hiện đúng cơ chế quản lý tài chính của Đảng như Thông báo số 74-TB/TW, ngày 10-6-1997 và 85-TB/TW, ngày 6-8-1997 của Thường vụ Bộ Chính trị và Thông tư liên Bộ Tài chính - Ban Tài chính - Quản trị Trung ương số 04-TT/LB, ngày 24-9-1997, đảm bảo quản lý chặt chẽ ngân sách đảng, thực hành tiết kiệm, không phô trương hình thức, đồng thời phải từng bước đổi mới, nâng cấp cơ sở vật chất, điều kiện phương tiện làm việc và đi lại, đảm bảo phục vụ tốt mọi hoạt động đối nội, đối ngoại của Đảng, chú ý những địa phương khó khăn, nhất là miền núi, rẻo cao, vùng sâu, vùng xa. Phải chấp hành nghiêm chế độ báo cáo tài chính theo định kỳ và bất thường với cấp ủy địa phương và cơ quan tài chính cấp trên theo quy định của Điều lệ Đảng. Quá trình thực hiện cần tổng kết rút kinh nghiệm; chú ý nghiên cứu đề nghị bổ sung, điều chỉnh một số chế độ, chính sách tài chính đảng phù hợp với tình hình mới.

- Kiện toàn ban tài chính - quản trị các tỉnh, thành ủy theo Quyết định số 33-QĐ/TW, ngày 7-9-1992 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa VII) để giúp cấp ủy chỉ đạo công tác tài chính đảng, đồng thời quản lý tổ chức sản xuất kinh doanh

xây dựng ngân sách đảng. Những tỉnh, thành ủy không có ban tài chính - quản trị thì cấp ủy cần chỉ đạo văn phòng tỉnh, thành ủy bố trí đủ cán bộ làm chức năng cơ quan tài chính đảng, đảm bảo thực hiện tốt những nhiệm vụ nói trên.

Các cấp ủy đảng và các cấp, các ngành có liên quan của Đảng và Nhà nước có trách nhiệm thi hành Chỉ thị này.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

PHẠM THẾ DUYỆT

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG TRI
CỦA THƯỜNG VỤ BỘ CHÍNH TRỊ
Số 03-TT/TW, ngày 2 tháng 4 năm 1998
Về việc tăng cường lãnh đạo công tác
thể dục thể thao

Trong thời gian qua, thực hiện Chỉ thị 36-CT/TW, ngày 24-3-1994 của Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa VII, các cấp ủy đảng, chính quyền và đoàn thể đã có sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo đối với công tác thể dục thể thao. Phong trào thể dục thể thao của cả nước đã có bước phát triển tương đối toàn diện, cả về thể dục thể thao quần chúng và thể thao thành tích cao, về xây dựng tổ chức, cán bộ và tăng cường cơ sở vật chất của ngành thể dục thể thao.

Nhìn chung, công tác thể dục thể thao đã đem lại hiệu quả tích cực, góp phần nâng cao sức khỏe của nhân dân; xây dựng đời sống văn hóa, tinh thần, tạo thêm niềm phấn khởi và tự hào trong nhân dân, thu hút thanh thiếu niên vào những hoạt động rèn luyện, vui chơi lành mạnh.

Bên cạnh những tiến bộ, công tác thể dục thể thao còn nhiều khó khăn, yếu kém:

Phong trào thể dục thể thao quần chúng phát triển

chưa đều. Giáo dục thể chất trong trường học còn nhiều hạn chế. Thành tích trong nhiều môn thể thao còn thấp và chưa vững chắc. Công tác giáo dục chính trị, tư tưởng trong ngành thể dục thể thao chưa được coi trọng đúng mức. Trong thi đấu thể thao, đặc biệt là trong bóng đá, có nhiều biểu hiện tiêu cực. Cơ sở vật chất thể dục thể thao còn thiếu thốn và lạc hậu, nhiều trường học và địa bàn dân cư không có sân bãi tập luyện. Tổ chức ngành thể dục thể thao còn yếu, nhất là ở cấp quận, huyện và cơ sở. Nhiều tiềm năng của xã hội chưa được khai thác để phát triển thể dục thể thao.

Cấp ủy đảng và chính quyền ở nhiều địa phương chưa quan tâm đúng mức lãnh đạo và tạo điều kiện thuận lợi để phát triển thể dục thể thao.

Để đẩy mạnh công tác thể dục thể thao trong thời gian tới, Thường vụ Bộ Chính trị yêu cầu tổ chức đảng các cấp, các ngành, đoàn thể tiếp tục quán triệt và thực hiện tốt các quan điểm, mục tiêu và giải pháp lớn về công tác thể dục thể thao theo tinh thần Chỉ thị 36-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa VII. Trong lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện, cần chú trọng một số điểm sau đây:

1. Có biện pháp tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo phong trào thể dục thể thao quần chúng và thể thao thành tích cao. Mở rộng tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức về vai trò công tác thể dục thể thao đối với việc phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

2. Đa dạng hóa các hình thức tổ chức đào tạo vận động viên; coi trọng chất lượng toàn diện về chính trị, đạo đức, văn hóa và chuyên môn; nâng cao chất lượng và hiệu quả

đào tạo vận động viên của các trung tâm thể thao; thực hiện chủ trương từng bước chuyên nghiệp hóa trong một số môn thể thao.

3. Tiếp tục củng cố tổ chức ngành thể dục thể thao, nhất là xây dựng các tổ chức thể dục thể thao hoạt động theo nguyên tắc tự nguyện của nhân dân ở cơ sở xã, phường, thôn ấp. Tăng cường cán bộ cho ngành thể dục thể thao; tạo điều kiện thuận lợi về cơ sở vật chất, đặc biệt là trong các quy hoạch cần dành đất để xây dựng các trung tâm thể dục thể thao và các sân tập thể dục thể thao ở các địa bàn dân cư, các trường học, cơ quan, xí nghiệp.

4. Tăng cường giáo dục chính trị, tư tưởng, bồi dưỡng phẩm chất đạo đức thể thao, chống các biểu hiện tiêu cực trong hoạt động thể thao; chú trọng công tác xây dựng đảng, xây dựng tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh trong ngành thể dục thể thao, nhất là trong đội ngũ huấn luyện viên, vận động viên.

5. Ngành thể dục thể thao cần đẩy mạnh nghiên cứu và ứng dụng khoa học, công nghệ trong lĩnh vực thể dục thể thao; nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý, cán bộ khoa học, huấn luyện viên, giáo viên thể dục thể thao; tiếp tục đổi mới tổ chức, quản lý thể dục thể thao theo hướng xã hội hóa; triển khai thực hiện có hiệu quả chương trình thể thao quốc gia; xúc tiến xây dựng chiến lược phát triển thể dục thể thao đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

6. Các cấp ủy đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn các bộ, ngành, đoàn thể, trước hết là Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Y tế, Bộ Văn hóa - Thông tin, Bộ Nông nghiệp và Phát

triển nông thôn, Bộ Giao thông - Vận tải, Đảng ủy Quân sự Trung ương, Đảng ủy Công an Trung ương, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Nông dân Việt Nam, Hội Liên hiệp Phụ nữ có kế hoạch phối hợp với Ủy ban Thể dục Thể thao để tiếp tục thực hiện Chỉ thị 36-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa VII. Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương chỉ đạo các cơ quan thông tấn, báo chí mở rộng tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về thể dục thể thao, hướng dẫn và động viên đông đảo nhân dân tham gia tập luyện thể dục thể thao.

Ban Khoa giáo Trung ương và Ban Cán sự Đảng Ủy ban Thể dục Thể thao có trách nhiệm giúp Thường vụ Bộ Chính trị theo dõi, kiểm tra và định kỳ báo cáo tình hình thực hiện theo tinh thần Thông tri này.

T/M THƯỜNG VỤ BỘ CHÍNH TRỊ

PHẠM THẾ DUYỆT

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
KẾT LUẬN CỦA THƯỜNG VỤ BỘ CHÍNH TRỊ
Số 125-TB/TW, ngày 8 tháng 4 năm 1998
Về việc chuẩn bị văn kiện Đại hội IX của Đảng

Để chuẩn bị văn kiện Đại hội toàn quốc lần thứ IX của Đảng, được Bộ Chính trị đồng ý, Thường vụ Bộ Chính trị triển khai bước đầu việc chuẩn bị nghiên cứu những vấn đề cơ bản nội dung văn kiện Đại hội, làm rõ một bước các vấn đề lý luận và thực tiễn quan trọng cần đề cập trong dự thảo Báo cáo chính trị tại Đại hội IX của Đảng để trình Bộ Chính trị trong 6 tháng đầu năm 1999, trước khi Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII ra nghị quyết về triệu tập Đại hội và lập các Tiểu ban dự thảo văn kiện.

Để thực hiện nhiệm vụ nói trên, Thường vụ Bộ Chính trị lập Tiểu ban, do đồng chí Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu trực tiếp lãnh đạo và chỉ đạo. Tiểu ban gồm các đồng chí:

- Phạm Thế Duyệt, Ủy viên thường vụ, Thường trực Bộ Chính trị, Trưởng Tiểu ban.
- Nguyễn Đức Bình, Ủy viên Bộ Chính trị.
- Nguyễn Phú Trọng, Ủy viên Bộ Chính trị.
- Nguyễn Khánh, nguyên Phó Thủ tướng Chính phủ.

- Hồng Hà, nguyên Bí thư Trung ương Đảng, nguyên Trưởng ban Đối ngoại Trung ương.

- Trần Đình Hoan, Ủy viên Trung ương Đảng, Chánh Văn phòng Trung ương Đảng.

Bộ phận thường trực Tiểu ban gồm các đồng chí: Nguyễn Phú Trọng, Nguyễn Khánh, Hồng Hà.

Tiểu ban có nhiệm vụ:

- Bố trí để nghe các đồng chí Cố vấn: Đỗ Mười, Lê Đức Anh, Võ Văn Kiệt, các đồng chí Nguyễn Văn Linh, Phạm Văn Đồng, Võ Chí Công và các đồng chí nguyên là Ủy viên Bộ Chính trị, Ban Bí thư và một số đồng chí lão thành cách mạng phát biểu ý kiến về những vấn đề liên quan đến chuẩn bị văn kiện Đại hội IX.

- Phối hợp với các cơ quan có liên quan tổ chức nghiên cứu về những vấn đề về lý luận và thực tiễn quan trọng cần nêu trong dự thảo Báo cáo chính trị. Tổ chức việc thu thập ý kiến, tài liệu của các cấp ủy đảng, các ban ngành, các cơ quan nghiên cứu khoa học... về những vấn đề này.

- Chỉ đạo một số cấp ủy đảng và ban cán sự đảng, đảng đoàn tổng kết công cuộc đổi mới trong 15 năm qua thuộc lĩnh vực của mình.

Bộ phận thường trực Tiểu ban được quan hệ công tác với các cấp ủy đảng, các ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Trung ương, các cơ quan nghiên cứu khoa học, các trường đại học, được cung cấp thông tin cần thiết và được dự những cuộc họp của Bộ Chính trị có liên quan đến việc chuẩn bị nội dung văn kiện Đại hội Đảng, do Thường trực Bộ Chính trị quyết định.

Nơi làm việc của Tiểu ban đặt tại Văn phòng Trung ương

Đảng. Ban Tài chính - Quản trị Trung ương, Văn phòng Trung ương Đảng có trách nhiệm cung cấp các phương tiện làm việc của Tiểu ban và bộ phận thường trực của Tiểu ban.

T/M THƯỜNG VỤ BỘ CHÍNH TRỊ
TỔNG BÍ THƯ

LÊ KHẢ PHIÊU

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
Ý KIẾN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ
Số 126-TB/TW, ngày 8 tháng 4 năm 1998
Về tình hình kinh tế quý I-1998
và những giải pháp chỉ đạo thực hiện
kế hoạch năm 1998

Ngày 27-3-1998, sau khi nghe Ban Cán sự Đảng Chính phủ báo cáo về tình hình thực hiện kế hoạch quý I và những giải pháp điều hành trong các tháng tiếp theo của năm 1998, ý kiến của Ban Kinh tế Trung ương; Bộ Chính trị có ý kiến như sau:

1. Từ những tháng cuối năm 1997, cùng với những khó khăn do thiên tai gây ra, nền kinh tế nước ta đã bắt đầu chịu ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng tài chính, tiền tệ khu vực và thế giới. Trước những khó khăn đó, Chính phủ đã khẩn trương triển khai chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (khóa VIII), tập trung chỉ đạo giải quyết những ách tắc trong sản xuất kinh doanh, ban hành nhiều cơ chế, chính sách, khuyến khích đầu tư trong nước và đầu tư của nước ngoài, xử lý có hiệu quả vấn đề quản lý và điều hành tỷ giá ngoại tệ... Nhờ vậy, phần nào đã hạn chế được

khó khăn, duy trì được sự ổn định của nền kinh tế, tiếp tục phát triển nhiều lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh.

Tuy nhiên, qua 3 tháng đầu năm có một số vấn đề nổi lên cần được tập trung xử lý:

- Sản xuất nông nghiệp ở một số vùng gặp khó khăn do hạn hán, xâm mặn, dịch bệnh và nạn chuột phá hoại kéo dài, các biện pháp khắc phục chưa có kết quả cao, khả năng gây thiệt hại lớn; ngành hải sản gặp khó khăn trong việc tiêu thụ sản phẩm.

- Nhịp độ tăng trưởng sản xuất công nghiệp và nhất là mức tăng kim ngạch xuất khẩu chậm hơn cùng kỳ năm trước, sức cạnh tranh của hàng hóa kém, thị trường tiêu thụ sản phẩm bị thu hẹp cả ở trong nước và ngoài nước, sản lượng một số sản phẩm sút giảm nhiều, có loại buộc phải sản xuất cầm chừng và đang có chiều hướng giảm mạnh (phân đạm). Với tỷ giá ngoại tệ mới, số doanh nghiệp bị thua lỗ có thể tăng lên, lao động dôi dư, thất nghiệp sẽ nhiều hơn...

- Hoạt động kinh doanh của các ngành dịch vụ hàng không, du lịch đang gặp nhiều khó khăn, hiệu quả kinh doanh thấp. Thị trường bán lẻ hàng hóa kém sôi động so với cùng kỳ các năm trước.

- Tiến độ thu ngân sách chậm, nguồn thu ngân sách có khả năng giảm.

- Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản còn hạn hẹp, việc huy động các nguồn vốn đầu tư giảm sút và rất khó khăn, nhiều lĩnh vực có khả năng huy động thấp hơn năm trước; triển khai kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản bằng nguồn vốn ngân sách đến cơ sở còn chậm, hiện tượng dàn trải trong đầu tư xây dựng cơ bản vẫn chưa được khắc phục; vốn đầu tư

nước ngoài của các dự án mới tiếp nhận và vốn thực hiện dự án đều giảm.

Tình hình trên, nếu không có những giải pháp xử lý kịp thời, đúng đắn, có hiệu quả, sẽ ảnh hưởng tới việc thực hiện các mục tiêu kế hoạch năm 1998 và tới tốc độ tăng trưởng kinh tế trong những năm tiếp theo.

2. Bộ Chính trị tán thành với những giải pháp xử lý của Chính phủ và lưu ý một số vấn đề quan trọng sau đây:

a) Đến nay kế hoạch nhà nước năm 1998 mới chỉ thực hiện được một quý, còn chưa đủ thời gian để dự báo rõ được mức độ ảnh hưởng, tác động của khủng hoảng tài chính, tiền tệ đến khả năng thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội năm 1998, cũng như khai thác được những tiềm năng của nền kinh tế cho việc thực hiện mục tiêu đã đề ra, nên trong kỳ họp thứ 3 Quốc hội khóa X (tháng 4-1998) *chưa đặt vấn đề điều chỉnh kế hoạch*. Cần xem xét mọi khía cạnh để có sự phấn đấu cao nhất, khắc phục có hiệu quả những tác động tiêu cực nhằm thực hiện tốt các nhiệm vụ của năm 1998. Đồng thời cần báo cáo với Quốc hội những khó khăn, bất cập của nền kinh tế để khi cần thiết sẽ đề nghị Quốc hội xem xét lại các mục tiêu kinh tế - xã hội năm 1998 đã được Quốc hội thông qua. Căn cứ vào tình hình thực tiễn, Chính phủ tiếp tục chủ động có biện pháp điều chỉnh các cơ chế, chính sách cụ thể nhằm đảm bảo cho nền kinh tế vận hành một cách linh hoạt.

b) Cần chỉ đạo thực hiện các biện pháp để tháo gỡ khó khăn cho nền kinh tế, tập trung vào các vấn đề chủ yếu sau đây:

- Về đầu tư phát triển:

Rà soát lại dự án đầu tư ở tất cả các ngành, các cấp để

khắc phục bằng được việc bố trí vốn dàn trải, đảm bảo đầu tư tập trung cho những công trình đủ điều kiện, có hiệu quả và cho những phương hướng cần ưu tiên. Tập trung huy động và khai thác các nguồn thu để bù đắp phần vốn đầu tư bị sút giảm do khủng hoảng. Tăng thêm nguồn vốn tín dụng đầu tư dài hạn. Không giảm bớt phần vốn đầu tư từ ngân sách. Mở rộng hình thức mua chịu trả chậm đối với vật tư, thiết bị. Kịp thời bổ sung, sửa đổi các cơ chế, chính sách cụ thể để khuyến khích mọi người dân và tổ chức kinh tế tập trung vốn cho đầu tư phát triển (chính sách thuế, thí điểm chủ trương cho các doanh nghiệp được áp dụng đủ các quyền về sử dụng đất...).

- Về sản xuất:

Chỉ đạo kịp thời, nhạy bén các biện pháp để khắc phục ảnh hưởng của hạn hán, xâm mặn, dịch bệnh đối với sản xuất nông nghiệp, trước mắt là vụ đông xuân ở phía Bắc và vụ hè thu ở phía Nam.

Có giải pháp tập trung tháo gỡ khó khăn cho từng loại sản phẩm đang bị sút giảm nhiều như: sản xuất động cơ, chế biến gỗ, đóng tàu, may mặc, hàng điện tử...

Lưu ý việc khai thác, mở rộng thị trường nội địa, tạo điều kiện để sản xuất công nghiệp trong nước phát triển.

- Về xuất nhập khẩu và dịch vụ:

Cần tận dụng thời cơ, tính toán chặt chẽ, tranh thủ nhập các loại vật tư thiết bị rẻ mà ta có nhu cầu ở các nước đang bị khủng hoảng tài chính, tiền tệ.

Tiếp tục khai thác các thị trường khu vực châu Á để đẩy mạnh xuất khẩu một số loại nông sản phẩm (gạo, ngô...), mặt khác cần triển khai nhanh các biện pháp để

mở rộng thị trường mới sang các khu vực châu Âu, Bắc Mỹ, tháo gỡ khó khăn, ách tắc cho việc xuất khẩu các sản phẩm da giấy, may mặc, thịt... Với việc Mỹ bỏ áp dụng điều luật Giắcxơn Vanich, cần tổ chức lực lượng tiếp cận, chuẩn bị sẵn sàng các điều kiện thực hiện để thúc đẩy quan hệ kinh tế với Mỹ, khuyến khích người Việt Nam ở nước ngoài tham gia công việc này.

Có biện pháp chỉ đạo, điều hành nhạy bén việc xuất khẩu gạo để tranh thủ được các thị trường, các thời điểm có lợi về giá; đồng thời không làm tăng đột biến giá lương thực trong nước; có kế hoạch dự trữ để phòng khi có đột biến.

Đối với các nước ASEAN, có thể nghiên cứu thực hiện phương thức trao đổi lương thực lấy vật tư, phân bón.

Nâng cao năng lực vận tải hàng hóa của các phương tiện vận tải trong nước, nhất là năng lực vận tải biển đối với hàng hoá xuất nhập khẩu. Tập trung chỉ đạo xử lý ngay những vướng mắc và khó khăn về tổ chức và hoạt động của ngành hàng không. Tìm giải pháp để hạn chế sút giảm của ngành du lịch.

- Về tài chính, tiền tệ:

Thực hiện tốt chủ trương ưu tiên sử dụng các nguồn vốn cho đầu tư phát triển sản xuất. Mở rộng việc cho vay trung và dài hạn. Có cơ chế để thu vào ngân sách những khoản tiền được lợi nhờ nhập hàng giá rẻ. Thực hành nghiêm các biện pháp tiết kiệm và kiểm soát chặt chẽ chi tiêu ngân sách.

Kịp thời rút kinh nghiệm để bổ sung, hoàn thiện dần cơ chế nhà nước tập trung và thống nhất quản lý ngoại hối. Thường xuyên kiểm tra, rà soát các khoản nợ nước ngoài, đặc

biệt là nợ quá hạn. Ổn định tỷ giá ngoại tệ, chưa đặt vấn đề điều chỉnh tỷ giá.

Nghiên cứu việc điều chỉnh giảm lãi suất tiền gửi nội tệ cho phù hợp với tình hình mới.

Chuẩn bị các điều kiện để chỉ đạo việc hạch toán đúng giá thành sản phẩm trong các doanh nghiệp nhà nước.

- Về xã hội:

Chủ động theo dõi, nắm vững diễn biến tình hình mất việc làm và thiếu việc làm trong các cơ sở sản xuất thuộc các lĩnh vực, các địa bàn, các thành phần kinh tế để chủ động có biện pháp khắc phục và hỗ trợ, không để phát triển thành các vấn đề xã hội phức tạp.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

TỔNG BÍ THƯ

LÊ KHẢ PHIÊU

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
Ý KIẾN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 127-TB/TW, ngày 10 tháng 4 năm 1998

Về chương trình xây dựng pháp luật nhiệm kỳ
Quốc hội khoá X và Dự án *Pháp lệnh thuế*
tài nguyên (sửa đổi)

Tại phiên họp ngày 4-4-1998, sau khi nghe Đảng đoàn Quốc hội trình bày một số vấn đề về dự kiến chương trình xây dựng pháp luật nhiệm kỳ Quốc hội khoá X và Dự án *Pháp lệnh thuế tài nguyên (sửa đổi)*, Bộ Chính trị có ý kiến chỉ đạo như sau:

1. Về chương trình xây dựng pháp luật nhiệm kỳ
Quốc hội khoá X

- Việc Quốc hội thông qua chương trình xây dựng pháp luật toàn khóa là cần thiết và có ý nghĩa quan trọng nhằm thể chế hóa Cương lĩnh, Nghị quyết Đại hội VIII của Đảng, các nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương Đảng và cụ thể hóa các quy định của Hiến pháp năm 1992, góp phần thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

- Trên cơ sở tổng kết thực tiễn hoạt động lập pháp và tình hình thi hành pháp luật trong thời gian qua, rà soát các văn bản luật hiện có trên từng lĩnh vực để xác định những vấn đề cần phải ban hành văn bản pháp luật mới và những quy định hiện hành cần phải được bổ sung, sửa đổi.

- Xuất phát từ nhu cầu cấp bách của thực tiễn và điều kiện khả năng thực hiện mà xác định thứ tự ưu tiên trong chương trình xây dựng pháp luật; chú ý các luật về kinh tế, về quyền công dân và các luật điều chỉnh công cuộc cải cách bộ máy nhà nước. Sớm ban hành một số văn bản pháp luật phục vụ việc triển khai Nghị quyết Trung ương 4, như việc sửa đổi *Luật đất đai*, *Luật khuyến khích đầu tư trong nước*, *Luật đầu tư nước ngoài*...

Từ yêu cầu trên, Bộ Chính trị cho rằng chưa đủ cơ sở để trình Quốc hội thông qua chương trình xây dựng pháp luật toàn khóa tại kỳ họp thứ 3. Bộ Chính trị giao đồng chí Trần Đức Lương, đồng chí Nông Đức Mạnh thay mặt Bộ Chính trị chỉ đạo Ủy ban Pháp luật của Quốc hội, Bộ Tư pháp, Ban Nội chính Trung ương và các cơ quan có liên quan chuẩn bị lại chương trình xây dựng pháp luật nhiệm kỳ Quốc hội khóa X để trình Quốc hội thông qua tại kỳ họp thứ 4; rà soát lại chương trình xây dựng pháp luật 1998 để có sự điều chỉnh cần thiết phù hợp với yêu cầu trên.

Đảng đoàn Quốc hội và Ban Cán sự Đảng Chính phủ lãnh đạo việc rút kinh nghiệm để nâng cao chất lượng công tác xây dựng pháp luật từ việc chuẩn bị dự án, thẩm định, đến việc Quốc hội thảo luận quyết định để các kỳ họp của Quốc hội có thể xem xét và thông qua các dự án luật được nhanh chóng và có chất lượng cao. Đồng thời, xúc tiến việc

nghiên cứu, hoạch định chiến lược xây dựng pháp luật trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

2. Về Dự án *Pháp lệnh thuế tài nguyên* (sửa đổi)

- Đồng ý với đề nghị của Đảng đoàn Quốc hội về việc ban hành *Pháp lệnh thuế tài nguyên* (sửa đổi).

- Việc tính thuế tài nguyên với nước thiên nhiên dùng vào sản xuất thủy điện, chỉ áp dụng đối với trường hợp sản xuất thủy điện có hòa vào mạng điện quốc gia.

- Việc tính thuế tài nguyên đối với sản phẩm rừng tự nhiên, phải bảo đảm nguyên tắc khuyến khích nhân dân trồng rừng và bảo vệ rừng, tạo điều kiện cho người được giao rừng sử dụng sản phẩm rừng phục vụ cho sinh hoạt hằng ngày; ngăn chặn tình trạng lợi dụng khai thác bừa bãi, tràn lan.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

TỔNG BÍ THƯ

LÊ KHẢ PHIÊU

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
KẾT LUẬN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ
Số 130-TB/TW, ngày 16 tháng 4 năm 1998
Về việc điều chỉnh quy hoạch chung
Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020

Ngày 28-3-1998, sau khi nghe đại diện Ban Cán sự Đảng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Xây dựng và Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh báo cáo về nội dung điều chỉnh quy hoạch chung Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020, Bộ Chính trị đã thảo luận và kết luận:

I- VỀ QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU
ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH CHUNG

Điều chỉnh quy hoạch chung Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020 đã được chuẩn bị công phu, có nội dung tốt, bám sát được ý kiến chỉ đạo của Bộ Chính trị tại Thông báo số 36-TB/TW, ngày 23-11-1992 về đề án quy hoạch tổng thể xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều chỉnh quy hoạch chung Thành phố Hồ Chí Minh lần này đã xác định được vị trí, vai trò đặc biệt của Thành

phố trong mối quan hệ với vùng trọng điểm phía Nam, với cả nước và quốc tế, phù hợp với định hướng quy hoạch tổng thể phát triển đô thị Việt Nam, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội và chủ trương đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa; đã kết hợp tốt phát triển với cải tạo, vừa xây dựng mới, vừa khắc phục những bất hợp lý trong cấu trúc của Thành phố do lịch sử để lại, nhằm xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh trở thành một thành phố vừa hiện đại, vừa dân tộc, là một trung tâm kinh tế, một trung tâm giao dịch quốc tế và du lịch của cả nước, có vị trí chính trị quan trọng của nước ta ở phía Nam và giữ vai trò xứng đáng trong khu vực Đông Nam Á.

Trong quy hoạch Thành phố cần lưu ý sự kết hợp giữa xây dựng, phát triển với đảm bảo an ninh, quốc phòng.

II- VỀ MỘT SỐ VẤN ĐỀ CỤ THỂ

1. Định hướng phát triển không gian

Cơ cấu quy hoạch không gian bao gồm Thành phố Hồ Chí Minh và các đô thị xung quanh thuộc các tỉnh Bình Dương, Đồng Nai, Long An, Tây Ninh, Bà Rịa - Vũng Tàu, có bán kính ảnh hưởng từ 30 - 50km. Ngoài hướng phát triển chủ yếu của Thành phố về phía Thủ Đức, gần với Dĩ An - Biên Hòa, tán thành việc bổ sung thêm hướng mở rộng thành phố về phía nam, đông nam vươn ra biển, gần với các khu vực Nhà Bè, Bình Chánh, Hiệp Phước, Cần Giuộc và đô thị mới Nhơn Trạch - Long Thành và hướng phụ về phía bắc, tây bắc gần với các khu vực Củ Chi, Hóc Môn dọc quốc lộ 22, là trục xuyên Á nối với Tây Ninh, Campuchia.

Hướng mở rộng trung tâm Thành phố qua Thủ Thiêm là cần thiết, cần có biện pháp tích cực khắc phục việc vượt sông Sài Gòn, nhằm khai thác các lợi thế về vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên, đất đai, cơ sở hạ tầng kỹ thuật và môi trường. Việc vượt sông Sài Gòn bằng xây dựng cầu hoặc đường hầm phải được cân nhắc về mặt kỹ thuật đảm bảo an toàn giao thông đường bộ và đường thủy, tính khả thi về mặt tài chính khi thực hiện dự án.

2. Quy mô dân số

Đến năm 2020, dân số Thành phố Hồ Chí Minh khoảng 10 triệu người, trong đó quy mô dân số khu vực nội thành khổng chế khoảng 6 triệu người.

3. Quy hoạch sử dụng đất đai và kiến trúc, cảnh quan đô thị

Điều chỉnh chỉ tiêu sử dụng đất đô thị bình quân lên khoảng 100m²/người, trong đó ưu tiên nâng tỷ lệ đất giao thông, cây xanh - công viên và công trình công cộng.

Việc cải tạo các khu vực nội thành hiện có phải bảo đảm giữ gìn, tôn tạo các di sản văn hóa, lịch sử, các công trình kiến trúc có giá trị; cải tạo và nâng cấp cơ sở hạ tầng, di chuyển nhà ở trên và ven kênh rạch để bố trí nơi ở mới cho đồng bào có điều kiện cải thiện nơi ở, tăng thêm diện tích cây xanh, các công trình phục vụ công cộng; sắp xếp tại chỗ, hoặc di dời ra ngoài một số cơ sở công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, kho tàng gây ô nhiễm, từng bước cải thiện môi sinh và bảo vệ môi trường đô thị.

Các khu phát triển mới phải được xây dựng theo hướng

hiện đại, văn minh, bền vững; chú trọng phát triển hệ thống cây xanh, công viên, mặt nước; tổ chức các khu đô thị mới theo hướng có cơ sở hạ tầng hiện đại, đồng bộ, tăng tỷ lệ tầng cao trung bình, triệt để khai thác không gian ngầm và trên không, giảm mật độ xây dựng, dành đất cho không gian thông thoáng; xây dựng các khu sản xuất, các trung tâm thương mại - dịch vụ - đào tạo - nghiên cứu khoa học, các khu nghỉ ngơi giải trí, đáp ứng nhu cầu vật chất và tinh thần ngày càng cao của nhân dân.

Xây dựng vùng ngoại thành trở thành vùng bảo vệ thiên nhiên, giữ gìn cân bằng sinh thái, cung cấp một phần thực phẩm tươi sống, kết hợp xây dựng các công trình cơ sở hạ tầng kỹ thuật đầu mối, các khu dân cư và các cơ sở nghỉ ngơi, giải trí cuối tuần.

4. Quy hoạch giao thông và cơ sở hạ tầng kỹ thuật

Tán thành định hướng điều chỉnh quy hoạch giao thông và cơ sở hạ tầng kỹ thuật khác; cần có giải pháp tích cực để cải thiện từng bước giao thông công cộng.

Chính phủ chỉ đạo lập, triển khai các dự án đầu tư cụ thể, trên nguyên tắc xây dựng theo hướng hiện đại, đồng bộ, kiên cố, an toàn, đồng thời đáp ứng yêu cầu về an ninh, quốc phòng.

5. Cơ chế, chính sách và giải pháp thực hiện điều chỉnh quy hoạch chung

Về nguyên tắc, thống nhất với các kiến nghị của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và Bộ Xây dựng về các cơ chế, chính sách và giải pháp thực hiện điều chỉnh

quy hoạch chung Thành phố, như: tăng tỷ lệ vốn đầu tư để lại cho Thành phố từ tổng thu ngân sách; huy động vốn đầu tư trong nước và nước ngoài dưới nhiều hình thức; được hợp tác với các chủ đầu tư, tư vấn có uy tín của nước ngoài để đầu tư xây dựng các khu đô thị mới; kể cả việc thành lập đặc khu kinh tế tại Cần Giò (sau khi có phương án được Chính phủ xem xét và Bộ Chính trị duyệt). Riêng việc thí điểm cho nước ngoài thuê đất xây dựng sẽ có thông báo sau.

Đối với những cơ chế, chính sách chưa được pháp luật quy định, nhưng có yêu cầu bức thiết thì cho phép nghiên cứu, áp dụng thí điểm.

Chính phủ chỉ đạo Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phối hợp với các bộ, ngành có liên quan xây dựng các văn bản pháp quy, bộ máy tổ chức và đề án để cụ thể hoá những vấn đề trên.

6. Tổ chức thực hiện

- Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chung Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020, trên cơ sở đó chỉ đạo Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Bộ Xây dựng và các bộ, ngành liên quan lập kế hoạch triển khai xây dựng theo quy hoạch, đảm bảo huy động tối đa sự đồng tình, ủng hộ và tham gia của nhân dân để đáp ứng kịp thời yêu cầu cải tạo và xây dựng Thành phố ở mỗi giai đoạn phát triển.

- Đồng ý việc thành lập Ban Chỉ đạo quy hoạch và xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh, áp dụng chung cho cả Thủ đô Hà Nội do một Phó Thủ tướng làm Trưởng ban, Bộ

trưởng Bộ Xây dựng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội làm Phó Trưởng ban và đại diện lãnh đạo các Bộ Quốc phòng, Bộ Giao thông vận tải, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Văn hóa - Thông tin, Bộ Tài chính, Bộ Khoa học - Công nghệ và Môi trường, Ban Tổ chức cán bộ Chính phủ..., là Ủy viên. Ban Chỉ đạo cần bàn sớm với các tỉnh có liên quan để phối hợp tổ chức thực hiện quy hoạch được duyệt.

Kiến trúc sư trưởng Thành phố Hồ Chí Minh giúp Ủy ban nhân dân Thành phố thực hiện quản lý xây dựng theo quy hoạch, soạn thảo Điều lệ quản lý kiến trúc và quy hoạch xây dựng Thành phố.

- Thành ủy, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cần tập trung đúng mức việc lãnh đạo và chỉ đạo thực hiện quy hoạch, phát huy đầy đủ quyền hạn, trách nhiệm của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân mỗi cấp trong việc quản lý và xây dựng Thành phố.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

PHẠM THẾ DUYỆT

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
KẾT LUẬN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ
Số 131-TB/TW, ngày 16 tháng 4 năm 1998
Về việc điều chỉnh quy hoạch chung
Thủ đô Hà Nội đến năm 2020

Ngày 28-3-1998, Bộ Chính trị đã nghe đại diện Ban Cán sự Đảng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Xây dựng và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội báo cáo nội dung điều chỉnh quy hoạch chung Thủ đô Hà Nội đến năm 2020. Bộ Chính trị đã thảo luận và kết luận:

I- VỀ QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU
ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH CHUNG

Điều chỉnh quy hoạch chung Thủ đô Hà Nội đến năm 2020 đã được chuẩn bị công phu, có nội dung tốt, thể hiện đúng ý kiến chỉ đạo của Thường vụ Bộ Chính trị về "Điều chỉnh quy hoạch chung Thủ đô Hà Nội tới năm 2020" tại Thông báo số 10-TB/TW, ngày 20-10-1996.

Quan điểm, mục tiêu điều chỉnh quy hoạch chung Thủ đô Hà Nội lần này đã xác định được vị trí, vai trò đặc biệt

của Thủ đô trong định hướng quy hoạch tổng thể phát triển đô thị Việt Nam, phù hợp với phương hướng, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội và chủ trương đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa; đã kết hợp tốt hai nhiệm vụ vừa cải tạo, vừa xây dựng mới, nhằm xây dựng Hà Nội trở thành một thành phố vừa dân tộc vừa hiện đại, đậm đà bản sắc và truyền thống ngàn năm văn hiến, là trung tâm đầu não về chính trị, đồng thời là trung tâm lớn về văn hóa, khoa học kỹ thuật, kinh tế và giao dịch quốc tế của cả nước, tương xứng với Thủ đô của một nước có quy mô dân số một trăm triệu dân, có vị trí xứng đáng trong khu vực Đông Nam Á và thế giới.

Trong quy hoạch Thủ đô cần lưu ý sự kết hợp giữa xây dựng, phát triển với đảm bảo an ninh, quốc phòng.

II- VỀ MỘT SỐ VẤN ĐỀ CỤ THỂ

1. Định hướng phát triển không gian

Cơ cấu quy hoạch không gian bao gồm thành phố Hà Nội - trung tâm và các đô thị xung quanh thuộc các tỉnh Hà Tây, Vĩnh Phúc, Bắc Ninh và Hưng Yên với bán kính ảnh hưởng từ 30-50km. Hướng mở rộng thành phố Hà Nội chủ yếu về phía tây (phía tây bắc và tây nam) và phía bắc. Ưu tiên cho đầu tư phát triển thành phố trung tâm và khu vực phía bắc sông Hồng, tại đây hình thành một Hà Nội mới, gồm các khu vực Bắc Thăng Long - Vân Trì, Đông Anh, Cổ Loa và Gia Lâm - Sài Đồng - Yên Viên.

Việc phát triển đô thị về phía tây Hà Nội như Xuân Mai, Hòa Lạc, Miếu Môn (Hà Tây), các đô thị phía bắc như:

Sóc Sơn, Xuân Hòa, Đại Lải, Phúc Yên và các đô thị khác nhằm khai thác lợi thế về vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên, giao thông và cơ sở hạ tầng kỹ thuật.

2. Quy mô dân số

Đến năm 2020, dân số đô thị thành phố Hà Nội và các đô thị xung quanh trong phạm vi điều chỉnh quy hoạch chung khoảng 4,5 - 5 triệu người (trong đó quy mô dân số nội thành là 2,5 triệu người).

3. Quy hoạch sử dụng đất đai và kiến trúc, cảnh quan đô thị

Điều chỉnh chỉ tiêu sử dụng đất đô thị bình quân lên $100\text{m}^2/\text{người}$, trong đó ưu tiên nâng tỷ lệ đất giao thông, cây xanh - công viên và công trình công cộng.

Việc cải tạo các khu phố hiện có cần chú trọng giữ gìn, tôn tạo các di sản văn hóa, lịch sử, cảnh quan thiên nhiên và các công trình kiến trúc có giá trị, xem xét có thể xây một số tượng đài anh hùng dân tộc có công lớn với Tổ quốc...; cải tạo và nâng cấp cơ sở hạ tầng, cải thiện điều kiện ở, làm việc, tạo thêm các khu vui chơi giải trí cho nhân dân, bảo tồn khu phố cổ, đồng thời nâng cấp các công trình phục vụ lợi ích công cộng, hạn chế chiều cao của các công trình xây mới.

Các khu phát triển mới phải được xây dựng theo hướng hiện đại, có bản sắc dân tộc, có hệ thống cơ sở hạ tầng đồng bộ, có nhiều vườn hoa, công viên, cây xanh tạo nên môi trường sinh thái của Thủ đô tốt, xanh, sạch, đẹp; chú ý nâng tỷ lệ tầng cao trung bình, khai thác không gian ngầm và trên không để tiết kiệm đất.

4. Quy hoạch giao thông và cơ sở hạ tầng kỹ thuật

Tán thành định hướng điều chỉnh quy hoạch giao thông và cơ sở hạ tầng kỹ thuật khác; cần có giải pháp tích cực để cải thiện từng bước giao thông công cộng.

Chính phủ chỉ đạo lập và triển khai các dự án đầu tư cụ thể, trên nguyên tắc xây dựng theo hướng hiện đại, đồng bộ, kiên cố, an toàn, kết hợp chặt chẽ với nhiệm vụ đảm bảo an ninh và quốc phòng.

5. Cơ chế, chính sách và giải pháp thực hiện điều chỉnh quy hoạch chung

Về nguyên tắc, thống nhất với các kiến nghị của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội và Bộ Xây dựng về các cơ chế, chính sách và giải pháp thực hiện điều chỉnh quy hoạch chung Thủ đô như: Tăng tỷ lệ vốn đầu tư để lại cho Thủ đô từ tổng thu ngân sách; huy động vốn đầu tư trong nước và nước ngoài dưới nhiều hình thức; được hợp tác với các chủ đầu tư, tư vấn có uy tín của nước ngoài để đầu tư xây dựng các khu đô thị mới, đặc biệt là khu đô thị mới phía bắc sông Hồng. Riêng việc thí điểm cho nước ngoài thuê đất xây dựng nhà ở sẽ có thông báo sau.

Đối với những cơ chế, chính sách chưa được pháp luật quy định, nhưng do yêu cầu bức thiết thì cho phép nghiên cứu, áp dụng thí điểm.

Chính phủ chỉ đạo Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội phối hợp với các bộ, ngành có liên quan xây dựng các văn bản pháp quy, bộ máy tổ chức và đề án để cụ thể hóa những vấn đề trên.

6. Tổ chức thực hiện

- Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chung Thủ đô Hà Nội đến năm 2020, trên cơ sở đó chỉ đạo Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, Bộ Xây dựng và các bộ, ngành liên quan lập kế hoạch triển khai xây dựng theo quy hoạch, tranh thủ tối đa sự đồng tình, ủng hộ và tham gia của nhân dân để đáp ứng kịp thời yêu cầu cải tạo và xây dựng Thủ đô ở mỗi giai đoạn phát triển, kết hợp với việc thực hiện Chương trình kỷ niệm 1000 năm Thăng Long.

- Đồng ý việc thành lập Ban Chỉ đạo quy hoạch và xây dựng Thủ đô Hà Nội áp dụng chung cho cả Thành phố Hồ Chí Minh do một Phó Thủ tướng làm Trưởng ban, Bộ trưởng Bộ Xây dựng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh làm Phó trưởng ban và đại diện lãnh đạo các Bộ Quốc phòng, Bộ Giao thông vận tải, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Văn hóa - Thông tin, Bộ Tài chính, Bộ Khoa học - Công nghệ và Môi trường, Ban Tổ chức cán bộ Chính phủ... là Ủy viên. Ban Chỉ đạo cần bàn sớm với các tỉnh có liên quan để phối hợp tổ chức thực hiện quy hoạch được duyệt.

Kiến trúc sư trưởng thành phố giúp Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội thực hiện quản lý xây dựng theo quy hoạch, soạn thảo Điều lệ quản lý kiến trúc và quy hoạch xây dựng Thủ đô.

- Thành ủy, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội cần tập trung đúng mức việc lãnh đạo

và chỉ đạo thực hiện quy hoạch, phát huy đầy đủ quyền hạn, trách nhiệm của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân mỗi cấp trong việc quản lý và xây dựng Thủ đô.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

PHẠM THẾ DUYỆT

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
CỦA THƯỜNG VỤ BỘ CHÍNH TRỊ
Số 128-TB/TW, ngày 22 tháng 4 năm 1998
Về việc tăng cường chỉ đạo thực hiện
Quyết định 20-QĐ/TW của Ban Bí thư Trung ương
(khóa VI) về Phong Lưu trữ
Đảng Cộng sản Việt Nam

Sau mười năm tổ chức thực hiện Quyết định 20 của Ban Bí thư Trung ương (khóa VI) về Phong Lưu trữ Đảng Cộng sản Việt Nam, công tác lưu trữ của Đảng đã có những tiến bộ: tài liệu lưu trữ của Đảng đang được tập trung quản lý thống nhất; hệ thống các cơ quan và cán bộ lưu trữ của Đảng từ Trung ương đến cấp tỉnh ủy, thành ủy cơ bản được hình thành và đang từng bước được kiện toàn.

Tuy vậy, công tác lưu trữ của Đảng và Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh vẫn còn nhiều hạn chế. Nhiều tài liệu lưu trữ chưa được tập trung quản lý ở các kho lưu trữ cấp ủy, nhiều tỉnh, thành ủy và đại bộ phận huyện, quận, thị ủy chưa thành lập được kho lưu trữ; đội ngũ cán bộ nghiệp vụ chưa đủ về số lượng, yếu về nghiệp vụ chuyên môn; các kho lưu trữ chưa được bố trí hoặc xây dựng và đầu tư trang thiết

bị cần thiết để đảm bảo yêu cầu bảo vệ an toàn tài liệu. Việc triển khai ứng dụng công nghệ tin học vào công tác văn thư, lưu trữ còn quá chậm.

Để tiếp tục thực hiện tốt Quyết định 20-QĐ/TW của Ban Bí thư Trung ương (khóa VI) về Phòng Lưu trữ Đảng Cộng sản Việt Nam, Thường vụ Bộ Chính trị yêu cầu:

1. Các cấp ủy, tổ chức, cơ quan Đảng và Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh cần nghiêm túc thực hiện Quyết định 20-QĐ/TW với những nội dung cụ thể sau:

- Nhanh chóng tập trung tài liệu lưu trữ thuộc thành phần Phòng Lưu trữ Đảng Cộng sản Việt Nam vào kho lưu trữ Trung ương Đảng, kho lưu trữ các cấp ủy tỉnh, thành phố, quận, huyện và kho lưu trữ Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh. Thực hiện nghiêm túc chế độ lập, quản lý và giao nộp hồ sơ, tài liệu lưu trữ đúng quy định. Các cơ quan, tổ chức Đảng, Nhà nước, đoàn thể, cá nhân hiện còn lưu giữ tài liệu thuộc thành phần Phòng Lưu trữ Đảng Cộng sản Việt Nam phải giao nộp tài liệu vào các kho lưu trữ của Đảng.

- Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện tốt công tác sưu tầm, thu thập, chỉnh lý và bảo quản an toàn tài liệu lưu trữ; đáp ứng kịp thời các yêu cầu khai thác, sử dụng tài liệu lưu trữ vào các mục đích nghiên cứu khoa học và chỉ đạo của các cơ quan Đảng, Nhà nước, tổ chức, đoàn thể...

- Tiếp tục kiện toàn hệ thống các cơ quan lưu trữ đảng từ Trung ương đến cấp ủy huyện, quận, thị xã thuộc tỉnh, thành phố theo đúng hướng dẫn của Trung ương.

- Có kế hoạch và biện pháp từng bước hiện đại hóa các phương tiện bảo quản, bảo vệ tài liệu lưu trữ. Đối với kho lưu

trữ Trung ương và các kho lưu trữ tỉnh ủy, thành ủy cần nhanh chóng ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác văn thư và công tác lưu trữ.

- Định kỳ sơ kết, tổng kết công tác, tăng cường các hình thức hợp tác, trao đổi học hỏi kinh nghiệm giữa cơ quan lưu trữ đảng với các cơ quan, tổ chức lưu trữ ở trong và ngoài nước; thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ, chính sách đối với cán bộ làm công tác văn thư và lưu trữ.

2. Văn phòng Trung ương có trách nhiệm:

- Nghiên cứu bổ sung và ban hành các văn bản hướng dẫn nghiệp vụ văn thư, lưu trữ, đồng thời tăng cường công tác kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các quy định đó trong toàn bộ hệ thống các cơ quan Đảng và Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh.

- Phối hợp với Ban Chỉ đạo công nghệ thông tin trong các cơ quan Đảng, xây dựng đề án cụ thể về triển khai ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác quản lý và sử dụng tài liệu văn thư, lưu trữ của Đảng và Đoàn Thanh niên từ Trung ương đến các cấp ủy địa phương; tổ chức hướng dẫn và kiểm tra các cơ quan trung ương, các cấp ủy địa phương trong quá trình triển khai thực hiện.

- Phối hợp với các cơ quan có liên quan để đẩy mạnh công tác nghiên cứu khoa học; xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch đào tạo, đào tạo lại và bồi dưỡng cho cán bộ các cơ quan Đảng và Đoàn Thanh niên về nghiệp vụ văn thư, lưu trữ, về ứng dụng tin học vào quản lý và khai thác, sử dụng tài liệu lưu trữ của Đảng.

3. Ban Tổ chức Trung ương phối hợp với Văn phòng Trung ương Đảng quy định cụ thể về tổ chức, biên chế, tiêu

chuẩn cán bộ làm công tác văn thư, lưu trữ trong hệ thống các cơ quan Đảng và Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ trong giai đoạn mới.

4. Ban Tài chính - Quản trị Trung ương, Văn phòng Trung ương cần đẩy nhanh tiến độ để hoàn thành việc xây dựng kho lưu trữ mới của Trung ương chậm nhất vào năm 2000; nghiên cứu, đề xuất các tiêu chuẩn xây dựng hoặc cải tạo kho lưu trữ tỉnh, thành ủy bảo đảm đủ điều kiện cần thiết để bảo quản tốt và lâu dài tài liệu lưu trữ của Đảng.

Văn phòng Trung ương có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Thông báo này và định kỳ báo cáo kết quả thực hiện với Thường vụ Bộ Chính trị.

T/M THƯỜNG VỤ BỘ CHÍNH TRỊ

PHẠM THẾ DUYỆT

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
Ý KIẾN CỦA THƯỜNG VỤ BỘ CHÍNH TRỊ
Số 129-TB/TW, ngày 22 tháng 4 năm 1998
Về các biện pháp xử lý tình hình hạn hán,
cháy rừng và an ninh lương thực

Tại phiên họp ngày 21-4-1998, sau khi nghe Ban Cán sự Đảng Chính phủ báo cáo tình hình hạn hán, cháy rừng và an ninh lương thực, Thường vụ Bộ Chính trị có ý kiến chỉ đạo như sau:

Thường vụ Bộ Chính trị thống nhất với nhận định về tình hình hạn hán, cháy rừng và an ninh lương thực, cùng những biện pháp chủ động xử lý của Chính phủ, của các địa phương, các bộ, ngành trong thời gian qua.

Tuy nhiên, do tác động của hiện tượng El Nino và sắp tới là hiện tượng đối El Nino (La Nina) đã và sẽ tiếp tục gây ra những biến động bất thường về thời tiết, ảnh hưởng xấu đến sản xuất và đời sống của nhân dân. Tình hình trên đây đòi hỏi Chính phủ, các địa phương, bộ, ngành cần phải có các biện pháp giải quyết đồng bộ hơn, quyết liệt hơn, khẩn trương hơn để chủ động phòng chống hạn hán, cháy rừng, bão lụt, đối phó có hiệu quả đối với

tình hình diễn biến bất lợi của thời tiết, giảm nhẹ thiên tai trong những tháng cuối năm 1998, đầu năm 1999:

1. Chính phủ cần chỉ đạo sát sao các bộ, ngành, các địa phương, nhất là các tỉnh miền Trung, miền núi phía Bắc, Tây Nguyên, đồng bằng sông Cửu Long triển khai đồng bộ các biện pháp tích cực bảo vệ nguồn nước (kể cả nước mặt và nước ngầm), chống hạn, sử dụng nước tiết kiệm, bảo đảm nước cho sản xuất nông nghiệp, công nghiệp và dân sinh.

Tập trung sức người, sức của để làm tốt công tác thủy lợi để chủ động trong tưới, tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp theo nguyên tắc: Nhà nước sẽ đầu tư vốn xây dựng các công trình thủy lợi đầu mối hệ thống bơm và kênh cấp I; địa phương cùng nhân dân đóng góp đầu tư xây dựng hệ thống kênh cấp II và mương máng nội đồng. Phát động phong trào toàn dân, các doanh nghiệp, các tổ chức sử dụng số ngày công nghĩa vụ lao động công ích tham gia làm thủy lợi để khắc phục và phòng ngừa hậu quả xấu do tình hình hạn hán nghiêm trọng đã, đang xảy ra, có thể kéo dài và diễn biến phức tạp ở hầu khắp các địa phương trong cả nước.

2. Mặc dù Chính phủ và các địa phương đã chủ động có các biện pháp cấp bách tổ chức phòng cháy và chữa cháy rừng, nhưng đến nay tình trạng cháy rừng vẫn còn tiếp diễn, nguy cơ xảy ra cháy lớn vẫn chưa được loại trừ. Tình trạng chặt phá rừng khai thác gỗ trái phép của bọn lâm tặc và đốt rẫy của những hộ du canh du cư và các hộ di dân tự do vẫn thường xuyên xảy ra. Thường vụ Bộ Chính trị yêu cầu Ban Cán sự Đảng Chính phủ, các tỉnh, thành ủy chỉ đạo các cơ quan hữu quan, các địa phương có kế hoạch cụ thể và thực hiện ngay việc tuyên truyền phổ biến chủ trương của Đảng

và Nhà nước về các biện pháp phòng cháy, chữa cháy rừng đến từng cán bộ, đảng viên và nhân dân ở từng xã, từng ấp, từng bản làng. Hỗ trợ đời sống để đồng bào dân tộc không đốt rừng làm rẫy; kiên quyết đưa ra khỏi rừng các hộ dân di cư tự do, bố trí cho đồng bào có đất để ở và sản xuất; tăng cường truy quét và xử lý nghiêm bọn lâm tặc; đặc biệt tập trung bảo vệ các khu rừng đặc dụng, rừng phòng hộ đầu nguồn và các khu rừng quan trọng khác. Thực hiện tốt chủ trương giao đất giao rừng cho dân. Tổ chức lực lượng, huy động các phương tiện hiện có và sử dụng các tiến bộ kỹ thuật vào việc phòng cháy, chữa cháy rừng trên phạm vi cả nước, trên từng địa bàn cụ thể, quyết tâm bảo vệ rừng, ngăn chặn đến mức thấp nhất những sự cố cháy rừng xảy ra.

3. Để bảo đảm an ninh lương thực trong thời gian tới, Chính phủ chỉ đạo việc tổ chức đánh giá đúng kết quả vụ đông xuân, nắm chắc lực lượng lương thực hiện có trong dân, trong các doanh nghiệp kinh doanh lương thực, đặc biệt là hai Tổng công ty lương thực miền Bắc và Tổng công ty lương thực miền Nam để có những điều chỉnh thích hợp bảo đảm nhu cầu lương thực cho cả nước. Kiểm tra thực tế lực lượng lương thực dự trữ trong các kho của Cục Dự trữ quốc gia, có biện pháp đảm bảo dự trữ lương thực khoảng 500 nghìn tấn. Có ngay các biện pháp nhằm chấn chỉnh sự tăng giá của các khâu dịch vụ xay xát, chế biến, vận chuyển... gạo xuất khẩu, không để giá lúa gạo biến động mạnh, lượng gạo xuất khẩu hàng hóa, hàng quý cần được điều hòa cân đối hợp lý với khả năng xay xát, chế biến, vận chuyển, bốc xếp và các dịch vụ cung ứng khác liên quan đến xuất khẩu gạo.

Phải có ngay chủ trương và biện pháp thực hiện để hỗ trợ

cứu đói cho nhân dân vùng hạn hán, vùng thực sự khó khăn. Chính phủ cử một số đoàn công tác đi kiểm tra cụ thể và nắm chắc thực trạng tình hình hạn hán; cháy rừng và tình trạng đói kém ở một số địa phương trọng điểm để giúp Chính phủ có các biện pháp cụ thể hơn, phù hợp hơn trong tình hình hiện nay.

4. Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão Trung ương phải chủ động tính toán đề ra phương hướng, nhiệm vụ công tác phòng chống lụt, bão, giảm nhẹ thiên tai năm 1998 một cách cụ thể, thiết thực đối với từng lĩnh vực, từng địa phương, nhằm hạn chế đến mức thấp nhất những thiệt hại do thiên tai gây ra. Tổ chức tốt lực lượng hiệp đồng theo nhiều phương án để ứng phó kịp thời với những diễn biến phức tạp của bão, lụt.

Tổng cục Khí tượng thủy văn nâng cao hơn nữa chất lượng các dự báo về tình hình thời tiết, tình hình hạn hán, bão lụt, kịp thời thông báo cho Trung ương, địa phương, các ngành và nhân dân cả nước biết để có biện pháp chủ động ứng phó với những diễn biến phức tạp của thời tiết những tháng còn lại của năm 1998.

Bộ Quốc phòng, Bộ Nội vụ có chỉ thị cho các đơn vị trực thuộc chủ động tham gia giúp đỡ nhân dân các địa phương chống hạn, làm thủy lợi, phòng chống cháy rừng theo yêu cầu của chính quyền các cấp.

Chính phủ có ngay một số chỉ thị chỉ đạo đối với các cấp, các ngành, các địa phương trong việc chống hạn; phòng cháy, chữa cháy rừng; phòng chống lụt, bão giảm nhẹ thiên tai và chỉ thị về điều hành cân đối lương thực, bảo đảm an ninh lương thực trong những tháng còn lại của năm 1998.

Thường vụ Bộ Chính trị yêu cầu các cấp ủy đảng tăng cường lãnh đạo thực hiện tốt những nhiệm vụ nêu trong Thông báo này.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

PHẠM THẾ DUYỆT

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
Ý KIẾN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ
Số 133-TB/TW, ngày 29 tháng 4 năm 1998
Về việc xây dựng chiến lược phát triển kinh tế -
xã hội đến năm 2010

Ngày 17-4-1998, Bộ Chính trị đã nghe Ban Cán sự Đảng Chính phủ báo cáo "Về việc xây dựng chiến lược phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2010". Bộ Chính trị cơ bản tán thành với các vấn đề nêu trong báo cáo của Ban Cán sự Đảng Chính phủ và lưu ý một số điểm sau:

- Để làm tốt việc xây dựng chiến lược phát triển kinh tế - xã hội thời kỳ 2001 - 2010, cần tổ chức tổng kết việc thực hiện chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 1991 - 2000. Việc tổng kết phải dựa vào đường lối chính trị, kinh tế của Đảng, xác định những mục tiêu đã hoàn thành, những mục tiêu chưa thực hiện được; làm rõ những vấn đề còn có ý kiến khác nhau, những vấn đề còn vướng mắc chưa được sáng tỏ, những vấn đề có thể kết luận được. Chính phủ và từng ngành phải tiến hành tổng kết một cách thiết thực, rút ra các bài học thành công và chưa thành công.

- Phải chủ động tổ chức lực lượng nghiên cứu, xác định rõ bối cảnh quốc tế, khu vực và trong nước cả về chính trị, kinh tế và an ninh - quốc phòng trong giai đoạn 2001 - 2010; xác định rõ vị trí, tính chất, đặc trưng của giai đoạn này trong toàn bộ thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở nước ta.

- Nội dung chiến lược phải coi trọng đúng mức cả hai lĩnh vực kinh tế và xã hội, thể hiện được tính ưu việt của chế độ xã hội chủ nghĩa, tập trung đề cập và xử lý được những vấn đề then chốt mang tính đột phá, mở rộng hợp tác quốc tế nhưng phải bảo đảm xây dựng được nền kinh tế độc lập tự chủ, quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

- Về tổ chức và cách làm: Bộ Chính trị giao cho đồng chí Phan Văn Khải, Ủy viên Thường vụ Bộ Chính trị, Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo việc tiếp thu ý kiến của Bộ Chính trị trong phiên họp này để hoàn chỉnh đề cương và chủ trì việc xây dựng chiến lược phát triển kinh tế - xã hội thời kỳ 2001 - 2010. Việc huy động các ban Đảng, các cơ quan tham gia xây dựng chiến lược do đồng chí Phan Văn Khải kiến nghị và thông báo để Văn phòng Trung ương trình Thường trực Bộ Chính trị làm thủ tục quyết định.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

PHẠM THẾ DUYỆT

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

CHỈ THỊ
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 32-CT/TW, ngày 4 tháng 5 năm 1998

Về việc kỷ niệm 1000 năm Thăng Long
(năm 1010 - 2010)

Theo chính sử của nước ta, mùa thu năm Canh Tuất (1010), Vua Lý Thái Tổ đã dời đô từ Hoa Lư về thành Đại La, đổi tên Kinh thành là Thăng Long, nay là Hà Nội. Theo mốc lịch sử đó, đến năm 2010, Thủ đô Hà Nội sẽ tròn 1000 năm tuổi. Đây là một sự kiện trọng đại trong lịch sử nước nhà. Bởi vậy, việc tổ chức kỷ niệm 1000 năm Thăng Long là sự biểu thị tình cảm và đạo lý uống nước nhớ nguồn của người Việt Nam đối với các thế hệ cha ông đã có công dựng nước, giữ nước; là dịp giáo dục truyền thống lịch sử và cách mạng của dân tộc; động viên toàn Đảng, toàn dân phấn đấu xây dựng đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh. Đây cũng là dịp để giới thiệu và nâng cao tầm vóc của Thủ đô Hà Nội nói riêng và Việt Nam nói chung ở khu vực và trên thế giới.

Với ý nghĩa sâu sắc đó, Bộ Chính trị quyết định tổ chức

kỷ niệm trọng thể 1000 năm Thăng Long theo yêu cầu và nội dung sau:

1. Việc thực hiện chương trình kỷ niệm 1000 năm Thăng Long là nhiệm vụ quan trọng của Đảng bộ và nhân dân Hà Nội, đồng thời là cuộc vận động mang ý nghĩa rộng lớn trên phạm vi toàn quốc. Quá trình tổ chức kỷ niệm cần thiết thực, gắn liền với chương trình phát triển kinh tế - xã hội và xây dựng Thủ đô; gắn với việc xây dựng và bồi dưỡng con người mới, xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, phát huy truyền thống Hà Nội - ngàn năm văn hiến.

2. Để tiến tới kỷ niệm 1000 năm Thăng Long, ngay từ năm 1998 cần chỉ đạo triển khai các công việc chủ yếu sau đây:

- Hà Nội phải phấn đấu hoàn thành các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000 và những năm tiếp theo; xây dựng Thủ đô xứng đáng là trung tâm chính trị, văn hóa, khoa học kỹ thuật, là trung tâm kinh tế và giao dịch quốc tế lớn của cả nước; là thành phố gương mẫu cho cả nước.

- Việc thực hiện quy hoạch xây dựng phát triển Thủ đô cần gắn với các mục tiêu của chương trình kỷ niệm. Bảo tồn, tôn tạo các di tích lịch sử, xây dựng một số công trình văn hóa; xây dựng và tôn tạo công viên, khu vui chơi, giải trí, du lịch để Hà Nội sớm trở thành một Thủ đô vừa văn minh hiện đại, xanh, sạch, đẹp, thanh lịch, vừa giữ được bản sắc văn hóa dân tộc.

- Thực hiện một chương trình nghiên cứu khoa học cấp nhà nước nhằm tổng kết kinh nghiệm lịch sử của Thăng Long - Hà Nội trên những vấn đề lớn qua 1000 năm tôn tạo và phát triển.

3. Tiến tới 1000 năm Thăng Long, mà khởi đầu là tổ chức kỷ niệm 990 năm Thăng Long vào năm 2000, nhằm nâng cao nhận thức và tự hào về Thủ đô ngàn năm văn hiến và động viên toàn dân thi đua đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, lập thành tích chào mừng Đại hội lần thứ IX của Đảng, tạo đà cho đất nước bước vào thế kỷ XXI. Từ nay đến năm 2000 cần tập trung thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Hoàn thành tốt kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của thành phố năm 1996 - 2000, góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội lần thứ VIII của Đảng.

- Xây dựng và nâng cấp các công trình văn hóa, vui chơi giải trí. Trước mắt, tập trung vào các công trình xung quanh Hồ Tây, Hồ Trúc Bạch, Hồ Ba Mẫu, công viên Lenin, công viên Thủ Lệ..., tôn tạo các di tích trong khu vực Thành cổ, Văn Miếu, Quốc Tử Giám, xây dựng một số công trình văn hóa mới ở Thủ đô. Tiến hành có chất lượng giai đoạn đầu chương trình nghiên cứu khoa học về lịch sử Hà Nội. Phát động phong trào sáng tạo văn học - nghệ thuật về Hà Nội; hoàn thành bộ Bách khoa toàn thư Hà Nội. Chuẩn bị xây dựng một số tượng đài kỷ niệm...

- Đẩy mạnh việc tuyên truyền giáo dục truyền thống sâu rộng trong nhân dân, đặc biệt là thanh thiếu niên, phát động phong trào toàn dân bằng những hoạt động cụ thể, thiết thực hướng tới kỷ niệm 990 năm và 1000 năm Thăng Long. Xây dựng con người mới, phấn đấu thực hiện nếp sống trật tự, kỷ cương, thanh lịch của người Hà Nội, khắc phục có hiệu quả những tệ nạn xã hội.

4. Thành lập Ban Chỉ đạo quốc gia kỷ niệm 1000 năm

Thăng Long (do thành phố chủ trì) với sự tham gia của đại diện Chính phủ và một số ban, ngành Trung ương.

5. Về kinh phí, ngoài ngân sách nhà nước, khi cần thiết Hà Nội được huy động mọi nguồn lực của các cá nhân, các tổ chức trong và ngoài nước vào việc bảo tồn, tôn tạo các di sản văn hóa và xây dựng các công trình lớn. Phải công khai hóa và quản lý, sử dụng chặt chẽ, đúng mục đích, thiết thực, có hiệu quả các nguồn vốn và lao động cho mục đích này.

Thành ủy Hà Nội, các ban, ngành ở Trung ương và các địa phương cần phối hợp tổ chức triển khai chương trình; hằng năm có sơ kết và báo cáo Bộ Chính trị về việc thực hiện Chỉ thị này.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

PHẠM THẾ DUYỆT

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**CHỈ THỊ
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ**

Số 33-CT/TW, ngày 8 tháng 5 năm 1998

**Về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng
trong hoạt động ngân hàng**

Trong thời gian qua, hoạt động của ngành ngân hàng đã có những đóng góp đáng kể vào thành công của sự nghiệp đổi mới nền kinh tế đất nước; điều hành chính sách tiền tệ tích cực, cơ bản ổn định được giá trị đồng tiền, kiềm chế lạm phát, tăng dự trữ ngoại tệ cho quốc gia; huy động được một khối lượng đáng kể vốn trong và ngoài nước, thúc đẩy đầu tư cho sản xuất của các thành phần kinh tế, góp phần tăng trưởng kinh tế, tăng cường đầu tư tín dụng ưu đãi để phục vụ xóa đói giảm nghèo và thực hiện một số chính sách xã hội.

Bên cạnh những kết quả đạt được, ngành ngân hàng còn có những khuyết điểm, tồn tại:

- Cơ chế chính sách về quản lý lưu thông tiền tệ, quản lý ngoại hối và vàng chưa được điều chỉnh kịp thời phù hợp với diễn biến tình hình của nền kinh tế. Các ngân hàng thương mại hoạt động còn mang nặng tính hành chính, quan liêu, quản lý lỏng lẻo và còn tùy tiện trong việc thực hiện cơ chế

tín dụng, dẫn tới chất lượng tín dụng thấp, nợ quá hạn và nợ khó đòi tăng, gây tổn thất lớn về vốn.

- Chất lượng cán bộ chưa cao, chưa đáp ứng yêu cầu của hoạt động ngân hàng trong cơ chế thị trường. Một bộ phận cán bộ, đảng viên thiếu ý thức rèn luyện về phẩm chất đạo đức, nghề nghiệp nên đã nảy sinh nhiều vụ tham nhũng, tiêu cực, nhiều sai phạm lớn kéo dài không được phát hiện, hoặc phát hiện không kịp thời và xử lý không nghiêm, làm mất uy tín của ngành.

- Công tác xây dựng đảng trong ngành ngân hàng chưa được các cấp ủy đảng quan tâm đúng mức. Công tác giáo dục chính trị tư tưởng cho cán bộ, đảng viên chưa được chỉ đạo thường xuyên, nhiều nơi bị coi nhẹ. Vai trò của đảng bộ, chi bộ cơ sở trong lãnh đạo công tác chuyên môn, trong đấu tranh chống tiêu cực, tham nhũng còn hạn chế, thậm chí buông lỏng. Sự phối kết hợp giữa Ban Cán sự Đảng Ngân hàng Nhà nước với cấp ủy, chính quyền các cấp thiếu chặt chẽ, có nơi còn mang tính hình thức.

Để nhanh chóng lành mạnh hóa các hoạt động ngân hàng đáp ứng đòi hỏi của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, Bộ Chính trị yêu cầu Ban Cán sự Đảng Ngân hàng Nhà nước, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy ở các bộ, ngành, các đoàn thể ở Trung ương, các tỉnh ủy, thành ủy phối hợp triển khai tốt một số nhiệm vụ công tác sau:

1. Tổng kết 10 năm đổi mới của ngành ngân hàng, trên cơ sở đó xây dựng chiến lược phát triển ngân hàng phục vụ chương trình phát triển kinh tế - xã hội với mục tiêu cơ bản là: giữ vững ổn định giá trị đồng tiền Việt Nam, kiềm chế lạm phát ở mức hợp lý; huy động và đầu tư

vốn đúng định hướng, có hiệu quả; tăng nhanh dự trữ ngoại tệ, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả của các hoạt động tín dụng, giảm tỷ lệ nợ quá hạn kéo dài góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững, phục vụ đắc lực công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

2. Triển khai thực hiện tốt *Luật ngân hàng nhà nước* và *Luật các tổ chức tín dụng*; xây dựng đồng bộ các văn bản dưới luật, nghiên cứu và xây dựng chính sách huy động có hiệu quả mọi nguồn vốn trong nước, đặc biệt vốn trung và dài hạn, ra sức tranh thủ các nguồn vốn nước ngoài, nhất là vốn ưu đãi. Thực hiện chính sách cho vay và sử dụng linh hoạt công cụ lãi suất nhằm hỗ trợ, thúc đẩy các doanh nghiệp trong nền kinh tế phát triển sản xuất kinh doanh và tăng khả năng cạnh tranh.

3. Tăng cường hiệu lực và hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra của hệ thống ngân hàng và của tổ chức đảng trong ngành ngân hàng. Đề cao tự phê bình và phê bình, phát hiện, ngăn chặn và xử lý nghiêm minh, kịp thời những sai phạm, tiêu cực, tham nhũng trong hoạt động ngân hàng. Đưa ra khỏi ngành những cán bộ, đảng viên thoái hóa biến chất, có hành vi tiêu cực, bao che tiếp tay cho các hành vi tham nhũng.

4. Kiện toàn tổ chức đảng các cấp trong hệ thống ngân hàng theo nguyên tắc vừa đảm bảo sự lãnh đạo của cấp ủy đảng trên từng địa bàn, vừa đảm bảo tính chỉ đạo tập trung thống nhất theo ngành dọc. củng cố tổ chức và nâng cao chất lượng hoạt động của Ban Cán sự Đảng Ngân hàng Nhà nước, các ban cán sự đảng, đảng ủy khối ngân hàng trên địa bàn tỉnh, thành phố. Ở những nơi chưa thành lập ban cán sự đảng, đảng ủy khối ngân hàng phải khẩn trương nghiên cứu

mô hình tổ chức phù hợp để thành lập ngay. Đồng thời, tập trung củng cố tổ chức và nâng cao chất lượng sinh hoạt đảng trong ngành ngân hàng, nhất là tổ chức đảng ở cơ sở.

5. Thực hiện tốt công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, sàng lọc và xây dựng đội ngũ cán bộ ngân hàng có phẩm chất chính trị vững vàng, tinh thông về nghiệp vụ, có bản lĩnh để hoàn thành tốt nhiệm vụ, đáp ứng yêu cầu chiến lược cán bộ của thời kỳ công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 3 (khóa VIII).

6. Lãnh đạo các đoàn thể quần chúng làm tốt công tác chính trị tư tưởng, động viên lực lượng quần chúng trong toàn ngành ngân hàng phấn khởi, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, hăng hái thi đua lao động sáng tạo để làm tốt công tác và nhiệm vụ chính trị được giao.

7. Về tổ chức thực hiện:

- Ban Cán sự Đảng Chính phủ, Ban Kinh tế Trung ương phối hợp chỉ đạo tổng kết 10 năm đổi mới của ngành ngân hàng, rút ra những bài học kinh nghiệm và xây dựng chiến lược phát triển toàn diện của ngành ngân hàng đến năm 2005 và 2010, trước mắt có kế hoạch đổi mới và phát triển hệ thống ngân hàng đến năm 2000.

- Ban Tổ chức Trung ương chủ trì phối hợp với Ban Kinh tế Trung ương, Ban Cán sự Đảng Ngân hàng Nhà nước trong năm 1998 triển khai nghiên cứu mô hình tổ chức đảng, đoàn thể trong ngành ngân hàng ở Trung ương và trên địa bàn cấp tỉnh, thành phố phù hợp với hoạt động trong lĩnh vực ngân hàng.

- Các tỉnh ủy, thành ủy và các cấp ủy đảng địa phương cần phối hợp chặt chẽ với Ban Cán sự Đảng Ngân hàng Nhà

nước, thường xuyên theo dõi và chỉ đạo triển khai thực hiện tốt các chủ trương, chính sách trong lĩnh vực ngân hàng; tăng cường công tác quản lý cán bộ, đảng viên các ngân hàng trên địa bàn, tạo mọi điều kiện thuận lợi để ngành ngân hàng hoạt động có hiệu quả.

- Ban Cán sự Đảng Ngân hàng Nhà nước phối hợp với các tỉnh ủy, thành ủy xây dựng quy chế làm việc của ban cán sự đảng và quy chế làm việc của đảng ủy khối ngân hàng tỉnh, thành phố.

Bộ Chính trị yêu cầu các ban đảng, các ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy các bộ, ngành và đoàn thể Trung ương, các cấp ủy đảng ở địa phương quán triệt và chỉ đạo thực hiện tốt Chỉ thị này.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

PHẠM THẾ DUYỆT

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUY ĐỊNH
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ
Số 36-QĐ/TW, ngày 9 tháng 5 năm 1998
Về tổ chức đảng
trong Quân đội nhân dân Việt Nam

Căn cứ vào Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII và Điều lệ của Đảng Cộng sản Việt Nam:

"Đảng lãnh đạo Quân đội nhân dân Việt Nam... tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt";

"Tổ chức đảng trong Quân đội nhân dân Việt Nam... hoạt động theo Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, nghị quyết, chỉ thị của Đảng và pháp luật của Nhà nước",

Bộ Chính trị quy định tổ chức đảng trong Quân đội nhân dân Việt Nam như sau:

I- HỆ THỐNG TỔ CHỨC ĐẢNG CÁC CẤP TRONG QUÂN ĐỘI

Đảng thực hiện sự lãnh đạo đối với quân đội thông qua hệ thống tổ chức đảng, hệ thống tổ chức chỉ huy, hệ thống cơ quan chính trị, cán bộ chính trị các cấp và các tổ chức quần chúng ở đơn vị cơ sở.

Toàn quân có "Đảng ủy Quân sự Trung ương (gọi tắt là Quân ủy Trung ương) do Bộ Chính trị chỉ định, gồm một số Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương công tác trong quân đội và một số Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương công tác ngoài quân đội, đặt dưới sự lãnh đạo của Ban Chấp hành Trung ương mà trực tiếp, thường xuyên là Bộ Chính trị". Ban Thường vụ Đảng ủy Quân sự Trung ương có từ 5 đến 7 đồng chí, gồm bí thư, một hoặc hai phó bí thư và các ủy viên.

Từ cấp ủy đảng trực thuộc Đảng ủy Quân sự Trung ương đến cơ sở ở cấp nào do đại hội cấp đó bầu; hội nghị đảng ủy bầu ban thường vụ, bầu bí thư, phó bí thư trong số ủy viên thường vụ; bầu ủy ban kiểm tra, bầu chủ nhiệm ủy ban kiểm tra trong số ủy viên ủy ban kiểm tra và được đảng ủy cấp trên trực tiếp chuẩn y. Trường hợp đặc biệt do cấp ủy cấp trên trực tiếp chỉ định.

1. Cấp ủy đảng trong bộ đội chủ lực và bộ đội biên phòng

- Đảng ủy quân khu gồm các đồng chí công tác trong đảng bộ quân khu do đại hội cùng cấp bầu có số lượng từ 11 đến 15 ủy viên và các đồng chí bí thư tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương trên địa bàn quân khu được Bộ Chính trị chỉ định tham gia.

- Đảng ủy: Bộ Tổng tham mưu - cơ quan Bộ Quốc phòng, cơ quan Tổng cục Chính trị, Tổng cục Hậu cần, Tổng cục Kỹ thuật, Tổng cục Tình báo, Tổng cục Công nghiệp quốc phòng - kinh tế; quân chủng; Bộ đội biên phòng, quân đoàn, Học viện Quốc phòng, binh chủng và tương đương có số lượng từ 11 đến 15 ủy viên.

- Đảng ủy: Các học viện, trường đào tạo sĩ quan, trường quân sự quân khu, quân đoàn; đảng ủy sư đoàn, đảng ủy các tổng công ty trực thuộc quân khu, quân chủng, binh chủng; đảng ủy các doanh nghiệp lớn mà ở các doanh nghiệp thành viên có đảng ủy cơ sở và các đảng ủy tương đương có số lượng từ 9 đến 13 ủy viên.

- Đảng ủy cơ sở có số lượng từ 5 đến 11 ủy viên.

Những đảng ủy cơ sở có 9 ủy viên trở lên được bầu ban thường vụ, những đảng ủy cơ sở có dưới 9 ủy viên thì bầu bí thư và phó bí thư.

Số lượng ủy viên ban thường vụ không quá 1/3 số ủy viên ban chấp hành cùng cấp.

2. Tổ chức đảng ở cơ quan quân sự, đơn vị bộ đội địa phương và trong bộ đội biên phòng tỉnh, thành phố

Tổ chức đảng ở cơ quan quân sự địa phương tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh, thành được thành lập theo quy định về tổ chức đảng trong quân đội, đặt dưới sự lãnh đạo về mọi mặt của cấp ủy địa phương; đồng thời chấp hành nghị quyết của đảng ủy quân sự cấp trên về nhiệm vụ quốc phòng toàn dân, công tác quân sự địa phương.

- Đảng ủy quân sự tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có số lượng từ 9 đến 13 ủy viên, gồm các đồng chí ủy viên công tác trong đảng bộ quân sự địa phương do đại hội cùng cấp bầu và các đồng chí tỉnh ủy viên, thành ủy viên là bí thư, là chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp và đồng chí chỉ huy trưởng bộ đội biên phòng được tỉnh ủy, thành ủy chỉ định

tham gia. Đồng chí bí thư tỉnh ủy, thành ủy trực tiếp làm bí thư đảng ủy quân sự.

- Các tỉnh, thành phố có bộ đội biên phòng: tổ chức đảng ở các cơ quan, đơn vị trực thuộc (các tiểu khu, hải đoàn, biên phòng cửa khẩu, cảng) được tổ chức thành đảng bộ bộ đội biên phòng tỉnh, thành đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp về mọi mặt của tỉnh ủy, thành ủy. Đảng ủy bộ đội biên phòng tỉnh, thành phố có số lượng từ 9 đến 13 ủy viên.

- Đảng ủy quân sự huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh có số lượng từ 5 đến 11 ủy viên, gồm các đồng chí ủy viên công tác trong đảng bộ quân sự địa phương do đại hội cùng cấp bầu và các đồng chí huyện, quận, thị, thành ủy viên là bí thư, là chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp được cấp ủy địa phương chỉ định tham gia. Đồng chí bí thư cấp ủy huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh trực tiếp làm bí thư đảng ủy quân sự cùng cấp.

- Cơ quan chính trị cấp trên trực tiếp phối hợp với các cấp ủy địa phương chỉ đạo công tác đảng, công tác chính trị, công tác quần chúng trong lực lượng vũ trang địa phương và bộ đội biên phòng. Phối hợp với các ban của cấp ủy địa phương hướng dẫn và kiểm tra thực hiện các mặt công tác trên.

3. Ngoài những tổ chức cơ bản đã nêu trên, trong trường hợp cần lập những tổ chức lâm thời thì Đảng ủy Quân sự Trung ương hoặc đảng ủy quân khu, quân chủng, biên phòng, quân đoàn và tương đương chỉ định đảng ủy lâm thời để lãnh đạo thực hiện các nhiệm vụ được giao.

4. Tổ chức đảng trong các doanh nghiệp quân đội liên doanh với nước ngoài, tùy theo số lượng đảng viên,

quy mô tổ chức lực lượng và đặc điểm hoạt động sản xuất, kinh doanh mà lập tổ chức đảng cho phù hợp.

II- CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA CÁC CẤP ỦY ĐẢNG

1. Đảng ủy Quân sự Trung ương

a) Chức năng:

- Nghiên cứu, đề xuất để Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị quyết định những vấn đề về đường lối, nhiệm vụ quân sự và quốc phòng, phương hướng nhiệm vụ xây dựng, củng cố nền quốc phòng toàn dân, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân, xây dựng nền công nghiệp quốc phòng, công tác quân sự địa phương, tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh của đất nước, xây dựng vững chắc nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân gắn với nền an ninh toàn dân và thế trận an ninh nhân dân, nâng cao chất lượng các lực lượng vũ trang; xây dựng Đảng và công tác đảng, công tác chính trị; xây dựng đội ngũ cán bộ của Đảng trong quân đội và các chế độ chính sách đối với quân đội.

- Lãnh đạo toàn quân chấp hành nghiêm chỉnh đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, thực hiện thắng lợi nhiệm vụ quân sự, quốc phòng và các nhiệm vụ khác được Đảng và Nhà nước giao cho; xây dựng đảng bộ quân đội trong sạch, vững mạnh, có năng lực lãnh đạo mọi mặt, có sức chiến đấu cao.

b) Nhiệm vụ:

- Lãnh đạo xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, lấy xây

dựng chính trị làm cơ sở, trung thành với Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, tuyệt đối phục tùng sự lãnh đạo của Đảng, đoàn kết thống nhất nội bộ, gắn bó mật thiết với nhân dân, nghiêm chỉnh chấp hành Hiến pháp, pháp luật của Nhà nước, kỷ luật của quân đội, bảo đảm luôn sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu thắng lợi trong mọi tình huống, bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

- Hướng dẫn các cấp ủy địa phương, các cơ quan, các ngành ở Trung ương thực hiện nghị quyết, chỉ thị của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân gắn với nền an ninh nhân dân và thế trận an ninh nhân dân, công tác quân sự địa phương và thực hiện chính sách hậu phương quân đội, chỉ đạo xây dựng dân quân tự vệ vững mạnh, rộng khắp; xây dựng lực lượng dự bị động viên có chất lượng cao, được tổ chức và quản lý chặt chẽ.

- Lãnh đạo quân đội lao động, sản xuất, xây dựng kinh tế có năng suất, chất lượng và hiệu quả cao, theo đúng đường lối, quan điểm của Đảng, pháp luật của Nhà nước, góp phần xây dựng đất nước và từng bước cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của bộ đội.

- Lãnh đạo xây dựng và phát triển khoa học nghệ thuật quân sự Việt Nam và khoa học - công nghệ quốc phòng. Xây dựng nền công nghiệp quốc phòng từng bước đáp ứng yêu cầu xây dựng và chiến đấu của lực lượng vũ trang; sử dụng có hiệu quả, an toàn, tiết kiệm cơ sở vật chất, kỹ thuật, tài chính và mọi tài sản khác của quân đội.

- Xây dựng đảng bộ quân đội trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức, thực hiện nghiêm chỉnh

nguyên tắc tập trung dân chủ, thực hiện tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, tự phê bình, phê bình và các chế độ sinh hoạt của Đảng, xây dựng cơ quan chính trị, cán bộ chính trị các cấp; tăng cường và nâng cao hiệu lực công tác đảng, công tác chính trị trong mọi nhiệm vụ, mọi hoàn cảnh của quân đội.

- Lãnh đạo xây dựng cơ quan và đội ngũ cán bộ các cấp, các ngành của Đảng trong quân đội chất lượng cao và số lượng phù hợp đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ cả trước mắt và lâu dài, kết hợp xây dựng đội ngũ cán bộ với xây dựng đội ngũ đảng viên; bồi dưỡng kiến thức quân sự, quốc phòng và kinh tế - xã hội cho cán bộ các cấp của Đảng, Nhà nước và đoàn thể quần chúng theo kế hoạch chung và phạm vi phân công, phân cấp. Thực hiện đúng các nguyên tắc, chế độ quy định về công tác cán bộ của Đảng.

- Lãnh đạo công tác kiểm tra và thực hiện kiểm tra đối với tổ chức đảng trực thuộc và đảng viên thuộc diện Đảng ủy Quân sự Trung ương quản lý; giải quyết các khiếu nại theo thẩm quyền.

- Lãnh đạo công tác bảo vệ an ninh, nâng cao cảnh giác cách mạng, chấp hành nghiêm túc chế độ phòng gian giữ bí mật; kiên quyết đấu tranh đánh bại chiến lược "diễn biến hòa bình, bạo loạn lật đổ" và các âm mưu, thủ đoạn khác của các thế lực thù địch để bảo vệ Đảng, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ quân đội.

- Triệu tập Đại hội đại biểu toàn quân, chuẩn bị tham gia Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng theo nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương và chỉ thị của Bộ Chính trị.

c) Quyền hạn:

- Chuẩn y đảng ủy và ủy ban kiểm tra cấp dưới trực tiếp do Đại hội đại biểu đảng bộ cấp dưới trực tiếp bầu ra, chỉ định bổ sung đảng ủy viên cấp đó theo quy định.

- Thành lập các tổ chức đảng và các tổ chức đơn vị quân đội từ cấp binh chủng và tương đương trở xuống.

- Quyết định các chức vụ từ tư lệnh binh chủng, sư đoàn trưởng, cục trưởng và tương đương; thăng hoặc giáng cấp quân hàm từ đại tá trở xuống.

- Đề nghị Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị thi hành kỷ luật đảng viên là cán bộ thuộc diện quản lý của Ban Chấp hành Trung ương và Bộ Chính trị; thảo luận quyết định các hình thức kỷ luật đối với đảng viên là cán bộ thuộc diện quản lý của Đảng ủy Quân sự Trung ương.

Quyết định các hình thức kỷ luật khiển trách, cảnh cáo đối với các tổ chức đảng cấp dưới trực tiếp; chuẩn y đề nghị của cấp dưới trực tiếp về hình thức giải tán cấp ủy sư đoàn và tương đương trở xuống. Quyết định đề nghị thi hành kỷ luật giải tán đảng ủy quân khu, quân chủng, đảng ủy bộ đội biên phòng, quân đoàn và tương đương, báo cáo lên Bộ Chính trị chuẩn y.

2. Đảng ủy các cấp

Đảng ủy các cấp lãnh đạo mọi mặt các đơn vị thuộc quyền theo phạm vi, chức năng và nội dung quy định cho từng cấp.

a) Nhiệm vụ:

- Lãnh đạo đơn vị chấp hành đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, Hiến pháp, pháp luật của Nhà nước, nghị

quyết của đảng ủy, mệnh lệnh của cấp trên; nghị quyết của đại hội đảng bộ cấp mình.

- Giáo dục xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên, chiến sĩ, công nhân viên chức quốc phòng trong đơn vị có bản lĩnh chính trị vững vàng, kiên định mục tiêu lý tưởng cách mạng và con đường xã hội chủ nghĩa; nhất trí với đường lối, quan điểm, chủ trương, chính sách của Đảng, phát huy bản chất cách mạng, truyền thống vẻ vang của dân tộc, của Đảng, của quân đội, củng cố đoàn kết nhất trí nội bộ, đoàn kết quân dân; nâng cao ý thức tổ chức kỷ luật, sẵn sàng nhận và hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ được giao.

- Lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ lao động, sản xuất và làm kinh tế có năng suất, chất lượng, hiệu quả cao, đúng đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước, quy định của quân đội.

- Xây dựng đảng bộ, chi bộ trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức; nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của các tổ chức đảng; chấp hành nghiêm chỉnh nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, tự phê bình, phê bình và các chế độ sinh hoạt, giữ vững sự đoàn kết nhất trí trong Đảng; xây dựng tổ chức cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh; xây dựng đội ngũ đảng viên có chất lượng cao, số lượng phù hợp. Kiện toàn cấp ủy đảng, cơ quan chính trị các cấp đúng quy định, tăng cường và nâng cao hiệu lực công tác đảng, công tác chính trị trong mọi nhiệm vụ, trong mọi hoàn cảnh.

- Lãnh đạo xây dựng và quản lý đội ngũ cán bộ kết hợp chặt chẽ với xây dựng đội ngũ đảng viên có chất lượng cao và số lượng phù hợp, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ cả trước mắt và lâu dài của đơn vị và quân đội.

- Lãnh đạo công tác bảo vệ an ninh, nâng cao cảnh giác cách mạng, chấp hành nghiêm túc chế độ phòng gian giữ bí mật; kiên quyết đấu tranh đánh bại chiến lược "diễn biến hòa bình, bạo loạn lật đổ", chiến tranh tâm lý và các âm mưu, thủ đoạn khác của các thế lực thù địch, để bảo vệ Đảng, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ quân đội và đơn vị.

- Lãnh đạo công tác kiểm tra, kiểm tra các tổ chức đảng và đảng viên thuộc diện quản lý theo quy định của Điều lệ Đảng và hướng dẫn của trên.

- Lãnh đạo thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước đối với cán bộ, chiến sĩ trong đơn vị; thực hiện quy chế dân chủ, công tác dân vận và xây dựng địa bàn trong sạch, an toàn nơi đóng quân.

- Lãnh đạo xây dựng các tổ chức quần chúng trong đơn vị vững mạnh, thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ; chăm lo bồi dưỡng đội ngũ cán bộ làm công tác quần chúng, quan tâm đến lợi ích chính đáng của quần chúng.

+ Đảng ủy quân khu đi đôi với trách nhiệm lãnh đạo mọi mặt của đơn vị thuộc quyền, còn có nhiệm vụ chỉ đạo xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận chiến tranh nhân dân, công tác quân sự địa phương, xây dựng lực lượng vũ trang địa phương và chấp hành chính sách hậu phương quân đội trên địa bàn quân khu; phối hợp với cấp ủy địa phương thực hiện thắng lợi nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong địa bàn quân khu.

Các cấp ủy địa phương có trách nhiệm lãnh đạo thực hiện nghị quyết của đảng ủy quân khu về các mặt công tác nói trên.

+ Đảng ủy bộ đội biên phòng đi đôi với trách nhiệm lãnh đạo mọi mặt các đơn vị thuộc quyền còn có nhiệm vụ: nghiên

cứu, đề xuất để Đảng ủy Quân sự Trung ương quyết định các chủ trương công tác biên phòng và xây dựng bộ đội biên phòng; đồng thời lãnh đạo triển khai thực hiện các chủ trương nói trên đối với bộ đội biên phòng trong phạm vi cả nước theo đúng chủ trương, kế hoạch thống nhất của Bộ Quốc phòng.

+ Đảng ủy bộ đội biên phòng tỉnh, thành đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp của tỉnh ủy, thành ủy, có nhiệm vụ: nghiên cứu, đề xuất với cấp ủy địa phương và đảng ủy bộ đội biên phòng nội dung lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ quản lý, bảo vệ chủ quyền, an ninh biên giới trên bộ, trên biển của Tổ quốc và xây dựng nền biên phòng toàn dân ở địa phương mình để tỉnh ủy, thành ủy ra nghị quyết lãnh đạo các cấp, các ban, ngành thực hiện; đồng thời lãnh đạo các đơn vị thuộc quyền thực hiện các nghị quyết nói trên của cấp ủy địa phương và nghị quyết của đảng ủy bộ đội biên phòng về tổ chức xây dựng lực lượng và công tác biên phòng; chấp hành nghị quyết của đảng ủy quân khu về kế hoạch phòng thủ tác chiến và nhiệm vụ tác chiến khi xảy ra xung đột vũ trang hoặc chiến tranh xâm lược.

+ Đảng ủy quân sự tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, đảng ủy quân sự huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh lãnh đạo về mọi mặt cơ quan quân sự và các đơn vị bộ đội địa phương thuộc quyền thực hiện thắng lợi mọi nhiệm vụ do cấp ủy địa phương và quân khu giao cho; đề đạt với cấp ủy địa phương nội dung lãnh đạo công tác quốc phòng, quân sự địa phương và chấp hành chính sách hậu phương quân đội, kết hợp kinh tế với quốc phòng, quốc phòng với an ninh để cấp ủy ra nghị quyết lãnh đạo các cấp, các ngành thực

hiện; đồng thời có trách nhiệm hướng dẫn và theo dõi kết quả thực hiện.

+ Đảng ủy đơn vị làm kinh tế và sản xuất quốc phòng có nhiệm vụ lãnh đạo đơn vị quán triệt và thực hiện quan điểm công nghiệp hóa, hiện đại hóa, sản xuất, kinh doanh phát triển, đạt hiệu quả kinh tế - xã hội cao, thích ứng với cơ chế quản lý mới, bảo toàn và phát triển được vốn; nộp thuế, đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế theo quy định, lãnh đạo thực hiện đổi mới và phát triển công nghệ sản xuất quốc phòng; kết hợp sản xuất kinh tế với sản xuất quốc phòng, quốc phòng, an ninh với kinh tế theo đúng quan điểm của Đảng, pháp luật của Nhà nước, quy định của quân đội, bảo đảm việc làm, nâng cao đời sống và quyền làm chủ của người lao động; phối hợp với địa phương xây dựng địa bàn an toàn.

+ Đảng bộ, chi bộ trong các doanh nghiệp của quân đội liên doanh với nước ngoài là hạt nhân chính trị ở cơ sở, hoạt động công khai hợp pháp, theo pháp luật, Điều lệ Đảng và Quy định số 15-QĐ/TW, ngày 26-11-1996 của Bộ Chính trị "Về chức năng, nhiệm vụ của đảng bộ, chi bộ trong các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài", có nhiệm vụ lãnh đạo thực hiện chính sách, pháp luật của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, bảo đảm lợi ích hợp pháp của các bên trong doanh nghiệp, bảo vệ quyền lợi, nhân phẩm người lao động.

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ, xây dựng tổ chức đảng, giải quyết các mối quan hệ theo quy định nói trên của Bộ Chính trị và sự hướng dẫn, kiểm tra của các cơ quan cấp trên.

b) Quyền hạn:

- Quyết định thành lập hoặc giải thể đảng bộ, chi bộ trực

thuộc theo quyết định và hướng dẫn của cấp trên, báo cáo với cấp ủy cấp trên trực tiếp.

- Chuẩn y kết quả bầu cấp ủy, ủy ban kiểm tra và chỉ định bổ sung cấp ủy viên cấp dưới trực tiếp.

- Bổ nhiệm, bãi miễn chức vụ, thăng hoặc giáng cấp quân hàm cán bộ theo phân công, phân cấp. Việc xét kỷ luật đối với đảng viên thuộc đảng bộ quân sự địa phương, biên phòng tỉnh, thành là sĩ quan do cấp quân khu, biên phòng quản lý cần được bàn bạc nhất trí giữa đảng ủy quân khu, đảng ủy bộ đội biên phòng với tỉnh ủy, thành ủy trước khi quyết định, hoặc báo cáo lên cấp trên quyết định. Trường hợp có những ý kiến còn khác nhau thì báo cáo để Đảng ủy Quân sự Trung ương, Bộ Chính trị xem xét quyết định.

- Khen thưởng và kỷ luật đối với đảng viên và tổ chức đảng thực hiện theo chương VIII Điều lệ Đảng và các quy định của Trung ương.

Quyền hạn cụ thể của từng cấp do Đảng ủy Quân sự Trung ương căn cứ vào chương VIII Điều lệ Đảng và ủy quyền của Ban Chấp hành Trung ương để quy định cụ thể.

Giao cho Đảng ủy Quân sự Trung ương căn cứ vào nhiệm vụ, quyền hạn của đảng ủy các cấp để quy định cụ thể về tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn của tổ chức cơ sở đảng trong Quân đội nhân dân Việt Nam.

III- ĐẠI HỘI ĐẢNG CÁC CẤP VÀ NHIỆM KỲ CỦA CÁC CẤP ỦY ĐẢNG

1. Đại hội đại biểu đảng bộ từ cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng trở lên do cấp ủy cùng cấp triệu tập thường

lệ năm năm một lần; có thể triệu tập sớm hơn hoặc muộn hơn, nhưng không quá một năm. Nhiệm kỳ của cấp ủy cấp trên cơ sở là năm năm.

2. Đại hội đại biểu hoặc đại hội đảng viên của tổ chức cơ sở đảng, đảng bộ bộ phận do cấp ủy cùng cấp triệu tập năm năm hai lần; có thể triệu tập sớm hơn hoặc muộn hơn nhưng không quá sáu tháng. Đảng ủy cơ sở, đảng ủy bộ phận, chi ủy cơ sở năm năm có hai nhiệm kỳ.

3. Đại hội chi bộ trực thuộc tổ chức cơ sở đảng một năm một lần; chi ủy, bí thư, phó bí thư chi bộ nhiệm kỳ là một năm.

Đại hội đảng các cấp thảo luận văn kiện của cấp trên; đánh giá kết quả thực hiện nghị quyết nhiệm kỳ vừa qua, quyết định nhiệm vụ nhiệm kỳ tới; bầu cấp ủy; bầu đại biểu đi dự đại hội cấp trên.

IV- CHẾ ĐỘ SINH HOẠT CỦA CẤP ỦY ĐẢNG TRONG QUÂN ĐỘI

- Đảng ủy Quân sự Trung ương thường lệ sáu tháng họp một lần; ban thường vụ một tháng họp một lần.

- Đảng ủy quân khu thường lệ sáu tháng họp một lần bàn các vấn đề chung trong toàn quân khu. Những vấn đề lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ cụ thể trong lực lượng vũ trang thì giao cho ban thường vụ họp bàn giải quyết và báo cáo với đảng ủy trong các lần sinh hoạt định kỳ. Ban thường vụ đảng ủy quân khu một tháng họp một lần.

- Đảng ủy từ cấp trên trực tiếp cơ sở trở lên thường lệ ba tháng họp một lần; ban thường vụ một tháng họp một lần.

- Đảng ủy cơ sở, đảng ủy bộ phận, chi bộ thường lệ một tháng họp một lần; ban thường vụ một tháng họp hai lần.
- Ngoài những quy định trên, khi cần thiết các đảng ủy, ban thường vụ họp bất thường.

V- ỦY BAN KIỂM TRA CÁC CẤP

Ủy ban kiểm tra các cấp do cấp ủy cùng cấp bầu, gồm một số đồng chí trong cấp ủy và một số đồng chí ngoài cấp ủy.

Chủ nhiệm và các thành viên ủy ban kiểm tra cấp dưới phải được cấp ủy cấp trên trực tiếp chuẩn y; nếu điều động chủ nhiệm ủy ban kiểm tra sang công tác khác phải được cấp ủy cấp trên trực tiếp đồng ý. Nhiệm vụ và quyền hạn của ủy ban kiểm tra các cấp chấp hành theo đúng quy định của Điều 32 và 33 Điều lệ Đảng (khóa VIII).

Ủy ban kiểm tra làm việc theo chế độ tập thể, dưới sự lãnh đạo của cấp ủy cùng cấp và sự chỉ đạo, kiểm tra của ủy ban kiểm tra cấp trên.

Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn do Điều lệ Đảng đã quy định và hướng dẫn của Ủy ban Kiểm tra Trung ương, ủy ban kiểm tra các cấp có quyền yêu cầu tổ chức đảng cấp dưới, các đơn vị, cơ quan, đảng viên, cán bộ, chiến sĩ cung cấp tình hình và những tài liệu có liên quan đến nội dung kiểm tra.

Ủy ban kiểm tra đảng ủy quân khu, đảng ủy bộ đội biên phòng phối hợp chặt chẽ với ủy ban kiểm tra tỉnh ủy, thành ủy và ủy ban kiểm tra đảng ủy quân sự, đảng ủy biên phòng tỉnh, thành trong địa bàn quân khu để kiểm tra thực hiện nhiệm vụ như Điều 32 Điều lệ Đảng (khóa VIII) đối với đảng

viên và tổ chức đảng trong đảng bộ quân sự địa phương và đảng bộ bộ đội biên phòng tỉnh, thành.

VI- QUAN HỆ GIỮA ĐẢNG ỦY, BÍ THƯ ĐẢNG ỦY VỚI NGƯỜI CHỈ HUY

1. Quan hệ giữa đảng ủy với người chỉ huy đơn vị, kể cả tổng giám đốc, giám đốc

- Đảng ủy là cơ quan lãnh đạo giữa hai kỳ đại hội đảng bộ. Người chỉ huy phải phục tùng sự lãnh đạo của tập thể đảng ủy, kịp thời báo cáo với đảng ủy tình hình đơn vị và mọi nhiệm vụ của đơn vị được cấp trên giao, đề xuất chủ trương lãnh đạo, biện pháp thực hiện để đảng ủy thảo luận quyết định và có trách nhiệm thực hiện nghiêm chỉnh nghị quyết của đảng ủy theo chức trách của mình. Đối với nhiệm vụ tác chiến, người chỉ huy báo cáo với đảng ủy nhiệm vụ cấp trên giao, phương án tác chiến, dự kiến các tình huống xảy ra và đề xuất chủ trương, biện pháp lãnh đạo để thực hiện thắng lợi nhiệm vụ.

Trường hợp nhận nhiệm vụ chiến đấu khẩn trương hoặc quá trình thực hiện tình huống diễn biến ngoài dự kiến, không có điều kiện họp đảng ủy hoặc thường vụ đảng ủy được, thì người chỉ huy phải chủ động trao đổi với bí thư; trường hợp chưa thống nhất thì người chỉ huy quyết đoán, xử trí kịp thời để hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ, sau đó báo cáo và chịu trách nhiệm với đảng ủy cấp mình và cấp trên.

- Các đơn vị quân đội làm kinh tế và sản xuất quốc phòng, tổng giám đốc, giám đốc định kỳ ba tháng, sáu tháng, một năm báo cáo với đảng ủy về kết quả thực hiện kế hoạch,

hiệu quả sản xuất quốc phòng, kinh tế - xã hội của kỳ trước, và dự án kế hoạch sản xuất quốc phòng, kinh tế - xã hội của kỳ sau, cùng những biện pháp chủ yếu nhằm hoàn thành các kế hoạch đó để đảng ủy thảo luận, ra nghị quyết và các chủ trương lãnh đạo. Tổng giám đốc, giám đốc phải chấp hành việc kiểm tra của đảng ủy về mọi mặt hoạt động và thực hiện nghiêm chỉnh nghị quyết của đảng ủy.

Tổng giám đốc, giám đốc theo chức năng, nhiệm vụ, chức trách của mình chủ động trong quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh và chịu trách nhiệm trước đảng ủy, trước pháp luật và cấp trên về các quyết định của mình.

2. Quan hệ giữa bí thư đảng ủy với người chỉ huy đơn vị, tổng giám đốc, giám đốc

Bí thư đảng ủy và người chỉ huy đơn vị, tổng giám đốc, giám đốc hoạt động trong đảng bộ và đơn vị theo chức trách, dưới sự lãnh đạo của đảng ủy, quan hệ giữa bí thư đảng ủy với người chỉ huy, tổng giám đốc, giám đốc là quan hệ phối hợp công tác.

Bí thư đảng ủy và người chỉ huy, tổng giám đốc, giám đốc phải kịp thời thông báo cho nhau biết rõ nghị quyết của đảng ủy và mệnh lệnh, chỉ thị của cấp trên; chủ động trao đổi, đánh giá tình hình; đề xuất biện pháp lãnh đạo, phân công chuẩn bị để báo cáo đảng ủy hoặc thường vụ đảng ủy quyết định; thống nhất kế hoạch triển khai và kiểm tra các tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị thực hiện nghị quyết của đảng ủy, nhiệm vụ của đơn vị. Bí thư đảng ủy và người chỉ huy, tổng giám đốc, giám đốc phải thống nhất quan điểm giải quyết các vấn đề trong đơn vị. Trường hợp có ý kiến khác nhau phải

cùng nhau trao đổi để nhất trí; nếu đã trao đổi kỹ mà chưa nhất trí phải kịp thời đưa ra đảng ủy hoặc thường vụ đảng ủy thảo luận quyết định.

3. Quan hệ giữa cấp ủy đảng với tổ chức quần chúng

Các tổ chức quần chúng trong đơn vị cơ sở đặt dưới sự lãnh đạo của cấp ủy đảng về mọi mặt. Các tổ chức quần chúng phải quán triệt và thực hiện nghiêm chỉnh nghị quyết của cấp ủy theo chức năng, nhiệm vụ của tổ chức mình để thực hiện thắng lợi mọi nhiệm vụ của đơn vị.

Các cấp ủy đảng quan tâm tạo điều kiện cho các tổ chức quần chúng hoạt động có hiệu quả, chăm lo sự tiến bộ và bảo vệ lợi ích chính đáng của quần chúng.

VII- QUAN HỆ GIỮA CẤP ỦY ĐẢNG TRONG QUÂN ĐỘI VỚI CẤP ỦY ĐẢNG VÀ CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG

1. Quan hệ giữa đảng ủy quân khu với tỉnh ủy, thành ủy trong quân khu

Đảng ủy quân khu có trách nhiệm chỉ đạo xây dựng nền quốc phòng toàn dân, công tác quân sự địa phương trong toàn quân khu.

Tỉnh ủy, thành ủy có trách nhiệm lãnh đạo thực hiện nghị quyết của đảng ủy quân khu về xây dựng nền quốc phòng toàn dân và công tác quân sự địa phương trong địa phương mình; lãnh đạo đảng ủy, người chỉ huy quân sự và người chỉ huy biên phòng tỉnh, thành chấp hành nghị quyết, chỉ thị của đảng ủy, mệnh lệnh của tư lệnh quân khu về công tác quân sự địa phương và hướng dẫn của cục chính trị quân

khu về công tác đảng, công tác chính trị trong lực lượng vũ trang địa phương.

Đảng ủy quân sự địa phương và đảng ủy bộ đội biên phòng tỉnh, thành do tỉnh ủy, thành ủy lãnh đạo; quân số, cán bộ, trang bị kỹ thuật do quân đội quản lý. Khi điều động, bổ nhiệm cán bộ quân sự địa phương, và biên phòng tỉnh, thành theo phân cấp quản lý thì đảng ủy quân khu, đảng ủy bộ đội biên phòng và tỉnh ủy, thành ủy cùng bàn bạc nhất trí, sau khi đã thống nhất cấp có thẩm quyền ra quyết định; nếu có vấn đề chưa nhất trí thì báo cáo lên Đảng ủy Quân sự Trung ương và Bộ Chính trị. Trường hợp khẩn cấp trong chiến đấu thực hiện theo quyết định của cấp có thẩm quyền trong quân đội.

2. Quan hệ giữa cấp ủy đơn vị chủ lực với cấp ủy, chính quyền địa phương

Các đơn vị chủ lực đến làm nhiệm vụ ở địa phương nào thì cấp ủy và người chỉ huy đơn vị đó có trách nhiệm thông báo tình hình và nhiệm vụ có liên quan với cấp ủy, chính quyền địa phương và cùng người chỉ huy quân sự địa phương thống nhất kế hoạch, hiệp đồng tổ chức phòng thủ, tác chiến theo mệnh lệnh, chỉ thị của cấp trên, bảo vệ an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, chấp hành các chính sách, pháp luật của Nhà nước, quy định của chính quyền địa phương. Khi chuyển đi nơi khác cần thông báo với cấp ủy, chính quyền và người chỉ huy quân sự địa phương biết.

Trường hợp đơn vị bộ đội chủ lực làm nhiệm vụ lâu dài trên địa bàn tỉnh, thành phố, huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, khi thấy cần thiết thì cấp ủy cấp trên trực tiếp

bàn bạc thống nhất với cấp ủy địa phương có thể chỉ định một vài đồng chí đảng viên là cán bộ chủ trì đơn vị tham gia vào cấp ủy địa phương để phối hợp lãnh đạo thực hiện công tác quốc phòng, quân sự địa phương trên địa bàn.

3. Quan hệ giữa đảng ủy bộ đội biên phòng với tỉnh ủy, thành ủy nơi có bộ đội biên phòng là mối quan hệ phối hợp để thực hiện nhiệm vụ xây dựng, quản lý, bảo vệ chủ quyền an ninh biên giới trên bộ và trên biển ở địa phương, xây dựng nền biên phòng toàn dân ở địa phương và xây dựng bộ đội biên phòng vững mạnh mọi mặt.

Tổ chức cơ sở đảng ở tiểu khu, hải đoàn, biên phòng của khẩu, cảng, các đồn, trạm, đội công tác, đơn vị trực thuộc đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp của đảng ủy bộ đội biên phòng tỉnh, thành, nhưng hoạt động trên địa bàn nào phải giữ mối quan hệ với cấp ủy, chính quyền địa phương để thực hiện chủ trương và nhiệm vụ có liên quan đến công tác biên phòng.

VIII- QUAN HỆ GIỮA CẤP ỦY ĐẢNG CÁC CẤP VỚI CẤP ỦY ĐẢNG TRONG BỘ ĐỘI BIÊN PHÒNG

1. Quan hệ giữa đảng ủy quân khu với đảng ủy bộ đội biên phòng

Đảng ủy quân khu và đảng ủy bộ đội biên phòng là mối quan hệ phối hợp để lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ lực lượng vũ trang địa phương và bộ đội biên phòng tỉnh, thành thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ đã được xác định và những vấn đề có liên quan đến xây dựng nền quốc phòng, nền biên phòng toàn dân, công tác quân sự địa phương và tác chiến trong khu vực phòng thủ trên địa bàn quân khu.

2. Quan hệ giữa đảng ủy quân khu với đảng ủy bộ đội biên phòng tỉnh, thành phố

Đảng ủy quân khu lãnh đạo, chỉ đạo các lực lượng vũ trang địa phương và bộ đội biên phòng tỉnh, thành phố thực hiện nhiệm vụ xây dựng, quản lý bảo vệ an ninh biên giới quốc gia và xây dựng nền quốc phòng, nền biên phòng toàn dân vững mạnh trên địa bàn quân khu.

Đảng ủy bộ đội biên phòng tỉnh, thành phố phải lãnh đạo đơn vị thực hiện nghị quyết, chỉ thị của đảng ủy quân khu về kế hoạch phòng thủ trên địa bàn và lãnh đạo chỉ huy hiệp đồng chiến đấu khi xảy ra xung đột vũ trang hoặc chiến tranh xâm lược.

3. Quan hệ giữa đảng ủy quân sự tỉnh, thành phố và các đơn vị chủ lực với đảng ủy bộ đội biên phòng tỉnh, thành phố là mối quan hệ phối hợp công tác

Đảng ủy bộ đội biên phòng tỉnh, thành phố có trách nhiệm lãnh đạo đơn vị thuộc quyền thực hiện nhiệm vụ: về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân gắn với nền an ninh nhân dân và thế trận an ninh nhân dân, công tác quân sự địa phương, xây dựng và tác chiến trong khu vực phòng thủ. Chủ trì phối hợp với đảng ủy quân sự tỉnh, thành trong thực hiện nhiệm vụ quản lý, bảo vệ chủ quyền an ninh biên giới theo chức năng, nhiệm vụ đã được xác định và xây dựng nền biên phòng toàn dân vững mạnh.

Bộ đội biên phòng hoạt động trên địa bàn biên giới, đất liền, ven biển và hải đảo chịu sự chỉ huy, chỉ đạo của chỉ huy trưởng quân sự tỉnh, thành, vùng hải quân về xây dựng kế

hoạch phòng thủ, hiệp đồng chiến đấu và chiến đấu khi xảy ra xung đột vũ trang hoặc chiến tranh xâm lược.

Đơn vị chủ lực, địa phương và các lực lượng có liên quan làm nhiệm vụ ở khu vực biên giới, ven biển và hải đảo phải chấp hành nghiêm chỉnh quy chế biên giới của Nhà nước, đồng thời có trách nhiệm tham gia công tác biên phòng theo hướng dẫn của bộ đội biên phòng và có kế hoạch sẵn sàng chi viện khi có tình huống xảy ra theo yêu cầu của bộ đội biên phòng.

Căn cứ vào Quy định này, Đảng ủy Quân sự Trung ương hướng dẫn tổ chức thực hiện. Khi có sự phát triển mới thì kịp thời đề nghị Bộ Chính trị bổ sung, sửa đổi.

Quy định này thay thế cho Quy định số 72-QĐ/TW, ngày 19-7-1993 của Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa VII.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

PHẠM THẾ DUYỆT

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUY ĐỊNH
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ
Số 37-QĐ/TW, ngày 9 tháng 5 năm 1998
Về tổ chức cơ quan chính trị
trong Quân đội nhân dân Việt Nam

Cơ quan chính trị là cơ quan đảm nhiệm công tác đảng, công tác chính trị trong quân đội, một bộ phận hoạt động rất quan trọng của Đảng nhằm lãnh đạo xây dựng lực lượng vũ trang vững mạnh, trung thành với Tổ quốc, với nhân dân, với lý tưởng cộng sản chủ nghĩa, hoàn thành thắng lợi các nhiệm vụ mà Đảng và Nhà nước giao cho.

Tiến hành công tác đảng, công tác chính trị là một nguyên tắc trong công cuộc xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng của Đảng, là trách nhiệm của mọi cán bộ, đảng viên.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng Cộng sản Việt Nam và Điều lệ Đảng, Bộ Chính trị quy định những vấn đề lớn về nhiệm vụ và tổ chức cơ quan chính trị các cấp trong Quân đội nhân dân Việt Nam như sau:

I- NHIỆM VỤ CƠ BẢN CỦA CƠ QUAN CHÍNH TRỊ

Tiến hành công tác đảng, công tác chính trị trong quân đội nhằm xây dựng cho đảng viên, cán bộ, chiến sĩ, công nhân viên chức quốc phòng có bản lĩnh chính trị vững vàng, luôn luôn giữ vững bản chất giai cấp công nhân, truyền thống vẻ vang của dân tộc, của Đảng, của quân đội; kiên định lý tưởng cách mạng, củng cố niềm tin sắt đá vào con đường xã hội chủ nghĩa, nhất trí cao và quyết tâm thực hiện thắng lợi đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, thường xuyên nâng cao cảnh giác chính trị trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; củng cố đoàn kết nội bộ vững chắc và quan hệ mật thiết với nhân dân; không ngừng tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, xây dựng Đảng bộ quân đội trong sạch, vững mạnh, có năng lực lãnh đạo toàn diện và sức chiến đấu cao; xây dựng quân đội cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, lấy xây dựng chính trị làm cơ sở để quân đội trung thành vô hạn với Đảng, với Tổ quốc xã hội chủ nghĩa trong mọi tình huống.

Để thực hiện nhiệm vụ cơ bản đó, hoạt động của cơ quan chính trị tập trung vào những vấn đề chính sau đây:

Giáo dục chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, Hiến pháp và pháp luật của Nhà nước; bồi dưỡng cán bộ, chiến sĩ, công nhân viên chức quốc phòng về phẩm chất đạo đức cách mạng, nâng cao lòng yêu nước xã hội chủ nghĩa, tinh thần quốc tế của giai cấp công nhân, tinh thần cảnh giác cách mạng, ý chí chiến đấu kiên cường, ý thức tổ chức kỷ luật tự giác, tính

năng động sáng tạo, lối sống lành mạnh, trung thực, có ý thức tôn trọng và bảo vệ của công.

Xây dựng Đảng bộ quân đội trong sạch, vững mạnh, chấp hành nghiêm chỉnh nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách. Tăng cường đoàn kết nhất trí trong Đảng, nâng cao sức chiến đấu và năng lực lãnh đạo về mọi mặt của các cấp ủy đảng; tăng cường công tác tổ chức xây dựng Đảng, công tác kiểm tra và công tác bảo vệ Đảng, đổi mới phong cách lãnh đạo.

Xây dựng đội ngũ cán bộ của Đảng kết hợp chặt chẽ với xây dựng đội ngũ đảng viên, bảo đảm không ngừng tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với quân đội.

Xây dựng Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Công đoàn quốc phòng, Hội Phụ nữ và Hội đồng quân nhân vững mạnh. Chăm lo đời sống vật chất, tinh thần của bộ đội.

Củng cố và tăng cường đoàn kết nội bộ, đoàn kết quân dân. Phối hợp với tổ chức đảng và chính quyền địa phương góp phần xây dựng nền quốc phòng toàn dân, lực lượng vũ trang địa phương, lực lượng dự bị, hậu phương chiến lược, thực hiện chính sách hậu phương quân đội, tuyên truyền, vận động thanh niên và nhân dân thực hiện nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Tiến hành công tác tuyên truyền đặc biệt.

II- NGUYÊN TẮC TIẾN HÀNH CÔNG TÁC ĐẢNG, CÔNG TÁC CHÍNH TRỊ

Tiến hành công tác đảng, công tác chính trị phải tuân thủ các nguyên tắc sau đây:

- Phải có tính đảng, tính giai cấp, tính chiến đấu cao.
- Phải xuất phát từ đường lối, nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, tình hình thực tiễn của đất nước, đường lối, quan điểm, tư tưởng quân sự và các nhiệm vụ của lực lượng vũ trang, đi sâu vào các lĩnh vực hoạt động và đời sống của quân đội, sát với từng đối tượng.
- Phải có kế hoạch, chủ động, sáng tạo, thiết thực, cụ thể, bảo đảm chất lượng, hiệu quả cao, đáp ứng yêu cầu trước mắt và xây dựng cơ bản, lâu dài.
- Phải kết hợp chặt chẽ công tác tư tưởng, công tác tổ chức và công tác chính sách.
- Phải có tính quần chúng rộng rãi phát huy được sức mạnh tổng hợp của mọi tổ chức, mọi người trong quân đội và các cơ quan của Đảng, Nhà nước, các đoàn thể nhân dân ở các cấp.

III- HỆ THỐNG TỔ CHỨC VÀ CHỨC NĂNG CỦA CƠ QUAN CHÍNH TRỊ TỪNG CẤP

Ở mỗi cấp có cơ quan chính trị và cán bộ chính trị đảm nhiệm công tác đảng, công tác chính trị, hoạt động dưới sự lãnh đạo trực tiếp của cấp ủy đảng cùng cấp và sự chỉ đạo, hướng dẫn của phó chỉ huy về chính trị và cơ quan chính trị cấp trên.

1. Tổng cục Chính trị đảm nhiệm công tác đảng, công tác chính trị trong toàn quân, hoạt động dưới sự lãnh đạo của Bộ Chính trị và trực tiếp, thường xuyên của Đảng ủy Quân sự Trung ương.

Căn cứ vào nghị quyết và chỉ thị của Ban Chấp hành

Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Tổng cục Chính trị nghiên cứu và đề nghị với Đảng ủy Quân sự Trung ương quyết định những chủ trương, biện pháp lớn về công tác đảng, công tác chính trị trong quân đội. Căn cứ vào nghị quyết của Đảng ủy Quân sự Trung ương, mệnh lệnh của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng mà đề ra kế hoạch, nội dung, biện pháp để chỉ đạo, kiểm tra cấp dưới thực hiện.

2. Cục Chính trị là cơ quan đảm nhiệm công tác đảng, công tác chính trị ở cấp: quân khu, quân chủng, Bộ đội biên phòng, quân đoàn, binh chủng, Bộ Tổng tham mưu - cơ quan Bộ Quốc phòng, các tổng cục và tương đương, hoạt động dưới sự lãnh đạo trực tiếp của đảng ủy cùng cấp và sự chỉ đạo của Tổng cục Chính trị. Căn cứ vào chỉ đạo, hướng dẫn của Tổng cục Chính trị; nghị quyết của đảng ủy, mệnh lệnh về quân sự của người chỉ huy; chỉ đạo, hướng dẫn của phó tư lệnh về chính trị; tình hình, nhiệm vụ và kế hoạch hoạt động chung của đơn vị; Cục Chính trị cụ thể hóa các nội dung công tác đảng, công tác chính trị đề nghị đảng ủy quyết định; trực tiếp tổ chức thực hiện những nội dung thuộc cấp mình phụ trách và chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra cấp dưới thực hiện sát với từng loại hình đơn vị.

Cục Chính trị quân khu, Cục Chính trị Bộ đội biên phòng còn có nhiệm vụ phối hợp với các cấp ủy địa phương để chỉ đạo công tác đảng, công tác chính trị và công tác quần chúng trong lực lượng vũ trang địa phương và Bộ đội biên phòng; chỉ đạo công tác đảng, công tác chính trị trong xây dựng nền quốc phòng toàn dân, công tác quân sự địa phương và thực hiện chính sách hậu phương quân đội. Phối hợp với các ban

của cấp ủy địa phương hướng dẫn và kiểm tra thực hiện các mặt công tác trên.

Cục Chính trị các quân chủng, binh chủng, Tổng cục Hậu cần, Tổng cục Kỹ thuật, Tổng cục Công nghiệp quốc phòng - Kinh tế, Tổng cục Tình báo, Bộ đội biên phòng còn có nhiệm vụ tham mưu đề xuất với Tổng cục Chính trị về công tác đảng, công tác chính trị; tổng kết kinh nghiệm công tác đảng, công tác chính trị, bồi dưỡng cán bộ chính trị và hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện công tác đảng, công tác chính trị trong lực lượng thuộc ngành, quân chủng, binh chủng mình trong toàn quân theo sự ủy nhiệm của Tổng cục Chính trị.

3. Phòng Chính trị là cơ quan đảm nhiệm công tác đảng, công tác chính trị ở cấp sư đoàn, lữ đoàn, cơ quan quân sự và bộ đội biên phòng tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các tổng công ty và đơn vị tương đương mà ở đó đảng ủy là cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng, hoạt động dưới sự lãnh đạo trực tiếp của đảng ủy cùng cấp và sự chỉ đạo của cơ quan chính trị cấp trên. Căn cứ vào chỉ đạo hướng dẫn của cơ quan chính trị cấp trên; nghị quyết của đảng ủy, mệnh lệnh về quân sự của người chỉ huy; chỉ đạo, hướng dẫn của phó chỉ huy về chính trị; tình hình nhiệm vụ, tính chất hoạt động và kế hoạch công tác chung của đơn vị; phòng chính trị đề nghị đảng ủy quyết định những vấn đề về công tác đảng, công tác chính trị trong đơn vị; lập kế hoạch, hướng dẫn và kiểm tra các đơn vị thực hiện.

4. Ban Chính trị là cơ quan đảm nhiệm công tác đảng, công tác chính trị ở cấp trung đoàn và tương đương, hoạt

động dưới sự lãnh đạo trực tiếp của đảng ủy cùng cấp và sự chỉ đạo của cơ quan chính trị cấp trên. Căn cứ vào kế hoạch của cơ quan chính trị cấp trên; nghị quyết của đảng ủy, mệnh lệnh về quân sự của người chỉ huy; chỉ đạo, hướng dẫn của phó chỉ huy về chính trị; tình hình nhiệm vụ, đối tượng, hoàn cảnh và kế hoạch hoạt động chung của đơn vị; ban chính trị đề nghị đảng ủy quyết định nội dung công tác đảng, công tác chính trị; đồng thời trực tiếp tiến hành công tác đảng, công tác chính trị cho các đối tượng trong đơn vị.

- Ở các doanh nghiệp trong quân đội, căn cứ vào quy mô tổ chức, lực lượng và tính chất, nhiệm vụ mà tổ chức cơ quan chính trị tương ứng như tổ chức các cơ quan chức năng trong doanh nghiệp.

Ở những đơn vị, cơ quan, doanh nghiệp không đủ điều kiện để lập ban chính trị thì bố trí trợ lý chính trị.

IV- NHIỆM VỤ CỤ THỂ VÀ CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA TỔNG CỤC CHÍNH TRỊ

A- Nhiệm vụ cụ thể

1. Chỉ đạo công tác chính trị, tư tưởng, văn hóa trong toàn quân, giáo dục chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, Hiến pháp và pháp luật của Nhà nước; đường lối, quan điểm, tư tưởng quân sự của Đảng, nhiệm vụ chính trị của lực lượng vũ trang.

Chỉ đạo, xây dựng và thực hiện các chương trình, nội dung giáo dục chính trị trong các đơn vị và học viện, nhà trường quân đội.

Chỉ đạo công tác thông tin, tuyên truyền, văn hóa, văn nghệ, báo chí, xuất bản, phát hành, quản lý, kiểm tra ngành in trong quân đội hoạt động theo đúng đường lối, quan điểm của Đảng, pháp luật của Nhà nước và quy định của Bộ Quốc phòng. Cùng với cơ quan văn hóa ngoài quân đội phối hợp chỉ đạo sáng tác văn học nghệ thuật thuộc đề tài lực lượng vũ trang; góp phần tích cực giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa trong hoạt động văn hóa nghệ thuật, xây dựng nền văn hóa mới đậm đà bản sắc dân tộc. Chỉ đạo phong trào thi đua xã hội chủ nghĩa trong toàn quân; chăm lo nâng cao đời sống văn hóa tinh thần của bộ đội.

2. Chỉ đạo xây dựng Đảng bộ quân đội trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức, có năng lực lãnh đạo mọi mặt và sức chiến đấu cao. Hướng dẫn, kiểm tra các tổ chức đảng chấp hành nghiêm chỉnh nguyên tắc tập trung dân chủ; củng cố kiện toàn đảng ủy các cấp, bồi dưỡng bí thư, cấp ủy viên theo phân công, phân cấp. Hướng dẫn tiến hành đại hội đảng và nội dung sinh hoạt các cấp ủy đảng đúng với chức năng, nhiệm vụ lãnh đạo của từng cấp. Hướng dẫn xây dựng tổ chức cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh, xây dựng đội ngũ đảng viên có chất lượng cao, số lượng phù hợp, tiên phong gương mẫu trong mọi hoàn cảnh, gắn bó mật thiết với quần chúng. Chỉ đạo xây dựng, củng cố tổ chức và hoạt động của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Công đoàn quốc phòng, Hội Phụ nữ và Hội đồng quân nhân.

3. Chỉ đạo xây dựng cơ quan chính trị các cấp vững mạnh toàn diện, hướng dẫn cơ cấu tổ chức và biên chế cơ quan chính trị, cán bộ chính trị trong toàn quân; tổ chức bồi dưỡng nâng cao trình độ lãnh đạo và nghiệp vụ công tác đảng, công

tác chính trị cho cơ quan chính trị và cán bộ chính trị theo phân cấp. Kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ, chức trách, chế độ công tác của cơ quan chính trị và cán bộ chính trị các cấp; đổi mới phong cách công tác.

4. Chỉ đạo quán triệt đường lối, chính sách cán bộ của Đảng. Đề xuất với Đảng ủy Quân sự Trung ương về chủ trương, quy hoạch, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng cán bộ; quản lý chặt chẽ đội ngũ cán bộ theo phạm vi phân công, phân cấp. Kết hợp chặt chẽ công tác quản lý đội ngũ cán bộ với quản lý đội ngũ đảng viên, xây dựng đội ngũ cán bộ của Đảng trong quân đội có phẩm chất đạo đức cách mạng, có trình độ kiến thức chính trị, quân sự, khoa học kỹ thuật, hiểu biết thực tiễn và kiến thức kinh tế - xã hội đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao.

5. Chỉ đạo công tác đảng, công tác chính trị trong thực hiện các nhiệm vụ: sẵn sàng chiến đấu, chiến đấu, xây dựng, huấn luyện, lao động sản xuất, xây dựng kinh tế, tham gia xây dựng nền quốc phòng, nền biên phòng toàn dân, xây dựng hậu phương chiến lược vững mạnh và các nhiệm vụ khác được giao.

6. Chỉ đạo quán triệt các chính sách và phối hợp với các cơ quan chức năng trong và ngoài quân đội nghiên cứu đề xuất với Đảng và Nhà nước ban hành chính sách đối với quân đội và hậu phương quân đội; chỉ đạo, hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện các chính sách đó.

7. Chỉ đạo làm tốt công tác dân vận, tuyên truyền đặc biệt; tích cực tham gia xây dựng cơ sở chính trị ở địa phương, góp phần ổn định chính trị, giữ vững và củng cố mối quan hệ đoàn kết truyền thống gắn bó giữa quân đội với nhân dân.

8. Chỉ đạo quán triệt và thực hiện đúng đường lối, chính sách và nhiệm vụ đối ngoại của Đảng và Nhà nước.

9. Chỉ đạo chặt chẽ công tác bảo vệ an ninh, giáo dục cho đảng viên, cán bộ, chiến sĩ, công nhân viên chức quốc phòng nâng cao cảnh giác, chấp hành nghiêm túc chế độ phòng gian, giữ bí mật; phòng ngừa và góp phần đấu tranh đánh bại chiến lược "diễn biến hòa bình, bạo loạn lật đổ" và mọi âm mưu, thủ đoạn phá hoại của các thế lực thù địch.

10. Chủ trì việc phối hợp với các ngành có liên quan để kiểm tra, giám sát thực hiện công tác điều tra, xét xử trong quân đội đúng đường lối, quan điểm của Đảng, pháp luật của Nhà nước, góp phần làm cho việc điều tra, xét xử trong quân đội thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, bảo đảm khách quan, toàn diện, đầy đủ, chính xác, thực hiện mọi người bình đẳng trước pháp luật, góp phần bảo vệ pháp chế xã hội chủ nghĩa; tôn trọng tài sản, tự do, danh dự, nhân phẩm quân nhân, công nhân viên chức quốc phòng và mọi công dân.

11. Lập và phân phối ngân sách, phương tiện vật tư công tác đảng, công tác chính trị. Chỉ đạo, quản lý và kiểm tra việc sử dụng trong toàn quân.

12. Chỉ đạo, tham gia nghiên cứu lý luận và tổng kết kinh nghiệm công tác đảng, công tác chính trị trong lực lượng vũ trang. Tham gia nghiên cứu phát triển khoa học xã hội và nhân văn, khoa học, nghệ thuật quân sự Việt Nam; tham gia biên soạn các điều lệnh, điều lệ và lịch sử quân đội.

B- Cơ cấu tổ chức

Về cơ cấu tổ chức cụ thể của Tổng cục Chính trị, Bộ Chính trị giao cho Đảng ủy Quân sự Trung ương quyết định.

V- BIÊN CHẾ CƠ QUAN CHÍNH TRỊ VÀ CÁN BỘ CHÍNH TRỊ CÁC CẤP

Từ cấp đại đội đến cấp quân khu, quân chủng, Bộ đội biên phòng, quân đoàn, binh chủng và tương đương có cán bộ chính trị chủ trì công tác đảng, công tác chính trị.

Từ cấp trung đoàn và tương đương trở lên có cơ quan chính trị, người phụ trách cơ quan chính trị là chủ nhiệm chính trị.

Ở xã, phường, bí thư đảng ủy xã, phường trực tiếp làm chính trị viên đảm nhiệm công tác đảng, công tác chính trị đối với dân quân tự vệ và các nhiệm vụ quân sự ở địa phương.

Căn cứ vào Quy định này và căn cứ vào kế hoạch tổ chức lực lượng quân đội, nhiệm vụ, nhu cầu công tác, quy hoạch số lượng cán bộ chính trị của Đảng ủy Quân sự Trung ương và Bộ Quốc phòng, Tổng cục Chính trị hướng dẫn chức trách, cơ cấu tổ chức và quy định biên chế cụ thể cơ quan chính trị, cán bộ chính trị ở từng cấp cho thích hợp, trao đổi thống nhất với Bộ Tổng tham mưu để ban hành.

VI- TỔ CHỨC QUÂN CHÚNG

Tổ chức quần chúng trong Quân đội nhân dân Việt Nam gồm có:

- Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh.
- Công đoàn quốc phòng.
- Hội Phụ nữ.

Các tổ chức quần chúng chỉ tổ chức ở đơn vị cơ sở, đặt dưới sự lãnh đạo của chi bộ, đảng bộ cơ sở, sự chỉ đạo trực

tiếp của phó chỉ huy về chính trị và cơ quan chính trị cùng cấp; sự chỉ đạo và hướng dẫn của cơ quan chính trị cấp trên.

Các tổ chức quần chúng trong quân đội có nhiệm vụ thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ theo Điều lệ của đoàn thể mình và các nghị quyết, chỉ thị của Ban Chấp hành Trung ương đoàn thể đó; vận dụng sát với đặc điểm, tình hình, nhiệm vụ của quân đội.

Đối với các tổ chức nghề nghiệp, căn cứ vào tình hình cụ thể, nơi nào có nhu cầu cần thiết, nếu được Tổng cục Chính trị cho phép thì lập chi hội ở cơ sở, đặt dưới sự lãnh đạo của đảng ủy, chi bộ, sự chỉ đạo của cơ quan chính trị cấp đó và sự hướng dẫn về hoạt động nghề nghiệp của các Ban Chấp hành hội mà chi hội đó trực thuộc.

Căn cứ vào Quy định này, Tổng cục Chính trị hướng dẫn thực hiện cụ thể. Trong quá trình thực hiện khi có sự phát triển mới thì đề nghị Bộ Chính trị quy định bổ sung.

Quy định này thay thế cho Quy định số 73-QĐ/TW, ngày 19-7-1993 của Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa VII.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

PHẠM THẾ DUYỆT

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
Ý KIẾN CỦA THƯỜNG VỤ BỘ CHÍNH TRỊ
Số 134-TB/TW, ngày 9 tháng 5 năm 1998
Về tổ chức ban kinh tế tỉnh ủy, thành ủy
và về chương trình công tác năm 1998
của Ban Kinh tế Trung ương

Sau khi xem xét báo cáo của Ban Kinh tế Trung ương về kết quả Hội nghị trưởng ban kinh tế các tỉnh ủy, thành ủy trong cả nước (ngày 20 và 21-3-1998) và chương trình công tác năm 1998 của Ban, Thường vụ Bộ Chính trị có ý kiến chỉ đạo như sau:

I- Hiện nay, lãnh đạo kinh tế là nhiệm vụ trung tâm của Đảng, vì vậy, các cấp ủy đảng cần có cơ quan tham mưu về lĩnh vực kinh tế, để giúp cấp ủy nhìn nhận, đánh giá tình hình và định hướng chỉ đạo hoạt động kinh tế một cách đúng đắn, khách quan. Cơ quan tham mưu này nên có ở hai cấp: Trung ương và tỉnh ủy, thành ủy.

Ban Tổ chức Trung ương có trách nhiệm phối hợp với Ban Kinh tế Trung ương xây dựng đề án về hệ thống tổ chức, chức năng, nhiệm vụ ban kinh tế các tỉnh ủy, thành ủy và quan hệ công tác của ban kinh tế với các cơ quan nhà nước và các đoàn thể để trình Bộ Chính trị xem xét, quyết định.

Trong khi chờ đợi Trung ương và Bộ Chính trị có quyết định chính thức về hệ thống tổ chức các ban tham mưu cho cấp ủy đảng ở các tỉnh, thành phố, trong đó có ban kinh tế, ở các địa phương đã lập ban kinh tế, các tỉnh, thành ủy cần củng cố tổ chức theo hướng tinh gọn, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, hoàn thiện quy chế hoạt động và tăng cường chỉ đạo công tác để các ban này thật sự phát huy được vai trò tham mưu cho cấp ủy. Những tỉnh, thành ủy chưa lập ban kinh tế, cần có phân công cán bộ làm tham mưu cho cấp ủy về kinh tế - xã hội.

II- Giao cho Ban Kinh tế Trung ương chủ trì tổ chức nghiên cứu một số chuyên đề kinh tế sau đây:

1. Tiếp tục xây dựng quan hệ sản xuất mới (quan điểm và chính sách đối với các thành phần kinh tế).
2. Nội dung, bước đi và biện pháp phát triển nông nghiệp - nông thôn theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hợp tác hóa và dân chủ hóa.
3. Giao lưu kinh tế với bên ngoài qua các cửa khẩu phía Bắc, phía Tây và Tây Nam và phương hướng phát triển quan hệ kinh tế với các nước láng giềng.
4. Xây dựng quy chế phát huy dân chủ trong các loại hình doanh nghiệp (tiếp tục thực hiện nhiệm vụ năm 1997 do Thường vụ Bộ Chính trị giao).

Đồng chí Phan Diễn, Ủy viên Bộ Chính trị, Trưởng Ban Kinh tế Trung ương, trực tiếp phụ trách việc này, chỉ đạo Ban Kinh tế Trung ương thành lập các tổ nghiên cứu về các chuyên đề nói trên. Ban cần sự đảng các bộ, ngành, các viện nghiên cứu, các trường đại học và các tỉnh ủy, thành ủy có liên quan cử cán bộ có năng lực, am hiểu vấn đề tham gia vào các tổ nghiên

cứu, cung cấp tài liệu và tạo điều kiện để các tổ nghiên cứu đến khảo sát, nghiên cứu thực tiễn ở ngành và địa phương.

Ban Kinh tế Trung ương làm việc với Ban Tài chính - Quản trị Trung ương để bảo đảm điều kiện tài chính cho công tác này.

III- Đồng ý với chương trình công tác năm 1998 của Ban Kinh tế Trung ương về kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (khóa VIII), tập trung vào những vấn đề sau:

1. Điều chỉnh kế hoạch đầu tư ở các ngành, địa phương.
2. Các chính sách, biện pháp thúc đẩy phát triển nông nghiệp và nông thôn.
3. Đẩy mạnh sắp xếp lại, đổi mới quản lý và cổ phần hoá một bộ phận doanh nghiệp nhà nước.
4. Tiếp tục đổi mới và lành mạnh hóa hệ thống tài chính - tiền tệ; xử lý đúng đắn những ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng tài chính, tiền tệ trong khu vực đối với nước ta.
5. Nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn vốn bên ngoài (FDI và ODA).

Thừa lệnh Thường vụ Bộ Chính trị, Văn phòng Trung ương xin thông báo để các cơ quan có liên quan biết và thực hiện.

T/L THƯỜNG VỤ BỘ CHÍNH TRỊ
CHÁNH VĂN PHÒNG
TRẦN ĐÌNH HOAN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
KẾT LUẬN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ
Số 135-TB/TW, ngày 9 tháng 5 năm 1998
Về Dự luật quốc tịch (sửa đổi) và
Dự luật khiếu nại, tố cáo

Tại phiên họp ngày 8-5-1998, sau khi nghe Đảng đoàn Quốc hội trình bày một số vấn đề về Dự luật quốc tịch (sửa đổi) và Dự luật khiếu nại, tố cáo, Bộ Chính trị đã kết luận như sau:

1. Về Dự luật quốc tịch (sửa đổi)

Nội dung của Dự luật cần tiếp tục khẳng định nguyên tắc một quốc tịch; đồng thời, phải thể hiện được quan điểm của Đảng và Nhà nước ta coi cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài là một bộ phận không tách rời của dân tộc Việt Nam, Nhà nước có chính sách, pháp luật để tạo mọi điều kiện cho kiều bào làm ăn sinh sống ở nước sở tại và giữ được mối quan hệ gắn bó với gia đình, quê hương, góp phần xây dựng đất nước.

Theo yêu cầu trên, điều chỉnh lại một số vấn đề cụ thể trong Dự luật như sau:

- Khẳng định "Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam công nhận công dân Việt Nam có một quốc tịch là quốc tịch Việt Nam".

- Không quy định việc mất nhiên mất quốc tịch Việt Nam khi nhập quốc tịch nước ngoài và việc lựa chọn quốc tịch Việt Nam.

2. Về Dự luật khiếu nại, tố cáo

- Về thẩm quyền của thanh tra nhà nước các cấp trong việc giải quyết khiếu nại, tố cáo:

Xác định thanh tra nhà nước các cấp được giao quyền giải quyết khiếu nại, tố cáo đối với các quyết định của cơ quan chính quyền cấp dưới và được Chính phủ, Ủy ban nhân dân cùng cấp ủy quyền giải quyết một số trường hợp.

- Về thẩm quyền giải quyết khiếu nại cuối cùng và việc khiếu kiện vụ án hành chính tại tòa án, Bộ Chính trị đồng ý với ý kiến của Ủy ban Thường vụ Quốc hội nêu trong Tờ trình số 94/ĐĐQH, ngày 7-5-1998 của Đảng đoàn Quốc hội.

Căn cứ Kết luận trên, Đảng đoàn Quốc hội chỉ đạo chỉnh lý Dự luật quốc tịch (sửa đổi), Dự luật khiếu nại, tố cáo và trình Quốc hội thông qua tại kỳ họp thứ ba Quốc hội khóa X.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

PHẠM THẾ DUYỆT

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUY ĐỊNH CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 38-QĐ/TW, ngày 18 tháng 5 năm 1998

Về tổ chức đảng trong Công an nhân dân

- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng Cộng sản Việt Nam và Điều lệ Đảng,
- Xét đề nghị của Đảng ủy Công an Trung ương và Ban Tổ chức Trung ương,

Bộ Chính trị quy định về tổ chức đảng trong Công an nhân dân như sau:

I- TỔ CHỨC ĐẢNG TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

1. Nguyên tắc

- Đảng lãnh đạo Công an nhân dân Việt Nam tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt (điểm 1, Điều 25 Điều lệ Đảng).
- Tổ chức đảng trong Công an nhân dân tổ chức và hoạt động theo Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, chủ trương, đường lối, nghị quyết, chỉ thị của Đảng và pháp luật của Nhà nước (điểm 2, Điều 25 Điều lệ Đảng).
- Tổ chức đảng Công an nhân dân địa phương cấp nào đặt

dưới sự lãnh đạo trực tiếp về mọi mặt của cấp ủy địa phương cấp đó, đồng thời chấp hành nghị quyết của đảng ủy công an cấp trên về giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, lãnh đạo xây dựng lực lượng Công an nhân dân ở địa phương và xây dựng đảng bộ trong sạch, vững mạnh (điểm 1, Điều 29 Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam).

2. Tổ chức đảng ở Đảng bộ Công an Trung ương

a) Đảng bộ Công an Trung ương trực thuộc Ban Chấp hành Trung ương, bao gồm các tổ chức đảng ở các tổng cục, bộ tư lệnh và các đơn vị vụ, cục, viện, trường công an nhân dân... trực thuộc Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

Đảng ủy Công an Trung ương do Bộ Chính trị chỉ định gồm: một số Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương công tác trong Công an nhân dân, một số Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương công tác ngoài công an nhân dân và một số đảng viên công tác trong Đảng bộ Công an Trung ương (điểm 1, Điều 28 Điều lệ Đảng), có số lượng từ 15 đến 17 ủy viên, Ban Thường vụ có 5 đến 7 ủy viên.

Đảng ủy Công an Trung ương đặt dưới sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Ban Chấp hành Trung ương mà trực tiếp, thường xuyên là Bộ Chính trị, chịu trách nhiệm nghiên cứu, đề xuất để Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương quyết định những vấn đề về đường lối, chính sách để bảo đảm an ninh chính trị, giữ gìn trật tự an toàn xã hội; lãnh đạo mọi mặt công tác của Công an nhân dân; lãnh đạo công tác đảng, công tác quần chúng ở Đảng bộ Công an Trung ương; phối hợp với các tỉnh, thành ủy để chỉ đạo, hướng dẫn về công tác chính trị, công tác đảng và công tác

quần chúng ở công an tỉnh, thành phố cho phù hợp với tính chất, đặc điểm của Công an nhân dân.

b) Ở các tổng cục, lập đảng bộ cấp trên hoặc đảng bộ cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng, đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp về mọi mặt của Đảng ủy Công an Trung ương.

Đảng ủy tổng cục, do đại hội đảng bộ tổng cục bầu, số lượng từ 15 đến 21 ủy viên, ban thường vụ có 5 đến 7 ủy viên.

Đảng ủy tổng cục có chức năng lãnh đạo mọi mặt công tác của tổng cục và các đơn vị thuộc quyền theo quy định của Đảng ủy Công an Trung ương.

c) Tổ chức cơ sở đảng trong Đảng bộ Công an Trung ương nói chung được xác lập ở các đơn vị vụ, cục, viện, trường, các trung đoàn, tiểu đoàn độc lập, trại giam, trường giáo dưỡng, bệnh viện, nhà điều dưỡng, đơn vị doanh nghiệp của công an và các đơn vị cơ sở khác của Bộ Nội vụ.

Đảng ủy cơ sở có số lượng từ 5 đến 15 ủy viên; những nơi có từ 9 ủy viên trở lên được lập ban thường vụ từ 3 đến 5 ủy viên; chi ủy có từ 3 đến 5 ủy viên. Đối với chi bộ có dưới 9 đảng viên chính thức chỉ bầu bí thư, nếu cần có thể được bầu thêm phó bí thư theo đúng quy định của Điều lệ Đảng.

Tổ chức cơ sở đảng trong Đảng bộ Công an Trung ương có chức năng lãnh đạo mọi mặt công tác đối với các đơn vị thuộc cấp mình.

d) Ở các cục, bộ tư lệnh có những đơn vị cơ sở trực thuộc thì được lập đảng bộ cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng, do Đảng ủy Công an Trung ương quyết định thành lập và quy định về chức năng, nhiệm vụ.

Các đảng ủy cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng

thuộc Đảng bộ Công an Trung ương có chức năng lãnh đạo mọi mặt công tác đối với các đơn vị thuộc cấp mình.

đ) Ở các đơn vị trong công an nhân dân hoạt động có tính chất đặc biệt thì được lập chi bộ đặc biệt; giao cho Đảng ủy Công an Trung ương hướng dẫn thực hiện cụ thể.

3. Tổ chức đảng ở công an địa phương

a) Ở công an tỉnh, thành phố lập đảng bộ cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng, đặt dưới sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của tỉnh ủy, thành ủy.

Đảng ủy công an tỉnh, thành phố chịu sự lãnh đạo về mọi mặt của tỉnh, thành ủy mà trực tiếp, thường xuyên là Ban Thường vụ tỉnh, thành ủy có số lượng từ 15 đến 21 ủy viên gồm các đồng chí công tác ở đảng bộ công an tỉnh, thành phố do đại hội cùng cấp bầu và đồng chí phó bí thư thường trực tỉnh, thành ủy do ban thường vụ tỉnh, thành ủy chỉ định tham gia ban thường vụ đảng ủy công an tỉnh, thành phố; ban thường vụ có từ 5 đến 7 ủy viên.

Đảng ủy công an tỉnh, thành phố có nhiệm vụ tham mưu cho tỉnh, thành ủy về kế hoạch và biện pháp tổ chức thực hiện nghị quyết của Trung ương và Đảng ủy Công an Trung ương trong lĩnh vực bảo đảm an ninh chính trị, giữ gìn trật tự an toàn xã hội, xây dựng lực lượng Công an nhân dân và chịu trách nhiệm trước tỉnh, thành ủy tổ chức triển khai thực hiện các kế hoạch đó trong phạm vi tỉnh, thành phố.

Đảng ủy công an tỉnh, thành phố chịu trách nhiệm trước tỉnh, thành ủy lãnh đạo mọi mặt công tác công an ở địa phương; quyết định các chủ trương, biện pháp lãnh đạo

công an tỉnh, thành phố thực hiện đúng đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, nghị quyết, chỉ thị, mệnh lệnh của cấp trên; lãnh đạo công tác đảng, công tác quần chúng trong đảng bộ công an tỉnh, thành phố; phối hợp với quận, huyện, thị ủy, thành ủy trực thuộc tỉnh để nắm tình hình và hướng dẫn, chỉ đạo về công tác chính trị, công tác đảng và công tác quần chúng ở công an quận, huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh cho phù hợp với đặc điểm, tính chất của Công an nhân dân.

Tổ chức cơ sở đảng thuộc đảng bộ công an tỉnh, thành phố được xác lập ở các phòng, ban và các đơn vị trực thuộc giám đốc công an tỉnh, thành phố có chức năng lãnh đạo mọi mặt công tác đối với các đơn vị thuộc quyền. Đảng ủy cơ sở trực thuộc đảng ủy công an tỉnh, thành phố có số lượng từ 5 đến 15 ủy viên, những nơi có từ 9 ủy viên trở lên, được lập ban thường vụ từ 3 đến 5 ủy viên; chi ủy cơ sở có từ 3 đến 5 ủy viên; đối với chi bộ có dưới 9 đảng viên chính thức chỉ bầu bí thư, nếu cần bầu thêm phó bí thư theo đúng quy định của Điều lệ Đảng.

b) Ở công an huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi tắt là công an cấp huyện) lập đảng bộ cơ sở, đặt dưới sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của cấp ủy cấp huyện.

Đảng ủy công an cấp huyện có từ 5 đến 11 ủy viên, gồm: các đồng chí công tác ở đảng bộ công an cấp huyện do đại hội cùng cấp bầu và đồng chí bí thư hoặc đồng chí phó bí thư thường trực cấp ủy cấp huyện do ban thường vụ cấp ủy cấp huyện chỉ định tham gia. Ở những nơi có từ 9 ủy viên trở lên, được lập ban thường vụ và đồng chí bí thư

hoặc đồng chí phó bí thư thường trực cấp ủy cấp huyện tham gia ban thường vụ đảng ủy công an cấp huyện.

Đảng ủy công an cấp huyện có chức năng lãnh đạo mọi mặt công tác công an ở địa phương; tham mưu cho cấp ủy cấp huyện về kế hoạch, biện pháp tổ chức thực hiện nghị quyết của cấp ủy cấp trên và của đảng ủy công an cấp trên trong lĩnh vực bảo đảm an ninh chính trị, giữ gìn trật tự an toàn xã hội, xây dựng lực lượng Công an nhân dân và chịu trách nhiệm trước cấp ủy cấp huyện tổ chức triển khai thực hiện các kế hoạch đó trong phạm vi cấp huyện; quyết định chủ trương, biện pháp lãnh đạo công an cấp huyện thực hiện đúng đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, nghị quyết, chỉ thị, mệnh lệnh của cấp trên; lãnh đạo công tác đảng, công tác quần chúng trong đảng bộ công an cấp huyện; phối hợp với cấp ủy phường, thị trấn để nắm tình hình và hướng dẫn công tác chính trị, công tác đảng và công tác quần chúng ở công an phường, thị trấn cho phù hợp với tính chất, đặc điểm của Công an nhân dân.

c) Ở công an phường, thị trấn, lập chi bộ công an phường, thị trấn, đặt dưới sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của đảng ủy phường, thị trấn.

Chi bộ công an phường, thị trấn có trách nhiệm tham mưu cho đảng ủy phường, thị trấn kế hoạch, biện pháp thực hiện các nghị quyết của cấp ủy công an cấp trên về lĩnh vực bảo đảm an ninh chính trị, giữ gìn trật tự an toàn xã hội, xây dựng lực lượng Công an nhân dân và chịu trách nhiệm trước đảng ủy phường, thị trấn tổ chức triển khai thực hiện các kế hoạch đó trong phạm vi phường, thị trấn; lãnh đạo công an phường, thị trấn thực hiện đúng đường lối, chính sách của

Đảng, pháp luật của Nhà nước và nghị quyết, chỉ thị, mệnh lệnh của cấp trên.

II- CÁC MỐI QUAN HỆ CỦA CÁC CẤP ỦY ĐẢNG TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

1. Quan hệ giữa Đảng ủy Công an Trung ương với các tỉnh, thành ủy trực thuộc Trung ương

Các tỉnh, thành ủy có trách nhiệm lãnh đạo thực hiện nghị quyết của Đảng ủy Công an Trung ương trên lĩnh vực bảo đảm an ninh chính trị, giữ gìn trật tự an toàn xã hội và xây dựng lực lượng Công an nhân dân cho phù hợp với đặc điểm, tình hình địa phương.

Ban Thường vụ Đảng ủy Công an Trung ương trước khi quyết nghị bổ nhiệm, miễn nhiệm, điều động đối với giám đốc và các phó giám đốc công an tỉnh, thành phố, cần trao đổi thống nhất ý kiến với ban thường vụ tỉnh, thành ủy. Nếu ý kiến không thống nhất thì Ban Thường vụ Đảng ủy Công an Trung ương quyết định, trừ trường hợp cán bộ lãnh đạo công an tỉnh, thành phố là ủy viên thường vụ tỉnh, thành ủy thì trước khi quyết định phải báo cáo xin ý kiến Thường vụ Bộ Chính trị.

Các tỉnh, thành ủy trước khi lựa chọn lãnh đạo công an tỉnh, thành phố tham gia cấp ủy tỉnh, thành phố phải trao đổi thống nhất với Ban Thường vụ Đảng ủy Công an Trung ương.

2. Quan hệ giữa đảng ủy công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương với cấp ủy cấp huyện

Cấp ủy cấp huyện có trách nhiệm lãnh đạo thực hiện

ng nghị quyết của đảng ủy công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trên lĩnh vực bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội và xây dựng lực lượng Công an nhân dân cho phù hợp với đặc điểm tình hình địa phương.

Ban thường vụ đảng ủy công an tỉnh, thành phố trước khi quyết nghị bổ nhiệm, miễn nhiệm, điều động đối với trưởng, phó công an cấp huyện cần trao đổi thống nhất ý kiến với ban thường vụ cấp ủy cấp huyện. Nếu ý kiến không thống nhất thì ban thường vụ đảng ủy công an tỉnh, thành phố quyết định theo thẩm quyền, trừ trường hợp cán bộ lãnh đạo công an cấp huyện là ủy viên thường vụ cấp ủy cấp huyện thì báo cáo xin ý kiến ban thường vụ tỉnh, thành ủy và Ban Thường vụ Đảng ủy Công an Trung ương xem xét, quyết định.

Cấp ủy cấp huyện trước khi lựa chọn lãnh đạo công an cấp huyện tham gia cấp ủy cấp huyện, phải trao đổi thống nhất với ban thường vụ đảng ủy công an tỉnh, thành phố.

3. Quan hệ giữa đảng ủy công an cấp huyện với các đảng ủy xã, phường, thị trấn

Đảng ủy xã, phường, thị trấn có trách nhiệm lãnh đạo việc tổ chức thực hiện nghị quyết của đảng ủy công an cấp huyện về lĩnh vực bảo đảm an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội trong phạm vi xã, phường, thị trấn và xây dựng lực lượng công an phường, thị trấn.

Đảng ủy công an cấp huyện trước khi quyết nghị bổ nhiệm, miễn nhiệm, điều động trưởng, phó công an phường, thị trấn cần trao đổi thống nhất với đảng ủy phường, thị trấn. Nếu ý kiến không thống nhất thì đảng ủy công an cấp huyện quyết định theo thẩm quyền, trừ trường hợp cán bộ

lãnh đạo công an phường, thị trấn là ủy viên thường vụ cấp ủy phường, thị trấn thì báo cáo ban thường vụ cấp ủy cấp huyện và ban thường vụ đảng ủy công an tỉnh, thành phố xem xét, quyết định.

Đảng ủy xã, phường, thị trấn trước khi lựa chọn lãnh đạo công an xã, phường, thị trấn tham gia cấp ủy địa phương phải trao đổi thống nhất với ban thường vụ đảng ủy công an cấp huyện (những nơi không có thường vụ thì trao đổi với đảng ủy công an cấp huyện).

4. Quan hệ giữa cấp ủy công an với các ban, ngành, mặt trận, các đoàn thể cùng cấp

Cấp ủy công an có trách nhiệm hướng dẫn các ban, ngành, mặt trận, các đoàn thể cùng cấp thực hiện nghị quyết của Trung ương, của cấp ủy công an cấp trên và cấp ủy địa phương về giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội theo chức năng của từng ban, ngành, mặt trận, đoàn thể nhằm vận động và tổ chức quần chúng, các tầng lớp nhân dân tham gia phong trào "quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc".

5. Quan hệ giữa cấp ủy công an cấp trên với cấp ủy công an địa phương cấp dưới

Đảng ủy Công an cấp trên phối hợp với cấp ủy địa phương để chỉ đạo cấp ủy công an địa phương cấp dưới về công tác đảng, công tác chính trị và công tác quần chúng cho phù hợp với tính chất, đặc điểm của Công an nhân dân. Cấp ủy công an địa phương cấp dưới có trách nhiệm chấp hành nghị quyết của đảng ủy công an cấp trên về giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội và xây dựng lực lượng Công an nhân dân.

Cấp ủy công an địa phương cấp dưới khi gửi báo cáo tình hình kết quả công tác của đảng bộ theo định kỳ hoặc đột xuất lên cấp ủy địa phương cùng cấp thì đồng gửi báo cáo lên cấp ủy công an cấp trên trực tiếp để theo dõi, hướng dẫn cho phù hợp với tính chất, đặc điểm của Công an nhân dân.

6. Quan hệ giữa cấp ủy đảng và đồng chí thủ trưởng công an cùng cấp

Quan hệ giữa cấp ủy đảng và đồng chí thủ trưởng công an cùng cấp là mối quan hệ tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách. Định kỳ hoặc đột xuất, thủ trưởng báo cáo với cấp ủy đảng tình hình các mặt công tác của cơ quan, đơn vị và đề xuất biện pháp thực hiện công tác từng thời gian; cấp ủy thảo luận, ra nghị quyết lãnh đạo về chủ trương, phương hướng, mục tiêu, yêu cầu và phân công trách nhiệm cho đảng viên thực hiện, định chế độ kiểm tra đối với các mặt công tác của cơ quan, đơn vị. Thủ trưởng cụ thể hóa thành chương trình, kế hoạch, mệnh lệnh để tổ chức thực hiện các nghị quyết đó và điều hành theo chức trách của thủ trưởng. Về công tác tổ chức cán bộ ở công an mỗi cấp, do tập thể cấp ủy hoặc thường vụ cấp ủy công an cấp đó quyết định theo đa số, thủ trưởng thể chế hóa thành văn bản nhà nước và tổ chức thực hiện.

III- VỀ CƠ QUAN XÂY DỰNG LỰC LƯỢNG TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

Tổng cục Xây dựng lực lượng Công an nhân dân đảm nhiệm công tác đảng, công tác chính trị và công tác quần chúng trong các đơn vị thuộc Đảng bộ Công an Trung ương,

hoạt động dưới sự lãnh đạo của Đảng ủy Công an Trung ương; phối hợp với cấp ủy địa phương chỉ đạo công tác đảng, công tác chính trị và công tác quần chúng trong lực lượng công an địa phương.

Cơ quan xây dựng lực lượng mỗi cấp đảm nhiệm công tác đảng, công tác chính trị, công tác quần chúng trong đảng bộ, hoạt động dưới sự lãnh đạo của cấp ủy đảng cùng cấp và sự chỉ đạo của cơ quan xây dựng lực lượng cấp trên (điểm 3, điểm 4, Điều 28, Điều lệ Đảng).

Căn cứ vào Quy định này, Đảng ủy Công an Trung ương soạn thảo quy chế hoạt động cụ thể của mình; chủ trì, phối hợp với Ban Tổ chức Trung ương hướng dẫn, chỉ đạo thực hiện. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc thì báo cáo xin ý kiến chỉ đạo của Thường vụ Bộ Chính trị.

Các quy định trước đây trái với Quy định này đều bãi bỏ.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

PHẠM THẾ DUYỆT

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
KẾT LUẬN CỦA THƯỜNG VỤ BỘ CHÍNH TRỊ
Số 137-TB/TW, ngày 19 tháng 5 năm 1998
Về một số vấn đề xung quanh việc xét xử vụ án
tổ chức buôn lậu ở tỉnh Long An

Ngày 18-5-1998, Thường vụ Bộ Chính trị đã họp nghe các đồng chí Thường trực Tỉnh ủy Long An, Ban Tổ chức Trung ương, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao, Bộ Nội vụ và một số ban ngành liên quan báo cáo về một số vấn đề xung quanh việc xét xử vụ án tổ chức buôn lậu ở tỉnh Long An; nghe một số đồng chí lão thành cách mạng ở tỉnh báo cáo và đề đạt ý kiến xung quanh việc xét xử vụ án này.

Sau khi nghe báo cáo, Thường vụ Bộ Chính trị đã thảo luận và có ý kiến kết luận như sau:

Vụ án tổ chức buôn lậu ở tỉnh Long An là một vụ án đặc biệt nghiêm trọng, các cơ quan pháp luật ở Trung ương và địa phương đã có nhiều cố gắng điều tra, thu thập chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử công khai trước pháp luật theo đúng sự chỉ đạo tại Thông báo số 93-TB/TW, ngày 16-10-1997 của Thường vụ Bộ Chính trị. Đây là một chủ trương hoàn toàn đúng đắn, thể hiện sự nghiêm minh của pháp luật, khẳng

định được các hành vi vi phạm pháp luật nghiêm trọng của các bị cáo trong việc tổ chức buôn lậu qua biên giới. Đồng thời, qua việc xét xử vụ án, cũng đã đề cao được pháp chế xã hội chủ nghĩa, giải tỏa được các vướng mắc, nghi ngờ trong một số cán bộ, đảng viên và nhân dân, được đông đảo dư luận quan tâm theo dõi và đồng tình. Tuy nhiên, do trong quá trình chỉ đạo của tỉnh cũng còn những sơ hở và thiếu kiểm tra, dẫn tới những hậu quả để một khối lượng lớn hàng buôn lậu (170 chuyến trong thời gian 4 tháng) vào tỉnh Long An, gây thất thoát hàng chục tỉ đồng tiền thuế. Đây là khuyết điểm lớn của các đồng chí lãnh đạo tỉnh Long An mà trước hết là của đồng chí Bí thư Tỉnh ủy và đồng chí Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Long An. Những khuyết điểm trên chưa được kiểm điểm kịp thời và đúng mức làm cho một bộ phận cán bộ, đảng viên, cán bộ hưu trí có những nhận định và đánh giá khác nhau xung quanh vụ án nghiêm trọng này, làm ảnh hưởng đến việc thực hiện nhiệm vụ chính trị ở địa phương.

Trước tình hình đó, Thường vụ Bộ Chính trị quyết định:

1. Lập Tổ công tác của Bộ Chính trị tại tỉnh Long An do đồng chí Trương Vĩnh Trọng, Ủy viên Trung ương Đảng, Trưởng Ban Bảo vệ chính trị nội bộ Trung ương làm Tổ trưởng và một số đồng chí đại diện lãnh đạo Ban Tổ chức Trung ương, Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương, Ban Nội chính Trung ương, Văn phòng Trung ương vào công tác tại tỉnh Long An để phối hợp với Ban Thường vụ Tỉnh ủy có sự tham gia của các đồng chí lão thành cách mạng và lãnh đạo chủ chốt của tỉnh đã nghỉ hưu; tham gia việc kiểm điểm, đánh giá làm rõ trách nhiệm của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh, của các cấp, các ngành liên quan và của từng cá nhân lãnh đạo tỉnh, trong đó có trách nhiệm của đồng chí Bí thư Tỉnh ủy và đồng chí Chủ tịch Ủy

ban nhân dân tỉnh trong việc để xảy ra vụ tổ chức buôn lậu nghiêm trọng này. Trên cơ sở đề nghị của Tỉnh ủy, đề xuất các hình thức kỷ luật đối với Ban Thường vụ Tỉnh ủy, đối với đồng chí Bí thư Tỉnh ủy, đồng chí Chủ tịch và các đồng chí lãnh đạo thuộc diện Bộ Chính trị quản lý. Đồng thời đề xuất với Bộ Chính trị các biện pháp ổn định tình hình, củng cố tổ chức của tỉnh, bảo đảm sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng bộ và việc giữ vững các nguyên tắc và kỷ luật của Đảng.

2. Các cơ quan: Ban Nội chính Trung ương, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao, Bộ Nội vụ phải tiếp tục điều tra, thu thập đầy đủ các chứng cứ của vụ án để đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm (nếu có kháng án). Việc xét xử phúc thẩm phải công khai, khách quan, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, tạo được sự đồng tình của dư luận cán bộ, đảng viên và nhân dân, góp phần tăng cường việc thực hiện kỷ cương, pháp luật ở địa phương.

3. Các đồng chí lão thành cách mạng, các đồng chí lãnh đạo chủ chốt của tỉnh đã nghỉ hưu, với truyền thống, uy tín và kinh nghiệm công tác của mình cần đề cao trách nhiệm của người cán bộ, đảng viên, tham gia ý kiến một cách có trách nhiệm theo đúng nguyên tắc và kỷ luật Đảng đối với những việc thuộc nội bộ của tỉnh, góp phần giữ gìn sự đoàn kết nhất trí trong Đảng và giải quyết các vấn đề nội bộ nhằm sớm ổn định tình hình của địa phương.

T/M THƯỜNG VỤ BỘ CHÍNH TRỊ

PHẠM THẾ DUYỆT

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
Ý KIẾN CỦA THƯỜNG VỤ BỘ CHÍNH TRỊ
Số 138-TB/TW, ngày 20 tháng 5 năm 1998
Về định hướng phát triển thị trường bảo hiểm
Việt Nam

Ngày 15-5-1998, sau khi nghe đại diện Ban Cán sự Đảng Bộ Tài chính báo cáo về định hướng phát triển thị trường bảo hiểm Việt Nam, Thường vụ Bộ Chính trị có ý kiến chỉ đạo như sau:

1. Tổng kết sâu sắc hoạt động kinh doanh bảo hiểm từ trước đến nay, nhất là đánh giá tình hình hoạt động kinh doanh bảo hiểm trong 10 năm đổi mới, trên cơ sở đó từng bước hoàn thiện đề án phát triển thị trường bảo hiểm Việt Nam từ nay đến năm 2000 và 2010.

2. Cơ bản nhất trí với mục tiêu phát triển thị trường bảo hiểm đã nêu trong tờ trình. Phát triển mạnh hoạt động kinh doanh bảo hiểm, đa dạng hóa loại hình doanh nghiệp bảo hiểm, phát triển và hoàn thiện các loại hình nghiệp vụ bảo hiểm nhân thọ và phi nhân thọ, phát triển mạnh các doanh nghiệp bảo hiểm trong nước, tăng cường và giữ vững vai trò chủ đạo của các doanh nghiệp nhà nước trên thị trường bảo

hiểm, tạo môi trường cạnh tranh lành mạnh, đưa ngành bảo hiểm Việt Nam từng bước hội nhập với thị trường bảo hiểm khu vực và thế giới. Coi kết quả hoạt động bảo hiểm là một trong những biện pháp quan trọng nhằm tăng tỷ lệ tiết kiệm trong dân để đầu tư cho phát triển.

3. Phát triển thêm một số doanh nghiệp bảo hiểm 100% vốn nhà nước, công ty cổ phần có vốn nhà nước chi phối ở một số ngành có tác động lớn đến nền kinh tế như: hàng không, bưu điện, tín dụng ngân hàng, hàng hải, đường sắt, dầu khí. Quản lý chặt chẽ việc hình thành các công ty cổ phần bảo hiểm vốn nhà nước không chi phối, nhằm bảo đảm doanh số huy động phí bảo hiểm phục vụ thiết thực cho các đối tượng tham gia mua bảo hiểm, đồng thời tạo thêm nguồn vốn cho đầu tư dài hạn phát triển kinh tế - xã hội.

4. Ban Cán sự Đảng Chính phủ chỉ đạo thí điểm việc cho phép thành lập 1 hoặc 2 công ty bảo hiểm 100% vốn nước ngoài tại Việt Nam theo nguyên tắc: phải xây dựng đề án cẩn thận trên cơ sở lựa chọn đối tác nước ngoài có kinh nghiệm kinh doanh bảo hiểm, có uy tín, có vốn lớn, từ đó xác định loại hình nghiệp vụ bảo hiểm, quy mô và địa bàn hoạt động bảo hiểm của các doanh nghiệp này.

5. Đồng ý việc thành lập quỹ đầu tư của các doanh nghiệp bảo hiểm để sử dụng có hiệu quả số vốn nhàn rỗi vào đầu tư dài hạn cho nền kinh tế. Các quỹ này phải đầu tư vào cơ sở hạ tầng và các công trình kinh tế.

6. Đồng ý việc thành lập Hiệp hội bảo hiểm Việt Nam với tính chất là hội nghề nghiệp hoạt động theo quy định của pháp luật hiện hành.

7. Nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước đối với hoạt động

kinh doanh bảo hiểm, sớm ban hành *Luật kinh doanh bảo hiểm*, đồng thời bồi dưỡng, lựa chọn đội ngũ cán bộ quản lý bảo hiểm đáp ứng yêu cầu đổi mới.

8. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giải thích về hoạt động bảo hiểm trên các phương tiện thông tin đại chúng để nhân dân hiểu rõ lợi ích thiết thực của bảo hiểm và tham gia bảo hiểm.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

PHẠM THẾ DUYỆT

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
KẾT LUẬN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 141-TB/TW, ngày 22 tháng 5 năm 1998

**Về dự thảo báo cáo "Xây dựng và phát triển
nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản
sắc dân tộc" trình Hội nghị Trung ương 5**

Trong hai ngày 8 và 9-5-1998, sau khi nghe Tiểu ban chuẩn bị Hội nghị Trung ương 5 báo cáo về đề án "Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc", Bộ Chính trị đã thảo luận và kết luận như sau:

1. Về tên gọi: nhất trí như Tiểu ban đề nghị "Xây dựng và phát triển nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc".

Tuy nhiên vẫn cần cân nhắc thêm một số tên gọi khác của nghị quyết để khi Trung ương thảo luận, Tiểu ban có thể chủ động giải trình.

2. Nội dung

a) Phần mở đầu: quan trọng nhất là thể hiện cho rõ giá trị của văn hóa được tồn tại và phát triển trong cả quá trình hình thành và phát triển của dân tộc Việt Nam, vai

trò của văn hóa trong đấu tranh chống đế quốc, trong xây dựng chủ nghĩa xã hội, truyền thống văn hóa dân tộc quyện vào lý tưởng xây dựng chủ nghĩa xã hội đã làm nên sức mạnh của dân tộc Việt Nam.

b) Thực trạng tình hình văn hóa nước ta và nguyên nhân

Dự thảo báo cáo đã nêu được những thành tựu và nêu được cả những mặt tồn tại một cách gay gắt. Cần đánh giá rõ thêm quan điểm "văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, một động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, đồng thời là một mục tiêu của chủ nghĩa xã hội", đã được triển khai thế nào, làm được gì, chưa làm được gì, trên cơ sở đó để xác định rõ xây cái gì và chống cái gì. Đối với một số nhận định cụ thể cũng phải được soát xét cho chính xác, ví dụ như không nên nói một sự "xâm lược kiểu mới".

Cần cất nhắc nguyên nhân chủ quan và khách quan cho đúng, cần phân tích rõ nguyên nhân chủ quan là chính và nhấn mạnh chính trong Đảng có sự suy thoái về đạo đức, lối sống đã ảnh hưởng to lớn đến toàn xã hội, ngược lại sự suy thoái ngoài xã hội đã tác động vào trong Đảng.

c) Về phương hướng, nhiệm vụ

Về nhiệm vụ bao quát, cần khẳng định rõ xây dựng và phát triển nền văn hóa thấm nhuần tư tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, bồi dưỡng lòng yêu nước, chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh.

Đồng ý trọng tâm cần giải quyết là: tư tưởng, đạo đức, lối sống.

Cần nêu nhiệm vụ bao quát mang tính chiến lược cho cả thời kỳ dài, nhưng phải có mục tiêu đến năm 2000.

Khẳng định rõ quan điểm sự nghiệp xây dựng và phát

triển văn hóa là sự nghiệp của toàn dân do Đảng lãnh đạo. Tiểu ban cần nhắc thêm việc thể hiện cho chuẩn xác vai trò của trí thức, của cán bộ văn hóa trong sự nghiệp xây dựng và phát triển văn hóa trong giai đoạn mới.

Cần quán triệt tư tưởng văn hóa gắn với chính trị, văn hóa gắn với kinh tế và ngược lại.

Cần nói cho rõ, cụ thể hơn một số khái niệm như:

- Chuẩn mực của đời sống tinh thần Việt Nam
- Chuẩn mực đạo đức Việt Nam
- Chuẩn mực lối sống Việt Nam
- Chuẩn mực nếp sống Việt Nam

để mọi người dễ hiểu, dễ thực hiện.

3. Giải pháp

- Đồng ý tiến hành cuộc vận động thi đua từ nay đến năm 2000 và sau năm 2000. Về tên gọi của cuộc vận động thi đua, Tiểu ban soạn thảo nghiên cứu, cũng có thể cân nhắc lấy tên là "Toàn dân đoàn kết, đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước làm cho dân giàu, nước mạnh".

Trong nội dung xây dựng nền văn hóa Việt Nam trong giai đoạn hiện nay phải coi trọng nội dung xây dựng đạo đức văn hóa Việt Nam, nếp sống văn hóa Việt Nam, nhất là đạo đức cách mạng, nếp sống cách mạng, nhất là đạo đức của đảng viên. Tiểu ban cần cân nhắc kỹ nên chọn cách diễn đạt nào cho phù hợp.

- Đồng ý tiến hành tự phê bình và phê bình từ trong Đảng ra quần chúng mà trước hết là trong Đảng về tư tưởng, đạo đức, lối sống. Để tiến hành đợt tự phê bình có kết quả tốt cần xác định rõ mục đích, yêu cầu, đối tượng, bước đi cụ thể để thống nhất chỉ đạo thực hiện. Gắn cuộc phê bình, tự phê

bình với giáo dục về chủ nghĩa yêu nước, về đạo đức và ý thức hệ. Cần làm sâu, làm tốt để tạo chuyển biến thực sự.

Để Trung ương có điều kiện tham khảo, bàn sâu và có giải pháp tích cực nhằm đưa nghị quyết này vào cuộc sống có hiệu quả thiết thực, Bộ Chính trị quyết định:

- Cần có báo cáo tổng hợp về tình hình suy thoái tư tưởng, đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên hiện nay để trình Trung ương. Yêu cầu báo cáo là phải cụ thể, có dẫn chứng, có số liệu, có địa chỉ. Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Ban Bảo vệ chính trị nội bộ Trung ương, Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương, Đảng ủy Công an Trung ương, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao, Thanh tra Nhà nước và một số ban cán sự của các bộ có trách nhiệm cung cấp báo cáo. Văn phòng Trung ương tổng hợp thành báo cáo chung trình Bộ Chính trị cho ý kiến trước khi gửi Trung ương.

- Cần xây dựng kế hoạch cho cuộc vận động phong trào thi đua yêu nước. Việc này Bộ Chính trị đã giao cho đồng chí Trần Đức Lương, Chủ tịch nước chỉ đạo các cơ quan có liên quan chuẩn bị trình Bộ Chính trị trong tháng 5-1998.

- Cần có kế hoạch cụ thể về tự phê bình và phê bình trong Đảng và ngoài Đảng. Cần làm rõ mục đích, yêu cầu, nội dung, đối tượng, phương pháp và cách thức cụ thể tự phê bình và phê bình. Ban Tổ chức Trung ương chủ trì, phối hợp với Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương, Ủy ban Kiểm tra Trung ương để chuẩn bị kế hoạch này trình Bộ Chính trị.

- Giao cho Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương xây dựng kế hoạch giáo dục chủ nghĩa yêu nước, đạo đức và lối sống. Cần lấy các tác phẩm viết về đạo đức của Bác Hồ cũng như

Di chúc của Bác làm nội dung cơ bản để giáo dục. Giáo dục đạo đức cách mạng gắn chặt với tự phê bình và phê bình. Ba kế hoạch này cũng là ba chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Trung ương 5.

Tất cả các văn bản cố gắng đến ngày 10-6-1998 hoàn thành, ngày 11-6 gửi tới các đồng chí Trung ương để chuẩn bị ý kiến và ngoài 20-6 hoặc đầu tháng 7-1998 sẽ họp Trung ương.

Tiểu ban chuẩn bị đề án Trung ương 5 và các cơ quan có liên quan căn cứ vào ý kiến kết luận trên đây và ý kiến phát biểu cụ thể của các đồng chí Bộ Chính trị, Cố vấn để sửa lại báo cáo, xây dựng dự thảo nghị quyết và các kế hoạch trình Bộ Chính trị xem xét, quyết định.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

PHẠM THẾ DUYỆT

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
KẾT LUẬN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ
Số 140-TB/TW, ngày 23 tháng 5 năm 1998
Về đổi mới công tác thi đua - khen thưởng
và kỷ niệm 50 năm ngày Bác Hồ kêu gọi
thi đua ái quốc

Tại phiên họp ngày 22-5-1998, về công tác thi đua - khen thưởng, sau khi nghe lãnh đạo các cơ quan liên quan báo cáo, Bộ Chính trị đã thảo luận và kết luận như sau:

1. Đồng chí Chủ tịch nước Trần Đức Lương chỉ đạo các cơ quan có liên quan trên cơ sở các ý kiến thảo luận của Bộ Chính trị, chuẩn bị dự thảo chỉ thị của Bộ Chính trị về đổi mới công tác thi đua - khen thưởng trong thời kỳ mới.

Bộ Chính trị nhấn mạnh một số điểm trong chỉ thị cần nêu rõ:

- Phong trào thi đua của nhân dân ta trong 50 năm qua đã có những đóng góp to lớn cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Tuy vậy, sang thời kỳ đổi mới, phong trào thi đua xã hội chủ nghĩa bên cạnh mặt tích cực cũng còn nhiều tồn tại và hạn chế vì thi đua trong nền kinh tế nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước

đặt ra nhiều vấn đề mới, nhưng chúng ta chưa kịp thời tổng kết để đổi mới công tác thi đua; sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng và Nhà nước đối với công tác thi đua chưa được quan tâm đúng mức.

Về phương hướng đối với công tác thi đua trong thời gian tới:

- Thi đua - khen thưởng trong thời kỳ mới phải phát huy được lòng yêu nước, tự hào dân tộc. "Ngành ngành thi đua, người người thi đua" để thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh; đồng thời phải có hệ thống chính sách phù hợp.

- Cần nêu khẩu hiệu ngắn gọn, tập trung vào mục tiêu cơ bản nhất, cũng có thể cân nhắc để chọn khẩu hiệu thi đua như: "Tất cả cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước", hoặc "Thi đua dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh"...

- Thi đua gắn liền với các hình thức khen thưởng phù hợp với điều kiện của đất nước.

2. Về kế hoạch triển khai, Bộ Chính trị đồng ý:

- a) Tổ chức trọng thể lễ kỷ niệm ở Trung ương nhân dịp 50 năm ngày Bác Hồ kêu gọi thi đua ái quốc (11-6-1948 - 11-6-1998). Phát động phong trào thi đua trong giai đoạn cách mạng mới nhằm phấn đấu hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000. Đồng thời phải phổ biến, quán triệt quan điểm chỉ đạo của Bộ Chính trị về đổi mới công tác thi đua - khen thưởng trong giai đoạn mới.

- b) Tập trung giải quyết từ nay đến năm 2000 việc khen thưởng thành tích trong các cuộc kháng chiến. Đây là vấn đề hết sức phức tạp và nhạy cảm. Để đảm bảo kết quả và thời

gian quy định trên đây, Bộ Chính trị giao Thường vụ Bộ Chính trị chỉ đạo các ban cán sự đảng, đảng đoàn, cơ quan nhà nước, Quốc hội và các cơ quan liên quan để giải quyết một số việc:

- Hoàn thành khen thưởng bậc cao theo Thông tri 38-TT/TW, ngày 25-10-1984 của Ban Bí thư Trung ương Đảng. Chủ trương khen thưởng bậc cao đối với các đối tượng tham gia cách mạng sau tháng 8-1945, cán bộ có thành tích tham gia kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, các nhà hoạt động văn hóa, nhân sĩ, trí thức tiêu biểu. Xem xét tặng thưởng huân chương bậc cao cho một số bộ, ngành, các ban của Đảng.

- Bổ sung tiêu chuẩn khen thưởng Huân chương bậc cao để kịp thời khen thưởng những người có đủ thành tích trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

- Tiếp tục phong tặng danh hiệu Anh hùng cho các địa phương, tập thể, cá nhân có thành tích trong hai cuộc kháng chiến.

- Phong tặng danh hiệu Anh hùng, đặc biệt là Anh hùng lao động cho những tập thể, cá nhân có thành tích trong hơn 10 năm đổi mới vừa qua.

- Khen thưởng cả cơ quan và cán bộ của Đảng và chính quyền.

c) Lập lại Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Trung ương (thành viên Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Trung ương bao gồm lãnh đạo của Nhà nước, Chính phủ, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và một số ban, ngành và đoàn thể nhân dân, do Thủ tướng Chính phủ làm Chủ tịch Hội đồng). Cơ quan thường trực giúp việc cho Hội đồng là Ban

Thi đua - Khen thưởng Trung ương. củng cố hệ thống làm công tác thi đua ở các cấp. Chú ý bố trí những cán bộ kiêm nhiệm làm công tác thi đua.

d) Chuẩn bị *Luật thi đua - khen thưởng* để trình Quốc hội. Chính phủ ban hành Nghị định về công tác thi đua và khen thưởng trong giai đoạn cách mạng mới để cụ thể hóa những chủ trương mới của Đảng.

e) Tích cực chuẩn bị mọi mặt để tổ chức Đại hội thi đua toàn quốc trong giai đoạn mới vào năm 2000.

Xin thông báo để các đồng chí triển khai thực hiện.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

PHẠM THẾ DUYỆT

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**QUYẾT ĐỊNH
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ**

Số 40-QĐ/TW, ngày 28 tháng 5 năm 1998

**Về việc giải thể Tổ Công tác giúp Bộ Chính trị,
Ban Bí thư về bảo vệ Đảng,
chống diễn biến hòa bình**

Xét thực tế tình hình công tác bảo vệ Đảng, chống diễn biến hòa bình,

BỘ CHÍNH TRỊ QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Giải thể Tổ Công tác giúp Bộ Chính trị, Ban Bí thư về bảo vệ Đảng, chống diễn biến hòa bình (viết tắt là Tổ Công tác I) được thành lập theo Quyết định số 99-QĐ/TW, ngày 25-5-1995 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa VII) và Quyết định số 21-QĐ/TW, ngày 10-1-1997 của Bộ Chính trị Trung ương Đảng (khóa VIII).

Điều 2: Nhiệm vụ bảo vệ Đảng, đấu tranh chống diễn biến hòa bình thực hiện theo chức năng của các ban đảng, các bộ, ngành. Trường hợp cần có sự phối hợp các lực lượng trong chỉ đạo đấu tranh thì do Thường vụ Bộ Chính trị hoặc

đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị được phân công phụ trách trực tiếp chỉ đạo.

Nhiệm vụ đấu tranh chống địch lợi dụng vấn đề nhân quyền để chống phá ta, giao lại cho Ban Cán sự Đảng Chính phủ chỉ đạo (như trước đây vẫn làm).

Điều 3: Ban Tổ chức Trung ương, Ban Cán sự Đảng Chính phủ, Văn phòng Trung ương Đảng, Ban Tài chính - Quản trị Trung ương và các đồng chí trong Tổ Công tác I có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

PHẠM THẾ DUYỆT

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**CHỈ THỊ
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ**

Số 34-CT/TW, ngày 30 tháng 5 năm 1998

**Về tăng cường công tác chính trị tư tưởng;
củng cố tổ chức đảng, đoàn thể quần chúng
và công tác phát triển đảng viên
trong các trường học**

Thi hành Nghị quyết Trung ương 2 (khóa VIII) "Về định hướng chiến lược phát triển giáo dục - đào tạo trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và nhiệm vụ đến năm 2000", vừa qua, đi đôi với việc lãnh đạo thực hiện các nhiệm vụ công tác trong trường học, các cấp ủy và tổ chức đảng, ngành Giáo dục - Đào tạo đã quan tâm hơn trong việc chỉ đạo công tác xây dựng tổ chức đảng và các đoàn thể quần chúng ở các trường học.

Tuy nhiên, tới nay công tác giáo dục chính trị tư tưởng, rèn luyện đạo đức ở không ít trường còn bị coi nhẹ; việc giảng dạy các môn khoa học Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh còn chưa được quan tâm đúng mức, thậm chí có nơi bị thu hẹp; công tác xây dựng tổ chức đảng và các đoàn thể còn nhiều mặt yếu. Nhiều trường, nhất là ở cấp tiểu học, trung

học cơ sở và ở các tỉnh, thành phố phía Nam, Tây Nguyên, vùng miền núi, ven biển, vùng đồng bào dân tộc, tôn giáo... chưa có đảng viên, chưa lập được chi bộ. Tỷ lệ đảng viên trong giáo viên ở các trường phổ thông cơ sở, tiểu học, mầm non và trong học sinh, sinh viên còn thấp. Sức chiến đấu của đảng viên và năng lực lãnh đạo của tổ chức đảng ở nhiều trường không cao, thậm chí có nơi tê liệt.

Tình hình trên có nhiều nguyên nhân, trong đó nguyên nhân chủ yếu là do sự chỉ đạo của các cấp ủy đối với công tác xây dựng đảng và công tác quần chúng chưa được tăng cường đúng mức; quan hệ phối hợp giữa các ban cán sự đảng ngành Giáo dục - Đào tạo với các cấp ủy địa phương trong nhiệm vụ giáo dục - đào tạo còn thiếu chặt chẽ.

Để thực hiện tốt định hướng chiến lược phát triển giáo dục - đào tạo; chiến lược cán bộ của Đảng trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và nhiệm vụ đến năm 2000, Bộ Chính trị yêu cầu các cấp, các ngành thực hiện có kết quả một số nhiệm vụ sau đây:

1. Tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng, rèn luyện đạo đức cách mạng trong đội ngũ giáo viên, học sinh, sinh viên và công nhân viên ở các trường học

- Nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên và quần chúng trong trường học về lý tưởng cách mạng, về các chủ trương, chính sách, nhiệm vụ và mục tiêu cơ bản của công tác giáo dục - đào tạo, thực hiện tốt nhiệm vụ xây dựng con người có đủ đức, tài, kế tục trung thành và xuất sắc sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; thực hiện thắng lợi

nhiệm vụ cách mạng của Đảng và nhân dân ta trong thời kỳ mới.

- Tổ chức đảng ở mỗi trường học phải căn cứ vào chức năng và nhiệm vụ của mình, lãnh đạo xây dựng và thực hiện tốt chương trình, kế hoạch giáo dục - đào tạo theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 2 (khóa VIII), trong đó đặc biệt chú trọng công tác giáo dục chính trị tư tưởng và đạo đức cách mạng. Xác định rõ trách nhiệm của cấp ủy đảng, hiệu trưởng, hội đồng khoa học, chủ nhiệm khoa, chủ nhiệm lớp, đội ngũ giáo viên, các đoàn thể, khoa Mác - Lênin, phòng công tác chính trị, ban quản lý ký túc xá, tạo ra sức mạnh tổng hợp trong công tác giáo dục chính trị tư tưởng. Xây dựng đội ngũ giáo viên thực sự là những chiến sĩ trên mặt trận giáo dục, là tấm gương sáng về đạo đức nhân cách cho học sinh, sinh viên noi theo. Bồi dưỡng ý thức tự giác của học sinh, sinh viên trong học tập, hoạt động xã hội, rèn luyện phẩm chất chính trị và nhân cách. Kiên quyết khắc phục tư tưởng chuyên môn đơn thuần, xem nhẹ các mặt công tác chính trị tư tưởng.

- Làm tốt việc đào tạo, bồi dưỡng, xây dựng đội ngũ giáo viên chính trị, giáo viên dạy các môn khoa học xã hội và nhân văn, giáo dục công dân. Cải tiến nội dung giáo trình và phương pháp giảng dạy để từng bước nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục các môn khoa học Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, lịch sử, quốc văn... Thường xuyên cung cấp thông tin thời sự, chính sách cho giáo viên, học sinh, sinh viên, làm cho nhà trường luôn bám sát nhiệm vụ chính trị và thực tiễn cuộc sống.

- Có biện pháp tích cực củng cố tổ chức và tạo mọi điều

kiện để phát huy vai trò của các đoàn thể trong nhà trường, góp phần làm tốt công tác tuyên truyền, giáo dục đoàn viên, hội viên về lý tưởng cách mạng, đạo đức và lối sống lành mạnh. Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Sinh viên phải là nòng cốt trong các phong trào dạy tốt, học tốt; trong các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao; xây dựng trường, lớp, ký túc xá văn minh, sạch đẹp và tích cực tham gia các hoạt động xã hội.

- Ban Cán sự Đảng ngành Giáo dục - Đào tạo ở trung ương và địa phương phối hợp với Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương, Ban Khoa giáo Trung ương và các ban tuyên giáo của cấp ủy các cấp tổ chức các lớp bồi dưỡng thường xuyên và theo định kỳ (vào các dịp nghỉ hè) về chính trị, nghiệp vụ chuyên môn và kinh nghiệm quản lý cho các cấp ủy viên, hiệu trưởng, hiệu phó, chủ nhiệm khoa, chủ nhiệm lớp, giáo viên, cán bộ đoàn thể ở các trường; phối hợp với các cơ quan thông tin đại chúng để tổ chức tốt các chương trình có ý nghĩa giáo dục sinh động và phát triển trí thông minh của học sinh, sinh viên như các chương trình "SV98", "7 sắc cầu vồng" và các chủ đề bổ ích khác.

- Cấp ủy huyện, quận... chỉ đạo các trung tâm bồi dưỡng chính trị, mở các lớp chuyên đề về Đảng cho những người là đối tượng, cảm tình đảng, bồi dưỡng nâng cao trình độ lý luận và kinh nghiệm công tác xây dựng đảng, công tác vận động quần chúng cho các cấp ủy viên, cán bộ quản lý và đảng viên dự bị ở các chi bộ, đảng bộ nhà trường.

- Cán bộ lãnh đạo chủ chốt ở các cấp ủy và ngành Giáo dục - Đào tạo cần định kỳ kiểm tra công tác chính trị tư tưởng; công tác xây dựng tổ chức đảng và đoàn thể ở các

trường học; tổ chức hội thảo, tiếp xúc đối thoại với quần chúng, giải thích đường lối, chủ trương của Đảng, Nhà nước và giải đáp thắc mắc của quần chúng khi có yêu cầu.

2. Xây dựng chi bộ, đảng bộ nhà trường trong sạch, vững mạnh

Từ nay đến năm 2000, phấn đấu xây dựng các tổ chức đảng trong trường học đa số đạt tiêu chuẩn trong sạch, vững mạnh; thu hẹp diện cơ sở yếu kém.

- Các tổ chức đảng nhà trường sơ kết, rút kinh nghiệm việc thực hiện Quy định số 51-QĐ/TW, ngày 19-11-1992 của Ban Bí thư (khóa VII) về chức năng, nhiệm vụ của đảng bộ, chi bộ trường học; xây dựng, bổ sung quy chế hoạt động của tổ chức đảng, quy chế thực hiện dân chủ bảo đảm thực hiện thắng lợi mọi đường lối, chủ trương của Đảng trong nhà trường.

Các tổ chức đảng trường học phải chú trọng lãnh đạo nâng cao chất lượng giáo dục - đào tạo và nghiên cứu khoa học; lãnh đạo và quản lý đội ngũ cán bộ theo phân cấp; làm tốt công tác bảo vệ chính trị nội bộ, giữ vững nguyên tắc tập trung dân chủ, nâng cao chất lượng sinh hoạt đảng, thực hiện nghiêm túc chế độ tự phê bình và phê bình; phát huy quyền làm chủ của quần chúng; chống quan liêu, tham nhũng và các biểu hiện tiêu cực khác.

Ở các trường dân lập, nếu có đủ ba đảng viên chính thức trở lên thường xuyên làm việc tại trường thì thành lập chi bộ; chi bộ hoạt động theo các quy định của Điều lệ Đảng, phù hợp với cơ chế quản lý trường dân lập. Hằng năm tổ chức hội nghị đảng viên đang giảng dạy và công tác ở trường dân lập, bảo đảm thực hiện tốt quan điểm, chính

sách của Đảng và pháp luật Nhà nước trong công tác giáo dục, đào tạo.

3. Tích cực tạo nguồn, làm tốt công tác phát triển đảng viên trong cán bộ, giáo viên, học sinh, sinh viên, nhất là ở những cơ sở hiện còn ít hoặc chưa có đảng viên

- Trên cơ sở bảo đảm chất lượng, đổi mới công tác giáo dục, nâng cao ý thức tự giác phấn đấu của quần chúng vì lý tưởng của Đảng, thông qua phong trào thi đua dạy và học và lao động sáng tạo ở các trường để tạo nguồn bổ sung nhân tố mới cho Đảng. Phấn đấu từ nay đến năm 2000, ở tất cả các trường đều có đảng viên; các trường phổ thông cơ sở, tiểu học, mầm non có chi bộ hoặc tổ đảng; các trường phổ thông trung học, dạy nghề và các trường dân lập đều có chi bộ; các trường trung học chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học công lập có đảng bộ.

- Cấp ủy, chi bộ ở các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, dạy nghề cần làm tốt công tác tạo nguồn phát triển đảng viên, nâng cao hơn tỷ lệ đảng viên trong số giáo viên trẻ và học sinh, sinh viên.

- Ở các trường thuộc cấp huyện và cơ sở quản lý, cấp ủy huyện và cơ sở cần phân công đảng viên làm công tác phát triển Đảng, đồng thời phối hợp với ngành Giáo dục - Đào tạo cấp trên có kế hoạch cử cán bộ, giáo viên ở các trường có đông đảng viên đến tăng cường cho các trường còn ít hoặc chưa có đảng viên, đẩy mạnh hoạt động của các đoàn thể, qua đó mà lựa chọn các giáo viên ưu tú để kết nạp vào Đảng, tiến tới lập tổ đảng, chi bộ đảng. Chú ý vận dụng thực hiện các chế độ,

chính sách chăm lo đời sống vật chất và tinh thần của những cán bộ, đảng viên, giáo viên được điều động đến công tác ở các vùng có nhiều khó khăn.

Củng cố và phát huy mạnh hơn nữa vai trò của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh trong việc lựa chọn, bồi dưỡng, giới thiệu đoàn viên ưu tú vào Đảng.

4. Kiện toàn đội ngũ cán bộ lãnh đạo chủ chốt ở các trường học

Các ban cán sự đảng ở bộ, sở và lãnh đạo phòng giáo dục (theo phân cấp quản lý cán bộ) cùng với cấp ủy địa phương tiến hành việc nhận xét, đánh giá chất lượng cán bộ lãnh đạo chủ chốt (hiệu trưởng, bí thư cấp ủy...) theo định kỳ; xây dựng và thực hiện tốt kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ chủ chốt; kịp thời thay thế những cán bộ không đủ tiêu chuẩn.

Các cấp ủy cấp trên của tổ chức đảng trường học phải chỉ đạo chặt chẽ việc kiện toàn nhân sự, nâng cao chất lượng cấp ủy qua các kỳ đại hội đảng bộ, chi bộ trường học. Bí thư chi bộ, bí thư đảng ủy phải có đủ tiêu chuẩn như Điều lệ Đảng (khóa VIII) quy định.

5. Tổ chức chỉ đạo thực hiện

- Từ nay đến hết năm 1998, các cấp ủy địa phương (tỉnh, thành, huyện, quận, xã, phường) và cấp ủy, chi bộ ở các trường phải sơ kết, đánh giá, rút kinh nghiệm về công tác chính trị tư tưởng, xây dựng, củng cố các tổ chức đảng và đoàn thể; tạo nguồn phát triển đảng viên trong các trường học từ khi có Nghị quyết Trung ương 2 (khóa VIII) đến nay. Trên cơ sở đó xây dựng chương trình hành động cụ thể từ nay

đến năm 2000, định rõ mục tiêu phấn đấu từng năm và trọng điểm chỉ đạo đối với từng loại trường một cách thiết thực.

- Sắp xếp lại hệ thống tổ chức chỉ đạo của các cấp ủy cấp trên đối với các tổ chức cơ sở đảng trường học; không lập tổ chức đảng ngành dọc mà gắn vào sự chỉ đạo của các cấp ủy địa phương theo phân cấp.

- Các ban cán sự đảng và đảng đoàn ở trung ương, Ban Thường vụ Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh... có kế hoạch triển khai thực hiện Chỉ thị này trong bộ, ngành, đoàn thể mình. Các cơ quan có trách nhiệm cần nghiên cứu, bổ sung một số chính sách, chế độ cụ thể đối với các trường học, bảo đảm và thực hiện đúng các chế độ chi tiêu ngân sách của nhà trường, bao gồm cả các khoản chi cho hoạt động của các tổ chức đảng, các đoàn thể, các hoạt động chính trị tư tưởng và tổ chức đời sống tinh thần cho học sinh, sinh viên theo quy định của Nhà nước.

- Ban Khoa giáo Trung ương chủ trì, phối hợp với Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương, Ban Cán sự Đảng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Ban Tổ chức Trung ương có trách nhiệm theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Chỉ thị này ở các cấp, các ngành, tổng hợp tình hình báo cáo với Bộ Chính trị theo định kỳ.

Chỉ thị này phổ biến đến các chi bộ để thực hiện.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

PHẠM THẾ DUYỆT

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

CHỈ THỊ CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 35-CT/TW, ngày 3 tháng 6 năm 1998

Về đổi mới công tác thi đua - khen thưởng trong giai đoạn mới

Ngày 11-6-1948 Chủ tịch Hồ Chí Minh ra lời kêu gọi thi đua ái quốc, mở đầu cho phong trào hành động cách mạng của toàn dân dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của Đảng. Nhìn lại chặng đường hơn nửa thế kỷ qua chúng ta có thể khẳng định rằng những thành quả to lớn trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc của cách mạng Việt Nam trong mấy chục năm qua gắn liền với việc tổ chức thực hiện có hiệu quả phong trào thi đua ái quốc trên phạm vi cả nước.

Tuy nhiên, trong những năm gần đây, sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng đối với các phong trào thi đua bị buông lỏng. Công tác thi đua - khen thưởng chưa thật sự trở thành động lực mạnh mẽ động viên, cổ vũ mọi tầng lớp nhân dân ra sức thi đua lao động sản xuất, xây dựng và bảo vệ đất nước. Khen thưởng chưa được gắn chặt với công tác thi đua. Đối tượng, tiêu chí, tiêu chuẩn khen thưởng và các chế độ kèm theo chậm được đổi mới, làm giảm tác dụng và ý nghĩa to lớn của công tác này.

Bác Hồ thường nhắc nhở chúng ta: "Thi đua - khen thưởng là động lực phát triển và là biện pháp quan trọng để xây dựng con người mới, thi đua yêu nước phải được tiến hành thường xuyên, liên tục hằng ngày". Trong giai đoạn xây dựng đất nước hiện nay, trước những thời cơ và thách thức vô cùng to lớn, công tác thi đua - khen thưởng càng có vị trí hết sức quan trọng. Để thực hiện lời dạy của Bác một cách thiết thực, nhân dịp kỷ niệm 50 năm ngày Chủ tịch Hồ Chí Minh ra lời kêu gọi thi đua ái quốc, Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng chủ trương củng cố tăng cường và đổi mới công tác thi đua - khen thưởng nhằm đáp ứng yêu cầu của nhiệm vụ cách mạng trong tình hình mới. Bộ Chính trị yêu cầu các cấp ủy đảng, đảng đoàn, Ban Cán sự Đảng Quốc hội, Chính phủ, các bộ, ngành, Mặt trận Tổ quốc, và các đoàn thể chỉ đạo thực hiện tốt một số việc sau đây:

1. Tiến hành tổng kết công tác thi đua - khen thưởng 50 năm qua từ cơ sở, rút ra những bài học kinh nghiệm của công tác thi đua - khen thưởng qua các giai đoạn cách mạng, biểu dương những tập thể, cá nhân có nhiều thành tích trong công tác thi đua - khen thưởng. Cần đặc biệt chú ý phân tích tìm ra nguyên nhân của việc coi nhẹ, buông lỏng công tác thi đua - khen thưởng trong những năm gần đây, tập trung làm rõ nguyên nhân từ phía lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng đối với công tác này và hoạt động của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể quần chúng và các cơ quan chuyên trách làm tham mưu cho các cấp ủy đảng và chính quyền và sự phối kết hợp giữa các cơ quan có liên quan trong việc thực hiện các nhiệm vụ kinh tế - xã hội, quốc

phòng - an ninh, các chương trình quốc gia, các dự án với công tác thi đua - khen thưởng.

2. Trên cơ sở những bài học kinh nghiệm của 50 năm qua, các cấp ủy đảng cần chỉ đạo tiến hành đổi mới công tác thi đua - khen thưởng trong giai đoạn mới, tập trung vào các vấn đề cơ bản như: làm rõ vị trí, vai trò quan trọng của công tác thi đua - khen thưởng trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn cách mạng mới; khẳng định vai trò lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước đối với công tác thi đua - khen thưởng; kiện toàn và đổi mới tổ chức - cán bộ của các cơ quan tham mưu thi đua - khen thưởng; đổi mới nội dung và hình thức thi đua - khen thưởng, quy trình phát hiện, xem xét, lựa chọn, phong tặng các danh hiệu thi đua và những vấn đề có liên quan tới việc khen thưởng như: tiêu chuẩn, danh hiệu, đối tượng khen thưởng.

3. Xây dựng kế hoạch và có biện pháp cụ thể tạo ra một bước chuyển biến mạnh mẽ về chất trong lĩnh vực công tác thi đua - khen thưởng, đẩy lên phong trào thi đua sôi nổi nhằm phát huy cao độ tính tích cực trong mọi ngành, mọi giới, các dân tộc, các tầng lớp nhân dân, các lực lượng vũ trang, các thành phần kinh tế, rộng khắp trong cả nước, tạo ra động lực tinh thần vật chất mới hăng hái tham gia lao động, sản xuất, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, cần kiệm, sáng tạo, cống hiến sức lực, trí tuệ, phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Khẩu hiệu thi đua chung trong giai đoạn mới này là: "Tất cả vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng và văn minh". Căn cứ vào tinh thần này, các cấp, các ngành, các đoàn thể

cần cụ thể hóa và chỉ đạo phong trào thi đua cho phù hợp với tình hình, nhiệm vụ và nội dung yêu cầu của cấp, ngành và đoàn thể mình, đẩy mạnh các phong trào thi đua hiện có trong cả nước.

4. Tập trung chỉ đạo hoàn thành dứt điểm trong 3 năm 1998 - 2000 việc xem xét khen thưởng đối với các loại hình thành tích trong hai cuộc kháng chiến.

5. Tích cực chuẩn bị *Luật thi đua - khen thưởng nhà nước* để trình Quốc hội trong năm 1999, chuẩn bị mọi mặt để tiến tới Đại hội thi đua toàn quốc vào năm 2000.

6. Trước mắt cần chỉ đạo làm ngay một số việc:

- Tổ chức trọng thể Lễ kỷ niệm 50 năm ngày Chủ tịch Hồ Chí Minh ra lời kêu gọi thi đua ái quốc ở các địa phương và tại Thủ đô Hà Nội và phát động phong trào thi đua ái quốc trong giai đoạn mới. Qua đó khẳng định vai trò to lớn của công tác thi đua - khen thưởng trong các giai đoạn cách mạng vừa qua, chỉ ra những hạn chế của công tác này trong những năm gần đây và sự cần thiết phải tiến hành đổi mới công tác thi đua - khen thưởng trong giai đoạn hiện nay.

- Lập lại Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Trung ương do Thủ tướng Chính phủ làm Chủ tịch. Lãnh đạo một số bộ, ngành, Văn phòng Chủ tịch nước, đoàn thể quần chúng làm ủy viên. Viện Thi đua - Khen thưởng Nhà nước là cơ quan giúp việc của Hội đồng. Các bộ, ngành, đoàn thể và địa phương thành lập lại hội đồng thi đua - khen thưởng của mình theo tinh thần mới gọn, nhẹ, hiệu quả, không tăng biên chế.

- Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương và Bộ Văn hóa - Thông tin cần có kế hoạch chỉ đạo các cơ quan thông tin đại chúng về việc tuyên truyền sâu rộng cho công tác thi

đua - khen thưởng. Thường xuyên và kịp thời thông tin về việc đổi mới các hoạt động thi đua - khen thưởng và nêu gương những điển hình tiên tiến, các mô hình mới hoạt động có hiệu quả.

Ban Cán sự Đảng Chính phủ, các bộ, ngành, các đoàn thể và Mặt trận Tổ quốc tổ chức thực hiện Chỉ thị này để không ngừng nâng cao chất lượng công tác thi đua - khen thưởng đáp ứng những đòi hỏi của giai đoạn mới. Ban Cán sự Đảng Chính phủ giúp Bộ Chính trị theo dõi kiểm tra việc thực hiện Chỉ thị này.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

PHẠM THẾ DUYỆT

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
Ý KIẾN CỦA THƯỜNG VỤ BỘ CHÍNH TRỊ
 Số 144-TB/TW, ngày 3 tháng 6 năm 1998
Về các giải pháp điều hành chính sách tiền tệ
để khắc phục ảnh hưởng
của khủng hoảng tiền tệ châu Á

Ngày 3-6-1998, sau khi nghe Ban Cán sự Đảng Ngân hàng Nhà nước báo cáo về ảnh hưởng của khủng hoảng tiền tệ châu Á đến nền kinh tế Việt Nam và các giải pháp điều hành chính sách tiền tệ để khắc phục, Thường vụ Bộ Chính trị có ý kiến chỉ đạo như sau:

Thời gian qua Chính phủ đã chỉ đạo các bộ, ngành chủ động nắm tình hình, nghiên cứu và đề ra những giải pháp thích hợp nên đã hạn chế được những tác động xấu của cuộc khủng hoảng tài chính - tiền tệ châu Á đến nền kinh tế nước ta. Tuy nhiên, cuộc khủng hoảng này sẽ còn có những tác động to lớn và nhiều mặt đối với nước ta. Do đó, việc điều hành chính sách tiền tệ để hạn chế tối đa ảnh hưởng tiêu cực của khủng hoảng cần thực hiện nhất quán các giải pháp chủ yếu sau:

1. Chính sách tiền tệ phải bám sát mục tiêu giữ vững giá

trị của đồng tiền Việt Nam. Theo dõi và xử lý kịp thời, đồng bộ các yếu tố vĩ mô để kiểm chế và kiểm soát lạm phát ở mức một con số trong năm 1998. Thực hiện có hiệu quả đề án huy động thêm 6.000 tỉ đồng tiết kiệm từ trong dân, mua chịu trả chậm để phục vụ cho đầu tư phát triển, sử dụng tập trung cho những dự án quan trọng có khả năng mang lại hiệu quả thiết thực.

2. Nâng cao chất lượng tín dụng của hệ thống ngân hàng để bảo đảm hoạt động an toàn, hiệu quả. Tăng cường quyền tự chủ và tự chịu trách nhiệm của các ngân hàng thương mại trong việc thẩm định và cho vay hoặc bảo lãnh cho vay vốn; có quyền từ chối cho vay các dự án xét thấy không có hiệu quả, không có khả năng thu hồi vốn, trừ những dự án do Thủ tướng Chính phủ chỉ định. Xúc tiến ngay các biện pháp kiên quyết để xử lý nợ quá hạn đã đến mức rất nguy hiểm, đưa xuống dưới 5% tổng dư nợ.

3. Xây dựng và triển khai đề án củng cố các ngân hàng thương mại quốc doanh. Tăng vốn điều lệ của các ngân hàng thương mại quốc doanh bằng các nguồn ngân sách, huy động trái phiếu, tái cấp vốn để tăng khả năng huy động vốn. Hình thành sớm quỹ bù đắp rủi ro trong hoạt động tín dụng của các ngân hàng thương mại. Triển khai vững chắc đề án sắp xếp lại các ngân hàng thương mại cổ phần tại Thành phố Hồ Chí Minh, tiến tới rút kinh nghiệm mở rộng ra cả nước.

4. Tăng cường quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh ngân hàng. Tạm ngừng cấp giấy phép mở chi nhánh ngân hàng nước ngoài; ngân hàng liên doanh; ngân hàng thương mại cổ phần, trong trường hợp thật cần thiết giao

Thủ tướng Chính phủ xem xét quy định. Tăng cường hiệu lực của hệ thống thanh tra, kiểm soát và kiểm toán ngân hàng.

5. Xây dựng và thực hiện các cơ chế mới phù hợp hơn về tỉ giá và lãi suất, với bước đi thích hợp, không để xảy ra biến động xấu về kinh tế, chính trị, xã hội. Cụ thể, duy trì lãi suất thực dương, linh hoạt phản ánh đúng cung cầu tín dụng trên thị trường, từng bước áp dụng phương án lãi suất cơ bản thay dần cho việc ấn định lãi suất trần. Áp dụng chính sách tỉ giá linh hoạt và nhạy bén hơn với cung cầu về ngoại tệ, thu hẹp khoảng cách giữa tỉ giá chính thức với tỉ giá thực tế giao dịch, rút ngắn biên độ giao dịch trên thị trường ngoại tệ. Tăng dự trữ ngoại tệ, hạn chế tối đa việc dùng ngoại tệ dự trữ can thiệp thị trường, bảo đảm cho Nhà nước luôn có phương tiện để đối phó với những tình huống bất thường.

6. Tổng kết 5 năm thí điểm thành lập quỹ tín dụng nhân dân. Đồng thời triển khai đề án củng cố hệ thống quỹ tín dụng nhân dân. Tạm ngừng cấp giấy phép thành lập mới quỹ tín dụng nhân dân. Tập trung chỉ đạo xử lý ngay các quỹ yếu kém, mất khả năng chi trả, không được để gây ảnh hưởng xấu về kinh tế, chính trị, xã hội.

7. Đàm phán kiên quyết, nhưng mềm dẻo, khôn khéo để vừa giữ vững được chủ quyền và lợi ích quốc gia, vừa tranh thủ được nguồn vốn của IMF, WB, ADB, không vì tranh thủ nguồn tài chính mà nhượng bộ, bị o ép hoặc vội vã thi hành các biện pháp theo kiến nghị của họ có thể dẫn tới các hậu quả xấu về kinh tế, chính trị, xã hội.

8. Các cơ quan tư pháp, thanh tra, kiểm tra khi điều tra, thanh tra, xử lý những vụ việc liên quan đến hoạt động

của các tổ chức tín dụng cần phối hợp với Ngân hàng Nhà nước để vừa thực hiện tốt chức trách, nhiệm vụ của mình theo pháp luật, vừa không để xảy ra những ảnh hưởng bất lợi cho hoạt động tín dụng ngân hàng, gây mất ổn định kinh tế - xã hội.

Các cơ quan thông tin báo chí cần phối hợp chặt chẽ với Ngân hàng Nhà nước khi đưa tin về hoạt động tín dụng ngân hàng nói chung và từng tổ chức tín dụng nói riêng.

Căn cứ vào ý kiến chỉ đạo trên, Ban Cán sự Đảng Chính phủ, ban cán sự đảng các bộ, ngành có liên quan tổ chức tốt việc triển khai cụ thể. Những vấn đề nếu xét thấy cần thiết Ban Cán sự Đảng Chính phủ báo cáo Thường vụ Bộ Chính trị xem xét, quyết định.

T/M THƯỜNG VỤ BỘ CHÍNH TRỊ

PHẠM THẾ DUYỆT

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
Ý KIẾN CỦA THƯỜNG VỤ BỘ CHÍNH TRỊ
Số 143-TB/TW, ngày 5 tháng 6 năm 1998
Về tổ chức, hoạt động và quản lý các hội
nghề nghiệp

Tại phiên họp ngày 4-5-1998, sau khi nghe Ban Cán sự Đảng Chính phủ trình một số vấn đề về tổ chức, hoạt động và quản lý các hội, Thường vụ Bộ Chính trị đã thảo luận và có ý kiến chỉ đạo như sau:

1. Các cấp ủy đảng, chính quyền, các ngành cần tiến hành tổng kết đánh giá đúng thực trạng tình hình tổ chức và hoạt động của các hội từ Trung ương đến địa phương; kết quả thực hiện Nghị quyết 8b của Ban Chấp hành Trung ương (khóa VI). Trên cơ sở đó, đề ra các biện pháp tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước đối với tổ chức và hoạt động của các hội.

2. Cần sớm xây dựng và ban hành luật mới để thay thế luật lập hội năm 1957. Trước mắt, đồng ý Chính phủ ra nghị định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội nghề nghiệp. Nội dung nghị định cần chú ý một số vấn đề sau:

- Hội nghề nghiệp hoạt động theo nguyên tắc tự nguyện

của công dân Việt Nam, hoạt động tự quản và tự trang trải về kinh phí. Hoạt động của hội phải tuân thủ pháp luật, nhằm mục đích vừa bảo đảm quyền lợi của hội, hội viên, vừa góp phần vào việc thực hiện tốt chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước về lĩnh vực ngành nghề mà hội hoạt động.

- Việc thành lập hội phải xin phép và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định. Điều lệ của hội phải được Nhà nước công nhận. Không kết nạp người nước ngoài vào hội. Hội không tổ chức thành hệ thống từ Trung ương đến cơ sở.

3. Giao cho Ban Cán sự Đảng Ban Tổ chức cán bộ Chính phủ chủ trì phối hợp cùng với Ban Dân vận Trung ương và các ban, ngành có liên quan, trên cơ sở ý kiến chỉ đạo của Thường vụ Bộ Chính trị dự thảo chỉ thị của Bộ Chính trị về việc tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với tổ chức và hoạt động của các hội.

T/M THƯỜNG VỤ BỘ CHÍNH TRỊ

PHẠM THẾ DUYỆT

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
KẾT LUẬN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ
Số 146-TB/TW, ngày 23 tháng 6 năm 1998
Về một năm rưỡi thực hiện Nghị quyết
02-NQ/HNTW khóa VIII về giáo dục - đào tạo

Sau khi nghe báo cáo về kết quả triển khai việc thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương (khóa VIII) về giáo dục - đào tạo, Bộ Chính trị đã thảo luận và nhấn mạnh một số điểm như sau:

1. Đánh giá việc thực hiện Nghị quyết

Nghị quyết Trung ương 2 được Chính phủ, các địa phương và ngành Giáo dục - Đào tạo triển khai khẩn trương, nghiêm túc, sâu rộng và đã thu được một số kết quả tốt. Đặc biệt phong trào học tập được khơi dậy mạnh mẽ trong nhân dân ta, mọi nhà chăm lo cho con em đi học, xã hội chăm lo cho sự nghiệp giáo dục; quy mô tất cả các cấp học, bậc học đều tăng rõ rệt. Một số chủ trương đã được thể chế hóa bằng các văn bản pháp quy, bước đầu đã phát huy được tác dụng.

Tuy nhiên, việc khắc phục nhiều mặt yếu kém trong công tác giáo dục - đào tạo đã được chỉ rõ trong Nghị quyết Trung

ương 2 chưa có chuyển biến đáng kể; chủ yếu là do việc thảo luận để đi đến nhất trí cao về chủ trương, biện pháp làm chưa kỹ; các cấp, các ngành chậm xây dựng kế hoạch và chưa phối hợp thật tốt trong việc tổ chức thực hiện. Công tác quản lý sự nghiệp giáo dục của ngành Giáo dục - Đào tạo tuy đã có cố gắng nhưng còn nhiều thiếu sót, khuyết điểm.

2. Những vấn đề cụ thể cần giải quyết

Để giải quyết những vấn đề cụ thể của công tác giáo dục - đào tạo, Bộ Chính trị yêu cầu Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo Hội đồng Quốc gia giáo dục, lãnh đạo ngành Giáo dục - Đào tạo phối hợp với các ban, ngành liên quan xây dựng các đề án, đề xuất những chủ trương để Chính phủ xem xét, quyết định theo tinh thần Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương (khóa VIII). Bộ Chính trị nhấn mạnh một số điểm sau:

- Vấn đề phát triển quy mô và bảo đảm chất lượng đào tạo:

Đảng và Nhà nước ta không chủ trương hạn chế quy mô phát triển giáo dục, song cần có những biện pháp nhằm tăng cường quản lý nhà nước về công tác giáo dục - đào tạo, bảo đảm chất lượng giáo dục - đào tạo như đội ngũ thầy giáo, cơ sở vật chất, tổ chức quản lý, nội dung chương trình...

- Vấn đề đào tạo hai giai đoạn ở đại học và đại học đại cương:

Bộ Chính trị đồng ý với nhiều ý kiến đề nghị bỏ trường đại học đại cương và quy định cứng về đào tạo hai giai đoạn, bỏ kỳ thi chuyển giai đoạn như là một kỳ thi quốc gia. Việc tổ chức học chương trình đại cương giao cho Giám đốc Đại học Quốc gia, đại học vùng, hiệu trưởng các trường đại học chủ động bàn bạc, thực hiện.

Tuy nhiên, trong khi triển khai cụ thể chủ trương này,

các trường cần tính toán kỹ, có kế hoạch và biện pháp cụ thể xử lý những vấn đề phức tạp có thể nảy sinh.

- Về Đại học Quốc gia và trường Đại học Sư phạm trọng điểm:

Chủ trương xây dựng Đại học Quốc gia có chất lượng cao là đúng. Giao cho Chính phủ chỉ đạo Bộ Giáo dục và Đào tạo, cùng Ban Khoa giáo Trung ương có đề án đánh giá cụ thể kết quả thực hiện chủ trương này những năm vừa qua; trong đó phân tích kỹ những mặt được và chưa được, đề xuất với Chính phủ giải pháp tổ chức lại Đại học Quốc gia, xây dựng trường Đại học Sư phạm trọng điểm để Chính phủ quyết định.

- Về chủ trương phân ban ở trung học phổ thông:

Phải bảo đảm cho học sinh phổ thông trung học được giáo dục kiến thức phổ thông, toàn diện, hướng nghiệp. Chính phủ sớm quyết định cụ thể về mô hình phân ban ở phổ thông trung học để kịp thực hiện trong năm học 1998 - 1999.

- Ban Khoa giáo Trung ương chủ trì phối hợp với Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương, Bộ Giáo dục và Đào tạo có đề án cụ thể để nâng cao chất lượng giảng dạy và học tập lý luận Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong hệ thống giáo dục quốc dân phù hợp với các cấp học, các lứa tuổi.

- Về dạy nghề:

Đây là vấn đề cấp thiết, phải được coi trọng và đẩy mạnh trong những năm tới. Hiện nay, Chính phủ đã có quyết định thành lập Tổng cục Dạy nghề thuộc Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chỉ đạo Tổng cục Dạy nghề cần khẩn trương xây dựng các đề án về dạy nghề và xây dựng chiến lược dạy nghề trình Chính phủ.

Việc Tổng cục Dạy nghề vẫn thuộc Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hay trực thuộc Chính phủ, cần được bàn kỹ và Chính phủ quyết định. Ban Khoa giáo Trung ương theo dõi công tác đào tạo nghề và thường xuyên báo cáo Thường vụ Bộ Chính trị.

- Về chính sách, đề nghị Chính phủ chỉ đạo các bộ, ngành có liên quan khẩn trương nghiên cứu trình Chính phủ tiếp tục ban hành các chế độ, chính sách đối với giáo dục theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 2.

- Vấn đề ký túc xá:

Chính phủ chỉ đạo cụ thể việc thực hiện chương trình sửa chữa, nâng cấp, xây mới ký túc xá cho học sinh, sinh viên. Cần định rõ trách nhiệm và phạm vi các ngành Trung ương, tỉnh, thành phải làm. Cho tư nhân được tham gia đầu tư xây dựng ký túc xá, nhưng phải có sự quản lý theo quy định.

*

* *

Để tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết Trung ương 2 về giáo dục - đào tạo, cần tăng cường hơn nữa công tác quản lý của ngành giáo dục và của các cấp chính quyền, đưa Nghị quyết Trung ương 2 thực sự vào cuộc sống.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

PHẠM THẾ DUYỆT

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**CHỈ THỊ
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ**

Số 36-CT/TW, ngày 25 tháng 6 năm 1998

**Về tăng cường công tác bảo vệ môi trường
trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa
đất nước**

I

Bảo vệ môi trường là một vấn đề sống còn của đất nước, của nhân loại; là nhiệm vụ có tính xã hội sâu sắc, gắn liền với cuộc đấu tranh xóa đói giảm nghèo ở mỗi nước, với cuộc đấu tranh vì hoà bình và tiến bộ xã hội trên phạm vi toàn thế giới.

Đảng và Nhà nước ta đã có những chủ trương, biện pháp giải quyết các vấn đề môi trường. Hoạt động bảo vệ môi trường của nước ta đã đạt được những kết quả bước đầu, đã xuất hiện những gương người tốt, việc tốt về bảo vệ môi trường.

Tuy nhiên, việc bảo vệ môi trường ở nước ta hiện chưa đáp ứng yêu cầu của quá trình phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn mới. Nhìn chung môi trường nước ta vẫn tiếp tục bị ô nhiễm và suy thoái, có nơi nghiêm trọng. Việc thi hành

pháp luật bảo vệ môi trường chưa nghiêm minh. Ý thức tự giác bảo vệ và giữ gìn môi trường công cộng chưa trở thành thói quen trong cách sống của đại bộ phận dân cư.

Rừng tiếp tục bị tàn phá nặng nề, khoáng sản bị khai thác bừa bãi. Đất đai bị xói mòn và thoái hóa; đa dạng sinh học trên đất liền và dưới biển đều bị suy giảm. Nguồn nước mặt và nước ngầm đang ngày càng bị ô nhiễm và cạn kiệt, vùng biển đã bắt đầu bị ô nhiễm. Nhiều đô thị và khu công nghiệp bị ô nhiễm do nước thải, khí thải, chất thải rắn... Điều kiện vệ sinh môi trường ở nông thôn quá thấp kém, tiêu chuẩn an toàn lao động và an toàn thực phẩm bị vi phạm. Các sự cố môi trường ngày càng gia tăng.

Việc gia tăng dân số, việc di dân tự do diễn ra ồ ạt và không kiểm soát được, việc khai thác có tính chất hủy diệt các nguồn lợi sinh vật trên cạn và dưới nước, việc phấn đấu thực hiện một số chỉ tiêu quan trọng liên quan đến môi trường mà Nghị quyết Đại hội VIII đã đề ra cho năm 2000 như: phủ xanh 40% diện tích rừng, bảo đảm 80% dân số được cung cấp nước sạch, xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm... đang là những thách thức gay gắt đối với nước ta hiện nay.

Các vấn đề môi trường toàn cầu, như biến đổi khí hậu, suy giảm tầng ôzôn, dâng cao mực nước biển, ô nhiễm xuyên biên giới, suy giảm chất lượng nước của các dòng sông lớn và các thảm rừng chung biên giới, hiện tượng mưa axít, hiện tượng El Nino... ngày càng ảnh hưởng xấu đến môi trường nước ta.

Tình trạng trên đây do nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan, nhưng nguyên nhân chủ quan vẫn là chính:

- Các cấp ủy đảng và chính quyền chưa nhận thức đầy đủ

tầm quan trọng của vấn đề bảo vệ môi trường trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội, chưa kịp thời có kế hoạch và biện pháp bảo vệ môi trường, chưa quan tâm đúng mức lãnh đạo, chỉ đạo công tác bảo vệ môi trường.

- Chính phủ, các bộ ngành, các địa phương chậm trễ và kém hiệu quả trong việc tổ chức thực hiện *Luật bảo vệ môi trường* và “Kế hoạch quốc gia về môi trường và phát triển bền vững giai đoạn 1991 - 2000”; các văn bản pháp quy về bảo vệ môi trường vừa thiếu vừa chồng chéo, lại không đồng bộ; đầu tư cho môi trường còn thấp.

- Việc tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường cho toàn Đảng và toàn dân, toàn quân chưa được quan tâm đúng mức, chưa phát huy được vai trò của các đoàn thể, các tổ chức chính trị - xã hội, các hội quần chúng, các phong trào quần chúng về bảo vệ môi trường.

- Công tác quản lý nhà nước về môi trường ở cả trung ương và địa phương chưa đáp ứng với yêu cầu.

II

Để góp phần bảo đảm thắng lợi của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, Bộ Chính trị yêu cầu các cấp, các ngành cần đổi mới nhận thức, tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo công tác bảo vệ môi trường, nắm vững và quán triệt các mục tiêu, quan điểm, giải pháp sau:

A- Mục tiêu

Ngăn ngừa ô nhiễm môi trường, phục hồi và cải thiện môi trường của những nơi, những vùng đã bị suy thoái, bảo

tồn đa dạng sinh học, từng bước nâng cao chất lượng môi trường ở các khu công nghiệp, đô thị và nông thôn, góp phần phát triển kinh tế - xã hội bền vững, nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân, tiến hành thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Phấn đấu đến năm 2000 phải đạt được các mục tiêu về bảo vệ môi trường mà Đại hội VIII của Đảng đã đề ra.

B- Các quan điểm cơ bản

- Bảo vệ môi trường là sự nghiệp của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân.

- Bảo vệ môi trường là một nội dung cơ bản không thể tách rời trong đường lối, chủ trương và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tất cả các cấp, các ngành, là cơ sở quan trọng bảo đảm phát triển bền vững, thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

- Coi phòng ngừa và ngăn chặn ô nhiễm là nguyên tắc chủ đạo kết hợp với xử lý ô nhiễm, cải thiện môi trường và bảo tồn thiên nhiên.

- Kết hợp phát huy nội lực với tăng cường hợp tác quốc tế trong bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.

C- Để đạt được mục tiêu trên cần tổ chức thực hiện các giải pháp sau đây

1. Thường xuyên giáo dục, tuyên truyền, xây dựng thói quen, nếp sống và các phong trào quần chúng bảo vệ môi trường

Đưa các nội dung bảo vệ môi trường vào chương trình giáo dục của tất cả các bậc học trong hệ thống giáo dục quốc dân.

Tạo điều kiện và khuyến khích để người dân thường xuyên nhận được các thông tin về môi trường như một biện pháp cơ bản bảo vệ môi trường.

Động viên, hướng dẫn nhân dân thực hiện nếp sống sạch, hợp vệ sinh, giữ gìn vệ sinh công cộng.

Tiếp tục đẩy mạnh các phong trào quần chúng bảo vệ môi trường như phong trào Xanh - Sạch - Đẹp, Vườn - Ao - Chuồng (VAC), Vườn - Ao - Chuồng - Rừng (VACR), Tuần lễ nước sạch và vệ sinh môi trường, gia đình văn hóa, vệ sinh tốt...

2. Hoàn chỉnh hệ thống văn bản pháp luật bảo vệ môi trường, ban hành các chính sách về phát triển kinh tế phải gắn với bảo vệ môi trường, nghiêm chỉnh thi hành Luật bảo vệ môi trường

Rà soát và ban hành đồng bộ các văn bản dưới luật, bảo đảm nâng cao hiệu lực của luật.

Ban hành các chính sách về thuế, tín dụng nhằm khuyến khích áp dụng các công nghệ sạch.

Thể chế hóa việc đóng góp chi phí bảo vệ môi trường.

Thể chế hóa việc phối hợp giải quyết các vấn đề phát triển kinh tế với bảo vệ môi trường: trong các kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội phải có các chỉ tiêu, biện pháp bảo vệ môi trường. Tính toán hiệu quả kinh tế, so sánh các phương án phải tính toán cả chi phí về bảo vệ môi trường.

3. Chủ động phòng chống ô nhiễm và sự cố môi trường, khắc phục tình trạng suy thoái môi trường

Thực hiện nghiêm chỉnh quy định của *Luật bảo vệ môi trường* về báo cáo đánh giá tác động môi trường trong việc xét duyệt cấp phép các quy hoạch, các dự án đầu tư. Nếu báo

cáo đánh giá tác động môi trường không được chấp nhận thì không cho thực hiện các quy hoạch, dự án này.

Đối với các cơ sở sản xuất kinh doanh đang hoạt động, căn cứ vào kết quả đánh giá tác động môi trường các bộ, ngành, các tỉnh, thành phố tổ chức phân loại các cơ sở gây ô nhiễm và có kế hoạch xử lý phù hợp: cơ sở nào gây ô nhiễm quá mức cho phép, thì phải quy định thời gian xử lý đạt tiêu chuẩn môi trường cho phép, cơ sở nào gây ô nhiễm nghiêm trọng nhất thì kiên quyết đình chỉ hoạt động hoặc di chuyển địa điểm.

Áp dụng công nghệ sạch, ít phế thải, tiêu hao ít nguyên liệu và năng lượng.

Các đô thị, các khu công nghiệp phải sớm có và thực hiện tốt phương án xử lý chất thải, ưu tiên xử lý chất thải độc hại, chất thải bệnh viện.

Chính phủ khẩn trương thông qua kế hoạch quốc gia ứng cứu sự cố tràn dầu trên biển, kế hoạch nghiên cứu khắc phục hậu quả chất độc hoá học dùng trong chiến tranh đối với môi trường và con người.

4. Khai thác, sử dụng hợp lý, tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ đa dạng sinh học, bảo tồn thiên nhiên

Áp dụng các biện pháp kinh tế và luật pháp cần thiết tăng nhanh tỷ lệ che phủ rừng, thực hiện nghiêm chỉnh lệnh đóng cửa rừng tự nhiên, bảo vệ rừng đi đôi với việc giải quyết định canh định cư, giải quyết việc làm và cung cấp đủ lương thực cho dân sinh sống với rừng; mở rộng diện tích các khu bảo tồn động thực vật hoang dã, các vườn quốc gia bảo vệ đa dạng sinh học.

Nhanh chóng chấm dứt tình trạng khai thác khoáng sản

bừa bãi gây lãng phí tài nguyên, hủy hoại rừng, suy thoái đất và ô nhiễm môi trường.

Chấm dứt ngay việc sử dụng các biện pháp có tính hủy diệt (như điện, xung điện, chất nổ, chất đốt...) để khai thác nguồn lợi thủy hải sản.

Tăng cường các biện pháp quản lý tổng hợp nguồn nước theo lưu vực sông, khẩn trương nghiên cứu các phương án đối phó với nguy cơ thiếu nước trong những năm tới.

5. Tăng cường và đa dạng hóa đầu tư cho hoạt động bảo vệ môi trường

Có chính sách và cơ chế huy động tối đa mọi nguồn lực từ các ngành, các thành phần kinh tế và của người dân để bảo vệ môi trường.

Ngay từ kế hoạch nhà nước năm 1999, Chính phủ, các ngành và các địa phương cần có khoản mục kế hoạch về bảo vệ môi trường với kinh phí để thực hiện kế hoạch này.

Chính phủ quy định mức đầu tư cho bảo vệ môi trường đối với các doanh nghiệp nhà nước.

Khuyến khích mọi tổ chức và cá nhân trong và ngoài nước đầu tư cho bảo vệ môi trường của Việt Nam.

6. Tăng cường công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường từ trung ương đến địa phương

Nâng cấp cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường ở trung ương, tạo điều kiện cần thiết về tổ chức, nhân lực, cơ sở vật chất - kỹ thuật để cơ quan này đủ sức thực hiện tốt chức năng quản lý môi trường, kết hợp chặt chẽ với việc tư vấn hoạch định các chủ trương, chính sách về phát triển bền vững, sử dụng hợp lý các loại tài nguyên thiên nhiên, đặc biệt

là tài nguyên rừng, tài nguyên nước, tài nguyên khoáng sản và nguồn lợi thủy sản.

Tăng cường năng lực quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường cho các địa phương.

7. Đẩy mạnh nghiên cứu khoa học và công nghệ, đào tạo cán bộ, chuyên gia về lĩnh vực bảo vệ môi trường

Xây dựng mạng lưới quan trắc môi trường, đánh giá và dự báo diễn biến môi trường của cả nước.

Hình thành hệ thống cơ sở nghiên cứu khoa học và công nghệ môi trường.

Tổ chức hệ thống đào tạo cán bộ, chuyên gia thuộc lĩnh vực môi trường với các cấp trình độ, các loại ngành nghề đồng bộ, đáp ứng được yêu cầu của công tác bảo vệ môi trường.

Chú trọng hình thành và phát triển ngành công nghệ môi trường phù hợp với điều kiện nước ta.

8. Mở rộng hợp tác quốc tế về bảo vệ môi trường

Mở rộng hợp tác khu vực và quốc tế về bảo vệ môi trường.

Tham gia các chương trình hợp tác có mục tiêu để giải quyết các nhiệm vụ bảo vệ môi trường chung với các quốc gia có liên quan (chung biên giới, chung vùng biển, vùng trời, chung dòng sông...).

III

Trong năm 1998, các cấp ủy đảng và chính quyền từ trung ương đến cơ sở mở đợt tuyên truyền sâu rộng trong toàn Đảng, toàn dân, toàn quân nhằm quán triệt Chỉ thị này, thực hiện các nhiệm vụ bảo vệ môi trường nêu trong Chỉ thị.

Ban Cán sự Đảng Chính phủ chỉ đạo việc xây dựng

chiến lược quốc gia về bảo vệ môi trường, kiện toàn bộ máy quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường ở Trung ương và địa phương và tăng cường đầu tư kinh phí cho công tác bảo vệ môi trường.

Các cấp ủy đảng và chính quyền cần lãnh đạo và chỉ đạo trực tiếp việc kết hợp kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội với công tác bảo vệ môi trường, phát động phong trào quần chúng rộng rãi, liên tục tham gia công tác bảo vệ môi trường, giữ gìn vệ sinh công cộng, xây dựng nếp sống sạch, đẹp, văn minh trên địa bàn mình.

Mỗi cán bộ, đảng viên phải không ngừng nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường và gương mẫu, tích cực tham gia mọi hoạt động bảo vệ môi trường, chủ động lãnh đạo quần chúng bảo vệ môi trường.

Ban Khoa giáo Trung ương, Ban Cán sự Đảng Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường giúp Bộ Chính trị theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Chỉ thị này và định kỳ báo cáo tình hình, đề xuất ý kiến chỉ đạo.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

PHẠM THẾ DUYỆT

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
KẾT LUẬN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ
Số 147-TB/TW, ngày 27 tháng 6 năm 1998
Về tình hình kinh tế - xã hội hiện nay
và các giải pháp lớn

Trong phiên họp ngày 19 và 20-6-1998, sau khi nghe Ban Cán sự Đảng Chính phủ báo cáo về "Tình hình kinh tế - xã hội hiện nay, dự báo khả năng thực hiện kế hoạch năm 1998 và các giải pháp lớn", Bộ Chính trị đã thảo luận và kết luận như sau:

1. Về đánh giá tình hình

- Tuy gặp những khó khăn rất gay gắt do thiên tai và tác động của cuộc khủng hoảng tài chính - tiền tệ ở châu Á, nhưng chúng ta đã cố gắng đạt được nhịp độ tăng trưởng kinh tế khá so với các nước trong khu vực (GDP tăng 6,64%), kiềm chế được sự giảm sút của sản xuất kinh doanh; sản lượng lương thực vụ đông xuân tăng 30 vạn tấn so với năm ngoái; nghề nuôi trồng và đánh bắt thủy hải sản đã được khôi phục một bước sau cơn bão số 5; giá trị sản xuất công nghiệp tăng 12,6%, nhiều sản phẩm công

nghiệp quan trọng (điện, dầu khí, xi măng...) tăng khá; tình hình tài chính, tiền tệ, giá cả cơ bản ổn định, không biến động lớn; các mặt hoạt động văn hóa, xã hội có tiến bộ.

Những việc làm được trong 6 tháng qua thấp hơn mục tiêu đề ra và nhịp độ tăng trưởng kinh tế không bằng những năm trước, nhưng những thành tựu đó đạt được trong điều kiện rất khó khăn đã thể hiện sự chủ động, nỗ lực rất cao của Đảng, Nhà nước và nhân dân ta, giúp chúng ta nhận thức đầy đủ hơn những điều kiện và cơ sở để tiếp tục đi lên.

- Đánh giá đúng những kết quả và cố gắng nói trên, đồng thời chúng ta cần thấy hết những khó khăn, thách thức lớn đối với kinh tế và xã hội, nổi lên là:

+ Nhịp độ tăng trưởng kinh tế chậm lại, nhiều chỉ tiêu trọng yếu đạt thấp hơn dự kiến kế hoạch và thấp hơn cả năm trước. Một số ngành công nghiệp sức cạnh tranh thấp, sản phẩm tiêu thụ chậm, sản xuất cầm chừng, lao động dư thừa tăng lên. Trong nông nghiệp, sản lượng, năng suất nhiều loại cây trồng và vật nuôi còn thấp, nhiều vùng vừa qua bị hạn nặng, diện tích xâm mặn lớn, chuột phá hoại, sản xuất bị giảm sút trong khi chi phí sản xuất tăng cao. Nạn cháy rừng và khai thác rừng trái phép còn rất nghiêm trọng.

+ Việc huy động vốn trong nước và nước ngoài cho đầu tư phát triển kinh tế - xã hội gặp nhiều khó khăn, vốn đầu tư thuộc nguồn ngân sách nhà nước eo hẹp, vốn đầu tư của các doanh nghiệp và của dân cư đều thấp so với dự kiến, vốn đầu tư nước ngoài giảm mạnh, nhiều công trình, dự án cấp bách không được bảo đảm đủ vốn. Trong khi đó việc bố trí xây dựng cơ bản từ Trung ương đến địa phương còn nhiều bất hợp lý, phân tán, nhất là các dự án nhóm C...

+ Xuất khẩu gặp nhiều khó khăn lớn do tác động của cuộc khủng hoảng tài chính - tiền tệ trong khu vực, thị trường xuất khẩu truyền thống bị thu hẹp, giá nhiều mặt hàng xuất khẩu giảm mạnh, làm cho tổng kim ngạch đạt mức tăng thấp nhất so với vài ba năm gần đây.

+ Mức thu ngân sách đạt thấp, trong khi các yêu cầu chi lại tăng lên làm cho ngân sách đã căng thẳng lại càng căng thẳng hơn.

+ Lĩnh vực văn hóa, xã hội còn những tồn tại, bức xúc. Việc làm đang là vấn đề gay gắt, tỷ lệ lao động thiếu việc làm ở các doanh nghiệp nhà nước đã lên cao, kể cả khu vực các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Tệ nạn xã hội vẫn diễn ra nghiêm trọng. Các hộ đói nghèo ở nông thôn, vùng núi tăng lên.

Tình hình trên do nhiều nguyên nhân, khách quan là do cuộc khủng hoảng tài chính - tiền tệ trong khu vực và những diễn biến phức tạp của khí hậu. Nhưng nguyên nhân chủ quan là rất quan trọng: nền kinh tế còn yếu kém về hiệu quả và sức cạnh tranh; việc cụ thể hóa và thực hiện các chủ trương, cơ chế chính sách, các quyết định, chỉ thị của các bộ, ngành, các địa phương theo tinh thần Nghị quyết Trung ương lần thứ tư, nhất là chủ trương phát huy nội lực, khai thác tối đa tiềm năng tài nguyên, đất đai... để phát triển kinh tế còn rất chậm; còn nhiều ách tắc trong điều hành của bộ máy quản lý nhà nước; một bộ phận cán bộ, nhất là cán bộ ở cấp thừa hành, còn gây phiền hà, những nhiễu, cản trở đối với việc thực hiện các chính sách; chưa tạo được khí thế chuyển biến mới trong xã hội nhằm tập trung toàn lực cho phát triển.

2. Về việc điều chỉnh các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô năm 1998

Trên cơ sở đánh giá tình hình như trên, Bộ Chính trị tán thành đề nghị của Ban Cán sự Đảng Chính phủ về việc điều chỉnh mức tăng trưởng kinh tế (GDP) năm 1998 là 6 - 7%. Căn cứ Quyết định này, Ban Cán sự Đảng Chính phủ hoàn chỉnh báo cáo trình Ban Chấp hành Trung ương tại Hội nghị lần thứ năm, sau đó Chính phủ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội cho phép điều hành các mục tiêu kế hoạch kinh tế - xã hội trên mặt bằng mới. Trong quá trình điều hành nền kinh tế cần thường xuyên bám sát diễn biến tình hình trong nước và ngoài nước, đề ra các giải pháp kiên quyết, phù hợp với đòi hỏi của tình thế, kịp thời ngăn ngừa tác động xấu từ cuộc khủng hoảng kinh tế bên ngoài, đồng thời phát huy tối đa nguồn nội lực để vượt qua khó khăn, hoàn thành các mục tiêu đã điều chỉnh cho năm 1998 và tạo tiền đề phát triển cho các năm sau.

3. Về các giải pháp lớn

Các giải pháp đề ra trong 6 tháng cuối năm phải tập trung tạo động lực phát triển mạnh mẽ trong mọi tầng lớp nhân dân, tiếp tục giải phóng lực lượng sản xuất, phát huy tối đa nội lực, thu hút và sử dụng có hiệu quả nguồn vốn bên ngoài. Chính phủ cần nghiên cứu những giải pháp chiến lược để giải quyết cơ bản những vấn đề kinh tế vĩ mô còn yếu kém, nhưng trước mắt cần thực hiện những giải pháp cấp bách sau đây:

- *Tập trung phát triển nông nghiệp và nông thôn để tạo*

sự ổn định kinh tế - xã hội. Giải quyết tốt công tác thủy lợi, phòng chống thiên tai, có phương án tổ chức việc tiêu thụ từng loại nông sản, hàng hóa cho nông dân. Chú trọng đến đời sống của nông dân và thực hiện tốt các quy chế dân chủ ở cơ sở. Tập trung sức chỉ đạo của cả Trung ương và địa phương để sớm ổn định tình hình khiếu kiện tập thể ở tỉnh Thái Bình và các tỉnh, thành phố khác.

Đồn sức phát triển các sản phẩm *công nghiệp* có thị trường tiêu thụ, các sản phẩm phục vụ xuất khẩu và phục vụ quốc kế dân sinh. Hạn chế nhập khẩu và kiên quyết không nhập khẩu các sản phẩm công nghiệp trong nước đã sản xuất tốt đi đôi với việc đẩy mạnh chống buôn lậu để bảo hộ hợp lý sản xuất trong nước. Có phương án cụ thể đẩy mạnh việc sắp xếp, đổi mới quản lý, cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, nâng cao hiệu quả của doanh nghiệp nhà nước theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 4 (khóa VIII).

Tạo điều kiện thuận lợi cho các thành phần kinh tế tham gia đầu tư phát triển sản xuất, nhất là công nghiệp chế biến, công nghiệp vừa và nhỏ ở ven các đô thị.

Giải quyết nhanh chóng những khó khăn, ách tắc trong sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp công nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài cũng như các doanh nghiệp trong nước.

- *Trong lĩnh vực đầu tư phát triển*, cần tiếp tục quán triệt và thực hiện đầy đủ, nhất quán nội dung Nghị quyết Trung ương 4 (khóa VIII) về phát huy tối đa nội lực, nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế, khai thác và sử dụng tốt từng nguồn vốn cho đầu tư phát triển:

+ Đối với nguồn vốn ngân sách, phải cố gắng khai thác tối đa nguồn thu, bảo đảm đủ mức chi cho đầu tư phát triển

như kế hoạch đã đề ra, tập trung nguồn vốn cho các dự án sẽ hoàn thành và phát huy trong năm, không dàn trải đối với các công trình xây dựng, nhất là các công trình nhóm C, kiên quyết thực hiện đình hoãn, giãn tiến độ các công trình xét thấy ít có hiệu quả hoặc chưa đem lại hiệu quả trong thời gian trước mắt.

+ Tăng nguồn vốn tín dụng huy động trong nhân dân với các mức lãi suất và hình thức huy động phù hợp để ưu tiên đầu tư phát triển năng lực sản xuất, nhất là đầu tư trung và dài hạn, tạo ra sức cạnh tranh của hàng hóa, nhất là các mặt hàng xuất khẩu. Rà soát lại chỉ tiêu tín dụng đầu tư theo hướng không tiếp tục đầu tư các dự án khách sạn, rượu, bia, xi măng lò đứng, nhà máy đường nếu xét thấy không trả được nợ, hoặc trả nợ trong thời hạn quá dài và đòi hỏi những điều kiện đặc cách; xem xét hoãn khởi công và việc chuẩn bị khởi công ít nhất cho đến năm 2000 các nhà máy xi măng lớn do trong nước tự đầu tư.

+ Khuyến khích các doanh nghiệp nhà nước khấu hao nhanh để tái đầu tư, động viên cao nhất phần lợi nhuận sau thuế để đưa vào đầu tư phát triển. Đẩy nhanh thực hiện việc cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, trước mắt tập trung vào các doanh nghiệp thuộc các ngành điện tử, dệt may, vật liệu xây dựng, công nghiệp chế biến thủy sản...

+ Đối với nguồn vốn của các doanh nghiệp dân doanh và của dân cư, cần có các giải pháp linh hoạt, mềm dẻo theo *Luật khuyến khích đầu tư trong nước* (sửa đổi) nhằm tạo thêm động lực huy động vốn cho đầu tư phát triển.

+ Đối với các dự án ODA, cần tập trung thực hiện cho được các cam kết của phía Việt Nam trong từng dự án; bảo

đảm đủ vốn đối ứng cho các dự án đã ghi kế hoạch, đẩy nhanh việc giải phóng mặt bằng, công tác xét thầu, chọn thầu, giải quyết dứt điểm các vấn đề thuế liên quan đến nguồn vốn ODA để góp phần khai thông việc thực hiện các nguồn vốn.

+ Đối với nguồn vốn FDI, cần tiếp tục quán triệt đầy đủ, nhất quán chủ trương thu hút nguồn vốn FDI, coi đây là nguồn vốn quan trọng có tác động tích cực đến các cân đối chung của nền kinh tế, cải thiện cơ cấu đầu tư.

Cần thực hiện các giải pháp nhằm tạo ra sự chuyển biến cơ bản về môi trường đầu tư, trước mắt tập trung xử lý linh hoạt tỷ lệ góp vốn của bên Việt Nam trong các liên doanh ở giai đoạn đầu. Cho phép mở rộng các thành phần kinh tế được hợp tác đầu tư với nước ngoài, khuyến khích các nhà đầu tư trong nước liên kết, hợp vốn để liên doanh với nước ngoài, bảo đảm sự tham gia thực sự bình đẳng của bên Việt Nam trong các liên doanh. Mở rộng việc tìm kiếm các đối tác đầu tư hướng vào khu vực Bắc Mỹ, các nước Tây Âu. Đa dạng hoá các hình thức thu hút vốn đầu tư nước ngoài với mức độ khác nhau trong từng lĩnh vực do Chính phủ quy định.

Cho phép Thủ đô Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh được áp dụng thí điểm hình thức cho công ty 100% vốn nước ngoài thuê đất làm nhà bán trả góp và cho thuê với những điều kiện ràng buộc cụ thể do Chính phủ quy định.

Công bố danh mục các dự án gọi vốn đầu tư nước ngoài, xác định những dự án doanh nghiệp trong nước tự làm, những dự án cần gọi vốn đầu tư nước ngoài; bảo đảm đúng phương hướng điều chỉnh cơ cấu kinh tế, nâng cao hiệu quả đầu tư.

Đối với việc phát triển các khu công nghiệp, hướng chính là tập trung vận động đầu tư để lấp kín diện tích các khu công nghiệp hiện có. Việc thành lập khu công nghiệp mới phải rất chặt chẽ, thận trọng bảo đảm hiệu quả đầu tư, kiên quyết không cho thành lập khu công nghiệp mới khi chưa đủ điều kiện. Đối với các khu công nghiệp đang xây dựng cơ sở hạ tầng phải tùy thuộc vào nguồn vốn đầu tư của từng khu (100% vốn nước ngoài, liên doanh với nước ngoài, hoặc ta vay vốn tín dụng để đầu tư...) mà chỉ đạo, hướng dẫn các công ty tập trung xây dựng cuốn chiếu, nhanh đi vào sản xuất, tránh để dây dưa, kéo dài, lãng phí.

Việc vay nợ nước ngoài mua thiết bị là cần thiết nhưng phải quản lý chặt chẽ, xem xét kỹ từng trường hợp cụ thể, kiểm soát giới hạn được vay trong từng thời kỳ, có cơ chế ràng buộc để các chủ doanh nghiệp, các chủ đầu tư nếu có nhu cầu vay phát triển năng lực sản xuất, phải tính toán đầy đủ các yếu tố về hiệu quả và khả năng trả nợ.

- Về vấn đề thị trường, cần tập trung chỉ đạo các ngành cùng các địa phương, doanh nghiệp tổ chức phân công, phối hợp tìm kiếm, tạo thị trường tiêu thụ sản phẩm, coi đây là biện pháp cấp bách để thúc đẩy xuất khẩu. Tích cực tháo gỡ các vướng mắc trong thanh toán để mở rộng xuất khẩu sang các nước SNG. Tập trung chỉ đạo thực hiện việc xuất khẩu sang thị trường Irắc, Libi và Trung Đông. Mở rộng thị trường sang các nước Bắc Mỹ và Tây Bắc Âu. Đồng thời phải đặc biệt coi trọng thị trường trong nước, nhất là thị trường nông thôn, vùng sâu, vùng xa.

Tìm biện pháp để khắc phục khó khăn, tiếp tục phát

triển các ngành dịch vụ có thu ngoại tệ như du lịch, vận tải hàng không, đường biển...

- *Trong lĩnh vực tài chính, tiền tệ*, cần tăng cường các biện pháp để thu đủ như dự toán ngân sách đề ra, đồng thời có kế hoạch giảm chi thường xuyên, giữ lại toàn bộ số 10% chi thường xuyên (ngoài lương và có tính chất lương) để bù đắp trong trường hợp bị hụt thu hoặc các khoản tăng chi bất khả kháng. Cố gắng tăng thêm ngân sách dự phòng để đối phó được với tình hình xấu nhất có thể xảy ra trong 6 tháng cuối năm.

Đẩy nhanh việc sắp xếp ngân hàng thương mại, ngân hàng cổ phần, giảm bằng được dư nợ quá hạn đến giới hạn cho phép.

- *Trong lĩnh vực văn hóa, xã hội*, cần tập trung thực hiện các giải pháp nhằm giảm bớt áp lực về lao động và việc làm, theo dõi chặt chẽ diễn biến của cuộc khủng hoảng kinh tế khu vực để dự báo thường xuyên tình hình lao động, việc làm. Xúc tiến nhanh chương trình giải quyết việc làm, hỗ trợ những người lao động dôi dư từ các doanh nghiệp do gặp khó khăn trong sản xuất, kể cả doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và lao động từ nước ngoài trở về. Có giải pháp thực hiện có hiệu quả chương trình xóa đói giảm nghèo, nhất là chương trình xóa đói, giảm nghèo ở 1.700 xã ở miền núi và đồng bào dân tộc. Kiên quyết thực hiện các biện pháp hữu hiệu để ngăn chặn các tệ nạn xã hội đang có chiều hướng gia tăng.

4. Công tác chỉ đạo điều hành

Tập trung chỉ đạo dứt điểm những khâu then chốt về

huy động vốn, điều chỉnh cơ cấu đầu tư, sản xuất công, nông nghiệp và tài chính, tiền tệ... để bảo đảm thực hiện các cân đối lớn của nền kinh tế quốc dân trong năm 1998 và chuẩn bị tốt kế hoạch năm 1999.

Coi trọng việc chỉ đạo phòng chống lụt bão. Quản lý chặt chẽ dự trữ lương thực để đảm bảo an ninh lương thực quốc gia.

Chính phủ cần thành lập nhóm cán bộ rà soát lại các văn bản, các quy định của Chính phủ, của các bộ, các ngành, tập trung vào các lĩnh vực về thủ tục xuất, nhập khẩu, hải quan; đất đai; thuế, thành lập doanh nghiệp nhà nước... để kịp thời xử lý những vướng mắc, điểm gì không phù hợp thì kiến nghị hủy bỏ, điểm gì vướng mắc trong thực hiện thì tháo gỡ ngay.

Kiểm tra định kỳ và thường xuyên việc thực hiện các quyết định, chỉ thị của Chính phủ ở các bộ, ngành, địa phương, bảo đảm thực hiện thống nhất và nhanh chóng.

Quy định chế độ trách nhiệm cá nhân từ cán bộ lãnh đạo các cấp đến từng cán bộ trong bộ máy điều hành trong việc thực hiện các quyết định, chỉ thị của Đảng, Nhà nước. Thực hiện nghiêm túc chế độ thỉnh thị, báo cáo, bảo đảm tính trung thực trong các báo cáo, thông tin của bộ máy chính quyền nhà nước. Phát hiện, tháo gỡ kịp thời những ách tắc, không để những khó khăn, vướng mắc cục bộ ảnh hưởng đến toàn cục.

Ở các bộ, các ngành, các địa phương nghiên cứu thành lập các tổ đặc nhiệm giải quyết những khó khăn, nhằm thúc đẩy sản xuất phát triển, trên tinh thần vướng mắc đến đâu tháo gỡ đến đó. Đẩy mạnh phong trào thi đua để phát hiện

và biểu dương gương người tốt, việc tốt, đồng thời cho phép đình chỉ công tác ngay tại chỗ những cán bộ có biểu hiện gây phiền hà, những nhiều để lấy lại lòng tin đối với giới doanh nhân trong và ngoài nước.

Kiến toàn bộ máy hành chính các cấp, đặc biệt là cấp cơ sở để bảo đảm thực thi kịp thời, có hiệu quả các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước ở cơ sở.

Để tạo sự thống nhất cao về nhận thức và chủ trương, tạo thuận lợi cho công việc điều hành sắp tới, Chính phủ chỉ đạo các bộ, ngành khẩn trương nghiên cứu một số chuyên đề mang tính chiến lược, hoặc đang còn ý kiến khác nhau để báo cáo Bộ Chính trị:

- Chuyên đề về nông nghiệp và nông thôn (bao gồm cả vấn đề đất đai, phát triển trang trại...).
- Chuyên đề về cải tổ doanh nghiệp nhà nước và cổ phần hóa doanh nghiệp.
- Chuyên đề về chiến lược phát triển một số ngành công nghiệp cơ bản (cơ khí, hóa chất, luyện kim, điện tử, sinh học...).
- Chuyên đề về quan hệ sản xuất, phân phối thu nhập.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

TỔNG BÍ THƯ

LÊ KHẢ PHIÊU

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**PHÁT BIỂU
CỦA TỔNG BÍ THƯ LÊ KHẢ PHIÊU
KHAI MẠC HỘI NGHỊ LẦN THỨ NĂM
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG
KHÓA VIII***

Ngày 6 tháng 7 năm 1998

Thưa các đồng chí Cố vấn,

Thưa các đồng chí Trung ương,

Thưa các đồng chí,

Để thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ VIII của Đảng, Chương trình toàn khóa của Trung ương, Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương sẽ bàn và ra Nghị quyết về "Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc". Hội nghị cũng sẽ nghe báo cáo về tình hình thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4 về kinh tế - xã hội.

Trong quá trình chuẩn bị Dự thảo Nghị quyết về văn hóa,

* Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII họp từ ngày 6-7 đến ngày 16-7-1998 tại Hà Nội. Tiêu đề do chúng tôi đặt (B.T).

nhiều đồng chí trong Bộ Chính trị đã đi khảo sát thực tế ở cơ sở; đã tổ chức thu thập ý kiến đóng góp của các cấp, các ngành, của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể, các đồng chí cách mạng lão thành, các nhà văn hóa, các nhân sĩ... Trên cơ sở đó, Bộ Chính trị đã thảo luận và cho ý kiến chỉ đạo việc Dự thảo Nghị quyết trình Hội nghị Trung ương lần này.

Trước khi Trung ương thảo luận, tôi xin phát biểu làm rõ thêm một số vấn đề sau đây.

Thưa các đồng chí,

Cùng với quá trình dựng nước và giữ nước, nền văn hóa Việt Nam đã hình thành và phát triển. Bằng lao động sáng tạo và ý chí đấu tranh bền bỉ, kiên cường, nhân dân ta đã xây đắp nên một nền văn hóa kết tinh sức mạnh và in đậm dấu ấn bản sắc của dân tộc, chứng minh sức sống mãnh liệt và sự trường tồn của dân tộc Việt Nam.

Văn hóa Việt Nam là tổng thể những giá trị vật chất và tinh thần do cộng đồng các dân tộc Việt Nam sáng tạo ra trong quá trình dựng nước và giữ nước. Nhờ nền tảng và sức mạnh văn hóa ấy mà dù có nhiều thời kỳ bị đô hộ, dân tộc ta vẫn giữ vững và phát huy bản sắc của mình, chẳng những không bị đồng hóa, mà còn quật cường đứng dậy giành lại độc lập cho dân tộc, lấy sức ta mà giải phóng cho ta.

Nhận thức điều đó để chúng ta vững tin và tự hào về dân tộc ta, gìn giữ, phát huy toàn bộ di sản văn hóa thiêng liêng của cha ông ta để lại và các thế hệ chúng ta xây dựng hôm nay. Chúng ta vô cùng biết ơn nhân dân và các bậc anh hùng hào kiệt, các bậc hiền tài chí sĩ đã dày công vun đắp nên văn hóa dân tộc. Chúng ta càng vô cùng tự hào và biết ơn Bác Hồ

kính yêu, vị anh hùng dân tộc vĩ đại, nhà văn hóa lớn của thời đại, người cộng sản mẫu mực và chiến sĩ quốc tế trong sáng, thủy chung, tấm gương sáng ngời về lòng yêu nước, thương dân, về tư tưởng, trí tuệ, về nhân cách, đạo đức, lối sống cho các thế hệ Việt Nam.

Từ khi Đảng Cộng sản Việt Nam đảm đương sứ mệnh lịch sử lãnh đạo cách mạng Việt Nam, nhân dân ta đã vùng dậy khởi nghĩa, tiến hành kháng chiến, kiến quốc, đánh thắng các đế quốc xâm lược và các thế lực phản động, giành độc lập dân tộc, thu non sông về một mối, đi lên theo con đường xã hội chủ nghĩa, xây dựng được những cơ sở ban đầu của chủ nghĩa xã hội, tiếp tục củng cố và phát triển nền văn hóa dân tộc. Cùng với độc lập chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, những thành quả về thể chế chính trị và kinh tế - xã hội, văn hóa là một thành tố của chế độ xã hội chủ nghĩa cao đẹp của chúng ta, góp phần tích cực vào sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc trong khu vực và trên thế giới.

Phát huy truyền thống văn hóa dân tộc dưới sự lãnh đạo của Đảng là nhân lên sức mạnh của nhân dân ta để vượt qua khó khăn, thử thách, xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững quốc phòng, an ninh, mở rộng quan hệ đối ngoại, tạo ra thế và lực mới cho đất nước ta đi vào thế kỷ XXI.

Bên cạnh những thành tựu quan trọng đã đạt được, trong lĩnh vực văn hóa, chúng ta thẳng thắn chỉ ra những tiêu cực đang xuất hiện có chiều hướng gia tăng trên nhiều lĩnh vực của đời sống văn hóa tinh thần, nhất là sự xuống cấp về tư tưởng, đạo đức và lối sống của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên và nhân dân, không những chỉ kìm hãm sự phát triển của kinh tế - xã hội mà thậm chí còn dẫn

tới nguy cơ đối với vận mệnh của Đảng và sự phát triển của đất nước.

Để khắc phục bằng được những yếu kém trên lĩnh vực văn hóa, chúng ta cần phân tích nguyên nhân, nhất là những nguyên nhân chủ quan như: buông lỏng, hữu khuynh trong lãnh đạo điều hành, trong tổ chức thực hiện. Cần thấy hết trách nhiệm từ Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, các ban ngành Trung ương đến các cấp ủy, chính quyền các địa phương, các cơ quan liên quan đến mặt trận văn hóa và nhất là sự nhận thức không đầy đủ về vị trí, tầm quan trọng của văn hóa, sự thiếu gương mẫu về tư tưởng, đạo đức, lối sống của một số cán bộ, đảng viên có chức, có quyền, làm suy giảm niềm tin của nhân dân, tạo sơ hở cho những hoạt động phản văn hóa phát triển.

Thưa các đồng chí,

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã xác định văn hóa là một mặt căn bản của xã hội. Người chỉ rõ trong công cuộc kiến thiết nước nhà có bốn vấn đề phải chú ý đến, cùng phải coi trọng ngang nhau: chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa. Văn hóa là một trong những mục tiêu, nhiệm vụ xây dựng con người mới, xã hội mới.

Công cuộc đổi mới toàn diện, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, xây dựng chủ nghĩa xã hội, thực hiện thắng lợi mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh", đòi hỏi chúng ta phải xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, xây dựng nền tảng tinh thần của dân tộc ta, coi đó vừa là mục tiêu vừa là động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

Chúng ta nhận thức sâu sắc rằng một nền văn hóa tiên tiến là một nền văn hóa yêu nước và tiến bộ mà nội dung cốt lõi là lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội dưới ánh sáng của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh nhằm mục tiêu tất cả vì con người, tất cả vì tự do, hạnh phúc và sự phát triển phong phú, toàn diện cho mỗi con người trong mối quan hệ hài hòa giữa cá nhân và cộng đồng, giữa xã hội và tự nhiên. Tính chất tiên tiến của nền văn hóa thể hiện cả trong nội dung, cả trong hình thức biểu hiện, trong phương tiện để chuyển tải nội dung. Bản sắc dân tộc của văn hóa Việt Nam bao gồm những giá trị bền vững, những tinh hoa được vun đắp nên qua lịch sử hàng ngàn năm đấu tranh dựng nước và giữ nước. Đó là lòng yêu nước nồng nàn; lòng tự tôn, tự cường dân tộc; tinh thần cộng đồng gắn kết cá nhân - gia đình - làng xã - Tổ quốc; lòng nhân ái bao dung, trọng nghĩa tình đạo lý; đức tính cần cù sáng tạo trong lao động; là đức hy sinh cao thượng tất cả vì độc lập dân tộc, vì hạnh phúc của nhân dân; là sự tế nhị trong cư xử, tính giản dị trong lối sống.

Nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc còn là sự mở rộng giao lưu với thế giới, tiếp thụ có chọn lọc những tinh hoa văn hóa nhân loại, kết hợp hài hòa giữa truyền thống và hiện đại, dân tộc và quốc tế.

Con người Việt Nam là sự kết tinh của nền văn hóa Việt Nam. Vì vậy, quá trình xây dựng nền văn hóa Việt Nam cũng chính là quá trình thực hiện chiến lược con người, xây dựng và phát huy nguồn lực con người. Đây là khâu trung tâm của sự nghiệp xây dựng nền tảng tinh thần, tiềm lực văn hóa và chế độ xã hội chủ nghĩa của chúng ta.

Nền văn hóa mà nhân dân ta xây dựng là nền văn hóa thống nhất trong đa dạng của cộng đồng các dân tộc Việt Nam.

Trải qua hàng ngàn năm dựng nước và giữ nước, các dân tộc sống trên đất nước ta, bằng lao động bền bỉ, sáng tạo và ý chí kiên cường bất khuất, đã xây đắp nên nền văn hóa Việt Nam thống nhất mà đa dạng, phong phú, kết tinh những giá trị sắc thái văn hóa của tất cả các dân tộc trên Tổ quốc Việt Nam.

Ngày nay, với sự thống nhất về chính trị, tư tưởng và kinh tế của nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa, chúng ta càng có điều kiện để tăng cường hơn nữa tính thống nhất mà đa dạng của nền văn hóa.

Xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc là sự nghiệp của toàn dân mà đội ngũ trí thức giữ vai trò quan trọng gắn bó với dân dưới sự lãnh đạo của Đảng. Đội ngũ trí thức Việt Nam giàu lòng yêu nước, đại bộ phận xuất thân từ nhân dân lao động, là tinh hoa của nền văn hóa nước nhà được Đảng, Nhà nước và nhân dân tôn trọng, tạo điều kiện để cho anh chị em phát huy trí tuệ, tài năng phục vụ Tổ quốc, phục vụ nhân dân và chủ nghĩa xã hội, giữ vai trò cực kỳ quan trọng trong sự nghiệp xây dựng và phát triển văn hóa.

Thưa các đồng chí,

Trong giai đoạn cách mạng dân tộc dân chủ, lãnh đạo sự nghiệp văn hóa, Đảng ta đã sớm có Đề cương văn hóa (năm 1943). Chuyển sang giai đoạn cách mạng xã hội chủ nghĩa, trong các kỳ Đại hội, Đảng ta đều đề cập đến đường lối văn hóa. Đảng ta luôn luôn khẳng định văn hóa là một mặt

trận, cách mạng tư tưởng và văn hóa là một trong ba cuộc cách mạng tiến hành đồng thời trong cách mạng xã hội chủ nghĩa. Từ năm 1986 đến nay, trong tiến trình lãnh đạo sự nghiệp đổi mới, Đảng ta đã có Nghị quyết 05 của Bộ Chính trị (khóa VI), Nghị quyết Trung ương 4 (khóa VII) về văn hóa theo nghĩa hẹp, chủ yếu là những vấn đề văn nghệ và quản lý văn hóa - văn nghệ. Giờ đây, công cuộc đổi mới toàn diện, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đòi hỏi Đảng ta phải có chiến lược văn hóa trong thời kỳ mới.

Ngày nay, sau 12 năm đổi mới, với những thành tựu quan trọng về kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng, đối ngoại cùng những thành tựu về văn hóa, thể và lực của chúng ta đã lớn hơn trước rất nhiều. Mặt khác, chúng ta cần nhận rõ bốn nguy cơ mà Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ VIII đã nêu vẫn đang diễn ra gay gắt. Sự tăng lên của những nguy cơ này có sự chống phá của các thế lực thù địch thông qua biện pháp diễn biến hòa bình hòng xóa bỏ chế độ xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Mặt khác, chúng ta phải nghiêm khắc nhận rõ một số khuyết điểm trong Đảng và trong bộ máy nhà nước, nhất là tệ quan liêu, mất dân chủ, tham nhũng, đặc quyền, đặc lợi của một bộ phận cán bộ, đảng viên. Sự thoái hóa này, cùng với những yếu kém khó khăn một số mặt về kinh tế - xã hội đã ảnh hưởng đến lòng tin của nhân dân đối với sự lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước.

Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần này đề cập trên bình diện rộng với những định hướng cơ bản có tính chiến lược, đồng thời xác định những trọng điểm cần giải quyết trước những vấn đề cấp bách đang đặt ra cho xã hội ta hiện nay trên

lĩnh vực văn hóa. Xác định những giải pháp lớn từ nay đến năm 2000, những giải pháp có tính khả thi và thực hiện cho kỳ được để tạo ra bước chuyển biến mới trong thực tế.

Khi lãnh đạo thực hiện nội dung toàn diện, sâu rộng của văn hóa từ nay đến năm 2000, chúng ta đặt trọng tâm vào nhiệm vụ xây dựng tư tưởng, đạo đức, lối sống lành mạnh trong xã hội, trước hết là trong các tổ chức đảng và bộ máy nhà nước, trong các đoàn thể quần chúng và trong từng gia đình. Phải tạo cho được sự chuyển biến mạnh mẽ về tư tưởng, đạo đức, lối sống - một lĩnh vực then chốt trong đời sống văn hóa của dân tộc.

Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc là một bộ phận quan trọng của sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta, đòi hỏi toàn Đảng, toàn dân phải phấn đấu với ý chí cách mạng kiên định, với trí tuệ và tính tự giác cao. Đồng thời phải tiến hành đồng bộ, có hệ thống các giải pháp từ giáo dục, vận động đến thể chế hóa đường lối, chủ trương của Đảng thành chính sách, cơ chế, trong đó cần nắm vững và thực hiện có hiệu quả giải pháp quan trọng hàng đầu là tiến hành giáo dục thường xuyên, sâu rộng chủ nghĩa yêu nước gắn với phong trào thi đua sôi nổi, mở cuộc vận động toàn Đảng, toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa. Thông qua cuộc vận động này để ngăn chặn tình trạng suy thoái, bồi dưỡng, phát triển nhân rộng những nhân tố tích cực, những điển hình tiên tiến trong lao động xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, tạo ra một lối sống có văn hóa, có đạo đức trong xã hội, xây dựng một môi trường văn hóa lành mạnh. Để mở đầu cho cuộc vận động này một

cách thiết thực, trước hết tiến hành sinh hoạt tự phê bình và phê bình trong đảng và bộ máy nhà nước từ trung ương đến cơ sở về tư tưởng, đạo đức, lối sống. Kết quả của sinh hoạt tự phê bình và phê bình phải được thể hiện trong việc xây dựng và thực hiện các kế hoạch, chương trình hành động của các cấp, các ngành, nhằm phát huy vai trò gương mẫu về tư tưởng, đạo đức, lối sống của từng cán bộ, đảng viên và viên chức nhà nước.

Về tình hình kinh tế - xã hội:

Sáu tháng qua, tuy gặp những khó khăn rất gay gắt do thiên tai và tác động của cuộc khủng hoảng tài chính - tiền tệ ở khu vực châu Á, nhưng chúng ta đã bình tĩnh, thận trọng trong xử lý, nắm vững Nghị quyết Trung ương 4 và động viên các tầng lớp nhân dân, các thành phần kinh tế tập trung cho sản xuất phát triển, nhờ đó mà một số mặt vẫn đạt được nhịp độ tăng trưởng kinh tế khá, kiềm chế được sự giảm sút của sản xuất kinh doanh, tài chính tiền tệ, giá cả cơ bản ổn định, không biến động lớn.

Tuy nhiên, chúng ta cũng đang đứng trước những khó khăn, thách thức rất gay gắt. Bản thân chủ quan của chúng ta lại còn nhiều khuyết điểm, yếu kém đang gây trở ngại cho sự phát triển của nền kinh tế; một số chỉ tiêu quan trọng năm 1998 khó đạt, đời sống một bộ phận nhân dân còn khó khăn. Nếu không thấy đúng tình hình, không có những biện pháp hữu hiệu, lại cộng với những khó khăn khách quan tác động sẽ làm cho tình hình thêm phức tạp.

Hai vấn đề về văn hóa và kinh tế - xã hội gắn chặt nhau, vừa là những vấn đề cơ bản lâu dài, vừa cấp bách trước mắt.

Nếu nhận thức đúng và giải quyết tốt sẽ thúc đẩy đất nước vượt qua khó khăn, phát triển mạnh mẽ bền vững; nhưng nếu nhận thức không đúng, giải quyết không tốt thì tình hình sẽ trở nên phức tạp hơn nhiều.

Thay mặt Bộ Chính trị, tôi xin tuyên bố khai mạc Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương (khóa VIII).

Đảng Cộng sản Việt Nam:
Văn kiện Hội nghị lần thứ năm
Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII,
Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội,
1998, tr.5-17.

TỜ TRÌNH
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ TẠI HỘI NGHỊ
LẦN THỨ NĂM BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
Số 66/TLHN, ngày 2 tháng 7 năm 1998
Về bản Dự thảo Nghị quyết "Xây dựng
và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến,
đậm đà bản sắc dân tộc"

Thực hiện Nghị quyết Đại hội VIII của Đảng và chương trình toàn khóa của Ban Chấp hành Trung ương (khóa VIII), tháng 5-1997, Bộ Chính trị đã quyết định thành lập Tiểu ban Xây dựng báo cáo trình Hội nghị Trung ương 5 bàn về Chiến lược xây dựng và phát triển văn hóa Việt Nam trong thời kỳ mới.

Tháng 2-1998, Tiểu ban đã trình Bộ Chính trị bản Dự thảo báo cáo trình Hội nghị Trung ương 5. Sau khi được Bộ Chính trị cho ý kiến, Tiểu ban đã sửa chữa và được sự đồng ý của Thường vụ Bộ Chính trị, đã gửi các cấp, các ngành, các địa phương bản Dự thảo báo cáo nói trên để trưng cầu ý kiến.

Đến ngày 15-4-1998, Tiểu ban đã nhận được báo cáo góp ý của 47 tỉnh, thành phố; 12 bản báo cáo của các tỉnh điểm

do Tiểu ban trực tiếp đi khảo sát và trên 20 bản góp ý của các đồng chí cố vấn, các đồng chí lão thành cách mạng, các đồng chí nguyên Ủy viên Bộ Chính trị và Ban Bí thư Trung ương, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các ban, ngành, đoàn thể Trung ương, các nhà văn hóa và khoa học có tên tuổi... Ngoài ra, còn nhận được nhiều thư của cán bộ gửi về đóng góp vào dự thảo nghị quyết.

Ngày 7 đến 8-5-1998, Bộ Chính trị đã họp thảo luận, xem xét báo cáo tổng hợp, tờ trình, báo cáo Dự thảo Nghị quyết Trung ương 5, tiếp thu những ý kiến đóng góp bổ sung của các địa phương, các ngành và cho ý kiến hoàn thiện Dự thảo Nghị quyết Trung ương 5 trình Ban Chấp hành Trung ương cho ý kiến.

I- NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

1. Sự cần thiết phải có một nghị quyết của Đảng về văn hóa trong tình hình mới

Hầu hết các ý kiến đóng góp đều cho rằng Trung ương kỳ này bàn và ra nghị quyết về văn hóa là rất cần thiết, cấp bách, đáp ứng đúng yêu cầu của thực tiễn, vì:

- Từ năm 1986 đến nay, Đảng ta đã có Nghị quyết 05 của Bộ Chính trị (khóa VI), Nghị quyết Trung ương 4 (khóa VII), đề cập đến vấn đề văn hóa, nhưng hai nghị quyết này chủ yếu giải quyết những vấn đề về văn nghệ, quản lý văn hóa - văn nghệ..., một phạm vi hẹp của văn hóa mà chưa đề cập đầy đủ đến những vấn đề quan trọng khác của văn hóa theo nghĩa rộng.

- Sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong bối cảnh trong nước và quốc tế có những thời cơ, thuận lợi, đồng thời có những diễn biến mới rất phức tạp, đặt ra cho lĩnh vực văn hóa nhiều vấn đề mới, lớn, có tầm quan trọng chiến lược, mà trong các văn kiện nghị quyết trước đây chưa có điều kiện đề cập và lý giải một cách đầy đủ.

- Trên lĩnh vực văn hóa - tức là đời sống tinh thần của xã hội - bên cạnh những thành tựu quan trọng đã đạt được, hiện nay đang xuất hiện nhiều hiện tượng nhức nhối, đáng lo ngại có thể dẫn đến những nguy cơ ảnh hưởng đến sự phát triển bền vững của đất nước. Tình hình đó đòi hỏi cần có sự đánh giá thấu đáo về văn hóa, có chủ trương biện pháp phát huy thành tựu, ngăn chặn kịp thời những biểu hiện tiêu cực, nhất là trên các lĩnh vực tư tưởng, đạo đức, lối sống và đời sống văn hóa.

2. Về phạm vi của Nghị quyết

Có hai loại ý kiến chính:

a) Loại ý kiến thứ nhất: Đề nghị nghị quyết về văn hóa lần này phải mang tầm chiến lược, có định hướng từ nay đến năm 2010 - 2020; đề cập vấn đề văn hóa theo nghĩa rộng. Nghị quyết chỉ nên đề cập những vấn đề lớn, còn chi tiết thì do phía Nhà nước cụ thể hóa, thể chế hóa...

b) Loại ý kiến thứ hai: Đề nghị nghị quyết về văn hóa phải đề cập vấn đề trên bình diện rộng với những định hướng cơ bản có tính chiến lược, đồng thời phải xác định được những điểm trọng tâm cần giải quyết, những vấn đề cấp bách đang đặt ra cho xã hội ta hiện nay trên lĩnh vực văn hóa. Cần có

những giải pháp lớn từ nay đến năm 2000, những giải pháp có tính khả thi và tổ chức thực hiện kỳ được, để tạo ra một bước chuyển biến mới trong thực tế. Đương nhiên, đây là nghị quyết của Trung ương, không nên sa vào các vấn đề cụ thể của ngành văn hóa.

Dự thảo Nghị quyết của Bộ Chính trị trình Trung ương thể hiện theo loại ý kiến thứ hai.

3. Về trọng tâm của Nghị quyết

Trong quá trình đóng góp hình thành hai loại ý kiến.

+ *Loại thứ nhất*: Hầu hết ý kiến của các ban, ngành, các cấp từ trung ương tới địa phương đề nghị Nghị quyết Trung ương 5 lần này cần đề cập một cách toàn diện nhưng tập trung vào các vấn đề trọng tâm là: tư tưởng, đạo đức, lối sống và đời sống văn hóa.

+ *Loại ý kiến thứ hai* (số ít): Nghị quyết chỉ nêu tập trung hai vấn đề nóng bỏng trong xã hội ta hiện nay là: đạo đức và lối sống.

Dự thảo Nghị quyết Bộ Chính trị trình Trung ương thể hiện theo loại ý kiến thứ nhất.

4. Về tên gọi Nghị quyết

a) *Tên gọi Nghị quyết trong dự thảo gửi lấy ý kiến là:*

"Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa".

b) *Trong quá trình góp ý, nhiều nơi đã đề xuất 10 tên gọi khác nhau như trong báo cáo tổng hợp đã nêu.*

Ví dụ:

+ "Xây dựng nền văn hóa dân tộc, nâng cao đời sống nhân dân".

+ "Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam dân tộc - hiện đại và nhân văn trong thời đại Hồ Chí Minh" (hoặc thay "trong thời đại Hồ Chí Minh" bằng "trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước").

+ "Xây dựng và phát triển nền văn hóa dân tộc vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong thời đại mới", v.v..

Sau khi cân nhắc, Bộ Chính trị đề nghị Ban Chấp hành Trung ương cho lấy tên gọi Nghị quyết như sau:

"Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc".

Lý do chính là làm cho tên Nghị quyết nêu bật được chủ đề, ngắn gọn, dễ nhớ, còn mọi điều cần thiết khác sẽ được làm rõ ở phần nội dung.

5. Về kết cấu của bản Dự thảo Nghị quyết

a) Bản Dự thảo báo cáo gửi đi lấy ý kiến có kết cấu 4 phần:

Phần I: Thực trạng văn hóa Việt Nam.

Phần II: Những quan điểm cơ bản chỉ đạo sự nghiệp xây dựng và phát triển văn hóa.

Phần III: Nhiệm vụ và các giải pháp lớn.

Phần IV: Đổi mới và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước, phát huy vai trò làm chủ của nhân dân...

b) Qua tổng hợp ý kiến đóng góp của các nơi, Bộ Chính trị

đã cho viết lại theo kết cấu Dự thảo Nghị quyết gồm 3 phần như sau:

Phần I: Về thực trạng văn hóa nước ta.

Phần II: Phương hướng, nhiệm vụ xây dựng và phát triển văn hóa.

Phần III: Những giải pháp lớn xây dựng và phát triển văn hóa.

Lý do chính là: làm cho bản Dự thảo Nghị quyết gọn, dễ hiểu hơn, tránh được nhiều chỗ trùng lặp không cần thiết.

Đồng thời nhấn mạnh: nội dung sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước và vai trò làm chủ của nhân dân quán xuyên toàn bộ Dự thảo Nghị quyết, chứ không phải chỉ ở một phần của Dự thảo Nghị quyết.

II- NHỮNG VẤN ĐỀ CHÍNH VỀ NỘI DUNG

1. Phần mở đầu

Hầu hết các ý kiến đề nghị phần mở đầu cần làm rõ các ý:

- Khẳng định truyền thống văn hóa Việt Nam.
- Dự báo tình hình và xu thế phát triển trong nước và quốc tế, thuận lợi và thách thức trên lĩnh vực văn hóa trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.
- Xác định rõ yêu cầu, phạm vi của Nghị quyết lần này.

Bộ Chính trị nhất trí với yêu cầu trên đây, trình Trung ương cho ý kiến.

2. Về thực trạng văn hóa nước ta

- Về cơ bản, các ý kiến đóng góp đều nhất trí với các ưu

và khuyết điểm như đánh giá đã nêu trong Dự thảo. Chỉ có một số ý kiến đề nghị cân nhắc mức độ sao cho sát đúng.

- Nhiều ý kiến nhấn mạnh cần phải thẳng thắn nói rõ sự suy thoái về đạo đức, lối sống trong cán bộ, đảng viên, kể cả cán bộ cao cấp. Mặt khác, cũng phải thấy văn hóa có những thành tựu tác động tích cực đến đời sống chính trị, đến kinh tế - xã hội, trong thời kỳ đổi mới cần được nêu rõ.

Đề nghị Trung ương cho ý kiến.

3. Về nguyên nhân

Nhiều ý kiến cho rằng: Báo cáo cần nêu ra được những nguyên nhân khách quan và chủ quan dẫn đến thực trạng văn hóa nước ta hiện nay. Song cần phân tích rõ nguyên nhân *chủ quan là chính*.

Trong nguyên nhân chủ quan nhiều ý kiến đề nghị cần nhấn mạnh: Về thành tựu, ngoài các nguyên nhân do Đảng, Nhà nước, các cấp, các ngành, các địa phương, cần nói đến vai trò của quần chúng nhân dân, của các đoàn thể đã có những đóng góp tích cực trong các hoạt động văn hóa thời kỳ đổi mới.

Về nguyên nhân của khuyết điểm, cần nêu rõ:

- Sự buông lỏng lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước, trách nhiệm của các cấp ủy, chính quyền các địa phương, của các cơ quan liên quan đến mặt trận văn hóa; sự nhận thức không đầy đủ về vị trí, tầm quan trọng của văn hóa.

- Sự thiếu gương mẫu của nhiều cán bộ, đảng viên có chức, có quyền về tư tưởng, đạo đức, lối sống từ Trung ương đến cơ sở, làm suy giảm niềm tin của quần chúng, gây ảnh hưởng xấu đến đời sống văn hóa toàn xã hội.

Bộ Chính trị tiếp thu những ý kiến trên và đã đưa vào Dự thảo Nghị quyết trình Trung ương.

4. Về những quan điểm cơ bản chỉ đạo sự nghiệp xây dựng và phát triển văn hóa

Đây là một vấn đề rất quan trọng, chỉ đạo toàn bộ sự nghiệp xây dựng và phát triển văn hóa đất nước trong thời kỳ mới.

Các ý kiến đều nhất trí với 5 quan điểm cơ bản chỉ đạo sự nghiệp xây dựng và phát triển văn hóa, tinh thần nội dung, đồng thời bổ sung một số điểm. Nhất trí với nhiều ý kiến đề nghị Dự thảo Nghị quyết cần nhấn mạnh hơn tư tưởng Hồ Chí Minh và cả đạo đức Hồ Chí Minh.

Bộ Chính trị đã tiếp thu, sửa trong Dự thảo Nghị quyết.

5. Nhiệm vụ cụ thể

a) Báo cáo trình bày 10 nhiệm vụ cụ thể.

b) Chuẩn mực con người luôn luôn là cốt lõi của một nền văn hóa. Do đó báo cáo đã đề cập trong nhiệm vụ thứ nhất, vừa kế thừa những giá trị truyền thống, vừa nhấn mạnh những chuẩn mực cần phấn đấu đạt cho được trong thời kỳ mới.

Trong quá trình thảo luận về chuẩn mực con người Việt Nam có những ý kiến nêu ra:

- Không nên dùng từ "chuẩn mực" con người Việt Nam mà nên dùng từ "đức tính" con người Việt Nam.

- Không nên nêu chuẩn mực con người Việt Nam mà chỉ nên nêu chuẩn mực về những giá trị văn hóa Việt Nam (đã trở thành truyền thống tốt đẹp, tạo nên bản sắc văn hóa

Việt Nam), để hướng mọi người trong xã hội hiện nay học tập, tu dưỡng, rèn luyện.

Bộ Chính trị đề nghị Trung ương cho ý kiến về vấn đề này.

c) Sau khi nói đến nhiệm vụ bao quát và nhiệm vụ cụ thể, Dự thảo Nghị quyết trình bày những nhiệm vụ cấp bách đến năm 2000, nhằm xây dựng và kiên quyết khắc phục những mặt tồn tại trong tư tưởng, đạo đức, lối sống và một số vấn đề cấp bách trong đời sống văn hóa.

Đề nghị Trung ương cho ý kiến.

6. Về giải pháp

Nhiều ý kiến của các bộ, ban, ngành, địa phương góp ý kiến cho phân giải pháp. Bộ Chính trị đã nghiên cứu, thảo luận và đề ra bốn nhóm giải pháp, trong đó có một số vấn đề lớn sau đây:

a) Giải pháp quan trọng hàng đầu để chặn đứng tình trạng suy thoái hiện nay trên các mặt tư tưởng, đạo đức, lối sống là phải tổ chức một đợt giáo dục chủ nghĩa yêu nước gắn với phong trào thi đua yêu nước, đồng thời mở một cuộc vận động sâu rộng trong toàn Đảng, toàn dân xây dựng văn hóa mới lấy tên là "Toàn dân xây dựng đời sống văn hóa".

Từ phong trào đó mà khuyến khích những nhân tố tích cực, những điển hình tiên tiến trong lao động xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, tạo ra một lối sống có văn hóa, có đạo đức trong xã hội, ngăn chặn các tệ nạn xã hội, các hủ tục, xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh.

+ Về giải pháp này, nhiều ý kiến nhất trí như trong báo cáo trình với Trung ương nhưng cũng có ý kiến không tán

thành dùng cụm từ "một đợt giáo dục chủ nghĩa yêu nước, gắn với phong trào thi đua yêu nước...".

Lý do: Muốn giải quyết tình trạng suy thoái về tư tưởng, đạo đức, lối sống và đời sống văn hóa như thực trạng đã nêu, việc giáo dục chủ nghĩa yêu nước, gắn với phong trào thi đua yêu nước, xây dựng đời sống văn hóa phải làm liên tục, lâu dài, thường xuyên, chứ không phải là một đợt, một "phong trào", để đi đến "đánh trống bỏ dùi"...

+ Về cuộc vận động "Toàn dân xây dựng đời sống văn hóa", có ý kiến đề nghị với Trung ương cân nhắc thêm về tên gọi của cuộc vận động này.

Bộ Chính trị trình với Trung ương cho ý kiến.

b) Một giải pháp cực kỳ quan trọng nữa là nêu cao sự "tự phê bình và phê bình" của Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương, Chính phủ, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, các đại biểu Quốc hội, các cấp ủy, trong cán bộ, đảng viên, về tư tưởng, đạo đức, lối sống.

Tuy nhiên, có nhiều ý kiến đề nghị:

- Nhất trí về việc tổ chức "tự phê bình và phê bình" như trong báo cáo đã nêu ở phần giải pháp. Nhưng cần có sự chuẩn bị kỹ về nội dung, kế hoạch, phương pháp để đạt kết quả tốt, đề phòng làm lướt một cách hình thức hoặc sa vào tình trạng đả kích lẫn nhau. Cũng cần đề phòng sự lợi dụng của những kẻ xấu quá khích nhân cuộc đấu tranh này gây ra sự mất ổn định về chính trị, kinh tế - xã hội, v.v..

- Cuộc vận động "Tự phê bình và phê bình" bắt đầu từ Nghị quyết Trung ương 5 được xem là sự khởi động và phải đến Nghị quyết Trung ương 6 (khóa VIII) về xây dựng Đảng mới thật sự triển khai vào chiều sâu thì mới có kết quả.

Bộ Chính trị đề nghị với Trung ương: phải đẩy mạnh "tự phê bình và phê bình", song tiến hành phải có phương pháp, nội dung, bước đi, kiên quyết nhưng thận trọng, sao cho đạt hiệu quả cao, *bảo đảm qua đây nêu cao được vai trò gương mẫu của cán bộ, đảng viên, tăng cường đoàn kết, giữ vững ổn định chính trị - xã hội, thúc đẩy các mặt công tác*. Cuộc vận động này sẽ được tiếp tục bàn thêm trong kỳ họp thứ 6 của Trung ương và phải được tiến hành thường xuyên.

Đề nghị Trung ương cho ý kiến cụ thể vào tờ trình và kế hoạch tiến hành cuộc vận động "Tự phê bình và phê bình" của Bộ Chính trị trình Trung ương.

c) Ngoài ra, đề nghị Trung ương cho ý kiến về một số chính sách tạo nguồn lực cho sự nghiệp xây dựng và phát triển văn hóa, cải tiến phương thức lãnh đạo và quản lý đối với văn hóa nói chung và văn nghệ nói riêng, việc khẳng định tính chất chính trị - xã hội - nghề nghiệp của các hội sáng tạo văn học nghệ thuật, sắp xếp lại hợp lý các cơ quan nhà nước chuyên trách công tác văn hóa và công tác thông tin, tăng cường bộ phận lãnh đạo của Đảng về văn hóa văn nghệ, có cán bộ chuyên trách công tác văn hóa thông tin ở xã...

BỘ CHÍNH TRỊ

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

TỜ TRÌNH
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ TẠI HỘI NGHỊ
LẦN THỨ NĂM BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
Số 68/TLHN, ngày 6 tháng 7 năm 1998

**Về kế hoạch tiến hành đợt sinh hoạt chính trị,
tự phê bình và phê bình trong cán bộ, đảng viên
theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII**

Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương sẽ thảo luận và thông qua Nghị quyết về "Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc". Đây là một trong những nhiệm vụ cách mạng lớn và quan trọng của Đảng ta, góp phần bảo đảm thực hiện thắng lợi đường lối chính trị và các mục tiêu do Đại hội VIII đề ra.

Trong quá trình chuẩn bị dự thảo nghị quyết, tiếp thu ý kiến đóng góp của nhiều cấp ủy, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên và nhân dân, Bộ Chính trị nhận thấy trong vấn đề xây dựng nền văn hóa Việt Nam nói chung, nổi lên vấn đề cần đặc biệt quan tâm là vấn đề tư tưởng, đạo đức, lối sống, trong đó một bộ phận không ít cán bộ, đảng viên đang có những biểu hiện suy thoái, nếu không có những biện pháp kịp thời ngăn chặn, đẩy lùi một cách kiên quyết và

hiệu quả thì sẽ là một nguy cơ hết sức nghiêm trọng ảnh hưởng đến việc thực hiện nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, giữ gìn và phát triển nền văn hóa Việt Nam, đe dọa đến cả sự tồn tại của Đảng và chế độ ta.

Vì vậy, để thực hiện Nghị quyết Trung ương 5, Bộ Chính trị đề nghị Ban Chấp hành Trung ương về một trong những biện pháp quan trọng là tiến hành *đột sinh hoạt chính trị, tự phê bình và phê bình* trong Đảng với yêu cầu, nội dung và cách làm sau đây:

1. Yêu cầu

- Đột sinh hoạt chính trị, tự phê bình và phê bình lần này trước hết không nhằm mục tiêu xử lý mà nhằm nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên về tăng cường sức chiến đấu của Đảng, mục tiêu lý tưởng cách mạng, các quan điểm, đường lối chính trị, nguyên tắc tổ chức và Điều lệ của Đảng; làm cho mọi người thấy rõ một cách sâu sắc tình trạng suy thoái về tư tưởng, đạo đức, lối sống của một bộ phận không ít cán bộ, đảng viên đã và đang làm suy yếu sức chiến đấu của Đảng, làm giảm sút nghiêm trọng niềm tin của nhân dân với Đảng.

- Trên cơ sở nâng cao nhận thức về các vấn đề trên, mỗi cán bộ, đảng viên tự đánh giá mình, liên hệ, kiểm điểm, báo cáo với tổ chức đảng về việc tu dưỡng tư tưởng, rèn luyện đạo đức, lối sống trong thời gian qua có những ưu điểm, khuyết điểm gì; nếu có thiếu sót, khuyết điểm thì cần phân tích rõ mức độ đến đâu, nguyên nhân tại sao? Có biện pháp khắc phục các thiếu sót, khuyết điểm đó? Tập thể cấp ủy hoặc tổ chức đảng góp ý phê bình, giúp đỡ cán bộ, đảng viên nhận

thức một cách đầy đủ và sâu sắc hơn về những ưu điểm, thiếu sót, khuyết điểm và giúp đề ra các biện pháp phát huy ưu điểm, khắc phục khuyết điểm.

- Qua tự phê bình và phê bình lần này tăng cường công tác xây dựng Đảng, nâng cao ý thức kỷ luật, lập lại kỷ cương trong việc chấp hành đúng đường lối, chủ trương của Đảng và pháp luật của Nhà nước, từ đó mỗi cán bộ, đảng viên tự đề ra kế hoạch tu dưỡng tư tưởng, rèn luyện đạo đức, lối sống một cách thiết thực, tránh hình thức; mỗi cấp ủy và tổ chức đảng đề ra kế hoạch tăng cường công tác giáo dục, quản lý đội ngũ cán bộ, đảng viên; quan tâm lãnh đạo thực hiện tốt Pháp lệnh chống tham nhũng, Pháp lệnh tiết kiệm, Pháp lệnh công chức..., đưa việc tự phê bình và phê bình trong Đảng vào nền nếp, thường xuyên; củng cố đoàn kết thống nhất, từng bước ngăn chặn và đẩy lùi các biểu hiện suy thoái, làm trong sạch và nâng cao sức chiến đấu của các tổ chức đảng và bộ máy nhà nước.

2. Nội dung

Trước tình hình suy thoái đang diễn ra trên ba mặt chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống, cho nên tự phê bình và phê bình lần này phải tập trung vào ba nội dung chủ yếu:

a) Về chính trị, tư tưởng:

Liên hệ, kiểm điểm làm rõ những nhận thức và việc làm đúng hoặc chưa đúng trên các vấn đề:

- Lý tưởng, mục tiêu cách mạng.
- Đường lối phát triển nền kinh tế - xã hội theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

- Nguyên tắc tập trung dân chủ trong Đảng.
- Vai trò lãnh đạo của Đảng và việc thực hiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa.

Có đấu tranh với các quan điểm, hành động sai trái về những vấn đề trên hay không?

b) Về đạo đức:

- Ý thức trách nhiệm, tính tổ chức, tính kỷ luật.
- Bệnh quan liêu, cửa quyền, tham nhũng, hối lộ.
- Cá nhân, kèn cựa địa vị, cơ hội, gây mất đoàn kết.

c) Về lối sống:

- Xa hoa, lãng phí, sống xa dân.
- Sống buông thả.

Cán bộ lãnh đạo các cấp phải gắn với việc kiểm điểm trách nhiệm trước công việc được giao, trước tình trạng bản thân và cán bộ cấp dưới thiếu gương mẫu về đạo đức, lối sống, tham nhũng, thiếu dân chủ, mất đoàn kết...

3. Phương châm và phương pháp tiến hành

- Nâng cao nhận thức, có biện pháp ngăn ngừa thiếu sót, khuyết điểm, phòng bệnh, trị bệnh, cứu người là chính.

- Đề cao tính tự giác, tự phê bình của mỗi người là chính, đồng thời tôn trọng và tiếp thu ý kiến đóng góp, phê bình của tập thể đối với mỗi người; tránh e dè, nể nang hoặc lợi dụng phê bình để đả kích cá nhân, gây rối nội bộ.

- Làm từ trên xuống, từ dưới lên. Cấp trên phải gương mẫu làm trước, cán bộ lãnh đạo các cấp từ Trung ương đến cơ sở phải gương mẫu tự phê bình trước.

- Kết hợp tự phê bình và phê bình trong Đảng với việc tiếp thu ý kiến phê bình của quần chúng với hình thức phù hợp.

- Xử lý kỷ luật cán bộ, đảng viên có sai phạm là công việc thường xuyên của các tổ chức đảng, trong đợt sinh hoạt chính trị, tự phê bình và phê bình lần này, nếu có những đảng viên mắc khuyết điểm đến mức phải thi hành kỷ luật thì phải xem xét xử lý ngay, nhưng không đặt thành nội dung chủ yếu.

4. Tổ chức chỉ đạo thực hiện

- Mỗi cấp ủy và tổ chức đảng căn cứ vào yêu cầu chỉ đạo của Trung ương, từ tình hình đảng bộ hoặc ngành mình, xây dựng kế hoạch thực hiện, tổ chức kiểm điểm trong cấp ủy và tổ chức đảng về tư tưởng, đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên trong đảng bộ hoặc ngành, đơn vị mình để làm cơ sở hướng dẫn cán bộ, đảng viên tự phê bình và phê bình có trọng tâm, trọng điểm.

- Mỗi cấp ủy và tổ chức đảng cần xác định rõ các trọng điểm chỉ đạo tự phê bình và phê bình của cấp mình và cấp dưới trực tiếp; gợi ý, hướng dẫn, giúp đỡ cán bộ lãnh đạo cấp mình và cấp dưới trực tiếp kiểm điểm theo ba nội dung trên.

- Mỗi cấp phải phân công các đồng chí chủ chốt trong cấp ủy chỉ đạo và huy động cán bộ tham gia chỉ đạo, hướng dẫn, giúp đỡ các trọng điểm.

- Các đồng chí Ủy viên Trung ương có trách nhiệm chỉ đạo quán triệt, thực hiện Nghị quyết Trung ương 5, tổ chức đợt sinh hoạt chính trị tự phê bình và phê bình ở ngành hoặc địa phương mình phụ trách, gương mẫu tự phê bình và phê bình.

Mỗi cán bộ lãnh đạo ở các cấp kiểm điểm trước chi bộ mình sinh hoạt và trước tập thể lãnh đạo nơi mình là thành viên.

- Các ban đảng ở mỗi cấp giúp cấp ủy mình hướng dẫn, kiểm tra việc tiến hành sinh hoạt chính trị, tự phê bình và phê bình ở các tổ chức đảng trực thuộc.

- Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương, ban tuyên giáo các cấp ủy chịu trách nhiệm cung cấp tài liệu sinh hoạt chính trị để nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên trong các cấp ủy và tổ chức đảng: Nghị quyết Trung ương 5; bài "Nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân" của Bác Hồ; bài phát biểu của đồng chí Tổng Bí thư về tư tưởng, đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên; tư liệu về tình hình tư tưởng, đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên hiện nay.

- Các tỉnh, thành ủy và đảng ủy trực thuộc Trung ương qua tự phê bình và phê bình, tiến hành sơ kết, rút kinh nghiệm để đưa việc tự phê bình vào nền nếp, thường xuyên và làm báo cáo với Thường vụ Bộ Chính trị về kết quả thực hiện.

- Các vấn đề liên hệ, kiểm điểm, tự phê bình và phê bình chủ yếu là trong thời điểm hiện nay. Đợt sinh hoạt chính trị, tự phê bình và phê bình sẽ làm thường xuyên liên tục. Trong năm 1998 cần tập trung chỉ đạo làm trước ở những nơi trọng điểm có nhiều vấn đề phải quan tâm, sau đó sơ kết rút kinh nghiệm để làm tiếp ở những nơi khác.

*

* *

Đề nghị Ban Chấp hành Trung ương cho chủ trương, cho ý kiến về yêu cầu, nội dung, phương châm, phương pháp tiến hành và cách tổ chức chỉ đạo thực hiện, sửa trực tiếp vào dự thảo kế hoạch tiến hành đợt sinh hoạt chính trị, tự phê bình và phê bình (kèm theo).

Bộ Chính trị sẽ tiếp thu ý kiến của các đồng chí trong Ban Chấp hành Trung ương, chỉ đạo việc hoàn chỉnh kế hoạch để triển khai thực hiện ngay sau Hội nghị Trung ương.

BỘ CHÍNH TRỊ

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**BẢN TRÌNH BÀY
Ý KIẾN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ**

Số 80/TLHN, ngày 16 tháng 7 năm 1998

**Về một số vấn đề đã thảo luận về Dự thảo
Nghị quyết tại Hội nghị Trung ương 5**

Tại Hội nghị Trung ương lần này đã có 210 ý kiến phát biểu góp ý vào Dự thảo Nghị quyết. Các ý kiến góp ý đều bày tỏ sự nhất trí cao về cơ bản với Dự thảo Nghị quyết, cho rằng Dự thảo Nghị quyết được chuẩn bị công phu, đáp ứng được yêu cầu của thực tiễn, đề ra được những giải pháp cơ bản để xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Đồng thời, các đồng chí Trung ương cũng đã góp nhiều ý kiến xác đáng để bổ sung, sửa đổi một số nội dung đã đề cập trong Dự thảo Nghị quyết.

Qua thảo luận của Trung ương, Bộ Chính trị xin trình bày một số vấn đề chủ yếu trong Dự thảo Nghị quyết về "Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc" mà Trung ương đã có ý kiến như sau:

**I- VỀ PHẠM VI VẤN ĐỀ VĂN HÓA ĐỀ CẬP
TRONG NGHỊ QUYẾT**

1. Có nhiều định nghĩa về văn hóa. Chủ tịch Hồ Chí Minh

đã nói: Vì lẽ sinh tồn cũng như mục đích của cuộc sống, loài người mới sáng tạo và phát minh ra ngôn ngữ, chữ viết, đạo đức, pháp luật, khoa học, tôn giáo, văn học, nghệ thuật, những công cụ cho sinh hoạt hằng ngày về mặc, ăn, ở và các phương thức sử dụng. Toàn bộ những sáng tạo và phát minh đó tức là văn hóa. Người cũng đã từng nói: Trong công cuộc kiến thiết nước nhà có bốn vấn đề cùng phải chú ý đến, cùng phải coi là quan trọng ngang nhau: chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa.

Văn hóa được đề cập trong Dự thảo Nghị quyết theo nghĩa rộng nói chung, trong đó đề cập tám lĩnh vực lớn, trong tám lĩnh vực này thì *tư tưởng, đạo đức, lối sống và đời sống văn hóa* được coi là những lĩnh vực quan trọng nhất hiện nay cần đặc biệt quan tâm.

Bộ Chính trị đề nghị Trung ương cho đề cập phạm vi văn hóa trong Nghị quyết là như vậy.

2. Có một số ý kiến cho rằng ở đây chỉ nên nói văn hóa, không nói tư tưởng, nhất là tư tưởng cán bộ, đảng viên vì đến Hội nghị Trung ương 6 sẽ bàn trong nghị quyết về xây dựng Đảng. Bộ Chính trị có ý kiến như sau: tư tưởng và hệ tư tưởng là những vấn đề rộng lớn, về nhiều mặt; khi cần có thể bàn chuyên sâu. Nhưng trong Nghị quyết văn hóa không thể không nêu vấn đề tư tưởng bởi lẽ hệ tư tưởng là *cốt lõi* của văn hóa, là *định hướng cơ bản* cho đời sống tinh thần xã hội. Đường nhiên, trong Nghị quyết văn hóa vấn đề tư tưởng được đề cập có mức độ trong phạm vi tư tưởng chính trị và trên những mặt có quan hệ với đạo đức, lối sống... Khi đánh giá,

nêu phương hướng, phải đề cập đến tư tưởng cán bộ, đảng viên vì trong điều kiện Đảng cầm quyền, tư tưởng cán bộ, đảng viên có ảnh hưởng rất quan trọng tới tư tưởng của toàn xã hội. Đến Hội nghị Trung ương 6 về xây dựng Đảng, Trung ương sẽ bàn sâu hơn về tình hình tư tưởng cán bộ, đảng viên và công tác tư tưởng vì đó là một trong ba mặt chính trị, tư tưởng, tổ chức của xây dựng Đảng.

Bộ Chính trị đề nghị Trung ương cho đề cập vấn đề tư tưởng theo hướng và ở mức độ như trong Dự thảo Nghị quyết đã trình Trung ương.

II- VỀ TÊN CỦA NGHỊ QUYẾT

Ở đây vấn đề không chỉ nói về cái tên một cách hình thức mà còn liên quan đến nội dung cơ bản của Nghị quyết.

1. Trong quá trình lấy ý kiến các cấp, các ngành, các giới về Dự thảo Nghị quyết, có 10 tên gọi khác nhau được đề xuất. Trải qua thảo luận và cân nhắc, Bộ Chính trị đề nghị Trung ương lấy tên "Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc" như trong Dự thảo vì nó ngắn gọn, nhất là thể hiện được sự *nhất quán* về khái niệm đã xác định trong Cương lĩnh chính trị năm 1991, trong Nghị quyết Đại hội VIII và trong các văn kiện khác của Đảng ta.

2. Không ít đồng chí đề nghị phải làm rõ *thế nào là "tiên tiến", là "đậm đà bản sắc dân tộc"*? Vấn đề này đã được trình bày trong Dự thảo Nghị quyết (trang 11) như sau:

a) "Nền văn hóa *tiên tiến* là một nền văn hóa yêu nước và tiến bộ mà nội dung cốt lõi là lý tưởng độc lập dân tộc và chủ

nghĩa xã hội dưới ánh sáng của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, với mục tiêu tất cả vì con người, vì hạnh phúc và sự phát triển phong phú, tự do, toàn diện của con người trong mối quan hệ hài hòa giữa cá nhân và cộng đồng, giữa xã hội và tự nhiên. Nền văn hóa đó không chỉ tiên tiến về nội dung tư tưởng mà cả trong hình thức biểu hiện, trong các phương tiện hiện đại để chuyển tải nội dung".

Như vậy, nền văn hóa *tiên tiến* có những đặc trưng:

- Yêu nước;
- Tiến bộ (những gì là tiến bộ của dân tộc, của thời đại, của loài người);
- Có nội dung cốt lõi là lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội dưới ánh sáng chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh;
- Nhân văn: tất cả vì con người...;
- Tiên tiến không chỉ trong nội dung tư tưởng mà cả trong hình thức biểu hiện, trong các phương tiện hiện đại để chuyển tải nội dung.

b) "*Bản sắc dân tộc* của văn hóa Việt Nam bao gồm những giá trị bền vững, những tinh hoa được vun đắp nên qua lịch sử hàng ngàn năm đấu tranh dựng nước và giữ nước, tạo thành những nét đặc sắc của cộng đồng các dân tộc Việt Nam, con người Việt Nam. Đó là lòng yêu nước nồng nàn, ý chí tự cường dân tộc; tinh thần đoàn kết; tính cộng đồng gắn kết cá nhân - gia đình - làng - nước; lòng nhân ái bao dung, trọng nghĩa tình đạo lý; đầu óc thực tế; đức tính cần cù, sáng tạo trong lao động; tế nhị trong cư xử, giản dị trong lối sống... Bản sắc dân tộc còn đậm nét trong các hình thức biểu hiện mang tính dân tộc độc đáo".

Bản sắc dân tộc được nêu như vậy trong Dự thảo còn có thể cân nhắc thêm, bớt nhưng qua nhiều ý kiến đóng góp, Bộ Chính trị thấy rằng đó là những giá trị trường tồn của dân tộc, những nét chủ yếu, nổi bật nhất. Có ý kiến nói rằng trong đó có những điểm không phải chỉ dân tộc ta mà nhiều dân tộc khác cũng có. Bộ Chính trị cho rằng vấn đề cần xem xét là những điểm đã nêu có đúng với thực tế bản sắc dân tộc ta hay không? Còn khi nói bản sắc dân tộc, không có nghĩa mọi cái phải hoàn toàn độc đáo ngoài ta ra, không dân tộc nào có cả.

c) Nhân đây, Bộ Chính trị thấy cần nói rõ thêm: có thời ta dùng công thức "nền văn hóa mới là nền văn hóa có nội dung xã hội chủ nghĩa và hình thức dân tộc", từ Đại hội III (1960) đổi là "tính chất dân tộc" vì bản sắc dân tộc không chỉ thể hiện trên hình thức mà còn thể hiện cả trong nội dung. Bây giờ ta nói *bản sắc dân tộc* với nội hàm như đã trình bày ở trên là phù hợp. Còn thay vì nói "*nền văn hóa có nội dung xã hội chủ nghĩa*", Cương lĩnh chính trị được Đại hội VII thông qua dùng khái niệm "*nền văn hóa tiên tiến*". Cách nói mới như vậy là chính xác, có cân nhắc. Bởi vì:

Một mặt, trong đó vẫn nhấn mạnh nội dung cốt lõi là lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội dưới ánh sáng chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Điều này thể hiện tính nguyên tắc cơ bản bởi chủ nghĩa Mác cho rằng: trong xã hội có giai cấp, tư tưởng thống trị trong mỗi thời đại bao giờ cũng là tư tưởng của giai cấp thống trị.

Mặt khác, khái niệm "tiên tiến" còn có nghĩa rộng hơn những nội dung về yêu nước, tiến bộ, nhân văn và không chỉ trong quan hệ giữa con người với con người mà cả trong quan

hệ con người, xã hội với môi trường thiên nhiên. "Tiên tiến" với những nội dung rộng như vậy bao hàm được tính giai cấp, tính dân tộc, tính nhân loại, đúng hàm nghĩa của văn hóa - văn hóa có nội dung cốt lõi là hệ tư tưởng mang tính giai cấp nhưng lại không đồng nhất với hệ tư tưởng.

3. Có đồng chí đề nghị nói "dân tộc" trước "tiên tiến" sau. Bộ Chính trị có ý kiến: với những điều trình bày ở điểm 2, nói "tiên tiến" là nhấn mạnh các nội dung yêu nước, tiến bộ, nhân văn, mà cốt lõi là lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội dưới ánh sáng chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Do đó nói "tiên tiến" trước là hợp lý; tất nhiên "tiên tiến" với "đậm đà bản sắc dân tộc" là một thể thống nhất, không tách rời nhau trong "*nền văn hóa Việt Nam*".

4. Có đồng chí muốn trở lại với công thức trong Đề cương văn hóa năm 1943: một nền văn hóa với ba tính chất *dân tộc - khoa học - đại chúng*. Bộ Chính trị có ý kiến như sau: ba tính chất ấy luôn luôn còn ý nghĩa. Nhưng cần thấy đó là sự xác định tính chất văn hóa trong *thời kỳ cách mạng dân tộc - dân chủ*. Những tính chất ấy ở *giai đoạn cách mạng xã hội chủ nghĩa*, không những được kế thừa mà còn được nâng cao trong "nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc" với những nội dung và tính chất như đã được trình bày cụ thể ở điểm 2 trên đây.

III- VỀ THỰC TRẠNG VĂN HÓA VÀ NGUYÊN NHÂN

1. Nhiều đồng chí đặt vấn đề: *đánh giá tình hình nên bắt đầu từ bao giờ, từ mấy ngàn năm lịch sử, từ Cách mạng*

Tháng Tám hay trong những năm đổi mới? Bộ Chính trị có ý kiến như sau:

Bản thân từ "*thực trạng*" đã nói lên tư tưởng của Dự thảo Nghị quyết là đánh giá tình hình văn hóa *hiện nay* ở nước ta. Tuy nhiên, văn hóa là một dòng chảy liên tục, do đó khi đánh giá thực trạng văn hóa nước ta hiện nay không thể không nhắc tới lịch sử văn hóa lâu đời của dân tộc, tới thời đại Hồ Chí Minh và trong thời kỳ đổi mới mà xã hội ta đã và đang có những biến đổi sâu sắc. Tiếp thụ ý kiến của Trung ương, Bộ Chính trị sẽ chỉ đạo sửa chữa để vừa nêu được lịch sử lâu đời của nền văn hóa Việt Nam, vừa *nhấn mạnh* được thực trạng văn hóa Việt Nam hiện nay qua hơn 10 năm đổi mới.

2. Trong phần đánh giá thực trạng văn hóa Việt Nam, nhiều đồng chí đề nghị bổ sung thêm *những thành tựu* trong thời kỳ đổi mới. Như: trong tình hình phức tạp của thế giới và trong nước, chúng ta vẫn giữ được ổn định chính trị, định hướng phát triển đúng; nêu cao lòng yêu nước, ý chí tự lực, tự cường, độc lập tự chủ, tình đoàn kết, tinh thần tương thân tương ái, hướng thiện; những thành tựu về giải phóng phụ nữ, phát triển sự nghiệp giáo dục; tinh thần hiếu học của thanh niên; tiếp thụ những tinh hoa văn hóa thế giới... Bộ Chính trị xin tiếp thụ và bổ sung vào Nghị quyết.

3. Về *những mặt yếu kém*, đa số đồng chí tán thành như Dự thảo, đồng thời nhấn mạnh thêm một số khía cạnh về tư tưởng, đạo đức, lối sống. Đối với nhận định "sự suy thoái nghiêm trọng về đạo đức, lối sống ở một bộ phận không nhỏ cán bộ có chức, có quyền, kể cả cán bộ cao cấp", có một số đồng chí băn khoăn sợ đánh giá như vậy vừa chưa nói được

đầy đủ sự suy thoái đạo đức chung của xã hội, vừa có thể bị kẻ xấu lợi dụng xuyên tạc. Bộ Chính trị có ý kiến như sau: Đảng ta luôn đánh giá đội ngũ cán bộ ta số đông là tốt, giữ gìn được phẩm chất đạo đức. Nhưng phải thừa nhận rằng những năm gần đây tình trạng suy thoái về đạo đức và lối sống có chiều hướng tăng lên, rất đáng lo ngại, đặc biệt là trong một bộ phận cán bộ có chức, có quyền. Trong Dự thảo Nghị quyết không nói đa số cán bộ có chức, có quyền suy thoái đạo đức, lối sống mà nói có "một bộ phận không nhỏ", có nghĩa không phải số đông nhưng cũng không phải chỉ là số rất ít. Dự thảo cũng không nhận định rằng số đông hoặc một bộ phận không nhỏ cán bộ trung, cao cấp mắc khuyết điểm đó, mà chỉ nhận định là trong số cán bộ có chức, có quyền mắc khuyết điểm, sai lầm về đạo đức, lối sống, có cả cán bộ trung, cao cấp. Tình hình thực tế là vậy. Vì vậy Bộ Chính trị cho rằng ta nên thẳng thắn nhận định như thế để toàn Đảng, toàn dân cùng kiểm tra, giúp đỡ đồng chí mình, không để đồng chí mình mắc sai lầm, làm ảnh hưởng tới niềm tin của nhân dân đối với Đảng và Nhà nước ta. Tuy nhiên, Bộ Chính trị đồng ý vấn đề này cần được cân nhắc diễn đạt sao cho chặt chẽ hơn, tránh sự hiểu lầm không có lợi trong tình hình hiện nay.

4. Về nguyên nhân, nhiều ý kiến bổ sung những nguyên nhân của thành tựu, Bộ Chính trị xin tiếp thụ để bổ sung vào Nghị quyết.

Đối với nguyên nhân của tình trạng yếu kém, nhiều đồng chí đồng tình về cơ bản với những nhận định nêu trong Dự thảo Nghị quyết. Đối với nguyên nhân khách quan, Dự thảo

Nghị quyết nêu nguyên nhân thứ ba về những "mặt trái" của cơ chế thị trường và hội nhập quốc tế, ý kiến của các đồng chí Trung ương có hai loại: một số đồng chí tán thành và coi đó là "nguyên nhân đầu tiên và cơ bản nhất", vì "cần thấy hết mặt trái của cơ chế thị trường"; có đồng chí lại cho rằng "không nên quy tất cả những yếu kém về văn hóa là do cơ chế thị trường". Về vấn đề này, Bộ Chính trị cho rằng: từ ngày đổi mới tới nay, trong nhiều nghị quyết của Trung ương, Đảng ta luôn nhận định thị trường là sản phẩm của nhân loại, không chỉ riêng có của chủ nghĩa tư bản, do đó Đảng chủ trương xây dựng và phát triển nền kinh tế nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Trong thực tiễn, phương hướng phát triển kinh tế đó đã mang lại nhiều thành tựu; về mặt văn hóa, trong Dự thảo Nghị quyết đã khẳng định "những tác động tích cực to lớn" của nó. Tuy nhiên, bên cạnh mặt tích cực, nhất thiết phải thấy mặt trái của cơ chế thị trường. Chúng ta không quy mọi xấu xa đều do kinh tế thị trường, nhưng không thể không thấy rằng *về khách quan mà nói* kinh tế thị trường với sức mạnh tự phát ghê gớm của nó đã khuyến khích chủ nghĩa cá nhân, lối sống thực dụng, làm cho người ta chỉ chú ý tới lợi ích vật chất mà coi nhẹ giá trị tinh thần, chỉ chú ý lợi ích cá nhân mà coi nhẹ lợi ích cộng đồng, chỉ chú ý lợi ích trước mắt mà coi nhẹ lợi ích lâu dài, cơ bản... Những mặt trái đó được nêu lên khi lãnh đạo, quản lý lỏng lẻo, không đúng định hướng. Chúng ta nêu lên "mặt trái" của cơ chế thị trường không phải để phủ nhận nó mà để có những giải pháp hữu hiệu về phát triển

kinh tế - xã hội bảo đảm đúng định hướng xã hội chủ nghĩa; phải hết sức quan tâm giáo dục tư tưởng, đạo đức, lối sống; phải có chính sách phát triển hài hòa kinh tế và văn hóa, xã hội trong từng bước đi.

Nhiều đồng chí đã bổ sung vào Dự thảo Nghị quyết những nguyên nhân chủ quan như: việc tu dưỡng tư tưởng, đạo đức của cán bộ, đảng viên còn yếu; việc giáo dục tư tưởng, đạo đức, lối sống kém hiệu quả; công tác nghiên cứu lý luận còn chậm và chưa đáp ứng yêu cầu; sự lãnh đạo, quản lý thiếu chặt chẽ; còn để tình trạng phân phối bất hợp lý, phân hóa giàu nghèo diễn ra quá nhanh... Bộ Chính trị xin tiếp thụ và bổ sung vào Nghị quyết.

Có một số đồng chí muốn nêu đậm nét tình trạng *hữu khuynh* trong lãnh đạo, quản lý của Đảng và Nhà nước về mặt văn hóa. Sự thật, bốn nguyên nhân chủ quan nêu trong Dự thảo về thực chất là biểu hiện hữu khuynh. Trong bài phát biểu khai mạc Hội nghị, đồng chí Tổng Bí thư cũng đã nêu rõ nguyên nhân: "buông lỏng, hữu khuynh trong lãnh đạo điều hành, trong tổ chức thực hiện". Bộ Chính trị xin bổ sung ý này vào Nghị quyết.

IV- VỀ PHƯƠNG HƯỚNG VÀ NHIỆM VỤ

1. *Về nhiệm vụ bao quát*, nói chung, các đồng chí nhất trí với Dự thảo Nghị quyết; một số đồng chí đề nghị bổ sung, nhấn mạnh yêu cầu xây dựng và củng cố khối đại đoàn kết dân tộc, thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa

đất nước, bảo vệ vững chắc độc lập dân tộc và xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội. Bộ Chính trị xin tiếp thụ và bổ sung vào Nghị quyết.

2. Về những quan điểm chỉ đạo cơ bản

a) Các đồng chí đều đồng tình với năm quan điểm nêu trong Dự thảo Nghị quyết. Một số ý kiến bổ sung, muốn làm rõ nghĩa hơn một số câu, Bộ Chính trị xin tiếp thụ để hoàn chỉnh Nghị quyết.

b) Có ý kiến đề nghị bổ sung quan điểm thứ sáu là: "xã hội hóa hoạt động văn hóa, Nhà nước đóng vai trò chủ đạo". Bộ Chính trị cho rằng: sự nghiệp phát triển văn hóa là sự nghiệp của toàn dân, do đó phải thực hiện xã hội hóa hoạt động văn hóa, trong đó Nhà nước đóng vai trò chủ đạo. Nhưng văn hóa có nhiều lĩnh vực, nhiều nội dung; phương thức xã hội hóa trong từng lĩnh vực không giống nhau, có lĩnh vực Đảng và Nhà nước nắm phần quan trọng quyết định như lĩnh vực giáo dục tư tưởng, xây dựng các công trình văn hóa quốc gia, bảo tồn các di sản văn hóa cổ truyền... do đó, nên đưa vấn đề này vào phần giải pháp như trong Dự thảo.

c) Đối với quan điểm thứ tư: "xây dựng và phát triển văn hóa là sự nghiệp của toàn dân mà *chủ lực* là đội ngũ trí thức gắn bó với nhân dân, dưới sự lãnh đạo của Đảng", một số đồng chí cho là nên thay chữ "chủ lực" bằng "nòng cốt", nhiều đồng chí không muốn dùng cả từ "chủ lực" cả từ "nòng cốt". Chúng ta cần khẳng định sự nghiệp xây dựng và phát triển văn hóa là của toàn dân; công nhân, nông dân và tầng lớp trí thức là nền tảng của khối đại đoàn kết dân tộc thì cũng phải là nền tảng của sự nghiệp xây dựng và phát triển văn hóa.

Bất cứ chế độ nào cũng có đội ngũ trí thức của giai cấp cầm quyền và phục vụ lợi ích giai cấp đó. Trong nền văn hóa của mỗi chế độ bao giờ cũng có một đội ngũ trí thức, đội ngũ những nhà văn hóa. Ông cha ta nói: "Hiền tài là nguyên khí quốc gia". Văn hóa là sự nghiệp của toàn dân, trước hết của nhân dân lao động, trong đó đội ngũ trí thức có vai trò quan trọng, nhất là trong việc sáng tạo ra nền văn hóa đỉnh cao. Tiếp thụ ý kiến của nhiều đồng chí, Bộ Chính trị đề nghị viết lại câu đó như sau: "Xây dựng và phát triển văn hóa là sự nghiệp của toàn dân dưới sự lãnh đạo của Đảng, trong đó đội ngũ trí thức đóng vai trò *quan trọng*".

d) Có ý kiến đề nghị thay đổi trật tự các quan điểm, đưa quan điểm thứ năm lên thứ hai. Bộ Chính trị đề nghị giữ trật tự như trong Dự thảo vì cách xếp này là hợp lý.

3. Về những nhiệm vụ cụ thể

a) Các đồng chí đều tán thành 10 nhiệm vụ nêu lên và có những ý kiến đóng góp cụ thể vào từng nhiệm vụ. Bộ Chính trị xin tiếp thụ và sửa chữa vào Nghị quyết.

b) Nhiệm vụ thứ nhất: "Xây dựng con người Việt Nam trong giai đoạn cách mạng mới với những đức tính...", được nhiều đồng chí góp ý kiến. Đến Dự thảo lần thứ tám, nhiệm vụ này được nêu lên là những "chuẩn mực" con người Việt Nam trong giai đoạn cách mạng mới vì khái niệm chuẩn mực *giá trị* xã hội được sử dụng rộng rãi trong khoa học, nói lên những phẩm chất trong đời sống tinh thần của con người ở từng xã hội nhất định. Nhưng khi thảo luận thấy từ "chuẩn mực" đối với ta chưa thông dụng, dễ gây ra tranh cãi cho nên dùng từ "đức tính" cho dễ hiểu. Mỗi dân tộc có mặt mạnh, mặt yếu; có chuẩn mực trước đây là phù hợp, bây giờ không

phù hợp. Nhưng đó là vấn đề rất phức tạp còn phải nghiên cứu công phu, do đó trong Dự thảo Nghị quyết chỉ nêu những đức tính, tức là tính tốt. Bộ Chính trị đề nghị Trung ương cho giữ lại danh từ "đức tính".

Năm cụm đức tính con người nêu lên trong Dự thảo Nghị quyết vừa có kế thừa những đức tính truyền thống, vừa nhằm đáp ứng những yêu cầu xây dựng con người Việt Nam trong giai đoạn cách mạng mới. Bộ Chính trị đồng ý cố gắng viết sao cho ngắn gọn, dễ hiểu, dễ nhớ.

c) Có đồng chí cho rằng những yêu cầu đặt ra trong đức tính con người Việt Nam quá cao. Bộ Chính trị cho rằng: trong xã hội có chuẩn mực về pháp luật và chuẩn mực về đạo đức. Chuẩn mực về pháp luật bao giờ cũng có tính phổ thông, mọi người phải thi hành, làm sai thì bị cưỡng chế. Chuẩn mực về đạo đức bao giờ cũng cao hơn, mọi người cố gắng đạt tới, ai vi phạm thì bị phê phán. Chuẩn mực đạo đức bao giờ cũng cao hơn để mọi người phấn đấu trở thành công dân tốt (chứ không phải công dân bình thường), nhưng lại không cao quá để mọi người có thể thực hiện được. Trong tinh thần đó, đức tính thứ hai: "đề cao tinh thần tập thể mỗi người vì mọi người, mọi người vì mỗi người" nêu trong Dự thảo sẽ được chỉnh lý cho phù hợp với cách nói và cách nghĩ của người Việt Nam.

4. Về những nhiệm vụ cấp bách đến năm 2000

Nhiều đồng chí tán thành như trong Dự thảo. Có đồng chí đề nghị chỉ nên tập trung vào nhiệm vụ xây dựng đạo đức, lối sống.

Thực ra, tư tưởng, đạo đức và lối sống có mối quan hệ khăng khít. Ví như, chủ nghĩa thực dụng vừa là tư tưởng,

vừa là đạo đức, vừa là lối sống. Trong tư tưởng con người có nhiều loại, nhưng quan trọng nhất là tư tưởng chính trị. Trong khi chúng ta yêu cầu kiên định chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; kiên định định hướng xã hội chủ nghĩa; kiên định sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản; kiên quyết đổi mới đất nước dưới sự lãnh đạo của Đảng, đấu tranh khắc phục sự dao động về chính trị, đấu tranh chống "diễn biến hòa bình" về tư tưởng - văn hóa, "đổi mới" mà không "đổi màu", thực hiện dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh, thì vai trò của tư tưởng rất quan trọng và cấp bách.

Đề nghị Trung ương cho giữ như trong Dự thảo. Đặt trọng tâm nhiệm vụ từ nay tới năm 2000 vào vấn đề tư tưởng, đạo đức, lối sống và đời sống văn hóa vì đó là những mặt đang nổi cộm nhất, chứ không phải đặt mục tiêu đến năm 2000 là phải giải quyết xong các vấn đề đó.

V- VỀ CÁC GIẢI PHÁP LỚN

1. Các đồng chí đều tán thành bốn nhóm giải pháp về phong trào quần chúng, về luật pháp, về nguồn lực và phương tiện và về sự lãnh đạo của Đảng nêu trong Dự thảo Nghị quyết.

Đồng thời nhiều đồng chí đã bổ sung, nhấn mạnh một số giải pháp như trước hết phải làm cho Đảng trong sạch, vững mạnh; chống tham nhũng phải được coi là biện pháp hàng đầu; quan tâm giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lịch sử và văn hóa dân tộc cho thế hệ trẻ, đồng thời phải có chính sách trọng người tài, thu hút trí tuệ, thực hiện công bằng; nhấn mạnh truyền thống gia đình, vai trò cha mẹ, thầy cô

gương mẫu... Bộ Chính trị xin tiếp thụ để sửa vào Nghị quyết. Một số chuẩn mực văn hóa ứng xử trong quan hệ gia đình, làng, ấp, thôn, bản, văn hóa trong đời sống cộng đồng, văn hóa trong lao động, trong kinh doanh... xin để sau này khi tổ chức thực hiện Nghị quyết, các cơ quan có trách nhiệm sẽ đề ra cụ thể.

2. Các đồng chí đều nhấn mạnh đến sự cần thiết phải kết hợp nhiều phong trào hiện có vào trong phong trào "Toàn dân xây dựng đời sống văn hóa". Bộ Chính trị cho rằng: các phong trào quần chúng rất đa dạng, phong phú, phù hợp với từng loại đối tượng, từng đoàn thể, từng giới, từng lứa tuổi... Phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng cuộc sống mới trong khu dân cư" do Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phát động đang có tác dụng lớn, cần được tiếp tục và Bộ Chính trị đề nghị mở rộng, nâng cao cuộc vận động đó với tên gọi mới: "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa". Đề nghị Trung ương giao Bộ Chính trị hướng dẫn và chỉ đạo thực hiện tốt cuộc vận động này.

3. Về sự lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước, có ý kiến cho là không nên có một biên chế chuyên trách công tác tư tưởng - văn hóa ở xã, phường, nhưng lại có ý kiến đồng ý với Dự thảo. Bộ Chính trị đề nghị Trung ương giao cho Ban Cán sự Đảng Chính phủ nghiên cứu và xử lý vấn đề này trong mối tương quan chung về tổ chức và biên chế xã, phường.

4. Về tổ chức thực hiện Nghị quyết, có ý kiến đề nghị nêu trong Nghị quyết việc tổ chức thực hiện với sự phân công rõ ràng trách nhiệm của từng cơ quan, tổ chức. Thí dụ Bộ Chính trị làm gì? Quốc hội và Chính phủ làm gì? Mặt trận và các

đoàn thể nhân dân làm gì? Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương, Bộ Văn hóa - Thông tin làm gì?, v.v..

Bộ Chính trị cho rằng Nghị quyết này nêu định hướng cơ bản có tính chiến lược và những nhiệm vụ, giải pháp lớn, cấp bách. Qua đó, có thể thấy được trách nhiệm của các cơ quan hữu quan. Còn việc chỉ đạo tổ chức thực hiện, Bộ Chính trị sẽ có chỉ thị tiếp theo, trong đó sẽ có những quy định cụ thể như các đồng chí đề nghị.

*
* * *

Trên đây là một số vấn đề chủ yếu trong Dự thảo Nghị quyết Trung ương 5 về xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, Bộ Chính trị xin trình bày để Trung ương cho ý kiến. Còn một số vấn đề chi tiết cụ thể khác, Bộ Chính trị sẽ chỉ đạo việc tiếp thụ những ý kiến hợp lý để tu chỉnh Dự thảo Nghị quyết.

BỘ CHÍNH TRỊ

Đảng Cộng sản Việt Nam:
*Văn kiện Hội nghị lần thứ năm
Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII,
Sđd, tr.18-39.*

KẾT LUẬN
HỘI NGHỊ LẦN THỨ NĂM
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG KHÓA VIII
 Số 01-KL/TW, ngày 16 tháng 7 năm 1998
Về đấu tranh chống các quan điểm sai trái, bảo vệ
Cương lĩnh, Điều lệ và đường lối của Đảng

Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII, hoàn toàn tán thành nội dung báo cáo của Bộ Chính trị về một số quan điểm sai trái trong thời gian gần đây. Ban Chấp hành Trung ương nhấn mạnh thêm một số điểm sau:

1. Xuất phát từ nguyên tắc: đảng viên khi có những ý kiến, quan điểm khác với các quan điểm, đường lối của Đảng, được phép phát biểu trong tổ chức đảng, có quyền bảo lưu ý kiến của mình, nhưng khi ý kiến cá nhân chưa được Đảng chấp nhận thì vẫn phải nói và làm theo Cương lĩnh, Điều lệ, Nghị quyết của Đảng, Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII nghiêm khắc phê phán một số đảng viên gần đây đã vi phạm nguyên tắc đó của Đảng, vi phạm kỷ luật đảng, tự ý tán phát tài liệu và truyền bá rộng rãi các quan điểm trái với Cương lĩnh, Điều lệ và đường lối của Đảng.

2. Ban Chấp hành Trung ương một lần nữa khẳng định tính đúng đắn của Cương lĩnh, Điều lệ, đường lối của Đảng và hoàn toàn bác bỏ những quan điểm trái với Cương lĩnh, Điều lệ, đường lối của Đảng và Hiến pháp của Nhà nước Việt Nam, nhất là những luận điểm: bài bác chủ nghĩa Mác - Lênin, nền tảng tư tưởng của Đảng, cho rằng "giữ vai trò độc tôn của chủ nghĩa Mác - Lênin chỉ đưa tới sự trì trệ về trí tuệ"; phủ nhận định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta, cho rằng định hướng xã hội chủ nghĩa "là thất bại, là ngõ cụt", "kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa, giữa hai cái phải chọn lấy một", "không thể bắt cá hai tay"; bài bác vai trò chủ đạo của kinh tế quốc doanh, coi kinh tế tư nhân là "thành phần kinh tế chủ lực trong nền kinh tế thị trường"; phủ nhận sự lãnh đạo toàn diện của Đảng, cho rằng sự lãnh đạo của Đảng hiện nay là "Đảng trị", là "nguồn gốc của sự lạm quyền, tham nhũng"... phủ nhận nguyên tắc tập trung dân chủ trong Đảng, cho rằng với nguyên tắc ấy thì "nhiều lắm dân chủ chỉ trở thành đồ rỗng", "chỉ có tác dụng trang trí cho sự tập trung quyền lực"...

3. Ban Chấp hành Trung ương không chấp nhận kiến nghị của một số người về hình thức tổ chức "một cuộc thảo luận chính trị lớn". Lâu nay đối với những vấn đề trọng đại của đất nước, Đảng và Nhà nước ta đều tổ chức lấy ý kiến rộng rãi của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội, các lão thành cách mạng, các nhân sĩ trí thức, các tầng lớp nhân dân trong nước và cả người Việt Nam yêu nước sống ở nước ngoài và việc làm này đã được tiến hành thành nền nếp thường xuyên. Đây thật sự là một

hình thức phát huy dân chủ, tập hợp trí tuệ toàn dân giúp Đảng, Nhà nước xây dựng, bổ sung, hoàn thiện đường lối, chính sách về mọi mặt không cần phải có hình thức tổ chức "một cuộc thảo luận chính trị lớn" như một số người đã đề nghị.

Ban Chấp hành Trung ương cũng bác bỏ khuynh hướng tự do dân chủ tư sản, bác bỏ việc kêu gọi tự do ra báo tư nhân và nhà xuất bản tư nhân, "tự do" bầu cử theo kiểu tư sản, trái với Hiến pháp và luật pháp hiện hành, làm tổn hại khối đại đoàn kết dân tộc, gây mất ổn định chính trị và xã hội.

4. Ban Chấp hành Trung ương biểu dương các cơ quan thông tin đại chúng trong thời gian qua đã kiên quyết đấu tranh chống các quan điểm trái với đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước. Đảng yêu cầu báo chí, các tổ chức đảng, các cơ quan nhà nước, các đoàn thể nhân dân nâng cao tính chủ động, tiếp tục đấu tranh kịp thời, sắc bén, chống các quan điểm sai trái, góp phần bảo vệ Đảng, bảo vệ chế độ, bảo vệ Nhà nước xã hội chủ nghĩa, làm thất bại mọi âm mưu "diễn biến hòa bình" của các lực lượng thù địch.

5. Ban Chấp hành Trung ương yêu cầu tổ chức đảng các cấp thực hiện tốt kết luận này cũng như kết luận của Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII về "Bảo vệ nền tảng tư tưởng, Cương lĩnh, đường lối của Đảng, đấu tranh chống các luận điệu sai trái và chống đối của những người cơ hội về chính trị và phản động" và Chỉ thị 25-CT/TW, ngày 25-12-1997 của Bộ Chính trị về việc giữ đúng nguyên tắc trong nói và viết những vấn đề liên

quan đến lịch sử Đảng. Ai cố tình vi phạm sẽ bị xử lý thích đáng.

Kết luận này được phổ biến đến tất cả tổ chức cơ sở đảng.

T/M BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG

TỔNG BÍ THƯ

LÊ KHẢ PHIÊU

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

NGHỊ QUYẾT
HỘI NGHỊ LẦN THỨ NĂM
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG KHÓA VIII
Số 02-NQ/TW, ngày 16 tháng 7 năm 1998

Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII họp từ ngày 6-7 đến ngày 16-7-1998, tại Hà Nội,

QUYẾT NGHỊ:

1. *Giao Bộ Chính trị* căn cứ ý kiến của các đồng chí Ủy viên Trung ương, Báo cáo giải trình của Bộ Chính trị tại Hội nghị và kết quả biểu quyết của Ban Chấp hành Trung ương để chỉnh lý và ban hành chính thức "Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII về xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc".
2. *Giao Bộ Chính trị* tiếp thu ý kiến của các đồng chí Ủy viên Trung ương, ra nghị quyết Bộ Chính trị về tình hình an ninh quốc gia.
3. Thông qua kết luận Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp

hành Trung ương Đảng khóa VIII về đấu tranh chống các quan điểm sai trái, bảo vệ Cương lĩnh, Điều lệ và đường lối của Đảng; *giao Bộ Chính trị* căn cứ vào kết luận đó để có hình thức phổ biến thích hợp đến các tổ chức cơ sở đảng.

T/M BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG
TỔNG BÍ THƯ
LÊ KHẢ PHIÊU

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

NGHỊ QUYẾT
HỘI NGHỊ LẦN THỨ NĂM
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG (KHÓA VIII)
Số 03-NQ/TW, ngày 16 tháng 7 năm 1998
Về xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam
tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc

Văn hóa Việt Nam là thành quả hàng nghìn năm lao động sáng tạo, đấu tranh kiên cường dựng nước và giữ nước của cộng đồng các dân tộc Việt Nam, là kết quả giao lưu và tiếp thụ tinh hoa của nhiều nền văn minh thế giới để không ngừng hoàn thiện mình. Văn hóa Việt Nam đã hun đúc nên tâm hồn, khí phách, bản lĩnh Việt Nam, làm rạng rỡ lịch sử vẻ vang của dân tộc.

Trong thời đại Hồ Chí Minh, với đường lối đúng đắn và sáng tạo của Đảng ta, văn hóa Việt Nam tiếp tục được phát huy, đã góp phần quyết định vào những thắng lợi to lớn của nhân dân ta trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc và xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc vì "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh", là sự

nghiệp xây dựng và sáng tạo to lớn của nhân dân ta, đồng thời là một quá trình cải biến xã hội sâu sắc, đòi hỏi phát huy khả năng và trí tuệ ở mỗi con người Việt Nam. Sự thay đổi cơ cấu kinh tế, kết cấu xã hội, nhu cầu tăng nhanh về văn hóa của các tầng lớp dân cư, quá trình dân chủ hóa, v.v. là những yếu tố làm thay đổi nhiều mặt đời sống văn hóa dân tộc.

Những thành tựu của cách mạng khoa học - công nghệ thế giới cùng với việc mở rộng giao lưu quốc tế là cơ hội để chúng ta tiếp thụ những thành quả trí tuệ của loài người, đồng thời cũng đặt ra những thách thức mới trong việc giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc.

Tình hình đó đòi hỏi Đảng ta có phương hướng chiến lược cùng các nhiệm vụ và giải pháp để lãnh đạo thực hiện thắng lợi nhiệm vụ xây dựng và phát triển nền văn hóa nước ta theo đúng Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội và Nghị quyết Đại hội lần thứ VIII của Đảng.

Phần thứ nhất

VỀ THỰC TRẠNG VĂN HÓA NƯỚC TA

1. Những thành tựu

Tư tưởng, đạo đức và lối sống là những lĩnh vực then chốt của văn hóa, đã có những chuyển biến quan trọng.

Chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh được vận dụng và phát triển sáng tạo ngày càng tỏ rõ giá trị vững

bền làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động của Đảng và của cách mạng nước ta, nhân tố hàng đầu bảo đảm cho đời sống tinh thần xã hội phát triển đúng hướng. Ý thức phấn đấu cho độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, tinh thần trách nhiệm và năng lực tổ chức thực tiễn của cán bộ, đảng viên được nâng lên một bước. Nhiều nét mới trong giá trị văn hóa và chuẩn mực đạo đức từng bước hình thành. Tính năng động và tính tích cực công dân được phát huy, sở trường và năng lực cá nhân được khuyến khích. Không khí dân chủ trong xã hội tăng lên. Thế hệ trẻ tiếp thụ nhanh những kiến thức mới và có ý chí vươn lên lập thân, lập nghiệp, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Những việc làm thiết thực hướng về cội nguồn, về cách mạng và kháng chiến, tưởng nhớ các anh hùng dân tộc, quý trọng các danh nhân văn hóa, đền ơn đáp nghĩa những người có công, giúp đỡ những người hoạn nạn... trở thành phong trào quần chúng. Tự do tín ngưỡng và không tín ngưỡng được tôn trọng.

Sự nghiệp *giáo dục, khoa học* thu được những thành tựu quan trọng, góp phần nâng cao dân trí, trình độ học vấn của nhân dân, làm tăng thêm sức mạnh nội sinh.

Trên lĩnh vực *văn học, nghệ thuật*, các hoạt động sáng tạo có bước phát triển mới. Nhiều bộ môn nghệ thuật truyền thống được gìn giữ. Có thêm nhiều tác phẩm có giá trị về đề tài cách mạng và kháng chiến, về công cuộc đổi mới. Nhiều bộ sưu tập công phu từ kho tàng văn hoá dân gian và văn hóa bác học Việt Nam trong nhiều thế kỷ được xuất bản, tạo cơ sở cho việc nghiên cứu, bảo tồn và phát huy những giá trị tư tưởng, học thuật và thẩm mỹ của dân tộc. Hoạt động lý

luận, phê bình đã đạt được những kết quả tích cực, khẳng định mạnh mẽ văn nghệ cách mạng và kháng chiến, đẩy lùi một bước những quan điểm sai trái.

Số đông văn nghệ sĩ được rèn luyện và thử thách trong thực tiễn cách mạng, có vốn sống, giàu lòng yêu nước; trước những biến động của thời cuộc và những khó khăn của đời sống vẫn giữ gìn được phẩm chất, kiên định quan điểm sáng tác phục vụ nhân dân, làm sứ mệnh người nghệ sĩ - chiến sĩ. Nhiều văn nghệ sĩ tuy tuổi cao, vẫn tiếp tục sự nghiệp sáng tạo, lớp trẻ có nhiều cố gắng tìm tòi cái mới.

Văn học, nghệ thuật các dân tộc thiểu số có bước tiến đáng kể. Đội ngũ những nhà văn hóa người dân tộc thiểu số phát triển cả về số lượng, chất lượng, đã có những đóng góp quan trọng vào hầu hết các lĩnh vực văn học, nghệ thuật.

Thông tin đại chúng phát triển nhanh về số lượng và quy mô, về nội dung và hình thức, về in, phát hành, truyền dẫn, ngày càng phát huy vai trò quan trọng trong đời sống văn hóa tinh thần của xã hội. Hệ thống mạng thông tin trong nước và quốc tế được thiết lập, tạo khả năng lựa chọn, khai thác các nguồn thông tin bổ ích phục vụ đông đảo công chúng. Đội ngũ các nhà báo ngày càng đông và có bước trưởng thành về chính trị, tư tưởng và nghiệp vụ.

Giao lưu văn hóa với nước ngoài từng bước được mở rộng. Chúng ta có dịp tiếp xúc rộng rãi với những thành tựu văn hóa nhân loại, đồng thời giới thiệu với nhân dân các nước những giá trị tốt đẹp, độc đáo của văn hóa Việt Nam.

Hệ thống *thể chế văn hóa* được xây dựng tuy chưa hoàn chỉnh, nhưng về căn bản bảo đảm được sự lãnh đạo của Đảng và sự quản lý của Nhà nước. Thể chế văn hóa mới khuyến

khích nhân dân lao động tham gia sự nghiệp xây dựng văn hóa trên cả hai mặt sáng tạo và hưởng thụ; giúp đội ngũ văn nghệ sĩ chuyên nghiệp làm tốt vai trò nòng cốt trong việc sáng tạo các giá trị văn hóa mới; tạo điều kiện thực hiện tốt nhiệm vụ giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc kết hợp với tiếp thụ tinh hoa văn hóa thế giới.

Đảng và Nhà nước đã quan tâm tăng cường bộ máy tổ chức, ban hành những văn bản pháp luật nhằm điều chỉnh hoạt động của ngành văn hóa.

Một bộ phận quan trọng thiết chế văn hóa (nhà văn hóa, câu lạc bộ, bảo tàng, thư viện, cửa hàng sách báo, khu vui chơi giải trí...), gần đây đã có những phương thức hoạt động mới có hiệu quả.

2. Những mặt yếu kém

Nổi lên trước hết ở nhận thức tư tưởng, trong đạo đức và lối sống.

Trước những biến động chính trị phức tạp trên thế giới, một số người dao động, hoài nghi về con đường xã hội chủ nghĩa, phủ nhận thành quả của chủ nghĩa xã hội hiện thực trên thế giới, phủ nhận con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta; phủ nhận lịch sử cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng. Không ít người còn mơ hồ, bàng quan hoặc mất cảnh giác trước những luận điệu thù địch xuyên tạc, bôi nhọ chế độ ta.

Tệ sùng bái nước ngoài, coi thường những giá trị văn hóa dân tộc, chạy theo lối sống thực dụng, cá nhân vị kỷ... đang gây hại đến thuần phong mỹ tục của dân tộc. Không ít trường hợp vì đồng tiền và danh vị mà chà đạp lên tình nghĩa

gia đình, quan hệ thầy trò, đồng chí, đồng nghiệp. Buôn lậu và tham nhũng phát triển. Ma túy, mại dâm và các tệ nạn xã hội khác gia tăng. Nạn mê tín dị đoan khá phổ biến. Nhiều hủ tục cũ và mối lan tràn, nhất là trong việc cưới, việc tang, lễ hội...

Nghiêm trọng hơn là sự suy thoái về đạo đức, lối sống ở một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên, trong đó có cả cán bộ có chức, có quyền. Nạn tham nhũng, dùng tiền của Nhà nước tiêu xài phung phí, ăn chơi sa đọa không được ngăn chặn có hiệu quả. Hiện tượng quan liêu, cửa quyền, sách nhiễu nhân dân, kèn cựa địa vị, cục bộ, địa phương, bè phái, mất đoàn kết khá phổ biến. Những tệ nạn đó gây sự bất bình của nhân dân, làm tổn thương uy tín của Đảng, của Nhà nước.

Nhiều biểu hiện tiêu cực trong lĩnh vực *giáo dục, đào tạo* làm cho xã hội lo lắng như sự suy thoái đạo lý trong quan hệ thầy trò, bè bạn, môi trường sư phạm xuống cấp; lối sống thiếu lý tưởng, hoài bão, ăn chơi, nghiện ma túy... ở một bộ phận học sinh, sinh viên; việc coi nhẹ giáo dục đạo đức, thẩm mỹ và các bộ môn chính trị, khoa học xã hội và nhân văn.

Đời sống *văn học, nghệ thuật* còn những mặt bất cập. Rất ít tác phẩm đạt đỉnh cao tương xứng với sự nghiệp cách mạng và kháng chiến vĩ đại của dân tộc và thành quả của đổi mới. Trong sáng tác và lý luận, phê bình, có lúc đã nảy sinh khuynh hướng phủ nhận thành tựu văn học cách mạng và kháng chiến, đối lập văn nghệ với chính trị, nhìn xã hội với thái độ bi quan. Một vài tác phẩm viết về kháng chiến đã không phân biệt chiến tranh chính nghĩa với chiến tranh phi nghĩa. Xu hướng "thương mại hóa", chiều theo những thị

hiếu thấp kém, làm cho chức năng giáo dục tư tưởng và thẩm mỹ của văn học, nghệ thuật bị suy giảm.

Nghị quyết 04 của Trung ương (khóa VII) về văn hóa - văn nghệ được đại bộ phận văn nghệ sĩ đồng tình. Một số có nhận thức lệch lạc đã trở lại với cái đúng; các khuynh hướng xấu từng bước bị đẩy lùi. Tuy vậy, một số quan điểm sai trái vẫn xuất hiện. Các loại văn hóa phẩm độc hại vẫn còn xâm nhập vào xã hội và các gia đình. Nhiều cơ sở in, quảng cáo, quán ăn, khách sạn, sàn nhảy mở tràn lan, chạy theo đồng tiền, hoạt động tùy tiện, không tuân thủ những quy định của pháp luật; các cơ quan quản lý nhà nước không có biện pháp hữu hiệu để xử lý.

Tiềm lực đội ngũ sáng tác, nghiên cứu, lý luận, phê bình về văn học, nghệ thuật còn yếu. Nhà nước chậm ban hành các chính sách để phát huy những năng lực hiện có. Một số ngành nghệ thuật như điện ảnh, sân khấu, đặc biệt là sân khấu truyền thống gặp rất nhiều khó khăn. Việc giáo dục thẩm mỹ, giáo dục thị hiếu nghệ thuật cho thanh niên, thiếu niên, nhi đồng, học sinh chưa được coi trọng.

Lãnh đạo quản lý trong xuất bản văn học, nghệ thuật còn nhiều sơ hở. Thiếu sự đầu tư trọng điểm và lâu dài cho sự ra đời những tác phẩm lớn, cho việc giữ gìn và phát triển những ngành nghệ thuật truyền thống.

Về *thông tin đại chúng*, còn nhiều sản phẩm chất lượng thấp, chưa kịp thời phát hiện và lý giải những vấn đề lớn do cuộc sống đặt ra. Báo chí chưa biểu dương đúng mức những điển hình tiên tiến trên các lĩnh vực, cũng như thiếu sự phê phán kịp thời những việc làm trái với đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước và đạo đức xã hội. Không ít trường

hợp thông tin thiếu chính xác, làm lộ bí mật quốc gia. Khuynh hướng "thương mại hóa", lạm dụng quảng cáo để thu lợi còn khá phổ biến. Một số ít nhà báo đã vi phạm đạo đức nghề nghiệp, thông tin thiếu trung thực, gây tác động xấu đến dư luận xã hội, nhưng chưa được xử lý kịp thời theo pháp luật.

Giao lưu văn hóa với nước ngoài chưa tích cực và chủ động, còn nhiều sơ hở. Số văn hóa phẩm độc hại, phản động xâm nhập vào nước ta còn quá lớn, trong khi đó, số tác phẩm văn hóa có giá trị của ta đưa ra bên ngoài còn quá ít.

Lực lượng hoạt động văn hóa - văn nghệ trong cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài hiện nay không nhỏ, đã có những công trình nghiên cứu, tác phẩm văn học, nghệ thuật tốt hướng về Tổ quốc. Song chúng ta còn thiếu những biện pháp tích cực giúp đồng bào tìm hiểu sâu văn hóa dân tộc, liên hệ mật thiết với quê nhà, góp phần đấu tranh với những hoạt động chống phá đối với Tổ quốc.

Việc xây dựng *thể chế văn hóa* còn chậm và nhiều thiếu sót. Chính sách xã hội hóa các hoạt động văn hóa chậm được ban hành. Bộ máy tổ chức ngành văn hóa chưa được sắp xếp hợp lý để phát huy cao hơn hiệu lực lãnh đạo và quản lý.

Công tác đào tạo đội ngũ cán bộ lãnh đạo và quản lý văn hóa chưa đáp ứng yêu cầu, còn hẫng hụt cán bộ văn hóa ở các vị trí quan trọng.

Chính sách khuyến khích và định hướng đầu tư xã hội cho phát triển văn hóa còn chưa rõ. Hệ thống các thiết chế văn hóa cần thiết nói chung bị xuống cấp và sử dụng kém hiệu quả.

Ở nhiều vùng nông thôn, nhất là vùng sâu, vùng xa,

vùng đồng bào các dân tộc thiểu số, vùng căn cứ cách mạng, kháng chiến trước đây, đời sống văn hóa còn quá nghèo nàn.

3. Những nguyên nhân chủ yếu

Những *thành tựu* trong sự nghiệp xây dựng văn hóa một mặt chứng tỏ đường lối và các chính sách của Đảng và Nhà nước ta đã và đang phát huy tác dụng tích cực, định hướng đúng đắn cho sự phát triển đời sống văn hóa, xã hội; mặt khác đó là kết quả của sự tham gia tích cực của nhân dân và những nỗ lực to lớn của các lực lượng hoạt động trên lĩnh vực văn hóa.

Tuy nhiên những mặt chưa được còn nhiều, thậm chí có mặt nghiêm trọng, nhất là trong lĩnh vực tư tưởng, đạo đức và lối sống. Nguyên nhân của tình trạng yếu kém đó là:

Về khách quan:

- Sự sụp đổ ở Liên Xô cũ và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu đã gây xáo động lớn về tư tưởng, tình cảm trong cán bộ, đảng viên và nhân dân.

- Các thế lực thù địch ráo riết chống phá ta trên mặt trận tư tưởng, văn hóa nhằm thực hiện "diễn biến hòa bình".

- Cơ chế thị trường và sự hội nhập quốc tế, bên cạnh những tác động tích cực to lớn, cũng đã bộc lộ mặt trái của nó, ảnh hưởng tiêu cực đến ý thức tư tưởng, đạo đức, lối sống của nhân dân ta.

- Nước ta còn nghèo, nhu cầu văn hóa của nhân dân rất lớn nhưng khả năng đáp ứng còn hạn chế do thiếu những điều kiện và phương tiện vật chất cần thiết.

Về chủ quan:

- Trong khi tập trung sức vào nhiệm vụ kinh tế, Đảng chưa lường hết những tác động tiêu cực nói trên, từ đó chưa

đặt đúng vị trí của văn hóa, chưa coi trọng công tác giáo dục về tư tưởng, đạo đức và lối sống, thiếu các biện pháp cần thiết trên cả hai mặt "xây" và "chống" trên lĩnh vực văn hóa. Công tác nghiên cứu lý luận chưa làm rõ nhiều vấn đề có liên quan đến văn hóa trong quá trình đổi mới, trong việc xác định những giá trị truyền thống cũng như hệ giá trị mới cần xây dựng, trong việc xử lý các mối quan hệ giữa truyền thống và hiện đại, dân tộc và quốc tế, văn hóa và chính trị, văn hóa và kinh tế... Chưa xây dựng được chiến lược phát triển văn hóa song song với chiến lược phát triển kinh tế.

- Việc xử lý những phần tử thoái hóa biến chất trong Đảng và bộ máy nhà nước chưa nghiêm. Tinh thần tự phê bình và phê bình sa sút ở nhiều cấp bộ đảng. Nội dung giáo dục tư tưởng, chính trị trong sinh hoạt đảng và các đoàn thể rất yếu. Những điều đó làm suy giảm niềm tin của nhân dân vào đội ngũ cán bộ, nhưng Trung ương và Bộ Chính trị, Chính phủ chưa có những biện pháp khắc phục hữu hiệu.

- Trong lãnh đạo và quản lý có những biểu hiện buông lỏng, né tránh, hữu khuynh. Trong hoạt động kinh tế, chưa chú ý đến các yếu tố văn hóa, các yêu cầu phát triển văn hóa tương ứng. Mức đầu tư ngân sách cho văn hóa còn thấp. Chính sách đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng, đãi ngộ cán bộ làm công tác văn hóa còn nhiều bất hợp lý. Những lệch lạc và việc làm sai trái trong văn hóa - văn nghệ chưa được kịp thời phát hiện, việc xử lý bị buông trôi hoặc có khi lại dùng những biện pháp hành chính không thích hợp.

- Chưa có cơ chế và chính sách phát huy nội lực của nhân dân; chưa tạo được phong trào quần chúng mạnh mẽ tham gia phát triển văn hóa, xây dựng nếp sống văn minh, bảo vệ

văn hóa dân tộc. Chưa coi trọng bồi dưỡng, giáo dục và phát huy khả năng của tuổi trẻ là lực lượng chính, là đối tượng chủ yếu của hoạt động văn hóa.

Phần thứ hai

**PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ XÂY DỰNG
VÀ PHÁT TRIỂN VĂN HÓA**

I- PHƯƠNG HƯỚNG

Phương hướng chung của sự nghiệp văn hóa nước ta là phát huy chủ nghĩa yêu nước và truyền thống đại đoàn kết dân tộc, ý thức độc lập tự chủ, tự cường xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, tiếp thụ tinh hoa văn hóa nhân loại, làm cho văn hóa thấm sâu vào toàn bộ đời sống và hoạt động xã hội, vào từng người, từng gia đình, từng tập thể và cộng đồng, từng địa bàn dân cư, vào mọi lĩnh vực sinh hoạt và quan hệ con người, tạo ra trên đất nước ta đời sống tinh thần cao đẹp, trình độ dân trí cao, khoa học phát triển, phục vụ đắc lực sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh, tiến bước vững chắc lên chủ nghĩa xã hội.

Những quan điểm chỉ đạo cơ bản:

1. Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội

Chăm lo văn hóa là chăm lo củng cố nền tảng tinh thần

của xã hội. Thiếu nền tảng tinh thần tiến bộ và lành mạnh, không quan tâm giải quyết tốt mối quan hệ giữa phát triển kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội thì không thể có sự phát triển kinh tế - xã hội bền vững.

Xây dựng và phát triển kinh tế phải nhằm mục tiêu văn hóa, vì xã hội công bằng, văn minh, con người phát triển toàn diện. Văn hóa là kết quả của kinh tế đồng thời là động lực của sự phát triển kinh tế. Các nhân tố văn hóa phải gắn kết chặt chẽ với đời sống và hoạt động xã hội trên mọi phương diện chính trị, kinh tế, xã hội, luật pháp, kỷ cương,... biến thành nguồn lực nội sinh quan trọng nhất của phát triển.

2. Nền văn hóa mà chúng ta xây dựng là nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc

Tiên tiến là yêu nước và tiến bộ mà nội dung cốt lõi là lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội theo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, nhằm mục tiêu tất cả vì con người, vì hạnh phúc và sự phát triển phong phú, tự do, toàn diện của con người trong mối quan hệ hài hòa giữa cá nhân và cộng đồng, giữa xã hội và tự nhiên. *Tiên tiến* không chỉ về nội dung tư tưởng mà cả trong hình thức biểu hiện, trong các phương tiện chuyển tải nội dung.

Bản sắc dân tộc bao gồm những giá trị bền vững, những tinh hoa của cộng đồng các dân tộc Việt Nam được vun đắp nên qua lịch sử hàng ngàn năm đấu tranh dựng nước và giữ nước. Đó là lòng yêu nước nồng nàn, ý chí tự cường dân tộc, tinh thần đoàn kết, ý thức cộng đồng gắn kết cá nhân - gia đình - làng xã - Tổ quốc; lòng nhân ái, khoan dung, trọng nghĩa tình, đạo lý; đức tính cần cù, sáng tạo trong lao động;

sự tinh tế trong ứng xử, tính giản dị trong lối sống... Bản sắc văn hóa dân tộc còn đậm nét cả trong các hình thức biểu hiện mang tính dân tộc độc đáo.

Bảo vệ bản sắc dân tộc phải gắn kết với mở rộng giao lưu quốc tế, tiếp thụ có chọn lọc những cái hay, cái tiến bộ trong văn hóa các dân tộc khác. Giữ gìn bản sắc dân tộc phải đi liền với chống lạc hậu, lỗi thời trong phong tục, tập quán, lễ thói cũ.

3. Nền văn hóa Việt Nam là nền văn hóa thống nhất mà đa dạng trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam

Hơn 50 dân tộc sống trên đất nước ta đều có những giá trị và sắc thái văn hóa riêng. Các giá trị và sắc thái đó bổ sung cho nhau, làm phong phú nền văn hóa Việt Nam và củng cố sự thống nhất dân tộc là cơ sở để giữ vững sự bình đẳng và phát huy tính đa dạng văn hóa của các dân tộc anh em.

4. Xây dựng và phát triển văn hóa là sự nghiệp của toàn dân do Đảng lãnh đạo, trong đó đội ngũ trí thức giữ vai trò quan trọng

Mọi người Việt Nam phấn đấu vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh đều tham gia sự nghiệp xây dựng và phát triển nền văn hóa nước nhà. Công nhân, nông dân, trí thức là nền tảng khối đại đoàn kết toàn dân, cũng là nền tảng của sự nghiệp xây dựng và phát triển văn hóa dưới sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước. Đội ngũ trí thức gắn bó với nhân dân giữ vai trò quan trọng trong sự nghiệp xây dựng và phát triển văn hóa.

5. Văn hóa là một mặt trận; xây dựng và phát triển văn hóa là một sự nghiệp cách mạng lâu dài, đòi hỏi phải có ý chí cách mạng và sự kiên trì, thận trọng

Bảo tồn và phát huy những di sản văn hóa tốt đẹp của dân tộc, sáng tạo nên những giá trị văn hóa mới, xã hội chủ nghĩa, làm cho những giá trị ấy thấm sâu vào cuộc sống toàn xã hội và mỗi con người, trở thành tâm lý và tập quán tiến bộ, văn minh là một quá trình cách mạng đầy khó khăn, phức tạp, đòi hỏi nhiều thời gian. Trong công cuộc đó, "xây" đi đôi với "chống", lấy "xây" làm chính. Cùng với việc giữ gìn và phát triển những di sản văn hóa quý báu của dân tộc, tiếp thụ những tinh hoa văn hóa thế giới, sáng tạo, vun đắp nên những giá trị mới, phải tiến hành kiên trì cuộc đấu tranh bài trừ các hủ tục, các thói hư tật xấu, nâng cao tính chiến đấu, chống mọi mưu toan lợi dụng văn hóa để thực hiện "diễn biến hòa bình".

II- NHỮNG NHIỆM VỤ CỤ THỂ

1. Xây dựng con người Việt Nam trong giai đoạn cách mạng mới với những đức tính sau

- Có tinh thần yêu nước, tự cường dân tộc, phấn đấu vì độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, có ý chí vươn lên đưa đất nước thoát khỏi nghèo nàn lạc hậu, đoàn kết với nhân dân thế giới trong sự nghiệp đấu tranh vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.
- Có ý thức tập thể, đoàn kết, phấn đấu vì lợi ích chung.
- Có lối sống lành mạnh, nếp sống văn minh, cần kiệm,

trung thực, nhân nghĩa, tôn trọng kỷ cương phép nước, quy ước của cộng đồng; có ý thức bảo vệ và cải thiện môi trường sinh thái.

- Lao động chăm chỉ với lương tâm nghề nghiệp, có kỹ thuật, sáng tạo, năng suất cao vì lợi ích của bản thân, gia đình, tập thể và xã hội.

- Thường xuyên học tập, nâng cao hiểu biết, trình độ chuyên môn, trình độ thẩm mỹ và thể lực.

2. Xây dựng môi trường văn hóa

Tạo ra ở các đơn vị cơ sở (gia đình, làng, bản, xã, phường, khu tập thể, cơ quan, xí nghiệp, nông trường, lâm trường, trường học, đơn vị bộ đội...), các vùng dân cư (đô thị, nông thôn, miền núi...) đời sống văn hóa lành mạnh, đáp ứng những nhu cầu văn hóa đa dạng và không ngừng tăng lên của các tầng lớp nhân dân.

Gìn giữ và phát huy những đạo lý tốt đẹp của gia đình Việt Nam. nêu cao vai trò gương mẫu của các bậc cha mẹ. coi trọng xây dựng gia đình văn hóa. Xây dựng mối quan hệ khăng khít giữa gia đình, nhà trường và xã hội.

Đẩy mạnh phong trào xây dựng làng, ấp, xã, phường văn hóa, nâng cao tính tự quản của cộng đồng dân cư trong công cuộc xây dựng nếp sống văn minh.

Thu hẹp dần khoảng cách đời sống văn hóa giữa các trung tâm đô thị và nông thôn, giữa những vùng kinh tế phát triển với các vùng sâu, vùng xa, vùng núi, biên giới, hải đảo, giữa các tầng lớp nhân dân.

Phát triển và không ngừng nâng cao chất lượng hoạt

động của các thiết chế văn hóa ở cơ sở; đầu tư xây dựng một số công trình văn hóa trọng điểm tầm quốc gia. Tăng cường hoạt động của các tổ chức văn hóa, nghệ thuật chuyên nghiệp, phát triển phong trào quần chúng hoạt động văn hóa, nghệ thuật.

3. Phát triển sự nghiệp văn học - nghệ thuật

Phấn đấu sáng tạo nhiều tác phẩm văn học - nghệ thuật có giá trị tư tưởng và nghệ thuật cao, thấm nhuần tinh thần nhân văn, dân chủ, có tác dụng sâu sắc xây dựng con người.

Khuyến khích tìm tòi, thử nghiệm mọi phương pháp, mọi phong cách sáng tác vì mục đích đáp ứng đời sống tinh thần lành mạnh, bổ ích cho công chúng. Bài trừ các khuynh hướng sáng tác suy đồi, phi nhân tính.

Hướng văn nghệ nước ta phản ánh hiện thực sinh động, chân thật và sâu sắc sự nghiệp của nhân dân trong cách mạng và kháng chiến, trong xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc cũng như tái hiện lịch sử kiên cường, bất khuất của dân tộc. Đặc biệt khuyến khích các tác phẩm về công cuộc đổi mới thể hiện nổi bật những nhân tố tích cực trong xã hội, những nhân vật tiêu biểu của thời đại. Cổ vũ cái đúng, cái tốt, cái đẹp trong quan hệ giữa con người với con người, giữa con người với xã hội, với thiên nhiên; phê phán những thói hư tật xấu, lên án cái ác, cái thấp hèn. Sáng tạo nhiều tác phẩm văn học - nghệ thuật cho thiếu niên, nhi đồng với hình thức, nội dung thích hợp; nghiêm cấm xuất bản loại sách kích thích bạo lực ở trẻ em.

Phát huy vai trò thẩm định tác phẩm, hướng dẫn dư luận

xã hội phê bình văn học, nghệ thuật. Bảo đảm tự do sáng tác đi đôi với nêu cao trách nhiệm công dân, trách nhiệm xã hội của văn nghệ sĩ, các nhà văn hóa. Nâng cao chất lượng, phát huy tác dụng của nghiên cứu, lý luận.

Tiếp tục đấu tranh chống các khuynh hướng trái với đường lối văn nghệ của Đảng.

Không ngừng nâng cao thị hiếu thẩm mỹ và trình độ thưởng thức nghệ thuật của công chúng, đặc biệt quan tâm tầng lớp thanh niên, thiếu niên, nhi đồng. Tạo điều kiện để nhân dân tham gia tích cực sáng tạo và phê bình, được hưởng thụ ngày càng nhiều tác phẩm văn nghệ có giá trị trong nước và ngoài nước.

Chăm sóc đời sống vật chất, tinh thần, tạo điều kiện làm việc thuận lợi cho văn nghệ sĩ. Chú trọng bồi dưỡng, đào tạo lớp văn nghệ sĩ trẻ. Làm tốt công tác bảo vệ bản quyền tác giả.

Liên hiệp văn học nghệ thuật Việt Nam (bao gồm các hội sáng tạo văn học, nghệ thuật ở trung ương) và các hội văn nghệ ở các tỉnh, thành phố là những tổ chức chính trị - xã hội nghề nghiệp do Đảng lãnh đạo có bộ máy chuyên trách gọn nhẹ, có sự tài trợ của Nhà nước về kinh phí.

4. Bảo tồn và phát huy các di sản văn hóa

Di sản văn hóa là tài sản vô giá, gắn kết cộng đồng dân tộc, là cốt lõi của bản sắc dân tộc, cơ sở để sáng tạo những giá trị mới và giao lưu văn hóa. Hết sức coi trọng bảo tồn, kế thừa, phát huy những giá trị văn hóa truyền thống (bác học và dân gian), văn hóa cách mạng, bao gồm cả văn hóa vật thể và phi vật thể.

Nghiên cứu và giáo dục sâu rộng những đạo lý dân tộc tốt đẹp do cha ông để lại.

5. Phát triển sự nghiệp giáo dục - đào tạo và khoa học - công nghệ

Đẩy mạnh việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 2 (khóa VIII) về giáo dục - đào tạo và khoa học - công nghệ. Coi trọng giáo dục đạo lý làm người, ý thức trách nhiệm, nghĩa vụ công dân, lòng yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, đạo đức, lối sống, nếp sống văn hóa, lịch sử dân tộc và bản sắc dân tộc, ý chí vươn lên vì tương lai của mỗi người và tiền đồ của đất nước; bồi dưỡng ý thức và năng lực phát huy giá trị văn hóa dân tộc, tiếp thụ tinh hoa văn hóa nhân loại.

Bồi dưỡng, xây dựng đội ngũ giảng viên và tu chỉnh hệ thống sách giáo khoa, nâng cao chất lượng giảng dạy các bộ môn ngữ văn, lịch sử, chính trị, pháp luật, đạo đức; giảng dạy nhạc và họa ở các trường phổ thông.

Hoạt động khoa học xã hội - nhân văn, khoa học tự nhiên và công nghệ phải góp phần đắc lực giải quyết các vấn đề đặt ra trên lĩnh vực văn hóa, thúc đẩy các hoạt động văn hóa, thông tin, văn học - nghệ thuật.

6. Phát triển đi đôi với quản lý tốt hệ thống thông tin đại chúng

Củng cố, xây dựng, phát triển, từng bước hiện đại hóa hệ thống thông tin đại chúng.

Sắp xếp lại và quy hoạch hợp lý hệ thống truyền hình, phát thanh, thông tấn, báo chí, xuất bản, thông tin mạng

nhằm tăng hiệu quả thông tin, tránh lãng phí; phối hợp hoạt động của các loại hình thông tin, báo chí, giữa thông tin, báo chí với các lĩnh vực văn hóa - nghệ thuật.

Xây dựng và từng bước thực hiện chiến lược truyền thông quốc gia phù hợp đặc điểm nước ta và xu thế phát triển thông tin đại chúng của thế giới.

Đẩy mạnh thông tin đối ngoại. Tận dụng thành tựu của mạng internet để giới thiệu công cuộc đổi mới và văn hóa Việt Nam với thế giới, đồng thời có biện pháp hiệu quả ngăn chặn, hạn chế tác dụng tiêu cực qua mạng internet cũng như qua các phương tiện thông tin khác.

Không ngừng nâng cao trình độ chính trị và nghề nghiệp, chất lượng tư tưởng, văn hóa của hệ thống truyền thông đại chúng. Khắc phục xu hướng thương mại hóa trong hoạt động báo chí, xuất bản.

Chăm lo đặc biệt về định hướng chính trị - tư tưởng, văn hóa, cũng như về kỹ thuật hiện đại đối với truyền hình là loại hình báo chí có ưu thế lớn, có sức thu hút công chúng đông đảo.

7. Bảo tồn, phát huy và phát triển văn hóa các dân tộc thiểu số

Coi trọng và bảo tồn, phát huy những giá trị truyền thống và xây dựng, phát triển những giá trị mới về văn hóa, văn học, nghệ thuật của các dân tộc thiểu số.

Bảo tồn và phát triển ngôn ngữ, chữ viết của các dân tộc. Đi đôi với việc sử dụng ngôn ngữ, chữ viết phổ thông, khuyến khích thế hệ trẻ thuộc đồng bào các dân tộc thiểu số học tập, hiểu biết và sử dụng thành thạo tiếng nói, chữ viết của dân

tộc mình. Phát hiện, bồi dưỡng, tổ chức lực lượng sáng tác, sưu tầm, nghiên cứu văn hóa, văn học, nghệ thuật là người dân tộc thiểu số.

Ưu tiên tài trợ cho các tác giả dân tộc thiểu số có tài năng sáng tạo các tác phẩm về đề tài dân tộc và miền núi. Đào tạo đội ngũ trí thức thuộc đồng bào các dân tộc thiểu số và tạo điều kiện để trí thức, cán bộ dân tộc thiểu số trở về phục vụ quê hương. Phát huy tài năng các nghệ nhân.

Đầu tư và tổ chức điều tra, sưu tầm, nghiên cứu, phổ biến các giá trị văn hóa, văn học - nghệ thuật các dân tộc thiểu số.

Xây dựng nếp sống văn minh, gia đình văn hóa, mở rộng mạng lưới thông tin ở vùng dân tộc thiểu số.

Thực hiện tốt chính sách phát triển kinh tế - xã hội ở vùng dân tộc thiểu số, sớm giảm tỷ lệ hộ đói nghèo, ổn định và cải thiện đời sống, xóa mù chữ, nâng cao dân trí, xóa bỏ hủ tục.

8. Chính sách văn hóa đối với tôn giáo

Tôn trọng tự do tín ngưỡng và không tín ngưỡng của dân, bảo đảm cho các tôn giáo hoạt động bình thường trên cơ sở tôn trọng pháp luật, nghiêm cấm xâm phạm tự do tín ngưỡng và không tín ngưỡng. Thực hiện nhất quán chính sách đại đoàn kết dân tộc.

Khuyến khích ý tưởng công bằng, bác ái, hướng thiện... trong tôn giáo, đồng thời tuyên truyền giáo dục khắc phục tệ mê tín dị đoan; chống việc lợi dụng tôn giáo, tín ngưỡng thực hiện ý đồ chính trị xấu.

Chăm lo phát triển kinh tế - xã hội, giúp đỡ đồng bào

theo đạo xóa đói giảm nghèo, nâng cao dân trí, chăm sóc sức khỏe, xây dựng môi trường văn hóa, thực hiện tốt trách nhiệm công dân đối với Tổ quốc.

9. Mở rộng hợp tác quốc tế về văn hóa

Làm tốt việc giới thiệu văn hóa, đất nước và con người Việt Nam với thế giới; tiếp thụ có chọn lọc các giá trị nhân văn, khoa học, tiến bộ của nước ngoài. Phổ biến những kinh nghiệm tốt xây dựng và phát triển văn hóa của các nước. Ngăn ngừa sự xâm nhập các sản phẩm văn hóa phản động, đồi trụy.

Giúp đỡ cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài hiểu biết tình hình nước nhà, thu nhận thông tin và sản phẩm văn hóa từ trong nước ra, nêu cao lòng yêu nước, tự tôn dân tộc, giữ gìn truyền thống, bản sắc dân tộc, phát huy trí tuệ, tài năng sáng tạo, đóng góp vào công cuộc xây dựng đất nước.

10. Củng cố, xây dựng và hoàn thiện thể chế văn hóa

- Củng cố, hoàn thiện thể chế văn hóa bảo đảm tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, sự quản lý có hiệu quả của Nhà nước, vai trò làm chủ của nhân dân và lực lượng những người hoạt động văn hóa, tạo nhiều sản phẩm và sinh hoạt văn hóa phong phú, đa dạng, theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

- Nâng cao chất lượng hoạt động của các thiết chế văn hóa hiện có, sắp xếp hợp lý các cơ quan hành chính, các đơn vị sự nghiệp và kinh doanh, nâng cấp các đơn vị văn hóa - nghệ thuật trọng điểm, tạo chất lượng mới cho toàn ngành.

- Thực hiện khẩu hiệu "Nhà nước và nhân dân cùng làm văn hóa", hình thành các hình thức sáng tạo và tham gia hoạt động văn hóa của các tập thể, cá nhân trong khuôn khổ luật pháp và chính sách. Khuyến khích các hình thức bảo trợ văn hóa.

- Xây dựng các thiết chế văn hóa ở cơ sở.

- Hoàn chỉnh các văn bản luật pháp về văn hóa, nghệ thuật, thông tin trong điều kiện của cơ chế thị trường; ban hành các chính sách khuyến khích sáng tạo văn hóa và nâng mức đáp ứng nhu cầu hưởng thụ văn hóa của nhân dân.

III. NHỮNG NHIỆM VỤ CẤP BÁCH ĐẾN NĂM 2000

Từ nay đến năm 2000, đặt trọng tâm vào nhiệm vụ *xây dựng tư tưởng, đạo đức, lối sống và đời sống văn hóa lành mạnh* trong xã hội, trước hết trong các tổ chức đảng và nhà nước, trong các đoàn thể quần chúng và trong từng gia đình.

Kiên quyết loại bỏ những phần tử thoái hóa biến chất về đạo đức ra khỏi tổ chức đảng và cơ quan nhà nước. Nghiêm trị bọn tội phạm. Ngăn chặn và đẩy lùi các hoạt động phản văn hóa, các sản phẩm văn hóa độc hại.

Xây dựng nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội, đẩy lùi hủ tục, các tệ nạn cờ bạc, ma túy, mại dâm, bạo lực, gây rối trật tự công cộng.

Cải thiện đời sống văn hóa ở những vùng đời sống văn hóa còn quá thấp kém, nhất là những vùng sâu, vùng xa, vùng núi, biên giới, hải đảo, vùng đồng bào các dân tộc thiểu số, đáp ứng nhu cầu thiết yếu nhất về đời sống văn hóa tinh thần của nhân dân.

*Phần thứ ba***NHỮNG GIẢI PHÁP LỚN XÂY DỰNG
VÀ PHÁT TRIỂN VĂN HÓA****I- MỞ CUỘC VẬN ĐỘNG GIÁO DỤC CHỦ NGHĨA YÊU NƯỚC
GẮN VỚI THI ĐUA YÊU NƯỚC VÀ PHONG TRÀO "TOÀN DÂN
ĐOÀN KẾT XÂY DỰNG ĐỜI SỐNG VĂN HÓA"**

- Bằng nhiều hình thức phong phú, tuyên truyền giáo dục làm chuyển biến nhận thức trong toàn xã hội, trước hết trong các cấp ủy đảng, đảng viên, cán bộ quản lý nhà nước, cán bộ các đoàn thể quần chúng về tầm quan trọng, sự cần thiết cấp bách của sự nghiệp xây dựng, phát triển văn hóa, về trách nhiệm thực hiện thắng lợi nhiệm vụ văn hóa trong thời kỳ mới.

- Giáo dục chủ nghĩa yêu nước phải gắn chặt với phong trào thi đua yêu nước và giáo dục về chủ nghĩa xã hội, về nhiệm vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đưa đất nước thoát nghèo nàn lạc hậu; làm cho mọi người thấm nhuần truyền thống lịch sử và cách mạng của dân tộc, đóng góp xứng đáng vào công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới.

Các hoạt động tuyên truyền giáo dục phải gắn với quản lý xã hội bằng pháp luật, phát huy sức mạnh dư luận xã hội, gắn với các phong trào hành động của quần chúng.

- Phát động phong trào "*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa*", huy động mọi lực lượng nhân dân và cả hệ thống chính trị từ trên xuống, từ trong đảng, cơ quan nhà nước, các đoàn thể ra ngoài xã hội tích cực tham gia phong trào.

Phong trào đó bao gồm các phong trào hiện có như: Người tốt việc tốt, Uống nước nhớ nguồn, Đền ơn đáp nghĩa, Xóa đói giảm nghèo, Xây dựng gia đình văn hóa, làng, xã, phường văn hóa, Toàn dân đoàn kết xây dựng cuộc sống mới ở các khu dân cư... và toàn bộ các phong trào ấy đều hướng vào cuộc thi đua yêu nước *"Tất cả vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh"*.

Thông qua các cuộc vận động nói trên, thiết thực chuẩn bị tiến tới Đại hội thi đua toàn quốc vào năm 2000.

II- XÂY DỰNG, BAN HÀNH LUẬT PHÁP VÀ CÁC CHÍNH SÁCH VĂN HÓA

1. Xây dựng, ban hành luật pháp

Xây dựng các luật, pháp lệnh, các văn bản pháp quy điều chỉnh các hoạt động trên lĩnh vực văn hóa. Bổ sung những luật đã ban hành cho phù hợp với tình hình mới. Nghiên cứu xây dựng *Luật di sản văn hóa dân tộc, Luật quảng cáo, Pháp lệnh thư viện...* Xây dựng quy chế về giải thưởng, tặng thưởng trong lĩnh vực văn hóa - văn nghệ, báo chí; quy chế kỷ niệm các sự kiện lịch sử và danh nhân (trong nước và thế giới), đặt tên đường phố, lập nhà bảo tàng, xây dựng tượng đài, v.v..

Bổ sung, hoàn thiện hoặc xây dựng mới các quy chế, quy định về lễ hội, việc tang, việc cưới, việc cúng bái ở các đền chùa, việc đốt vàng mã, việc giữ gìn trật tự vệ sinh nơi công cộng, v.v..

Khuyến khích nhân dân các xã, phường, thôn ấp, cụm

dân cư, khu tập thể, xí nghiệp, cơ quan xây dựng các quy ước về nếp sống văn hóa, giữ gìn trật tự vệ sinh công cộng, bảo vệ môi trường thiên nhiên, cảnh quan sạch đẹp. Hoàn thiện hệ thống thanh tra chuyên ngành, thanh tra nhân dân, tăng cường công tác thanh tra văn hóa.

2. Xây dựng, ban hành các chính sách

- *Chính sách kinh tế trong văn hóa* nhằm gắn văn hóa với các hoạt động kinh tế, khai thác tiềm năng kinh tế, tài chính hỗ trợ cho phát triển văn hóa, đồng thời bảo đảm yêu cầu chính trị, tư tưởng của hoạt động văn hóa, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc.

+ Thực hiện cơ chế mở rộng hoạt động kinh doanh dịch vụ (hoạt động thể thao, dịch vụ văn hóa...), tạo nguồn thu hỗ trợ cho hoạt động sự nghiệp của các đơn vị văn hóa - nghệ thuật.

+ Cải tiến chế độ tài trợ, đặt hàng đối với điện ảnh, biểu diễn nghệ thuật, báo chí, xuất bản; thuế đối với báo chí; trợ giá cho một số báo chí, văn hóa phẩm đưa ra nước ngoài nhằm mục đích tuyên truyền đối ngoại và sách báo đưa lên miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa.

+ Quy định cụ thể chế độ cho các doanh nghiệp đặc thù của ngành văn hóa thông tin (hãng phim, rạp chiếu bóng, hiệu sách, khu vui chơi giải trí, nhà xuất bản, trung tâm triển lãm, tu bổ di tích...) được hưởng mức thuế ưu đãi trong hoạt động kinh doanh (thuế đất, thuế vốn khấu hao cơ bản...).

+ Cho phép các thành phần kinh tế, kể cả tư nhân trong nước và nước ngoài, thực hiện một số hình thức liên doanh, liên kết với một số cơ sở hoạt động văn hóa theo quy định của

pháp luật nhằm xây dựng cơ sở hạ tầng, đổi mới công nghệ và tham gia tổ chức một số hoạt động văn hóa có nội dung lành mạnh, bổ ích.

- *Chính sách văn hóa trong kinh tế* bảo đảm cho văn hóa thể hiện rõ trong các hoạt động kinh tế, đồng thời thúc đẩy các hoạt động kinh tế tạo điều kiện nhiều hơn cho sự nghiệp phát triển văn hóa.

Việc xây dựng các mục tiêu, giải pháp kinh tế phải gắn với các mục tiêu, giải pháp văn hóa, chăm lo con người, nêu cao đạo đức trong sản xuất kinh doanh. Xây dựng văn minh thương nghiệp, đạo đức nghề nghiệp, văn hóa kinh doanh.

Chú ý tính thẩm mỹ, bản sắc dân tộc và tính hiện đại của kiến trúc trong xây dựng các khu dân cư, khu công nghiệp... Trong quy hoạch xây dựng các công trình lớn phải tính đến một số thiết chế văn hóa cần thiết nhất như thư viện, nhà thông tin, khu giải trí, bảo đảm cảnh quan môi trường cho các di tích lịch sử, văn hóa và danh lam thắng cảnh.

Thực hiện chính sách miễn, giảm phần chịu thuế cho các khoản đầu tư, đóng góp của các doanh nghiệp vào sự nghiệp văn hóa.

- *Chính sách xã hội hóa hoạt động văn hóa* nhằm động viên sức người, sức của của các tầng lớp nhân dân, các tổ chức xã hội để xây dựng và phát triển văn hóa. Chính sách này được tiến hành đồng thời với việc nâng cao vai trò và trách nhiệm của Nhà nước. Các cơ quan chủ quản về văn hóa của Nhà nước phải làm tốt chức năng quản lý và hướng dẫn nghiệp vụ đối với các hoạt động xã hội về văn hóa.

- *Chính sách bảo tồn, phát huy di sản văn hóa dân tộc* hướng vào cả văn hóa vật thể và phi vật thể. Tiến hành sớm

việc kiểm kê, sưu tầm, chỉnh lý vốn văn hóa truyền thống (bao gồm văn hóa bác học và văn hóa dân gian) của người Việt và các dân tộc thiểu số; phiên dịch, giới thiệu kho tàng văn hóa Hán Nôm. Bảo tồn các di tích lịch sử, văn hóa và các danh lam thắng cảnh, các làng nghề, các nghề truyền thống... Trọng đãi những nghệ nhân bậc thầy trong các ngành, nghề truyền thống.

- *Chính sách khuyến khích sáng tạo* trong các hoạt động văn hóa đòi hỏi tăng nguồn đầu tư thích đáng cho khu vực sáng tạo văn hóa, văn học, nghệ thuật. Chú trọng đầu tư hỗ trợ cho những tác giả có uy tín cao, những tài năng trẻ, đầu tư cho lực lượng chuyên nghiệp và cả cho phong trào quần chúng. Có chính sách chăm sóc đặc biệt đối với các văn nghệ sĩ cao tuổi tiêu biểu, các mầm non nghệ thuật xuất sắc.

Sửa đổi chế độ nhuận bút phù hợp với tình hình mới; có chính sách khuyến khích đối với lao động nghệ thuật và báo chí.

Thành lập quỹ văn hóa quốc gia và quỹ sáng tác của các hội văn học, nghệ thuật, tạo thêm nguồn hỗ trợ tài chính cho xây dựng các tác phẩm.

Có chính sách khuyến khích các văn nghệ sĩ, nhà báo gắn bó với cơ sở, với thực tiễn lao động sản xuất.

Tiếp tục thực hiện Pháp lệnh về giải thưởng Hồ Chí Minh, giải thưởng nhà nước và Pháp lệnh công nhận danh hiệu nghệ sĩ nhân dân, nghệ sĩ ưu tú.

- *Xây dựng và ban hành chính sách đặc thù hợp lý, hợp tình cho những loại đối tượng xã hội cần được ưu đãi tham gia và hưởng thụ văn hóa*: thương binh, bệnh binh, các Bà mẹ Việt Nam anh hùng, trẻ em, những người già không nơi

nường tựa, những người thuộc các dân tộc thiểu số, những người tàn tật...

- Ban hành các *chính sách cụ thể về hợp tác quốc tế* trong quan hệ với các tổ chức quốc tế và các quốc gia ở những khu vực, những nhóm nước cụ thể. Đa dạng hóa, đa phương hóa các mối quan hệ về văn hóa (Nhà nước, các tổ chức phi chính phủ, cá nhân) nhằm tiếp thụ được nhiều tinh hoa, kinh nghiệm của nước ngoài, ngăn ngừa những tác động tiêu cực.

Mở rộng, khuyến khích xuất khẩu sách, báo, văn hóa phẩm. Nâng công suất và thời lượng phát thanh, truyền hình ra nước ngoài. Tăng cường trao đổi các đoàn nghệ thuật, điện ảnh, các cuộc triển lãm, các cuộc thi đấu thể thao. Hình thành cơ chế phối hợp, chỉ đạo tập trung các cơ quan và lực lượng làm công tác đối ngoại trên lĩnh vực văn hóa - thông tin.

III- TĂNG CƯỜNG NGUỒN LỰC VÀ PHƯƠNG TIỆN CHO HOẠT ĐỘNG VĂN HÓA

- Tăng mức đầu tư cho văn hóa từ nguồn chi thường xuyên và nguồn chi phát triển trong ngân sách nhà nước. Tỷ trọng chi ngân sách cho văn hóa phải tăng tương ứng nhịp độ tăng trưởng kinh tế. Khuyến khích các địa phương tăng thêm nguồn đầu tư cho văn hóa. Tích cực huy động các nguồn lực ngoài ngân sách nhà nước cho phát triển văn hóa.

- Thực hiện các chương trình có mục tiêu về văn hóa nhằm đầu tư có trọng điểm, giải quyết các vấn đề có tính cấp bách. Xây dựng một số công trình văn hóa tiêu biểu chuẩn bị kỷ niệm 1000 năm Thăng Long.

- củng cố, hoàn thiện tổ chức bộ máy, cán bộ của các cơ quan lãnh đạo, quản lý, tham mưu, các đoàn thể, các tổ chức nghề nghiệp của hoạt động văn hóa từ trung ương đến cơ sở, bảo đảm hoạt động có hiệu quả.

Điều chỉnh, xác định rõ cơ cấu, chức năng, nhiệm vụ, phương thức hoạt động của các ban của Đảng và các tổ chức đảng trong Bộ Văn hóa - Thông tin, các hội văn học nghệ thuật (các ban cán sự, đảng đoàn). Xây dựng quy chế về mối quan hệ làm việc giữa các tổ chức này, bảo đảm sự phối hợp nhịp nhàng.

Nâng cao trình độ mọi mặt của đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý văn hóa các cấp. Sử dụng và bố trí hợp lý đội ngũ cán bộ hiện có. Xây dựng quy hoạch và thực hiện chương trình đào tạo lớp cán bộ mới (cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý, chuyên gia) đủ phẩm chất và năng lực đảm đương công việc trong những năm tới.

Củng cố, kiện toàn hệ thống các khoa, trường đào tạo cán bộ văn hóa, nghệ thuật, thông tin, báo chí, các viện nghiên cứu cả về tổ chức, đội ngũ giảng viên, chương trình, giáo trình. Tăng thêm điều kiện và phương tiện kỹ thuật giảng dạy, học tập. Tổ chức tốt đào tạo trên đại học...

Xây dựng và thực hiện tiêu chuẩn hoá cán bộ văn hóa.

IV- NÂNG CAO HIỆU QUẢ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG TRÊN LĨNH VỰC VĂN HÓA

Yêu cầu xây dựng và phát triển đất nước trong giai đoạn mới đòi hỏi Đảng ta phải tăng cường và nâng tầm lãnh đạo trên lĩnh vực văn hóa.

- Nhận thức đúng đắn về vai trò đặc biệt quan trọng của văn hóa trong việc bồi dưỡng và phát huy nhân tố con người, xây dựng xã hội mới - xã hội chủ nghĩa. Khắc phục thái độ xem nhẹ việc xây dựng và đấu tranh trên lĩnh vực văn hóa.

- Thường xuyên chăm lo việc nâng cao nhận thức, hiểu biết về lý tưởng cách mạng, chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, chính sách của Đảng và tình hình đất nước cho đội ngũ trí thức, văn nghệ sĩ, cán bộ văn hóa; làm tốt công tác kết nạp đảng trong bộ phận trí thức, văn nghệ sĩ ưu tú.

- Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng theo hướng vừa bảo đảm cho văn hóa, văn học nghệ thuật, báo chí phát triển đúng định hướng chính trị, tư tưởng của Đảng, vừa bảo đảm thực hiện quyền tự do, dân chủ cá nhân trong sáng tạo văn hóa, văn học, nghệ thuật, khoa học và công nghệ trên cơ sở phát huy tính tự giác cao với mục đích đúng đắn.

- Phát huy vai trò của các đoàn thể quần chúng, các tổ chức sáng tạo văn hóa, văn nghệ trong việc vận động, tổ chức quần chúng, giới trí thức thực hiện nhiệm vụ văn hóa, làm chủ văn hóa.

- Đi sát, nắm chắc tình hình hoạt động trên lĩnh vực tư tưởng, văn hóa; lãnh đạo, chỉ đạo kịp thời, sắc bén, giúp các cơ quan nhà nước thể chế hóa các chủ trương, chính sách của Đảng. Hỗ trợ giải quyết kịp thời những khó khăn vướng mắc đối với ngành văn hóa trong quá trình triển khai thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước.

Để bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng về văn hóa, phải xây dựng văn hóa từ trong Đảng, trong bộ máy nhà nước như Bác Hồ đã dạy "*Đảng ta là đạo đức, là văn minh*". Phải đặt

mạnh việc giáo dục tư tưởng, đạo đức Hồ Chí Minh trong toàn Đảng, toàn dân, toàn quân. Văn hóa đạo đức và lối sống lành mạnh phải được thể hiện trước hết trong mọi tổ chức đảng, nhà nước, đoàn thể, trong cán bộ, viên chức nhà nước, trong từng đảng viên, hội viên, ở các bậc cha mẹ, các thầy cô giáo. Từ sự gương mẫu về mọi mặt của các tổ chức và từng cán bộ trong bộ máy đảng, nhà nước, đoàn thể mà phát huy vai trò lãnh đạo thực hiện Cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa". Gương mẫu là một nội dung, một phương thức trọng yếu trong công việc lãnh đạo của Đảng.

Quan tâm giáo dục lý tưởng, đạo đức và lối sống văn hóa cho thế hệ trẻ. Có chính sách trọng dụng người tài.

Làm tốt công tác kiểm tra của Đảng trong việc xem xét tư tưởng, đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên.

Để quán triệt và thực hiện tốt Nghị quyết này, các cấp ủy và tổ chức đảng nghiêm túc xem xét trách nhiệm lãnh đạo của mình, rút ra những bài học kinh nghiệm lãnh đạo văn hóa, đẩy mạnh công tác xây dựng Đảng. *Tiến hành sinh hoạt chính trị tự phê bình và phê bình về tư tưởng, đạo đức, lối sống trong toàn Đảng và bộ máy nhà nước, trước hết là trong đội ngũ cán bộ lãnh đạo và quản lý.* Kết quả nghiên cứu, quán triệt Nghị quyết phải được thể hiện trong việc xây dựng kế hoạch, chương trình hành động của các cấp, các ngành, trong việc phát huy vai trò gương mẫu về tư tưởng, đạo đức, lối sống văn hóa của cán bộ, đảng viên, viên chức nhà nước.

Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc là một bộ phận quan trọng của sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa của nước ta, đòi hỏi ý chí

cách mạng kiên định, trình độ trí tuệ và tính tự giác cao. Mỗi cán bộ, đảng viên, trước hết là các Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương nêu cao vai trò gương mẫu của người cộng sản, động viên, tổ chức nhân dân thực hiện thắng lợi Nghị quyết, làm theo lời Bác Hồ: "Muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội trước hết cần có những *con người xã hội chủ nghĩa*".

Toàn Đảng, toàn dân ta ra sức phấn đấu để Tổ quốc ta mãi mãi là quốc gia văn hiến, dân tộc ta là một dân tộc văn hóa, nền văn hóa nước ta không ngừng phát triển, xứng đáng với tầm vóc dân tộc ta trong lịch sử và trong thế giới hiện đại.

T/M BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG

TỔNG BÍ THƯ

LÊ KHẢ PHIÊU

Đảng Cộng sản Việt Nam:

Văn kiện Hội nghị lần thứ năm

Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII,

Sdd, tr.40 - 83.

**PHÁT BIỂU
CỦA TỔNG BÍ THƯ LÊ KHẢ PHIÊU
BẾ MẠC HỘI NGHỊ LẦN THỨ NĂM
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
(KHÓA VIII)**

Ngày 16 tháng 7 năm 1998

Thưa các đồng chí Cố vấn,

Thưa các đồng chí Trung ương,

Thưa toàn thể các đồng chí,

Sau 11 ngày làm việc khẩn trương nghiêm túc, đầy trách nhiệm trước Đảng, trước nhân dân, Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương (khóa VIII) đã thành công tốt đẹp. Căn cứ vào các ý kiến thảo luận và biểu quyết của Ban Chấp hành Trung ương, được sự ủy quyền của Trung ương, Bộ Chính trị sẽ hoàn chỉnh và sớm ban hành Nghị quyết về: *Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.*

Thành công của Hội nghị Trung ương lần này có sự đóng góp chủ động, tích cực của các ban, ngành được phân công chuẩn bị đã tiếp thu nghiêm túc ý kiến chỉ đạo của Bộ Chính trị; thực hiện tốt phương thức dân chủ hóa, quy trình

hình thành dự thảo và chỉnh lý các văn kiện trình Hội nghị; cung cấp cho Trung ương nhiều tài liệu tham khảo cần thiết.

Các đồng chí Ủy viên Trung ương đã nêu cao tinh thần trách nhiệm, thảo luận tích cực, sôi nổi, thẳng thắn tại tổ và ở hội trường, đóng góp nhiều ý kiến quan trọng vào việc sửa đổi, bổ sung các dự thảo văn kiện. Chúng ta cần tiếp tục phát huy tinh thần và phong cách làm việc khoa học phù hợp với nguyên tắc tập trung dân chủ của Đảng.

Nhân dịp này, thay mặt Ban Chấp hành Trung ương Đảng, tôi bày tỏ lòng cảm ơn sâu sắc các đồng chí lão thành cách mạng, các cán bộ các cấp, các ngành, các giới, các nhà hoạt động văn hóa, các nhân sĩ, trí thức đã đóng góp nhiều ý kiến quý báu, đầy tâm huyết, góp phần quan trọng vào thành công của Hội nghị.

Thưa các đồng chí,

Tại Hội nghị Trung ương lần này, chúng ta đã thảo luận và ra nghị quyết về xây dựng nền văn hóa, thảo luận và cho ý kiến về kinh tế và một số vấn đề quan trọng khác. Với tinh thần nhìn thẳng vào sự thật, chúng ta đã đánh giá đúng thực trạng của tình hình, cả thành tựu, thời cơ; cả khuyết điểm, nguy cơ; cả nguyên nhân khách quan và nguyên nhân chủ quan; chỉ ra những khả năng và nguồn lực thực tế cùng những giải pháp khả thi nhằm thực hiện thắng lợi những yêu cầu nhiệm vụ trên các lĩnh vực trọng yếu này.

Để lãnh đạo thực hiện thắng lợi Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương, chúng ta cần nhận rõ vị trí và mối quan hệ biện chứng giữa văn hóa, kinh tế.

Sau 10 năm đổi mới, với những thành tựu quan trọng về kinh tế, quốc phòng, an ninh, đối ngoại đã cho phép Đại hội VIII của Đảng quyết định đưa đất nước chuyển sang thời kỳ phát triển mới, thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Đây là thời kỳ công cuộc đổi mới được triển khai sâu rộng và đồng bộ. Cùng với quá trình đẩy mạnh phát triển kinh tế, hoàn thiện cơ chế thị trường, mở rộng hội nhập quốc tế, đòi hỏi phải giải quyết văn hóa theo nghĩa rộng, cả cơ bản, lâu dài có tính chiến lược và những vấn đề cấp bách trước mắt. Giải quyết thành công lĩnh vực văn hóa sẽ tạo nên động lực thúc đẩy mạnh mẽ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và từng bước thực hiện thắng lợi mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh.

Trong bối cảnh hiện nay, văn hóa càng liên quan chặt chẽ đến ổn định xã hội, đến an ninh quốc gia, đến dân tộc để phát triển toàn bộ đời sống vật chất và tinh thần của xã hội.

Văn hóa và kinh tế có quan hệ gắn bó hữu cơ, là mục tiêu, động lực của nhau. Xây dựng và phát triển văn hóa lành mạnh nhằm thúc đẩy kinh tế phát triển mạnh mẽ và vững chắc. Ngược lại phải thực hiện tốt Nghị quyết Trung ương 4 (khóa VIII) về kinh tế - xã hội, phát huy nội lực và nâng cao hiệu quả kinh tế. Phấn đấu đảm bảo duy trì tăng trưởng kinh tế bền vững, thì mới có điều kiện phát triển văn hóa mới. Cả kinh tế và văn hóa phải hòa quyện vào nhau để đưa đất nước ta vững bước vào thế kỷ XXI.

Văn hóa Việt Nam là nhân tố hợp thành, là nền tảng tinh thần của Tổ quốc ta và chế độ ta. Nó được hình thành từ mấy ngàn năm nay, đã sinh ra cùng với dân tộc ta. Ngay từ

thuở ban đầu dựng nước, bằng lao động và máu xương, sức sáng tạo và ý chí bền bỉ không ngôn từ nào miêu tả hết, dân tộc ta đã xây dựng và bồi đắp nên một nền văn hóa rực rỡ, kết tinh sức mạnh và in dấu bản sắc của dân tộc và tiếp thụ tinh hoa văn hóa nhân loại, bảo đảm cho dân tộc ta tồn tại và không ngừng phát triển cho đến ngày nay. Những thắng lợi trong suốt chiều dài lịch sử của dân tộc và sự đứng vững trước những biến động dữ dội không lường hết của thế giới ngày nay chính là thắng lợi của con người Việt Nam, của văn hóa Việt Nam.

Chúng ta sắp bước vào thế kỷ XXI. Cùng với phát minh kỳ diệu của con người, khoa học công nghệ và lực lượng sản xuất phát triển nhanh chóng, nền kinh tế thế giới sẽ có những tiến bộ rất to lớn.

Nhân loại tiến bộ khát khao một nền hòa bình lâu bền. Các quốc gia, dân tộc khác nhau trên thế giới đang điều chỉnh lại chiến lược và sách lược, tìm kiếm những điều kiện có lợi để phát triển tiềm lực tổng hợp của mình. Các nước chậm phát triển và phát triển cũng đang tranh thủ thời cơ có lợi để xây dựng đất nước.

Những năm cuối của thế kỷ XX và bước vào thế kỷ XXI, nhân loại đứng trước những thuận lợi, những niềm vui mới do sự sáng tạo của chính mình và đấu tranh không mệt mỏi vì hòa bình, ổn định và phát triển. Đồng thời cũng phải đương đầu với những thử thách cực kỳ gay gắt, những lo âu, những đe dọa, những đau khổ bởi cạnh tranh, khủng hoảng, những xung đột vũ trang cục bộ, những bóc lột, áp bức, xâm nhập lối sống phi đạo đức, phi văn hóa, nghèo đói và bệnh tật.

Trong bối cảnh quốc tế đó, lịch sử đặt ra cho Đảng ta,

nhân dân ta nhiệm vụ trọng đại: đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng và bảo vệ đất nước, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội.

Nhiệm vụ lịch sử trọng đại đó đòi hỏi con người Việt Nam phải kế thừa và phát triển về nhân cách, tư tưởng, trí tuệ, đạo đức, với năng lực tổng hợp và kỹ thuật lao động tiên tiến, đưa dân tộc ta đến một tầm cao văn minh mới, đủ sức làm chủ và bảo đảm sự nghiệp cách mạng thắng lợi.

Trong sự nghiệp ấy, gia đình và các bà mẹ Việt Nam có vai trò cực kỳ to lớn, là những người truyền thụ hiểu biết và nhân cách cho các thế hệ Việt Nam từ thuở lọt lòng.

Các vị phụ lão là những tấm gương cao cả về đức độ và ý chí Việt Nam được khắc ghi mãi mãi trong tâm hồn con cháu.

Công nhân, nông dân, những người lao động chân tay và trí óc, bằng trí tuệ và bàn tay vàng nghề nghiệp làm ra của cải, những sản phẩm mới, biểu tượng của văn hóa Việt Nam đang phát triển.

Thanh niên và các chiến sĩ lực lượng vũ trang, như Bác Hồ căn dặn: là đại biểu cho tinh thần tự tôn, tự lập của dân tộc. Tinh thần tự tôn ấy truyền thụ đến các em kinh qua Bà Trưng, Bà Triệu, Lý Thường Kiệt, Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Quang Trung... Các em phải có trách nhiệm truyền thụ tinh thần ấy cho các thế hệ mai sau.

Các cháu nhi đồng, thiếu niên, học sinh, sinh viên ngày ngày miệt mài học tập, say mê tiếp thụ những kiến thức mới, học để làm người, học để tự khẳng định mình trong cuộc sống, học để lập nghiệp, để giữ nước, làm chủ vững chắc nền văn hóa tương lai.

Các nhà văn hóa, các nhà trí thức trong tất cả các lĩnh vực giáo dục, khoa học, y tế, xây dựng, kiến trúc, sáng tạo nghệ thuật... có vị trí rất quan trọng trong nhiệm vụ cao cả gieo trồng và sáng tạo những giá trị văn hóa mới của dân tộc.

Nói tóm lại, sự nghiệp văn hóa không tiến hành riêng rẽ mà nhuần nhuyễn, thống nhất, quện chặt với kinh tế, xã hội, quân sự, đối ngoại, an ninh, thấm sâu vào mọi hoạt động hằng ngày, ở mỗi con người, ở các lứa tuổi, mọi gia đình, mọi cơ sở, ở tất cả các môi trường xã hội và tự nhiên.

Thưa các đồng chí,

Về tình hình nhiệm vụ kinh tế, như Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương (khóa VIII) đã chỉ rõ, chúng ta cần nhận thức đúng mức thành tựu và phải thấy hết những yếu kém, khuyết điểm, những thách thức mới hết sức gay gắt, khắc phục mọi biểu hiện của cả hai khuynh hướng bi quan và chủ quan.

Nắm vững và thực hiện bằng được tư tưởng chỉ đạo: *Phát huy cao nhất năng lực nội sinh của dân tộc, mở rộng và nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế*. Bằng nhiều chủ trương, chính sách đồng bộ, khơi dậy cho được mọi nguồn lực, từ nguồn lực con người, nguồn vốn đất đai, rừng biển... để giữ vững và phát triển sản xuất có hiệu quả nhất, đáp ứng nhu cầu của nhân dân, thị trường trong nước và xuất khẩu, trước hết là lĩnh vực nông, lâm, ngư nghiệp, bảo đảm an toàn lương thực...

Xây dựng quan hệ sản xuất phù hợp theo định hướng xã hội chủ nghĩa, củng cố kinh tế nhà nước, kinh tế hợp tác, coi trọng khâu phân phối tư liệu sản xuất và kết quả sản xuất,

khuyến khích phát triển các thành phần kinh tế khác, giải phóng mọi tiềm năng của xã hội.

Thực hiện triệt để tiết kiệm, chống lãng phí, tham nhũng, cải cách thủ tục hành chính có hiệu quả theo các pháp lệnh của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, tháo bỏ ngay những vướng mắc để phát huy khí thế làm ăn và khả năng đầu tư phát triển sản xuất. Quản lý tốt dự trữ quốc gia và bố trí hợp lý dự trữ hiện vật để ứng phó kịp thời với những diễn biến xấu có thể xảy ra về thiên tai, về biến động lớn trên thị trường.

Tập trung đầu tư cho các dự án có hiệu quả nhất, các dự án sắp hoàn thành và có sức lan tỏa ảnh hưởng lớn. Đồng thời đình hoãn ngay một số dự án và công trình chưa bảo đảm hiệu quả chắc chắn, chưa đủ điều kiện triển khai, cho dù đó là công trình đã khởi công hoặc chuẩn bị khởi công.

Giải quyết các vấn đề bức xúc trong đời sống của nhân dân, nhất là ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng căn cứ cách mạng cũ; thực hiện nghiêm chỉ thị của Đảng và nghị định của Chính phủ về thiết chế dân chủ ở cơ sở.

Cần nhận thức sâu sắc rằng, việc thực hiện những vấn đề nêu trên diễn ra trong bối cảnh có những thuận lợi, nhưng đồng thời đầy biến động và thử thách với nhiều tình huống mà ta chưa thể lường hết được. Vì vậy, cần tăng cường nắm bắt và dự báo tình hình, kịp thời đề xuất các giải pháp để xử lý.

Kinh nghiệm vô giá mà chúng ta khái quát được trong lịch sử lâu dài và đầy khắc nghiệt của dân tộc ta là: *Nguồn lực quý báu nhất, có vai trò quyết định nhất là nguồn lực con*

người Việt Nam; là sức mạnh nội sinh của chính bản thân dân tộc Việt Nam.

Con người Việt Nam là tài sản quý báu nhất của Tổ quốc ta và chế độ xã hội chủ nghĩa chúng ta. Bởi vậy, tầm quan trọng của Hội nghị Trung ương lần này là ở chỗ chúng ta tiếp tục thực hiện chiến lược con người, chiến lược xây dựng và phát huy nguồn lực con người Việt Nam, như Hội nghị Trung ương 2 (khóa VIII) đã xác định. Xây dựng nền tảng tinh thần, tiềm lực văn hóa của Tổ quốc và chế độ xã hội chủ nghĩa là động lực to lớn đảm bảo thực hiện bằng được các mục tiêu Đại hội VIII đề ra cho đến năm 2020.

Thưa các đồng chí,

Từ khi Bác Hồ ra đi tìm đường cứu nước, sáng lập Đảng, Đảng ta đã tự giác gánh vác trách nhiệm trước lịch sử lãnh đạo nhân dân ta làm cách mạng, giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước, bảo vệ Tổ quốc và vững bước tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Với lòng trung thành vô hạn với Tổ quốc, đặt lợi ích Tổ quốc lên trên hết, kiên cường bất khuất, gấn bó máu thịt và sẵn sàng hy sinh vì hạnh phúc của nhân dân, đoàn kết và kỷ luật, tình nghĩa và thủy chung với bạn bè, Đảng ta đã được nhân dân yêu quý, đùm bọc, che chở và hết lòng xây dựng, khi thuận lợi, khó khăn, cũng như khi vấp vấp, sai lầm.

Tuy nhiên, xem xét một cách nghiêm túc, chúng ta nhận thấy bên cạnh số đông cán bộ, đảng viên gương mẫu, có một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên, nhất là một số đồng chí có chức, có quyền đã thoái hóa, biến chất về tư tưởng, đạo đức, lối sống, lợi dụng chức quyền để tham nhũng, buôn lậu, làm giàu bất chính, lãng phí của công, quan liêu, xa dân, ức

hiếp dân, kèn cựa địa vị, kém ý thức tổ chức kỷ luật, gây mất đoàn kết nội bộ.

Vì vậy, để thực hiện có hiệu quả Nghị quyết Trung ương 5 *cần tiến hành nghiêm túc sinh hoạt chính trị tự phê bình và phê bình trong toàn Đảng từ trung ương đến cơ sở*, làm chuyển biến thực sự về tư tưởng, đạo đức, lối sống trong cán bộ, đảng viên. Bởi vì, suy cho cùng, muốn xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam trong giai đoạn mới, trước hết các tổ chức đảng, bộ máy nhà nước và toàn bộ hệ thống chính trị và cán bộ, đảng viên phải thực sự tiêu biểu cho những giá trị văn hóa, đạo đức, lòng yêu nước và thương dân, tình nghĩa thủy chung, tinh thần đoàn kết, tính kỷ luật và tinh thần trách nhiệm đến cùng đối với công việc.

Thưa các đồng chí,

Để nghị quyết đi vào cuộc sống, khâu quyết định vẫn là việc tổ chức thực hiện. Trước hết phải nâng cao nhận thức và trình độ lãnh đạo trên lĩnh vực văn hóa, song song với các lĩnh vực chính trị, kinh tế, xã hội mà Bác Hồ đã dạy. Phải đổi mới và nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác tư tưởng làm cho những nội dung cơ bản được quán triệt sâu sắc trong từng cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ chủ chốt. Các cơ quan nhà nước phải nhanh chóng thể chế hóa nghị quyết thành luật, pháp lệnh, nghị định, chính sách. Các cấp, các ngành phải khẩn trương xây dựng chương trình, kế hoạch và biện pháp cụ thể để thực hiện. Tạo cho được phong trào thi đua sôi nổi: *Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa* trong phong trào thi đua yêu nước xây dựng và bảo vệ Tổ quốc vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh.

Để thực hiện thắng lợi Nghị quyết Trung ương 5, mọi cán bộ, đảng viên, trước hết là từng đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương, cần nêu cao tinh thần gương mẫu về tư tưởng, đạo đức, lối sống, trực tiếp tổ chức quán triệt, chỉ đạo thực hiện Nghị quyết trong ngành mình và địa phương mình phụ trách; đi sâu đi sát cơ sở, kiểm tra phát hiện, nhân rộng các nhân tố điển hình, uốn nắn các lệch lạc. Mỗi đồng chí Ủy viên Trung ương phải chịu trách nhiệm ngăn chặn và đẩy lùi tình trạng suy thoái về tư tưởng, đạo đức và lối sống ở lĩnh vực và địa bàn mình phụ trách, đặc biệt phải có nhiều biện pháp mạnh mẽ có hiệu quả để đấu tranh khắc phục bệnh tham nhũng.

Với tinh thần trên, tôi xin tuyên bố bế mạc Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương (khóa VIII).

Đảng Cộng sản Việt Nam:

Văn kiện Hội nghị lần thứ năm

Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII,

Sđđ, tr.84 - 96.

THÔNG BÁO
HỘI NGHỊ LẦN THỨ NĂM
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam (khóa VIII) đã họp từ ngày 6 đến 16-7-1998 tại Thủ đô Hà Nội.

Đồng chí Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu chủ trì Hội nghị và đã đọc các bài phát biểu quan trọng khai mạc và bế mạc Hội nghị.

Hội nghị Trung ương đã bàn về "Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc", xem xét tình hình thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4 và xác định những giải pháp lớn nhằm triển khai thắng lợi các nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 1998 và kế hoạch 5 năm 1996 - 2000, đồng thời thảo luận và quyết định một số vấn đề quan trọng khác.

I- Hội nghị thống nhất nhận định: Từ hơn nửa thế kỷ qua, dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân ta đã kế thừa và phát huy những truyền thống văn hóa tốt đẹp của dân tộc, sáng tạo nên những giá trị văn hóa mới thấm nhuần

sâu sắc tinh thần yêu nước và lý tưởng xã hội chủ nghĩa, dưới ánh sáng của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Khẩu hiệu hành động vì mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh" được nhân dân đồng tình cao và hưởng ứng mạnh mẽ. Nhiều nét mới trong giá trị văn hóa và đạo đức được hình thành. Sự nghiệp giáo dục, khoa học thu được những thành tựu quan trọng. Các hoạt động văn học, nghệ thuật, thông tin đại chúng đều có bước tiến đáng kể. Giao lưu văn hóa với nước ngoài ngày càng được mở rộng. Hệ thống pháp luật về văn hóa từng bước được hình thành.

Hội nghị cũng thẳng thắn chỉ ra những mặt tiêu cực đang xuất hiện có chiều hướng gia tăng trên nhiều lĩnh vực của đời sống văn hóa tinh thần. Đáng lưu tâm là sự suy thoái về đạo đức, lối sống của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên và nhân dân, kể cả một số người có chức, quyền. Lĩnh vực giáo dục, khoa học còn phải làm rất nhiều việc để thực hiện Nghị quyết Trung ương 2. Các lĩnh vực văn hóa - nghệ thuật, thông tin đại chúng cũng còn những mặt bất cập. Công tác lãnh đạo và quản lý còn lỏng lẻo, nhiều sơ hở, để cho các loại văn hóa phẩm và thông tin độc hại xâm nhập vào xã hội, nhà trường và gia đình. Giao lưu văn hóa với nước ngoài còn thiếu tích cực và chủ động. Bộ máy làm công tác văn hóa chưa được sắp xếp hợp lý; đội ngũ cán bộ đang ở tình trạng hẫng hụt nghiêm trọng.

Hội nghị nhấn mạnh: những thành tựu của sự nghiệp xây dựng và phát triển nền văn hóa nước nhà những năm qua là kết quả những cố gắng to lớn của toàn Đảng, toàn quân và toàn dân; khẳng định đường lối và các chính sách

đổi mới của Đảng và Nhà nước ta là đúng đắn, đã và đang phát huy tác động tích cực, định hướng đúng cho sự phát triển văn hóa, xã hội. Về những mặt yếu kém Hội nghị đã chỉ ra cả những nguyên nhân khách quan và chủ quan. Những nguyên nhân chủ quan là: nhiều cấp ủy đảng chưa quan tâm đúng mức lãnh đạo xây dựng và phát triển văn hóa; trong khi tập trung sức vào nhiệm vụ phát triển kinh tế, chưa lường hết những tác động tiêu cực, chưa đặt đúng vị trí của văn hóa, chưa coi trọng đầy đủ công tác giáo dục về tư tưởng, đạo đức và lối sống. Việc xử lý những phần tử thoái hóa, biến chất trong Đảng và Nhà nước chưa nghiêm. Tinh thần tự phê bình và phê bình sa sút ở nhiều cấp bộ đảng. Công tác quản lý nhà nước còn nhiều thiếu sót, hữu khuynh. Chưa có cơ chế và chính sách phát huy mạnh hơn nữa nội lực của nhân dân, chưa tạo được phong trào quần chúng mạnh mẽ, rộng khắp và thường xuyên tham gia phát triển văn hóa, xây dựng nếp sống văn minh, bảo vệ nền văn hóa dân tộc.

Về phương hướng, nhiệm vụ xây dựng và phát triển văn hóa, Hội nghị khẳng định:

Nhiệm vụ bao quát của sự nghiệp văn hóa nước ta là phát huy chủ nghĩa yêu nước, ý thức độc lập tự chủ, tự cường, tăng cường khối đại đoàn kết dân tộc, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, gắn bó mật thiết với văn hóa tiến bộ của nhân loại, làm cho văn hóa thấm sâu vào toàn bộ đời sống và hoạt động xã hội, vào từng thành viên và cộng đồng, mọi lĩnh vực sinh hoạt và quan hệ con người, tạo ra trên đất nước ta đời sống tinh

thần cao đẹp, trình độ dân trí cao, khoa học phát triển, phục vụ tốt sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, thực hiện "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh", tiến bước vững chắc lên chủ nghĩa xã hội.

Hội nghị đã xác định **những quan điểm chỉ đạo cơ bản** cần nắm vững là: văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội; nền văn hóa mà chúng ta xây dựng là nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; nền văn hóa Việt Nam là nền văn hóa thống nhất mà đa dạng trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam; xây dựng và phát triển văn hóa là sự nghiệp của toàn dân, mà đội ngũ trí thức có vai trò quan trọng; văn hóa là một mặt trận, xây dựng văn hóa là một sự nghiệp cách mạng lâu dài, cần phải có ý chí cách mạng, đồng thời phải có sự kiên trì và thận trọng.

Trong thời gian tới, cần phấn đấu thực hiện thắng lợi *các nhiệm vụ cụ thể*: xây dựng con người Việt Nam trong giai đoạn cách mạng mới với những đức tính cao đẹp; xây dựng môi trường văn hóa hài hòa với môi trường tự nhiên được bảo vệ và chăm sóc tốt; phát triển sự nghiệp văn học, nghệ thuật; bảo tồn và phát huy các di sản văn hóa; phát triển sự nghiệp giáo dục và khoa học; phát triển đi đôi với quản lý tốt hệ thống thông tin đại chúng; bảo tồn, phát huy và phát triển văn hóa các dân tộc thiểu số; thực hiện chính sách văn hóa đối với tôn giáo; mở rộng hợp tác quốc tế về văn hóa; củng cố, xây dựng và hoàn thiện thể chế văn hóa. Từ nay đến năm 2000 và một số năm sau đó, nhiệm vụ trọng tâm là xây dựng tư tưởng, đạo đức, lối

sống lành mạnh trong xã hội, trước hết là trong các tổ chức đảng và nhà nước, trong các đoàn thể quần chúng và trong từng gia đình.

Hội nghị xác định *những giải pháp lớn xây dựng và phát triển văn hóa là: mở cuộc vận động giáo dục chủ nghĩa yêu nước và thi đua yêu nước với khẩu hiệu thi đua chung trong giai đoạn mới là "Tất cả vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh" và phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa"*, nằm trong phong trào thi đua yêu nước nói trên, chuẩn bị tiến tới Đại hội anh hùng, chiến sĩ thi đua toàn quốc vào năm 2000; xây dựng, ban hành luật pháp và các chính sách văn hóa; tăng cường nguồn lực và phương tiện cho hoạt động văn hóa; *tiến hành sinh hoạt chính trị, tự phê bình và phê bình về tư tưởng, đạo đức, lối sống trong Đảng và bộ máy nhà nước, từ trung ương đến cơ sở*, gắn với việc xây dựng và thực hiện các kế hoạch chương trình hành động của các cấp, các ngành.

II- Hội nghị đã xem xét tình hình kinh tế - xã hội sáu tháng đầu năm của nước ta và khẳng định: Sáu tháng qua, vượt lên trên những khó khăn gay gắt do thiên tai và tác động của cuộc khủng hoảng tài chính - tiền tệ ở khu vực và châu Á, bằng sự nỗ lực phấn đấu của toàn Đảng, toàn dân, của tất cả các thành phần kinh tế, chúng ta vẫn đạt được nhịp độ tăng trưởng khá so với các nước trong khu vực, kiềm chế được sự giảm sút của sản xuất kinh doanh; tài chính - tiền tệ, giá cả cơ bản ổn định, không biến động lớn; các mặt hoạt động văn hóa, xã hội có tiến bộ.

Đánh giá đúng kết quả và cố gắng, đồng thời *cần thấy hết*

những khó khăn, thách thức gay gắt, kể cả bản thân chủ quan chúng ta còn nhiều khuyết điểm, yếu kém đang gây trở ngại cho sự phát triển của nền kinh tế, nhiều chỉ tiêu quan trọng của năm 1998 khó đạt và có thể còn ảnh hưởng tới kế hoạch của những năm sau, đòi sống một bộ phận nhân dân tiếp tục khó khăn. Nếu không thấy đúng tình hình, không có những biện pháp xử lý có hiệu quả, lại cộng thêm những khó khăn khách quan tác động có thể sẽ làm cho tình hình phức tạp và khó khăn hơn.

Hội nghị nhất trí với những giải pháp lớn do Bộ Chính trị kiến nghị để thực hiện trong sáu tháng cuối năm theo hướng: tập trung tạo động lực phát triển mạnh mẽ trong mọi tầng lớp nhân dân, tiếp tục giải phóng lực lượng sản xuất, phát huy tối đa nội lực, thu hút và sử dụng có hiệu quả nguồn vốn từ bên ngoài; nghiên cứu những giải pháp chiến lược để giải quyết cơ bản những vấn đề kinh tế vĩ mô còn yếu kém, trước mắt thực hiện những giải pháp cấp bách về tập trung phát triển nông nghiệp, nông thôn, dồn sức phát triển các sản phẩm công nghiệp có thị trường tiêu thụ, nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế đi đôi với khai thác và sử dụng tốt vốn cho đầu tư phát triển, tìm kiếm thị trường để mở rộng xuất khẩu, làm lành mạnh các hoạt động tài chính, tiền tệ, giải quyết việc làm, xóa đói giảm nghèo, ngăn chặn các tệ nạn xã hội, v.v..

Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa VIII) kêu gọi toàn Đảng, toàn dân, toàn quân đoàn kết nhất trí, phát huy sức mạnh văn hóa Việt Nam, nêu cao ý chí tự lực, tự cường và bản lĩnh tiếp thụ tinh hoa của thế giới,

vượt qua mọi khó khăn, thử thách, ra sức phấn đấu tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức và hành động, góp phần xứng đáng vào sự nghiệp xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 1998, tạo đà hoàn thành thắng lợi kế hoạch 5 năm 1996 - 2000.

Đảng Cộng sản Việt Nam:
Văn kiện Hội nghị lần thứ năm
Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII,
Sđd, tr.97-104.

**CHỈ THỊ
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ**

Số 38-CT/TW, ngày 12 tháng 8 năm 1998

Về việc tổ chức thực hiện

**Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành
Trung ương Đảng khóa VIII***

Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII đã ra Nghị quyết về "Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc". Đây là nghị quyết có vai trò đặc biệt quan trọng đối với sự phát triển bền vững của đất nước ta trong giai đoạn mới.

Các cấp ủy đảng, đảng đoàn, ban cán sự đảng cần tập trung lãnh đạo việc quán triệt và thực hiện thắng lợi Nghị quyết này. Chú ý làm tốt những việc sau đây:

* Để phục vụ cho việc nghiên cứu Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII được thuận lợi, chúng tôi sắp xếp Chỉ thị này sau Thông báo Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam để bạn đọc tiện theo dõi (B.T).

I- TỔ CHỨC PHỔ BIẾN, QUẢN TRIỆT NGHỊ QUYẾT

1. Yêu cầu

- Tạo được sự chuyển biến và nâng cao nhận thức đối với cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân, trước hết là trong đội ngũ cán bộ lãnh đạo các cấp về vị trí, vai trò của văn hóa; nhất trí trong Đảng về đánh giá thực trạng văn hóa nước ta; quán triệt các quan điểm, chủ trương, nhiệm vụ, nhất là các nhiệm vụ cấp bách phải tập trung thực hiện từ nay đến năm 2000; ngăn chặn, khắc phục tình trạng xuống cấp về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống trong một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên. Trên cơ sở đó, xây dựng quyết tâm thực hiện thắng lợi nghị quyết, kiên định mục tiêu, lý tưởng, gương mẫu trong đạo đức, lối sống; đấu tranh chống các quan điểm sai trái trong lĩnh vực chính trị, tư tưởng, văn hóa...

- Nâng cao tính tiên phong gương mẫu của người đảng viên, tích cực vận động nhân dân tham gia phong trào thi đua yêu nước và cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa" ở từng cơ quan, đơn vị, ở mỗi địa phương, cơ sở.

- Gắn việc quán triệt nghị quyết với thảo luận nhiệm vụ và kế hoạch thực hiện nghị quyết của đảng bộ, giải quyết những vấn đề cấp bách, thiết thực của địa phương, ngành, đơn vị mình trên từng mặt, tạo sự chuyển biến thực sự trong cán bộ, đảng viên về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống và xây dựng đời sống văn hóa.

- Việc tổ chức quán triệt nghị quyết phải phù hợp với trình độ nhận thức, yêu cầu nhiệm vụ và hoàn cảnh từng

loại cơ sở đảng và đảng viên, đem lại hiệu quả thiết thực. Tránh làm lướt, hình thức, lãng phí.

2. Kế hoạch triển khai

- Các đồng chí Ủy viên Trung ương (và các đồng chí cán bộ lãnh đạo tham dự Hội nghị Trung ương) bàn với các cấp ủy đảng, đảng đoàn, ban cán sự đảng trực thuộc Trung ương chủ động tổ chức quán triệt nội dung nghị quyết và xây dựng kế hoạch, chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Trung ương trong các đảng bộ do mình phụ trách nhằm bảo đảm các yêu cầu nêu tại điểm 1 của Chỉ thị này. Việc triển khai các công việc trên phải hoàn thành trong tháng 9-1998.

Việc tiến hành sinh hoạt chính trị, tự phê bình và phê bình trong Đảng gắn với việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 thực hiện theo kế hoạch chỉ đạo của Bộ Chính trị.

- Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương chịu trách nhiệm biên soạn tài liệu phục vụ việc học tập, nghiên cứu cho các loại đối tượng, chỉ đạo các cơ quan thông tin đại chúng tuyên truyền, phổ biến rộng rãi nội dung Nghị quyết Trung ương 5 trong nhân dân.

II- TỔ CHỨC CHỈ ĐẠO

1. Các cấp ủy đảng phải chỉ đạo chặt chẽ việc quán triệt nội dung nghị quyết và xây dựng kế hoạch, chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Trung ương 5.

2. Chỉ đạo chặt chẽ các ngành, các đoàn thể nhân dân trong việc xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện phong trào thi đua yêu nước và cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết

xây dựng đời sống văn hóa", tiến tới Đại hội thi đua toàn quốc vào năm 2000, kịp thời phát hiện và nhân rộng điển hình nhân tố tích cực, tránh hình thức hoặc "đánh trống, bỏ dùi".

3. Đảng đoàn Quốc hội, Ban Cán sự Đảng Chính phủ và Ban Cán sự Đảng các Bộ: Văn hóa - Thông tin, Tài chính... lãnh đạo cơ quan chức năng rà soát lại các chính sách, các văn bản pháp quy hiện hành, điều chỉnh các hoạt động trên lĩnh vực văn hóa để có kế hoạch bổ sung, điều chỉnh đáp ứng yêu cầu của nhiệm vụ xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam trong thời kỳ mới.

Trước mắt, tập trung xây dựng để sớm ban hành một số văn bản pháp luật về di sản văn hóa dân tộc, quảng cáo, thư viện... quy chế giải thưởng, kỷ niệm các sự kiện lịch sử; xây dựng mới các quy chế, quy định.

Tăng mức đầu tư cho văn hóa phù hợp với khả năng ngân sách và mức tăng trưởng kinh tế. Xây dựng các chương trình có mục tiêu về văn hóa nhằm vào các trọng điểm và các vấn đề cấp bách.

4. Kiện toàn tổ chức bộ máy, biên chế các cơ quan lãnh đạo, quản lý, tham mưu và đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng trên lĩnh vực văn hóa.

Thực hiện Nghị quyết Trung ương về văn hóa là một quá trình lâu dài. Việc quán triệt nghị quyết phải gắn với từng bước cụ thể hóa, thể chế hóa và quá trình kiên trì vận động nhân dân thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. Trong quá trình tổ chức thực hiện, các cấp ủy đảng phải phân công rõ trách nhiệm cho từng cán bộ lãnh đạo trên từng lĩnh vực, từng nhiệm vụ, từng việc cụ thể; tăng

cường kiểm tra, thường xuyên sơ kết, tổng kết để nhân rộng mặt tích cực, từng bước đẩy lùi mặt tiêu cực, từng bước đưa nghị quyết vào cuộc sống.

Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương, Ban Tổ chức Trung ương phối hợp với các ban thường xuyên theo dõi kết quả thực hiện nghị quyết, kịp thời báo cáo Bộ Chính trị.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

PHẠM THẾ DUYỆT

Đảng Cộng sản Việt Nam:

Văn kiện Hội nghị lần thứ năm

Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII,

Sđđ, tr.105 - 110.

THÔNG BÁO
Ý KIẾN CỦA THƯỜNG VỤ BỘ CHÍNH TRỊ
Số 151-TB/TW, ngày 27 tháng 7 năm 1998
Về việc xử lý một số vụ khiếu kiện phức tạp
tại Hà Nội

Ngày 25-7-1998, sau khi nghe Ban Cán sự Đảng Chính phủ và Ban Thường vụ Thành ủy Hà Nội báo cáo về việc xử lý bốn vụ khiếu kiện phức tạp ở Hà Nội, Thường vụ Bộ Chính trị đã có ý kiến chỉ đạo như sau:

1. Trong những năm qua, cùng với quá trình đô thị hóa, việc sử dụng đất đai, giải phóng mặt bằng để xây dựng các công trình ở Hà Nội nảy sinh nhiều vấn đề mới phức tạp. Lãnh đạo thành phố đã có cố gắng, làm được nhiều việc, nhưng cũng để xảy ra nhiều sai phạm; lại chưa được chỉ đạo giải quyết, sửa chữa kịp thời, triệt để, chưa thể hiện đầy đủ trách nhiệm với dân, làm cho nhân dân bất bình dẫn đến khiếu kiện phức tạp, gây ảnh hưởng đến trật tự an ninh Thủ đô, làm giảm lòng tin của nhân dân đối với Đảng và Nhà nước.

Ban Thường vụ Thành ủy Hà Nội cần kiểm điểm, làm rõ thiếu sót, coi đây là bài học cần rút kinh nghiệm về việc tôn trọng quyền làm chủ của nhân dân và ý thức chấp hành pháp luật của Nhà nước.

2. Trên cơ sở nhận rõ vai trò, vị trí của Thủ đô, với trách nhiệm trước Đảng, trước dân, Ban Thường vụ Thành ủy Hà Nội cần khẩn trương chỉ đạo giải quyết dứt điểm bốn vụ khiếu kiện của nhân dân mà đồng chí Phó Thủ tướng Nguyễn Công Tạn đã báo cáo theo đúng quy định của pháp luật, cần xem xét từng trường hợp cụ thể để xử lý, không rườm rà, không xối ra làm lại toàn bộ. Việc xem xét, xử lý phải bảo đảm dân chủ, công khai, có lý có tình; coi trọng việc trực tiếp đối thoại với dân, làm tốt công tác tuyên truyền, giáo dục chính trị tư tưởng và tổ chức. Đối với những cán bộ ở bất kỳ cấp nào nếu có sai phạm đều phải xử lý nghiêm minh, kể cả việc truy cứu trách nhiệm hình sự.

3. Ban Thường vụ Thành ủy Hà Nội chỉ đạo thành lập một tổ kiểm tra gồm những cán bộ có thẩm quyền để giải quyết dứt điểm bốn vụ việc khiếu kiện phức tạp đã báo cáo trong tháng 8-1998.

Chính phủ chỉ định một nhóm cán bộ Thanh tra phối hợp với thành phố Hà Nội do đồng chí Phó Thủ tướng Nguyễn Công Tạn chủ trì theo sự phân công của Chính phủ để chỉ đạo và giúp Hà Nội thực hiện tốt nhiệm vụ này.

Sau khi giải quyết xong bốn vụ việc nói trên, Ban Cán sự Đảng Chính phủ và Thường vụ Thành ủy báo cáo kết quả cho Thường vụ Bộ Chính trị biết.

T/M THƯỜNG VỤ BỘ CHÍNH TRỊ

PHẠM THẾ DUYỆT

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**QUY CHẾ LÀM VIỆC
CỦA ĐỒNG CHÍ ỦY VIÊN THƯỜNG VỤ
BỘ CHÍNH TRỊ CHỈ ĐẠO LĨNH VỰC NỘI CHÍNH**

Số 41-QĐ/TW, ngày 28 tháng 7 năm 1998

- Căn cứ vào Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII, Quy chế làm việc của Bộ Chính trị và Thường vụ Bộ Chính trị khóa VIII;

- Thực hiện Quyết định số 32-QĐ/TW, ngày 7-2-1998 của Bộ Chính trị về việc phân công các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị;

Nay quyết định quy chế làm việc của đồng chí Ủy viên Thường vụ Bộ Chính trị chỉ đạo lĩnh vực nội chính như sau:

I- NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN

1. Nhiệm vụ và quyền hạn chung

Đồng chí Ủy viên Thường vụ Bộ Chính trị chỉ đạo lĩnh vực nội chính trực tiếp chỉ đạo Ban Nội chính Trung ương, Đảng ủy khối Nội chính Trung ương, các ban cán sự đảng: Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Thanh tra Nhà nước, Bộ Tư pháp, Tổng cục Hải quan, Đảng

đoàn Hội Luật gia Việt Nam, nhằm bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng trong các lĩnh vực công tác sau đây:

1.1- Về xây dựng pháp luật

Xem xét, đề xuất để Bộ Chính trị cho ý kiến những vấn đề thuộc quan điểm trong các dự án luật, nhất là các dự án liên quan trực tiếp đến thiết chế chính trị, an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội và quyền công dân.

1.2- Về an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội

Chỉ đạo việc xây dựng đề án về an ninh chính trị có liên quan đến nhiều ngành, nhiều địa phương để Bộ Chính trị xem xét quyết định.

Chỉ đạo các cơ quan trong hoạt động bảo vệ pháp luật, phòng chống tội phạm, bảo đảm đúng pháp luật và đường lối, quan điểm của Đảng.

Chuẩn bị để Bộ Chính trị cho phương hướng giải quyết một số vụ án quan trọng có ảnh hưởng đến chính trị rộng hoặc có liên quan đến cán bộ thuộc diện Bộ Chính trị, Thường vụ Bộ Chính trị quản lý.

1.3- Đối với công tác của các ngành: kiểm sát, tòa án, thanh tra, tư pháp, hải quan và Hội Luật gia

Thẩm tra các đề án về chủ trương mà các cơ quan này trình Bộ Chính trị.

Chỉ đạo kiểm tra việc thực hiện đường lối, nghị quyết, chỉ thị của Đảng trong các ngành nội chính và Hội Luật gia.

Cùng đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị chỉ đạo công tác kiểm tra, kiểm tra hoạt động của các đảng viên là cán bộ lãnh đạo các ngành nội chính và Hội Luật gia trong việc thực hiện đường lối, nghị quyết của Đảng.

Cùng đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị chỉ đạo công tác tổ

chức, chuẩn bị để Bộ Chính trị, Thường vụ Bộ Chính trị quyết định bố trí nhân sự chủ chốt các cơ quan nội chính và Hội Luật gia.

2. Đối với Ban Nội chính Trung ương

2.1- Chỉ đạo việc tổ chức thực hiện chức năng, nhiệm vụ, chương trình làm việc của Ban Nội chính Trung ương trên cơ sở Chương trình toàn khóa của Ban Chấp hành Trung ương và Bộ Chính trị.

2.2- Nghe báo cáo và cho ý kiến chỉ đạo về các đề án do Ban Nội chính Trung ương chuẩn bị.

2.3- Chỉ đạo Ban Nội chính Trung ương kiểm tra việc thực hiện các quyết định của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Thường vụ Bộ Chính trị trong lĩnh vực nội chính. Nghe báo cáo và cho ý kiến kết luận về kết quả kiểm tra trước khi Ban Nội chính Trung ương trình Bộ Chính trị.

2.4- Nghe Ban Nội chính Trung ương báo cáo trước khi Bộ Chính trị họp cho ý kiến về những vấn đề còn ý kiến khác nhau trong chương trình xây dựng pháp luật, dự án luật, pháp lệnh có liên quan đến thiết chế chính trị, an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, quyền công dân...

2.5- Nghe Ban Nội chính Trung ương đề xuất xử lý một số vụ án quan trọng có ảnh hưởng chính trị rộng hoặc có liên quan đến cán bộ thuộc diện Bộ Chính trị, Thường vụ Bộ Chính trị quản lý để đề nghị Bộ Chính trị cho ý kiến chỉ đạo.

2.6- Cho ý kiến về sắp xếp cán bộ lãnh đạo của Ban Nội chính Trung ương trước khi trình Bộ Chính trị hoặc Thường vụ Bộ Chính trị.

2.7- Ban Nội chính Trung ương có nhiệm vụ tham mưu, giúp việc đồng chí Ủy viên Thường vụ Bộ Chính trị thực hiện chức năng chỉ đạo lĩnh vực nội chính.

3. Đối với ban cán sự đảng các ngành nội chính Trung ương và Đảng đoàn Hội Luật gia Việt Nam

3.1- Cho ý kiến chỉ đạo về nội dung công tác cần có sự phối hợp giữa các ngành nội chính để thực hiện các nghị quyết của Trung ương về lĩnh vực nội chính.

3.2- Chỉ đạo các cơ quan phối hợp xử lý hoặc báo cáo Bộ Chính trị, Thường vụ Bộ Chính trị cho ý kiến xử lý các vụ án có ảnh hưởng chính trị rộng hoặc liên quan đến cán bộ thuộc diện Bộ Chính trị, Thường vụ Bộ Chính trị quản lý.

4. Đối với Đảng ủy Khối cơ quan nội chính Trung ương

Định kỳ nghe Thường vụ Đảng ủy Khối cơ quan nội chính Trung ương báo cáo về tình hình tư tưởng của cán bộ, đảng viên trong Khối; tình hình lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị của đảng bộ và công tác xây dựng Đảng của các ngành trong Khối. Cho ý kiến chỉ đạo về công tác của Đảng ủy Khối.

5. Đối với các cơ quan khác ở Trung ương

Đối với những vấn đề có liên quan đến công tác nội chính mà ban, ban cán sự đảng, đảng đoàn ở Trung ương xin ý kiến, thì tùy nội dung và phạm vi của từng vấn đề, đồng chí Ủy viên Thường vụ Bộ Chính trị quyết định:

5.1- Ủy nhiệm cho Ban Nội chính Trung ương giải quyết.

5.2- Trực tiếp nghe báo cáo và cho ý kiến giải quyết.

5.3- Chủ trì cùng các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Trung ương Đảng có liên quan giải quyết.

5.4- Đề nghị Bộ Chính trị hoặc Thường vụ Bộ Chính trị thảo luận quyết định.

6. Đối với các tỉnh ủy, thành ủy

Trực tiếp cho ý kiến giải quyết hoặc ủy nhiệm để đồng chí Trưởng ban Ban Nội chính Trung ương bàn với cấp ủy địa phương giải quyết những việc có liên quan đến công tác nội chính ở địa phương, khi các tỉnh, thành ủy xin ý kiến.

Đối với những vấn đề vượt thẩm quyền quyết định của mình hoặc xét thấy cần thiết thì đề nghị để Thường vụ Bộ Chính trị hoặc Bộ Chính trị chỉ đạo giải quyết.

II- VỀ CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC

Để bảo đảm sự lãnh đạo của tập thể Bộ Chính trị, phát huy trách nhiệm của đồng chí Ủy viên Thường vụ Bộ Chính trị chỉ đạo lĩnh vực nội chính, tính chủ động của Ban Nội chính Trung ương, các ban cán sự đảng ngành nội chính Trung ương và Đảng đoàn Hội Luật gia, đồng chí Ủy viên Thường vụ Bộ Chính trị chỉ đạo lĩnh vực nội chính làm việc theo chế độ sau:

1. Trừ những trường hợp đột xuất, đồng chí Ủy viên Thường vụ Bộ Chính trị chỉ đạo lĩnh vực nội chính thực hiện chế độ làm việc theo định kỳ như sau

1.1- Ba tháng một lần với Ban Nội chính Trung ương.

1.2- Sáu tháng một lần với Đảng ủy Khối cơ quan nội chính Trung ương.

1.3- Một năm một lần họp chung với các thành phần: Bí thư ban cán sự đảng, lãnh đạo tất cả các cơ quan trong Khối Nội chính; Bí thư Đảng đoàn, lãnh đạo Hội Luật gia, lãnh đạo Ban Nội chính Trung ương; Bí thư Đảng ủy Khối các cơ quan nội chính Trung ương.

Ban Nội chính Trung ương có trách nhiệm chuẩn bị nội dung và tổ chức cuộc họp này.

1.4- Một năm một lần làm việc với lãnh đạo, ban cán sự đảng, đảng đoàn và bí thư đảng ủy của từng cơ quan trong Khối Nội chính.

1.5- Các cuộc họp nói trên, ngoài các nội dung theo chương trình cụ thể của từng cuộc họp, Ban Nội chính Trung ương còn phải báo cáo về tình hình hoạt động của các ngành, tiến độ thực hiện các nghị quyết của Trung ương, tình hình và diễn biến tư tưởng của cán bộ, đảng viên và những vấn đề nổi cộm trong việc thực hiện nhiệm vụ chính trị của các cơ quan trong Khối.

2. Ban Nội chính Trung ương, Đảng ủy Khối các cơ quan nội chính Trung ương, Đảng đoàn Hội Luật gia và các ban cán sự đảng các cơ quan nội chính chủ động thực hiện những nhiệm vụ thuộc thẩm quyền đã được luật pháp, Điều lệ Đảng, quy chế hoạt động và các văn bản khác của Đảng quy định. Đối với những vấn đề vượt quá thẩm quyền hoặc các cơ quan trên có ý kiến khác nhau thì báo cáo xin ý kiến đồng chí Ủy viên Thường vụ Bộ Chính trị chỉ đạo lĩnh vực nội chính.

3. Trưởng ban Ban Nội chính Trung ương, Bí thư Đảng ủy Khối các cơ quan nội chính Trung ương, Bí thư ban cán sự đảng các cơ quan nội chính, Bí thư Đảng đoàn Hội Luật gia, khi cần thiết có thể đề nghị làm việc trực tiếp với đồng chí

Ủy viên Thường vụ Bộ Chính trị chỉ đạo lĩnh vực nội chính (trừ những việc đột xuất, cấp bách, các buổi làm việc phải được đăng ký trước một tuần và kèm theo nội dung đề án, những vấn đề xin ý kiến).

Tùy từng vấn đề, đồng chí Ủy viên Thường vụ Bộ Chính trị chỉ đạo lĩnh vực nội chính có thể trực tiếp cho ý kiến giải quyết ngay; trường hợp cần thiết, đồng chí Ủy viên Thường vụ Bộ Chính trị trao đổi với đồng chí Thường trực Bộ Chính trị, xin ý kiến đồng chí Tổng Bí thư để giải quyết; đối với những vấn đề lớn, quan trọng, đề nghị tập thể Thường vụ Bộ Chính trị thảo luận cho ý kiến quyết định.

Các văn bản của Ban Nội chính Trung ương, Đảng ủy Khối cơ quan nội chính Trung ương, ban cán sự đảng các cơ quan nội chính, Đảng đoàn Hội Luật gia gửi Bộ Chính trị, Thường vụ Bộ Chính trị, đồng thời gửi đồng chí Ủy viên Thường vụ Bộ Chính trị chỉ đạo lĩnh vực nội chính.

Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ ngày được ban hành. Trong quá trình thực hiện, nếu thấy có điểm nào cần sửa đổi, bổ sung thì báo cáo xin ý kiến Thường vụ Bộ Chính trị quyết định.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

PHẠM THẾ DUYỆT

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**THÔNG TRI
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ**

Số 04-TT/TW, ngày 30 tháng 7 năm 1998

**Về việc tăng cường lãnh đạo công tác bảo vệ,
chăm sóc và giáo dục trẻ em**

Thực hiện Chỉ thị 38-CT/TW, ngày 30-5-1994 của Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa VII, các cấp ủy đảng, chính quyền, các ngành, đoàn thể trong cả nước đã có những chủ trương, biện pháp tích cực để bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em. Nhiều phong trào vì trẻ em được mở rộng ở các địa phương, thu hút đông đảo các tầng lớp nhân dân tham gia.

Tuy nhiên, sự tiến bộ trong công tác bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em chưa đồng đều. Tình hình trẻ em ở các vùng khó khăn chưa được cải thiện bao nhiêu. Một số mục tiêu của Chương trình hành động quốc gia vì trẻ em đến năm 2000 rất khó đạt được, như: giảm tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng dưới 5 tuổi, thực hiện phổ cập giáo dục tiểu học cho trẻ em ở vùng cao, vùng sâu, bảo đảm các điều kiện vui chơi, giải trí cho trẻ em ở cơ sở. Đặc biệt đáng lo ngại là gần đây tình trạng trẻ em nghiện hút ma túy và phạm pháp có chiều hướng gia tăng; một bộ phận trẻ em đang phải lang thang kiếm sống và bị

lạm dụng sức lao động; tình trạng trẻ em bị ngược đãi, buôn bán, xâm hại tình dục, lừa gạt vào con đường mại dâm chưa ngăn chặn được.

Một trong những nguyên nhân của tình hình nói trên là do nhiều cấp ủy đảng và chính quyền chưa nhận thức đầy đủ trách nhiệm trong công tác bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em; còn lúng túng trong biện pháp chỉ đạo cụ thể; chưa quan tâm dành những điều kiện tốt nhất cho trẻ em. Nhiều đảng bộ, chi bộ và đảng viên chưa nắm được tinh thần của Chỉ thị 38-CT/TW, chưa có kế hoạch lãnh đạo, chỉ đạo để phát huy sức mạnh tiềm tàng ở mỗi địa phương, đặc biệt là vai trò của gia đình và cộng đồng để bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em.

Để khắc phục các thiếu sót và khuyết điểm nêu trên và phấn đấu đạt được các mục tiêu của Chương trình hành động quốc gia vì trẻ em đến năm 2000; thực hiện *Luật bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em* và Công ước quốc tế về quyền trẻ em; giải quyết những vấn đề bức xúc hiện nay, Thường vụ Bộ Chính trị yêu cầu tổ chức đảng các cấp, các ngành, đoàn thể tiếp tục quán triệt và thực hiện nghiêm túc Chỉ thị 38-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa VII và ý kiến chỉ đạo của đồng chí Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu tại Hội nghị toàn quốc về bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em ngày 30-6-1998. Trong lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện, chú trọng một số điểm sau đây:

1. Nâng cao chất lượng công tác tuyên truyền giáo dục, tạo ra bước chuyển biến về nhận thức và trách nhiệm của các tổ chức đảng, chính quyền, đoàn thể, các tổ chức xã hội và nhân dân đối với công tác bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ

em; làm cho mỗi gia đình, cộng đồng và toàn xã hội hiểu rõ đặc điểm, nhu cầu, quyền và bổn phận của trẻ em, thực sự dành ưu tiên cho trẻ em.

Hướng dẫn, giúp đỡ và vận động các gia đình, cộng đồng cam kết trong việc thực hiện bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em. Nêu gương những gia đình nuôi dạy con tốt, những trẻ em chăm ngoan; tạo dư luận xã hội phê phán các hành vi thiếu trách nhiệm đối với trẻ em; tích cực giải quyết những vấn đề xã hội có ảnh hưởng tiêu cực đối với trẻ em.

2. Tổng kết kinh nghiệm và mở rộng các mô hình, các phong trào bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em ở các địa phương và cơ sở; phát huy hiệu quả "Tháng hành động vì trẻ em" hằng năm. Tăng cường chỉ đạo các hoạt động của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Đội Thiếu niên tiên phong Hồ Chí Minh và các hình thức sinh hoạt tập thể, hoạt động xã hội của trẻ em. Lồng ghép các mục tiêu bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em vào các cuộc vận động và các phong trào chung, các nhiệm vụ kinh tế - xã hội ở mỗi địa phương.

3. Phát huy các biện pháp đồng bộ và huy động mọi nguồn lực của xã hội nhằm đạt được các mục tiêu của Chương trình hành động quốc gia vì trẻ em đến năm 2000.

Tăng cường đầu tư cho công tác bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em thông qua các chương trình phát triển kinh tế - xã hội, xóa đói giảm nghèo, vay vốn, tạo việc làm, cứu trợ xã hội, xây dựng làng xã văn hóa, nâng cao chất lượng cuộc sống... Có quy hoạch dành đất để xây dựng trường học, bệnh viện, trạm y tế, các khu vui chơi, giải trí, văn hóa, thể thao của trẻ em. Đặc biệt quan tâm đầu tư và tổ chức giúp đỡ trẻ em ở các

vùng khó khăn, vùng căn cứ cách mạng. Khai thác các điều kiện sẵn có để tăng thêm các cơ sở phúc lợi cho trẻ em. Khuyến khích các hoạt động tự nguyện, nhân đạo vì trẻ em. Phát triển và sử dụng có hiệu quả "Quỹ bảo trợ trẻ em" và các quỹ khác vì trẻ em.

4. Nghiên cứu bổ sung và đôn đốc thực hiện tốt các văn bản pháp luật liên quan đến bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em. Xây dựng ý thức trách nhiệm của mỗi người dân đối với việc bảo vệ trẻ em; lên án và trừng trị nghiêm những vụ vi phạm quyền trẻ em. Giáo dục, ngăn ngừa các hành vi phạm pháp của trẻ em.

Đẩy mạnh nghiên cứu khoa học, nắm chắc tình hình, dự báo và giải quyết có hiệu quả những vấn đề về trẻ em. Xây dựng chiến lược bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em đến năm 2010.

5. Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo các ngành, đoàn thể, tổ chức xã hội nhằm giải quyết những vấn đề bức xúc của trẻ em, như tình trạng tử vong sơ sinh, suy dinh dưỡng, trẻ em chưa được đi học, trẻ em có hoàn cảnh khó khăn, nghiện hút ma túy, bị bóc lột sức lao động, bị lạm dụng tình dục và bị lừa gạt làm nghề mại dâm. Các địa phương có nhiều trẻ em bỏ nhà ra đi và các địa phương có nhiều trẻ em đến lang thang kiếm sống phải có trách nhiệm phối hợp với nhau và cùng các bộ, ngành có biện pháp từng bước giải quyết một cách đồng bộ.

Tăng cường và củng cố tổ chức hệ thống ủy ban bảo vệ và chăm sóc trẻ em các cấp; quan tâm xây dựng, động viên đội ngũ cán bộ, cộng tác viên, tình nguyện viên làm công tác trẻ em ở cộng đồng. Chăm lo xây dựng Đoàn Thanh niên Cộng

sản Hồ Chí Minh nhằm lãnh đạo tốt Đội Thiếu niên tiên phong. Hình thành các cơ chế thích hợp để nâng cao hiệu quả lồng ghép và phối hợp liên ngành trong công tác bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em.

Ban Khoa giáo Trung ương chủ trì, phối hợp với Ban Cán sự Đảng Ủy ban Bảo vệ và Chăm sóc trẻ em Việt Nam và các bộ, ngành, đoàn thể giúp Bộ Chính trị hướng dẫn, kiểm tra và định kỳ báo cáo tình hình thực hiện Thông tri này.

T/M THƯỜNG VỤ BỘ CHÍNH TRỊ

PHẠM THẾ DUYỆT

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
Ý KIẾN CỦA THƯỜNG VỤ BỘ CHÍNH TRỊ
Số 155-TB/TW, ngày 4 tháng 8 năm 1998
Về Đại hội VIII Công đoàn Việt Nam

Tại phiên họp ngày 18-7-1998, sau khi nghe Đảng đoàn, Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam và Ban Dân vận Trung ương báo cáo về Đại hội VIII Công đoàn Việt Nam, Thường vụ Bộ Chính trị có ý kiến chỉ đạo như sau:

1. Đồng ý tổ chức Đại hội VIII Công đoàn Việt Nam vào quý IV-1998, thời gian 4 ngày (cả Đại hội trừ bị) với 900 đại biểu; số lượng Ban Chấp hành Tổng Liên đoàn khóa VIII từ 135 - 145 ủy viên; Đoàn Chủ tịch từ 15 - 17 ủy viên.

Đảng đoàn Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam cùng với Ban Tổ chức Trung ương, Ban Dân vận Trung ương chuẩn bị đề án nhân sự Đại hội VIII Công đoàn Việt Nam để trình Bộ Chính trị. Chú ý xem xét hạ độ tuổi bình quân của Ban Chấp hành, tăng đại biểu ở các thành phần kinh tế ngoài quốc doanh, đại biểu trí thức.

2. Về đánh giá tình hình công đoàn, cần khẳng định vai trò của tổ chức công đoàn trong việc tham gia quản lý kinh tế - xã hội từ trung ương đến cơ sở. Đánh giá đúng thực trạng

của đội ngũ công nhân, viên chức, lao động trong các thành phần kinh tế, đặc biệt là khu vực kinh tế ngoài quốc doanh để trên cơ sở đó có biện pháp tập hợp, tổ chức, giáo dục lực lượng này. Làm rõ mô hình tổ chức hoạt động công đoàn trong các loại hình doanh nghiệp, những mặt được, chưa được, nguyên nhân và những giải pháp. Đánh giá phong trào thi đua yêu nước trong công nhân, lao động.

3. Về phương hướng hoạt động nhiệm kỳ 1998 - 2003, cần cụ thể hóa tinh thần các nghị quyết của Đảng trong tổ chức và hoạt động công đoàn, lưu ý một số vấn đề sau:

- Phân tích để hiểu sâu sắc hơn bối cảnh đất nước đang bước vào các thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa, những thời cơ và thách thức, những diễn biến phức tạp của tình hình kinh tế - chính trị trên thế giới để tuyên truyền giáo dục, vận động và tổ chức công nhân, lao động, đoàn viên công đoàn thực hiện đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước.

- Khẳng định công đoàn có vai trò rất quan trọng trong việc phát triển kinh tế - xã hội; là chỗ dựa vững chắc của Đảng. Làm rõ vai trò nòng cốt, tiên phong và lãnh đạo của giai cấp công nhân trong khối liên minh công - nông - trí thức và trong khối đại đoàn kết dân tộc.

- Bảo vệ quyền lợi hợp pháp của công nhân, viên chức, lao động gắn liền với tập hợp, tổ chức, giáo dục công nhân, lao động tham gia xây dựng, kiểm tra giám sát thực hiện pháp luật.

- Về nhiệm vụ chủ yếu, cần tập trung vào một số lĩnh vực phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của tổ chức công đoàn. Cần cân nhắc thêm nội dung khẩu hiệu hành động của công đoàn; nhấn mạnh vai trò làm chủ của giai cấp công nhân, tham gia

lao động sản xuất và tham gia quản lý với năng suất, chất lượng, hiệu quả, đồng thời bảo vệ quyền lợi chính đáng của công nhân, lao động; không nên chỉ đề cập đến vấn đề việc làm và dân chủ.

4. Về Điều lệ Công đoàn Việt Nam, chưa nên mở rộng đối tượng tham gia tổ chức công đoàn đến tất cả cán bộ ở xã, phường, trước mắt giới hạn ở đối tượng là cán bộ làm công tác giáo dục và y tế ở xã, phường.

5. Đồng ý mời khách quốc tế dự Đại hội VIII Công đoàn, số lượng khoảng 30 - 35 đoàn; ưu tiên mời các tổ chức công đoàn vùng, khu vực, nhất là các nước có quan hệ tốt với Việt Nam.

T/M THƯỜNG VỤ BỘ CHÍNH TRỊ
PHẠM THẾ DUYỆT

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
Ý KIẾN CỦA THƯỜNG VỤ BỘ CHÍNH TRỊ
Số 157-TB/TW, ngày 4 tháng 8 năm 1998
Về Đại hội V Mặt trận Tổ quốc Việt Nam

Tại phiên họp ngày 18-7-1998, sau khi nghe Đảng đoàn Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Ban Dân vận Trung ương báo cáo về Đại hội V Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Thường vụ Bộ Chính trị có ý kiến như sau:

1. Đồng ý tổ chức Đại hội V Mặt trận Tổ quốc Việt Nam vào cuối năm 1999 (thời điểm cụ thể do Đảng đoàn Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam quyết định).

Việc mời khách quốc tế dự Đại hội, số lượng không nên nhiều, chú ý đến các vùng, các khu vực, nhất là các nước có quan hệ tốt với Việt Nam.

Đảng đoàn Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam bàn việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ và cơ cấu, độ tuổi của các thành viên tham gia Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; làm việc cụ thể với Ban Tổ chức Trung ương, sau đó trình Thường vụ Bộ Chính trị cho ý kiến.

2. Đại hội V Mặt trận Tổ quốc Việt Nam có ý nghĩa rất quan trọng đối với đất nước ta hiện nay. Đại hội cần phân tích để hiểu sâu sắc hơn những chủ trương của Đảng về thời

cơ, thách thức của đất nước chuyển sang thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa, diễn biến phức tạp của tình hình kinh tế - chính trị trên thế giới để có những giải pháp thiết thực củng cố khối đoàn kết dân tộc dưới sự lãnh đạo của Đảng, động viên tập hợp quần chúng rộng rãi nhất là đồng bào tôn giáo, dân tộc thiểu số, kiều bào ở nước ngoài thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước.

3. Việc chuẩn bị và tiến hành Đại hội Mặt trận các cấp phải là đợt sinh hoạt chính trị rộng lớn của quần chúng. Đảng đoàn Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và cấp ủy đảng các cấp cần chỉ đạo làm tốt đại hội từ cấp xã, phường đến Trung ương; chú ý việc cụ thể hóa các nghị quyết Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII vào chương trình hành động của mỗi cấp, phát động toàn dân tham gia phong trào thi đua yêu nước.

Đảng đoàn Mặt trận dự thảo và trình Bộ Chính trị ban hành chỉ thị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với việc chuẩn bị và tổ chức Đại hội Mặt trận các cấp.

4. Ban Dân vận Trung ương chủ trì phối hợp với Đảng đoàn Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tổng kết việc thực hiện đường lối đại đoàn kết toàn dân.

Luật mặt trận sẽ được ban hành nếu được chuẩn bị tốt; nhưng không nhất thiết phải có *Luật mặt trận* mới tổ chức Đại hội.

T/M THƯỜNG VỤ BỘ CHÍNH TRỊ

PHẠM THẾ DUYỆT

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
Ý KIẾN CỦA THƯỜNG VỤ BỘ CHÍNH TRỊ
Số 160-TB/TW, ngày 12 tháng 8 năm 1998
Về triển khai xây dựng thị trường chứng khoán
ở Việt Nam

Ngày 7-8-1998, sau khi nghe Ban Cán sự Đảng Ủy ban Chứng khoán Nhà nước báo cáo công tác triển khai xây dựng thị trường chứng khoán ở Việt Nam, Thường vụ Bộ Chính trị có ý kiến chỉ đạo như sau:

1. Việc hình thành và phát triển thị trường chứng khoán ở nước ta là cần thiết và đã được Thường vụ Bộ Chính trị cho ý kiến chỉ đạo. Tuy nhiên, chúng ta còn thiếu khuôn khổ pháp lý, khối lượng hàng hóa chứng khoán cần thiết cũng như kiến thức, kinh nghiệm thực tiễn trong quản lý và vận hành thị trường chứng khoán. Mặt khác, thị trường chứng khoán khu vực và thế giới đã và đang có những chao đảo lớn do tác động của cuộc khủng hoảng tài chính - tiền tệ. Do đó, cần quán triệt đúng phương châm xây dựng thị trường chứng khoán ở nước ta trong thời gian tới là: tích cực chuẩn bị, triển khai đồng bộ, có bước đi thận trọng vững chắc, hợp quy luật phát triển và định hướng xã hội chủ nghĩa.

2. Theo phương châm trên, cần tiếp tục chuẩn bị kỹ hơn các yếu tố và điều kiện cần thiết để thành lập thị trường chứng khoán ở Việt Nam, đặc biệt là việc hình thành và đưa vào vận hành hai trung tâm giao dịch chứng khoán tại Thành phố Hồ Chí Minh và thành phố Hà Nội. Ban Cán sự Đảng Chính phủ tiếp tục chỉ đạo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các ngành chức năng làm tốt công tác chuẩn bị việc thành lập hai trung tâm này; khi điều kiện thực sự chín muồi cần báo cáo Thường vụ Bộ Chính trị quyết định trước khi chính thức đưa vào vận hành.

Trong quá trình chuẩn bị, cần lưu ý các vấn đề sau:

a) Cải tiến phương thức và cơ cấu phát hành trái phiếu của Chính phủ, tạo thuận lợi trong giao dịch trái phiếu, chú trọng phát hành trái phiếu trung và dài hạn để huy động vốn cho đầu tư phát triển. Đẩy nhanh tiến trình cổ phần hoá một bộ phận doanh nghiệp nhà nước, hình thành khối lượng chứng khoán cần thiết, có chất lượng để trung tâm giao dịch chứng khoán đi vào hoạt động và phát triển vững chắc, có hiệu quả, tạo lòng tin cho các nhà đầu tư trong nước và ngoài nước.

b) Xây dựng cơ chế thông tin, kiểm tra, kiểm toán chặt chẽ đối với các đối tượng tham gia và các hoạt động giao dịch, kinh doanh chứng khoán. Chuẩn bị các điều kiện để có thể tổ chức quản lý tốt ngay từ đầu quá trình hình thành và cấp giấy phép cho một số công ty chứng khoán nhằm tạo ra các tổ chức kinh doanh chứng khoán chuyên nghiệp có đủ điều kiện, được quản lý và giám sát chặt chẽ. Đặc biệt, cần nghiên cứu và ban hành chính sách riêng về sự tham gia của các thể nhân và pháp nhân nước ngoài vào thị trường chứng khoán

nước ta, không để xảy ra những tiêu cực trong hoạt động của thị trường chứng khoán, gây mất ổn định kinh tế - xã hội.

c) Đẩy mạnh việc đào tạo cơ bản, chuyên sâu và đào tạo thực hành các nghiệp vụ kinh doanh trên thị trường chứng khoán cho cán bộ trong ngành chứng khoán, các công ty môi giới chứng khoán, quỹ đầu tư... Chủ động và tranh thủ sự giúp đỡ của các tổ chức quốc tế, thị trường chứng khoán các nước, các chuyên gia nước ngoài để học hỏi thêm kinh nghiệm và đào tạo cán bộ cho ngành chứng khoán nước ta, sớm hình thành một đội ngũ nghiên cứu, vận hành và nhân viên hành nghề có đủ khả năng tham gia các hoạt động của thị trường chứng khoán.

d) Tổ chức tốt công tác tuyên truyền phổ cập kiến thức về chứng khoán và thị trường chứng khoán cho cán bộ lãnh đạo và quản lý các cấp, cho nhân dân và các nhà doanh nghiệp để nâng cao nhận thức và thực hiện tốt chủ trương phát triển thị trường chứng khoán ở Việt Nam.

T/M THƯỜNG VỤ BỘ CHÍNH TRỊ

PHẠM THẾ DUYỆT

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
Ý KIẾN CỦA THƯỜNG VỤ BỘ CHÍNH TRỊ
Số 161-TB/TW, ngày 12 tháng 8 năm 1998
Về vụ án buôn lậu tại cảng Sài Gòn

Ngày 8-8-1998, sau khi nghe Đảng ủy Công an Trung ương và các ban, ngành liên quan báo cáo vụ án buôn lậu xảy ra tại cảng Sài Gòn, Thường vụ Bộ Chính trị có ý kiến như sau:

1. Đây là vụ án buôn lậu đặc biệt nghiêm trọng, đã gây tác hại rất lớn về kinh tế, thể hiện sự yếu kém, hư hỏng và tiêu cực của cơ quan và cán bộ có trách nhiệm, tạo điều kiện cho bọn tội phạm lợi dụng một số doanh nghiệp nhà nước, vô hiệu hóa cơ quan hải quan để hoạt động buôn lậu công khai, trắng trợn trong một thời gian dài. Các cơ quan bảo vệ pháp luật cần phải thấy hết tính chất nghiêm trọng trên để phân tích sâu sắc, đầy đủ trong việc truy tố, xét xử và rút ra bài học kinh nghiệm trong công tác quản lý, công tác cán bộ, xây dựng bộ máy nhà nước trong sạch và vững mạnh.

2. Cần sớm đưa vụ án ra xét xử công bằng, nghiêm minh, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Tất cả những người có vi phạm đều phải được xử lý; cán bộ trong cơ quan nhà nước

hối lộ, tiếp tay cho buôn lậu phải xử lý thật nghiêm. Không nên đặt vấn đề đình chỉ việc điều tra đối với bị can là con liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng; khi xử lý có thể chú ý cân nhắc để áp dụng hình thức xử lý cho phù hợp.

Không nên giao cho địa phương xử lý đối với 17 cán bộ doanh nghiệp nhà nước phạm tội cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng mà cần phải xét xử cùng với vụ án buôn lậu.

3. Qua vụ án này, các bộ, ngành, cấp ủy đảng và chính quyền địa phương có liên quan (như Tổng cục Hải quan, Bộ Thương mại, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng...) cần tổ chức kiểm điểm làm rõ trách nhiệm của tập thể, cá nhân và nghiêm túc rút kinh nghiệm trong công tác quản lý nhà nước, quản lý cán bộ, đảng viên, công tác đấu tranh phòng và chống buôn lậu, gian lận thương mại.

4. Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương cần phối hợp chặt chẽ với các cơ quan bảo vệ pháp luật, tổ chức việc tuyên truyền trước và sau khi xử vụ án này để giáo dục cán bộ, đảng viên, phục vụ yêu cầu đấu tranh ngăn ngừa tội phạm.

T/M THƯỜNG VỤ BỘ CHÍNH TRỊ

PHẠM THẾ DUYỆT

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

ĐIỆN
CỦA THƯỜNG TRỰC BỘ CHÍNH TRỊ
Số 120, ngày 13 tháng 8 năm 1998
Về điều chỉnh tỷ giá giữa đồng Việt Nam
và đồng đôla Mỹ*

Kính gửi các tỉnh ủy, thành ủy,

Theo sự chỉ đạo của Thường trực Bộ Chính trị, Văn phòng Trung ương thông báo để các tỉnh ủy, thành ủy biết ý kiến chỉ đạo của Bộ Chính trị trong phiên họp ngày 5-8-1998 về việc điều chỉnh tỷ giá giữa đồng Việt Nam với đôla Mỹ như sau:

1. Gần 2 năm qua, tỷ giá đồng Việt Nam với đôla Mỹ đã được chủ động điều chỉnh từng bước, đó là việc làm cần thiết và phù hợp. Trước những diễn biến mới của tình hình kinh tế trong thời gian gần đây, nhất là những tác động của cuộc khủng hoảng tài chính - tiền tệ khu vực, Bộ Chính trị tán thành với đề nghị của Ban Cán sự Đảng Chính phủ về việc điều chỉnh tỷ giá giữa đồng Việt Nam với đôla Mỹ theo

* Đầu đề do chúng tôi đặt (B.T).

nguyên tắc lấy tỷ giá giao dịch thực tế giữa các ngân hàng đầu tháng 8-1998 làm căn cứ, cộng với biên độ dao động phù hợp, nhưng trong mọi trường hợp phải đảm bảo tỷ giá giữa đồng Việt Nam với đồng đôla Mỹ không vượt quá 14.000 đồng Việt Nam/1 đôla.

2. Việc điều chỉnh tỷ giá sẽ tác động rất nhạy cảm đối với tâm lý nhân dân, với sản xuất kinh doanh... Vì vậy, Ban Cán sự Đảng Chính phủ cần chỉ đạo chặt chẽ các phương tiện thông tin đại chúng trong việc đưa tin và hướng dẫn dư luận. Việc thực hiện phương án điều chỉnh phải gắn chặt với việc tăng cường các giải pháp điều hành, nhất là trong nội bộ các tổ chức kinh tế nhà nước (doanh nghiệp xuất nhập khẩu và ngân hàng...) nhằm đảm bảo cân đối cung - cầu về ngoại tệ, không gây đột biến xấu cho nền kinh tế, khuyến khích xuất khẩu, kiểm soát nhập khẩu, tăng dự trữ ngoại tệ của đất nước...

Đồng thời, cần có chính sách cụ thể để khuyến khích các tổ chức kinh tế và nhân dân gửi ngoại tệ vào ngân hàng. Kiểm soát chặt chẽ và tiết kiệm việc sử dụng ngoại tệ, nhất là việc sử dụng ngoại tệ để nhập hàng tiêu dùng, vật tư chưa thiết yếu hoặc nhằm đầu cơ, trục lợi. Nghiên cứu để có phương án sử dụng hợp lý, có hiệu quả cao nhất số ngoại tệ hiện đang gửi tại các ngân hàng nước ngoài.

3. Cùng với việc chỉ đạo thực hiện tốt phương án điều chỉnh tỷ giá, cần khẩn trương xây dựng phương án sắp xếp lại khu vực sản xuất kinh doanh, trước hết là các tổ chức kinh doanh xuất nhập khẩu, hệ thống ngân hàng - tài chính

theo hướng làm lành mạnh hóa, tăng cường hiệu quả, phát huy các công cụ kinh tế nhà nước trong việc điều hành vĩ mô nền kinh tế.

T/L THƯỜNG TRỰC BỘ CHÍNH TRỊ
CHÁNH VĂN PHÒNG

TRẦN ĐÌNH HOAN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**CHỈ THỊ
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ**

Số 39-CT/TW, ngày 14 tháng 8 năm 1998

**Về việc thực hiện một số nhiệm vụ cấp bách
trong công tác bảo vệ chính trị nội bộ**

Thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 3 (khóa VII) về "Nhiệm vụ quốc phòng, bảo vệ an ninh quốc gia, chống diễn biến hòa bình của các thế lực thù địch", Chỉ thị số 23-CT/TW, ngày 12-6-1993 của Bộ Chính trị khóa VII về "Tăng cường công tác bảo vệ chính trị nội bộ trong tình hình mới"; toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ta đã làm thất bại một bước quan trọng chiến lược "diễn biến hoà bình" và âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, góp phần quan trọng giữ vững ổn định chính trị, thực hiện thắng lợi sự nghiệp đổi mới.

Để chống phá công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc của nước ta, các thế lực thù địch ráo riết lợi dụng sơ hở và khuyết điểm của ta để thực hiện âm mưu "diễn biến hòa bình", thâm nhập phá hoại nội bộ Đảng ta nhằm làm thay đổi bản chất giai cấp của Đảng, làm cho đảng viên từ bỏ mục tiêu lý tưởng cách mạng, tự "diễn biến", tự "đổi màu",

hình thành lực lượng đối lập từ bên trong, tạo dựng "ngọn cỏ" chờ thời cơ để thực hiện âm mưu xóa bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng, xóa bỏ chế độ xã hội chủ nghĩa.

Tình hình chính trị nội bộ ta, bên cạnh những mặt mạnh, ưu điểm là cơ bản như Nghị quyết Đại hội VIII đã khẳng định, vẫn còn tồn tại nhiều khuyết điểm, yếu kém. Không ít cán bộ, đảng viên dao động về mục tiêu lý tưởng xã hội chủ nghĩa. Một số người đã công khai nói, viết và tán phát các tài liệu trái với Cương lĩnh, đường lối, Điều lệ của Đảng. Nhiều cán bộ, đảng viên lợi dụng chức quyền và những sơ hở trong cơ chế quản lý của Nhà nước để thu vén cá nhân làm giàu bất chính, bị cuốn hút theo lối sống thực dụng; thiếu tinh thần trách nhiệm để thất thoát tiền, tài sản của Nhà nước, của nhân dân. Sự thoái hóa về tư tưởng, đạo đức, lối sống trong một bộ phận cán bộ, đảng viên, nhất là thoái hóa về chính trị, xa rời lý tưởng, mất niềm tin vào con đường đi lên chủ nghĩa xã hội, đã gây hậu quả xấu về nhiều mặt. Trong bộ máy đảng và nhà nước, tệ quan liêu, mất dân chủ, thiếu kỷ cương, mất đoàn kết cũng đang diễn ra ở nhiều nơi; sức chiến đấu của tổ chức đảng cơ sở bị giảm sút, thậm chí có nơi bị tê liệt hoặc bị vô hiệu hóa. Nhiều cán bộ, đảng viên còn mơ hồ, mất cảnh giác trước những âm mưu, thủ đoạn hoạt động diễn biến hòa bình của các thế lực thù địch. Một số cấp ủy, ban cán sự đảng, đảng đoàn chưa quan tâm đúng mức, thậm chí có nơi còn coi nhẹ công tác bảo vệ chính trị nội bộ; chưa kiên toàn và củng cố cơ quan tham mưu về bảo vệ chính trị nội bộ ngang tầm với yêu cầu nhiệm vụ.

Tình hình thế giới và khu vực đang có những diễn biến phức tạp, ở trong nước cũng đang nảy sinh nhiều vấn đề có

liên quan đến tình hình an ninh chính trị của đất nước, Bộ Chính trị yêu cầu các cấp ủy đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn tập trung chỉ đạo thực hiện một số nhiệm vụ cấp bách sau đây:

1. Cần nhận thức sâu sắc trong tình hình hiện nay, nhiệm vụ bảo vệ chính trị nội bộ trước hết là bảo vệ Cương lĩnh, Điều lệ Đảng, Hiến pháp và pháp luật của Nhà nước, đó là nền tảng tư tưởng, nguyên tắc tổ chức của Đảng, của Nhà nước ta. Xây dựng Đảng thật sự trong sạch, vững mạnh, gần bó mật thiết với nhân dân, giữ gìn đạo đức, lối sống lành mạnh của cán bộ, đảng viên là yếu tố quyết định để chủ động tiến công làm thất bại mọi âm mưu và thủ đoạn hoạt động của các thế lực thù địch chống phá nội bộ ta. Đề cao cảnh giác cách mạng, kịp thời đấu tranh với những người có quan điểm trái đường lối, nguyên tắc tổ chức của Đảng.

2. Đẩy mạnh giáo dục nâng cao bản lĩnh chính trị, ý thức cảnh giác cách mạng cho cán bộ, đảng viên trước những âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch, nâng cao tinh thần trách nhiệm thực hiện tốt nhiệm vụ bảo vệ chính trị nội bộ.

Có nội dung và kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên cho cán bộ, đảng viên nâng cao bản lĩnh chính trị, kiên định mục tiêu lý tưởng xã hội chủ nghĩa, độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Giáo dục cho cán bộ, đảng viên nhận thức sâu sắc về bản chất âm mưu diễn biến hòa bình nhằm xóa bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng và chế độ xã hội chủ nghĩa ở nước ta; nhận rõ sự suy thoái của một bộ phận cán bộ, đảng viên về tư tưởng, đạo đức, lối sống là điều kiện để cho các thế lực thù địch thực hiện âm mưu diễn biến hòa bình.

3. Làm tốt công tác xây dựng Đảng gắn với công tác bảo vệ chính trị nội bộ chống lại những âm mưu, thủ đoạn phá hoại từ bên ngoài tác động vào nội bộ Đảng. Gắn công tác giáo dục tư tưởng với việc ngăn chặn những biểu hiện suy thoái về tư tưởng, đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên. Kịp thời xử lý nghiêm những đảng viên vô kỷ luật, nói, viết và làm trái Cương lĩnh, Điều lệ Đảng và Hiến pháp của Nhà nước.

4. Các tỉnh ủy, thành ủy, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Trung ương cần tiến hành thật tốt việc rà soát chính trị nội bộ. Trước mắt, từ nay đến năm 2000, tập trung rà soát cán bộ đang giữ chức vụ lãnh đạo và quản lý trong hệ thống chính trị từ cơ sở đến Trung ương, bao gồm cả những cán bộ trong diện kế cận chuẩn bị cho nhân sự cấp ủy nhiệm kỳ tới; đặc biệt là những cán bộ công tác trong các cơ quan quan trọng và cơ mật của Đảng và Nhà nước.

Các cấp ủy đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn cần tập trung cán bộ có đạo đức, công tâm và có kinh nghiệm để thực hiện nhiệm vụ này nhằm hiểu đúng về cán bộ, đảng viên trên các mặt chính trị, tư tưởng, đạo đức và lối sống; đánh giá mức độ tin cậy về chính trị và sự tín nhiệm của quần chúng đối với cán bộ, đảng viên.

Việc rà soát chính trị nội bộ phải do cấp ủy trực tiếp chỉ đạo, có sự phối hợp chặt chẽ của các ban Đảng và các ngành chức năng có liên quan; tiến hành có trọng tâm, trọng điểm, làm thủ rút kinh nghiệm rồi mới mở diện. Không đặt thành một cuộc vận động phát hiện, tự báo; tránh gây tâm lý hoang mang và sự hiểu lầm trong nội bộ.

Những trường hợp có nghi vấn chính trị, những vấn đề có liên quan đến phẩm chất, tư cách của cán bộ, đảng viên cần phải được thẩm tra, xác minh cẩn thận để kết luận; nếu phải xử lý, cần thực hiện đúng quy định hiện hành. Trường hợp phức tạp phải có ý kiến chỉ đạo của cấp ủy và cơ quan chuyên môn cấp trên. Đối với những trường hợp không còn đủ tư cách đảng viên, qua giáo dục, giúp đỡ vẫn không tiến bộ thì kiên quyết đưa ra khỏi Đảng. Những cán bộ mà tín nhiệm bị giảm sút, quần chúng bất bình thì cần xem xét xử lý và tùy mức độ mà có sự điều chỉnh cương vị công tác cho phù hợp.

5. Khẩn trương xây dựng và ban hành quy chế bảo vệ chính trị nội bộ theo tinh thần Nghị quyết Hội nghị Trung ương 3 (khóa VIII). Quy định rõ trách nhiệm của tổ chức đảng trong việc quản lý cán bộ, đảng viên trên một số mặt chủ yếu: tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, kết nạp đảng viên mới; quy chế lựa chọn đảng viên khi giới thiệu bầu vào cấp ủy, đề bạt, bổ nhiệm cán bộ; cử đi công tác, học tập ở nước ngoài; bố trí vào các cơ quan trọng yếu, cơ mật.

6. Cần kiện toàn cơ quan bảo vệ chính trị nội bộ các cấp cả về tổ chức bộ máy, cán bộ, phương thức hoạt động, quy chế làm việc và bảo đảm điều kiện vật chất đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao.

Ở tất cả các tỉnh ủy, thành ủy, ban cán sự đảng, đảng đoàn và đảng ủy trực thuộc Trung ương, lập ban bảo vệ chính trị nội bộ đặt dưới sự chỉ đạo trực tiếp của ban thường vụ cấp ủy cùng cấp.

Ở cấp quận, huyện thuộc Thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, lập ban bảo vệ chính trị nội bộ trực thuộc huyện ủy,

quận ủy; đối với các địa phương khác, nếu cần thành lập ban thì tỉnh ủy, thành ủy quyết định. Những nơi không lập ban ở cấp quận, huyện thì phân công từ một đến hai cán bộ chuyên trách công tác bảo vệ chính trị nội bộ.

Việc tăng cường tổ chức, cán bộ làm công tác bảo vệ chính trị nội bộ trên cơ sở số cán bộ hiện có (không tăng thêm biên chế).

Ở cấp cơ sở, đồng chí bí thư hoặc phó bí thư cấp ủy trực tiếp làm công tác bảo vệ chính trị nội bộ.

Riêng Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, do Đảng ủy Quân sự Trung ương và Đảng ủy Công an Trung ương quyết định quy mô và hình thức tổ chức bảo vệ chính trị nội bộ cho phù hợp.

7. Ban Bảo vệ chính trị nội bộ Trung ương phối hợp với các ban của Đảng, Đảng ủy Quân sự Trung ương, Đảng ủy Công an Trung ương có kế hoạch triển khai các quyết định của Đảng về công tác bảo vệ chính trị nội bộ gắn với công tác xây dựng Đảng và với việc thực hiện Nghị quyết của Bộ Chính trị về an ninh quốc gia.

Ban Bảo vệ chính trị nội bộ Trung ương chịu trách nhiệm hướng dẫn việc tổ chức thực hiện Chỉ thị này.

Chỉ thị này được phổ biến toàn văn đến chi bộ đảng.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

PHẠM THẾ DUYỆT

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
Ý KIẾN CỦA THƯỜNG VỤ BỘ CHÍNH TRỊ
Số 162-TB/TW, ngày 15 tháng 8 năm 1998
Về Quy chế thực hiện dân chủ
ở các doanh nghiệp nhà nước

Tại phiên họp ngày 14-8-1998, sau khi nghe báo cáo về Quy chế thực hiện quyền làm chủ của người lao động tại các doanh nghiệp nhà nước, Thường vụ Bộ Chính trị thảo luận và có ý kiến như sau:

1. Đồng ý ban hành "Quy chế thực hiện dân chủ ở doanh nghiệp nhà nước", tạo cơ sở pháp lý để củng cố cộng đồng làm chủ, phát huy tinh thần cộng đồng trách nhiệm chặt chẽ giữa giám đốc và người lao động, nhằm đề cao vai trò làm chủ của người lao động trong doanh nghiệp, đồng thời phát huy tính năng động, sáng tạo cũng như tinh thần trách nhiệm cao trong điều hành, quản lý sản xuất kinh doanh của giám đốc các doanh nghiệp nhà nước. Mục tiêu của Quy chế này là nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp, bảo toàn và phát triển vốn Nhà nước, thực hành tiết kiệm, chống tham ô, lãng phí.

2. Quy chế này áp dụng đối với các doanh nghiệp nhà

nước. Cụ thể hóa pháp luật của Nhà nước về phạm vi thực hiện dân chủ trong các mối quan hệ sau:

- Giữa các đối tượng là cán bộ quản lý và người lao động trong nội bộ doanh nghiệp nhà nước.

- Giữa doanh nghiệp nhà nước với các cơ quan quản lý nhà nước.

- Giữa doanh nghiệp nhà nước với các tổ chức và cá nhân bên ngoài doanh nghiệp.

3. Về nội dung của Quy chế:

- Cần bổ sung thêm những quy định về trách nhiệm của người lao động trong việc chấp hành pháp luật, nội quy, quy chế của doanh nghiệp, thể hiện rõ quyền và trách nhiệm, dân chủ và chấp hành kỷ luật của các thành viên trong doanh nghiệp cùng đóng góp vào sự phát triển của doanh nghiệp.

- Cần xác định cụ thể hơn, phù hợp hơn những việc cần thông báo công khai đến người lao động sao cho phù hợp với từng đối tượng, bảo đảm thiết thực, tránh hình thức. Đặc biệt là ở những lĩnh vực, những việc dễ phát sinh tiêu cực như ký kết hợp đồng mua bán, đấu thầu, chỉ tiêu quản lý, tiếp khách, giao dịch, hoa hồng môi giới, v.v..

- Quy định việc phân cấp cụ thể trong doanh nghiệp quyền giám sát, kiểm tra của người lao động sao cho phù hợp với những nội dung cụ thể đã được công khai đến từng người lao động trong doanh nghiệp, bảo đảm tính thiết thực, hiệu quả, tránh hình thức trong hoạt động giám sát, kiểm tra.

4. Nên có quy định việc tổ chức định kỳ thăm dò tín nhiệm của người lao động trong doanh nghiệp đối với giám đốc và chủ

tịch hội đồng quản trị (nếu có), kết quả thăm dò là cơ sở để cơ quan có thẩm quyền tham khảo đánh giá cán bộ.

5. Để phát huy vai trò của tổ chức công đoàn trong doanh nghiệp nhà nước, tổ chức công đoàn cần chọn người của mình có đủ tiêu chuẩn để đề cử vào hội đồng quản trị của doanh nghiệp để cơ quan nhà nước bổ nhiệm theo quy định của pháp luật. Không nên xác định công đoàn có thành viên đương nhiên trong hội đồng quản trị của doanh nghiệp nhà nước.

Căn cứ ý kiến chỉ đạo trên, Đảng đoàn Quốc hội và Ban Cán sự Đảng Chính phủ chỉ đạo việc hoàn chỉnh Quy chế để ban hành.

T/M THƯỜNG VỤ BỘ CHÍNH TRỊ
PHẠM THẾ DUYỆT

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
Ý KIẾN CỦA THƯỜNG VỤ BỘ CHÍNH TRỊ
Số 163-TB/TW, ngày 21 tháng 8 năm 1998
Về Đại hội IV Liên hiệp các hội Khoa học
và kỹ thuật Việt Nam

Tại phiên họp ngày 14-8-1998, sau khi nghe Đảng đoàn, Đoàn Chủ tịch Hội đồng Trung ương Liên hiệp các hội Khoa học và kỹ thuật Việt Nam báo cáo về việc chuẩn bị Đại hội IV Liên hiệp các hội Khoa học và kỹ thuật Việt Nam, Thường vụ Bộ Chính trị có ý kiến chỉ đạo như sau:

1. Đồng ý xúc tiến tích cực việc chuẩn bị để tổ chức Đại hội lần thứ IV Liên hiệp các hội Khoa học và kỹ thuật Việt Nam vào quý IV-1998. Số lượng đại biểu, số lượng ủy viên Hội đồng, Đoàn Chủ tịch, đồng ý như đề xuất của Đảng đoàn Liên hiệp các hội Khoa học và kỹ thuật Việt Nam.

Cần cân nhắc thêm việc mời khách quốc tế dự Đại hội, có thể mời đại biểu của một số hội khoa học - kỹ thuật của các nước có quan hệ tốt với Liên hiệp các hội Khoa học và kỹ thuật Việt Nam.

Đảng đoàn Liên hiệp các hội Khoa học và kỹ thuật Việt Nam cùng với Ban Tổ chức Trung ương, Ban Khoa giáo Trung

ương chuẩn bị đề án nhân sự, nhất là Chủ tịch Liên hiệp hội để báo cáo với Bộ Chính trị.

2. Đại hội IV của Liên hiệp các hội Khoa học và kỹ thuật Việt Nam có ý nghĩa rất quan trọng trong quá trình đất nước chuyển sang thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Đại hội lần này cần đánh giá đúng, sâu sắc những ưu điểm, nhược điểm, những thành công và chưa thành công trong công tác tổ chức và hoạt động của Liên hiệp các hội Khoa học và kỹ thuật Việt Nam và các hội thành viên, tìm ra nguyên nhân và những bài học kinh nghiệm, trên cơ sở đó xác định đúng phương hướng nhiệm vụ trọng tâm và cụ thể của Liên hiệp hội trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Đặc biệt Liên hiệp các hội Khoa học và kỹ thuật Việt Nam cần làm tốt chức năng tập hợp, đoàn kết, thống nhất đội ngũ trí thức khoa học, kỹ thuật Việt Nam trong giai đoạn mới của cách mạng; phổ biến kiến thức khoa học, công nghệ, thực hiện Nghị quyết Trung ương 2 về giáo dục - đào tạo và khoa học - công nghệ; tư vấn, phản biện và giám định xã hội trong hoạt động khoa học, công nghệ; đoàn kết và góp phần thu hút trí thức là người Việt Nam sống ở nước ngoài và tranh thủ giúp đỡ của các hội Khoa học - kỹ thuật của nước ngoài nhằm góp phần thiết thực của Liên hiệp các hội Khoa học và kỹ thuật vào công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Cần tăng cường công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, giáo dục lòng yêu nước, lòng tự hào dân tộc, tinh thần cộng đồng, tính trung thực trong khoa học và đạo đức nghề nghiệp trong giới trí thức.

3. Cần xác định rõ phạm vi, đối tượng, cơ cấu tổ chức của Liên hiệp hội. Liên hiệp hoạt động theo nguyên tắc dân chủ,

quyết định theo đa số. Cần coi trọng vai trò của Liên hiệp hội và các hội thành viên trong việc giúp đỡ các hội thành viên phát triển nghề nghiệp, thông qua hoạt động nghề nghiệp mà đóng góp vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Đảng đoàn Liên hiệp hội cần trao đổi với Ban Tổ chức Trung ương, Ban Khoa giáo Trung ương, Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương và tổ chức thảo luận kỹ, kiến nghị cụ thể thêm với Thường vụ Bộ Chính trị về tính chất, phạm vi, đối tượng, cơ cấu tổ chức của Liên hiệp hội.

4. Đảng đoàn Liên hiệp các hội Khoa học và kỹ thuật Việt Nam cần hoàn chỉnh các văn kiện báo cáo lại với Thường vụ Bộ Chính trị cho ý kiến chỉ đạo lần cuối trước khi Đại hội.

5. Đồng ý có chỉ thị của Bộ Chính trị về "Củng cố và đẩy mạnh hoạt động của Liên hiệp các hội Khoa học và kỹ thuật Việt Nam trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước", Đảng đoàn Liên hiệp hội cùng Ban Khoa giáo Trung ương tu chỉnh lại dự thảo theo tinh thần chỉ đạo của Thường vụ Bộ Chính trị.

T/M THƯỜNG VỤ BỘ CHÍNH TRỊ

PHẠM THẾ DUYỆT

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**CHỈ THỊ
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ**

Số 40-CT/TW, ngày 24 tháng 8 năm 1998

**Về tăng cường lãnh đạo Đại hội Mặt trận Tổ quốc
Việt Nam các cấp**

Hiện nay tổ chức Mặt trận các cấp đang lần lượt tiến hành đại hội và đến cuối năm 1999 Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V Mặt trận Tổ quốc Việt Nam sẽ được tổ chức tại Thủ đô Hà Nội. Đại hội Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp cần được tiến hành theo những định hướng sau:

- Khơi dậy và phát huy truyền thống đại đoàn kết dân tộc; mở rộng tập hợp, đoàn kết các tầng lớp nhân dân trong Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trên cơ sở củng cố vững chắc nền tảng khối liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhằm phát huy nội lực, nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế, cần kiệm để đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

- Phát huy vai trò lãnh đạo của tổ chức đảng, tính tiên phong gương mẫu của cán bộ, đảng viên trong việc thực hiện chiến lược đại đoàn kết dân tộc trên mọi lĩnh vực, mọi loại hình cơ sở, tạo môi trường thuận lợi để huy động mọi nguồn

lực, động viên sự sáng tạo của nhân dân và các tổ chức thành viên trong Mặt trận.

- Tăng cường vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam từ Trung ương đến cơ sở và khu dân cư, đảm bảo cho Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thực sự là cơ sở chính trị của chính quyền nhân dân, động viên các tầng lớp nhân dân thực hiện đầy đủ quyền làm chủ của mình theo quy định của Hiến pháp và pháp luật.

Để thực hiện chủ trương trên, các cấp ủy đảng cần làm tốt một số công việc sau đây:

1. Đảng đoàn Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các cấp ủy đảng tăng cường lãnh đạo việc tổng kết về tình hình thực hiện chủ trương, chính sách đại đoàn kết toàn dân, làm rõ nguyên nhân những mặt làm được và chưa làm được; trên cơ sở đó kiến nghị với Đảng, Nhà nước những vấn đề cấp thiết và lâu dài nhằm củng cố khối đại đoàn kết toàn dân, tăng cường vị trí, vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

2. Trên cơ sở tổng kết về tình hình khối đại đoàn kết toàn dân, Đảng đoàn Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các cấp ủy đảng chỉ đạo Ủy ban Mặt trận cùng cấp xây dựng thật tốt Báo cáo chính trị và Chương trình hành động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trong nhiệm kỳ mới.

- Báo cáo chính trị cần đánh giá đúng thực chất tình hình các tầng lớp nhân dân và hoạt động của hệ thống Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; khẳng định những việc đã làm được, những mô hình và phương thức hoạt động có hiệu quả, chỉ rõ những mặt chưa làm được của hệ thống Mặt trận, từ đó rút ra bài học kinh nghiệm và xác định đúng phương hướng,

nhiệm vụ chủ yếu của Ủy ban Mặt trận các cấp trong nhiệm kỳ mới. Báo cáo cần đánh giá khách quan sự lãnh đạo của Đảng, sự phối hợp công tác của chính quyền và phương thức phối hợp thống nhất hành động giữa các tổ chức thành viên trong Mặt trận.

- Cần quán triệt sâu sắc và vận dụng sáng tạo Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VIII, các Nghị quyết Hội nghị Trung ương (khóa VIII) và Nghị quyết 07 của Bộ Chính trị (khóa VII), đồng thời căn cứ vào bối cảnh trong nước và quốc tế để xây dựng Chương trình hành động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trong nhiệm kỳ mới. Chương trình hành động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp phải nhằm động viên toàn dân tích cực tham gia phong trào thi đua yêu nước: *"Tất cả vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh"*, thực hiện thắng lợi kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của Nhà nước; vận động các tầng lớp nhân dân triển khai thực hiện thật tốt cuộc vận động: *"Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa"*, trong đó coi trọng nâng cao chất lượng và tiếp tục đẩy mạnh thực hiện cuộc vận động: *"Toàn dân đoàn kết xây dựng cuộc sống mới ở khu dân cư"*, thực hiện và giám sát thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở, tích cực tham gia đấu tranh chống tham nhũng và các tệ nạn xã hội; thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội...

3. Đại hội Mặt trận Tổ quốc các cấp phải thực sự tạo ra bước đổi mới về tổ chức và phương thức hoạt động của hệ thống Mặt trận. Nhân sự Ủy ban Mặt trận các cấp cần được chuẩn bị chu đáo, đảm bảo dân chủ, đúng quy trình. Ủy ban Mặt trận các cấp đảm bảo tiêu biểu cho khối đại đoàn kết

toàn dân. Tham gia Ủy ban Mặt trận phải là những người có phẩm chất, có trí tuệ và năng lực vận động quần chúng, là những người tiêu biểu và có uy tín trong các tầng lớp nhân dân, có khả năng tham gia xây dựng và tổ chức thực hiện những chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước liên quan đến khối đại đoàn kết toàn dân và hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

- Cơ cấu thành phần tham gia Ủy ban Mặt trận các cấp cần được mở rộng theo hướng tăng tỷ lệ người ngoài đảng, người có uy tín và tiêu biểu trong các dân tộc, tôn giáo, trong các nhân sĩ, trí thức, công kỹ nghệ gia, và Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam nên có đại biểu là người Việt Nam định cư ở nước ngoài. Các cấp ủy cử cấp ủy viên có năng lực, có nhiệt tình, có tín nhiệm với nhân dân để giới thiệu vào cương vị chủ chốt của Ủy ban Mặt trận các cấp.

4. Đại diện chính quyền trình bày với Đại hội Mặt trận cấp mình nhiệm vụ kinh tế - xã hội, kiểm điểm việc phối hợp công tác và tạo điều kiện cho Mặt trận hoạt động; tham gia các cuộc thảo luận của Đại hội với tinh thần dân chủ, bình đẳng, hợp tác và giải đáp những vấn đề đặt ra tại Đại hội.

5. Quá trình chuẩn bị và tiến hành Đại hội phải thực sự là một sinh hoạt chính trị rộng lớn của các tầng lớp nhân dân, tăng cường sự nhất trí về chính trị và tinh thần trong các tầng lớp nhân dân ủng hộ sự nghiệp đổi mới toàn diện đất nước do Đảng Cộng sản Việt Nam khởi xướng và lãnh đạo. Thực hiện thật tốt công tác tuyên truyền, giáo dục truyền thống đoàn kết dân tộc, đẩy lên phong trào thi đua yêu nước sôi nổi trong toàn quốc.

Ban Tổ chức, Ban Dân vận, Ban Tư tưởng - Văn hóa, Ban

Đối ngoại Trung ương, Ban Cán sự Đảng Bộ Ngoại giao và Bộ Công an phối hợp chặt chẽ với Đảng đoàn Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tham mưu, giúp Bộ Chính trị chỉ đạo thật tốt Đại hội toàn quốc lần thứ V Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cả về nội dung, nhân sự, công tác tuyên truyền và thành phần tham dự Đại hội.

Các cấp ủy đảng và chính quyền tạo mọi điều kiện cần thiết để Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp tổ chức tốt Đại hội với tinh thần đoàn kết, dân chủ, trang trọng, tiết kiệm.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

PHẠM THẾ DUYỆT

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
Ý KIẾN CỦA THƯỜNG VỤ BỘ CHÍNH TRỊ
Số 164-TB/TW, ngày 3 tháng 9 năm 1998
Về các phương án xử lý tình huống khẩn cấp
về lụt bão năm 1998

Tại phiên họp ngày 28-8-1998, sau khi nghe Ban Cán sự Đảng Chính phủ báo cáo phương án xử lý tình huống khẩn cấp về phòng, chống lụt bão, Thường vụ Bộ Chính trị có ý kiến chỉ đạo như sau:

1. Tình hình thời tiết và thiên tai đã và đang có những diễn biến rất bất thường đã gây ra những tổn thất to lớn về người và tài sản cho các nước trên thế giới, trong khu vực và ở nước ta. Để ứng phó kịp thời, có hiệu quả với những diễn biến phức tạp của lụt bão, nhằm hạn chế đến mức thấp nhất những thiệt hại do thiên tai gây ra, Chính phủ cần tập trung chỉ đạo các cơ quan chức năng chủ động xây dựng hoàn chỉnh và tổ chức thực hiện phương án, kế hoạch phòng, chống lụt bão cụ thể trên cả 3 vùng: các tỉnh phía Bắc, duyên hải miền Trung và các tỉnh Nam Bộ; đặc biệt là xây dựng các phương án xử lý các tình huống phức tạp nhất về phòng, chống lụt bão có thể xảy ra trong những tháng còn lại của năm 1998.

2. Ban Chỉ đạo phòng, chống lụt bão Trung ương có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ với các cơ quan chức năng, trên cơ sở kinh nghiệm chống lụt bão của ông cha, nghiên cứu tính toán một cách khoa học, sát với tình hình cụ thể để xây dựng các chỉ tiêu ban bố tình trạng khẩn cấp về thiên tai, cũng như các nguyên tắc phân cấp xử lý tình huống khẩn cấp trong trường hợp xảy ra thiên tai, giúp Thủ tướng Chính phủ có những quyết định đúng đắn việc ban bố tình trạng khẩn cấp về thiên tai và quyết định phân lũ, tổng động viên nhân tài, vật lực chống lụt, bão theo quy định của pháp luật.

Các phương án xử lý khẩn cấp phải tính tới các tình huống nguy kịch có khả năng vô đề, vô đáp. Chính phủ chỉ đạo Ban Chỉ đạo phòng, chống lụt bão Trung ương và các ngành có liên quan và ủy ban nhân dân các tỉnh trong vùng phân lũ kiểm tra chất lượng của các hệ thống đê phân lũ đảm bảo an toàn các tuyến đê khi tiến hành phân lũ, các phương án ứng cứu, xử lý phải ở mức cao nhất.

3. Chủ động và huy động sức mạnh tổng hợp của Nhà nước, của quân và dân sẽ là yếu tố đặc biệt quan trọng của công tác phòng chống và giảm nhẹ thiên tai, cần phân công rõ trách nhiệm của các ngành, các cấp trong việc xử lý tình trạng khẩn cấp.

- Tổng cục Khí tượng - Thủy văn phải bảo đảm tốt công tác dự báo thời tiết và diễn biến của bão, lụt dẫn đến tình trạng khẩn cấp; trên cơ sở đó Ban Chỉ đạo phòng, chống lụt bão Trung ương chịu trách nhiệm phối hợp với các ngành tính toán các phương án tình thế để trình Thủ tướng các

quyết định tình trạng khẩn cấp, tổ chức theo dõi và xử lý các vấn đề điều phối lực lượng, chỉ huy trong việc xử lý tình huống khẩn cấp.

- Nhiệm vụ phòng, chống thiên tai là nhiệm vụ thường xuyên của quân đội; quân đội là lực lượng chủ lực trong công tác này. Ban Chỉ đạo phòng, chống lụt bão Trung ương phối hợp với Bộ Quốc phòng để điều động lực lượng quân đội trực tiếp cứu hộ ở những địa bàn xung yếu và quan trọng nhất. Bộ Giao thông vận tải, Bộ Xây dựng chịu trách nhiệm đáp ứng phương tiện cứu hộ; Tổng cục Bưu điện chịu trách nhiệm bảo đảm thông tin thông suốt trong mọi tình huống; Bộ Thương mại, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Y tế chịu trách nhiệm bảo đảm lương thực, thuốc men, vật liệu để bảo đảm đời sống của nhân dân sơ tán.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố chịu trách nhiệm toàn diện và trực tiếp về kiểm tra đề điều, hồ điệp chuẩn bị vật tư dự trữ cũng như huy động mọi nguồn lực trên địa bàn để tổ chức phòng, chống lụt bão, thực hiện các phương án và phối hợp lực lượng trên địa bàn nhằm bảo đảm an toàn tính mạng và tài sản của nhân dân khi xảy ra tình trạng khẩn cấp.

4. Chính phủ chỉ đạo việc xây dựng phương án lâu dài, bền vững về củng cố, xây dựng hệ thống đề điều trong cả nước, đặc biệt là hệ thống đề sông Hồng để đủ sức bảo vệ sự phát triển bền vững về kinh tế - xã hội và an ninh - quốc phòng cho đồng bằng sông Hồng và Thủ đô Hà Nội trình Bộ Chính trị xem xét, quyết định.

5. Thủ tướng Chính phủ cần thông báo các phương án xử lý tình huống khẩn cấp về phòng, chống lụt, bão để toàn dân

biết có kế hoạch làm tốt công tác tư tưởng và động viên toàn quân, toàn dân tham gia phòng, chống thiên tai.

T/M THƯỜNG VỤ BỘ CHÍNH TRỊ

PHẠM THẾ DUYỆT

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
Ý KIẾN CỦA THƯỜNG VỤ BỘ CHÍNH TRỊ
Số 167-TB/TW, ngày 12 tháng 9 năm 1998
Về hợp đồng dự án Nhà máy điện Phú Mỹ 1

Ngày 11-9-1998, Thường vụ Bộ Chính trị đã nghe Ban Cán sự Đảng Chính phủ trình bày về việc chọn thầu, gói thầu số 7 Nhà máy điện Phú Mỹ 1. Tham dự có đại diện Bộ Công nghiệp, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Tổng công ty Điện lực Việt Nam, Thường vụ Bộ Chính trị có ý kiến như sau:

1. Nhà máy điện Phú Mỹ 1 là một trong ba dự án về nguồn điện vay vốn ODA của Nhật và nằm trong chương trình khí - điện - đạm mà Bộ Chính trị đã có kết luận. Công trình này phải được hoàn thành và đưa vào phục vụ nền kinh tế quốc dân theo đúng kế hoạch đã định.

2. Quá trình đấu thầu và chọn thầu có sự chỉ đạo chặt chẽ của Chính phủ, được tiến hành theo đúng quy chế của ta và của bạn. Một số vấn đề có liên quan đến tư vấn quốc tế, giá chào và các sai lệch công bố, điều chỉnh do biến động tỷ giá... đã được làm rõ. Thường vụ Bộ Chính trị nhất trí với ý kiến của Chính phủ tại Tờ trình số 102/CP-KTN-m, ngày 10-9-1998 là chọn nhà thầu Mitshubishi Heavy Industrus (Nhật Bản) để ký hợp đồng thực hiện dự án Phú Mỹ 1.

3. Nhà máy điện Phú Mỹ 1 đã được quyết định sử dụng công nghệ dùng khí khai thác từ thêm lục địa phía Nam. Phải khẩn trương thương thảo với phía đối tác nước ngoài trong việc thực hiện dự án đường ống dẫn khí từ Nam Côn Sơn vào bờ để kịp thời cung cấp khí đốt cho nhà máy điện.

4. Xúc tiến sớm việc nghiên cứu đầu tư khai thác, vận chuyển và sử dụng khí đốt từ thêm lục địa vùng Vịnh Thái Lan để chủ động bảo đảm khí đốt cho các mục tiêu của chương trình khí - điện - đạm đã được xác định.

TL THƯỜNG VỤ BỘ CHÍNH TRỊ
CHÁNH VĂN PHÒNG
TRẦN ĐÌNH HOAN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO Ý KIẾN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 169-TB/TW, ngày 14 tháng 9 năm 1998

**Về việc chuẩn bị đề án xây dựng giai cấp
công nhân, giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức,
trình Hội nghị Trung ương 7 khóa VIII**

Tại phiên họp ngày 5-9-1998, sau khi nghe Đảng đoàn Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Đảng đoàn Hội Nông dân Việt Nam, Ban Khoa giáo Trung ương báo cáo việc chuẩn bị đề án trình Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII, Bộ Chính trị đã có ý kiến như sau:

1. Ban Chấp hành Trung ương đã thông qua Chương trình toàn khóa, trong đó Hội nghị Trung ương 7 sẽ bàn và quy định về "... Công tác dân vận và mặt trận; xây dựng giai cấp công nhân, giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa; vấn đề dân tộc; vấn đề tôn giáo".

Bộ Chính trị cho rằng, các quan điểm, chủ trương và biện pháp về công tác vận động quần chúng, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân, công tác dân tộc, công tác tôn giáo đã được đề ra trong các Nghị quyết số 8B-NQ/TW, ngày 27-3-1990 của Ban Chấp hành Trung ương khóa VII; Nghị quyết số

07-NQ/TW, ngày 30-10-1996; Nghị quyết số 24-NQ/TW, ngày 16-10-1990 và Chỉ thị số 37-CT/TW của Bộ Chính trị vẫn còn phù hợp với tình hình hiện nay cần được tiếp tục triển khai thực hiện cho tốt hơn.

Do vậy, nội dung trọng tâm của Đề án trình Hội nghị Trung ương 7 là vấn đề xây dựng giai cấp công nhân, giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức. Đây là vấn đề có ý nghĩa rất quan trọng để động viên mọi tiềm năng sáng tạo, phát huy vai trò của lực lượng chủ lực cách mạng, xây dựng khối liên minh công nhân, nông dân, trí thức nhằm đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

2. Cần cải tiến việc chuẩn bị đề án trình Trung ương bảo đảm có hiệu quả, thiết thực. Tập trung làm rõ thực trạng và dự báo xu hướng phát triển của giai cấp công nhân, giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức; xác định rõ chủ trương, giải pháp cụ thể đối với những vấn đề cấp bách, thiết thực mà Nghị quyết Đại hội VIII đã định hướng và thực tiễn đang đòi hỏi.

3. Giao cho đồng chí Nguyễn Minh Triết và đồng chí Nguyễn Phú Trọng, Ủy viên Bộ Chính trị chủ trì cùng với Ban Dân vận Trung ương, Ban Khoa giáo Trung ương, Đảng đoàn Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Đảng đoàn Hội Nông dân Việt Nam và một số cơ quan có liên quan chuẩn bị đề án. Trong quá trình chuẩn bị, xin ý kiến Thường vụ Bộ Chính trị những vấn đề xét thấy cần thiết.

T/M THƯỜNG VỤ BỘ CHÍNH TRỊ

PHẠM THẾ DUYỆT

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
Ý KIẾN CỦA THƯỜNG VỤ BỘ CHÍNH TRỊ
Số 170-TB/TW, ngày 21 tháng 9 năm 1998
Về kết quả sau hơn một tháng điều chỉnh tỷ giá
giữa đồng Việt Nam với USD

Ngày 16-9-1998, sau khi nghe Ban Cán sự Đảng Chính phủ báo cáo về diễn biến và những tác động sau hơn một tháng điều chỉnh tỷ giá giữa đồng Việt Nam và USD, Thường vụ Bộ Chính trị có ý kiến chỉ đạo như sau:

1. Thống nhất với những đánh giá của Ban Cán sự Đảng Chính phủ về diễn biến và kết quả đạt được, cũng như những vấn đề cần lưu ý trong đợt điều chỉnh tỷ giá tháng 8-1998. Bước đầu có thể nhận định chủ trương điều chỉnh tỷ giá lần này là đúng đắn, kịp thời. Cần tiếp tục phát huy những kết quả đã đạt được, ra sức khắc phục những khó khăn cụ thể mới phát sinh, theo dõi nắm chắc tình hình để có những giải pháp xử lý phù hợp, không để xáo động lớn, bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô, ổn định chính trị - xã hội.

2. Ban Cán sự Đảng Chính phủ cần chỉ đạo thực hiện những biện pháp sau để bảo đảm ổn định thị trường ở mức tỷ giá mới và khắc phục khó khăn, tồn tại:

- Chỉ đạo Ngân hàng Nhà nước tăng cường công tác quản lý ngoại hối, đặc biệt chú trọng việc chỉ đạo thực hiện kết hối ngoại tệ đối với các giao dịch vãng lai (kể cả số dư ngoại tệ của các doanh nghiệp trên tài khoản). Đồng thời áp dụng và thực hiện nghiêm các biện pháp sử dụng tiết kiệm ngoại tệ (quản lý hàng nhập khẩu, quản lý và hạn chế các đoàn ra nước ngoài phải dùng ngoại tệ từ ngân sách...).

- Tiếp tục chỉ đạo các ngân hàng thương mại ngăn chặn các hoạt động đầu cơ nâng giá. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra theo các quy định của pháp luật hiện hành về tỷ giá, mua bán ngoại tệ, trạng thái ngoại tệ, trạng thái VND. Xử lý nghiêm, kịp thời những đối tượng buôn lậu và đầu cơ ngoại tệ. Thường xuyên theo dõi chặt chẽ diễn biến của tỷ giá hối đoái và thị trường ngoại tệ để kịp thời chỉ đạo ổn định giá cả, tỷ giá...

- Điều chỉnh giảm lãi suất tiền gửi bằng ngoại tệ, xem xét khả năng tăng lãi suất tiền gửi VND, để hạn chế việc chuyển đổi tiền gửi từ VND sang USD, thúc đẩy doanh nghiệp có USD sớm bán ngoại tệ cho ngân hàng. Khẩn trương nghiên cứu để có phương án sử dụng có hiệu quả nguồn vốn tiết kiệm bằng ngoại tệ của nhân dân.

- Chỉ đạo Ngân hàng Nhà nước trực tiếp làm việc với hai thành phố (Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh) và các doanh nghiệp lớn có gặp khó khăn do tác động của điều chỉnh tỷ giá để bàn biện pháp tháo gỡ, thúc đẩy sản xuất phát triển, ngăn ngừa sự biến động của giá cả...

- Tiếp tục chỉ đạo tốt công tác tuyên truyền, nhất là trên các phương tiện thông tin đại chúng về chính sách tỷ giá và ngoại hối của Nhà nước; đấu tranh ngăn chặn kịp thời

những thông tin thất thiệt, tạo lòng tin trong xã hội về khả năng lãnh đạo, điều hành nền kinh tế - xã hội của Đảng và Nhà nước.

T/M THƯỜNG VỤ BỘ CHÍNH TRỊ

PHẠM THẾ DUYỆT

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
Ý KIẾN CỦA THƯỜNG VỤ BỘ CHÍNH TRỊ
Số 171-TB/TW, ngày 21 tháng 9 năm 1998
Về thực hiện thí điểm chủ trương sử dụng quỹ đất
để tạo vốn xây dựng cơ sở hạ tầng
của tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Tại phiên họp ngày 16-9-1998, sau khi nghe Ban Cán sự Đảng Chính phủ báo cáo về việc sử dụng quỹ đất tạo vốn xây dựng cơ sở hạ tầng ở tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Thường vụ Bộ Chính trị có ý kiến chỉ đạo như sau:

1. Trong khi chờ chủ trương chính thức về hình thức giao đất có thu tiền sử dụng đất để đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, đồng ý để Chính phủ tiếp tục chỉ đạo các cấp, các ngành hoàn thành các công trình dở dang thuộc các dự án thí điểm sử dụng quỹ đất tạo vốn xây dựng cơ sở hạ tầng ở tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu theo nguyên tắc sau:

- Áp dụng hình thức giao đất có thu tiền sử dụng đất một lần đối với 240ha đất các loại đã giao để thanh toán cho các doanh nghiệp; số đất này các doanh nghiệp được phép chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho các tổ chức và cá nhân trong nước, không được chuyển nhượng cho các tổ chức và cá

nhân người nước ngoài. Trong quá trình thực hiện phải chỉ đạo chặt chẽ, không để phát sinh những tiêu cực mới.

- Đối với số tiền còn thiếu để hoàn thành các công trình đầu tư dở dang, giao Chính phủ tiếp tục chỉ đạo cụ thể để tháo gỡ khó khăn cho các doanh nghiệp yên tâm đầu tư khai thác, phát triển sản xuất kinh doanh.

2. Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cần rút kinh nghiệm việc chỉ đạo thực hiện chủ trương cho tỉnh làm thủ hình thức sử dụng quỹ đất để tạo vốn xây dựng cơ sở hạ tầng, trên cơ sở đó có biện pháp chỉ đạo, quản lý chặt chẽ hơn những công việc phải triển khai để hoàn thành trong thời gian tới.

T/M THƯỜNG VỤ BỘ CHÍNH TRỊ

PHẠM THẾ DUYỆT

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

CHỈ THỊ
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 41-CT/TW, ngày 22 tháng 9 năm 1998

Về xuất khẩu lao động và chuyên gia

Xuất khẩu lao động và chuyên gia là một hoạt động kinh tế - xã hội góp phần phát triển nguồn nhân lực, giải quyết việc làm, tạo thu nhập và nâng cao trình độ tay nghề cho người lao động, tăng nguồn thu ngoại tệ cho đất nước và tăng cường quan hệ hợp tác quốc tế giữa nước ta với các nước.

Trong những năm 80, thực hiện hợp tác lao động và chuyên gia với các nước xã hội chủ nghĩa và một số nước Trung Đông, châu Phi, chúng ta đã giải quyết việc làm ngoài nước cho hàng chục vạn người. Từ năm 1991 đến nay, việc xuất khẩu lao động cũng được chuyển đổi cho phù hợp với cơ chế quản lý mới, đã đưa được hàng vạn lao động và chuyên gia đi làm việc ở nước ngoài, góp phần nâng cao tay nghề, ngoại ngữ cho người lao động, nâng cao đời sống các gia đình có người đi lao động xuất khẩu và đóng góp cho ngân sách.

Kết quả xuất khẩu lao động và chuyên gia trong thời gian qua vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu, còn những tồn tại và khuyết điểm. Do chưa nhận thức thống nhất về tầm quan

trọng của xuất khẩu lao động và chuyên gia trong các mục tiêu và biện pháp giải quyết việc làm nên các ngành, các cấp từ Trung ương đến địa phương còn thiếu sự phối hợp đồng bộ trong việc đầu tư mở rộng thị trường, đào tạo nguồn lao động xuất khẩu, cụ thể hóa chủ trương, chính sách và chỉ đạo để đẩy mạnh xuất khẩu lao động và chuyên gia.

Sự nỗ lực tạo thêm việc làm trong nước và ngoài nước chỉ mới giải quyết được một phần trong số lao động chưa có việc làm và thiếu việc làm. Tỷ lệ lao động không có việc làm ở đô thị còn khá cao. Hệ số sử dụng thời gian lao động ở nông thôn còn rất thấp. Hằng năm có hơn một triệu người đến tuổi lao động. Trước tình hình đó, cùng với các giải pháp giải quyết việc làm trong nước là chính, xuất khẩu lao động và chuyên gia còn có vai trò quan trọng trước mắt và lâu dài. Vì vậy, để thực hiện có hiệu quả chủ trương đẩy mạnh xuất khẩu lao động theo tinh thần Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng và Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII, Bộ Chính trị yêu cầu các tỉnh ủy, thành ủy, các ban, đảng đoàn, ban cán sự đảng và đảng ủy trực thuộc Trung ương lãnh đạo quán triệt và tổ chức thực hiện những nội dung dưới đây:

1. Về chủ trương

a) Cùng với giải quyết việc làm trong nước là chính thì xuất khẩu lao động và chuyên gia là một chiến lược quan trọng, lâu dài, góp phần xây dựng đội ngũ lao động cho công cuộc xây dựng đất nước trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa; là một bộ phận của hợp tác quốc tế, góp phần củng cố quan hệ hữu nghị, hợp tác lâu dài với các nước.

b) Xuất khẩu lao động và chuyên gia phải được mở rộng và đa dạng hóa hình thức, thị trường xuất khẩu lao động, phù hợp với cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước, đáp ứng nhu cầu của nước ngoài về số lượng, trình độ và ngành nghề. Xuất khẩu lao động và chuyên gia một mặt phải bảo đảm sức cạnh tranh trên cơ sở tăng cường đào tạo lực lượng lao động kỹ thuật và chuyên gia, nâng dần tỷ trọng lao động xuất khẩu có chất lượng cao trong tổng số lao động xuất khẩu và nâng cao trình độ quản lý của các đơn vị xuất khẩu lao động; mặt khác phải chăm lo và bảo vệ quyền lợi chính đáng của người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo pháp luật của nước ta và nước mà người lao động sống và làm việc.

c) Phát triển và khuyến khích đào tạo nghề gắn với nhu cầu của thị trường lao động, đào tạo ngoại ngữ, giáo dục ý thức pháp luật, làm rõ quyền lợi, nghĩa vụ của doanh nghiệp và người lao động về thực hiện hợp đồng, tôn trọng phong tục tập quán, văn hóa, hòa nhập thị trường lao động quốc tế.

2. Các giải pháp

a) Phải có phương án tổng thể trên cơ sở tính toán khả năng tạo việc làm, nhu cầu việc làm và tính hiệu quả trên các lĩnh vực của nền kinh tế quốc dân để có chiến lược lâu dài về xuất khẩu lao động.

Đầu tư nghiên cứu, phát triển, mở rộng thị trường sử dụng lao động Việt Nam ở nước ngoài; ưu tiên thị trường khu vực và thị trường truyền thống, củng cố thị trường đã có, mở thị trường mới, hình thành hệ thống thị trường sử dụng lao động Việt Nam ổn định và phát triển lâu dài.

b) Ban hành cơ chế, chính sách về xuất khẩu lao động và chuyên gia bảo đảm quản lý chặt chẽ lao động làm việc ở nước ngoài, tạo cơ sở pháp lý bảo vệ lợi ích của Nhà nước, của doanh nghiệp và của người lao động về vật chất và tinh thần. Chú trọng tuyển chọn lao động xuất khẩu trong số bộ đội, thanh niên xung phong xuất ngũ, lao động trong doanh nghiệp, con em thuộc diện chính sách; những đối tượng này, nếu gia đình nghèo thì được vay vốn từ quỹ quốc gia giải quyết việc làm, từ ngân hàng người nghèo... để nộp các khoản theo quy định trước khi đi. Có chính sách hỗ trợ đầu tư, miễn giảm thuế trong một số năm đầu... để các doanh nghiệp xuất khẩu lao động đủ sức cạnh tranh trên thị trường lao động quốc tế; khuyến khích người lao động chuyển ngoại tệ, thiết bị, nguyên liệu về nước đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh.

c) Đẩy mạnh đào tạo nghề, nhất là về kỹ thuật và công nghệ cao, ngoại ngữ, giáo dục ý thức kỷ luật và pháp luật cho người lao động; đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng bộ máy, cán bộ quản lý xuất khẩu lao động và chuyên gia.

d) Đơn giản hóa và công khai hóa các chính sách, chế độ, các quy định về tiêu chuẩn, thủ tục về xuất nhập cảnh, về cấp phép đối với tổ chức và người đi lao động xuất khẩu.

3. Tổ chức và quản lý xuất khẩu lao động và chuyên gia

a) Củng cố các doanh nghiệp chuyên xuất khẩu lao động. Mở rộng diện các doanh nghiệp nhà nước có đủ điều kiện trực tiếp xuất khẩu lao động dưới các hình thức nhận thầu công trình, đưa lao động đi làm việc trong các xí

ng nghiệp của nước ngoài... Khuyến khích các tổ chức và cá nhân đang làm việc ở nước ngoài tìm việc và thu hút thêm lao động từ trong nước.

b) Thí điểm một số doanh nghiệp ngoài quốc doanh có đủ điều kiện, trước hết là các doanh nghiệp thuộc các đoàn thể Trung ương như Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam... được hoạt động xuất khẩu lao động trong khuôn khổ pháp luật dưới sự quản lý chặt chẽ của các đoàn thể và Nhà nước.

c) Xuất khẩu lao động và chuyên gia theo hướng ưu tiên như sau:

- Đi tập thể, do các doanh nghiệp tổ chức dưới các hình thức nhận thầu xây dựng công trình công nghiệp, nông nghiệp, thủy lợi, giao thông, dân dụng... ở nước ngoài.

- Chuyên gia trên một số lĩnh vực mà ta có điều kiện như y tế, giáo dục, tin học...

- Công nhân có tay nghề làm việc theo hợp đồng ký giữa các doanh nghiệp trong và ngoài nước.

- Lao động phổ thông trong một số lĩnh vực theo yêu cầu của phía nước ngoài và quy định của Chính phủ.

4. Trách nhiệm của các cấp ủy đảng

a) Đảng đoàn Quốc hội, Ban Cán sự Đảng Chính phủ chỉ đạo việc ban hành pháp luật, chính sách, cơ chế quản lý về xuất khẩu lao động và kiểm tra chỉ đạo các bộ, ngành, địa phương tổ chức thực hiện tốt công tác xuất khẩu lao động.

b) Ban Cán sự Đảng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chỉ đạo công tác quản lý nhà nước về xuất khẩu lao động

theo đúng pháp luật; chủ trì phối hợp với Ban Cán sự Đảng các Bộ Ngoại giao, Tài chính, Đảng ủy Công an Trung ương và các cơ quan có liên quan thực hiện chương trình về xuất khẩu lao động; chỉ đạo việc sửa đổi, bổ sung các chính sách, cơ chế xuất khẩu lao động đảm bảo quyền lợi cho người lao động, cho các doanh nghiệp và Nhà nước; đẩy mạnh công tác nghiên cứu về thị trường lao động trong nước và nước ngoài phục vụ nhiệm vụ xuất khẩu lao động.

c) Ban Cán sự Đảng Bộ Ngoại giao phối hợp với ban cán sự đảng các bộ có liên quan nghiên cứu đưa vấn đề xuất khẩu lao động vào kế hoạch hợp tác song phương với các nước. Trao đổi những thông tin để góp phần tìm kiếm, mở rộng thị trường xuất khẩu lao động.

d) Các ban Trung ương cùng ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy có liên quan, tăng cường chỉ đạo, quản lý hoạt động của tổ chức đảng, tổ chức quần chúng trong đội ngũ lao động xuất khẩu, phù hợp với điều kiện và luật pháp của nước tiếp nhận lao động.

Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương định hướng và hướng dẫn công tác thông tin, tuyên truyền về xuất khẩu lao động.

Ban Kinh tế Trung ương giúp Bộ Chính trị theo dõi, tổng hợp tình hình thực hiện Chỉ thị này; định kỳ báo cáo Bộ Chính trị kết quả thực hiện công tác xuất khẩu lao động của ngành, địa phương.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

PHẠM THẾ DUYỆT

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
KẾT LUẬN CỦA THƯỜNG VỤ BỘ CHÍNH TRỊ
Số 172-TB/TW, ngày 2 tháng 10 năm 1998
Qua kết quả kiểm tra việc thực hiện
Chỉ thị 21-CT/TW của Bộ Chính trị về vấn đề
cấp bách ở nông thôn

Tại phiên họp ngày 16-9-1998, sau khi nghe báo cáo kết quả kiểm tra việc thực hiện Chỉ thị 21-CT/TW của Bộ Chính trị tại 19 tỉnh, thành phố trong cả nước, Thường vụ Bộ Chính trị đã thảo luận và kết luận như sau:

1. Một số tình hình đáng chú ý hiện nay ở nông thôn

a) Đời sống nông dân và bộ mặt nông thôn đã có nhiều chuyển biến tích cực, tiềm năng về đất đai, lao động được giải phóng một bước quan trọng, đời sống tinh thần được cải thiện, sức khỏe nhân dân được chăm sóc tốt hơn, tỷ lệ trẻ em được học hành tăng; một bộ phận nông dân làm ăn khá trở nên giàu có.

b) Tuy nhiên, thời gian gần đây tình hình khiếu kiện của dân có chiều hướng gia tăng, xảy ra trên diện rộng với quy mô lớn hơn, gay gắt hơn. Tình trạng khiếu kiện đông người

xảy ra ở nhiều nơi, nhiều vụ khiếu kiện tập trung từ 200 đến 500 người, cá biệt có nơi có trên 1.000 người tham gia và một số nơi đã trở thành "điểm nóng". Có vụ kéo dài chưa giải quyết dứt điểm.

- Tính chất phức tạp và mức độ gay gắt của các vụ khiếu kiện ngày càng tăng. Ở một số nơi, những người khiếu kiện đã bao vây trụ sở ủy ban nhân dân xã, huyện, tỉnh hoặc gây áp lực, nêu yêu sách. Có một số vụ khiếu kiện mang tính cực đoan, có hành vi manh động, vô chính phủ.

- Nội dung khiếu kiện của nhân dân chủ yếu là đòi giải quyết tranh chấp về đất đai, đòi dân chủ công khai, thực hiện công bằng xã hội và đòi xử lý những cán bộ tham nhũng. Một số nơi có khiếu kiện liên quan đến tôn giáo, đến quan hệ kinh tế của đồng bào các dân tộc ít người với các cơ sở kinh tế quốc doanh hoặc với những người di cư từ nơi khác đến.

- Đối tượng mà nhân dân khiếu kiện chủ yếu là cán bộ xã, thôn, nhất là các cán bộ có liên quan đến quản lý đất đai, tài chính có sai phạm và một số cán bộ cấp trên cơ sở có biểu hiện bao che những việc làm sai trái của cán bộ cấp dưới.

Tóm lại, tình hình khiếu kiện vừa qua có chiều hướng tăng về số lượng, diễn ra trên diện rộng, nhiều người, nhiều thành phần tham gia, đa dạng về nội dung, phức tạp về tính chất và mức độ gay gắt cũng gia tăng.

- Có nhiều nguyên nhân dẫn đến tình hình khiếu kiện của nhân dân, song đáng chú ý là những nguyên nhân chủ quan sau đây:

+ Trước hết là do những sai phạm trong quản lý, sử dụng đất đai như cấp đất, bán đất sai thẩm quyền, sử dụng đất đai không đúng mục đích... của cán bộ các cấp ở chính quyền cơ

sở. Một số nơi nhân dân bất bình trước việc đền bù, giải tỏa mặt bằng để thi công các công trình công cộng chưa công bằng, không thỏa đáng và thiếu sự nhất quán, việc quy hoạch thiếu ổn định, không rõ ràng.

+ Việc huy động sức dân quá mức vào xây dựng các công trình hạ tầng trong khi dân còn nghèo là tình trạng phổ biến. Bên cạnh đó nhiều xã, nhiều hợp tác xã còn nợ Nhà nước, nợ dân những khoản lớn và kéo dài không có khả năng chi trả.

Một bộ phận cán bộ thôn, xã và một số cán bộ chỉ đạo cấp trên có nhiều sai phạm trong quản lý tài chính, quản lý xây dựng cơ bản, mất dân chủ, xa dân. Việc giải quyết khiếu nại, tố cáo của nhân dân ít được các cấp thật sự coi trọng, chưa kịp thời giải quyết nguyện vọng chính đáng của dân, thậm chí còn có tình trạng né tránh hoặc đẩy lên cấp trên xử lý.

+ Các tổ chức của hệ thống chính trị ở cơ sở còn nhiều yếu kém. Nội bộ đảng, chính quyền một số nơi mất đoàn kết nghiêm trọng kéo dài. Đặc biệt tình trạng một số cán bộ hưu trí không bằng lòng với cán bộ đương chức làm cho tổ chức đảng và chính quyền giảm sút sức chiến đấu, không tập trung giải quyết được những vấn đề bức xúc của nhân dân và của địa phương.

+ Cấp ủy và chính quyền cấp trên cơ sở lãnh đạo không chặt chẽ, buông lỏng quản lý, thiếu kiểm tra đôn đốc, chậm phát hiện tình hình, lúng túng trong xử lý để tình hình phức tạp kéo dài, gây mất niềm tin trong nhân dân.

2. Để giải quyết có hiệu quả tình hình nói trên, Thường vụ Bộ Chính trị yêu cầu

- Các cấp ủy đảng, chính quyền, mặt trận và các đoàn thể

cần nâng cao nhận thức, quán triệt các quan điểm, đường lối của Đảng, đề cao vai trò trách nhiệm của mình, xem đây là một trong những nhiệm vụ cần phải tập trung chỉ đạo. Nơi nào dễ xảy ra những vấn đề phức tạp phải chịu trách nhiệm trước cấp trên và trước nhân dân.

- Các tỉnh ủy, thành ủy có kế hoạch cụ thể chỉ đạo kiểm tra việc thực hiện Chỉ thị 21-CT/TW tại địa phương mình một cách sâu sắc, nghiêm túc, trên cơ sở đó tổ chức sơ kết và tiếp tục triển khai thực hiện Chỉ thị 21-CT/TW gắn với việc tổ chức thực hiện Chỉ thị 30-CT/TW về thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở.

- Tập trung giải quyết vấn đề khiếu kiện và nhất là khiếu kiện đông người, phân tích rõ nguyên nhân, xác định chủ trương, biện pháp giải quyết cho thích hợp và có hiệu quả. Các vụ khiếu kiện trước hết phải được giải quyết ngay từ cơ sở, từ địa phương. Những vấn đề liên quan đến tôn giáo, dân tộc phải được xem xét và xử lý thận trọng và trên cơ sở pháp luật đã quy định.

- Cấp ủy đảng, chính quyền và các đồng chí lãnh đạo chủ chốt các cấp phải chỉ đạo cụ thể, trực tiếp việc tổ chức tiếp dân và xử lý những khiếu kiện của nhân dân. Vụ việc thuộc phạm vi cấp nào thì cấp đó trực tiếp xử lý, không đùn đẩy lên cấp trên giải quyết. Thanh tra Nhà nước cần giúp Chính phủ giải quyết tốt việc tiếp dân ở Trung ương.

- Nội dung trọng điểm, cấp bách cần tập trung giải quyết là nhóm vấn đề về đất đai và nhóm các vấn đề thuộc về chính sách.

- + Về đất đai: Triển khai sâu rộng *Luật đất đai* và các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về đất đai. Tập

trung giải quyết những khiếu kiện của dân về đất đai. Sớm chấm dứt tình trạng vi phạm *Luật đất đai*. Những trường hợp cố ý vi phạm cần được xử lý nghiêm minh theo quy định của pháp luật.

+ Đề nghị Chính phủ chỉ đạo kiểm tra việc thực hiện các chủ trương, chính sách về nông nghiệp, nông thôn, về miền núi, vùng sâu, vùng xa. Kịp thời có kế hoạch giúp các địa phương tháo gỡ những khó khăn vướng mắc hiện nay, sơ kết, tổng kết việc thực hiện các chính sách đã ban hành và những nội dung cần bổ sung về chủ trương, chính sách đối với nông nghiệp và nông thôn.

+ Chấn chỉnh hệ thống chính trị ở địa phương để nâng cao hiệu quả hoạt động, đồng thời tích cực đào tạo, bồi dưỡng cán bộ nhất là cán bộ cơ sở để đáp ứng được yêu cầu của nhiệm vụ trong tình hình mới.

Trước mắt, các cấp ủy cần khẩn trương, chủ động tiến hành giải quyết những nổi cộm ở nông thôn hiện nay, không để xảy ra những vấn đề phức tạp và các "điểm nóng" mới.

T/M THƯỜNG VỤ BỘ CHÍNH TRỊ

PHẠM THẾ DUYỆT

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**CHỈ THỊ
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ**

Số 42-CT/TW, ngày 6 tháng 10 năm 1998

**Về việc tăng cường sự lãnh đạo của Đảng
đối với tổ chức và hoạt động của các hội
quần chúng**

Thực hiện Nghị quyết 8B-NQ/TW (khóa VI), ngày 27-3-1990 về "Đổi mới công tác quần chúng của Đảng, tăng cường mối quan hệ giữa Đảng và nhân dân", trong những năm gần đây, bên cạnh Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội (bao gồm Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Hội Cựu chiến binh Việt Nam), các tổ chức hội được phát triển nhanh cả ở trung ương và địa phương.

Dưới sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng và quản lý của Nhà nước, hầu hết các hội được thành lập và hoạt động đúng pháp luật, theo hướng ích nước, lợi nhà, tương thân tương ái, góp phần tích cực vào sự nghiệp ổn định và phát triển của đất nước.

Tuy nhiên, trong quá trình thành lập và hoạt động của các hội còn bộc lộ một số khuyết điểm, nhược điểm:

- Một số hội tổ chức và thành lập không đúng quy định của Nhà nước, chưa có giấy phép thành lập hội đã hoạt động; tự quyết định thành lập hội thành viên trong hội, hội ở địa phương; tự đổi tên hội; tự thay đổi phạm vi hoạt động...

- Một số hội hoạt động còn hình thức kém hiệu quả, chưa phản ánh được nguyện vọng và lợi ích của tập thể hội viên. Có hội được thành lập nhưng không hoạt động. Một số hội còn nặng về xin biên chế, nhà cửa, trợ cấp của ngân sách nhà nước để hoạt động; không đi vào tổ chức, tuyên truyền giáo dục hội viên mà nặng về phát huy thanh thế, hành chính hóa, v.v..

Có nhiều nguyên nhân dẫn đến những khuyết điểm, nhược điểm trên, song chủ yếu là do nguyên nhân chủ quan, trước hết do các cấp ủy đảng và đảng đoàn ở một số hội chưa quan tâm lãnh đạo, định hướng về tổ chức và hoạt động của hội, chưa quan tâm đúng mức việc giới thiệu cán bộ có phẩm chất và năng lực giữ các chức vụ lãnh đạo chủ chốt của hội. Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể và các hội chưa phối hợp chặt chẽ để vận động các đối tượng quần chúng tham gia vào hoạt động vì lợi ích chung.

Nhà nước chậm ban hành và sửa đổi các văn bản quy phạm pháp luật quy định tổ chức, hoạt động và quản lý hội; công tác quản lý về mặt nhà nước còn bị buông lỏng.

Để khắc phục những khuyết điểm, nhược điểm trên đây, tạo điều kiện cho hội tổ chức và hoạt động đúng pháp luật và có hiệu quả, góp phần ổn định và phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, các tổ chức đảng và cấp ủy đảng cần thực hiện một số việc sau:

1. Hoạt động của hội phải xuất phát từ nguyện vọng, nhu cầu chính đáng về nghề nghiệp và đời sống của hội viên, đoàn kết tập hợp hội viên, phát triển nghề nghiệp; bảo đảm

lợi ích chính đáng của hội viên, của hội, góp phần thực hiện tốt chủ trương, chính sách, pháp luật Nhà nước về lĩnh vực, ngành nghề mà hội hoạt động.

2. Việc lập hội và hoạt động phải theo đúng quy định của pháp luật; trình tự, thủ tục và thẩm quyền cho phép lập hội do Thủ tướng Chính phủ quy định. Điều lệ của hội phải được cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước công nhận; hội không nhất thiết phải tổ chức thành hệ thống từ trung ương đến cơ sở; không kết nạp người nước ngoài vào hội; coi trọng hoạt động các hội ở cơ sở.

Hoạt động của hội theo nguyên tắc chung là: tự nguyện của công dân Việt Nam; hoạt động tự quản và tự trang trải về kinh phí; tuân thủ pháp luật.

Việc Nhà nước xét tài trợ cho hội căn cứ vào sự hoạt động và các chương trình, dự án do các hội tiến hành theo các quy định chung của Nhà nước nhằm góp phần thực hiện chủ trương phát triển kinh tế - xã hội; khuyến khích hoạt động hội vì lợi ích cộng đồng đưa lại hiệu quả thiết thực cho xã hội.

3. Hội hoạt động ở cấp nào, đặt dưới sự lãnh đạo của cấp ủy đảng và quản lý của chính quyền cấp đó. Cấp ủy đảng ở mỗi cấp phải chú trọng và phải có trách nhiệm tăng cường công tác lãnh đạo đối với hội ở cùng cấp, thông qua việc định hướng tổ chức và hoạt động của hội.

Đảng đoàn các liên hiệp hội và các hội chỉ đạo các thành viên và hội viên của mình chấp hành các chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước về tổ chức và hoạt động của hội.

Các cơ quan nhà nước có thẩm quyền ở các cấp có trách nhiệm quản lý các hội theo luật định; tạo điều kiện đảm bảo cho hội hoạt động đúng hướng, đúng pháp luật và có hiệu quả thiết thực; kiểm tra việc tuân thủ pháp luật của hội, xử

lý những trường hợp vi phạm hoặc làm sai điều lệ hội đã được Nhà nước công nhận.

4. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể chính trị - xã hội phối hợp chặt chẽ với các hội quần chúng, nhất là ở cơ sở, nhằm thực hiện tốt công tác vận động các đối tượng quần chúng trong tình hình mới.

5. Ban Đối ngoại Trung ương hướng dẫn các cấp ủy và các tổ chức đảng (đã thành lập) về quy chế quản lý đối ngoại các hội và kiểm tra việc thực hiện các hoạt động đó.

6. Ban Cán sự Đảng Chính phủ chỉ đạo việc dự thảo luật về hội trình Quốc hội thông qua, thay thế Sắc lệnh ban hành *Luật lập hội* năm 1957. Trước mắt cần ban hành văn bản pháp quy, quy định về tổ chức, hoạt động về quản lý hội thống nhất trong phạm vi cả nước.

7. Các cấp ủy đảng, chính quyền, các ngành cần tiến hành tổng kết, đánh giá đúng thực trạng tình hình tổ chức và hoạt động các hội từ trung ương đến địa phương; khẳng định những kinh nghiệm tốt, những mặt còn yếu kém. Trên cơ sở đó, đề ra các biện pháp tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước đối với tổ chức và hoạt động của các hội.

Ban Cán sự Đảng Chính phủ, Ban Cán sự Đảng Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ; các ban của Đảng, các Đảng đoàn có liên quan giúp Bộ Chính trị theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Chỉ thị này.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

PHẠM THẾ DUYỆT

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

KẾT LUẬN
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ
Số 02-KL/TW, ngày 6 tháng 10 năm 1998
Về kế hoạch kinh tế - xã hội năm 1999

I- VỀ ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH
NĂM 1998

Báo cáo của Ban Cán sự Đảng Chính phủ đã đánh giá cụ thể về tình hình kinh tế - xã hội năm 1998.

Bộ Chính trị nhấn mạnh: cần đánh giá đúng mức, thật sự khách quan tình hình kinh tế - xã hội của năm 1998, cả về thành tựu và tồn tại, yếu kém.

Trong điều kiện khó khăn gay gắt do thiên tai nặng, do chịu sự tác động của khủng hoảng tài chính - tiền tệ, suy thoái kinh tế của khu vực và một số nước trên thế giới, cũng như do những yếu kém của nền kinh tế chưa khắc phục được, chúng ta vẫn giữ được tốc độ tăng trưởng khoảng 6,1 - 6,3%, xã hội và chính trị ổn định, là kết quả rất đáng mừng, là thắng lợi lớn, khẳng định những chủ trương, chính sách của Đại hội VIII và các nghị quyết của Trung ương (trong đó có Nghị quyết Trung ương 4) là đúng đắn, tinh thần đoàn kết

phấn đấu nỗ lực của toàn dân, toàn Đảng, của các ngành, các cấp, sự điều hành năng động và sáng tạo của Chính phủ và sự cố gắng của các địa phương.

Những kết quả lớn đạt được của năm 1998, được nhân dân trong nước và dư luận bên ngoài thừa nhận là:

- Trong điều kiện thiên tai nặng, nông nghiệp vẫn tiếp tục phát triển tương đối toàn diện, tăng khoảng 3%, sản lượng lương thực quy thóc đạt 31,3 triệu tấn, tăng 70 vạn tấn so với năm trước; chăn nuôi, thủy sản, cây công nghiệp, cây ăn quả đều tăng. Sản xuất và đời sống khu vực nông thôn ổn định, có tăng trưởng cả về số lượng và chất lượng. Xuất hiện một số mô hình, nhân tố mới làm ăn có hiệu quả.

- Trong điều kiện thị trường bên ngoài bị thu hẹp, công nghiệp vẫn đạt được mức tăng trưởng 11,5%. Nhiều sản phẩm công nghiệp chủ yếu vẫn đạt mức tăng trưởng khá so với năm trước (dầu thô 36,6%, điện thương phẩm 13,7%, thép cán 15,7%, xi măng 17%, động cơ các loại 25%). Hầu hết các Tổng công ty nhà nước là xương sống của nền kinh tế, đã có nhiều biện pháp để giữ được mức tăng trưởng khá. Nhiều doanh nghiệp có đầu ra được Nhà nước giúp đỡ, tạo điều kiện để đứng vững và phát triển.

- Quan hệ sản xuất tiếp tục được đổi mới theo tinh thần Nghị quyết Đại hội VIII và các Nghị quyết Trung ương. Để phát huy nguồn lực của các thành phần kinh tế, trong điều kiện khó khăn đã quyết tâm tổ chức sắp xếp lại, cổ phần hóa, đổi mới quản lý, nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước, bước đầu thực hiện việc chuyển đổi các hợp tác xã sang hoạt động theo *Luật hợp tác xã*; thi hành chính sách khuyến khích và hỗ trợ đầu tư vào sản xuất, kinh doanh của nhân dân.

- Tình hình chính trị ổn định; nhiều mặt xã hội (giáo dục, y tế, xóa đói, giảm nghèo, các gia đình chính sách...) được chăm lo giải quyết có kết quả. Đời sống phần lớn nhân dân trong khu vực nông thôn được cải thiện, nông dân phấn khởi.

Cần làm cho toàn dân, toàn Đảng thấy hết những kết quả đạt được đó để phấn khởi, tự tin, đoàn kết vững bước đi lên.

Đồng thời, cũng cần nhìn nhận đúng mức những khó khăn, yếu kém, cả những yếu kém rất cơ bản của nền kinh tế để tập trung sức khắc phục. Đó là:

- Nội lực của nền kinh tế - là yếu tố quyết định sự tăng trưởng bền vững và ổn định - chưa thực sự được huy động, nhiều tiềm năng trong các thành phần kinh tế, trong nhân dân, trong đồng bào ta ở nước ngoài chưa nhìn thấy được hết và chưa có đủ chính sách để huy động có kết quả. Ở các địa phương, các doanh nghiệp đều có những nguồn lực chưa được khai thác, sử dụng. Lãng phí lớn nhất cũng chính là lãng phí các nguồn nội lực quý giá của đất nước. Các nguồn lực bên ngoài thu hút được từ nhiều năm nay không phải là nhỏ, nhưng chưa gắn bó hữu cơ, cùng với kinh tế trong nước tạo thành một cơ cấu có hiệu quả và bền vững; mặt được có nhiều, nhưng những thua thiệt cũng không ít.

- Một số cân đối lớn của nền kinh tế khó khăn thậm chí còn khó khăn hơn trước: do khủng hoảng tài chính - tiền tệ khu vực và một số nước trên thế giới đã làm cho đầu tư trực tiếp của bên ngoài vào nước ta giảm sút. Kim ngạch xuất khẩu không tăng, có xu hướng chững lại so với năm trước. Cán cân thanh toán tổng thể thâm hụt lớn nhất trong nhiều năm trở lại đây. Cán cân vãng lai thâm hụt ở mức không an toàn. Cân đối ngân sách căng thẳng hơn. Nợ nần dây dưa của

các đơn vị kinh tế khó đòi chưa được xử lý. Nợ quá hạn của ngân hàng thương mại cao hơn nhiều so với mức cho phép. Cái gốc của những mất cân đối nghiêm trọng trên là hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế chuyển biến chậm.

Số người không đủ hoặc không có việc làm ở cả thành thị và nông thôn tăng lên nhanh. Tệ nạn xã hội tuy được tích cực ngăn chặn, nhưng vẫn tiếp tục gia tăng.

Quan hệ sản xuất, tuy được tiếp tục đổi mới theo Nghị quyết Đại hội VIII và Nghị quyết Trung ương 4, nhưng những tồn tại, yếu kém của doanh nghiệp nhà nước vẫn rất nặng nề. Chưa kịp thời có những chính sách, biện pháp để đẩy mạnh phát triển kinh tế hộ, kinh tế hợp tác và hợp tác xã, kinh tế tư bản nhà nước. Một số nhân tố mới, mô hình mới xuất hiện còn chậm sơ kết, tổng kết đánh giá để thống nhất chủ trương.

Những khó khăn, yếu kém của nền kinh tế có nguyên nhân khách quan, nhưng quan trọng nhất vẫn là những nguyên nhân chủ quan thuộc về sự lãnh đạo và chỉ đạo thực hiện. Một số chủ trương, chính sách quan trọng còn chậm được cụ thể hóa hoặc thiếu kiên quyết trong lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện, ảnh hưởng xấu đến phát triển sản xuất, kinh doanh như: thực hiện điều chỉnh đầu tư, tập trung vào những công trình có hiệu quả, then chốt, đặc biệt là công nghiệp hoá nông nghiệp, nông thôn, chính sách nhập khẩu, bảo hộ hợp lý sản xuất trong nước; chính sách tiết kiệm, chống tham nhũng... Cải cách hành chính nhà nước có tiến bộ, nhưng còn thấp, chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển của nền kinh tế; thực hiện kỷ cương kỷ luật chuyển biến còn rất chậm.

II- VỀ MỤC TIÊU TỔNG QUÁT, TƯ TƯỞNG CHỈ ĐẠO VÀ LỰA CHỌN PHƯƠNG ÁN KẾ HOẠCH NĂM 1999

1. Về bối cảnh tình hình năm 1999

Qua đánh giá, phân tích tình hình, Bộ Chính trị cho rằng, *trong năm 1999 những thách thức và khó khăn của đất nước còn rất lớn, gay gắt và phức tạp do những yếu kém từ bên trong của nền kinh tế chưa được khắc phục, do những tác động tiêu cực của cuộc khủng hoảng kinh tế ở khu vực và có thể còn lan rộng ra nhiều nước trên thế giới, thiên tai đang diễn biến phức tạp, có những yếu tố mà hôm nay chưa lường hết được.*

Trong tình hình rất khó khăn phức tạp đó, Bộ Chính trị đã cân nhắc và khẳng định: *chúng ta có những thuận lợi rất lớn và cơ bản.* Thế và lực của đất nước hiện nay mạnh hơn, vững vàng hơn những năm 90 - 91, khi bắt đầu công cuộc đổi mới, khi chủ nghĩa xã hội sụp đổ ở Liên Xô và Đông Âu. Đó là sự ổn định chính trị - xã hội, những thành tựu phát triển kinh tế, những kinh nghiệm trong quản lý điều hành, uy tín quốc tế, lòng tin của nhân dân vào Đảng, Nhà nước... Những nguồn lực trong nước còn lớn: sức lao động, đất đai, tiền của trong nhân dân, tài năng sáng tạo của con người Việt Nam, những lợi thế so sánh của đất nước, những cơ chế chính sách mới ban hành để thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 sẽ tạo ra những nhân tố và động lực mới cho sự phát triển...

2. Trong bối cảnh nói trên, quyết tâm của Bộ Chính trị là

- Tiếp tục đẩy mạnh công cuộc đổi mới theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 4, nắm vững lợi thế so sánh, phát

huy cao nhất nỗ lực của mọi người, mọi cấp, mọi ngành, mọi thành phần kinh tế, của toàn đảng, toàn dân, vượt qua khó khăn, thách thức, vừa giữ vững ổn định kinh tế - xã hội, vừa phát triển, tạo những tiền đề cần thiết cho bước phát triển nhanh và bền vững khi có điều kiện.

- Giữ vững và điều hành linh hoạt các cân đối vĩ mô, dỡ bỏ những trở ngại, ưu tiên cho phát triển sản xuất, có chủ trương, chính sách và giải pháp đặc biệt để động viên và sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực trong và ngoài nước, nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế.

3. Về lựa chọn phương án kế hoạch năm 1999

Qua thảo luận Bộ Chính trị đã nêu hai phương án để cân nhắc:

- Phương án thứ nhất: bằng tư tưởng tấn công và những biện pháp quyết liệt, tháo gỡ mạnh hơn về cơ chế, phát huy hết nội lực và lợi thế so sánh, *phấn đấu giữ tốc độ tăng trưởng GDP năm 1999 bằng năm 1998*, từ đó phấn đấu trong hai năm còn lại hoàn thành được những mục tiêu cơ bản của kế hoạch 5 năm 1996 - 2000 do Đại hội VIII đã đề ra. Theo phương án này tốc độ tăng GDP năm 1999 là 6 - 7%, nếu tình hình thế giới, trong nước có thêm những thuận lợi mới thì phấn đấu đạt chỉ tiêu tăng trưởng cao hơn, trường hợp ngược lại có những biến động xấu ngoài dự kiến thì sẽ điều chỉnh theo phương án hai.

- Phương án thứ hai: chỉ tiêu tăng trưởng GDP năm 1999 là 5 - 6%, nhưng nếu điều kiện thuận lợi sẽ phấn đấu đạt mức tăng cao hơn.

Trong báo cáo trình Trung ương cần nêu cả hai phương án này để Trung ương lựa chọn, quyết định.

III- VỀ CHỦ TRƯỞNG, CHÍNH SÁCH LỚN

Nghị quyết Trung ương 4 (khóa VIII), báo cáo của Ban Cán sự Đảng Chính phủ đã nêu rất rõ những chủ trương, chính sách lớn, Bộ Chính trị chỉ nhấn mạnh một số chủ trương, biện pháp đặc biệt có tính chất then chốt nhất với tình hình hiện nay.

1. Thực hiện những giải pháp đặc biệt về kinh tế - xã hội

1.1- *Tập trung cao độ cho lĩnh vực nông nghiệp và phát triển kinh tế nông thôn*: dành một tỷ lệ quan trọng các nguồn vốn huy động được để đầu tư cho phát triển nông, lâm, ngư nghiệp; giải quyết các chính sách về đất đai, phát triển các thành phần kinh tế trong nông nghiệp nông thôn theo tinh thần thông báo kết luận của Bộ Chính trị.

1.2- *Chỉ đạo thật chặt chẽ việc điều chỉnh về vốn và tăng thêm vốn cho lĩnh vực đầu tư*: tăng tổng đầu tư phát triển toàn xã hội thông qua hệ thống các chính sách như: nâng lãi suất tiền gửi và có biện pháp bảo toàn giá trị tiền gửi để thu hút tiền tiết kiệm của dân cư đầu tư vào sản xuất, không tăng hoặc giảm lãi suất cho vay để tăng đầu tư, thực hiện cơ chế bù lãi suất; nới lỏng chính sách tiền tệ, phát hành thêm tiền để đầu tư cho các dự án xây dựng cơ sở hạ tầng cấp bách thu hút nhiều lao động, mang lại hiệu quả cao và các công trình sắp hoàn thành, có thể chấp nhận tăng lạm phát một tỷ

lệ nhất định. Đồng thời tiếp tục rà soát nghiêm ngặt, cụ thể các dự án đầu tư, công khai và kiên quyết điều chỉnh cắt giảm những dự án xét thấy không hiệu quả hoặc chưa cần thiết trong tình hình hiện tại, không đầu tư tràn lan.

1.3- *Có biện pháp gắt gao thực hiện triệt để tiết kiệm trong toàn xã hội*: cả khu vực Nhà nước, doanh nghiệp và dân cư. Tiết kiệm chi tiêu thường xuyên từ ngân sách để tăng vốn cho đầu tư phát triển. Giữ lại ngân sách trung ương một tỷ lệ phù hợp dự toán ngân sách được duyệt trong năm 1999 của các đối tượng hưởng ngân sách để chi cho đầu tư hoặc dự phòng. Trong năm 1999 không đặt vấn đề tăng lương của khu vực hành chính sự nghiệp (trừ những trường hợp nâng bậc lương theo niên hạn và một số đối tượng đặc biệt). Thực hiện bằng được các quy định về tiết kiệm, nhất là trong việc xây dựng trụ sở, mua sắm ô tô, sử dụng điện thoại, chi tiêu hành chính, hội họp... Xây dựng lịch trình nâng dần tỷ lệ các địa phương tự cân đối được ngân sách và có đóng góp vào ngân sách Trung ương. Thực hiện thí điểm việc khoán quỹ lương trong một số cơ quan hành chính sự nghiệp. Bộ Tài chính phải có biện pháp quản lý chặt chẽ việc chi của các đối tượng hưởng ngân sách. Cấm tình trạng xin, cho tùy tiện.

1.4- *Những biện pháp về tài chính - tiền tệ và thị trường*: kiểm soát chặt chẽ hoạt động của các ngân hàng thương mại, nhất là ngân hàng thương mại cổ phần, sắp xếp thu hẹp bớt một số ngân hàng cổ phần hoạt động kém hiệu quả. Thực hiện nhanh việc thanh toán công nợ giai đoạn II và áp dụng các biện pháp kiên quyết để giảm tỷ lệ nợ quá hạn (nâng cao trách nhiệm của ngân hàng đối với việc cho vay, có quy định cụ thể việc giao các ngân hàng quản lý, đưa vào

sử dụng các tài sản thế chấp trong trường hợp các đơn vị vay nợ không có khả năng thanh toán).

- Quản lý chặt chẽ các nguồn ngoại tệ, triệt để thực hiện chính sách tiết kiệm ngoại tệ thông qua việc ngừng nhập khẩu những mặt hàng trong nước sản xuất được (kể cả một số mặt hàng sản xuất trong nước trước mắt còn đắt hơn hàng nhập khẩu), hạn chế các trường hợp đi nước ngoài bằng vốn ngân sách, giảm lượng ngoại tệ quy định được mang ra nước ngoài...

- Áp dụng một hệ thống các giải pháp nhằm tăng sức mua của dân cư (kích cầu) và mở rộng thị trường nội địa, đặc biệt là thị trường nông thôn như: mở rộng tín dụng tiêu dùng, tăng đầu tư từ vốn ngân sách để giải quyết việc làm và xóa đói, giảm nghèo, điều chỉnh cánh kéo giá cả để tăng thu nhập cho nông dân... Tích cực triển khai các biện pháp tìm thị trường mới, mở rộng thị trường xuất khẩu và thu hút vốn đầu tư, khuyến khích xuất khẩu của mọi thành phần kinh tế, lập quỹ hỗ trợ xuất khẩu.

Coi trọng hoạt động dịch vụ, nhất là dịch vụ phục vụ sản xuất công nghiệp, nông nghiệp, khoa học kỹ thuật, cung cấp vật tư cho các cơ sở sản xuất, cung cấp giống cây trồng, vật nuôi, và tiêu thụ sản phẩm cho nông nghiệp...

1.5- Về quan hệ sản xuất:

- Tập trung chỉ đạo sắp xếp các doanh nghiệp nhà nước, xúc tiến cổ phần hóa một số doanh nghiệp, kết luận mô hình tổng công ty (nhất là mô hình và cơ chế hội đồng quản trị), tháo gỡ những khó khăn từ phía vĩ mô để nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của khu vực doanh nghiệp

nhà nước; tổng kết tình hình phát triển kinh tế hợp tác và hợp tác xã để có chủ trương thúc đẩy và đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế hợp tác trong các lĩnh vực, về hình thức tổ chức sản xuất trang trại cần có kết luận sớm. Tiếp tục tìm các biện pháp tháo gỡ (nhất là về chính sách, thị trường...) để khắc phục sự sút giảm của khu vực kinh tế tư nhân.

1.6- *Giải quyết việc làm và xóa đói, giảm nghèo*: thực hiện nhiều giải pháp để tạo việc làm cho người lao động như: khuyến khích phát triển các ngành sản xuất sử dụng nhiều lao động, kể cả thủ công, huy động lao động vào khai thác vùng đất trống, đồi núi trọc, đất hoang hóa, vào xây dựng kết cấu hạ tầng. Nghiên cứu bổ sung sửa đổi chính sách nghỉ hưu, chính sách bảo hiểm thất nghiệp tạo điều kiện để các cơ quan, doanh nghiệp sắp xếp lao động phù hợp với yêu cầu nâng cao hiệu suất công tác và năng suất lao động. Tích cực triển khai thực hiện việc xuất khẩu lao động theo chỉ thị của Bộ Chính trị. Tập trung chỉ đạo thực hiện xóa đói, giảm nghèo, trước hết đối với trên 1.700 xã nghèo.

2. Tạo sự chuyển biến thực sự về kỷ luật, kỷ cương, nâng cao chất lượng công tác điều hành và tổ chức thực hiện

- Thực hiện nghiêm túc sinh hoạt tự phê bình và phê bình theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 5. Nâng cao ý thức tổ chức kỷ luật trong việc thực hiện các nghị quyết của Đảng và chủ trương, chính sách của Nhà nước.

- Tăng cường sự phối hợp công tác giữa các cơ quan Đảng, Nhà nước, đoàn thể ở các cấp từ Trung ương đến cơ sở, nêu cao ý thức cộng đồng trách nhiệm, đồng thời phân định rõ

chức năng, nhiệm vụ của mỗi loại cơ quan và cá nhân trong xử lý công việc, định kỳ kiểm điểm, đánh giá và có biện pháp biểu dương, phê bình cụ thể, đúng người, đúng việc; xác định rõ được trách nhiệm tập thể, cá nhân để có hướng khắc phục kịp thời, có hiệu quả.

3. Quán triệt sâu sắc và tạo sự thống nhất cao về nhận thức trong toàn Đảng, toàn dân đối với tình hình đất nước về những khó khăn và những thuận lợi, trên cơ sở đó phát động phong trào thi đua yêu nước, nêu cao trách nhiệm công dân, tinh thần tự lực tự cường, dồn sức người, sức của, tài năng và trí tuệ của toàn dân cho sản xuất phát triển, thực hiện cần kiệm xây dựng đất nước, tạo thành sức mạnh tổng hợp của toàn xã hội để chủ động đối phó với mọi tình huống phức tạp nhất, quyết tâm thực hiện bằng được các mục tiêu ổn định và phát triển kinh tế - xã hội, đưa đất nước tiến lên.

*

* *

Căn cứ các ý kiến kết luận trên đây, Ban Cán sự Đảng Chính phủ chỉ đạo việc tu chỉnh lại báo cáo để trình Ban Chấp hành Trung ương quyết định trước khi trình kỳ họp Quốc hội cuối năm 1998.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

TỔNG BÍ THƯ

LÊ KHẢ PHIÊU

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

KẾ HOẠCH CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 01-KH/TW, ngày 10 tháng 10 năm 1998

**Về sinh hoạt chính trị, tự phê bình và phê bình
trong Đảng theo tinh thần Nghị quyết Hội nghị
lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng
(khóa VIII)**

Những năm qua, Đảng ta đã lãnh đạo nhân dân tiến hành công cuộc đổi mới toàn diện đất nước, đạt những thành tựu có ý nghĩa rất quan trọng. Số đông cán bộ, đảng viên tiếp tục phát huy truyền thống cách mạng, vai trò tiên phong, gương mẫu, vững vàng, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; giữ gìn đạo đức cách mạng, lối sống lành mạnh; có bước trưởng thành mới về kiến thức, kinh nghiệm lãnh đạo và quản lý trên nhiều lĩnh vực.

Mặt khác, trước những khó khăn, thử thách của thời kỳ mới, đã có một số cán bộ, đảng viên hoang mang, dao động về niềm tin lý tưởng và mục tiêu cách mạng, nói và làm trái nghị quyết của Đảng; không ít người đã giảm sút ý chí phấn đấu, kém tinh thần trách nhiệm và ý thức tổ chức, kỷ luật, suy thoái về đạo đức và lối sống, gây bất bình trong nhân dân.

Những mặt tiêu cực đó nếu không được ngăn chặn và đẩy lùi sẽ là một nguy cơ hết sức nghiêm trọng, ảnh hưởng đến nhiệm vụ phát triển đất nước, sự tồn tại của Đảng và chế độ chúng ta.

Tình hình đó bắt nguồn từ nhiều nguyên nhân, trong đó nguyên nhân trực tiếp và chủ yếu là do ý thức tổ chức và kỷ luật trong Đảng bị xem nhẹ; tinh thần học tập, rèn luyện, tu dưỡng về tư tưởng chính trị, đạo đức và lối sống của nhiều cán bộ, đảng viên bị giảm sút nghiêm trọng; nhiều cấp ủy, tổ chức đảng và cán bộ lãnh đạo các cấp thiếu trách nhiệm trong công tác giáo dục và quản lý đội ngũ cán bộ, đảng viên; chế độ tự phê bình và phê bình trong Đảng không được duy trì thường xuyên và nghiêm túc. Tình trạng không tự giác, né tránh khuyết điểm trong tự phê bình, hữu khuynh, nể nang trong phê bình diễn ra phổ biến; có người lợi dụng phê bình để đả kích, vu khống, gây rối nội bộ hoặc trù dập người phê bình... làm cho các cuộc tự phê bình và phê bình đạt kết quả rất hạn chế. Mặt khác, một số vấn đề về chế độ chính sách cán bộ còn bất cập, công tác nghiên cứu lý luận chậm làm rõ nhiều vấn đề bức xúc của cuộc sống đặt ra trong tình hình mới cũng là nguyên nhân rất quan trọng tác động đến tình hình tư tưởng trong Đảng ta.

Nghị quyết Đại hội VIII của Đảng nhấn mạnh: "Để thực hiện những mục tiêu và nhiệm vụ mà Đại hội VIII nêu ra, Đảng ta phải tiếp tục tự đổi mới, tự chỉnh đốn, nâng cao hơn nữa sức chiến đấu và năng lực lãnh đạo của mình, khắc phục cho được các khuyết điểm, các biểu hiện tiêu cực và yếu kém".

Căn cứ Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ năm (khóa VIII) và Chỉ thị số 38-CT/TW, ngày 12-8-1998 của Bộ Chính trị về tổ chức thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa VIII), các cấp ủy, các tổ chức đảng tiến hành sinh hoạt chính trị, liên hệ kiểm điểm, tự phê bình và phê bình theo các yêu cầu, nội dung, phương châm và phương pháp sau đây:

I- YÊU CẦU

1. Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp ủy, các tổ chức đảng và cán bộ, đảng viên trong công tác xây dựng Đảng và trong nhiệm vụ lãnh đạo tiến hành thắng lợi công cuộc đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Làm cho các tổ chức đảng và từng cán bộ, đảng viên thấy rõ tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống đang có chiều hướng phát triển để có ý thức đấu tranh kiên quyết, từng bước ngăn chặn và đẩy lùi các biểu hiện suy thoái đó, củng cố khối đoàn kết, thống nhất trong Đảng trên cơ sở mục tiêu lý tưởng, Cương lĩnh chính trị, đường lối đổi mới và Điều lệ Đảng.

2. Mỗi cấp ủy và tổ chức đảng, mỗi cán bộ, đảng viên tự giác liên hệ kiểm điểm, tự phê bình và phê bình thật sự nghiêm túc, làm rõ ưu điểm, nhất là những thiếu sót, khuyết điểm của tập thể lãnh đạo và cán bộ lãnh đạo các cấp trong công tác giáo dục, quản lý đội ngũ cán bộ, đảng viên; của từng cán bộ, đảng viên trong việc học tập, tu dưỡng về tư

tưởng chính trị, rèn luyện đạo đức, lối sống trong thời gian qua; phân tích nguyên nhân các mặt thiếu sót, khuyết điểm; đề ra kế hoạch và biện pháp cụ thể, thiết thực, để phát huy ưu điểm, sửa chữa khuyết điểm, ngăn ngừa sai phạm; nâng cao sức chiến đấu và năng lực lãnh đạo của các tổ chức đảng và đội ngũ đảng viên, củng cố mối quan hệ mật thiết giữa Đảng và nhân dân.

3. Chỉ đạo sinh hoạt chính trị, tự phê bình và phê bình trong Đảng một cách chặt chẽ, có trọng tâm, trọng điểm, vững chắc, đạt hiệu quả, phù hợp với đặc điểm của từng cấp, từng ngành, từng đối tượng cụ thể, gắn với việc lãnh đạo thực hiện tốt các Pháp lệnh cán bộ, công chức, chống tham nhũng, chống lãng phí và thực hành tiết kiệm, các quy chế thực hiện dân chủ ở cơ sở và việc các nhiệm vụ chính trị, nhất là nhiệm vụ phát triển kinh tế, cải thiện đời sống nhân dân, bảo đảm an ninh và quốc phòng, lành mạnh hóa xã hội, giữ vững ổn định chính trị...

II- NỘI DUNG

1. Tổ chức sinh hoạt chính trị trong Đảng

- Nghiên cứu quán triệt Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VIII) về "Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc".

- Học tập tác phẩm của Chủ tịch Hồ Chí Minh: "Nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân".

- Nghiên cứu quán triệt bài viết của đồng chí Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu về tu dưỡng, rèn luyện tư tưởng chính trị, đạo đức cách mạng.

2. Liên hệ, kiểm điểm, tự phê bình và phê bình ở các cấp ủy, tổ chức đảng và cán bộ, đảng viên

a) Đối với các cấp ủy và tổ chức đảng

- Kiểm điểm việc chỉ đạo thực hiện các nghị quyết của Đảng trong công tác xây dựng Đảng, tập trung vào nội dung xây dựng tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên trong thời gian qua.

- Đánh giá đúng thực trạng tình hình tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên trong đảng bộ hoặc trong ngành, cơ quan, đơn vị. Tập trung làm rõ những thiếu sót, khuyết điểm và nguyên nhân, nhất là nguyên nhân chủ quan về trách nhiệm của cấp ủy, tổ chức đảng đối với những thiếu sót, khuyết điểm, sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên trong đảng bộ hoặc trong ngành, cơ quan, đơn vị (làm rõ những tư tưởng cơ hội chính trị, quan liêu, mất dân chủ, tham nhũng, sống buông thả).

- Xây dựng kế hoạch, biện pháp tăng cường vai trò lãnh đạo và công tác giáo dục, quản lý đội ngũ cán bộ, đảng viên, đề xuất bổ sung, sửa đổi về cơ chế, chính sách nhằm phát huy ưu điểm, khắc phục các thiếu sót, khuyết điểm và ngăn chặn những biểu hiện suy thoái.

b) Đối với các cấp ủy viên và cán bộ lãnh đạo các cấp

- Kiểm điểm vai trò, trách nhiệm của cấp ủy viên và cán bộ lãnh đạo ở từng cấp trong việc xây dựng đảng bộ ngành, cơ quan, đơn vị về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống.

- Tự phê bình cá nhân theo các nội dung nêu ở mục C.

c) Đối với cán bộ, đảng viên

+ Về tư tưởng chính trị:

- Nhận thức, những băn khoăn, trăn trở về Cương lĩnh,

đường lối, Điều lệ Đảng, chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh; về cơ chế thị trường và chủ nghĩa xã hội; về nguyên tắc tập trung dân chủ của Đảng; về quan điểm đối với các thành phần kinh tế: quốc doanh, hợp tác xã, tư doanh, liên doanh, cổ phần hóa, chính sách tiết kiệm, phát huy nội lực, tranh thủ hợp tác quốc tế có hiệu quả, bảo đảm công bằng xã hội, củng cố an ninh, quốc phòng... (thể hiện qua lời nói và bài viết...).

- Quan điểm chính trị và cách xử lý đối với những vấn đề (phải, trái) nảy sinh trong công tác và cuộc sống hằng ngày (lý tưởng, lẽ sống, dân chủ, công bằng xã hội...).

Tinh thần cảnh giác, chống "diễn biến hòa bình" của các lực lượng thù địch.

+ Về đạo đức, lối sống:

- Tinh thần trách nhiệm trước công việc được giao;

- Ý thức chấp hành kỷ luật Đảng, luật pháp Nhà nước, bảo vệ Đảng, giữ gìn đoàn kết trong Đảng;

- Xử lý mối quan hệ giữa lợi ích chung với lợi ích cá nhân;

- Thái độ và hành động chống quan liêu, cửa quyền, tham nhũng, hối lộ, làm giàu bất chính...;

- Việc giữ gìn lối sống lành mạnh, sự ảnh hưởng tác động của cơ chế thị trường và lối sống chạy theo đồng tiền, xa hoa, thực dụng, ích kỷ, xa cách dân.

III- PHƯƠNG CHÂM VÀ PHƯƠNG PHÁP TIẾN HÀNH

- Coi trọng giáo dục, nâng cao nhận thức để phát huy ưu điểm, ngăn ngừa sai phạm, "phòng bệnh, trị bệnh, cứu

người", biểu dương những cán bộ, đảng viên gương mẫu; chân thành giúp đỡ những người có khuyết điểm nhưng tự giác thấy rõ khuyết điểm và có tinh thần tích cực sửa chữa; xử lý những trường hợp có sai phạm nghiêm trọng nhưng không thành khẩn tự phê bình, tiếp thu phê bình.

- Nêu cao tính tự giác, tự phê bình của tập thể và cá nhân; tôn trọng và tiếp thu ý kiến đóng góp, phê bình của tập thể, của cấp trên và cấp dưới; sự góp ý của nhân dân với hình thức phù hợp. Khắc phục tình trạng e dè, nể nang, né tránh; nghiêm cấm lợi dụng phê bình để vu cáo, đả kích cá nhân, gây rối nội bộ hoặc trù dập người phê bình.

- Chú trọng tính hiệu quả, không nhất thiết việc gì cũng tuyên truyền công khai, không làm hình thức, qua loa, chiếu lệ.

- Tổ chức chỉ đạo làm trước ở một số cơ quan Trung ương và cấp tỉnh, thành tập trung vào một số trọng điểm để có kinh nghiệm mở rộng ra diện chung trong toàn Đảng.

IV- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

- *Bước thứ nhất:* Tất cả các ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Trung ương, các tỉnh ủy, thành ủy căn cứ vào bản hướng dẫn này để lên kế hoạch sinh hoạt chính trị tự phê bình và phê bình trong phạm vi bộ, ban, ngành, địa phương mình.

Bước này gồm:

+ Đánh giá thực hiện nhiệm vụ chính trị năm 1998 và đánh giá tình hình tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống... trong phạm vi đơn vị cấp ủy mình.

+ Từng cá nhân cấp ủy chuẩn bị tự phê bình cá nhân với nội dung như trong hướng dẫn.

- *Bước thứ hai*: Tập thể và cá nhân kiểm điểm... Bước này Bộ Chính trị, Ban Cán sự Đảng Chính phủ làm trước sau đó chỉ đạo một số ban, ngành và một số tỉnh, thành phố thực hiện tự phê bình và phê bình tập thể và cá nhân.

- *Bước thứ ba*: Tập thể, cá nhân các cấp (bộ, ban, ngành và địa phương) còn lại tự phê bình và phê bình.

Ban thường vụ, thường trực cấp ủy, các đồng chí bí thư cấp ủy, bí thư ban cán sự đảng, đảng đoàn phải trực tiếp chỉ đạo, huy động cán bộ có kinh nghiệm hướng dẫn chỉ đạo, kiểm tra việc sinh hoạt chính trị, tự phê bình và phê bình ở các tổ chức đảng trực thuộc. Những đảng bộ yếu kém thì cấp ủy cấp trên phải trực tiếp chỉ đạo, giúp đỡ để sinh hoạt chính trị, tự phê bình và phê bình đạt kết quả.

Các tỉnh ủy, thành ủy, ban cán sự đảng, đảng đoàn và đảng ủy trực thuộc Trung ương qua sinh hoạt chính trị, tự phê bình và phê bình, tiến hành sơ kết, rút kinh nghiệm và báo cáo kết quả thực hiện với Thường vụ Bộ Chính trị.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

PHẠM THẾ DUYỆT

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**HƯỚNG DẪN
CỦA THƯỜNG VỤ BỘ CHÍNH TRỊ**

Ngày 10 tháng 10 năm 1998

**Về việc thực hiện tự phê bình và phê bình đối với
các đồng chí là Ủy viên Bộ Chính trị,
Ủy viên Trung ương, thành viên Chính phủ,
cán bộ chủ chốt ở các cơ quan Trung ương
và địa phương**
*(Ban hành kèm theo Kế hoạch của Bộ Chính trị
số 01-KH/TW, ngày 10-10-1998)*

Thực hiện Chỉ thị số 38-CT/TW, ngày 12-8-1998 và Kế hoạch số 01-KH/TW, ngày 10-10-1998 của Bộ Chính trị về sinh hoạt chính trị, tự phê bình và phê bình trong Đảng theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VIII);

Thường vụ Bộ Chính trị gợi ý, hướng dẫn việc chuẩn bị và tiến hành tự phê bình và phê bình đối với các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Trung ương, thành viên Chính phủ, cán bộ chủ chốt ở các cơ quan Trung ương và địa phương, tập trung vào một số điểm chính sau đây:

I- VỀ TRÁCH NHIỆM CHÍNH TRỊ ĐỐI VỚI NHIỆM VỤ ĐƯỢC GIAO

Tư tưởng, quan điểm, ý thức trách nhiệm và kết quả đóng góp ở cương vị lãnh đạo chung (trong Bộ Chính trị, Chính phủ, cấp ủy hoặc tổ chức đảng) và ở cương vị công tác cụ thể được giao đối với từng đồng chí về một số vấn đề sau:

- Sự trung thành với đường lối của Đảng và Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa trong quá trình đổi mới, thực hiện Cương lĩnh, đường lối và Điều lệ Đảng.
- Xây dựng tổ chức đảng và đội ngũ cán bộ, đảng viên trong sạch, vững mạnh về tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống; chống quan liêu, tham nhũng, chủ nghĩa cá nhân, cơ hội và các biểu hiện tiêu cực khác.
- Bảo đảm sự lãnh đạo và đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng trong việc xây dựng và phát huy vai trò hoạt động của Nhà nước và xã hội.

II- VỀ PHẨM CHẤT CÁ NHÂN

1. Tư tưởng - chính trị

- Nhận thức về lý luận, quan điểm, đường lối chính trị của Đảng và những vấn đề đang phụ trách.
- Lãnh đạo, chỉ đạo việc bảo vệ quan điểm, đường lối chính trị của Đảng.
- Ý thức sinh hoạt đảng và tham gia công tác xây dựng Đảng ở chi bộ, đảng bộ nơi mình công tác và địa phương mình sinh sống.

- Mối liên hệ với nhân dân, tham gia sinh hoạt với cộng đồng dân cư nơi mình sinh sống và chịu sự giám sát của nhân dân; tham gia công tác vận động quần chúng...

2. Đạo đức, lối sống

- Thái độ khắc phục khó khăn (chung, riêng), ý thức trách nhiệm trước công việc được giao.

- Thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, ý thức tập thể, dân chủ, kỷ luật, đoàn kết trong cơ quan lãnh đạo; tinh thần đấu tranh chống chia rẽ, bè phái, cục bộ, bản vị, lỏng lẻo về kỷ luật, kỷ cương, ý thức giữ gìn bí mật theo quy định của Đảng và Nhà nước.

- Tinh thần học tập nâng cao trình độ và chấp hành sự phân công công tác của cơ quan tổ chức có thẩm quyền.

- Quan hệ với cán bộ cấp dưới, với các địa phương, cơ sở và nhân dân. Có biểu hiện hách dịch, xa cách, làm cho cấp dưới và nhân dân không đồng tình?

- Trong công tác cán bộ, thể hiện được tinh thần trách nhiệm, công tâm, khách quan chưa? Có biểu hiện nể nang, thiên vị, hẹp hòi, định kiến?

Vợ con, người thân có tác động, ảnh hưởng gì tích cực, tiêu cực đến công việc chung và công tác nhân sự?

- Trong việc chống lãng phí, thực hành tiết kiệm: lãnh đạo, chỉ đạo và thực hiện việc sử dụng tổ chức, bộ máy, biên chế, chi tiêu ngân sách, trong việc quản lý sử dụng đất đai trụ sở làm việc, nhà công vụ, lập các quỹ, sử dụng phương tiện làm việc (máy móc, xe cộ, điện thoại...), người phục vụ.

- Trong cuộc sống và thu nhập của bản thân và gia đình: đề nghị cho biết các vấn đề sau:

+ Tình hình sử dụng nhà đất công, sửa chữa nhà, mua bán, chuyển nhượng, cho thuê nhà, đất ở của mình và của những người thân có liên quan (cha, mẹ, vợ hoặc chồng, con, cháu...) trong mấy năm gần đây, nguồn vốn để giải quyết các vấn đề đó (1 nhà hay 2 - 3 nhà ở Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, quê hương và những nơi khác).

+ Bản thân gia đình có sử dụng đất làm trang trại hay không? (Nếu có thì mức độ cụ thể ra sao, thuê mướn công nhân thế nào?).

+ Trong mối quan hệ với các tổ chức kinh tế, sự nghiệp ở trong nước và nước ngoài, với các ngành, địa phương và các cơ sở đã xử lý vấn đề quà biếu, thưởng vì có "đóng góp thành tích", khi có tác động vào việc cấp vốn ngân sách, các dự án đầu tư, đấu thầu xây dựng, cấp "côta"... Có biểu hiện lợi dụng chức quyền để mưu cầu lợi ích riêng tư hoặc sách nhiễu, gây phiền hà khi giải quyết công việc của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

+ Trong một số quy định cụ thể về "những việc không được làm" ở Pháp lệnh công chức, Pháp lệnh chống tham nhũng: làm tư vấn, góp cổ phần vào doanh nghiệp tư nhân, tham gia thành lập các doanh nghiệp tư nhân, sử dụng vợ con, người thân trong các công tác tổ chức nhân sự, kế toán, tài vụ, giao dịch mua bán, ký kết hợp đồng cho cơ quan mà mình phụ trách...; để cho vợ con dựa thế, lợi dụng chức quyền hoạt động sai trái trong các hoạt động kinh doanh, dịch vụ?

+ Trong đời sống văn hóa: bản thân và gia đình đã làm gương về xây dựng nếp sống văn hóa mới; việc tổ chức lễ hội, đám cưới, đám tang, sinh nhật, thờ tự, đi lễ đền chùa, chống

các hủ tục mê tín, dị đoan, thực hành tiết kiệm trong chi tiêu, không vụ lợi, xa hoa, lãng phí như thế nào?

*

* *

Trên đây là những vấn đề hướng dẫn, gợi ý chung đối với diện cán bộ lãnh đạo cấp cao. Các đồng chí có thể bổ sung thêm những điểm cần thiết trong quá trình kiểm điểm, tự phê bình và phê bình cho sát hợp hơn với tình hình thực tế ở từng lĩnh vực công tác cụ thể. Vận dụng những gợi ý này để chỉ đạo các cấp dưới, cán bộ đảng viên khi kiểm điểm phù hợp với tình hình cụ thể ở từng nơi.

THƯỜNG VỤ BỘ CHÍNH TRỊ

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**PHÁT BIỂU
CỦA TỔNG BÍ THƯ LÊ KHẢ PHIÊU
KHAI MẠC HỘI NGHỊ LẦN THỨ SÁU (LẦN 1)
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG
KHÓA VIII***

Ngày 13 tháng 10 năm 1998

Thưa các đồng chí Cố vấn,

Thưa các đồng chí Trung ương,

Thưa các đồng chí dự Hội nghị,

Hội nghị lần thứ sáu (lần 1) Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII kỳ này sẽ bàn, quyết định phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách năm 1999 và vấn đề phát triển nông nghiệp - nông thôn nước ta.

Trong bối cảnh mới, tình hình có nhiều diễn biến đáng chú ý hiện nay, Hội nghị Trung ương sẽ xem xét đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch kinh tế năm 1998, cho ý kiến về kế hoạch kinh tế - xã hội năm 1999, có đối chiếu với việc thực

* Hội nghị lần thứ sáu (lần 1) Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII họp từ ngày 13-10 đến ngày 17-10-1998, tại Hà Nội (B.T.).

hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội (1996 - 2000) mà Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ VIII đề ra.

Để chuẩn bị cho Hội nghị Trung ương lần này, Chính phủ đã huy động các cơ quan chức năng đi khảo sát tình hình và dự thảo các phương án kế hoạch, nhiều đồng chí trong Bộ Chính trị và các đồng chí Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương cũng đã dành nhiều thời gian trực tiếp đến các cơ sở thuộc nhiều địa bàn, nhiều lĩnh vực để tìm hiểu tình hình. Bộ Chính trị đã dành nhiều ngày để nghe các cơ quan báo cáo, phân tích thảo luận sôi nổi, cởi mở, thẳng thắn, nghiêm túc. Những ý kiến khác nhau đều được trao đổi đi lại nhiều lần trong Bộ Chính trị mới đi đến kết luận và cũng mới là bước đầu để báo cáo ra Trung ương.

Trước khi các đồng chí Trần Xuân Giá, Nguyễn Sinh Hùng, Lê Huy Ngọ trình bày các báo cáo về kế hoạch, về ngân sách, về nông nghiệp và đồng chí Phan Văn Khải phát biểu gợi ý những vấn đề để Trung ương quan tâm thảo luận, tôi xin phát biểu làm rõ một số điểm mà Bộ Chính trị đã tập trung thảo luận nhiều.

Thứ nhất: Về đánh giá tình hình kinh tế - xã hội năm 1998 và dự báo chiều hướng phát triển tình hình sắp tới. Bộ Chính trị đã đánh giá sự phát triển vừa qua, đánh giá những chỉ số phát triển qua từng năm, đánh giá những biện pháp kinh tế trong nước, trong khu vực và thế giới, đánh giá quan hệ kinh tế trong nước và hội nhập quốc tế... qua đó để rút ra kết luận nền kinh tế của chúng ta vẫn vững vàng ổn định hay có gì ngược lại; sáng suốt đề ra phương án khả thi để chủ động trong mọi tình huống.

Bên cạnh những yếu kém vốn có của nền kinh tế nước ta, trong thời gian qua lại chịu tác động nặng nề của cuộc khủng hoảng tài chính, tiền tệ ở khu vực và một số nước trên thế giới, thiên tai dồn dập ở nhiều nơi trong nước, tình hình đó đã làm cho các chỉ tiêu của nền kinh tế nước ta không tăng thuận chiều như những năm trước, xuất hiện chiều hướng giảm sút nhịp độ tăng trưởng từ cuối năm 1996 qua năm 1997 đến năm 1998 vẫn chưa được chặn lại.

Trước tình hình đó, có nhiều cách nhìn, cách đánh giá khác nhau, nhiều câu hỏi đặt ra và có những giải đáp cũng khác nhau...

Trong khi phân tích các nguyên nhân, có nguyên nhân khách quan và chủ quan nhưng nguyên nhân khách quan là chính hay chủ quan của chúng ta là chính?

Có ý kiến coi khó khăn của tình hình này giống như những năm 1990 - 1991 khi các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu và Liên Xô sụp đổ... thậm chí còn gay gắt hơn thời điểm 1990 - 1991, những nỗ lực chủ quan của ta đã cố gắng hết mức, trong khi tình hình suy thoái về kinh tế và cả chính trị ở một số nước ngày một gay gắt, còn đang lan rộng và có thể còn kéo dài, tác động của thiên tai ta chưa lường hết được, vì vậy ta có thể tiếp tục phát triển hay là tập trung củng cố để giữ thế ổn định khi có thời cơ thuận lợi mới phát triển? Nên đánh giá thế nào về ý kiến đó?

Đánh giá đúng, có cách nhìn đúng thì chúng ta sẽ có quyết tâm đúng, có những giải pháp khoa học, thực tiễn để vượt lên... ngay trong tình huống phức tạp nhất. Với tinh thần đó, Bộ Chính trị đã nhất trí xác định quyết tâm, trong đó có quyết tâm về xây dựng kế hoạch kinh tế - xã hội năm 1999 là:

"Tiếp tục sự nghiệp đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, nắm vững lợi thế so sánh, dựa vào sức mạnh nội lực, phát huy cao độ nỗ lực của mọi người, mọi cấp, mọi ngành, mọi thành phần kinh tế, nắm thời cơ, tranh thủ mọi nguồn lực từ bên ngoài, vượt qua khó khăn thách thức, giữ vững ổn định và phát triển kinh tế - xã hội, từng bước tạo tiền đề cần thiết cho phát triển nhanh và bền vững khi có điều kiện". Quyết tâm đó cũng là sự nỗ lực thực hiện các mục tiêu mà Đại hội VIII đề ra, tức là kế hoạch kinh tế - xã hội 1996 - 2000.

Với quyết tâm - tư tưởng chỉ đạo như vậy, Bộ Chính trị đã cân nhắc cả hai phương án mà Chính phủ đề xuất để Trung ương xem xét quyết định. Trong kế hoạch có xác định chỉ tiêu tốc độ tăng trưởng (GDP), nhưng Bộ Chính trị cho rằng tốc độ tăng trưởng phải lấy chất lượng, hiệu quả kinh tế - xã hội làm mục đích; cần khắc phục tâm lý sợ tụt hậu, sợ tăng trưởng GDP thấp mà nôn nóng đề ra chỉ tiêu không thực tế, thì dù tốc độ tăng trưởng cao nhưng chất lượng, hiệu quả kinh tế - xã hội thấp thì sự tăng trưởng đó cũng không có ý nghĩa và không lành mạnh, vì vậy phải quán triệt đầy đủ tinh thần này.

Thứ hai: Về những chủ trương, chính sách, các giải pháp... Nghị quyết Trung ương 4 đã nêu ra các giải pháp rất cơ bản, đương nhiên việc thực hiện còn hạn chế; trong tình hình mới như đã phân tích ở trên, chúng ta cần phải có những giải pháp đặc biệt, kể cả những giải pháp có tính chất tình thế để giải phóng lực lượng sản xuất, tạo ra động lực mới thúc đẩy mạnh mẽ nguồn sức mạnh nội lực (sức lao động, trí tuệ, tài nguyên, tiền vốn...), tất cả cho sản xuất phát triển, sản xuất có hiệu quả, có chất lượng bền vững của nền kinh tế.

Với tinh thần đó, những gì trong chính sách, giải pháp đã có mà thực hiện chưa tốt phải đôn đốc làm cho tốt, những gì chưa phù hợp, chưa tạo thuận lợi cho mọi người, mọi doanh nghiệp, mọi thành phần kinh tế sản xuất, kinh doanh có lợi cho đất nước, thậm chí còn gây trở ngại kìm hãm, ảnh hưởng đến phát triển thì phải tháo bỏ ngay, không chần chừ do dự (trong các báo cáo trình Trung ương đều có nêu các giải pháp). Biện pháp phải nhằm trúng vào những vấn đề mà cuộc sống đang đòi hỏi, có như vậy mới gọi là biện pháp đặc biệt, mới sớm phát huy được hiệu lực đưa cuộc sống vượt lên nhanh như vấn đề đầu tư (vốn trong nước và vốn ngoài nước; giữa cơ cấu đầu tư sao cho phù hợp giữa các ngành, các lĩnh vực: nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ... trước mắt và lâu dài, nhất là những lĩnh vực, ngành then chốt, trọng điểm...).

- Vấn đề tài chính, tiền tệ... (lành mạnh hóa hệ thống ngân hàng, tín dụng, tài chính, các vấn đề tỷ giá hối đoái, cân cân thanh toán ngoại tệ, các vấn đề lãi suất, lạm phát...).

- Qua tình hình một số nước suy thoái về kinh tế, ta rút ra được bài học gì ở đây và ta phòng tránh như thế nào?

- Vấn đề thị trường (thị trường trong nước và ngoài nước, thị trường truyền thống và thị trường mới. Ai lo việc này, tổ chức ra sao? Chính sách như thế nào, rồi gia nhập các tổ chức thương mại thế giới, ký kết Hiệp định thương mại với các nước, kể cả với Mỹ...). Thời cơ, thách thức đều nằm trong những lĩnh vực nhạy cảm này.

- Vấn đề sắp xếp, đổi mới các doanh nghiệp nhà nước (cả công nghiệp, thương nghiệp, nông trường, lâm trường) đi liền là xây dựng quan hệ sản xuất mới...

- Vấn đề xóa đói, giảm nghèo, công bằng xã hội...

- Vấn đề tiết kiệm: đã nói tới nhiều, nhưng chưa có chuyển biến gì lớn (xu hướng nhẹ tích lũy mà nặng về tiêu dùng còn khá nặng); kèm theo là lãng phí, tham nhũng, buôn lậu, thu, chi luôn mất cân đối... phải có biện pháp gì để khắc phục cho được tình hình này?

- Vấn đề nông nghiệp, nông thôn đã quan trọng, trong tình hình hiện nay lại càng trở nên quan trọng đặc biệt. Bộ Chính trị đã thảo luận và trên cơ sở có bản dự thảo kết luận những ý kiến về nông nghiệp, nông thôn gửi đến các đồng chí Trung ương, vì có nhiều vấn đề rất lớn, và ở lĩnh vực này đã xuất hiện rất nhiều nhân tố mới, nhiều hình thức, cách thức sản xuất phong phú, đa dạng trong nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, ở đồng bằng, trung du, miền núi, vùng ven biển, vùng biển cần được xem xét đánh giá thống nhất ý kiến. Vì vậy, bản gửi các đồng chí Trung ương chỉ mới là dự thảo, sau khi các đồng chí Trung ương cho ý kiến sẽ chỉnh lý thành kết luận chính thức để Trung ương ra Nghị quyết hoặc Trung ương giao Bộ Chính trị ra Nghị quyết.

Trong văn bản này, Bộ Chính trị tiếp tục xác định vị trí, vai trò nông nghiệp - nông thôn; trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, trước hết là công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp - nông thôn; hướng phát triển các thành phần kinh tế và hình thức tổ chức sản xuất, con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nông thôn trong thời kỳ mới, như: kinh tế hộ gia đình; kinh tế hợp tác và hợp tác xã; kinh tế tư bản tư nhân; trong đó kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo, kinh tế hợp tác lớn lên từng bước cùng kinh tế nhà nước dần trở thành nền tảng của nền kinh tế quốc dân. Ở đây có hình thức sản xuất mới xuất hiện đó là trang trại... Tuy mới

nhưng đã phát triển khá nhanh và đa dạng ở nhiều địa phương và đã mang lại những hiệu quả tích cực, nhưng cũng còn nhiều ý kiến khác nhau. Đáng lẽ phải được tổng kết cặn kẽ nhưng chưa làm được, sắp tới sau khi có ý kiến Trung ương sẽ tập trung tổng kết thật sâu các vấn đề nông nghiệp - nông thôn, trong đó có vấn đề trang trại.

Vấn đề lớn nữa là chính sách đất đai. Sau khi *Luật đất đai* 1993 đã đi vào cuộc sống, nhiều chính sách mới đã phát huy tác dụng, đồng thời cũng xuất hiện nhiều vấn đề cần phải cân nhắc sửa đổi một số điểm cho phù hợp yêu cầu mới như: quyền sở hữu và quyền sử dụng ruộng đất; việc xác định giá trị đất; việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất; vấn đề tích tụ và tập trung ruộng đất; hạn điền ở các vùng khác nhau; vấn đề giao đất, cho thuê đất cho các đối tượng khác nhau (hộ nông dân, các tổ chức...). Bộ Chính trị cho rằng việc xem xét sửa đổi có tính toàn diện (đưa ra Luật sửa đổi mới) đòi hỏi phải có thời gian tổng kết, chuẩn bị công phu hơn, nhất là những sửa đổi có liên quan đến Hiến pháp. Trước mắt, cần xem xét sửa đổi một số điều của *Luật đất đai* hiện hành, kịp thời giải quyết những vướng mắc trong các quan hệ về đất đai, làm hạn chế việc phát huy tiềm năng to lớn trên mặt trận nông nghiệp - nông thôn, không huy động được mọi nguồn lực để phát triển nông nghiệp trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa - đảm bảo sự phát triển nông nghiệp - nông thôn theo định hướng xã hội chủ nghĩa, tăng cường liên minh công nông.

Thứ ba: Bộ Chính trị cũng nêu nhiều ý kiến về công tác điều hành và tổ chức chỉ đạo thực hiện.

Phải có những biện pháp cụ thể thiết thực để khắc phục

bằng được các yếu kém lâu nay trong tổ chức thực hiện các nghị quyết, các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước.

Tạo sự thống nhất cao, sự phối hợp chặt chẽ giữa cơ quan lập pháp, hành pháp, tư pháp dưới sự lãnh đạo tập trung thống nhất của Đảng, giải quyết tốt phân công, phân cấp giữa Trung ương và địa phương; khắc phục bệnh quan liêu, hình thức, xa thực tế, tham ô, tham nhũng; mặt khác phải đề cao tính tổ chức, kỷ luật, khắc phục tình trạng chồng chéo, phân tán, cục bộ, gây khó khăn, làm chậm trễ thực thi nhiệm vụ và gây ách tắc sản xuất...

Thưa các đồng chí,

Khó khăn, thách thức trước mắt còn lớn, nhưng thuận lợi của chúng ta cũng không nhỏ. Thời điểm này không giống như thời điểm 1990 - 1991. Thế và lực của ta cũng khác hơn nhiều thời kỳ đó.

Vấn đề là cơ quan lãnh đạo cao nhất đánh giá sao cho đúng, hiểu cho hết được nhân tố chủ quan và khách quan, thấy rõ cái mạnh, cái yếu của chính mình, đặc biệt là thấy cho sâu, cho rõ những chuyển động của cuộc sống, của từng lĩnh vực, nhất là về nông nghiệp, một số ngành công nghiệp... Những nhân tố mới xuất hiện ngày một nhiều, phong phú, đa dạng, vì đó là trí tuệ, là sáng kiến bắt đầu từ dân mà ra, với động cơ ích nước lợi nhà, cho nên đòi hỏi chúng ta phải bắt kịp, nắm lấy để hướng dẫn, nhân lên, hỗ trợ cho những nhân tố ấy phát triển, biến điển hình còn hẹp thành phong trào rộng khắp, làm ra nhiều của cải làm giàu cho đất nước; muốn làm được như thế thì phải rất nhạy bén, rất sáng suốt và quyết đoán, nếu thấy là hay, là tốt, là đúng với quan điểm,

đường lối của Đảng thì kiên quyết làm, có như vậy mới phát huy được sức mạnh tổng hợp của cả dân tộc, của trong nước và ngoài nước để tiến lên và tiến lên một cách vững chắc, dù cho vòng xoáy của cuộc khủng hoảng tài chính - tiền tệ có gay gắt và lan rộng, kéo dài hơn nữa chúng ta cũng không bị vòng xoáy đó cuốn theo.

Thay mặt Bộ Chính trị, tôi xin tuyên bố khai mạc Hội nghị lần thứ sáu (lần 1) Ban Chấp hành Trung ương (khóa VIII).

Đảng Cộng sản Việt Nam:

Văn kiện Hội nghị lần thứ sáu (lần 1)

Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII,

Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998, tr.5-14.

**BẢN TRÌNH BÀY
Ý KIẾN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ**

Số 85/TLHN, ngày 17 tháng 10 năm 1998

**Về một số vấn đề Trung ương đã nêu
trong khi thảo luận về kế hoạch năm 1999
và vấn đề phát triển nông nghiệp - nông thôn**

Tại hội nghị Trung ương lần này đã có 107 ý kiến phát biểu ở tổ và 24 ý kiến phát biểu tại hội trường thảo luận báo cáo của Ban Cán sự Đảng Chính phủ về kế hoạch và ngân sách năm 1999, báo cáo của Ban Cán sự Đảng Chính phủ và dự thảo kết luận của Bộ Chính trị về vấn đề phát triển nông nghiệp, nông thôn. Các ý kiến góp ý đều bày tỏ sự nhất trí cơ bản với nội dung các báo cáo trình Trung ương, đồng thời đã góp nhiều ý kiến xác đáng để bổ sung, hoàn chỉnh văn bản.

Qua thảo luận của Trung ương, Bộ Chính trị xin trình bày một số vấn đề mà Trung ương đã có ý kiến như sau:

1. Về đánh giá tình hình năm 1998

- Một số ý kiến đề nghị để có căn cứ đánh giá đúng tình hình năm 1998, trong báo cáo cần nêu cụ thể, cung cấp thông tin đầy đủ hơn về một số vấn đề quan trọng như các cân đối

tài chính - tiền tệ, nợ nước ngoài, hiệu quả hoạt động của từng loại hình doanh nghiệp nhà nước, vấn đề thị trường, v.v..

Tiếp thu ý kiến Trung ương, Bộ Chính trị đã giao một số đồng chí báo cáo, cung cấp thêm thông tin về một số vấn đề nói trên.

- Một số ý kiến cho rằng trong báo cáo đánh giá tình hình có phần hơi lạc quan, chưa thấy hết những khó khăn và tồn tại của nền kinh tế; nhưng cũng có ý kiến cho rằng đánh giá tình hình vẫn chưa làm nổi bật những thành tựu mà chúng ta đã đạt được.

Về vấn đề này, Bộ Chính trị xin trình bày như sau:

Mặc dù đã đạt được những thành tựu quan trọng sau hơn 10 năm đổi mới, nhưng nhìn chung, nước ta vẫn còn nghèo, nền kinh tế còn nhiều mặt yếu kém, trong năm 1998 lại chịu tác động tiêu cực nặng nề của cuộc khủng hoảng tài chính, kinh tế ở khu vực và thiên tai. Trong bối cảnh đầy khó khăn, thử thách trong năm 1998, chúng ta đã phấn đấu đạt được tốc độ tăng trưởng kinh tế khoảng 6%, ổn định được kinh tế - xã hội, tiếp tục phát triển sự nghiệp văn hóa, giáo dục, y tế, ổn định được đời sống nhân dân.

Trong khi nhiều nước ở khu vực lâm vào suy thoái kinh tế và khủng hoảng trên nhiều mặt, kết quả mà chúng ta giành được trong năm qua là thắng lợi đáng mừng. Đạt được thành tựu đó là nhờ thế và lực của đất nước được tăng cường qua hơn 10 năm đổi mới, nhờ tinh thần đoàn kết phấn đấu với nỗ lực rất lớn của toàn Đảng, toàn dân, của toàn quân, của các ngành, các cấp, sự chỉ đạo đúng đắn của Bộ Chính trị, sự điều hành năng động, nhạy bén của Chính phủ. Thắng lợi đó một lần nữa cho thấy sức mạnh tiềm tàng của nhân dân

ta, chế độ ta, đồng thời khẳng định sự đúng đắn của Nghị quyết Đại hội VIII và các Nghị quyết của Trung ương.

Cần làm cho toàn Đảng, toàn dân thấy rõ những kết quả đã đạt được để phấn khởi, tự tin, đoàn kết, vững bước đi lên.

Mặt khác, cần đánh giá đúng mức những mặt yếu kém và diễn biến xấu về kinh tế, xã hội trong năm qua: nhịp độ tăng trưởng kinh tế giảm tới 1/3 so với năm trước; sản xuất kinh doanh có nhiều khó khăn hơn, số lao động không có và không đủ việc làm còn lớn và tăng thêm; kim ngạch xuất khẩu không tăng; đầu tư trong nền kinh tế giảm và kém hiệu quả; tình hình tài chính - tiền tệ - tín dụng còn nhiều yếu kém; việc đổi mới quan hệ sản xuất tuy có tiến bộ nhưng còn chậm; đời sống nhân dân ở một số vùng còn rất khó khăn; lĩnh vực văn hóa, xã hội còn nhiều vấn đề gay gắt. Chúng ta không được phép xem nhẹ chút nào những khó khăn yếu kém trên đây, tuy nhiên cần nhận rõ đây là những khó khăn trên bước đường phát triển mà chúng ta hoàn toàn có thể khắc phục được. So với những năm đầu của thập kỷ này, ngày nay nền kinh tế nước ta đã có thêm thế và lực để tiếp tục phát triển trong những năm tới.

Nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật, khách quan, phân tích đúng thành tựu để tự tin, phấn khởi, nhưng phải thấy hết khó khăn, yếu kém, lượng định chiều hướng vận động của những khó khăn, yếu kém này để phấn đấu khắc phục là tư tưởng chỉ đạo của Bộ Chính trị khi đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch năm 1998 trình Trung ương.

- Về nguyên nhân của tình hình

Nhiều ý kiến cho rằng trong những nguyên nhân của những khó khăn yếu kém của nền kinh tế thì nguyên nhân

chủ quan là chính và cần đánh giá, phân tích rõ những nguyên nhân chủ quan đó. Ý kiến khác cho rằng nguyên nhân khách quan là chính, vì ta đã cố gắng hết sức rồi, không thể đòi hỏi hơn được. Cũng có những ý kiến phân vân khi đánh giá về tác động của các nguyên nhân khách quan và chủ quan của tình hình.

Bộ Chính trị cho rằng, những khó khăn, yếu kém của nền kinh tế có những nguyên nhân khách quan: thiên tai hiểm thấy đã gây thiệt hại nặng nề ở nhiều vùng; ảnh hưởng đậm nét ngày càng bộc lộ rõ hơn của cuộc khủng hoảng tài chính - kinh tế khu vực đối với nền kinh tế nước ta, nhất là đối với xuất khẩu, đầu tư nước ngoài, tỷ giá hối đoái và cán cân thanh toán quốc tế là những yếu tố tác động nhanh nhạy đến sản xuất, kinh doanh và tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế.

Tuy nhiên, điều cần phân tích kỹ là những nguyên nhân chủ quan để sớm có những giải pháp khắc phục: chính sách, thể chế còn thiếu đồng bộ và chưa đủ cụ thể, nhất quán để tạo môi trường và điều kiện thuận lợi cho việc phát huy nội lực và tiềm năng của các thành phần kinh tế. Các nhân tố và mô hình mới trong hoạt động kinh tế của quần chúng và các đơn vị cơ sở chậm được tổng kết để thống nhất nhận định và có chủ trương kịp thời. Sự chỉ đạo, tổ chức thực hiện còn có những biểu hiện thiếu kiên quyết, chưa thông suốt và nhất quán trong các ngành, các cấp (như trong việc điều chỉnh cơ cấu đầu tư, kiểm soát nhập khẩu, bảo hộ hợp lý sản xuất trong nước, thực hành tiết kiệm...). Đáng quan ngại là tình trạng công kênh, thiếu kỷ luật, kém hiệu lực và tệ quan liêu, tham nhũng trong bộ máy quản lý nhà nước đã được

phân tích, phê phán và đề ra biện pháp khắc phục nhưng chuyển biến chậm đã cản trở việc thực hiện các chủ trương, chính sách.

- Có ý kiến cho rằng việc điều chỉnh tỷ giá ngoại tệ chưa hợp lý nên khó ngăn chặn được hàng nhập lậu. Ý kiến khác lại cho rằng hai lần điều chỉnh tỷ giá ngoại tệ trong năm qua là quá nhiều, vội vã, thiếu cân nhắc, thực chất là phá giá đồng tiền Việt Nam, làm thiệt hại cho nhiều doanh nghiệp, nợ nần tăng lên. Ý kiến của Bộ Chính trị về vấn đề này như sau:

Từ sau khi cuộc khủng hoảng tài chính - tiền tệ khu vực xảy ra vào đầu tháng 7-1997 đến giữa năm 1998, giá trị các đồng tiền trong khu vực đã mất giá khoảng từ 40 - 70%. Trong bối cảnh đó, nếu vẫn giữ giá trị của đồng tiền Việt Nam so với USD như cũ thì sẽ cản trở xuất khẩu, làm tăng nhập lậu hàng hóa, hạn chế giao dịch ngoại tệ, làm giảm lượng ngoại tệ dự trữ ít ỏi của Nhà nước. Bởi vậy, sau khi nghe Chính phủ báo cáo, Thường vụ Bộ Chính trị và Bộ Chính trị đã quyết định chủ động điều chỉnh tỷ giá. Đến nay, giá trị đồng Việt Nam đã giảm khoảng 18% so với tháng 6-1997.

Việc điều chỉnh tỷ giá trong hai năm qua đã tính tới và cân nhắc các tác dụng tích cực và hạn chế, có xem xét các quan hệ quốc tế và khu vực, nhằm giảm tác động tiêu cực của khủng hoảng và tranh thủ các yếu tố có lợi để phát triển.

Bộ Chính trị cho rằng việc điều chỉnh tỷ giá trong thời gian qua về cơ bản là đạt được mục tiêu và yêu cầu đề ra. Kết hợp việc điều chỉnh tỷ giá với các giải pháp về nhà nước thống nhất quản lý ngoại tệ, về hạn chế nhập khẩu, chúng ta

đã cố gắng bảo vệ được dự trữ ngoại tệ của đất nước, đáp ứng được ngoại tệ cho các nhu cầu cơ bản nhất như nhập khẩu xăng dầu, phân bón, các vật tư thiết bị quan trọng cho nền kinh tế và trả nợ nước ngoài; thị trường ngoại tệ không có những biến động lớn, lạm phát vẫn được kiểm chế, bảo đảm được ổn định kinh tế - xã hội.

Cần thấy rằng việc điều chỉnh tỷ giá vừa qua đã góp phần hạn chế nhập khẩu và buôn lậu, nhưng mục tiêu chủ yếu của việc điều chỉnh tỷ giá không phải để chống buôn lậu. Chống buôn lậu triệt để thì phải bằng các biện pháp quyết liệt và kiên trì, cả giải pháp về kinh tế và hành chính. Thực tế chứng minh các biện pháp chống buôn lậu ở các cửa khẩu, việc dán tem một số mặt hàng nhập khẩu vừa qua đã và đang đưa lại các kết quả tích cực bước đầu.

2. Về mục tiêu và phương án kế hoạch năm 1999

- Một số ý kiến đề nghị cần phân tích sâu và kỹ hơn ảnh hưởng của khủng hoảng kinh tế khu vực, có dự báo dài hơn tình hình đến năm 2000 và một vài năm sau đó để có cơ sở đề ra những quan điểm, chính sách, giải pháp cho kế hoạch năm 1999.

Bộ Chính trị nhận thấy ý kiến này là hợp lý. Vừa qua, trong quá trình xây dựng kế hoạch, chúng ta đã có những dự báo cho năm 1999 và một vài năm sau. Tuy nhiên, việc dự báo, nhất là dự báo chính xác diễn biến của khủng hoảng tài chính - tiền tệ là một việc khó, đòi hỏi phải được tiếp tục nghiên cứu, cập nhật và bổ sung dần trong quá trình điều hành thực hiện kế hoạch cho phù hợp với thực tế để hướng nền kinh tế phát triển một cách ổn định và bền vững.

- Về mục tiêu tổng quát, nhiều ý kiến đề nghị phải nhấn mạnh đường lối "công nghiệp hóa, hiện đại hóa" trong mục tiêu tổng quát mà trước mắt, trong tình hình hiện nay phải thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn. Tiếp thu ý kiến này, Bộ Chính trị đề nghị xác định lại mục tiêu tổng quát như sau:

Mục tiêu tổng quát của năm 1999 và một vài năm sau là "Tiếp tục công cuộc đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, trước hết là công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn; thực hiện có hiệu quả chương trình hành động theo Nghị quyết Trung ương 4; phát huy cao nhất nỗ lực của toàn dân, toàn Đảng vượt qua khó khăn, thách thức, giữ vững ổn định kinh tế - xã hội, tập trung phát triển các ngành, các lĩnh vực, các sản phẩm có điều kiện, nâng cao hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế, tạo tiền đề cần thiết cho bước phát triển tiếp theo".

Về bảy nhiệm vụ chủ yếu, có ý kiến nên thêm một nhiệm vụ nữa là: tiếp tục đổi mới quan hệ sản xuất, củng cố khu vực kinh tế nhà nước để giữ vai trò chủ đạo trong nền kinh tế, phát triển kinh tế hợp tác và hợp tác xã; khuyến khích các thành phần kinh tế khác phát triển, nhằm khai thác triệt để nội lực trong nền kinh tế. Bộ Chính trị tiếp thu ý kiến này và cho rằng đây là nhiệm vụ mang tính chiến lược, kế hoạch hằng năm cần phải bám sát nhiệm vụ này.

- Về việc lựa chọn phương án tăng trưởng kinh tế (GDP), nhiều ý kiến đề nghị thuyết trình rõ thêm về hai phương án lựa chọn kế hoạch, Bộ Chính trị xin trình bày rõ thêm như sau:

Trong báo cáo của Ban Cán sự Đảng Chính phủ đã trình bày cụ thể việc bố trí kế hoạch trong từng ngành, từng lĩnh vực với những nguồn lực có thể khai thác được và trên cơ sở đó tính toán các chỉ tiêu phát triển chung của nền kinh tế. Trong quá trình tính toán, có tính đến sự phấn đấu vượt bậc, khai thác tối đa các nguồn lực trong nước và cân nhắc ba tình huống có thể xảy ra như sau:

+ Tác động của cuộc khủng hoảng kinh tế đối với nước ta không xấu hơn năm 1998, trong trường hợp đó, chúng ta sẽ phấn đấu đạt mục tiêu tăng trưởng không thấp hơn năm 1998.

+ Tình hình kinh tế trong khu vực và trên thế giới có cải thiện thì sẽ phấn đấu đạt mục tiêu tăng trưởng cao hơn năm 1998.

+ Nếu cuộc khủng hoảng kinh tế ngày càng xấu thêm, tác động từ nhiều phía đối với nước ta nặng nề hơn, thì phải tính phương án tăng trưởng thấp hơn, để chủ động trong điều hành nền kinh tế.

Qua thảo luận của Trung ương, ngoài hai phương án đã trình, Bộ Chính trị tán thành nêu thêm phương án thứ ba (tốc độ tăng trưởng GDP năm 1999 là 6%, đồng thời giao Bộ Chính trị tùy tình hình thực tế để có chủ trương điều chỉnh cho phù hợp).

Đề nghị Trung ương biểu quyết về vấn đề này.

3. Về các chủ trương, chính sách lớn

3.1. Một số vấn đề về nông nghiệp, nông thôn

- Về phạm vi, nội dung báo cáo về nông nghiệp và nông thôn.

Có ý kiến nhận xét các chủ trương, biện pháp nêu trong

báo cáo về nông nghiệp, nông thôn nếu áp dụng cho năm 1999 thì quá nhiều, còn nếu cho cả thời kỳ đến năm 2010 thì lại quá sơ sài; đề nghị nâng thêm chất lượng của báo cáo để Trung ương ra nghị quyết về vấn đề này cho đúng tầm. Một số ý kiến đề nghị phạm vi báo cáo này cần bao gồm cả ba lĩnh vực "nông nghiệp, nông thôn và nông dân"; làm rõ cả các khía cạnh chính trị, văn hóa, không chỉ nêu về vấn đề kinh tế.

Bộ Chính trị cho rằng các vấn đề về nông nghiệp, nông thôn và nông dân đã được nêu toàn diện trong Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 khóa VII, Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ VIII; nhiều vấn đề cụ thể về kinh tế; khoa học - công nghệ; y tế; giáo dục; văn hóa; tổ chức cán bộ đã nêu trong Nghị quyết các Hội nghị Trung ương lần thứ hai, ba, bốn và năm. Chiến lược dài hạn về phát triển nông nghiệp và nông thôn tới năm 2010 và cả thời kỳ công nghiệp hóa sẽ được nghiên cứu trong quá trình chuẩn bị Đại hội Đảng lần thứ IX. Do vậy, lần này Bộ Chính trị thấy chỉ cần nêu một số vấn đề quan trọng cấp thiết đang đặt ra nhằm tháo gỡ những vướng mắc về cơ chế chính sách, tạo điều kiện thúc đẩy phát triển nông nghiệp và nông thôn làm cơ sở ổn định chính trị, xã hội, phát triển kinh tế bền vững.

Bộ Chính trị đề nghị Trung ương cho ý kiến để có thêm căn cứ và chuẩn bị thành nghị quyết của Bộ Chính trị về một số vấn đề phát triển nông nghiệp và nông thôn.

- Vai trò của kinh tế nhà nước trong nông nghiệp.

Có ý kiến cho rằng các nông, lâm trường không hiệu quả bằng tư nhân, trong nông nghiệp kinh tế nhà nước chỉ nên giữ vai trò hỗ trợ, hướng dẫn.

Bộ Chính trị cho rằng trong điều kiện hiện nay ở nước ta, phải tập trung xây dựng kinh tế nhà nước trong nông nghiệp (không chỉ gồm nông, lâm trường) đủ mạnh để giữ vai trò chủ đạo, bảo đảm cho nông nghiệp nhanh chóng thoát khỏi tình trạng lạc hậu, trì trệ và đi vào sản xuất hàng hóa quy mô lớn có năng suất, chất lượng, hiệu quả cao; tạo điều kiện giúp nông dân sớm thoát khỏi đói nghèo; đưa nông thôn nước ta phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Tuy nhiên, kinh tế nhà nước cần tập trung chủ yếu vào lĩnh vực: Quy hoạch sản xuất, cơ giới hóa nông nghiệp; phát triển thủy lợi và cơ sở hạ tầng; hỗ trợ vốn, khoa học, công nghệ và đào tạo cán bộ, phát triển công nghiệp chế biến, dịch vụ đầu vào đầu ra, kinh doanh xuất nhập khẩu những mặt hàng có ý nghĩa lớn về kinh tế - xã hội; quản lý, bảo vệ các nguồn tài nguyên thiên nhiên (đất, nước, rừng); đứng chân trên các địa bàn xung yếu, vùng sâu, vùng xa để vừa sản xuất, kinh doanh, vừa hỗ trợ hướng dẫn đồng bào dân tộc thiểu số, định canh định cư, ổn định sản xuất, đời sống và xóa đói, giảm nghèo; liên kết các thành phần kinh tế để thúc đẩy nông nghiệp, nông thôn phát triển toàn diện.

Đối với các nông, lâm trường: vừa qua tuy còn nhiều nông, lâm trường bao chiếm nhiều đất đai, lại để lãng phí và làm ăn kém hiệu quả, không thể hiện được vai trò, vị trí của mình trên địa bàn, nhưng cũng có một số nông, lâm trường vẫn duy trì và mở rộng được hoạt động sản xuất, kinh doanh, năng động, sáng tạo và làm ăn có hiệu quả, trở thành chỗ dựa cho các thành phần kinh tế khác trong vùng phát triển.

Bởi vậy, sắp tới cần thực hiện triệt để việc rà soát, sắp xếp, củng cố lại các nông, lâm trường, phân cấp cho các địa

phương quản lý, đồng thời nhanh chóng đổi mới để các đơn vị này hoạt động có hiệu quả.

- *Về kinh tế hộ, kinh tế hợp tác và hợp tác xã.*

Đa số ý kiến cho rằng kinh tế hộ là có hiệu quả; cần tổng kết và có biện pháp khuyến khích phát triển kinh tế hợp tác và hợp tác xã. Nhưng cũng có ý kiến cho rằng kinh tế hộ là kinh tế gia trưởng, kìm hãm phát triển sản xuất hàng hóa và hiện nay kinh tế hộ ở nước ta đã phát triển tới giới hạn của nó.

Từ thực tiễn những năm vừa qua cho thấy kinh tế hộ là hình thức tổ chức sản xuất có hiệu quả lâu dài, khi Nhà nước có chính sách đúng đắn, hỗ trợ tích cực thì nhiều hộ có thể tiếp tục vươn lên phát triển sản xuất hàng hóa. Mặt khác, kinh tế hộ sản xuất hàng hóa phát triển sẽ là cơ sở để phát triển kinh tế hợp tác một cách tự nguyện, hợp quy luật, đáp ứng nguyện vọng của nông dân. Bộ Chính trị tán thành ý kiến cần sớm tổ chức tổng kết về kinh tế hợp tác, kết quả thực hiện *Luật hợp tác xã* trong hơn một năm qua để có chính sách cụ thể tháo gỡ khó khăn, vướng mắc và hỗ trợ tích cực cho phong trào hợp tác xã phát triển.

- *Về kinh tế trang trại.*

Nhiều ý kiến tán thành phát triển kinh tế trang trại, nhưng với mức độ khác nhau. Có ý kiến đề nghị không nên quá nhấn mạnh kinh tế trang trại và khi nói kinh tế trang trại thì cần phải chú ý tới vấn đề công bằng xã hội. Có ý kiến lại cho kinh tế trang trại là "đạo lý số một", "là nhân tố cứu nguy" cho nền kinh tế hiện nay, là cơ sở để tạo thêm công ăn việc làm, đề nghị không gọi kinh tế trang trại là kinh tế tư bản tư nhân và nên định hướng cho trang trại phát triển.

Đối với vấn đề cán bộ, đảng viên làm kinh tế trang trại, có các ý kiến theo các mức độ khác nhau: cho phép cán bộ, đảng viên làm kinh tế trang trại; cho phép làm ở vùng trung du, miền núi; cho phép làm nhưng chỉ giới hạn trong một số lĩnh vực và khống chế về quy mô.

Bộ Chính trị cho rằng, trang trại thực chất là kinh tế hộ sản xuất hàng hóa quy mô lớn hơn so với hộ gia đình, chỉ có một số ít là trang trại tư nhân... Mấy năm gần đây kinh tế trang trại phát triển nhanh và là nhân tố có tác dụng thúc đẩy nông nghiệp phát triển, nhưng không phải là nhân tố duy nhất. Nhà nước khuyến khích phát triển trang trại gia đình; riêng với trang trại tư nhân (kể cả tư nhân ở nơi khác hoặc ở thành phố) được khuyến khích phát triển theo quy định của pháp luật để khai thác đất trống, đồi trọc, đất hoang hóa ở trung du, miền núi và vùng ven biển; còn ở vùng đồng bằng chủ yếu chỉ hướng vào việc đầu tư xây dựng các trang trại chăn nuôi hoặc công nghiệp chế biến, khi có đủ điều kiện thì khuyến khích các nhà kinh doanh tư nhân trong nông nghiệp đi vào con đường tư bản nhà nước.

Về vấn đề cán bộ, đảng viên làm trang trại, cán bộ, đảng viên có gia đình làm nông nghiệp được làm trang trại như các hộ nông dân khác. Trong thực tế hiện nay còn có một số cán bộ, đảng viên đương chức hoặc nghỉ hưu không làm nông nghiệp nhưng đã sử dụng vốn để mua quyền sử dụng đất, thuê đất kinh doanh trang trại, nay vẫn được kinh doanh theo chính sách quy định, hướng dẫn; khuyến khích việc hùn vốn với nhau hoặc với nhà nước để xây dựng công nghiệp chế biến vừa và nhỏ. Phải ngăn chặn ngay các hành vi lợi dụng

chức quyền để lấn chiếm, mua bán đất đai kiếm lợi bất chính, làm cho nhân dân bất bình.

- Về chính sách đất đai.

Có nhiều ý kiến khác nhau về các vấn đề giao đất, cho thuê đất, quyền của người sử dụng đất, hạn điền, thời gian sử dụng đất, tích tụ ruộng đất, giá đất và việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất, về đất đai của các nông, lâm trường...

Bộ Chính trị cho rằng, trước yêu cầu của sự phát triển kinh tế, xã hội khi bước vào thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa, *Luật đất đai* năm 1993 sau 5 năm thực hiện bên cạnh những mặt tích cực đã bộc lộ một số điểm chưa thật phù hợp, chưa đủ cụ thể để xử lý những vấn đề mới phát sinh, nhất là trong việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất, làm cho quan hệ về đất đai trong xã hội rất phức tạp, không chỉ về mặt kinh tế mà có ảnh hưởng đến cả ổn định xã hội. Trước mắt Chính phủ trình Quốc hội thông qua việc sửa đổi và bổ sung một số điều trong *Luật đất đai* năm 1993 trong kỳ họp cuối năm 1998. Đồng thời tổng kết sâu sắc việc thực hiện *Luật đất đai* năm 1993 trên cơ sở đó chuẩn bị *Luật đất đai* sửa đổi có tính chất toàn diện sau này.

Về hạn điền, về cơ bản nên duy trì mức hạn điền như đã quy định, đồng thời cần nghiên cứu có chính sách hạn điền cụ thể cho một số vùng và loại đất, như đất trồng cây công nghiệp lâu năm ở Tây Nguyên và miền Đông Nam Bộ, đất lúa ở trung du, miền núi. Tuy nhiên, hạn điền chỉ áp dụng khi giao đất không thu tiền sử dụng đất cho các hộ gia đình và cá nhân, còn khi thuê đất thì phải theo dự án.

Về đất đai của các nông, lâm trường, một mặt cần rà soát lại đất đai, mỗi nông, lâm trường chỉ giữ lại diện tích phù

hợp với chức năng, nhiệm vụ, khả năng thực tế để tổ chức sản xuất, kinh doanh, làm tốt vai trò là trung tâm dịch vụ, trung tâm kinh tế - xã hội trong vùng, nhất là ở các vùng cao, vùng xa, vùng biên giới. Các nông, lâm trường thực hiện khoán lâu dài đất đai, vườn cây lâu năm và rừng cho các hộ gia đình cán bộ, công nhân viên gắn với sản phẩm cuối cùng. Có thể giao một phần đất sản xuất cho các hộ gia đình cán bộ, công nhân viên nông, lâm trường để phát triển kinh tế gia đình. Chuyển cho chính quyền địa phương phân đất còn lại để giao cho dân sử dụng.

- Về chính sách tiêu thụ nông sản.

Có nhiều ý kiến đề nghị phải đẩy mạnh việc tiêu thụ sản phẩm như một biện pháp quan trọng thúc đẩy sản xuất phát triển, nâng cao thu nhập cho nông dân.

Bộ Chính trị tiếp thu ý kiến của Trung ương và thấy rằng để tăng cường công tác này cần có những biện pháp mạnh mẽ để nâng cao sức cạnh tranh của nông sản hàng hóa, phát triển thị trường trong nước và xuất khẩu. Đầu tư thỏa đáng để nhanh chóng đổi mới giống cây trồng, vật nuôi bằng các loại giống có năng suất và chất lượng cao; phát triển công nghệ sau thu hoạch, nhất là các khâu chế biến và bảo quản. Nâng cao thu nhập của dân cư, thực hiện cơ chế lưu thông thông thoáng để mở rộng thị trường trong nước. Hỗ trợ tích cực các doanh nghiệp có đăng ký tìm kiếm và xâm nhập thị trường thế giới, xuất khẩu đạt hiệu quả cao; mở rộng xuất khẩu sang các thị trường khác ngoài khu vực.

3.2. Về đầu tư

Nhiều ý kiến đề nghị cần tạo ra cơ chế chính sách rõ hơn,

hiệu quả hơn để khai thác tối đa nguồn vốn trong nước vào đầu tư phát triển, điều chỉnh cơ cấu đầu tư, cải tiến quy chế thẩm định dự án đầu tư để hạn chế các tiêu cực, thất thoát vốn đầu tư... Trong báo cáo trình Ban Chấp hành Trung ương, bảy nhóm các chủ trương, chính sách đầu tư đã nhằm vào việc thực hiện các yêu cầu đó, với mục đích huy động tối đa các nguồn vốn đầu tư, tăng tổng vốn đầu tư của toàn xã hội và sử dụng có hiệu quả nguồn vốn đầu tư, bao gồm việc điều chỉnh cơ cấu đầu tư, hoàn thiện cơ chế đầu tư, soát xét lại tính hiệu quả các dự án ODA, mở rộng các đối tác đầu tư...

3.3. Về tài chính - tiền tệ

Một số ý kiến đề nghị trong năm 1999 chưa nên triển khai thực hiện Luật thuế giá trị gia tăng.

Cần khẳng định rằng việc thực hiện thuế giá trị gia tăng là một bước tiến quan trọng trong tiến trình cải cách hệ thống thuế nhằm khắc phục những nhược điểm cơ bản của thuế doanh thu là: Tránh đánh thuế trùng lặp, giảm bớt số mức thuế, khuyến khích và tạo điều kiện tích tụ vốn tái đầu tư của doanh nghiệp, khuyến khích xuất khẩu, bảo hộ hợp lý sản xuất - kinh doanh trong nước, tăng cường công tác hạch toán và thực hiện chế độ chứng từ hóa đơn.

Tuy nhiên, năm 1999 là năm đầu tiên áp dụng thuế giá trị gia tăng trong khi tình hình kinh tế gặp khó khăn nên các doanh nghiệp và nền kinh tế cũng sẽ gặp những khó khăn mới. Bộ Chính trị và Chính phủ đã thấy vấn đề này nên đã chỉ đạo ban hành đồng bộ các văn bản hướng dẫn dưới luật, kể cả các văn bản hướng dẫn về quy trình nghiệp vụ cụ thể.

Đã chỉ đạo Bộ Tài chính làm việc với các bộ để tổ chức tính toán thuế giá trị gia tăng đối với 64 tổng công ty nhà nước; tính toán cân đối ngân sách 61 tỉnh, thành phố; tính toán đối với trên 110 mặt hàng quan trọng trong nền kinh tế. Trên cơ sở này Chính phủ đã trình Bộ Chính trị các phương án, biện pháp để chủ động xử lý những khó khăn đã thấy và có thể xảy ra khi áp dụng thuế giá trị gia tăng. Những phương án và biện pháp xử lý này đã được nhiều tổng công ty và địa phương đồng ý (tuy cũng còn một số địa phương và tổng công ty đề nghị cân nhắc thêm).

Nếu điều chỉnh, xử lý một số điểm cho phù hợp với tình hình mới, việc áp dụng *Luật thuế giá trị gia tăng* sẽ đảm bảo được các yêu cầu đặt ra là: Thúc đẩy sản xuất - kinh doanh của các doanh nghiệp, góp phần ổn định nền kinh tế, ổn định nền tài chính quốc gia và ngân sách nhà nước, ngân sách của từng địa phương, không tác động xấu đến tình hình giá cả. Bởi vậy Bộ Chính trị đề nghị Trung ương trên cơ sở thống nhất chủ trương với quyết tâm cao, tập trung lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện *Luật thuế giá trị gia tăng* từ đầu năm 1999 đạt kết quả tốt.

Về vấn đề bù lương cho cán bộ, công chức.

Một số ý kiến đề nghị Trung ương cần có biện pháp để bù lương cho cán bộ, công chức trong năm 1999.

Về vấn đề này, Bộ Chính trị xin được giải trình như sau: năm 1998 chúng ta đã giải quyết một bước chế độ chính sách cho cán bộ xã phường: xác định lại định biên, nâng mức phụ cấp, thực hiện chế độ bảo hiểm xã hội, chuẩn bị thực hiện chế độ bảo hiểm y tế; đã giải quyết phụ cấp đặc thù đối với đội ngũ giáo viên. Đây là một cố gắng lớn của Đảng và Nhà nước.

Năm 1999 trong bối cảnh khó khăn chung, chủ trương của chúng ta là triệt để tiết kiệm chi thường xuyên để dành vốn cho đầu tư phát triển, đối phó với khủng hoảng tài chính - tiền tệ khu vực và thế giới; tình hình thực tế cho thấy ngân sách nhà nước hiện nay chưa có điều kiện để nâng lương cho cán bộ, công chức khu vực hành chính sự nghiệp (trừ một số đối tượng đặc biệt). Bộ Chính trị đề nghị Trung ương thống nhất chủ trương này, đồng thời cần giải thích để cán bộ, đảng viên hiểu rõ, đánh giá đúng về quan hệ tiền lương của cán bộ với thu nhập của nhân dân (nhất là ở nông thôn, miền núi, vùng sâu, vùng xa), động viên cán bộ, đảng viên thể hiện lòng yêu nước của mình cùng Đảng và Nhà nước khắc phục khó khăn, dồn vốn cho đầu tư phát triển xây dựng đất nước.

Tuy nhiên Bộ Chính trị cũng nhận định vấn đề tiền lương hiện nay còn nhiều bất hợp lý; thời gian tới Bộ Chính trị sẽ chỉ đạo việc nghiên cứu và triển khai thực hiện cải cách tiền lương đi đôi với đổi mới lại cơ cấu ngân sách nhà nước và tổ chức bộ máy của Đảng, đoàn thể và Nhà nước.

3.4. Về chủ trương kích thích tăng cầu thị trường nội địa

Có ý kiến cho rằng trong báo cáo chủ trương là kích thích tăng cầu thị trường nội địa, nhưng các giải pháp cụ thể thực chất lại là "thắt cầu" như tiết kiệm chi tiêu, không tăng lương, giảm nhập khẩu...

Về vấn đề này, Bộ Chính trị giải trình thêm như sau:

Trong nền kinh tế thị trường, thị trường là yếu tố rất quan trọng ảnh hưởng tới sản xuất, tới sự phát triển kinh tế. Thực tế hiện nay ở nước ta năng lực sản xuất của nhiều

doanh nghiệp, nhiều ngành còn lớn, chưa được sử dụng hết vì không tiêu thụ được sản phẩm. Đặc biệt trong tình hình hiện nay, khủng hoảng ở nhiều nước trong khu vực làm thị trường xuất khẩu của nước ta bị thu hẹp gây khó khăn cho sản xuất ở nhiều doanh nghiệp trong nước. Trong khi đó thị trường nội địa của chúng ta hạn hẹp vì sức mua thấp.

Trước tình hình đó, Bộ Chính trị chủ trương kích thích tăng cầu thị trường nội địa, vừa tạo điều kiện cho sản xuất phát triển, vừa từng bước nâng cao đời sống của nhân dân.

Tiêu dùng tạo ra cầu không chỉ có tiêu dùng cá nhân, mà còn có tiêu dùng sản xuất, không chỉ có chi tiêu từ ngân sách nhà nước, mà còn có chi tiêu của toàn xã hội. Việc không tăng lương, tiết kiệm chi tiêu từ ngân sách là để dành vốn cho đầu tư. Giảm nhập khẩu hàng hóa cũng là để kích thích tăng cầu thị trường nội địa đối với hàng sản xuất trong nước.

Những biện pháp khác được dự kiến thực hiện để kích cầu là giảm một số loại thuế, tăng nguồn vốn tín dụng, hình thành quỹ tín dụng cho người sản xuất vay mua máy móc, thiết bị bằng hình thức trả góp, thuê mua, cho nông dân vay tiền để mua máy móc sản xuất, xây dựng nhà cửa, mua hàng lâu bền...

3.5. Về vấn đề cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước

Một số ý kiến đề nghị phải tập trung chỉ đạo để đẩy nhanh tiến độ cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước. Nhưng có những ý kiến khác đề nghị phải xem xét kỹ, thận trọng và phải chuẩn bị đầy đủ hơn khi thực hiện cổ phần hóa và ngoài

việc cổ phần hóa cần có các chính sách, giải pháp khác tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp nhà nước phát triển.

Nghị quyết Đại hội VIII và các Nghị quyết Trung ương đều khẳng định chủ trương cải cách doanh nghiệp nhà nước trong đó việc thực hiện cổ phần hóa một bộ phận doanh nghiệp nhà nước, là một trong những giải pháp để đổi mới và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước. Bộ Chính trị cũng đã có những kết luận về cổ phần hóa. Chính phủ đã có những nghị định (Nghị định 28-CP, Nghị định 44-CP) về cổ phần hóa, nhưng từ năm 1992, khi có chủ trương thí điểm cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước đến nay, vì nhiều lý do, việc thực hiện cổ phần hóa tiến hành rất chậm, đến nay cả nước mới có hơn 30 doanh nghiệp nhà nước được cổ phần hóa, có doanh nghiệp phải mất 1 - 2 năm mới làm xong những thủ tục để cổ phần hóa. Những doanh nghiệp được cổ phần hóa chủ yếu có quy mô nhỏ. Thực tế cho thấy những doanh nghiệp đã được cổ phần hóa đều hoạt động kinh doanh có hiệu quả, vốn sản xuất, số lượng người lao động làm việc trong doanh nghiệp, tiền lương của người lao động, doanh thu của doanh nghiệp, hiệu quả sử dụng vốn... đều tăng.

Bộ Chính trị cho rằng, trong thời gian tới một mặt cần tiếp tục hoàn chỉnh các chính sách về cổ phần hóa; mặt khác, các ngành, các cấp cần tập trung chỉ đạo để đẩy nhanh việc sắp xếp lại doanh nghiệp đang bị thua lỗ, để có điều kiện tập trung vốn đầu tư chiều sâu đổi mới thiết bị công nghệ, đồng thời thực hiện cổ phần hóa một bộ phận doanh nghiệp nhà nước không cần giữ 100% vốn của Nhà nước. Bộ Chính trị đã chỉ đạo việc cổ phần hóa phải được thực hiện vững chắc, có sự chuẩn bị chu đáo, phải bảo đảm huy động được thêm vốn, phát triển được sản xuất, việc làm và thu nhập cho người lao

động, đạt cả mục tiêu kinh tế và xã hội. Nhưng, cổ phần hóa không phải là giải pháp duy nhất để đổi mới doanh nghiệp nhà nước, mà còn có các giải pháp sắp xếp lại, đổi mới tổ chức doanh nghiệp, đổi mới cơ chế chính sách của Nhà nước, để doanh nghiệp nhà nước hoạt động có hiệu quả; củng cố phát triển doanh nghiệp nhà nước ở những lĩnh vực then chốt của nền kinh tế, hỗ trợ các doanh nghiệp nhà nước làm ăn có hiệu quả, có sức cạnh tranh trên thị trường trong nước và quốc tế.

3.6. Vấn đề chống lãng phí, thực hành tiết kiệm

Nhiều ý kiến cho rằng lãng phí lớn nhất hiện nay là lãng phí thời gian, lãng phí trong đầu tư xây dựng cơ bản chưa được phân tích kỹ, nhưng lại quá nhấn mạnh lãng phí trong chi tiêu thường xuyên, trong đi lại, họp hành, sử dụng điện thoại...

Hiện nay tổng sản phẩm trong nước (GDP) của chúng ta còn nhỏ bé, tích lũy từ nội bộ nền kinh tế còn thấp; tiêu dùng trong ngân sách nhà nước, tiêu dùng trong xã hội và trong dân cư còn lãng phí và ngày càng tăng chưa phù hợp với khả năng của nền kinh tế. Bộ Chính trị tán thành với ý kiến của nhiều đồng chí Trung ương và cho rằng hơn lúc nào hết, trong tình hình hiện nay vấn đề "chống lãng phí, thực hành tiết kiệm" phải thực sự trở thành "quốc sách" để dành vốn cho đầu tư phát triển. Chúng ta không chỉ coi trọng tiết kiệm trong chi tiêu ngân sách mà phải tiết kiệm và chống lãng phí trong tất cả các lĩnh vực: sản xuất, xây dựng, trong ngân sách, trong tài chính doanh nghiệp, tài chính dân cư. Tăng tổng mức đầu tư xây dựng cơ bản toàn xã hội để đảm bảo tăng trưởng kinh tế bền vững, trên cơ sở đó nâng dần tỷ lệ

tích lũy trong tổng quỹ tích lũy - tiêu dùng từ 27% hiện nay lên 30% và giảm tỷ lệ tiêu dùng từ 73% xuống còn 70% vào năm 1999 - 2000.

Trong đầu tư xây dựng phải chống lãng phí và triệt để tiết kiệm ngay từ phê duyệt chủ trương đầu tư, xét duyệt dự án, chấm dứt các sai lầm trong các quyết định đầu tư. Hạn chế các tiêu cực trong các khâu thẩm định dự án, đấu thầu, bố trí kế hoạch vốn và thi công các công trình xây dựng cơ bản. Đồng thời không coi nhẹ việc thực hành tiết kiệm trong các khâu chi tiêu thường xuyên từ ngân sách như tiếp khách, hội họp, tham quan nước ngoài, sử dụng xe ô tô, điện thoại, cưới xin, ma chay...

Việc chống lãng phí, thực hành tiết kiệm phải trở thành chủ trương lớn của Đảng và phải được tổ chức triển khai thực hiện sâu rộng trong toàn Đảng, trong các cơ quan nhà nước và toàn dân mà cán bộ, đảng viên phải là nòng cốt đi đầu trong thực hiện chủ trương này. Đề nghị mỗi đồng chí Trung ương cần thông suốt, gương mẫu và tổ chức thực hiện trong từng ngành, từng cấp, từng lĩnh vực để đạt kết quả tốt.

Sau khi Trung ương thông qua các biện pháp tiết kiệm đã nêu trong báo cáo trình Trung ương, cần cho công bố công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng, đi đôi với việc công khai hóa thu, chi ngân sách trong các cơ quan Đảng, Nhà nước, đoàn thể, đơn vị hành chính sự nghiệp các cấp, các doanh nghiệp nhà nước để nhân dân giám sát, kiểm tra.

3.7. Về một số vấn đề khác

Một số ý kiến đề nghị tại Hội nghị này Trung ương cần bàn và có giải pháp xử lý những vấn đề về tổ chức bộ máy

đảng và nhà nước, thực hiện tinh giản biên chế; nâng cao kỷ luật, kỷ cương, hiệu lực quản lý điều hành nhà nước và thực hiện quy chế dân chủ ở nông thôn...

Bộ Chính trị nhận thấy đây là những vấn đề bức xúc hiện nay và đang chỉ đạo chuẩn bị để Trung ương thảo luận và ra quyết định tại kỳ họp Trung ương 6 (lần 2) trong tháng 12-1998 sắp tới.

BỘ CHÍNH TRỊ

Đảng Cộng sản Việt Nam:

Văn kiện Hội nghị lần thứ sáu (lần 1)

Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII

Sđđ, tr.15 - 38.

**BÁO CÁO
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ**

Số 86/TLHN, ngày 17 tháng 10 năm 1998

**Về kết quả biểu quyết một số vấn đề đã thảo luận
tại Hội nghị Trung ương 6 (lần 1)**

Ngày 17-10-1998, Trung ương đã biểu quyết một số vấn đề đã thảo luận tại Hội nghị Trung ương 6 (lần 1).

Tổng số Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII là 162 đồng chí.

- Số có mặt tham gia biểu quyết: 154 đồng chí.
- Số phiếu phát ra: 154.
- Số phiếu thu về: 154.
- Số phiếu hợp lệ: 154.
- Số phiếu không hợp lệ: không.

Kết quả biểu quyết về các vấn đề so với tổng số Ủy viên Trung ương khóa VIII (162 đồng chí) như sau:

1. Mục tiêu tổng quát kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 1999

Tiếp tục công cuộc đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, trước hết là công nghiệp hóa, hiện đại

hóa nông nghiệp, nông thôn; thực hiện có hiệu quả chương trình hành động theo Nghị quyết Trung ương 4; phát huy cao nhất nỗ lực của toàn Đảng, toàn dân vượt qua khó khăn, thách thức, giữ vững ổn định kinh tế - xã hội, tập trung phát triển các ngành, các lĩnh vực, các sản phẩm có lợi thế, nâng cao hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế, tạo tiền đề cần thiết cho bước phát triển tiếp theo.

- Có 141 đồng chí (87%) đồng ý với nội dung trên.
- Có 13 đồng chí bổ sung, sửa chữa nội dung trên.

Như vậy, Trung ương đồng ý với nội dung mục tiêu tổng quát kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 1999.

2. Lựa chọn mức tăng trưởng GDP năm 1999

- Có 8 đồng chí (4%) đồng ý phương án 1: 6-7%.
- Có 79 đồng chí (48,7%) đồng ý phương án 2: khoảng 6%.
- Có 66 đồng chí (40,7%) đồng ý phương án 3: 5-6%.
- 1 đồng chí không tỏ thái độ.

Như vậy, Trung ương chưa chọn được phương án tăng trưởng GDP năm 1999.

3. Tăng thời hạn giao đất nông nghiệp trồng cây hàng năm cho hộ gia đình, cá nhân từ 20 năm lên 50 năm

- Có 106 đồng chí đồng ý, chiếm 65,4%.
- Có 40 đồng chí không đồng ý, chiếm 24,6%.
- Có 8 đồng chí có ý kiến khác, chiếm 4,9%.

Như vậy, Trung ương đồng ý tăng thời hạn giao đất nông nghiệp trồng cây hàng năm cho hộ gia đình từ 20 năm lên 50 năm.

4. Đối với công nhân viên nông, lâm trường, thực hiện khoán lâu dài đất đai, vườn cây lâu năm và rừng cho các hộ gia đình gắn với sản phẩm cuối cùng. Không giao quyền sử dụng đất (5 quyền) như đối với hộ nông dân.

- Có 151 đồng chí đồng ý, chiếm 93,2%.
- Có 2 đồng chí không đồng ý, chiếm 1,2%.
- Có 1 đồng chí có ý kiến khác.

Như vậy, Trung ương đồng ý đối với công nhân viên nông, lâm trường, thực hiện khoán lâu dài đất đai, vườn, cây lâu năm và rừng cho các hộ gia đình gắn với sản phẩm cuối cùng. Không giao quyền sử dụng đất (5 quyền) như đối với hộ nông dân.

5. Cho những người không phải là nông dân được thuê quyền sử dụng đất trống, đồi trọc, đất hoang hóa và đất bồi ven biển để đầu tư kinh doanh nông nghiệp với mức phù hợp ở từng vùng, không phụ thuộc vào mức hạn điền.

- Có 145 đồng chí đồng ý, chiếm 89,5%.
- Có 6 đồng chí không đồng ý, chiếm 3,7%.
- Có 3 đồng chí có ý kiến khác, chiếm 1,8%.

Như vậy, Trung ương đồng ý cho những người không phải là nông dân được thuê quyền sử dụng đất trống, đồi trọc, đất hoang hóa và đất bồi ven biển để đầu tư kinh doanh nông nghiệp với mức phù hợp ở từng vùng, không phụ thuộc vào mức hạn điền.

6. Đối với nông dân, phân đất sử dụng vượt hạn điền thì phải thuê đất

- Có 152 đồng chí đồng ý, chiếm 93,8%.

- Có 2 đồng chí không đồng ý, chiếm 1,2%.

Như vậy, Trung ương đồng ý với nông dân, phần đất sử dụng vượt hạn điền thì phải thuê đất.

7. Về hạn điền

- Có 48 đồng chí đồng ý giữ như quy định tại *Luật đất đai* năm 1993, chiếm 29,6%.

- Có 105 đồng chí đồng ý giữ như *Luật đất đai* năm 1993, nhưng có quy định cụ thể hơn theo vùng và cây trồng, chiếm 64,8%.

- Có 1 đồng chí có ý kiến khác, chiếm 0,6%.

Như vậy, Trung ương đồng ý giữ như *Luật đất đai* năm 1993, nhưng có quy định cụ thể hơn theo vùng và cây trồng.

8. Chính sách trang trại được phân thành hai loại

- Đối với trang trại gia đình sử dụng đất trong phạm vi hạn điền: Khuyến khích phát triển.

- Đối với trang trại tư nhân: Khuyến khích đầu tư sử dụng đất hoang ở trung du miền núi... và đầu tư phát triển chăn nuôi, công nghiệp chế biến ở đồng bằng.

- Có 153 đồng chí đồng ý, chiếm 94,4%.

- Có 1 đồng chí không đồng ý, chiếm 0,6%.

Như vậy, Trung ương đồng ý chính sách trang trại được phân thành hai loại như trên.

9. Mở rộng thị trường trong nước, thực hiện việc “kích cầu” bằng các giải pháp phù hợp: đẩy mạnh sản xuất, tạo việc làm và tăng nguồn thu nhập; mở rộng hình thức bán hàng trả góp, cho dân vay tiền hoặc

mua trả chậm máy móc, thiết bị sản xuất trong nước, xây dựng nhà cửa; nhà nước đầu tư hỗ trợ một phần vật tư, thiết bị, huy động sức lao động của dân để xây dựng cơ sở hạ tầng ở nông thôn, miền núi; mở rộng vốn cho vay trung hạn, dài hạn...

- Có 148 đồng chí đồng ý, chiếm 91,3%.
- Có 6 đồng chí sửa trực tiếp vào văn bản, chiếm 3,7%.

Như vậy, Trung ương đồng ý mở rộng thị trường trong nước, thực hiện việc “kích cầu” bằng các giải pháp phù hợp: đẩy mạnh sản xuất, tạo việc làm và tăng nguồn thu nhập; mở rộng hình thức bán hàng trả góp, cho dân vay tiền hoặc mua trả chậm máy móc, thiết bị sản xuất trong nước, xây dựng nhà cửa; nhà nước đầu tư hỗ trợ một phần vật tư, thiết bị, huy động sức lao động của dân để xây dựng cơ sở hạ tầng ở nông thôn, miền núi; mở rộng vốn cho vay trung hạn, dài hạn...

10. Về việc lựa chọn phương án ra nghị quyết

Về kế hoạch 1999:

- Có 79 đồng chí đồng ý ra nghị quyết Trung ương, chiếm 48,7%.
- Có 74 đồng chí đồng ý ra kết luận Trung ương, chiếm 45,6%.
- 1 đồng chí không tỏ thái độ.

Như vậy, Trung ương chưa lựa chọn được phương án ra nghị quyết hay kết luận của Trung ương về kế hoạch 1999.

Về nông nghiệp, nông thôn:

- Có 147 đồng chí đồng ý ra nghị quyết Bộ Chính trị, chiếm 90,7%.

- Có 5 đồng chí đồng ý ra nghị quyết Trung ương, chiếm 3%;

- Có 2 đồng chí ý kiến khác.

Như vậy, Trung ương đồng ý ủy nhiệm cho Bộ Chính trị ra nghị quyết về nông nghiệp, nông thôn.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

NGHỊ QUYẾT
HỘI NGHỊ LẦN THỨ SÁU (LẦN 1)
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG
(KHÓA VIII)

Số 04-NQ/TW, ngày 17 tháng 10 năm 1998

Hội nghị lần thứ sáu (lần 1) Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa VIII) họp từ ngày 13 đến ngày 17-10-1998 tại Hà Nội,

QUYẾT NGHỊ:

1. Giao Bộ Chính trị căn cứ vào báo cáo của Ban Cán sự Đảng Chính phủ, Báo cáo giải trình của Bộ Chính trị, ý kiến của các đồng chí Ủy viên Trung ương tại Hội nghị và kết quả biểu quyết của Ban Chấp hành Trung ương để chỉnh lý và ban hành chính thức:

"Nghị quyết Hội nghị lần thứ sáu (lần 1) Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa VIII) về nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 1999".

Giao Bộ Chính trị căn cứ vào Nghị quyết này để chỉ đạo Đảng đoàn Quốc hội và Ban Cán sự Đảng Chính phủ hoàn

chỉnh báo cáo về kinh tế - xã hội năm 1999 trình kỳ họp thứ tư Quốc hội khóa X.

2. Giao Bộ Chính trị căn cứ vào các báo cáo của Ban Cán sự Đảng Chính phủ đã trình Trung ương, báo cáo giải trình của Bộ Chính trị, ý kiến của các đồng chí Ủy viên Trung ương tại Hội nghị và kết quả biểu quyết của Ban Chấp hành Trung ương để chỉnh lý và ban hành chính thức:

"Nghị quyết của Bộ Chính trị về phát triển nông nghiệp, nông thôn".

T/M BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG

TỔNG BÍ THƯ

LÊ KHẢ PHIÊU

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

NGHỊ QUYẾT
HỘI NGHỊ LẦN THỨ SÁU (LẦN 1)
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG
(KHÓA VIII)

Số 05-NQ/TW, ngày 17 tháng 10 năm 1998

Về nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 1999

I

Bước vào năm 1998, mặc dù đã đạt được những thành tựu rất quan trọng sau hơn 10 năm đổi mới, nhưng nhìn chung, nền kinh tế nước ta còn nhiều mặt yếu kém, thiên tai xảy ra trên một số vùng gây hậu quả nặng nề, lại bị tác động mạnh của cuộc khủng hoảng tài chính - tiền tệ khu vực. Trong bối cảnh đầy khó khăn, thử thách đó, chúng ta đã cố gắng phấn đấu đạt được tốc độ tăng trưởng kinh tế khoảng 6%; chính trị, kinh tế - xã hội ổn định, sự nghiệp văn hóa, giáo dục, y tế tiếp tục phát triển; đời sống của nhân dân được giữ vững và có bộ phận được cải thiện.

Những thành tựu mà chúng ta đạt được trong năm qua là rất quan trọng. Đó là nhờ thế và lực của đất nước được tăng cường qua hơn 10 năm đổi mới, nhờ tinh thần đoàn kết

phấn đấu gian khổ với nỗ lực to lớn của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, của các ngành, các cấp, sự chỉ đạo đúng đắn của Bộ Chính trị và sự điều hành năng động, nhạy bén của Chính phủ. Thắng lợi đó một lần nữa cho thấy sức mạnh tiềm tàng của nhân dân ta, chế độ ta, đồng thời khẳng định sự đúng đắn của Nghị quyết Đại hội VIII và các nghị quyết của Trung ương. Cần thấy rõ những thành tựu đã đạt được để phấn khởi, tự tin, đoàn kết, vững bước đi lên.

Mặt khác, cần đánh giá đúng mức những mặt yếu kém và diễn biến không thuận về kinh tế, xã hội trong năm qua: nhịp độ tăng trưởng kinh tế giảm so với các năm trước; sản xuất kinh doanh có nhiều khó khăn hơn, số lao động không có và không đủ việc làm còn lớn và tăng thêm; kim ngạch xuất khẩu không tăng; đầu tư trong nền kinh tế giảm và kém hiệu quả, tích lũy nội bộ nền kinh tế còn thấp; nợ nước ngoài tăng thêm hằng năm, hoạt động tài chính - tiền tệ - tín dụng còn nhiều yếu kém; việc đổi mới quan hệ sản xuất tuy có tiến bộ nhưng còn chậm; đời sống nhân dân ở một số vùng còn rất khó khăn; những vấn đề gay gắt như tham nhũng, tiêu cực và tệ nạn xã hội chưa được ngăn chặn, đẩy lùi, tiếp tục phát triển.

Tình hình trên có nguyên nhân khách quan: thiên tai gây thiệt hại nặng ở một số vùng; cuộc khủng hoảng tài chính - tiền tệ khu vực tác động tiêu cực đến nền kinh tế nước ta, nhất là đối với xuất khẩu, đầu tư nước ngoài và cán cân thanh toán quốc tế. Tuy nhiên, điều quan trọng là nhìn thẳng vào những thiếu sót và yếu kém chủ quan: chúng ta chưa nhận thức đúng việc phát huy nội lực của nền kinh tế; chính sách, thể chế lại chưa đồng bộ, thiếu

nhất quán để tạo môi trường và điều kiện thuận lợi cho phát huy nội lực. Công tác chỉ đạo, tổ chức thực hiện nghị quyết của Đảng, chủ trương chính sách của Nhà nước vẫn là khâu yếu, các cấp, các ngành còn quan liêu, thiếu sâu sát cơ sở để nắm tình hình, chưa kịp thời phát hiện nhân ra diện rộng những nhân tố, mô hình có hiệu quả mới xuất hiện. Tình trạng thiếu kỷ luật, kém kỷ cương trong bộ máy đảng và nhà nước từ trên xuống dưới chưa được khắc phục.

II

Bước vào năm 1999, những thách thức và khó khăn của đất nước còn rất lớn, gay gắt và phức tạp do những yếu kém từ bên trong của nền kinh tế và những bất cập trong quản lý, điều hành; cuộc khủng hoảng tài chính - tiền tệ dẫn đến suy thoái kinh tế ở một số nước trong khu vực có thể còn diễn biến phức tạp; khí hậu và thời tiết bất thường chưa thể lường hết được.

Chúng ta phải chuẩn bị đương đầu với những khó khăn và thách thức lớn hơn, nhưng cũng không loại trừ khả năng xuất hiện những yếu tố mới làm dịu khủng hoảng và suy thoái kinh tế ở khu vực và thế giới, giảm ảnh hưởng tiêu cực đối với nước ta. Trong tình huống nào cũng cần nắm vững, phát huy những thuận lợi to lớn, cơ bản của nước ta, để chủ động vượt lên:

- Chính trị, kinh tế - xã hội ổn định, đời sống nhân dân được bảo đảm.
- Tiềm lực kinh tế tiếp tục được nâng lên với một nền nông nghiệp bảo đảm được những nhu cầu cơ bản của đời

sống, đủ dự trữ và có dư để xuất khẩu; năng lực các ngành công nghiệp và dịch vụ tuy chưa đủ sức trang bị lại cho nền kinh tế tiếp cận với công nghệ tiên tiến nhưng đã đáp ứng được phần lớn nhu cầu tiêu dùng thiết yếu và một số nhu cầu về tư liệu sản xuất, có một số mặt hàng vươn ra thị trường bên ngoài; kết cấu hạ tầng kinh tế và xã hội được cải thiện một bước rõ nét; quan hệ hợp tác quốc tế tiếp tục phát triển, uy tín và vị thế của nước ta trong khu vực và trên trường quốc tế được nâng cao, quan hệ hợp tác còn nhiều khả năng mở rộng ra các khu vực khác.

- Những nguồn lực trong nước còn nhiều tiềm năng lớn: sức lao động, tài nguyên đất đai, rừng, biển, nguồn nước, nguồn vốn trong nhân dân và truyền thống lao động cần cù, sáng tạo của con người Việt Nam.

- Những chính sách, thể chế đã ban hành cùng với những kinh nghiệm lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành đã tích lũy được những năm qua, nhất là trong hơn một năm đối phó với những khó khăn, thử thách, đó cũng là những thuận lợi mới cần phát huy.

III

Phương hướng và mục tiêu tổng quát về kinh tế - xã hội trong năm 1999 và đến năm 2000 là: *Tiếp tục công cuộc đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; nhất là công nghiệp hóa nông nghiệp, nông thôn, thực hiện có hiệu quả chương trình hành động theo Nghị quyết Trung ương 4; phát huy cao nhất nỗ lực của toàn Đảng, toàn dân vượt qua khó khăn, thách thức, giữ vững ổn định kinh tế - xã*

hội, tập trung phát triển các ngành, các lĩnh vực, các sản phẩm có lợi thế, nâng cao hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế, tạo tiền đề cho bước phát triển tiếp theo.

Để thực hiện phương hướng và mục tiêu trên đây, việc xây dựng và thực hiện kế hoạch kinh tế - xã hội năm 1999 cần quán triệt các tư tưởng chỉ đạo sau đây:

Một là, quán triệt nhiệm vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa, bám sát định hướng của kế hoạch kinh tế - xã hội 5 năm 1996 - 2000, chặn đà suy giảm nhịp độ tăng trưởng, bố trí cơ cấu đầu tư, những cân đối lớn của nền kinh tế với tinh thần tích cực và hiện thực, phù hợp với tình hình mới.

Hai là, tiếp tục đổi mới đồng bộ hơn về chính sách, thể chế để củng cố và tăng cường kinh tế nhà nước, giải phóng và phát huy mọi lực lượng, mọi tiềm năng, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho mọi người, mọi gia đình, mọi doanh nghiệp sản xuất kinh doanh có hiệu quả. Nhận thức đúng và có chính sách, biện pháp đặc biệt đáp ứng yêu cầu của tình thế mới, tạo bước đột phá trong việc khai thác các nguồn nội lực và nguồn lực bên ngoài, nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế.

Ba là, khắc phục tình trạng quan liêu, nâng cao năng lực và ý thức chấp hành kỷ luật, bảo đảm kỷ cương trong chỉ đạo thực hiện, nắm vững và điều hành linh hoạt các cân đối vĩ mô, theo dõi sát diễn biến tình hình thực tiễn trong nước, khu vực và thế giới, kịp thời nắm bắt những nhân tố thuận lợi, đồng thời chủ động ứng phó với các tình huống xấu có thể xảy ra.

Những *nhiệm vụ chính về kinh tế - xã hội* thực hiện trong năm 1999:

1. Tập trung sức cao hơn nữa cho nhiệm vụ phát triển nông nghiệp và kinh tế nông thôn theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, làm cơ sở vững chắc cho sự ổn định và phát triển kinh tế - xã hội trong mọi tình huống; ưu tiên phát triển công nghiệp phục vụ nông nghiệp, điều chỉnh cơ cấu, đổi mới cơ chế các ngành công nghiệp nhằm tháo gỡ khó khăn, tăng nhanh khả năng cạnh tranh của sản phẩm, tăng hiệu quả sản xuất, kinh doanh trong công nghiệp, dịch vụ; lựa chọn và đẩy mạnh sự phát triển những ngành, lĩnh vực và sản phẩm đáp ứng nhu cầu trong nước và có khả năng xuất khẩu.

2. Mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm cả trong nước và ngoài nước; đặc biệt coi trọng và kích thích tăng cầu thị trường nội địa, có chính sách khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi cho các đơn vị sản xuất thuộc các thành phần kinh tế đẩy mạnh xuất khẩu.

3. Huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn đầu tư; chú trọng các nguồn vốn trong nước và phát huy mạnh mẽ khả năng đầu tư vào sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp và mọi tầng lớp nhân dân; tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư, thu hút và sử dụng có hiệu quả nguồn vốn bên ngoài.

4. Có giải pháp tích cực hơn làm lành mạnh nền tài chính quốc gia; triệt để tiết kiệm tiêu dùng để tăng tích lũy cho đầu tư phát triển trong cả ba khu vực nhà nước, doanh nghiệp và dân cư; chấn chỉnh hệ thống ngân hàng, nâng cao chất lượng và độ an toàn trong hoạt động tín dụng, phát triển từng bước vững chắc thị trường vốn, chủ động xử lý có hiệu quả tỷ giá hối đoái và lãi suất.

5. Giải quyết những vấn đề bức xúc về xã hội; tạo thêm cơ hội cho người lao động có việc làm; thực hiện có hiệu quả chương trình xoá đói, giảm nghèo; phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục - đào tạo, hoạt động văn hóa, sự nghiệp bảo vệ sức khỏe; đẩy lùi các tệ nạn xã hội. Đẩy mạnh hơn nữa việc thực hiện chương trình kế hoạch hoá gia đình, áp dụng các biện pháp cần thiết để giảm tỷ lệ tăng dân số tự nhiên.

6. Giải quyết có hiệu quả công cuộc cải cách hành chính và bộ máy nhà nước, nâng cao hiệu lực điều hành, chế độ trách nhiệm và tính kỷ luật trong hệ thống hành chính, kiện toàn chính quyền cơ sở đi đôi với triển khai thực hiện quy chế dân chủ, công khai tài chính, tăng cường pháp chế, ngăn chặn tệ quan liêu, tham nhũng, giải quyết kịp thời các khiếu kiện của dân.

7. Củng cố và nâng cao hiệu quả hoạt động khu vực kinh tế nhà nước để giữ vai trò chủ đạo, phát triển kinh tế hợp tác và hợp tác xã, khuyến khích mạnh mẽ các thành phần kinh tế khác phát triển. Có chính sách và cơ chế khai thác tốt nội lực của nền kinh tế.

8. Thực hiện nhiệm vụ củng cố quốc phòng, an ninh, bảo đảm trật tự, kỷ cương, ngăn chặn và xử lý nghiêm các tiêu cực trong hoạt động kinh tế, xã hội.

IV

Nghị quyết Đại hội VIII và các Nghị quyết Trung ương tiếp theo, nhất là Nghị quyết Trung ương 4 khóa VIII, đã đề ra các chủ trương, chính sách lớn về đổi mới và phát

triển kinh tế, xã hội. Năm 1999 phải tiếp tục triển khai và thực hiện tốt các nghị quyết đó, đặc biệt là thực hiện chương trình hành động theo Nghị quyết Trung ương 4 khóa VIII, với sự bổ sung, phát triển một số chính sách và biện pháp cụ thể sau đây:

1. Về nông nghiệp và kinh tế nông thôn

Sự phát triển nông nghiệp (bao gồm cả lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp) và kinh tế nông thôn theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa có vai trò cực kỳ quan trọng cả trước mắt và lâu dài, làm cơ sở để ổn định và phát triển kinh tế - xã hội, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Để thực hiện công nghiệp hóa nông nghiệp, nông thôn, cần tập trung sức phát triển sản xuất gắn với công nghiệp chế biến một số loại sản phẩm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của nhân dân và xuất khẩu (mía đường, bông, thịt, sữa, nguyên liệu giấy, cao su, tôm, cá...); coi trọng công nghệ sau thu hoạch; thực hiện tốt các khâu cơ khí hóa; khôi phục và phát triển các ngành, nghề truyền thống; xây dựng hạ tầng kinh tế - xã hội. Theo hướng đó các ngành công nghiệp, dịch vụ phải xây dựng chương trình, kế hoạch cụ thể phục vụ tốt nhiệm vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn.

Năm 1999 phải tăng tỷ trọng đi đôi với nâng cao hiệu quả vốn đầu tư của Nhà nước về phát triển nông nghiệp, nông thôn. Nguồn vốn của Nhà nước được sử dụng tập trung cho việc xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ở nông thôn, ưu tiên cho các khâu thủy lợi; dịch vụ phục vụ nông nghiệp, như giống mới cây trồng, vật nuôi, đánh cá

xa bờ, cải tiến nghề làm muối...; chú trọng công nghiệp chế biến, đào tạo cán bộ.

Các thành phần kinh tế trong nông nghiệp, nông thôn tồn tại lâu dài, mỗi thành phần có vị trí, vai trò riêng và đều được khuyến khích phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa, trong đó kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo cùng với kinh tế hợp tác xã dần trở thành nền tảng của nền kinh tế quốc dân, liên kết, hỗ trợ, hướng dẫn các thành phần kinh tế khác phát triển sản xuất hàng hóa quy mô lớn, có năng suất, chất lượng, hiệu quả cao. Khuyến khích phát triển tất cả các hình thức sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ có hiệu quả, đúng pháp luật; tạo điều kiện đưa nông nghiệp, nông thôn nước ta thoát khỏi nghèo nàn, lạc hậu; củng cố vững chắc liên minh công - nông và trí thức về kinh tế và chính trị.

Sớm giải quyết các vướng mắc về chính sách đang kìm hãm sức sản xuất ở nông thôn để tạo động lực mới thúc đẩy kinh tế, xã hội nông thôn phát triển mạnh mẽ, vững chắc, khuyến khích làm giàu hợp pháp đi đôi với xóa đói, giảm nghèo, tăng cường đoàn kết nông thôn.

Theo hướng đó, chính sách đất đai phải tạo điều kiện và thúc đẩy việc nâng cao hiệu quả sử dụng đất nông, lâm nghiệp hiện có và khai thác nhanh đất trống, đất hoang hóa đang còn chiếm một diện tích lớn; đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho việc sử dụng đất vào mục đích chuyên dùng phù hợp với quy hoạch. Quản lý chặt chẽ việc chuyển đất nông nghiệp, đặc biệt đất trồng lúa sang các mục đích sử dụng phi nông nghiệp. Sớm hoàn thành việc giao đất, xem xét giải quyết những tồn đọng về đất đai.

Ngoài diện tích được Nhà nước giao trong mức hạn điền, các hộ nông dân có nhu cầu và khả năng sử dụng đất sản xuất, kinh doanh được Nhà nước cho thuê đất.

Đối với đất trống, đồi núi trọc, bãi cát và đất rừng, đất bồi ven biển, đất hoang hóa, mặt nước chưa được sử dụng..., Nhà nước ưu tiên giao đất theo hạn điền cho dân cư tại chỗ và số dân điều chỉnh ở đồng bằng sông Hồng, sông Cửu Long lên Tây Nguyên, Đông Nam Bộ; khuyến khích mọi thành phần kinh tế bỏ vốn đầu tư thuê đất theo dự án sản xuất, kinh doanh để khai thác, sử dụng đất vào mục đích phát triển sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp với nhiều hình thức (vườn đồi, vườn rừng, VAC, hùn vốn phát triển công nghiệp chế biến...), trong đó có hình thức kinh tế trang trại theo quy định của pháp luật.

Việc tích tụ và tập trung ruộng đất là quá trình sẽ diễn ra trên con đường phát triển nền nông nghiệp sản xuất hàng hóa lớn, hợp tác hóa, công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông thôn và đất nước; tuy nhiên quá trình này phải phù hợp với trình độ phân công lại lao động, với từng vùng địa lý, dân cư khác nhau; quá trình này cần phải được quản lý chặt chẽ đi đôi với phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ... ở nông thôn không để nông dân vừa không có ruộng lại vừa không có việc làm, không có thu nhập cho nhu cầu đời sống.

Ban Chấp hành Trung ương giao Bộ Chính trị căn cứ vào tinh thần này để ra nghị quyết về nông nghiệp, nông thôn.

2. Về phát triển công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp

Tập trung sản xuất các sản phẩm công nghiệp có lợi

thế, có sức cạnh tranh, có thị trường tiêu thụ; ưu tiên phát triển công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản, các loại hình công nghiệp vừa và nhỏ đầu tư ít vốn, sử dụng nhiều lao động; phát triển các ngành công nghiệp then chốt phục vụ nhu cầu thiết yếu của nền kinh tế như dầu khí, than, điện, thép, xi măng; chú trọng đầu tư cải tạo các cơ sở cơ khí hiện có theo hướng chuyên môn hóa, hợp tác hóa, phục vụ tốt hơn yêu cầu của nông, lâm, ngư nghiệp, giao thông vận tải, xây dựng và hàng tiêu dùng; chuẩn bị dự án xây dựng một số cơ sở mới về cơ khí, hóa chất, luyện kim... khi có điều kiện.

3. Về đầu tư phát triển

Đổi mới đồng bộ các chính sách, thể chế và thủ tục có liên quan tới môi trường và điều kiện sản xuất, kinh doanh (như thành lập doanh nghiệp, đất đai, vốn, khoa học - công nghệ, lưu thông hàng hóa trong và ngoài nước, thuế...), nhằm thật sự khuyến khích mọi tầng lớp nhân dân, cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài, mọi doanh nghiệp cần kiệm, hăng hái bỏ vốn vào sản xuất, kinh doanh, làm giàu cho mình và góp phần xây dựng đất nước. Chú trọng khai thác tiềm năng đầu tư phát triển kinh tế hộ, doanh nghiệp vừa và nhỏ. Ban hành chính sách ưu đãi đặc biệt (cao hơn mức bình thường) đối với mọi trường hợp đầu tư không dựa vào nguồn vốn nhà nước trong hai năm 1999 - 2000 kể cả đầu tư trực tiếp nước ngoài.

Mở rộng hoạt động tín dụng với lãi suất hợp lý và có biện pháp bảo toàn giá trị tiền gửi đi đôi với việc chấn chỉnh hệ thống ngân hàng và các tổ chức tín dụng nhằm

tạo thuận lợi, an toàn cho nhân dân gửi tiền và vay tiền đầu tư phát triển sản xuất, bảo đảm hiệu quả tín dụng và khả năng thu hồi nợ.

Điều chỉnh cơ cấu đầu tư thuộc nguồn vốn tập trung của Nhà nước (ngân sách và tín dụng nhà nước, bao gồm cả vốn ODA) theo hướng bảo đảm tính khả thi, nâng cao hiệu quả, phù hợp với các mục tiêu, nhiệm vụ năm 1999 và tạo tiền đề cho bước phát triển những năm sau. Ưu tiên đầu tư cho các công trình quan trọng, then chốt, các công trình trọng điểm đang xây dựng dở dang, xem xét kỹ việc khởi công những công trình mới; kiên quyết đình, hoãn hoặc giãn tiến độ xây dựng những công trình chưa thật cấp bách hoặc xét thấy không bảo đảm hiệu quả. Các công trình phân cấp cho chính quyền địa phương phải phù hợp với quy hoạch của vùng và cả nước, được Hội đồng nhân dân xem xét, quyết định và công bố công khai cho dân biết.

Ngăn chặn và xử lý nghiêm những trường hợp dùng vốn nhà nước đầu tư xây dựng các công trình ngoài kế hoạch, trái quy định và vượt dự toán quá lớn. Đổi mới cơ chế tín dụng nhà nước nhằm khắc phục tình trạng doanh nghiệp ỷ lại, trông chờ vào nguồn vốn này và sự bù đắp của Nhà nước khi thua lỗ, nên hiệu quả đầu tư thấp, nợ quá hạn và khó đòi tăng, và không xác định được rõ trách nhiệm.

Tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện có hiệu quả các dự án đầu tư nước ngoài đã được cấp giấy phép và đi vào hoạt động, tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư và mở rộng diện đối tác để thu hút đầu tư trực tiếp của nước ngoài.

4. Về chính sách thị trường

Mở rộng thị trường và nâng nhu cầu, sức mua trong

nước bằng các giải pháp phù hợp: đẩy mạnh sản xuất, phát triển ngành nghề, tạo việc làm và tăng nguồn thu nhập; có chính sách để áp dụng hình thức bán hàng trả góp, hoặc mua trả chậm máy móc, vật tư, thiết bị sản xuất trong nước, xây dựng nhà cửa; nhà nước đầu tư hỗ trợ một phần vật tư, thiết bị, huy động sức lao động của dân để xây dựng cơ sở hạ tầng ở nông thôn, miền núi; mở rộng vốn cho vay trung hạn, dài hạn. Bảo đảm sự lưu thông hàng hóa thông suốt, thuận tiện trên thị trường trong nước; nghiêm cấm việc tự đặt ra các trạm kiểm soát dọc đường gây trở ngại cho lưu thông.

Đẩy mạnh xuất khẩu; thành lập quỹ hỗ trợ xuất khẩu, tích cực chống buôn lậu, có chính sách trợ giúp, bảo hộ những mặt hàng có thị trường tiêu thụ nhưng khó cạnh tranh với hàng nước ngoài. Tổ chức thực hiện tốt các biện pháp đã nêu trong Nghị quyết Trung ương 4 khóa VIII về công tác tiếp thị, mở rộng thị trường.

Do khó khăn trong cán cân thanh toán quốc tế, cần áp dụng biện pháp tình thế đối với nhập khẩu để tiết kiệm ngoại tệ, giảm nhập siêu; tạm đình hoặc giảm nhập khẩu những mặt hàng đã sản xuất được ở trong nước. Thời hạn áp dụng biện pháp này cùng với việc giảm dần hàng rào thuế quan cần phải công bố cho các doanh nghiệp biết để không ngừng phấn đấu nâng cao sức cạnh tranh, không ỷ lại vào sự bảo hộ của Nhà nước.

5. Về chính sách tài chính - tiền tệ

Khẩn trương ban hành các quy định cụ thể, áp dụng các biện pháp kiểm tra và xử lý nghiêm minh trong việc thực hiện chủ trương tiết kiệm của Đảng và Nhà nước.

Tăng cường các biện pháp hành chính - kinh tế đồng bộ, từ khâu lập luận chứng kinh tế - kỹ thuật, thiết kế đến tổ chức thi công công trình để thực hiện tiết kiệm nghiêm ngặt trong lĩnh vực đầu tư xây dựng cơ bản bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước. Làm rõ trách nhiệm của các cấp có thẩm quyền và các cán bộ chịu trách nhiệm đối với từng công trình, từng hạng mục và xử lý kịp thời, nghiêm minh đối với bất cứ tổ chức, cá nhân nào có vi phạm.

Tiếp tục cụ thể hóa, công khai hóa và chỉ đạo thực hiện chặt chẽ các quy định tiết kiệm chi tiêu thường xuyên từ ngân sách. Chi ngân sách năm 1999 phải triệt để tiết kiệm ngay từ khi dự toán, giảm chi tiêu dùng để tăng vốn đầu tư phát triển; bố trí nguồn dự phòng cao hơn; tiếp tục thực hiện chủ trương tiết kiệm 10% dự toán đã được duyệt của các đối tượng hưởng ngân sách.

Ban Chấp hành Trung ương tán thành về nguyên tắc các biện pháp, các quy định về chi tiêu ngân sách nhà nước nhằm thực hành tiết kiệm, chống lãng phí do Ban Cán sự Đảng Chính phủ trình Trung ương và giao Bộ Chính trị xem xét, quyết định việc tổ chức thực hiện ngay trong năm 1999. Đồng thời cần tăng cường công tác kiểm tra, tạo điều kiện để nhân dân giám sát thực hiện, xử lý kịp thời và kiên quyết các vi phạm của tất cả các cơ quan và cá nhân. Các đồng chí Ủy viên Trung ương, thủ trưởng các cơ quan thuộc Trung ương và địa phương phải gương mẫu thực hiện và chỉ đạo thực hiện nghiêm túc các quy định tiết kiệm của Đảng và Nhà nước.

Khai thác và tạo các nguồn thu cho ngân sách, khắc phục tình trạng để thất thoát lớn nhiều nguồn thu hiện nay.

Tích cực chuẩn bị cho việc thi hành từ đầu năm 1999 hai luật thuế mới, nhất là thuế giá trị gia tăng, đồng thời có biện pháp ổn định hoạt động của các loại hình doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp phải nộp thuế nhiều hơn trước.

Hoàn chỉnh các văn bản quy phạm pháp luật thi hành *Luật ngân hàng nhà nước* và *Luật các tổ chức tín dụng*. củng cố, chấn chỉnh tổ chức và đổi mới hoạt động hệ thống ngân hàng, kiểm soát chặt chẽ hoạt động của các ngân hàng thương mại, sắp xếp và sáp nhập một số ngân hàng thương mại cổ phần hoạt động kém hiệu quả.

Áp dụng các biện pháp để giảm tỷ lệ nợ khê đọng của các ngân hàng theo hướng nâng cao quyền hạn và trách nhiệm của ngân hàng đối với các dự án vay vốn; đối với việc xử lý tài sản thế chấp trong trường hợp các đơn vị vay mất khả năng trả nợ; có quy chế nghiêm ngặt đối với việc cho vay để "đào nợ". Cần đánh giá rút kinh nghiệm thí điểm và mở rộng việc thành lập quỹ tín dụng nhân dân và các quỹ bảo lãnh tín dụng cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ, kinh tế hộ gia đình vay vốn sản xuất, kinh doanh. Xử lý thận trọng, linh hoạt tỷ giá hối đoái; duy trì sự ổn định tỷ giá hợp lý đi đôi với quản lý chặt chẽ các nguồn ngoại tệ; triệt để tiết kiệm chi ngoại tệ. Thực hiện quy định bắt buộc các doanh nghiệp bán ngoại tệ cho Nhà nước, song phải coi đó là biện pháp tình thế, cần sớm chuyển sang các biện pháp kinh tế cơ bản để ổn định lâu dài.

6. Về quan hệ sản xuất

Năm 1999 phải tập trung chỉ đạo tốt một số việc:

- Sắp xếp các doanh nghiệp nhà nước bằng nhiều hình

thức đã đề ra trong Nghị quyết Trung ương 4 khóa VIII; thực hiện có kết quả, đúng mục đích việc cổ phần hóa những doanh nghiệp được lựa chọn; tổng kết thực tiễn để kết luận về mô hình và cơ chế quản lý tổng công ty nhà nước; tháo gỡ những vướng mắc về thể chế, chính sách, trước hết là quy chế quản lý tài chính doanh nghiệp để nâng cao hiệu quả hoạt động của khu vực doanh nghiệp nhà nước. Giao Bộ Chính trị chuẩn bị tổng kết toàn diện và ra nghị quyết về đường hướng và những biện pháp nâng cao vai trò và hiệu quả kinh tế nhà nước.

Tổng kết các hình thức kinh tế hợp tác và hợp tác xã để phát triển nhanh và vững chắc; thực hiện chính sách giúp đỡ hợp tác xã đã chuyển đổi hoặc mới thành lập hoạt động thiết thực, có hiệu quả. Sớm kết luận hình thức kinh tế trang trại ở các vùng, các địa bàn khác nhau nhằm phát huy hiệu quả sản xuất.

- Tạo môi trường và điều kiện thuận lợi cho kinh tế tư nhân phát triển không hạn chế về quy mô và địa bàn hoạt động trong những lĩnh vực mà pháp luật không cấm, khắc phục sự giảm sút của khu vực kinh tế này.

- Khuyến khích phát triển các hình thức liên doanh, liên kết giữa các thành phần kinh tế.

7. Về giải quyết việc làm và xóa đói, giảm nghèo

Khuyến khích phát triển các ngành và cơ sở sử dụng nhiều lao động, nhất là các doanh nghiệp vừa và nhỏ; tổ chức tốt việc đưa lao động đi khai thác vùng đất trống, đồi núi trọc; trên cơ sở bảo đảm chất lượng và tiến độ thi công, tích cực dùng lao động thủ công trong xây dựng cơ bản, nhất là các công trình kết cấu hạ tầng.

Sửa đổi, bổ sung tuổi nghỉ hưu; xây dựng chính sách bảo hiểm thất nghiệp để tạo điều kiện cho các cơ quan, doanh nghiệp sắp xếp lao động theo yêu cầu nâng cao hiệu suất công tác, năng suất lao động.

Triển khai thực hiện chủ trương xuất khẩu lao động theo Nghị quyết Trung ương 4 khóa VIII và Chỉ thị của Bộ Chính trị.

Các chương trình quốc gia về phát triển kinh tế - xã hội ở nông thôn, chương trình xóa đói, giảm nghèo phải ưu tiên nguồn vốn cho trên 1.700 xã đặc biệt khó khăn. Các cấp ủy đảng, chính quyền, đoàn thể địa phương phải động viên nhân dân tích cực lao động sản xuất, biết sử dụng có hiệu quả vốn nhà nước hỗ trợ để làm ra của cải; ngân sách được giao chính quyền phải có kế hoạch cụ thể sử dụng nguồn vốn đó đầu tư có trọng điểm, giải quyết dứt điểm từng cụm dân cư; từng loại đối tượng, để hằng năm diện xã đói nghèo giảm đi rõ rệt. Việc phân bổ, sử dụng nguồn vốn này phải theo quy định chặt chẽ, công bố công khai cho dân biết và phải chịu sự kiểm tra, giám sát của nhân dân.

V

Nâng cao chất lượng, hiệu lực lãnh đạo, chỉ đạo điều hành và tổ chức thực hiện, khắc phục tình trạng quan liêu, bệnh hình thức ở mọi cấp, mọi ngành, tạo chuyển biến thật sự về kỷ luật, kỷ cương trong đảng và bộ máy nhà nước.

1. Thực hiện nghiêm túc sinh hoạt tự phê bình và phê bình theo Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII. Nâng cao

năng lực lãnh đạo của các cấp ủy đảng, tăng cường sự phối hợp công tác giữa các cơ quan nhà nước, các đoàn thể ở các cấp, từ Trung ương đến cơ sở dưới sự lãnh đạo thống nhất của cấp ủy đảng; nêu cao ý thức cộng đồng trách nhiệm, đồng thời phân định rõ chức năng, nhiệm vụ của mỗi cơ quan, tổ chức và cá nhân trong xử lý công việc; định kỳ kiểm điểm, đánh giá, xác định rõ công lao cũng như trách nhiệm tập thể, cá nhân để biểu dương và xử lý nghiêm những cá nhân, tập thể thiếu trách nhiệm hoặc làm sai quy định. Thực hiện nghiêm ba pháp lệnh mới ban hành: Pháp lệnh công chức, Pháp lệnh chống tham nhũng, Pháp lệnh chống lãng phí thực hành tiết kiệm và các Nghị định phát huy dân chủ ở cơ sở.

2. Xúc tiến cải cách hành chính theo Nghị quyết Trung ương 3 khóa VIII, tập trung thực hiện có hiệu quả mấy việc chính:

- Chấn chỉnh tổ chức, giảm đầu mối, tinh giản biên chế, tăng cường kỷ luật, nâng cao hiệu lực chỉ đạo, điều hành của Chính phủ và toàn bộ hệ thống hành chính.

- Triển khai thực hiện quy chế dân chủ, kết hợp với củng cố chính quyền cơ sở.

- Ngăn chặn tệ quan liêu, nạn tham nhũng, nâng cao hiệu lực giải quyết khiếu kiện của dân đối với các quyết định hành chính, khắc phục tình trạng tồn đọng kéo dài.

3. Tạo sự thống nhất cao trong toàn Đảng, toàn dân về đánh giá tình hình đất nước, thấy rõ khó khăn và thuận lợi; trên cơ sở đó, phát động thi đua yêu nước, nêu cao tinh thần dân tộc, ý chí tự lực tự cường và trách nhiệm công

dân, phát huy sức người, sức của, tài năng và trí tuệ của toàn dân thành sức mạnh tổng hợp để chủ động đối phó với mọi tình huống.

*

* *

Ban Chấp hành Trung ương kêu gọi toàn Đảng, toàn dân, toàn quân nâng cao truyền thống đoàn kết, ý chí phấn đấu, không lùi bước trước khó khăn, thách thức, quyết tâm thực hiện bằng được các mục tiêu ổn định và phát triển kinh tế - xã hội, đưa đất nước vững vàng vượt lên giành thắng lợi mới.

T/M BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG
TỔNG BÍ THƯ
LÊ KHẢ PHIÊU

Đảng Cộng sản Việt Nam:
Văn kiện Hội nghị lần thứ sáu (lần 1)
Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII
Sđd, tr.39 - 59.

**PHÁT BIỂU
CỦA TỔNG BÍ THƯ LÊ KHẢ PHIÊU
BẾ MẠC HỘI NGHỊ LẦN THỨ SÁU (LẦN 1)
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG
(KHÓA VIII)**

Ngày 17 tháng 10 năm 1998

*Thưa các đồng chí Cố vấn,
Thưa các đồng chí Trung ương,
Thưa các đồng chí dự Hội nghị,*

Sau năm ngày làm việc khẩn trương và với ý thức trách nhiệm cao, Hội nghị lần thứ sáu (lần 1) Ban Chấp hành Trung ương (khóa VIII) đã thành công tốt đẹp.

Hội nghị Trung ương đã tập trung trí tuệ thảo luận đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch kinh tế - xã hội năm 1998, xác định mục tiêu, phương hướng, giải pháp lớn để thực hiện kế hoạch kinh tế - xã hội năm 1999, và một số chủ trương, giải pháp đẩy mạnh phát triển nông nghiệp, nông thôn.

Trước những khó khăn, thử thách gay gắt do tác động của cuộc khủng hoảng tài chính - tiền tệ, dẫn đến khủng hoảng kinh tế ở nhiều nước trong khu vực và một số nước trên thế giới, cũng như do thiên tai gây ra, nhân dân ta,

Đảng và Nhà nước ta, các cấp, các ngành đã phấn đấu nỗ lực và sáng tạo giành thắng lợi trong năm 1998: nền kinh tế nước ta vẫn phát triển tương đối toàn diện, có mức tăng trưởng khá, tiếp tục đứng vững; công cuộc đổi mới được tiến hành mạnh hơn, xuất hiện thêm nhiều mô hình và nhân tố mới có hiệu quả trong sản xuất kinh doanh; các mặt văn hóa, giáo dục, y tế đều phát triển; đời sống nhân dân được bảo đảm; chính trị - xã hội ổn định. Nhờ đó tiềm lực kinh tế của nước ta tăng thêm; vị thế của nước ta trong khu vực và trên thế giới được củng cố, nâng cao hơn.

Cho đến nay chúng ta đã có một cơ cấu kinh tế bước đầu hình thành tương đối phù hợp, nền nông nghiệp phát triển tương đối toàn diện, hệ thống các cơ sở công nghiệp sản xuất tư liệu sản xuất, hàng tiêu dùng và hệ thống hạ tầng kinh tế, xã hội được đầu tư xây dựng từ nhiều năm qua đáp ứng một phần quan trọng nhu cầu trong nước và xuất khẩu; tiềm năng sức lao động và tiềm năng trí tuệ rất to lớn; các nguồn vốn còn khá lớn tích trữ trong nhân dân; tài nguyên và đất đai chưa được khai thác và tận dụng còn nhiều; lãnh đạo và chỉ đạo của Đảng, Nhà nước đã đúc kết được nhiều kinh nghiệm. Đó là nguồn nội lực to lớn, là thuận lợi rất cơ bản, là lợi thế và yếu tố quyết định sự tăng trưởng bền vững của đất nước.

Những kết quả đã đạt được là thắng lợi lớn, rất có ý nghĩa, có sức cổ vũ đối với nhân dân, Đảng và Nhà nước ta; khẳng định những chủ trương, chính sách của Đại hội VIII và các Nghị quyết của Trung ương là đúng đắn, đã và đang phát huy tác dụng trong cuộc sống. Đó cũng chính là kết quả của 12 năm thực hiện đường lối đổi mới của Đảng.

Cần làm cho toàn dân, toàn Đảng thấy hết những kết quả đạt được cũng như thế và lực của đất nước ta hiện nay để tự hào, phấn khởi, tự tin, đoàn kết vững bước đi lên.

Bên cạnh khó khăn khách quan, chúng ta cần nhìn thẳng vào những yếu kém chủ quan vốn có; và nếu chúng ta khắc phục được, thì với những khó khăn khách quan phải đối mặt, chắc chắn kết quả đạt được còn cao hơn. Chúng ta cần thấy rõ điều đó để phấn đấu cao hơn nữa, nỗ lực hơn nữa, đáp ứng yêu cầu của nhiệm vụ trong tình hình mới.

Những hạn chế và khuyết điểm chủ yếu trong lãnh đạo, điều hành ở các ngành, các cấp là: Nhận thức về giải phóng sức sản xuất, phát huy cao độ nội lực cũng như về vai trò quan trọng của nông nghiệp và nông thôn trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước còn chưa được quán triệt sâu sắc, nên chưa tạo được sự đồng tâm, nhất trí cao trong toàn Đảng; bên cạnh những chính sách đã phát huy hiệu lực, có những chính sách chưa đủ thông thoáng và nhất quán, làm cho xã hội còn phân vân, nghi ngại; lãnh đạo, điều hành ở nhiều ngành, nhiều cấp còn quan liêu, chưa sát cơ sở, kiểm tra, giám sát còn thiếu chặt chẽ, chưa kịp thời tổng kết, nhân rộng các mô hình mới; kỷ cương, kỷ luật và hiệu lực trong điều hành cũng chưa cao; tình trạng tham nhũng, lãng phí, tiêu cực trong bộ máy ở các cấp còn rất nặng nề. Chính những yếu kém chủ quan này, cùng với những tác động khách quan, đã hạn chế không nhỏ kết quả đạt được của năm 1998.

Bước sang năm 1999, theo nhiều dự báo, tình hình kinh tế khu vực và thế giới có thể diễn biến theo nhiều khả năng, mức độ khác nhau: khủng hoảng tài chính - tiền tệ chuyển sang khủng hoảng kinh tế - chính trị và có thể còn gay gắt

hơn, diện rộng hơn, lan ra nhiều nước trên thế giới; nhưng cũng có thể ở mức như hiện nay rồi ổn định dần. Thời tiết diễn biến như thế nào cũng chưa thể lường hết được. Nếu tình hình kinh tế khu vực và thế giới xấu đi hơn, trong khi những yếu kém vốn có của nền kinh tế nước ta chưa khắc phục được, chúng ta sẽ phải đứng trước những khó khăn, thách thức gay gắt và phức tạp hơn. Nhưng dù trong tình huống nào, chúng ta đều phải luôn chủ động, quyết tâm, bình tĩnh, tự tin, nỗ lực và sáng tạo tiếp tục tiến lên.

Bài học lịch sử cho thấy, mỗi khi gặp khó khăn thử thách, thậm chí trong những tình thế rất hiểm nghèo, nhưng với đường lối đúng, với ý chí tự lực tự cường, biết động viên lòng yêu nước của toàn dân, biết phát huy mọi nguồn lực, mọi trí tuệ, mọi sáng kiến của nhân dân, với những giải pháp quyết liệt phù hợp và kịp thời, chúng ta đều đã vượt qua mọi khó khăn và giành được thắng lợi. Đó là bài học quý báu trong truyền thống của dân tộc ta cũng như từ thực tiễn lãnh đạo cuộc chiến đấu giải phóng dân tộc và xây dựng đất nước của Đảng ta.

Trong mọi tình huống, tư tưởng chỉ đạo và quyết tâm của chúng ta là: Tiếp tục công cuộc đổi mới; đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, trước hết là công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn; khẳng định tư tưởng tiến công, phát huy cao nhất nỗ lực của toàn Đảng, toàn dân, với ý chí quyết tâm mới, sáng tạo mới, vượt qua khó khăn, thách thức, chặn đứng đà suy giảm tốc độ tăng trưởng, giữ vững ổn định kinh tế, xã hội, đồng thời lựa chọn và tập trung sức cho các ngành, các lĩnh vực, các sản phẩm có khả năng phát triển, tạo tiền đề cần thiết cho bước

phát triển mạnh hơn khi có điều kiện; có cơ chế, chính sách thực sự thông thoáng và kịp thời tháo gỡ những vướng mắc để giải phóng mạnh mẽ sức sản xuất, phát huy tối đa các nguồn nội lực, đồng thời thu hút và sử dụng có hiệu quả nhất các nguồn đầu tư của nước ngoài.

Phải nhận thức sâu sắc hơn nữa vị trí quan trọng của nông nghiệp, nông thôn, là nơi đang chiếm đại bộ phận dân cư, lao động xã hội và đất đai, có điều kiện để phát triển, là nguồn nội lực to lớn và đang là lợi thế của đất nước ta. Phải tập trung cao hơn với những dự án cụ thể thiết thực để đưa nhanh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn, đưa nông nghiệp, nông thôn phát triển, từng bước thay đổi bộ mặt kinh tế nông thôn, xóa đói, giảm nghèo, cải thiện đời sống nông dân, tạo điều kiện cho sự ổn định và phát triển bền vững của đất nước, thực hiện dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh. Phải dành một tỷ lệ quan trọng các nguồn vốn huy động được để đầu tư cho phát triển nông nghiệp, nông thôn; hình thành các tổ hợp công - nông nghiệp - dịch vụ ở những địa bàn cho phép để chế biến lương thực, thực phẩm, sản xuất công cụ lao động nông nghiệp, phát triển các loại dịch vụ phục vụ sản xuất công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ khoa học - kỹ thuật cung cấp vật tư, giống, cây trồng, vật nuôi và tiêu thụ sản phẩm cho nông, lâm, ngư nghiệp. Đổi mới chính sách và tháo gỡ các ách tắc để thực sự giải phóng sức sản xuất ở nông thôn và thu hút các nguồn lực để phát triển toàn diện, bền vững; khuyến khích thật mạnh việc khai thác, đưa vào sử dụng đất trống, đồi núi trọc và đất còn hoang hóa; đẩy mạnh thâm canh, tăng năng suất; tăng sức mua, và phát triển ổn định thị trường nông thôn.

Phát huy các nguồn lực trong nước để đầu tư phát triển chính là điều kiện tiên quyết để tiếp nhận vốn đầu tư nước ngoài được lành mạnh, giữ vững chủ quyền dân tộc. Các cơ chế, chính sách phải thông thoáng và nhất quán, khuyến khích đầu tư trực tiếp vào sản xuất kinh doanh, để phát huy mạnh mẽ tối đa các nguồn nội lực, động viên cao nhất sự nỗ lực và sáng tạo của mọi người dân ở trong nước cũng như người Việt Nam ở ngoài nước, của mọi nhà, mọi thành phần kinh tế, coi đây là thời cơ tốt để đem hết sức lực, tài năng và của cải đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh, làm giàu cho mình và cho xã hội. Đầu tư của Nhà nước phải tập trung vào các dự án trọng điểm, có liên quan đến việc đáp ứng nhu cầu của nhiều ngành kinh tế - kỹ thuật. Khuyến khích mạnh hơn đầu tư của nước ngoài, chủ động tiếp nhận, bố trí phù hợp với cơ cấu kinh tế, cơ cấu ngành nghề. Việc tiếp tục hoàn thiện về quan hệ sản xuất phải gắn với và nhằm thúc đẩy giải phóng sức sản xuất, phát huy cao độ các nguồn nội lực để tạo thêm nhiều việc làm, phát triển sản xuất, kinh doanh, đi đôi với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngày càng tốt hơn.

Cần có biện pháp gắt gao thực hiện triệt để tiết kiệm và chống lãng phí trong toàn xã hội, cả trong sản xuất và tiêu dùng, trong khu vực nhà nước, doanh nghiệp và dân cư, để tăng tích lũy cho đầu tư phát triển. Phải đặc biệt thực hiện tiết kiệm nghiêm ngặt trong lĩnh vực đầu tư xây dựng cơ bản, hạn chế tối đa các sai lầm trong quyết định đầu tư và những tiêu cực trong các khâu thẩm định dự án, đấu thầu và thi công các công trình. Hết sức tiết kiệm, chi tiêu thường xuyên từ ngân sách để tăng vốn cho đầu tư phát triển.

Phải có những biện pháp cụ thể, thiết thực để khắc phục bằng được những yếu kém lâu nay trong tổ chức thực hiện các nghị quyết, các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. Đôn đốc thực hiện cho được những chủ trương, chính sách đã đề ra. Xác định rõ trách nhiệm của cá nhân không để tình trạng chính sách ra rồi người thực hiện tốt không được khuyến khích, người không thực hiện cũng không bị xử lý. Cần đi sát, nắm bắt thực tiễn cuộc sống; những gì chưa phù hợp, còn gây trở ngại, kìm hãm thì phải khắc phục kịp thời, không chần chừ, do dự; những nhân tố mới, phong phú, xuất hiện ngày càng nhiều trong sản xuất kinh doanh, đó là sáng kiến, là trí tuệ của nhân dân, phải nắm lấy để hướng dẫn, hỗ trợ và nhân lên, biến thành phong trào rộng khắp.

Cần tập trung giải quyết những vấn đề thiết thực, bức bách nhất, không hình thức trong cải cách hành chính; khắc phục bệnh quan liêu, thiếu sâu sát với sản xuất và đời sống của nhân dân; tăng cường kỷ luật, kỷ cương, nâng cao hiệu lực điều hành của Chính phủ và hệ thống hành chính các cấp; khắc phục tình trạng chồng chéo, phân tán, cục bộ, gây khó khăn ách tắc cho sản xuất, kinh doanh.

Dân tộc ta đã từng trải qua những thời kỳ thử thách gay gắt nhất, thậm chí hiểm nghèo nhất, nhưng mỗi lần thử thách lại bùng lên những sức sống mới, quyết tâm mới, càng tỏ rõ phẩm chất và giá trị của dân tộc và con người Việt Nam, mọi tầng lớp nhân dân trong cộng đồng càng đoàn kết keo sơn, gắn bó, lòng yêu nước lại càng cao, nghị lực lại càng lớn, chỉ tiến không lùi và đều đã giành thắng lợi vẻ vang.

Với truyền thống đó, toàn Đảng, toàn dân, toàn quân hãy dấy lên cao trào thi đua đem trí tuệ, sức lực, tiền của

để tất cả cho sản xuất phát triển, làm giàu chính đáng cho mình và góp phần đưa đất nước vượt qua khó khăn vững bước tiến lên.

Thay mặt Bộ Chính trị, tôi xin tuyên bố bế mạc Hội nghị lần thứ sáu (lần 1), Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa VIII).

Chúc sức khỏe các đồng chí Cố vấn, các đồng chí Trung ương và toàn thể các đồng chí.

Đảng Cộng sản Việt Nam:

Văn kiện Hội nghị lần thứ sáu (lần 1)

Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII,

Sđđ, tr.60-68.

THÔNG BÁO
HỘI NGHỊ LẦN THỨ SÁU (LẦN 1)
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM KHÓA VIII

Hội nghị lần thứ sáu (lần 1) Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam khóa VIII đã họp từ ngày 13-10 đến 17-10-1998 tại Thủ đô Hà Nội. Hội nghị tập trung bàn về tình hình kinh tế - xã hội năm 1998, xác định phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 1999 và một số vấn đề quan trọng đối với nông nghiệp, nông thôn.

Đồng chí Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu chủ trì Hội nghị và đã đọc bài phát biểu quan trọng khai mạc và bế mạc Hội nghị. Đồng chí Phan Văn Khải, Ủy viên Thường vụ Bộ Chính trị, Thủ tướng Chính phủ đã trình bày những vấn đề lớn về kinh tế - xã hội.

Các đồng chí Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng Đỗ Mười, Lê Đức Anh, Võ Văn Kiệt đã dự Hội nghị.

Hội nghị đã phát huy và tập trung trí tuệ thảo luận các báo cáo của Bộ Chính trị và của Ban Cán sự Đảng Chính phủ về kinh tế - xã hội, thu chi ngân sách năm 1999 và nông nghiệp, nông thôn.

Đánh giá tình hình kinh tế - xã hội năm 1998, Hội nghị thống nhất nhận định: trong điều kiện khó khăn gay gắt do thiên tai nặng, do chịu sự tác động của khủng hoảng tài chính, tiền tệ, suy thoái kinh tế của khu vực và một số nước trên thế giới; do những yếu kém của nền kinh tế chưa khắc phục được, nước ta vẫn giữ được tốc độ tăng trưởng khoảng 6%, xã hội và chính trị ổn định, là kết quả rất đáng mừng, là thắng lợi lớn, khẳng định đường lối, chủ trương, chính sách của Nghị quyết Đại hội VIII và các Nghị quyết của Trung ương là đúng đắn, tinh thần đoàn kết, phấn đấu nỗ lực của toàn dân, toàn Đảng, của các ngành, các cấp; đánh dấu những tiến bộ trong sự chỉ đạo của Bộ Chính trị, của các cấp ủy đảng, sự điều hành năng động của Chính phủ và sự cố gắng của các địa phương.

Kết quả kinh tế - xã hội năm 1998 thể hiện trên các mặt:

- Vượt qua khó khăn thách thức, cơ bản duy trì được sản xuất, kinh doanh, ổn định đời sống kinh tế, xã hội. Nông nghiệp phát triển toàn diện, tăng 3%, sản lượng lương thực quy thóc 31,3 triệu tấn, bình quân lương thực trên 400kg/người. Sản xuất và đời sống ở khu vực nông thôn ổn định và tiếp tục được cải thiện; xuất hiện một số mô hình, nhân tố mới làm ăn có hiệu quả. Trong điều kiện thị trường gặp khó khăn, công nghiệp vẫn tăng 11%, nhiều sản phẩm công nghiệp chủ yếu vẫn tăng trưởng khá; nếu thị trường tiêu thụ thuận lợi thì có thể tăng ở mức cao hơn.

Quan hệ sản xuất tiếp tục được đổi mới, phát huy nguồn lực của các thành phần kinh tế bằng quyết tâm tổ chức sắp xếp lại, thực hiện cổ phần hóa, đổi mới quản lý, nâng cao hiệu quả của các doanh nghiệp nhà nước, bước đầu thực hiện

việc chuyển đổi các hợp tác xã theo *Luật hợp tác xã*, thực hiện chính sách khuyến khích hỗ trợ đầu tư vào sản xuất của nhân dân và các doanh nghiệp.

Lĩnh vực tài chính, tiền tệ có nhiều cố gắng trong việc duy trì ổn định kinh tế vĩ mô. Lĩnh vực kinh tế đối ngoại đã có nhiều giải pháp duy trì và mở rộng quan hệ kinh tế với các nước trong tình hình kinh tế khu vực và thế giới biến động phức tạp. Trong lĩnh vực đầu tư phát triển, đã có nhiều chính sách phù hợp để tăng khả năng huy động vốn trong nước. Các mặt hoạt động về văn hóa - xã hội được duy trì, có những lĩnh vực đạt được nhiều tiến bộ, nhất là chính sách đầu tư cho giáo dục, y tế, xóa đói, giảm nghèo, các gia đình chính sách...

Tình hình chính trị ổn định; an ninh quốc phòng, trật tự xã hội được giữ vững, tạo điều kiện cơ bản cho công cuộc đổi mới và phát triển đất nước; vị thế của nước ta được nâng cao trong quan hệ quốc tế.

Toàn dân, toàn Đảng cần thấy hết những kết quả đạt được của đất nước ta là to lớn, từ đó để phấn khởi, tự tin, đoàn kết vững bước đi lên.

Hội nghị cũng đã nhìn nhận, đánh giá đúng mức những khó khăn, yếu kém của nền kinh tế - xã hội để tập trung sức khắc phục, đó là:

Nội lực của nền kinh tế - yếu tố quyết định sự tăng trưởng bền vững và ổn định chưa thực sự được huy động; nhiều tiềm năng trong các thành phần kinh tế, trong nhân dân và trong đồng bào ta ở nước ngoài chưa có chính sách huy động có kết quả; còn để lãng phí nhiều, lớn nhất là lãng phí các nguồn lực quý giá của đất nước.

Nhịp độ tăng trưởng của nền kinh tế chậm lại, sản xuất kinh doanh kém hiệu quả.

Một số cân đối lớn của nền kinh tế gặp khó khăn chính là do hiệu quả kinh tế còn thấp và sức cạnh tranh của nền kinh tế chuyển biến chậm.

Lĩnh vực tài chính, tiền tệ còn nhiều yếu kém.

Việc đổi mới quan hệ sản xuất tuy có tiến bộ, nhưng vẫn còn chậm; một số nhân tố mới, mô hình mới xuất hiện nhưng chậm sơ kết, tổng kết đánh giá để thống nhất chủ trương.

Văn hóa - xã hội còn nhiều tồn tại, bức xúc, số người không có việc làm ở cả thành thị và thiếu việc làm ở nông thôn tăng; số hộ đói nghèo có giảm so với các năm trước, nhưng vẫn còn 17,4%; tệ nạn xã hội tuy đã tích cực ngăn chặn, nhưng vẫn gia tăng; đời sống nhân dân ở một số vùng còn nhiều khó khăn.

Về nguyên nhân khó khăn và yếu kém của nền kinh tế, Hội nghị đã phân tích, khẳng định có nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan, nhưng cần đặc biệt quan tâm những nguyên nhân chủ quan thuộc về sự lãnh đạo và chỉ đạo thực hiện. Một số chủ trương, chính sách quan trọng chậm được cụ thể hóa và thiếu kiên quyết lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện như: điều chỉnh đầu tư, tập trung vào những công trình có hiệu quả, then chốt, đặc biệt là công nghiệp hóa nông nghiệp, nông thôn; chính sách nhập khẩu, bảo hộ hợp lý hàng sản xuất trong nước; đặc biệt là chính sách tiết kiệm và chủ trương chống tham nhũng... Cải cách hành chính tuy có tiến bộ, nhưng chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển của nền kinh tế; kỷ cương, kỷ luật chuyển biến chậm.

Về định hướng kế hoạch kinh tế - xã hội năm 1999, Hội nghị thống nhất nhận định: trong năm 1999 những thách thức và khó khăn của đất nước còn rất lớn, gay gắt, phức tạp do những yếu kém bên trong của nền kinh tế chưa được khắc phục, do tác động tiêu cực của cuộc khủng hoảng kinh tế ở khu vực và có thể lan rộng, thiên tai đang diễn biến phức tạp, có thể có những yếu tố xảy ra chưa lường hết được. Bên cạnh khó khăn, đất nước ta có những thuận lợi rất lớn, rất cơ bản: thế và lực của đất nước được tăng lên qua 10 năm đổi mới, thể hiện sự vững vàng ngay trong tình huống có khủng hoảng lớn xảy ra trong khu vực; đất nước tiếp tục giữ vững sự ổn định về chính trị, xã hội, những thành tựu lớn về phát triển kinh tế; có nhiều kinh nghiệm về quản lý, điều hành; uy tín quốc tế, sự hội nhập kinh tế khu vực và quốc tế tạo thêm cơ hội để hợp tác và phát triển; lòng tin của nhân dân vào Đảng, Nhà nước ngày càng tăng lên.

Trong bối cảnh thuận lợi và khó khăn của đất nước, Hội nghị khẳng định quyết tâm: tiếp tục công cuộc đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, trước hết là công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn; thực hiện có hiệu quả chương trình hành động theo Nghị quyết Trung ương 4; phát huy cao nhất nỗ lực của toàn dân, toàn Đảng vượt qua khó khăn, thách thức, giữ vững ổn định kinh tế - xã hội; tập trung phát triển các ngành, các lĩnh vực, các sản phẩm có lợi thế, nâng cao hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế, tạo tiền đề cần thiết cho bước phát triển tiếp theo.

Với tư tưởng tiến công và những biện pháp quyết liệt, tháo gỡ mạnh hơn bằng cơ chế, phát huy cao độ nội lực phấn đấu giữ ổn định mức tăng trưởng kinh tế, gắn kinh tế với văn hóa,

xã hội, trên cơ sở đó, hoàn thành những mục tiêu cơ bản của kế hoạch 1996 - 2000 do Đại hội VIII đề ra. Nếu tình hình trong nước và thế giới có thêm những thuận lợi mới thì phần đầu mức tăng trưởng cao hơn.

Với tư tưởng chỉ đạo trên đây, Hội nghị nhất trí các giải pháp đặc biệt về kinh tế - xã hội năm 1999:

- Tập trung cao độ cho lĩnh vực nông nghiệp và phát triển kinh tế nông thôn để làm nền tảng ổn định kinh tế - xã hội.
- Huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn đầu tư.
- Tìm mọi giải pháp để mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm cả trong nước và ngoài nước.
- Phát triển và ổn định nền tài chính quốc gia, có biện pháp gắt gao thực hiện triệt để tiết kiệm trong toàn xã hội, ngăn chặn xu hướng nhẹ tích lũy, nặng tiêu dùng.
- Tiếp tục đổi mới quan hệ sản xuất theo tinh thần Nghị quyết Đại hội VIII và Nghị quyết Trung ương 4; thực hiện chương trình cải cách hành chính và bộ máy nhà nước theo hướng tinh gọn và hiệu quả.
- Tập trung giải quyết những vấn đề bức xúc về xã hội: tạo việc làm cho người lao động, nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung chính sách nghỉ hưu, chính sách bảo hiểm thất nghiệp... Thực hiện dân chủ ở cơ sở, xóa đói, giảm nghèo, nhất là đối với những xã còn rất nghèo, phát triển giáo dục đào tạo, văn hóa - thông tin, chăm sóc bảo vệ sức khỏe nhân dân, ngăn ngừa có hiệu quả các tệ nạn xã hội.
- Thực hiện nhiệm vụ củng cố quốc phòng, an ninh; bảo đảm trật tự kỷ cương, kỷ luật trong hoạt động kinh tế - xã hội và trong công tác điều hành, tổ chức thực hiện tốt Nghị quyết của Đảng, chủ trương, chính sách của Nhà nước.

Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII kêu gọi toàn dân, toàn Đảng phát huy cao độ lòng yêu nước, quán triệt sâu sắc và có sự thống nhất cao về nhận thức tình hình đất nước, thi đua yêu nước, nêu cao trách nhiệm công dân, tự lực tự cường, dồn tài năng, trí tuệ, sức lực, tiền của để phát triển sản xuất, cần kiệm xây dựng đất nước, tạo thành sức mạnh tổng hợp của toàn dân phấn đấu vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh.

Với quyết tâm như vậy, nhất định nhân dân ta sẽ thực hiện thắng lợi mục tiêu kinh tế - xã hội năm 1999 và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 1996 - 2000, tạo thế và lực để đất nước ta vững bước vào thế kỷ XXI.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**CHỈ THỊ
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ**

Số 43-CT/TW, ngày 26 tháng 10 năm 1998

**Về việc tổ chức thực hiện Nghị quyết Hội nghị
Trung ương 6 (lần 1) Ban Chấp hành Trung ương
khóa VIII***

Hội nghị Trung ương 6 (lần 1) Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII đã bàn và ra Nghị quyết về nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 1999. Tại hội nghị này, Trung ương còn thảo luận và giao Bộ Chính trị ra Nghị quyết về một số vấn đề phát triển nông nghiệp và nông thôn. Để tổ chức quán triệt và thực hiện tốt các văn kiện quan trọng này, các cấp ủy đảng, đảng đoàn, ban cán sự đảng cần tập trung lãnh đạo làm tốt những việc sau đây:

* Để phục vụ cho việc nghiên cứu Nghị quyết Hội nghị Trung ương 6 (lần 1) được thuận lợi, chúng tôi chuyển Chỉ thị này lên sau Thông báo Hội nghị lần thứ sáu (lần 1) Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam khóa VIII để bạn đọc tiện tra cứu (B.T).

I- TỔ CHỨC PHỔ BIẾN, QUÁN TRIỆT TINH THẦN CƠ BẢN CỦA NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích yêu cầu

- Làm cho mọi cán bộ, đảng viên và nhân dân nhận thức đúng những thành tựu quan trọng về kinh tế - xã hội trong bối cảnh phải đối phó với nhiều thách thức gay gắt. Trên cơ sở đó, xây dựng niềm tin vào đường lối đổi mới của Đảng, vào sự lãnh đạo và quản lý điều hành của Trung ương Đảng, Quốc hội và Chính phủ, ý chí phấn đấu kiên cường, sáng tạo của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân. Đồng thời nhận thức đúng mức những khó khăn, yếu kém và những thách thức mới rất gay gắt đối với nền kinh tế cùng những nguyên nhân khách quan, chủ quan; đặc biệt phân tích sâu sắc những nguyên nhân chủ quan để khắc phục.

- Trên cơ sở quán triệt những quan điểm và giải pháp cơ bản đối với nền kinh tế mà Nghị quyết Trung ương 4 khóa VIII đã xác định, cần đi sâu quán triệt mục tiêu và nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 1999 và các chủ trương, giải pháp chủ yếu; quán triệt sâu sắc các quan điểm cơ bản của Đảng về vị trí, vai trò của nông nghiệp, nông thôn cùng những chủ trương, chính sách trong lĩnh vực này. Trên cơ sở đó, từng ngành kinh tế, từng địa phương xây dựng chương trình hành động thực hiện nghị quyết của Trung ương và nghị quyết của kỳ họp thứ tư Quốc hội khóa X.

- Động viên mạnh mẽ tinh thần cách mạng tiến công, phát huy mọi nguồn lực của từng ngành, từng địa phương, của cả nước để vượt qua mọi khó khăn, thi đua hoàn thành thắng lợi kế hoạch kinh tế - xã hội năm 1999.

2. Việc tổ chức quán triệt nghị quyết

Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương có kế hoạch hướng dẫn việc triển khai quán triệt nghị quyết với tinh thần gọn nhẹ, đúng đối tượng, có hiệu quả, tiết kiệm thời gian công sức nhưng đạt được những yêu cầu đề ra; chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan thông tin đại chúng tuyên truyền phổ biến sâu rộng Nghị quyết Trung ương 6 (lần 1) gắn với các quyết định của kỳ họp thứ tư Quốc hội khóa X trong nhân dân.

- Các đồng chí Ủy viên Trung ương, các đồng chí cán bộ lãnh đạo dự Hội nghị Trung ương 6 có trách nhiệm phổ biến nhanh tinh thần cơ bản của Nghị quyết này đến cán bộ chủ chốt các ban, ngành, đoàn thể Trung ương và các địa phương.

Việc tổ chức học tập sâu nghị quyết phải gắn chặt chẽ với việc thảo luận kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII và kế hoạch kinh tế - xã hội năm 1999 của từng ngành, từng địa phương, đơn vị.

II- VIỆC CHỈ ĐẠO THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT

1. Các cấp ủy đảng, đảng đoàn, ban cán sự đảng phải tập trung lãnh đạo chặt chẽ việc quán triệt và xây dựng chương trình hành động thực hiện nghị quyết tại ngành mình, địa phương mình. Tài liệu học tập gồm: Nghị quyết Trung ương 6 (lần 1), các bài phát biểu khai mạc, bế mạc của Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu, Nghị quyết của Bộ Chính trị về nông nghiệp, nông thôn, Báo cáo của Thủ tướng Phan Văn Khải tại kỳ họp thứ tư Quốc hội khóa X.

Trên cơ sở Nghị quyết của Bộ Chính trị về nông nghiệp - nông thôn, Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương soạn thành

đề cương để tổ chức học tập trong các chi bộ và các lớp học cho cán bộ, đảng viên cơ sở.

2. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Trung ương chỉ đạo phát động phong trào thi đua yêu nước với chủ đề "Toàn Đảng, toàn quân, toàn dân phát huy tinh thần đoàn kết yêu nước, ý chí cách mạng tiến công, động viên mọi nguồn lực phấn đấu hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng năm 1999".

Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Trung ương cần sớm đề ra các chỉ tiêu, tăng cường kiểm tra đôn đốc, tổ chức bình chọn, khen thưởng kịp thời những đơn vị, địa phương, cá nhân xuất sắc tiến tới Đại hội thi đua toàn quốc năm 2000.

3. Đảng đoàn Quốc hội, Ban Cán sự Đảng Chính phủ, các ban cán sự đảng các bộ, ngành khẩn trương xác định rõ những nhiệm vụ trọng tâm, những biện pháp có hiệu quả, kịp thời tháo gỡ các khó khăn, ách tắc, thúc đẩy nền kinh tế - xã hội phát triển.

4. Các ban Đảng, trước hết là Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương và Ban Kinh tế Trung ương có trách nhiệm giúp Bộ Chính trị đôn đốc, kiểm tra việc quán triệt và triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 1) và Nghị quyết của Bộ Chính trị về nông nghiệp - nông thôn, kịp thời báo cáo Bộ Chính trị những vấn đề mới nảy sinh để chủ động xử lý.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

PHẠM THẾ DUYỆT

Đảng Cộng sản Việt Nam:

Văn kiện Hội nghị lần thứ sáu (lần 1)

Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII,

Sđđ, tr.69 - 73.

THÔNG BÁO
Ý KIẾN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 176-TB/TW, ngày 15 tháng 10 năm 1998

**Về chương trình xây dựng luật, pháp lệnh trong
nhiệm kỳ Quốc hội khóa X và một số dự án luật**

Tại phiên họp ngày 9 và 10-10-1998, sau khi nghe Đảng đoàn Quốc hội báo cáo dự kiến chương trình xây dựng luật, pháp lệnh trong nhiệm kỳ Quốc hội khóa X và một số dự án luật, Bộ Chính trị có ý kiến chỉ đạo như sau:

1. Về dự kiến chương trình xây dựng luật, pháp lệnh trong nhiệm kỳ Quốc hội khóa X

- Nhất trí cơ bản với dự kiến chương trình xây dựng luật, pháp lệnh trong nhiệm kỳ Quốc hội khóa X do Đảng đoàn Quốc hội đề xuất tại Tờ trình số 124/ĐĐQH, ngày 29-9-1998. Cần soát kỹ để điều chỉnh thứ tự ưu tiên theo hướng luật và pháp lệnh thể chế hóa những vấn đề Trung ương đã có chủ trương và cuộc sống đang đòi hỏi cấp thiết thì tập trung xây dựng để ban hành sớm; cân nhắc việc bổ sung thêm vào chương trình dự án Pháp lệnh Thủ đô.

- Khẩn trương xây dựng đề án đổi mới quy trình chuẩn bị các dự án luật, pháp lệnh và cách thức thông qua luật của Quốc hội nhằm đẩy nhanh tiến độ xây dựng và nâng cao chất lượng các văn bản pháp luật, bảo đảm cho các luật, pháp lệnh được Quốc hội thông qua đáp ứng yêu cầu thực tiễn, được xã hội chấp nhận và phát huy tác dụng tốt.

2. Về dự án *Luật khiếu nại tố cáo*

Đồng ý với kiến nghị của Đảng đoàn Quốc hội về đối tượng, phạm vi điều chỉnh của dự luật và thẩm quyền giải quyết khiếu nại của thanh tra nhà nước các cấp nêu tại Tờ trình số 123/ĐĐQHK10, ngày 29-9-1998.

Đảng đoàn Quốc hội chỉ đạo việc hoàn chỉnh dự luật để trình Quốc hội thông qua tại kỳ họp thứ tư Quốc hội khóa X.

3. Về dự án *Luật giáo dục*

Về cơ bản, nội dung của dự án Luật giáo dục đã thể hiện được tư tưởng chỉ đạo của Nghị quyết Hội nghị Trung ương 2 (khóa VIII) về phát triển sự nghiệp giáo dục trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Đảng đoàn Quốc hội tiếp tục chỉ đạo việc nghiên cứu tiếp thu ý kiến phát biểu của các đồng chí Bộ Chính trị tại cuộc họp này và ý kiến của Ban Khoa giáo Trung ương để chỉnh lý, hoàn thiện dự án luật và trình Quốc hội thông qua tại kỳ họp thứ tư Quốc hội khóa X.

4. Về dự án Luật sửa đổi bổ sung một số điều của *Luật đất đai*

- Việc sửa đổi cơ bản *Luật đất đai* hiện hành là một vấn đề phức tạp, nhạy cảm liên quan đến chính sách lớn của

Đảng và Nhà nước về đất đai, nông nghiệp và nông thôn. Do vậy, cần phải có thời gian nghiên cứu, tổng kết, cân nhắc một cách thận trọng. Nội dung sửa đổi phải được các tầng lớp nhân dân đóng góp ý kiến trước khi trình Quốc hội thông qua.

Tại kỳ họp lần này chỉ đặt vấn đề sửa đổi, bổ sung một số điều của *Luật đất đai* hiện hành có nội dung chưa hợp lý, gây ách tắc hoặc còn thiếu, nhằm góp phần tích cực vào việc nâng cao hiệu lực quản lý và sử dụng có hiệu quả đất đai.

- Từ yêu cầu trên, Bộ Chính trị nhất trí với nội dung sửa đổi, bổ sung một số điều của *Luật đất đai* năm 1993 như đề nghị của Đảng đoàn Quốc hội nêu tại Tờ trình số 125/ĐĐQHK10, ngày 29-10-1998.

- Việc thảo luận và thông qua dự án luật này, cần lưu ý tập trung thảo luận xung quanh những vấn đề sửa đổi, bổ sung, không mở rộng phạm vi tranh luận ra những vấn đề khác. Những vấn đề còn ý kiến khác nhau phải được tổng hợp đầy đủ và giao cho các cơ quan chuyên môn xem xét thận trọng để trình Quốc hội xem xét. Trước khi đưa dự luật thảo luận chung tại Quốc hội, nên có hình thức lấy ý kiến của các đại biểu Quốc hội là các nhà doanh nghiệp, là chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp.

5. Về dự án Luật sửa đổi *Bộ luật hình sự*

- Đồng ý với đề nghị của Đảng đoàn Quốc hội về việc trình Quốc hội thảo luận đóng góp vào dự án *Bộ luật hình sự* (sửa đổi) tại kỳ họp thứ tư (10-1998).

- Nội dung của dự án bộ luật có nhiều vấn đề quan trọng, do vậy cần xác định rõ những vấn đề thảo luận

chung tại hội trường và những vấn đề chỉ cần thảo luận tại tổ. Chú ý thảo luận kỹ nội dung khái niệm các loại tội và đường lối xử lý đối với từng loại tội, nhóm tội.

- Trên cơ sở ý kiến đóng góp của đại biểu Quốc hội, Đảng đoàn Quốc hội tổng hợp báo cáo Bộ Chính trị cho ý kiến chỉ đạo đối với những vấn đề quan trọng của bộ luật; sau đó, hoàn chỉnh công bố lấy ý kiến đóng góp của nhân dân. Cố gắng trình Quốc hội thông qua vào năm 1999.

6. Về dự án *Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân, Luật bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân*

- Hiện nay, chưa tiến hành tổng kết việc thực hiện *Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân* hiện hành; đến cuối năm 1999 mới hết nhiệm kỳ Hội đồng nhân dân. Do vậy, chưa nên đặt vấn đề sửa đổi, bổ sung hai luật trên tại kỳ họp Quốc hội lần này.

- Ban Cán sự Đảng Chính phủ và Đảng đoàn Quốc hội chỉ đạo tổng kết việc thực hiện *Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân, Luật bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân* hiện hành; lưu ý giải đáp những vấn đề đã nêu trong Nghị quyết Trung ương 3 (khóa VIII); xác định rõ nội dung cần phải sửa đổi, kể cả những vấn đề có liên quan đến việc sửa đổi Hiến pháp. Trên cơ sở tổng kết, xây dựng dự án *Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân* (sửa đổi), *Luật bầu cử Hội đồng nhân dân* (sửa đổi), báo cáo Bộ Chính trị cho ý kiến xem xét trước khi trình Quốc hội thông qua tại kỳ họp thứ 5 (quý II-1999).

- Ban Nội chính Trung ương và Ban Tổ chức Trung ương có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ với các cơ quan của Chính phủ và Quốc hội trong quá trình chuẩn bị hai dự án luật trên.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

PHẠM THẾ DUYỆT

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
Ý KIẾN CỦA THƯỜNG VỤ BỘ CHÍNH TRỊ
Số 177-TB/TW, ngày 31 tháng 10 năm 1998
Về vụ án cố ý làm lộ bí mật nhà nước trong việc
đấu thầu dự án điện Phú Mỹ 2.1
và Phú Mỹ 2.1 mở rộng

Sau khi nghe các đồng chí lãnh đạo Bộ Công an và một số ban, ngành có liên quan báo cáo về kết quả điều tra và đề xuất hướng xử lý đối với vụ án cố ý làm lộ bí mật nhà nước trong việc đấu thầu các dự án điện Phú Mỹ 2.1 và Phú Mỹ 2.1 mở rộng; Thường vụ Bộ Chính trị đã có ý kiến kết luận:

1. Trong những năm qua, tình hình hoạt động đấu thầu các dự án, các công trình của Nhà nước có nhiều biểu hiện tiêu cực hết sức nghiêm trọng. Nhiều công ty nước ngoài đã bỏ tiền ra hối lộ mua chuộc các cán bộ ở các cơ quan nhà nước có trách nhiệm trong việc đấu thầu để nhằm trúng thầu với giá rẻ. Không ít cán bộ ta đã móc ngoặc với một số phần tử xấu hình thành các đường dây lấy cắp bí mật nhà nước, bí mật kinh tế trong hoạt động đấu thầu để cung cấp cho các công ty nước ngoài gây thiệt hại hết sức nghiêm trọng tài sản của Nhà nước ta.

Thường vụ Bộ Chính trị đề nghị Chính phủ và các cơ quan có liên quan bằng mọi biện pháp tập trung chấn chỉnh ngay hoạt động này; rà soát, bổ sung lại tất cả các văn bản, các quy chế, quy định về việc đấu thầu, sửa đổi ngay những điều chưa phù hợp, còn kẽ hở mà phần tử xấu có thể lợi dụng; thanh lọc ra khỏi các cơ quan này những người không đủ tin cậy; chặn đứng mọi tiêu cực trong lĩnh vực đấu thầu; phát hiện và xử lý nghiêm minh bọn tội phạm và các phần tử xấu lợi dụng việc đấu thầu để trục lợi, gây thiệt hại cho Nhà nước.

2. Riêng đối với vụ án cố ý làm lộ bí mật nhà nước trong việc đấu thầu các dự án điện Phú Mỹ 2.1 và Phú Mỹ 2.1 mở rộng; do các cơ quan điều tra chưa làm rõ được toàn bộ đường dây hoạt động của vụ án; chưa xác định được đối tượng chính được giao trách nhiệm bảo vệ bí mật tài liệu đấu thầu đã để lộ, lọt tài liệu cho công ty nước ngoài nắm được; chưa làm rõ được đầy đủ động cơ, mục đích và hành vi phạm tội của từng đối tượng trong vụ án;... vì vậy, các cơ quan công an, kiểm sát, tòa án phải tiếp tục điều tra, thu thập đầy đủ các chứng cứ, làm rõ hành vi phạm tội của tất cả các đối tượng trong vụ án, nhất là của số đối tượng có vai trò chính, chủ mưu, cầm đầu để xem xét việc đưa ra xét xử trước pháp luật.

3. Bộ Công an cần chuẩn bị đầy đủ tài liệu để báo cáo tiếp với Thường vụ Bộ Chính trị về số cán bộ cao cấp có biểu hiện tiêu cực trong vụ án này.

Thừa lệnh Thường vụ Bộ Chính trị, xin thông báo các đồng chí biết.

T/L THƯỜNG VỤ BỘ CHÍNH TRỊ
CHÁNH VĂN PHÒNG
TRẦN ĐÌNH HOAN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

CHỈ THỊ
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 44-CT/TW, ngày 4 tháng 11 năm 1998

**Về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong việc
thực hiện *Luật thuế giá trị gia tăng*
và các luật thuế mới**

Trong những năm qua, hệ thống pháp luật thuế từng bước đã được ban hành, bổ sung và sửa đổi phù hợp với công cuộc cải cách kinh tế và đổi mới công tác quản lý nhà nước. Việc thực hiện các chính sách thuế thống nhất và bình đẳng giữa các thành phần kinh tế đã động viên hợp lý được các nguồn thu quan trọng từ nội bộ nền kinh tế, đáp ứng yêu cầu chi ngân sách nhà nước và góp phần thúc đẩy sản xuất, lưu thông hàng hóa phát triển...

Thực hiện cải cách hệ thống thuế bước hai, Quốc hội đã thông qua *Luật thuế giá trị gia tăng* và các luật thuế mới để áp dụng từ ngày 1-1-1999 nhằm khắc phục nhược điểm của *Luật thuế doanh thu* hiện hành, tạo môi trường thuận lợi cho đầu tư trong và ngoài nước, bảo hộ hợp lý và khuyến khích sản xuất trong nước, đặc biệt đối với hàng hoá xuất khẩu, tăng cường hạch toán kế toán trong các

doanh nghiệp. Tuy nhiên, thuế giá trị gia tăng là thuế mới nên trong thời gian đầu thực hiện sẽ không tránh khỏi những khó khăn, trở ngại. Mặt khác, cuộc khủng hoảng về tài chính, tiền tệ và kinh tế đang lan rộng ở nhiều nước và đang có ảnh hưởng tới nền kinh tế nước ta, sẽ phát sinh thêm khó khăn, vướng mắc cho việc thực hiện *Luật thuế giá trị gia tăng* và các luật thuế mới. Vì vậy, việc triển khai thực hiện *Luật thuế giá trị gia tăng* và các luật thuế mới phải được chuẩn bị chu đáo, làm đồng bộ với quyết tâm lớn, có sự thống nhất cao và phải đặt dưới sự lãnh đạo thường xuyên của các cấp ủy đảng.

Bộ Chính trị yêu cầu cấp ủy và tổ chức đảng các cấp, các bộ, ban, ngành, đoàn thể từ Trung ương tới địa phương triển khai gấp và làm tốt các việc dưới đây:

1. Tổ chức nghiên cứu, quán triệt quan điểm, mục tiêu, yêu cầu của cuộc cải cách thuế bước hai ở nước ta tới từng cấp ủy đảng, nhất là các tổ chức đảng có liên quan đến việc thực hiện thuế giá trị gia tăng. Từng cấp ủy đảng và tổ chức đảng các cấp, các bộ, ban, ngành, đoàn thể phải có chương trình và biện pháp cụ thể để lãnh đạo, chỉ đạo cơ quan chính quyền, chuyên môn, đoàn thể triển khai tích cực công tác tập huấn nội dung *Luật thuế giá trị gia tăng* và các luật thuế mới; hướng dẫn cụ thể nghiệp vụ tính toán, kê khai, nộp thuế cho cán bộ trong ngành thuế, ngành tài chính và tất cả các đối tượng nộp thuế. Trong chỉ đạo thực hiện phải tập trung chính vào việc triển khai *Luật thuế giá trị gia tăng* vì đây là luật thuế mới lại có quan hệ điều chỉnh và tác động tới mọi doanh nghiệp, người kinh doanh và toàn xã hội.

2. Chính phủ kịp thời ban hành cơ chế, chính sách, biện pháp cụ thể giải quyết những khó khăn, vướng mắc đã xuất hiện và có thể sẽ phát sinh khi thực hiện *Luật thuế giá trị gia tăng* và các luật thuế mới đối với các đối tượng nộp thuế, nhất là trong thời gian đầu theo các yêu cầu sau:

- Bảo đảm công bằng về quyền lợi và nghĩa vụ của các doanh nghiệp, các hộ kinh doanh trong nền kinh tế, giúp các doanh nghiệp ổn định được hoạt động sản xuất, kinh doanh, có điều kiện để đổi mới máy móc, thiết bị, công nghệ, nâng cao năng lực quản lý, tăng cường hạch toán kinh tế, nâng cao khả năng cạnh tranh trong nước và trên thị trường quốc tế.

- Bảo đảm không ảnh hưởng lớn đến kế hoạch thu của ngân sách Trung ương trong những năm đầu thực hiện. Tạo điều kiện để ngân sách các địa phương ổn định được nguồn thu, nâng dần tỷ lệ các địa phương tự cân đối ngân sách và có đóng góp vào ngân sách Trung ương.

- Bảo đảm ổn định thị trường trong nước, tránh gây ra những biến động mạnh về giá cả, đặc biệt là giá cả vật tư, hàng hoá quan trọng dùng cho sản xuất và hàng tiêu dùng thiết yếu để ổn định sản xuất và không ảnh hưởng đến đời sống của nhân dân. Tạo điều kiện để đẩy mạnh thực hành tiết kiệm, chống thất thoát, lãng phí, sử dụng có hiệu quả tài sản và các nguồn lực trong xã hội.

3. Chính phủ chỉ đạo các cơ quan chuyên môn áp dụng triệt để các biện pháp thích hợp để hạn chế tác động của việc thực hiện *Luật thuế giá trị gia tăng* tới giá cả thị trường. Cơ quan quản lý giá của Chính phủ phải hướng dẫn, giúp các doanh nghiệp rà soát lại chi phí và xử lý giá

bán hợp lý. Đối với các hàng hóa, dịch vụ nhà nước quản lý giá không được điều chỉnh tăng giá trong những tháng đầu năm 1999. Tăng cường công tác kiểm tra và quản lý thị trường, tích cực triển khai công tác chống buôn lậu, xử lý kịp thời, nghiêm minh đối với các đối tượng đầu cơ, lợi dụng tình hình để tăng giá, kiếm lời bất chính.

4. Bộ Tài chính sớm nghiên cứu trình Chính phủ sửa đổi, bổ sung quy định về chức năng, nhiệm vụ và tổ chức sắp xếp lại ngành Thuế nhằm nâng cao năng lực, ý thức trách nhiệm, phát huy vai trò của cơ quan quản lý nhà nước trong việc thực hiện nhiệm vụ thu, hướng dẫn, kiểm tra việc thi hành các luật thuế và chế độ thu, phù hợp với nội dung, yêu cầu cải cách hệ thống chính sách thuế. Thiết lập cơ chế phối hợp giữa ngành Thuế với các cơ quan ban, ngành chuyên môn và các địa phương trong việc triển khai thực hiện các luật thuế, bảo đảm sự thống nhất giữa chức năng quản lý ngành của cơ quan thuế với chức năng quản lý nhà nước của chính quyền các cấp. Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát ở địa phương, xử lý nghiêm các trường hợp gian lận, trốn lậu thuế hoặc chống đối việc thực hiện các luật thuế mới, giữ nghiêm kỷ cương, kỷ luật trong lĩnh vực thuế.

5. Tăng cường công tác tuyên truyền, hướng dẫn việc thi hành các luật thuế mới nhất là *Luật thuế giá trị gia tăng*. Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương chỉ đạo các cơ quan thông tin báo chí phối hợp với cơ quan thuế để thực hiện tuyên truyền một cách sâu rộng các chính sách thuế mới, để mọi người hiểu và thấy rõ sự cần thiết phải thực hiện, cũng như các khó khăn có thể xảy ra.

6. Để tổ chức thực hiện tốt *Luật thuế giá trị gia tăng* và các luật thuế mới và ủng hộ chủ trương áp dụng luật thuế mới của Đảng và Nhà nước, Bộ Chính trị yêu cầu cấp ủy đảng các cấp nghiên cứu, quán triệt Chỉ thị này, lãnh đạo, chỉ đạo việc tổ chức triển khai thi hành các luật thuế ở địa phương, ngành. Đồng thời, tăng cường kiểm tra, nắm sát tình hình triển khai ở địa phương, ngành, đơn vị mình để chỉ đạo, giải quyết, tháo gỡ kịp thời các khó khăn, vướng mắc phát sinh trong thực tiễn và định kỳ sơ kết, rút kinh nghiệm báo cáo Thường vụ Bộ Chính trị.

Ban Kinh tế Trung ương chủ trì phối hợp cùng các ban của Đảng theo dõi kiểm tra việc thực hiện Chỉ thị này ở các cấp, các ngành, thường xuyên báo cáo Thường vụ Bộ Chính trị.

Chỉ thị này phổ biến đến chi bộ đảng.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

PHẠM THẾ DUYỆT

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**NGHỊ QUYẾT
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ**

Số 06-NQ/TW, ngày 10 tháng 11 năm 1998

**Về một số vấn đề phát triển nông nghiệp
và nông thôn**

I- ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH

Từ khi thành lập đến nay, Đảng ta luôn khẳng định tầm quan trọng của vấn đề nông dân, nông nghiệp và nông thôn. Trong quá trình đổi mới, đường lối đúng đắn của Đảng về phát triển nông nghiệp, nông thôn đã khơi dậy nguồn động lực to lớn của nhân dân, đưa đến những thành tựu rất quan trọng. Mười năm qua (1988 - 1998), sản xuất nông nghiệp phát triển tương đối toàn diện, liên tục, với tốc độ cao (bình quân tăng 4,3%/năm). Cơ cấu kinh tế nông thôn bước đầu chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng của công nghiệp và dịch vụ. Kim ngạch xuất khẩu nông, lâm, thủy sản tăng nhanh, một số mặt hàng có giá trị xuất khẩu lớn (gạo, cà phê, cao su, tôm...). Cơ sở hạ tầng, nhất là hệ thống thủy lợi được tăng cường. Đời sống của đại bộ phận nông dân được cải thiện. Nhiều nhân tố mới trong nông nghiệp và xây dựng

nông thôn mới xuất hiện. Những thành tựu đó góp phần rất quan trọng vào sự ổn định và phát triển kinh tế - xã hội đất nước, đồng thời tiếp tục khẳng định vị trí rất quan trọng của nông nghiệp, nông thôn nước ta.

Tuy vậy, trong quá trình thực hiện, cũng tồn tại những vấn đề cần giải quyết và khuyết điểm cần khắc phục: cơ cấu kinh tế chuyển dịch chậm; việc ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ, nhất là về giống nhiều loại cây trồng, vật nuôi còn hạn chế; công nghiệp chế biến và ngành nghề kém phát triển; thị trường tiêu thụ nông sản hàng hóa gặp nhiều khó khăn, khả năng cạnh tranh của nông sản phẩm hàng hóa yếu; lao động dư thừa nhiều; cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất và đời sống ở một số vùng còn rất thấp; quan hệ sản xuất ở nông thôn chậm đổi mới; tiềm năng to lớn về đất đai, rừng biển và lao động ở một số vùng chưa được khai thác có hiệu quả; đời sống của một bộ phận nông dân, nhất là ở vùng sâu, vùng xa còn rất khó khăn.

Nguyên nhân chủ yếu của những yếu kém trên là:

1. Chúng ta chưa thực hiện nghiêm túc đường lối đúng đắn đã được nêu trong các nghị quyết Đại hội và nhiều nghị quyết Trung ương: coi công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong giai đoạn hiện nay.

2. Một số chính sách của Đảng và Nhà nước chậm đổi mới, chưa thông thoáng, thiếu đồng bộ, chưa phù hợp với nền sản xuất hàng hóa quy mô lớn và đẩy mạnh xuất khẩu, nhất là các chính sách về đất đai, khoa học công nghệ, tín dụng, thị trường. Việc nghiên cứu vận dụng các kinh nghiệm quản

lý tiên tiến trên thế giới vào điều kiện của ta còn nhiều hạn chế. Đầu tư cho nông nghiệp và nông thôn còn thấp.

3. Trong điều hành chưa chú ý nắm bắt thực tiễn, không kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, uốn nắn sai lầm, lệch lạc trong thực hiện chủ trương, chính sách; chậm tổng kết kinh nghiệm và những mô hình mới, những nhân tố mới của quần chúng, của các đơn vị cơ sở. Kinh tế nhà nước chưa được củng cố để phát huy vai trò chủ đạo và hướng dẫn, hỗ trợ kinh tế hộ, kinh tế hợp tác, kinh tế tư nhân. Công nghiệp, thương nghiệp chưa liên kết chặt chẽ nên chưa phục vụ tốt sản xuất nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới. *Luật đất đai* có những quy định chưa phù hợp; việc thực hiện còn nhiều khuyết điểm và lúng túng.

4. Một số cán bộ lãnh đạo, quản lý chưa nhận thức sâu sắc vị trí, vai trò của nông nghiệp, nông thôn và yêu cầu tăng cường khối liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức trong thời kỳ công nghiệp hóa. Một số địa phương chưa xác định đúng tiềm năng, nội lực cần tập trung phát huy là ở nông nghiệp, nông thôn. Hệ thống quản lý, chỉ đạo nông nghiệp và phát triển nông thôn còn phân tán, hiệu lực thấp, chưa đáp ứng yêu cầu của tình hình mới.

II. QUAN ĐIỂM VÀ MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN

A- Quan điểm

1. Coi trọng thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong phát triển nông nghiệp (gồm cả lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp) và xây dựng nông thôn, đưa nông nghiệp và kinh tế nông thôn lên sản xuất lớn là nhiệm vụ cực

kỳ quan trọng cả trước mắt và lâu dài, là cơ sở để ổn định tình hình kinh tế, chính trị, xã hội, củng cố liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

2. Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế, gắn phát triển nông nghiệp với công nghiệp chế biến, ngành nghề, gắn sản xuất với thị trường để hình thành sự liên kết nông - công nghiệp - dịch vụ và thị trường ngay trên địa bàn nông thôn và trên phạm vi cả nước; gắn phát triển nông nghiệp với xây dựng nông thôn mới; gắn công nghiệp hóa với thực hiện dân chủ hóa và nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực ở nông thôn; tạo ra sự phân công lao động mới, giải quyết việc làm, nâng cao đời sống, xoá đói, giảm nghèo, thu hẹp dần khoảng cách về mức sống giữa thành thị và nông thôn, thực hiện có kết quả mục tiêu phát triển dân số.

3. Phát huy lợi thế của từng vùng và cả nước, áp dụng nhanh các tiến bộ khoa học, công nghệ để phát triển nông nghiệp hàng hóa đa dạng, đáp ứng ngày càng cao nhu cầu nông sản thực phẩm và nguyên liệu công nghiệp, hướng mạnh ra xuất khẩu.

4. Phát triển nền nông nghiệp với nhiều thành phần kinh tế, trong đó kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo, cùng với kinh tế hợp tác xã dần trở thành nền tảng, hợp tác và hướng dẫn kinh tế tư nhân phát triển theo đúng pháp luật. Tiếp tục phát triển nhiều hình thức kinh tế hợp tác; các loại hình hợp tác xã dịch vụ cho kinh tế hộ nông dân, từng bước xây dựng các hợp tác xã nông nghiệp theo *Luật hợp tác xã*; chú trọng liên kết kinh tế nhà nước với các thành phần kinh tế khác.

Tạo điều kiện và khuyến khích mạnh mẽ hộ nông dân và những người có khả năng đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ ở nông thôn.

B- Mục tiêu

1. Bảo đảm an ninh lương thực quốc gia trong mọi tình huống. Từng bước cải thiện cơ cấu và chất lượng bữa ăn, tiến tới đạt tiêu chuẩn về dinh dưỡng.

2. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, tăng nhanh khối lượng sản phẩm hàng hóa, nhất là hàng nông, lâm, thủy sản qua chế biến; tăng kim ngạch xuất khẩu; giảm tỷ lệ lao động nông nghiệp, tăng tỷ trọng công nghiệp, dịch vụ trong cơ cấu kinh tế nông thôn.

3. Bằng nhiều biện pháp để giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập của dân cư nông thôn; xóa hộ đói (vào năm 2000), giảm tỷ lệ nghèo; phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn, chú trọng phát triển hệ thống thủy lợi, bảo đảm đường giao thông thông suốt đến trung tâm xã, có đủ trường học, trạm y tế và nước sạch cho sinh hoạt.

4. Bảo vệ môi trường sinh thái. Ngăn chặn nạn phá rừng; có chính sách để huy động nhân dân và các thành phần kinh tế tích cực khoanh nuôi, tái sinh, bảo vệ và trồng rừng, đưa tỷ lệ che phủ của rừng đạt 43% vào năm 2010.

5. Nâng cao hiệu quả và năng lực đánh bắt, chú trọng thâm canh và đẩy mạnh nuôi trồng thủy, hải sản phục vụ xuất khẩu; phấn đấu để sớm đứng vào hàng ngũ những quốc gia có sản lượng thủy, hải sản lớn của thế giới.

6. Thực hiện tốt quy chế dân chủ, bảo đảm ổn định chính trị - xã hội và đoàn kết nông thôn.

III- MỘT SỐ CHỦ TRƯỞNG, CHÍNH SÁCH LỚN

1. Đẩy mạnh thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong phát triển nông nghiệp và xây dựng nông thôn

Đẩy mạnh thâm canh lúa, từng bước hình thành các vùng tập trung sản xuất lúa năng suất, chất lượng cao gắn với chế biến, bảo quản sau thu hoạch để nâng cao hiệu quả sản xuất lúa gạo và đẩy mạnh xuất khẩu.

Hình thành các vùng sản xuất tập trung cây công nghiệp, rau, hoa quả, thâm canh, sử dụng các giống có chất lượng cao gắn với công nghiệp chế biến và thị trường để nâng cao giá trị sản phẩm đáp ứng nhu cầu trong nước và xuất khẩu.

Khuyến khích kinh tế hộ, hợp tác xã và trang trại chăn nuôi quy mô vừa và lớn, chú trọng khâu giống và công nghiệp chế biến, thị trường xuất khẩu sản phẩm chăn nuôi; thực hiện các biện pháp để nâng cao năng suất và hạ giá thành, đưa chăn nuôi thực sự trở thành ngành sản xuất chính trong nông nghiệp.

Tập trung bảo vệ có hiệu quả vốn rừng hiện có và làm giàu rừng, nhất là rừng đặc dụng, rừng phòng hộ. Triển khai thực hiện có hiệu quả dự án trồng mới 5 triệu ha rừng. Hình thành các vùng rừng sản xuất tập trung gắn với chế biến và nâng cao hiệu quả của nghề rừng.

Đầu tư đồng bộ cho chương trình nuôi trồng và đánh bắt thủy sản gắn với chế biến hiện đại. Ưu tiên đầu tư cho chương trình đánh bắt xa bờ. Có chính sách hỗ trợ nông, ngư dân khai thác tốt các diện tích mặt nước có khả năng nuôi trồng thủy sản; tổ chức sản xuất và cung cấp giống tốt,

phòng chống các loại bệnh, hỗ trợ nông dân phát triển nuôi trồng thủy sản.

Hỗ trợ, khuyến khích sản xuất và sử dụng các loại máy móc, thiết bị cơ khí sản xuất trong nước phục vụ sản xuất, chế biến nông, lâm, thủy hải sản. Khôi phục và phát triển các làng nghề truyền thống. Khuyến khích phát triển các cơ sở công nghiệp sử dụng nhiều lao động và vật liệu tại chỗ.

Có chính sách khuyến khích mạnh các nguồn vốn của dân cư, các doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, dành một tỷ lệ quan trọng các nguồn vốn nhà nước huy động được để đầu tư cho phát triển nông nghiệp, nông thôn; hình thành các tổ hợp công - nông nghiệp - dịch vụ ở những địa bàn có điều kiện.

2. Chính sách về các thành phần kinh tế

Nền kinh tế nhiều thành phần trong nông nghiệp, nông thôn tồn tại lâu dài, mỗi thành phần có vị trí, vai trò riêng và đều được khuyến khích phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

a) Khuyến khích phát triển kinh tế hộ

Kinh tế hộ gia đình ở nông thôn (làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp, dịch vụ, tiểu thủ công nghiệp... hoặc kết hợp làm nhiều ngành nghề) là loại hình tổ chức sản xuất có hiệu quả về kinh tế - xã hội, tồn tại, phát triển lâu dài, có vị trí quan trọng trong sản xuất nông nghiệp và quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn. Tiếp tục khuyến khích kinh tế hộ phát triển mạnh mẽ để tạo ra lượng sản phẩm hàng hóa đa dạng có chất lượng, giá trị ngày càng cao, tăng thu nhập cho mỗi gia

đình nông dân, cải thiện đời sống mọi mặt ở nông thôn, cung cấp sản phẩm cho đô thị, công nghiệp và xuất khẩu, đồng thời thực hiện việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế ngay từ kinh tế hộ.

Sớm hoàn thành việc giao đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để ổn định lâu dài cho hộ nông dân; mở rộng việc cho nông dân vay vốn bằng nhiều hình thức phù hợp với từng loại cây trồng, vật nuôi nhằm hỗ trợ đúng lúc, đúng đối tượng thực sự có nhu cầu và khả năng sử dụng hiệu quả vốn vay, trước hết chú trọng đáp ứng nhu cầu giống, các vật tư thiết yếu, dịch vụ kỹ thuật; gắn việc hình thành vùng nguyên liệu với các cơ sở chế biến; có cơ chế và hình thức tổ chức thích hợp để tạo sự gắn bó về tổ chức và lợi ích giữa các cơ sở chế biến với đơn vị sản xuất nguyên liệu. Đẩy mạnh công tác khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư, hỗ trợ hộ nông dân vươn lên sản xuất hàng hóa với quy mô ngày càng lớn, gắn với công nghiệp và dịch vụ.

Ở nông thôn hiện nay đang phát triển mô hình trang trại nông nghiệp, phổ biến là các trang trại gia đình, thực chất là kinh tế hộ sản xuất hàng hóa với quy mô lớn hơn, sử dụng lao động, tiền vốn của gia đình là chủ yếu để sản xuất, kinh doanh có hiệu quả. Một bộ phận trang trại ngoài lao động của gia đình, có thuê thêm lao động để sản xuất, kinh doanh, quy mô diện tích đất canh tác xoay quanh mức hạn điền ở từng vùng theo quy định của pháp luật.

Nhà nước có chính sách khuyến khích phát triển hình thức trang trại gia đình như các loại hình sản xuất khác của kinh tế hộ gia đình. Đặc biệt khuyến khích các hộ nông dân, các trang trại gia đình và các thành phần kinh tế khác liên

kết với nhau, hình thành các tổ chức, các hình thức kinh tế hợp tác để mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh, thu hút và hỗ trợ các hộ gia đình còn khó khăn.

b) Phát triển kinh tế hợp tác và hợp tác xã

Kinh tế hộ phát triển theo hướng sản xuất hàng hóa là cơ sở để hình thành và phát triển kinh tế hợp tác liên kết với kinh tế hộ theo yêu cầu mới nhằm tạo ra năng suất, chất lượng cao hơn, đem lại lợi ích thiết thực cho nông dân và xã hội.

Hoạt động của các hợp tác xã gắn với kinh tế hộ vừa có tác dụng hỗ trợ, tạo điều kiện để kinh tế hộ phát triển, vừa góp phần phát huy hiệu quả đầu tư của Nhà nước trên từng địa bàn (nhất là về thủy lợi và khoa học kỹ thuật...). Khuyến khích các hợp tác xã, hộ gia đình, các thành phần kinh tế phát triển các hình thức liên kết, hợp tác trên cơ sở tự nguyện, theo quy định của pháp luật.

Tổng kết, đánh giá đầy đủ hơn tình hình phát triển kinh tế hợp tác và thực hiện *Luật hợp tác xã* để định hướng và thúc đẩy kinh tế hợp tác và hợp tác xã phát triển theo hướng đa dạng, trên cơ sở tự nguyện của nông dân và sự hỗ trợ của Nhà nước.

Tập trung chỉ đạo thực hiện, với bước đi vững chắc và phù hợp việc chuyển đổi các hợp tác xã nông nghiệp theo *Luật hợp tác xã*. Đối với các hợp tác xã khá và trung bình, tiếp tục hỗ trợ giải quyết các vướng mắc về tài sản, vốn quỹ, cho vay vốn, đào tạo cán bộ chuyên môn, quản lý... để chuyển đổi thành hợp tác xã mới. Đối với những hợp tác xã yếu kém, đã có nhiều biện pháp hỗ trợ vẫn không khắc phục được, xã viên có nguyện vọng thì xem xét từng trường hợp có thể

giải thể, hướng dẫn và giúp đỡ nông dân hình thành tổ chức kinh tế hợp tác phù hợp. Xem xét giải quyết dứt điểm công nợ tồn đọng để tạo điều kiện tổ chức lại các hợp tác xã.

Khuyến khích các hợp tác xã nông nghiệp chuyển dịch cơ cấu ngành nghề, phát triển thành các hợp tác xã nông nghiệp sản xuất, kinh doanh dịch vụ tổng hợp.

Ở những nơi chưa có hợp tác xã nông nghiệp, cần làm tốt công tác tuyên truyền, hỗ trợ, khuyến khích hình thành các loại hình hợp tác hướng vào dịch vụ sản xuất và đời sống theo nhu cầu nông dân.

Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cho kinh tế hợp tác và hợp tác xã. Có cơ chế để nhân dân lựa chọn bầu những người có năng lực, kinh nghiệm, phẩm chất tốt tham gia quản lý các tổ chức kinh tế hợp tác.

c) Tăng cường vai trò của kinh tế nhà nước trong nông nghiệp, nông thôn

Hoạt động của kinh tế nhà nước trong nông nghiệp hướng vào việc làm dịch vụ đầu vào, đầu ra; đầu tư vào các lĩnh vực, các địa bàn mà các thành phần khác không đủ sức hoặc không muốn đầu tư; hoặc để hỗ trợ cho các thành phần kinh tế khác cùng phát triển, trước hết là các lĩnh vực: thủy lợi, cơ khí, điện, xây dựng cơ sở hạ tầng; khoa học công nghệ; công nghiệp chế biến và kinh doanh xuất nhập khẩu các mặt hàng nông, lâm, hải sản có ý nghĩa lớn về kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh quốc phòng.

Củng cố, nâng cao hiệu quả hoạt động của các nông, lâm trường và quốc doanh đánh cá để làm tốt vai trò là trung tâm sản xuất, dịch vụ khoa học, kỹ thuật trong từng khu vực. Tăng tiềm lực các doanh nghiệp quốc doanh có vị trí quan

trọng, sản xuất, kinh doanh có hiệu quả; sắp xếp lại những doanh nghiệp yếu kém và chọn lọc tổ chức thêm một số doanh nghiệp quốc doanh mới đủ mạnh để bảo đảm vai trò chủ đạo trong các khâu cung cấp giống, vật tư, hướng dẫn kỹ thuật, chế biến và tiêu thụ nông sản. Khuyến khích các doanh nghiệp nhà nước hợp đồng dài hạn với hộ nông dân, với các hợp tác xã để cung ứng vật tư, nguyên liệu và tiêu thụ sản phẩm, tạo mối liên kết ổn định, lâu dài với nông dân.

Đổi mới cơ chế quản lý đất đai và lao động của các nông, lâm trường bằng rà soát, tổ chức lại các nông, lâm trường quốc doanh. Nông, lâm trường chỉ được giữ lại diện tích đất đã được đầu tư và có kế hoạch đầu tư theo dự án khả thi. Diện tích đất chưa và không sử dụng phải giao lại cho chính quyền địa phương để giao cho các hộ nông dân theo pháp luật. Những nông, lâm trường sử dụng đất có hiệu quả so với hộ nông dân thì được tiếp tục sử dụng, nhưng hằng năm Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố phải đánh giá lại hiệu quả sử dụng đất của nông, lâm trường để có sự điều chỉnh thích hợp. Giao khoán đất, vườn cây ổn định lâu dài cho các hộ gia đình nông, lâm trường viên và hộ dân địa phương tại chỗ gắn với sản phẩm cuối cùng, theo sự hướng dẫn, kiểm tra của ngành và của nông, lâm trường về kỹ thuật và công nghệ. Có thể giao một phần đất sản xuất cho các hộ gia đình nông, lâm trường viên để phát triển kinh tế gia đình, không để có sự bất bình đẳng giữa hộ gia đình nông, lâm trường viên và hộ dân địa phương sở tại. Đối với nông trường cao su, phải duy trì và phát triển theo quy hoạch từng vùng; nâng cao năng lực và chất lượng công nghiệp chế biến, bảo đảm tiêu thụ hết sản lượng mủ cao su của các nông trường và của các hộ trồng cao su.

Củng cố và nâng cao hiệu quả hoạt động của các đơn vị kinh tế nhà nước, các đơn vị quân đội làm kinh tế ở vùng sâu, vùng xa, các địa bàn xung yếu, vừa sản xuất, kinh doanh, vừa hỗ trợ đồng bào dân tộc định canh, định cư, ổn định sản xuất, đời sống, xoá đói, giảm nghèo, góp phần phát triển kinh tế, giữ vững an ninh quốc phòng vùng biên giới và địa bàn chiến lược.

Củng cố các tổ chức thương nghiệp nhà nước kinh doanh các mặt hàng quan trọng và thiết yếu trên địa bàn nông thôn. Đa dạng hóa các hình thức liên kết giữa thương nghiệp nhà nước với hợp tác xã và các thành phần kinh tế khác; bám sát thị trường, giải quyết tốt đầu ra, có lực lượng dự trữ đủ sức can thiệp thị trường khi cần thiết bằng các biện pháp kinh tế nhằm hạn chế cao nhất sự đột biến giá cả. Chống đầu cơ, không để nông dân bị ép cấp, ép giá khi mua vật tư và bán sản phẩm.

d) Về các thành phần kinh tế khác trong nông nghiệp

- Khuyến khích mọi người có vốn, có kinh nghiệm quản lý kinh doanh tự đầu tư hoặc liên kết, liên doanh dưới mọi hình thức để phát triển ngành nghề, dịch vụ, công nghiệp, đặc biệt là công nghiệp chế biến và công nghiệp sử dụng nhiều lao động, xây dựng một số cơ sở hạ tầng, phát triển kinh tế trang trại, kinh doanh với quy mô lớn hoặc liên kết với các thành phần kinh tế khác đầu tư theo từng dự án cụ thể để khai thác, sử dụng có hiệu quả các loại đất trống, đồi núi trọc, đất hoang hóa ở trung du, miền núi, ven biển... Nhà nước hoan nghênh, khuyến khích các chủ trang trại giao khoán một phần đất khai hoang, vườn cây hoặc gia súc cho người lao động (hộ nông dân), hỗ trợ giống, vốn, vật tư đầu vào (trừ

dẫn vào tiền công), bao tiêu sản phẩm để hộ nông dân từng bước vươn lên thành hộ có liên kết với chủ trang trại lớn và hướng dẫn chủ trang trại ký kết hợp đồng lao động với người lao động theo pháp luật trên cơ sở hai bên cùng có lợi. Riêng đối với các trang trại ở đồng bằng cần hướng đầu tư kinh doanh vào việc phát triển công nghiệp chế biến, chăn nuôi quy mô lớn, không phải sử dụng nhiều đất canh tác.

- Kinh tế tư bản tư nhân và kinh tế tư bản nhà nước là những thành phần kinh tế trong nền kinh tế nhiều thành phần được phát triển lâu dài theo định hướng xã hội chủ nghĩa như Nghị quyết Đại hội VIII của Đảng đã xác định. Nhà nước khuyến khích tư nhân trong nước và các nhà đầu tư nước ngoài đầu tư kinh doanh trong nông nghiệp, nhất là đầu tư vào công nghiệp phục vụ nông nghiệp và xây dựng cơ sở hạ tầng.

Bộ Chính trị giao Ban Cán sự Đảng Chính phủ cùng với Ban Tổ chức Trung ương, Ban Kinh tế Trung ương nắm lại tình hình cán bộ, công chức, đảng viên làm kinh tế trang trại vượt hạn điền với quy mô lớn, nghiên cứu, đề xuất chủ trương, chính sách trình Bộ Chính trị quyết định phương án giải quyết phù hợp.

Nghiêm cấm việc lợi dụng chức quyền để lấn chiếm, ép mua, ép bán đất đai kiếm lợi bất chính, làm cho nhân dân bất bình.

- Thí điểm hình thức liên doanh giữa nhà nước với tư bản tư nhân trong lĩnh vực nông nghiệp ở một số địa bàn. Khuyến khích các hộ gia đình, chủ trang trại liên kết với doanh nghiệp nhà nước xây dựng các cơ sở chế biến, tìm thị trường tiêu thụ nông sản.

3. Chính sách đất đai

Hiến pháp, *Luật đất đai* năm 1993 và các nghị quyết của Đảng đã khẳng định đất đai thuộc sở hữu toàn dân. Nhà nước thống nhất quản lý toàn bộ đất đai theo quy hoạch, kế hoạch và pháp luật, bảo đảm sử dụng đúng mục đích, có hiệu quả. Nhà nước giao đất, cho thuê đất để các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định lâu dài. Nhà nước định giá đất một cách công khai, căn cứ vào từng loại đất, từng vùng và mức đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng... làm cơ sở để xây dựng chính sách chuyển nhượng quyền sử dụng đất, mức đền bù khi thu hồi đất, thế chấp khi vay vốn, v.v..

Về tích tụ ruộng đất: Việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất, tích tụ và tập trung ruộng đất là hiện tượng sẽ diễn ra trong quá trình phát triển nông nghiệp lên sản xuất hàng hóa lớn, thực hiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế và phân công lại lao động xã hội trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Việc tích tụ và tập trung ruộng đất phải được kiểm soát, quản lý chặt chẽ của Nhà nước, phù hợp với quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế và trình độ phát triển của công nghiệp, dịch vụ, từng bước chuyển dần lao động từ nông nghiệp sang công nghiệp, ngành nghề, dịch vụ và xu hướng phát triển các hình thức kinh tế hợp tác trong nông nghiệp, không để quá trình này diễn ra tự phát làm cho người nông dân mất ruộng mà không tìm được việc làm, trở thành bần cùng hóa. Bằng nhiều biện pháp thiết thực tạo điều kiện để mọi người nông dân chủ yếu sống bằng nghề nông, có đất để sản xuất.

Đối với nông dân không có đất sản xuất, nhất là ở đồng bằng sông Cửu Long hiện nay cần được phân loại cụ thể và giải quyết sát hợp với từng địa phương theo Chỉ thị 23-CT/TW, ngày 29-11-1997 của Bộ Chính trị về lãnh đạo thực hiện công tác xóa đói, giảm nghèo.

Về giao đất, hạn điền, cho thuê đất và thời hạn giao đất: Đẩy mạnh việc giao đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ổn định lâu dài cho nông dân, giải quyết những tranh chấp và khiếu kiện về đất đai; đảm bảo mỗi khoảnh đất, khoảnh rừng đều có chủ quản lý hợp pháp, cụ thể.

Giữ nguyên mức hạn điền (theo vùng) như đã quy định trong *Luật đất đai* năm 1993, nhưng cần nghiên cứu có quy định cụ thể hơn theo phân vùng và theo loại đất, chú trọng các vùng Tây Nguyên, miền Đông Nam Bộ.

Nông dân được Nhà nước giao đất để sản xuất (không phải trả tiền) trong phạm vi hạn điền và được Nhà nước cho thuê phần đất vượt hạn điền ở những vùng có điều kiện. Những người không phải là nông dân được Nhà nước cho thuê quyền sử dụng đất trống, đồi núi trọc, đất bồi ven biển, đất hoang hóa để đầu tư, phát triển nông, lâm, ngư nghiệp với diện tích phù hợp với từng vùng theo quy định của pháp luật. Căn cứ vào tình hình thực tế hiện nay, cần tăng thời hạn giao đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân để nông dân yên tâm đầu tư phát triển sản xuất.

Bảo vệ diện tích đất canh tác lúa nước trên cơ sở kết hợp các biện pháp kinh tế và hành chính. Việc trồng cây lâu năm trên đất trồng lúa hoặc lấy đất trồng lúa để sử dụng cho mục đích khác phải theo quy hoạch và phải được cấp có thẩm

quyền quyết định theo quy định của pháp luật. Tiếp tục khai hoang mở rộng diện tích đất trồng lúa ở những nơi có điều kiện để bù đắp phần diện tích phải lấy để làm việc khác.

Về sử dụng đất trống, đồi núi trọc và đất rừng: Nhà nước cần nhanh chóng quy hoạch sản xuất, xây dựng cơ sở hạ tầng để khuyến khích mọi cá nhân, tổ chức trong nước và ngoài nước đầu tư khai thác sử dụng đất trống, đồi núi trọc. Trước hết cần ưu tiên giao đất, giao rừng cho cư dân tại chỗ và số dân điều chỉnh ở đồng bằng sông Hồng, sông Cửu Long lên Tây Nguyên, Đông Nam Bộ. Nhà nước hỗ trợ và giao đất để đồng bào định canh định cư có thể sinh sống bằng nghề nông, nghề rừng và cho các nhà đầu tư thuê để kinh doanh theo quy định của pháp luật, trong đó có hình thức trang trại lớn. Khuyến khích mọi thành phần kinh tế bỏ vốn đầu tư thuê đất theo dự án sản xuất, kinh doanh để khai thác sử dụng đất vào mục đích phát triển sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp với nhiều hình thức (vườn đồi, vườn rừng, VAC, hùn vốn phát triển công nghiệp chế biến...).

Rà soát lại quy hoạch, xác định chính xác diện tích rừng đặc dụng, rừng phòng hộ phải bảo vệ, khoanh nuôi, tái sinh và trồng mới với giống cây trồng phù hợp để giữ gìn môi trường sinh thái; ngăn chặn tình trạng phá rừng đã quy hoạch để lấy đất trồng các loại cây khác.

Căn cứ các nội dung và tư tưởng chỉ đạo trên đây, trước mắt Chính phủ trình Quốc hội thông qua việc sửa đổi và bổ sung một số điều trong *Luật đất đai* năm 1993 trong kỳ họp cuối năm 1998. Đồng thời tổng kết việc thực hiện *Luật đất đai* năm 1993, trên cơ sở đó, chuẩn bị xây dựng *Luật đất đai* sửa đổi có tính toàn diện sau này.

4. Chính sách về khoa học và công nghệ

Trong những năm tới, dành ưu tiên đầu tư vào các lĩnh vực sau đây:

Phát triển thủy lợi là biện pháp hàng đầu để thâm canh, tăng vụ và khai thác các vùng đất mới. Trước hết, ưu tiên đầu tư nâng cấp và tăng cường công tác quản lý để nâng cao hiệu quả khai thác các công trình đã có; tập trung vốn hoàn thành các công trình xây dựng dở dang để sớm đưa vào sử dụng; đầu tư mới đối với những công trình thật sự cấp bách và có hiệu quả cao. Chú trọng đầu tư phát triển các công trình thủy lợi nhỏ gắn với thủy điện ở miền núi, củng cố và phát triển hệ thống đê sông, đê biển và các công trình phòng chống lụt, bão, để giảm nhẹ thiệt hại. Có chính sách khuyến khích nhân dân tham gia đầu tư và quản lý, khai thác các công trình thủy lợi.

Đầu tư đúng mức cho việc phát triển khoa học, công nghệ trong lĩnh vực nông nghiệp và nông thôn, nhất là áp dụng các thành tựu của sinh học hiện đại. Ưu tiên đầu tư cho nghiên cứu và áp dụng giống mới, nhất là các giống lúa chất lượng cao phục vụ xuất khẩu, lúa cạn, các loại rau quả, cây nguyên liệu, vật nuôi, tạo ra khâu đột phá về năng suất, chất lượng và khả năng cạnh tranh của sản phẩm nông nghiệp trên thị trường khu vực và thế giới.

Chú trọng việc chấn chỉnh tổ chức và nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống các viện nghiên cứu, các trung tâm, tổ chức sự nghiệp khoa học trong nông, lâm, ngư nghiệp.

Nhà nước tạo điều kiện và khuyến khích phát triển công nghệ chế biến, bảo quản để giảm tổn thất sau thu hoạch,

nâng cao chất lượng sản phẩm; hỗ trợ và tạo điều kiện để đẩy mạnh việc nghiên cứu, sản xuất các loại máy móc, thiết bị, công cụ phục vụ sản xuất chế biến nông, lâm, thủy hải sản.

5. Các chính sách đầu tư, tín dụng và thị trường

Từng bước tăng đầu tư cho nông nghiệp và nông thôn. Trước hết tập trung đầu tư xây dựng và phát triển cơ sở hạ tầng (đường, thủy lợi, điện, trường học, trạm xá...) ở nông thôn, chú ý các vùng cao, vùng sâu, vùng xa. Khuyến khích nhân dân, các nhà đầu tư trong và ngoài nước tham gia đầu tư vào các lĩnh vực trực tiếp phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn. Nghiên cứu phương án để lại tỷ lệ thỏa đáng các nguồn thu từ thuế sử dụng đất nông nghiệp cho ngân sách xã và huyện (nhất là xã) để đầu tư lại cho nông nghiệp, nông thôn. Có chính sách và quy định cụ thể để huy động hợp lý sự đóng góp của nhân dân vào việc xây dựng nông thôn. Rà soát, xóa bỏ các loại phí, các khoản đóng góp đặt ra tùy tiện, trái pháp luật.

Mở rộng tín dụng, tăng dần vốn vay trung và dài hạn, đáp ứng yêu cầu vốn cho công nghiệp hóa nông nghiệp, nông thôn; thực hiện chính sách ưu đãi về lãi suất và có thời hạn trả nợ riêng đối với tín dụng cho các chương trình ưu tiên về phát triển nông nghiệp, nông thôn. Thời hạn cho vay vốn phải phù hợp với chu kỳ sinh trưởng của vật nuôi, cây trồng và thời gian khấu hao máy móc nông nghiệp.

Phát triển thị trường tiêu thụ nông, lâm, thủy sản trong nước trên cơ sở tạo điều kiện tăng thu nhập của nhân dân và thực hiện cơ chế lưu thông hàng hóa thông thoáng. Thực hiện các biện pháp mở rộng thị trường xuất khẩu; có chính sách

khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi để các đơn vị sản xuất thuộc các thành phần kinh tế đẩy mạnh xuất khẩu nông sản.

6. Một số chính sách xã hội

Thực hiện chính sách chuyển dịch cơ cấu sản xuất nông nghiệp, phát triển công nghiệp chế biến và dịch vụ thuộc mọi thành phần kinh tế để thu hút nhiều lao động, giải quyết việc làm cho lao động nông thôn. Đồng thời có quy hoạch phân bố lại lao động, dân cư trong từng địa phương và trên phạm vi cả nước.

Thực hiện tốt các chính sách, chương trình quốc gia về xóa đói, giảm nghèo ở nông thôn. Tổng kết, có biện pháp cụ thể để hạn chế mức chênh lệch về thu nhập và đời sống giữa thành thị và nông thôn, giữa các tầng lớp dân cư, giữa các vùng trong phạm vi cả nước, trước hết cần tập trung xóa đói, giảm nghèo cho trên 1.700 xã đặc biệt khó khăn.

Thực hiện tốt các chủ trương, chính sách về phát triển giáo dục đào tạo, y tế, văn hóa và sinh đẻ có kế hoạch trên địa bàn nông thôn, nâng cao dân trí, nâng cao trình độ khoa học kỹ thuật, tư tưởng, đạo đức, văn hóa, lối sống, sức khỏe của dân cư, phát triển nguồn nhân lực được đào tạo để đẩy mạnh công cuộc đổi mới và phát triển kinh tế - xã hội ở nông thôn.

IV- TỔ CHỨC CHỈ ĐẠO THỰC HIỆN

Các ngành và cơ quan chức năng nghiên cứu toàn diện các vấn đề nông nghiệp, nông dân và nông thôn làm cơ sở xây

dựng các chủ trương, chính sách phù hợp với thực tiễn, hợp lòng dân, nhằm thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn. Chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên ở nông thôn thông qua việc quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, tuyển chọn cán bộ. Có chính sách đúng đắn đối với việc đào tạo cán bộ cơ sở, thu hút cán bộ và trí thức về công tác lâu dài ở nông thôn.

Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, đặc biệt quan tâm củng cố các tổ chức đảng cơ sở vững mạnh và trong sạch, coi đây là nhân tố quan trọng đảm bảo sự thành công của sự nghiệp phát triển nông nghiệp và nông thôn.

Nhà nước tăng cường chỉ đạo công tác quy hoạch, phân bổ lực lượng sản xuất, xây dựng chính sách, quản lý các chương trình quốc gia trong nông nghiệp và nông thôn, triển khai một số chương trình trọng điểm phù hợp với yêu cầu mới, thực hiện đầy đủ chức năng quản lý toàn diện về nông nghiệp, về tài nguyên đất, nước, rừng và xây dựng nông thôn mới. Đẩy mạnh phân cấp ngân sách, đầu tư, quản lý các cơ sở công nghiệp chế biến, các hệ thống thủy lợi, các nông, lâm trường, các dịch vụ gắn với địa bàn sản xuất cho cấp tỉnh, thành phố; mở rộng quyền hạn của các tỉnh, thành phố trong việc tiếp cận thị trường và tổ chức công tác xuất nhập khẩu để có sự chỉ đạo sát sao, chủ động và kịp thời.

Củng cố chính quyền cơ sở và thực hiện quy chế dân chủ ở nông thôn. Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, của Hội Nông dân Việt Nam và các đoàn thể khác để góp phần động viên sức mạnh toàn dân từng bước xây dựng nông thôn Việt Nam xã hội chủ nghĩa giàu đẹp, đậm đà bản sắc dân tộc, văn minh và hiện đại.

Thực hiện nghị quyết của Bộ Chính trị về một số vấn đề phát triển nông nghiệp, nông thôn là nhiệm vụ của toàn Đảng. Các cấp ủy đảng, đảng đoàn, ban cán sự đảng có trách nhiệm phổ biến, quán triệt nghị quyết; xây dựng và tổ chức thực hiện các kế hoạch và chương trình trong địa phương và ngành, đơn vị mình. Đặc biệt các tỉnh, thành ủy căn cứ vào tình hình đặc điểm của địa phương để trực tiếp triển khai và tổ chức chỉ đạo thực hiện nghị quyết cho sát hợp và đạt hiệu quả cao.

Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương và ban tuyên giáo các cấp biên soạn tài liệu phổ biến đến cơ sở, chỉ đạo các cơ quan thông tin đại chúng tuyên truyền phổ biến nghị quyết bằng nhiều hình thức phù hợp với đông đảo quần chúng hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp và nông thôn.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

TỔNG BÍ THƯ

LÊ KHẢ PHIÊU

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**CHỈ THỊ
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ**

Số 45-CT/TW, ngày 11 tháng 11 năm 1998

**Về đẩy mạnh hoạt động của Liên hiệp
các Hội Khoa học và kỹ thuật Việt Nam**

Thực hiện Chỉ thị số 35-CT/TW (1988) của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa VI), Liên hiệp các Hội Khoa học và kỹ thuật Việt Nam (gọi tắt là Liên hiệp Hội) đã tập hợp, đoàn kết đội ngũ trí thức khoa học và kỹ thuật trong cả nước, thực hiện tốt chức năng và nhiệm vụ của mình, góp phần vào thắng lợi to lớn của đất nước trong những năm qua.

Liên hiệp Hội đã phát triển nhanh về tổ chức, bao gồm 40 hội ngành trung ương và 22 Liên hiệp hội địa phương. Liên hiệp Hội đã có những đóng góp tích cực vào đời sống chính trị, xã hội của đất nước: phát huy trí tuệ của đội ngũ trí thức trong việc tham gia chuẩn bị các văn kiện, Nghị quyết của Đảng và Nhà nước; trong việc khuyến khích đưa nhanh các tiến bộ khoa học - công nghệ vào sản xuất, phổ biến kiến thức khoa học kỹ thuật, đặc biệt là trong việc tư vấn, phản biện, giám định xã hội về khoa học công nghệ và

kinh tế - xã hội. Uy tín của Liên hiệp Hội và các hội thành viên ngày một tăng.

Tuy nhiên, trong quá trình phát triển và hoạt động, Liên hiệp Hội và các hội thành viên cũng còn một số thiếu sót cần được khắc phục. Liên hiệp Hội và các hội thành viên còn chưa huy động được sức mạnh trí tuệ của đông đảo trí thức trong nước và trí thức người Việt ở nước ngoài vào công cuộc xây dựng đất nước. Một số hội thành viên còn lúng túng về nội dung, về phương thức hoạt động. Hệ thống tổ chức của Liên hiệp Hội còn có điểm bất hợp lý; điều lệ của một số đơn vị cấp dưới hội còn thiếu chặt chẽ. Nhà nước còn thiếu cơ chế, chính sách hỗ trợ tích cực cho hoạt động của Liên hiệp Hội và các hội thành viên.

Bước sang thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, vị trí và vai trò của Liên hiệp Hội càng quan trọng. Liên hiệp Hội và các hội thành viên cần chú ý một số vấn đề sau đây:

1. Liên hiệp Hội là một tổ chức chính trị - xã hội của trí thức khoa học và công nghệ Việt Nam, cùng với các đoàn thể chính trị - xã hội khác tạo thành lực lượng nòng cốt trong công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Liên hiệp Hội gồm các hội khoa học và kỹ thuật ngành và các liên hiệp hội khoa học và kỹ thuật địa phương tự nguyện gia nhập Liên hiệp Hội.

Liên hiệp Hội hoạt động theo nguyên tắc dân chủ, quyết định theo đa số. Hội đồng Trung ương và đoàn chủ tịch hoạt động trên cơ sở lãnh đạo tập thể, thiểu số phục tùng đa số. Các hội thành viên hoạt động theo Điều lệ của

mình, tuân thủ Điều lệ của Liên hiệp Hội, chịu sự chỉ đạo và kiểm tra của Hội đồng Trung ương Liên hiệp Hội.

2. Đại hội lần thứ IV của Liên hiệp các Hội Khoa học và kỹ thuật Việt Nam sắp tới cần đánh giá đúng, sâu sắc những ưu điểm, nhược điểm, những thành công và chưa thành công trong công tác tổ chức và hoạt động của Liên hiệp các Hội Khoa học và kỹ thuật Việt Nam và các hội thành viên, tìm ra nguyên nhân và những bài học kinh nghiệm, trên cơ sở đó xác định đúng phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm và cụ thể của Liên hiệp Hội trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Đặc biệt Liên hiệp các Hội Khoa học và kỹ thuật Việt Nam cần làm tốt chức năng tập hợp, đoàn kết đội ngũ trí thức khoa học và công nghệ trong nước và trí thức người Việt ở nước ngoài; đẩy mạnh các hoạt động phổ biến kiến thức khoa học, công nghệ, thực hiện Nghị quyết Trung ương 2 về giáo dục, đào tạo và khoa học, công nghệ; tư vấn, phản biện và giám định xã hội trong hoạt động khoa học, công nghệ nhằm góp phần thiết thực của Liên hiệp các Hội Khoa học và kỹ thuật vào công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Cần tăng cường công tác chính trị tư tưởng, nâng cao lòng yêu nước, lòng tự hào dân tộc, tinh thần cộng đồng, tính trung thực trong khoa học và đạo đức nghề nghiệp trong giới trí thức.

3. Đảng đoàn Liên hiệp Hội chịu sự lãnh đạo trực tiếp của Bộ Chính trị. Ban Khoa giáo Trung ương giúp Bộ Chính trị theo dõi và chỉ đạo hoạt động của Liên hiệp Hội. Ban Dân vận Trung ương và các ban khác của Đảng có trách nhiệm giúp đỡ hoạt động của Liên hiệp Hội.

Đảng đoàn Liên hiệp Hội chịu trách nhiệm lãnh đạo việc thực hiện các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng trong phạm vi các hội khoa học và kỹ thuật.

Ở địa phương, Đảng đoàn liên hiệp hội trực thuộc tỉnh, thành ủy. Thường vụ tỉnh, thành ủy có trách nhiệm lãnh đạo hoạt động của liên hiệp hội địa phương.

4. Liên hiệp Hội ở trung ương và địa phương được Nhà nước hỗ trợ kinh phí và tạo điều kiện thuận lợi về cơ chế, chính sách để có thể đóng góp thiết thực vào việc đào tạo, nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh, tư vấn, phổ biến kiến thức khoa học kỹ thuật, dịch vụ khoa học - công nghệ, nhằm phục vụ cho công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và tạo thêm nguồn kinh phí cho hoạt động của Liên hiệp Hội và các hội thành viên.

5. Ban Cán sự Đảng Chính phủ chỉ đạo việc thể chế hóa Chỉ thị về mặt nhà nước, tạo điều kiện thuận lợi cho sự hoạt động và phát triển của Liên hiệp Hội và các hội thành viên.

Đảng đoàn Liên hiệp Hội cần lãnh đạo thực hiện tốt Chỉ thị này trong hệ thống các hội khoa học và kỹ thuật.

Ban Khoa giáo Trung ương giúp Bộ Chính trị hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện Chỉ thị này.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

PHẠM THẾ DUYỆT

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
KẾT LUẬN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ
Số 179-TB/TW, ngày 11 tháng 11 năm 1998
Về phát triển du lịch trong tình hình mới

Trong phiên họp ngày 31-10-1998, sau khi nghe Ban Cán sự Đảng Tổng cục Du lịch báo cáo đề án "phát triển du lịch trong tình hình mới", Bộ Chính trị đã thảo luận và kết luận:

1. Du lịch là một ngành kinh tế tổng hợp quan trọng. Trong các năm qua, ngành du lịch đã có bước phát triển nhanh chóng, góp phần tích cực vào quá trình đổi mới kinh tế. Để tiếp tục thực hiện tốt các chức năng hoạt động du lịch trong thời gian tới, cần khai thác tốt hơn các tiềm năng, thế mạnh về du lịch của đất nước, nâng cao ý thức phát triển du lịch phù hợp với truyền thống văn hóa của dân tộc và văn minh quốc tế. Phải nhận thức rõ những hạn chế về mặt chủ quan để vượt qua các thách thức đang đặt ra trong giai đoạn phát triển mới của ngành du lịch, góp phần tích cực vào công cuộc đổi mới.

2. Các tỉnh ủy, thành ủy, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Trung ương cần khẩn trương chỉ đạo tổ chức tổng kết, đánh giá việc thực hiện Chỉ thị số 46-CT/TW,

ngày 14-10-1994 của Ban Bí thư Trung ương (khóa VII) về "lãnh đạo đổi mới và phát triển du lịch trong tình hình mới". Đánh giá phải dựa trên những quan điểm của Đảng, khách quan, nhìn thẳng vào sự thật. Cần tập trung đánh giá về nhận thức và mối quan hệ phối hợp giữa các ngành, các cấp trong sự nghiệp phát triển du lịch trong thời gian vừa qua và đề ra các giải pháp tiếp tục thực hiện tốt hơn các nội dung của Chỉ thị này phù hợp với điều kiện thực tế hiện nay.

3. Để tăng cường hiệu lực quản lý của Nhà nước, Đảng đoàn Quốc hội chỉ đạo, xem xét và sớm ban hành pháp lệnh du lịch.

4. Ban Cán sự Đảng Chính phủ chỉ đạo chuẩn bị chiến lược phát triển du lịch trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của cả nước trong giai đoạn 2001 - 2010; xúc tiến thông qua chương trình hành động quốc gia về du lịch đến năm 2000 và các sự kiện du lịch năm 2000 và chỉ đạo giải quyết những đề nghị của Tổng cục Du lịch nêu trong đề án thuộc phạm vi và quyền hạn của Chính phủ.

5. Thành lập Ban Chỉ đạo nhà nước về du lịch để giúp Chính phủ tổ chức phối hợp các hoạt động liên quan tới phát triển du lịch. Ban do một đồng chí Phó Thủ tướng trực tiếp chỉ đạo.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

PHẠM THẾ DUYỆT

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
Ý KIẾN CỦA THƯỜNG VỤ BỘ CHÍNH TRỊ
Số 181-TB/TW, ngày 23 tháng 11 năm 1998
Về việc chuẩn bị Đại hội Hội Luật gia Việt Nam
lần thứ IX

Tại phiên họp ngày 20-11-1998, sau khi nghe Đảng đoàn Hội Luật gia báo cáo và ý kiến của các ban, ngành có liên quan về Đại hội Hội Luật gia Việt Nam lần thứ IX nhiệm kỳ 1998 - 2003, Thường vụ Bộ Chính trị đã có ý kiến chỉ đạo như sau:

- Tổ chức Đại hội Hội Luật gia Việt Nam lần thứ IX vào đầu tháng 12-1998; chưa nên đặt vấn đề sửa đổi Điều lệ đã được Đại hội lần thứ VIII thông qua; Hội Luật gia Việt Nam là một tổ chức chính trị - xã hội.

- Về phương hướng hoạt động nhiệm kỳ IX, Hội cần tập trung vào việc tham gia xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân và vì dân, dưới sự lãnh đạo của Đảng, đặc biệt coi trọng nhiệm vụ tham gia xây dựng pháp luật; tổ chức tuyên truyền, phổ biến đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước cho mọi tầng lớp nhân dân; tăng cường hoạt động tư vấn.

Trong hoạt động, Hội cần phối hợp chặt chẽ với các cơ quan tư pháp, chú ý đến các vấn đề chính trị, nhấn mạnh lương tâm, trách nhiệm, đạo đức nghề nghiệp của hội viên.

Đại hội cần dành thời gian để đánh giá kỹ phẩm chất, năng lực và uy tín của luật gia hiện nay; từ đó, có phương hướng, biện pháp vận động, giáo dục hội viên nâng cao trình độ pháp luật (luật trong nước và luật quốc tế), tinh thần trách nhiệm bảo vệ công lý của cán bộ làm công tác bảo vệ pháp luật.

- Về tổ chức Hội, cần tăng cường chỉ đạo hoạt động của các tổ chức Hội ở các thành phố lớn và các địa bàn trọng điểm, từ đó rút kinh nghiệm để chỉ đạo việc phát triển tổ chức và hoạt động của Hội ở các địa phương trong cả nước.

- Về nhân sự, đồng ý với phương án đề nghị của Đảng đoàn Hội Luật gia Việt Nam; riêng chức danh Tổng thư ký, cần chủ động phương án chuẩn bị nguồn cán bộ trẻ có đủ phẩm chất và năng lực để thay thế cho giai đoạn tiếp theo.

T/M THƯỜNG VỤ BỘ CHÍNH TRỊ

PHẠM THẾ DUYỆT

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
CỦA THƯỜNG VỤ BỘ CHÍNH TRỊ
Số 183-TB/TW, ngày 23 tháng 11 năm 1998
Về tổng kết việc thực hiện chủ trương,
chính sách đại đoàn kết dân tộc

Nhằm tăng cường lãnh đạo Đại hội Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp, Bộ Chính trị đã có Chỉ thị số 40-CT/TW, ngày 24-8-1998, trong đó chỉ rõ Đảng đoàn Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các cấp ủy đảng tăng cường lãnh đạo việc tổng kết về tình hình thực hiện chủ trương, chính sách đại đoàn kết toàn dân, làm rõ nguyên nhân những mặt làm được và chưa được, trên cơ sở đó kiến nghị với Đảng, Nhà nước những vấn đề cấp thiết và lâu dài, nhằm củng cố khối đại đoàn kết toàn dân, tăng cường vị trí, vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Những năm qua, Đảng ta đã có nhiều nghị quyết quan trọng về tăng cường đại đoàn kết dân tộc, việc thực hiện những nghị quyết đó đã mang lại những thành tựu to lớn. Tuy vậy, trong thực tế việc thực hiện chủ trương này cũng đang bộc lộ một số vấn đề bức xúc cần được nghiên cứu giải quyết. Vì vậy, tổng kết tình hình khối đại đoàn kết toàn dân

là một công tác rất quan trọng, giúp Đảng và Nhà nước ta thấy rõ thực trạng khối đại đoàn kết toàn dân để đề ra chủ trương, chính sách và giải pháp nhằm tăng cường tập hợp mọi tầng lớp nhân dân, phát huy nội lực, thực hiện thắng lợi công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh.

Các cấp ủy đảng cần tăng cường lãnh đạo Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc tổng kết làm rõ những vấn đề sau đây:

1. Đánh giá đúng thực trạng về khối đại đoàn kết toàn dân, nêu rõ những mặt tích cực và những hạn chế, tồn tại. Trong đó đi sâu đánh giá thực trạng khối liên minh giữa giai cấp công nhân, nông dân và trí thức, nền tảng của khối đại đoàn kết dân tộc; nhận thức và thực hiện chủ trương lấy mục tiêu chung làm điểm tương đồng.

2. Phân tích những yếu tố tác động đến đại đoàn kết dân tộc và tăng cường Mặt trận dân tộc thống nhất trong điều kiện hiện nay.

3. Làm rõ vị trí, vai trò thực tế của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đối với việc thực hiện đại đoàn kết dân tộc, những chuyển biến tích cực và những mặt còn hạn chế.

4. Nêu lên nguyên nhân của những tồn tại (khách quan, chủ quan) của tình hình đại đoàn kết dân tộc, bài học kinh nghiệm.

5. Kiến nghị những chủ trương, chính sách và giải pháp nhằm tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân và tăng cường công tác Mặt trận trong thời kỳ mới.

Tổng kết việc thực hiện chủ trương tăng cường củng cố khối đại đoàn kết dân tộc là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị nước ta. Trước mắt, gắn cuộc tổng kết với việc tiến

hành đại hội Mặt trận Tổ quốc các cấp; việc tổng kết này do Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp chủ trì, có sự phối hợp với các ban, ngành, đoàn thể hữu quan. Nơi chưa tiến hành đại hội Mặt trận Tổ quốc cần tiến hành tổng kết để chuẩn bị tốt báo cáo chính trị của đại hội. Nơi đã đại hội vẫn cần tổng kết theo tinh thần văn bản này. Các cấp ủy đảng cần quan tâm chỉ đạo xây dựng nội dung, báo cáo và tạo mọi điều kiện cần thiết để việc tổng kết đạt kết quả tốt, bảo đảm thiết thực và tiết kiệm.

T/M THƯỜNG VỤ BỘ CHÍNH TRỊ

PHẠM THẾ DUYỆT

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
Ý KIẾN CỦA THƯỜNG VỤ BỘ CHÍNH TRỊ
Số 187-TB/TW, ngày 23 tháng 12 năm 1998
Về việc tổ chức Đại hội đại biểu toàn quốc
lần thứ II Liên minh các hợp tác xã Việt Nam

Tại phiên họp ngày 21-12-1998, sau khi nghe Đảng đoàn Liên minh các hợp tác xã Việt Nam báo cáo về việc tổ chức Đại hội đại biểu toàn quốc Liên minh các hợp tác xã Việt Nam lần thứ II, Thường vụ Bộ Chính trị có ý kiến chỉ đạo như sau:

1. Cần tổng kết sâu sắc hơn nữa tình hình kinh tế hợp tác và hợp tác xã qua 10 năm đổi mới, đặc biệt đánh giá cụ thể hơn những việc đã làm được, những khó khăn, vướng mắc trong 5 năm hoạt động của hệ thống Liên minh các hợp tác xã Việt Nam, chỉ rõ nguyên nhân, qua đó xác định rõ hơn chức năng, nhiệm vụ để có định hướng đổi mới hoạt động của Liên minh các hợp tác xã Việt Nam trong nhiệm kỳ tới.

2. Giao Chính phủ do đồng chí Nguyễn Công Tạn, Phó Thủ tướng chủ trì cùng các đồng chí Ngô Xuân Lộc, Phó Thủ tướng và đại diện lãnh đạo của Liên minh các hợp tác xã Việt Nam, Ban Tổ chức Trung ương, Ban Kinh tế Trung ương,

Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ và các bộ, ngành có liên quan, tiến hành:

- Tổng kết thực tiễn về tổ chức, quản lý và chính sách giúp đỡ đối với khu vực kinh tế hợp tác và hợp tác xã thời gian qua, để có kết luận rõ hơn về mô hình tổ chức và thực trạng công tác quản lý nhà nước đối với hợp tác xã hiện nay.

- Xây dựng đề án về tổ chức, quản lý và hỗ trợ kinh tế hợp tác xã, trong đó phân định rõ chức năng quản lý nhà nước của các bộ, các ngành; chức năng, nhiệm vụ cụ thể của tổ chức công đoàn, hội nông dân, Liên minh các hợp tác xã... đối với kinh tế hợp tác và hợp tác xã; tránh tình trạng chồng chéo hoặc buông lỏng nhiệm vụ, nhằm thực hiện tốt chủ trương xây dựng nền kinh tế nhiều thành phần, trong đó kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo, cùng với kinh tế hợp tác xã dần trở thành nền tảng của nền kinh tế quốc dân, tạo điều kiện và cơ sở pháp lý thuận lợi giúp hợp tác xã đổi mới phát triển phù hợp với nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

3. Sau khi đã làm rõ những vấn đề trên, Chính phủ báo cáo Thường vụ Bộ Chính trị xem xét, quyết định; trên cơ sở đó, Đảng đoàn Liên minh các hợp tác xã Việt Nam bổ sung, cụ thể hóa rõ hơn về chức năng, nhiệm vụ và phương án kiện toàn tổ chức, nhân sự để tiến hành tổ chức Đại hội nhiệm kỳ vào quý I hoặc quý II-1999.

T/M THƯỜNG VỤ BỘ CHÍNH TRỊ

PHẠM THẾ DUYỆT

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

KẾ HOẠCH CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 02-KH/TW, ngày 28 tháng 12 năm 1998

**Về tổ chức lấy ý kiến cán bộ cao cấp thôi giữ chức
vụ hoặc nghỉ hưu đóng góp vào dự thảo báo cáo
trình Hội nghị Trung ương 6 (lần 2)**

I- Diện cán bộ lấy ý kiến

- Các đồng chí nguyên là Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng.

- Các đồng chí Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Chủ tịch nước, Phó Thủ tướng, Phó Chủ tịch Quốc hội, trưởng ban đảng Trung ương, bộ trưởng và tương đương.

- Các đồng chí tham gia hoạt động cách mạng trước năm 1945 nguyên là phó trưởng ban đảng Trung ương, thứ trưởng và các chức danh tương đương trở lên.

- Các đồng chí trung tướng lực lượng vũ trang trở lên và một số đồng chí thiếu tướng hoạt động cách mạng trước năm 1945.

(Có danh sách kèm theo, tổng số 359 đồng chí¹).

1. Không có danh sách trong hồ sơ lưu trữ (B.T).

II- Nội dung lấy ý kiến

Các đồng chí chủ trì Hội nghị trình bày nội dung chủ yếu của dự thảo báo cáo, nêu những vấn đề cần tập trung thảo luận. Đồng chí nào cần phát biểu vấn đề thuộc cá nhân cán bộ lãnh đạo cấp cao thì cần phản ánh riêng. Trường hợp có đại biểu phát biểu về cá nhân cán bộ lãnh đạo cấp cao thì đồng chí chủ trì hội nghị trả lời theo các kết luận đã ghi ở văn bản. Nếu có vấn đề chưa được kết luận thì ghi nhận để xem xét.

III- Chủ trì lấy ý kiến

- Một số đồng chí Ủy viên Thường vụ Bộ Chính trị và Ủy viên Bộ Chính trị (nêu ở mục IV).
- Cùng tham dự lấy ý kiến: các đồng chí trong Tiểu ban Xây dựng đề án và Tổ Biên tập.
- Một số cán bộ của Văn phòng Trung ương, Ban Tổ chức Trung ương dự để ghi chép và phục vụ.

IV- Dự kiến phân tổ thảo luận và phân công các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị chủ trì thảo luận ở các tổ; địa điểm, thời gian thảo luận

A- Tại Hà Nội: gồm 252 đồng chí, chia thành 6 tổ thảo luận.

Tất cả các đồng chí đến dự họp chung khoảng 1 giờ, sau đó về các tổ thảo luận.

Nơi thảo luận: tại Trụ sở Trung ương Đảng, số 4 Nguyễn Cảnh Chân.

Tổ 1: các đồng chí nguyên Ủy viên Bộ Chính trị, Ban Bí thư Trung ương Đảng (18 đồng chí).

Đồng chí Lê Khả Phiêu và đồng chí Nguyễn Văn An chủ trì.

Tổ 2: khối các cơ quan Đảng (42 đồng chí).

Đồng chí Phan Diễn chủ trì.

Tổ 3: khối các cơ quan lập pháp, tư pháp, đoàn thể, nhân sĩ, trí thức, Hà Nội và một số tỉnh phía Bắc (48 đồng chí).

Đồng chí Nông Đức Mạnh chủ trì.

Tổ 4: khối các cơ quan hành pháp (Văn phòng Chủ tịch nước, Văn phòng Chính phủ, Ngoại giao, Kế hoạch, Tài chính, Ngân hàng, Thanh tra, Tư pháp, Lao động, Giáo dục, Văn hóa) (47 đồng chí).

Đồng chí Phạm Thanh Ngân chủ trì.

Tổ 5: khối các cơ quan hành pháp (trừ các bộ, ngành ở tổ 4) (48 đồng chí).

Đồng chí Nguyễn Đức Bình chủ trì.

Tổ 6: khối quốc phòng, công an (50 đồng chí).

Đồng chí Phạm Văn Trà chủ trì.

B- *Tại Đà Nẵng:* gồm 27 đồng chí.

Nơi thảo luận: Văn phòng Thành ủy.

Đồng chí Trần Đức Lương và đồng chí Nguyễn Phú Trọng chủ trì.

C- *Tại Thành phố Hồ Chí Minh:* 79 đồng chí, 2 tổ thảo luận.

Tất cả các đồng chí đến dự họp chung khoảng 1 giờ, sau đó về các tổ thảo luận.

Nơi thảo luận: tại T.78.

Đồng chí Phạm Thế Duyệt và các đồng chí Trương Tấn Sang, Nguyễn Minh Triết chủ trì.

Thời gian giới thiệu báo cáo và thảo luận: tất cả các tổ giới thiệu báo cáo và thảo luận trong 3 ngày.

- Các tổ ở Hà Nội và Đà Nẵng tiến hành từ 6 – 8-1-1999.
- Các tổ ở Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành từ 7 – 9-1-1999.

Văn phòng Trung ương chịu trách nhiệm ghi biên bản thảo luận tại các tổ và làm báo cáo tổng hợp.

Ban Tài chính - Quản trị Trung ương chịu trách nhiệm phục vụ các Hội nghị.

Thường trực Tiểu ban chuẩn bị đề án và Văn phòng Trung ương, Ban Tổ chức Trung ương, Ban Tài chính - Quản trị Trung ương phân công cán bộ dự và phục vụ các cuộc họp nói trên.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

PHẠM THẾ DUYỆT

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
Ý KIẾN CỦA THƯỜNG VỤ BỘ CHÍNH TRỊ
Số 188-TB/TW, ngày 29 tháng 12 năm 1998
Về công tác thông tin đối ngoại
trong tình hình mới

Sau khi nghe báo cáo kết quả tổng kết sáu năm thực hiện Chỉ thị 11-CT/TW, ngày 13-6-1992 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa VII) về "Đổi mới và tăng cường công tác thông tin đối ngoại", Thường vụ Bộ Chính trị có ý kiến như sau:

Công tác thông tin đối ngoại đã tiến hành có định hướng, tập trung được vào những nhiệm vụ trọng tâm. Chất lượng và số lượng sản phẩm thông tin đối ngoại ngày càng được tăng cường và đổi mới. Đã dành ngân sách thích đáng đầu tư vào các sản phẩm thông tin đối ngoại, đổi mới hệ thống thông tin viễn thông và kết nối internet, tạo điều kiện cập nhật thông tin về Việt Nam đến các vùng quan trọng trên thế giới.

Tuy nhiên, công tác này chưa đáp ứng được yêu cầu của sự nghiệp đổi mới. Chất lượng, hiệu quả, tính thuyết phục, sức hấp dẫn và tính chiến đấu chưa cao. Đội ngũ cán bộ trong lĩnh vực công tác này còn thiếu và chưa đồng đều cả về năng lực và trình độ, chưa nhận thức đầy đủ và sâu sắc tầm

quan trọng của thông tin đối ngoại trong toàn bộ công tác đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta. Việc xác định trách nhiệm của từng ngành, từng cấp trong chỉ đạo, tổ chức thực hiện công tác thông tin đối ngoại có nhiều mặt chưa rõ, cho nên quản lý và phối hợp các lực lượng trong nước cũng như triển khai ở ngoài nước còn lúng túng. Đầu tư phân tán, thiếu đồng bộ, kém hiệu quả.

Thường vụ Bộ Chính trị yêu cầu chỉ đạo *tiếp tục thực hiện tốt chỉ thị nói trên*, đồng thời cần chú trọng một số việc sau đây:

- *Ngoài việc tiếp tục quan hệ và chủ động xúc tiến công tác thông tin, tuyên truyền hướng vào các đối tượng và địa bàn đã được xác định tại Chỉ thị 11*, ưu tiên cung cấp thông tin đúng định hướng cho người nước ngoài đến Việt Nam sinh sống, làm việc, du lịch, học tập và các nhà Việt Nam học trên thế giới. Tranh thủ họ để qua đó đưa thông tin giới thiệu về Việt Nam ra thế giới.

- *Tiếp tục đầu tư và nâng cao chất lượng hệ thống thông tin báo chí, xuất bản quốc gia như Thông tấn xã Việt Nam, Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam, một số báo và nhà xuất bản lớn để làm nòng cốt cho công tác thông tin đối ngoại. Từng bước và tổ chức chặt chẽ việc đưa các bộ phận chính của hệ thống này chuyển ngữ lên mạng internet, nhằm cập nhật tin tức về Việt Nam trên thế giới. Khi cử các đoàn ra hoặc đón các đoàn nước ngoài vào Việt Nam (thăm hữu nghị, hội thảo, học tập, du lịch, sáng tác, làm kinh tế, biểu diễn nghệ thuật, thi đấu thể thao, phóng viên báo chí...), các ngành, các cấp phải có kế hoạch thông tin đối ngoại để tranh thủ giới thiệu về Việt Nam. Có chủ trương, chính sách*

và biện pháp thích hợp nhằm khuyến khích những người Việt Nam sinh sống ở nước ngoài tham gia làm thông tin đối ngoại về Việt Nam.

- *Kết hợp chặt chẽ việc tổ chức lực lượng* trong nước với việc triển khai thông tin ở nước ngoài, giữa thông tin đối nội với thông tin đối ngoại, giữa chính trị đối ngoại và kinh tế đối ngoại, văn hóa đối ngoại, giữa ngoại giao nhà nước, đối ngoại đảng và đối ngoại nhân dân, tạo và phát huy sức mạnh tổng hợp của các lực lượng làm công tác thông tin đối ngoại.

Các cơ quan ngoại giao và thường trực của ta ở nước ngoài cần tăng cường hoạt động thông tin đối ngoại.

Có chính sách khuyến khích các doanh nghiệp, các cơ sở văn hóa, khoa học, các địa phương tự giới thiệu, quảng cáo ra nước ngoài; chỉ đạo chặt chẽ và hỗ trợ các đơn vị xuất khẩu sách báo, phim ảnh, văn hóa phẩm, triển lãm sáng tạo, biểu diễn nghệ thuật của Việt Nam ra nước ngoài. Tăng cường hợp tác trao đổi và tranh thủ sự giúp đỡ của nước ngoài để nâng cao hiệu quả thông tin của ta.

Giao cho Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương chủ trì, phối hợp với Ban Đối ngoại Trung ương, Ban Cán sự Đảng Bộ Ngoại giao, Bộ Văn hóa - Thông tin và các cơ quan hữu quan để định hướng chỉ đạo về nội dung các hoạt động thông tin đối ngoại. Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương có trách nhiệm kiểm tra, tổng kết và định kỳ báo cáo kết quả việc thực hiện với Thường vụ Bộ Chính trị.

Bộ Văn hóa - Thông tin thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác thông tin đối ngoại, sớm thể chế hóa bằng văn bản pháp quy các vấn đề cần thống nhất điều hành quản lý. Bộ Ngoại giao có trách nhiệm chính trong việc nắm các

đối tượng nước ngoài và triển khai công tác thông tin đối ngoại trên địa bàn nước ngoài, phối hợp với Bộ Văn hóa - Thông tin và các cơ quan hữu quan để đề ra yêu cầu, mức độ, nâng cao hiệu quả của thông tin đối ngoại. Xây dựng tổ chức và thiết chế thông tin cho những địa bàn có đông bà con Việt kiều sinh sống. Các ngành, các cấp, các tổ chức... khi tiến hành công tác thông tin đối ngoại cần phối hợp chặt chẽ với Bộ Văn hóa - Thông tin, Bộ Ngoại giao theo quy định của Chính phủ.

Thông báo này phổ biến đến các cấp ủy và đơn vị làm công tác thông tin đối ngoại, đồng thời cần sớm thể chế hóa thành các văn bản pháp quy của Nhà nước để thực hiện.

T/M THƯỜNG VỤ BỘ CHÍNH TRỊ
PHẠM THẾ DUYỆT

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
KẾT LUẬN CỦA THƯỜNG VỤ BỘ CHÍNH TRỊ

Số 190-TB/TW, ngày 30 tháng 12 năm 1998

**Về kết quả kiểm tra các tổ chức đảng trong
lực lượng Công an nhân dân thực hiện Chỉ thị 15
và Nghị quyết 14 của Bộ Chính trị**

Sau khi nghe Ủy ban Kiểm tra Trung ương và Ban Nội chính Trung ương báo cáo kết quả kiểm tra các tổ chức đảng trong lực lượng Công an nhân dân thực hiện Chỉ thị 15 và Nghị quyết 14 của Bộ Chính trị về lãnh đạo đấu tranh chống tham nhũng, buôn lậu, Thường vụ Bộ Chính trị nhấn mạnh một số vấn đề sau đây:

1. Thời gian qua, lực lượng Công an nhân dân đã phát huy bản chất truyền thống cách mạng, tuyệt đối trung thành với Đảng, với Tổ quốc và nhân dân; có nhiều cố gắng trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ và phối hợp với các cơ quan bảo vệ pháp luật trong cuộc đấu tranh làm thất bại âm mưu hoạt động phá hoại của các thế lực thù địch, các loại tội phạm, chống tham nhũng, buôn lậu và tệ nạn xã hội, thực sự là lực lượng nòng cốt góp phần giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, tập thể và

nhân dân. Đội ngũ cán bộ, đảng viên của lực lượng Công an nhân dân có bước trưởng thành và tiến bộ về nhiều mặt, tuyệt đại bộ phận kiên định, vững vàng, có tinh thần trách nhiệm, nhiều tập thể và cá nhân chiến đấu dũng cảm, lập chiến công xuất sắc, được Đảng và Nhà nước tuyên dương, khen thưởng.

2. Tuy vậy, một số đơn vị và cá nhân trong lực lượng Công an nhân dân cũng còn nhiều khuyết điểm, yếu kém và vi phạm, như: việc phối hợp với các ngành liên quan phát hiện, điều tra các vụ tham nhũng, buôn lậu còn thấp so với thực trạng tình hình hiện nay; nhiều vụ việc chậm được phát hiện, nhất là ở các lĩnh vực, địa bàn trọng điểm; một số vụ khi đã phát hiện thì để kéo dài việc điều tra, kết luận và còn bỏ lọt tội phạm. Đáng chú ý hơn là đã có một số cán bộ, đảng viên, chiến sĩ (có cả cán bộ trung, cao cấp) thiếu rèn luyện, tu dưỡng, suy thoái về phẩm chất, đạo đức, vi phạm kỷ luật đảng, vi phạm chính sách, pháp luật Nhà nước và kỷ luật nghiệp vụ, lợi dụng chức trách nhiệm vụ, cương vị công tác để vụ lợi, sách nhiễu, gây phiền hà cho nhân dân; thông đồng, tiếp tay cho tội phạm và các hành vi tiêu cực, có nhiều trường hợp phạm tội phải truy cứu trách nhiệm hình sự. Một số nơi nội bộ còn có tình trạng nghi kỵ, thiếu tin, đối phó lẫn nhau, mất đoàn kết... Những khuyết điểm vi phạm và yếu kém trên đã làm giảm lòng tin của nhân dân và tổn hại đến danh dự, uy tín của lực lượng Công an nhân dân.

3. Nguyên nhân của yếu kém, vi phạm trên là do:

- Các cấp ủy và tổ chức đảng, nhất là những nơi yếu kém, sai phạm nói trên chưa phát huy vai trò lãnh đạo, còn thụ động, kém hiệu lực. Việc thực hiện nguyên tắc lãnh đạo tuyệt

đối, trực tiếp về mọi mặt, nguyên tắc tập trung dân chủ, tự phê bình và phê bình chưa tốt; chưa có quy chế về sự lãnh đạo của cấp ủy đảng đối với công tác nghiệp vụ để đảm bảo yêu cầu công tác xây dựng Đảng, xây dựng lực lượng Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại.

- Công tác giáo dục, quản lý, kiểm tra đảng viên và cán bộ có nơi, có lúc còn bị buông lỏng, việc xử lý các vi phạm trong nội bộ nhiều trường hợp chưa nghiêm minh, kịp thời, còn hữu khuynh, tránh né. Một số cán bộ, đảng viên có biểu hiện lệch lạc về nhận thức, tư tưởng: chủ quan, chỉ chú ý thành tích đạt được, thiếu nghiêm khắc kiểm tra nội bộ; vai trò tiên phong, gương mẫu và tính đảng của nhiều cán bộ còn hạn chế.

4. Để tiếp tục xây dựng lực lượng Công an trong sạch, vững mạnh, xứng đáng là lực lượng nòng cốt trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đấu tranh chống tham nhũng, buôn lậu và các tệ nạn xã hội trong tình hình mới, Thường vụ Bộ Chính trị yêu cầu các cấp ủy đảng, các tổ chức đảng trong lực lượng Công an tiến hành kiểm điểm làm rõ ưu điểm, để phát huy, chỉ ra những khuyết điểm, yếu kém, có biện pháp sửa chữa, khắc phục và thực hiện tốt những việc sau đây:

- Có kế hoạch, biện pháp củng cố lực lượng cả về năng lực và phẩm chất, đặc biệt là việc tu dưỡng rèn luyện đạo đức, lối sống của người công an nhân dân, để làm trong sạch tổ chức đảng và đội ngũ cán bộ, đảng viên. Tổ chức tốt trong toàn ngành đợt sinh hoạt chính trị tự phê bình và phê bình về tư tưởng, đạo đức, lối sống theo Kế hoạch 01 của Bộ Chính trị.

- Các tổ chức đảng và cán bộ, đảng viên trong ngành Công an cần nhận thức sâu sắc tính chất phức tạp và những khó khăn của cuộc đấu tranh chống tham nhũng, buôn lậu; phát huy sức mạnh tổng hợp, kiên trì đấu tranh đối với mọi hành vi tham nhũng, buôn lậu. Trước mắt, tập trung lực lượng điều tra, kết luận dứt điểm các vụ án tham nhũng, buôn lậu lớn đang gây bức xúc trong dư luận.

- Tăng cường sự lãnh đạo và công tác kiểm tra của các cấp ủy đảng đối với cán bộ, đảng viên và các tổ chức đảng trong lực lượng Công an; chăm lo xây dựng lực lượng về mọi mặt, phát huy thành tích, khắc phục khuyết điểm, xây dựng lực lượng Công an thật sự là lực lượng nòng cốt trong đấu tranh chống hoạt động của các thế lực thù địch, chống tham nhũng, buôn lậu và các tệ nạn xã hội, giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

- Làm rõ và xử lý dứt điểm, nghiêm minh những vi phạm được phát hiện qua kiểm tra cũng như vi phạm mới phát sinh, kiên quyết đưa ra khỏi Đảng và đưa ra khỏi lực lượng Công an những trường hợp đảng viên, cán bộ, chiến sĩ thoái hóa biến chất.

- Thực hiện đúng kết luận của Thường vụ Bộ Chính trị về công an làm kinh tế.

- Các tỉnh ủy, thành ủy căn cứ thông báo này có kế hoạch lãnh đạo việc phát huy thành tích, sửa chữa các khuyết điểm, yếu kém của lực lượng Công an các cấp thuộc địa phương mình, phối hợp với Đảng ủy Công an Trung ương tăng cường sự lãnh đạo, kiểm tra đối với đảng ủy công an tỉnh, thành phố.

Đảng ủy Công an Trung ương và lãnh đạo Bộ Công an phối hợp với các Ban Cán sự Đảng Viện Kiểm sát nhân dân

tối cao và Tòa án nhân dân tối cao xem xét, kết luận những vụ án chưa được làm rõ nêu trong báo cáo kết luận kiểm tra, nếu có ý kiến khác nhau thì xin ý kiến chỉ đạo của Thường vụ Bộ Chính trị.

- Giao Ban Nội chính Trung ương chủ trì cùng đại diện Đảng đoàn Quốc hội, Đảng ủy Công an Trung ương, các Ban Cán sự Đảng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao, Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Ban Tổ chức Trung ương, Văn phòng Trung ương nghiên cứu chuẩn bị đề án đổi mới cơ chế hoạt động của các cơ quan tư pháp và vai trò lãnh đạo của Đảng đối với các cơ quan tư pháp.

Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Ban Nội chính Trung ương theo dõi và kiểm tra việc thực hiện kết luận này ở các tổ chức đảng trong lực lượng Công an nhân dân.

T/M THƯỜNG VỤ BỘ CHÍNH TRỊ

PHẠM THẾ DUYỆT

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

PHỤ LỤC

TUYÊN BỐ CHUNG VIỆT NAM - LÀO

Ngày 9 tháng 3 năm 1998

1. Nhận lời mời của Chủ tịch Ban Chấp hành Trung ương Đảng Nhân dân cách mạng Lào, Chủ tịch nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào Khămtay Xiphăndon, Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam Lê Khả Phiêu đã thăm chính thức nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào từ ngày 5 đến ngày 9-3-1998.

2. Trong thời gian ở thăm Lào, Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu đã có cuộc hội đàm với Chủ tịch Khămtay Xiphăndon; đặt vòng hoa tại Đài tưởng niệm các anh hùng liệt sĩ Lào; thăm Nhà tưởng niệm Chủ tịch Kayxôn Phômvihăn; thăm đồng chí Nuhăc Phumxavăn, Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng Nhân dân cách mạng Lào; tiếp lãnh đạo Hội hữu nghị Lào - Việt Nam đến chào; tiếp và nói chuyện với đại biểu Việt kiều; dự cuộc mít tinh do Ban Chấp hành Trung ương Đảng Nhân dân cách mạng Lào, Thành ủy và chính quyền Thủ đô Viêng Chăn tổ chức chào mừng Đoàn; thăm một số cơ sở kinh tế, văn hóa ở Thủ đô Viêng Chăn và tỉnh Chămpaxắc. Tại các nơi đến thăm, Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu và các đồng chí cùng đi đã được các đồng chí lãnh đạo, cán bộ và nhân dân các bộ tộc Lào đón tiếp hết sức thân tình, trọng thị và nồng nhiệt.

Nhân dịp này, thay mặt Nhà nước Lào, Chủ tịch Khămtay Xiphăndon đã trao tặng đồng chí Lê Khả Phiêu Huân chương Vàng quốc gia, huân chương cao quý nhất của nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào, vì đồng chí đã có những cống hiến xuất sắc vào việc củng cố và tăng cường tình hữu nghị đoàn kết đặc biệt và sự hợp tác toàn diện giữa hai Đảng, hai Nhà nước và nhân dân hai nước Việt Nam - Lào.

Ủy ban liên Chính phủ về hợp tác kinh tế, văn hóa, khoa học kỹ thuật hai nước đã họp kỳ họp lần thứ 20. Tại kỳ họp này, hai bên đã ký Hiệp định hợp tác kinh tế, văn hóa, khoa học kỹ thuật Việt Nam và Lào; Biên bản của kỳ họp; Hiệp định hợp tác thương mại; Thỏa thuận về cơ chế tài chính và quản lý các dự án sử dụng viện trợ giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào.

3. Cuộc hội đàm giữa Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam Lê Khả Phiêu và Chủ tịch Ban Chấp hành Trung ương Đảng Nhân dân cách mạng Lào, Chủ tịch nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào Khămtay Xiphăndon diễn ra trong bầu không khí thắm tình đồng chí anh em.

Tham dự hội đàm, về phía Việt Nam còn có các đồng chí: Nguyễn Tấn Dũng, Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ, Chủ tịch Phân ban hợp tác kinh tế, văn hóa và khoa học, kỹ thuật Việt Nam - Lào; Phạm Văn Trà, Ủy viên Bộ Chính trị, Bộ trưởng Quốc phòng; Phan Diễn, Ủy viên Bộ Chính trị, Trưởng ban Kinh tế Trung ương; Nguyễn Văn Sơn, Ủy viên Trung ương Đảng, Trưởng ban Đối ngoại Trung ương; Trần Đình Hoan, Ủy viên Trung ương Đảng, Chánh Văn phòng Trung ương; Nguyễn Sinh Hùng,

Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Tài chính; Trương Đình Tuyển, Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Thương Mại; Nguyễn Đình Bin, Ủy viên Trung ương Đảng, Thứ trưởng Ngoại giao; Võ Hồng Phúc, Ủy viên Trung ương Đảng, Thứ trưởng Kế hoạch và Đầu tư, Phó Chủ tịch Phân ban hợp tác kinh tế, văn hóa và khoa học, kỹ thuật Việt Nam - Lào; Bùi Văn Thanh, Đại sứ Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào.

Về phía Lào còn có các đồng chí: Chumali Xaynhaxôn, Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Thủ tướng, Bộ trưởng quốc phòng; Thoongxỉng Thammasông, Ủy viên Bộ Chính trị, Thường trực Bộ Chính trị, Trưởng ban Tổ chức Trung ương; Ôsacăn Thammathêva, Ủy viên Bộ Chính trị, Trưởng ban Tuyên huấn Trung ương; Bunnhăng Volachít, Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ, Chủ tịch Phân ban hợp tác kinh tế, văn hóa và khoa học, kỹ thuật Lào - Việt Nam; Buathoong Vônglokhăm, Ủy viên Trung ương Đảng, Chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch Nhà nước; Buaxôn Búpphavăn, Ủy viên Trung ương Đảng, Chánh Văn phòng Trung ương; Xayxômphon Phômvihăn, Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng, Chánh Văn phòng Chính phủ; Xubăn Xaritthilát, Thứ trưởng Ngoại giao; Khămphết Phongmương, Phó Trưởng ban Đối ngoại Trung ương; Phimphe Thệpkhămhuang, Phó Chủ tịch Phân ban hợp tác kinh tế, văn hóa và khoa học, kỹ thuật Lào - Việt Nam; Khămxính Xaynhacôn, Đại sứ Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào tại Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Tại cuộc hội đàm, hai bên đã thông báo cho nhau những diễn biến mới nhất về tình hình mỗi đảng, mỗi nước; trao đổi

ý kiến về phương hướng và các biện pháp nhằm đưa quan hệ hữu nghị đoàn kết đặc biệt và sự hợp tác toàn diện Việt Nam - Lào sang một giai đoạn mới vì sự phát triển, phồn vinh và hạnh phúc của nhân dân mỗi nước.

Hai bên cũng đã trao đổi ý kiến về các vấn đề quốc tế và khu vực mà hai bên cùng quan tâm.

4. Chủ tịch Khămtay Xiphăndon nhiệt liệt hoan nghênh và đánh giá cao những thành tựu có ý nghĩa rất quan trọng mà nhân dân Việt Nam đã đạt được trong công cuộc đổi mới, vị thế của Việt Nam ngày càng được nâng cao trên trường quốc tế, tạo thêm thế và lực cho đất nước vững bước sang thế kỷ XXI. Chủ tịch Khămtay Xiphăndon chân thành chúc nhân dân Việt Nam anh em, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam do đồng chí Lê Khả Phiêu đứng đầu, giành nhiều thành tựu to lớn hơn nữa trong công cuộc đổi mới, phát huy nội lực, nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế, cần kiệm để công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, phấn đấu hoàn thành các mục tiêu kinh tế - xã hội đến năm 2000, thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội VIII của Đảng Cộng sản Việt Nam, nhằm xây dựng nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa giàu mạnh, góp phần xứng đáng vào xu thế hòa bình, ổn định và hợp tác ở khu vực Đông Nam Á và sự nghiệp chung của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

5. Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu nhiệt liệt hoan nghênh và đánh giá cao những thành tựu to lớn mà nhân dân các bộ tộc Lào đã giành được trong sự nghiệp bảo vệ và xây dựng đất nước theo đường lối đổi mới, giữ vững ổn định chính trị, phát triển kinh tế - xã hội, không ngừng cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, phát huy quyền làm chủ của

nhân dân, thể hiện nổi bật qua sự thành công tốt đẹp của cuộc bầu cử Quốc hội và kỳ họp thứ nhất Quốc hội khóa IV; uy tín của Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào ngày càng được nâng cao trên trường quốc tế. Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu chân thành chúc nhân dân các bộ tộc Lào anh em, dưới sự lãnh đạo của Đảng Nhân dân cách mạng Lào do đồng chí Khămtay Xiphăndon đứng đầu, kế tục sự nghiệp vẻ vang của Chủ tịch Kayxôn Phômvihă, đạt nhiều thành tựu to lớn hơn nữa, thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội VI của Đảng Nhân dân cách mạng Lào, xây dựng thành công một nước Lào hòa bình, độc lập, dân chủ, thống nhất và thịnh vượng; vì hạnh phúc của nhân dân các bộ tộc Lào; vì hòa bình, ổn định, hợp tác và phát triển trong khu vực và trên thế giới.

6. Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu và Chủ tịch Khămtay Xiphăndon hài lòng nhận thấy rằng sự nghiệp đổi mới của mỗi nước tiếp tục phát triển và giành được nhiều thành tựu quan trọng, tạo điều kiện thuận lợi cho quan hệ hữu nghị, đoàn kết đặc biệt và sự hợp tác toàn diện Việt Nam - Lào ngày càng được củng cố và phát triển cả về chiều rộng lẫn chiều sâu, trên tất cả các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, quốc phòng, an ninh và đối ngoại.

Trong bối cảnh mới của tình hình quốc tế và khu vực hiện nay, hai bên khẳng định quyết tâm làm hết sức mình, nhằm củng cố và tăng cường hơn nữa quan hệ hữu nghị, đoàn kết đặc biệt và sự hợp tác toàn diện Việt Nam - Lào; tiếp tục đổi mới phương thức hợp tác nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả, phát huy thế mạnh và khả năng của mỗi nước, trên cơ sở phát huy tinh thần độc lập tự chủ và ý chí tự lực tự cường của mỗi nước, hợp tác bình đẳng và

cùng có lợi; dành sự ưu tiên ưu đãi cho nhau, tạo điều kiện thuận lợi cho nền kinh tế mỗi nước hội nhập với nền kinh tế khu vực và thế giới, góp phần tạo sức mạnh để mỗi nước vững bước tiến vào thế kỷ XXI. Điều đó phù hợp với đường lối đối mới của mỗi đảng, mỗi nước, đáp ứng lợi ích căn bản của hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển ở khu vực và trên thế giới.

Trên tinh thần đó, hai bên đã trao đổi ý kiến sâu rộng về phương hướng chiến lược hợp tác giữa hai nước từ nay sang những năm đầu thế kỷ XXI; xem xét khả năng thực tế của mỗi bên và thỏa thuận những biện pháp nhằm đẩy mạnh sự hợp tác trên các lĩnh vực kinh tế, thương mại, khoa học kỹ thuật, văn hóa, du lịch và đào tạo cán bộ. Hai bên thỏa thuận thúc đẩy các ngành hữu quan tiếp tục đàm phán, sớm ký kết các hiệp định về các vấn đề cụ thể, nhằm tạo môi trường pháp lý và động lực thúc đẩy quan hệ hợp tác giữa hai nước trong thời gian tới. Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu khẳng định phía Việt Nam tiếp tục tạo mọi thuận lợi cho Lào có đường ra biển, đáp ứng các đề nghị của phía Lào về xuất nhập khẩu hàng hóa qua các cảng của Việt Nam.

Hai bên thỏa thuận nghiên cứu phương thức để Lào sử dụng thuận lợi cảng Vũng Áng của Việt Nam phù hợp với luật pháp hai nước, luật pháp quốc tế và quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào.

7. Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu và Chủ tịch Khămtay Xiphăndon cho rằng tình hình thế giới tiếp tục diễn biến nhanh chóng và phức tạp, chứa đựng những nhân tố khó lường trước. Những căng thẳng và xung đột bất nguồn từ

mâu thuẫn sắc tộc, dân tộc, giai cấp và những tác động từ bên ngoài vẫn tiếp diễn ở một số khu vực, nhưng hòa bình, ổn định và hợp tác để phát triển vẫn đang là xu thế chủ đạo trong quan hệ quốc tế. Xu thế toàn cầu hóa và khu vực hóa không ngừng gia tăng, mang lại những thuận lợi mới, đồng thời cũng đặt ra những thách thức mới đối với các nước đang phát triển. Vì vậy, các lực lượng hòa bình và tiến bộ xã hội cũng như các quốc gia cần nỗ lực phấn đấu cho một thế giới công bằng, trong đó mỗi nước đều có quyền tự quyết định vận mệnh của mình và tham gia một cách bình đẳng vào đời sống quốc tế, cùng nhau hợp tác vì sự phát triển và phồn vinh của mỗi nước, vì hòa bình, ổn định và hữu nghị giữa các dân tộc.

8. Hai bên vui mừng ghi nhận việc ASEAN đã mở rộng ra 9 nước và ngày càng có tiếng nói đáng kể trên trường quốc tế. Hai bên cho rằng việc Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào chính thức gia nhập ASEAN là một mốc mới trong quan hệ láng giềng giữa các nước Đông Nam Á, góp phần củng cố và tăng cường sự tin cậy lẫn nhau, mở ra triển vọng mới cho sự hợp tác vì phát triển trong khu vực. Với tư cách là thành viên ASEAN, Việt Nam và Lào quan tâm đến việc các nước ASEAN phối hợp các nỗ lực nhằm khắc phục cuộc khủng hoảng tài chính - tiền tệ hiện nay và bày tỏ tin tưởng rằng các nước trong khu vực sẽ sớm vượt qua khủng hoảng, tiếp tục phát triển năng động và bền vững. Hai bên khẳng định sẽ tăng cường phối hợp để có thể tham gia ngày càng có hiệu quả hơn vào các hoạt động của ASEAN.

Hai bên nhất trí cho rằng Hội nghị cấp cao ASEAN lần thứ VI, họp vào cuối năm 1998 tại Hà Nội, sẽ đánh dấu một mốc quan trọng trong quá trình phát triển của ASEAN.

9. Hai bên khẳng định: là những nước láng giềng gần gũi của Campuchia, Việt Nam và Lào luôn mong muốn Campuchia ổn định và nhân dân Campuchia xây dựng thành công một nước Campuchia hòa bình, độc lập, thống nhất, trung lập, không liên kết, phồn vinh, có quan hệ hữu nghị với tất cả các nước, trước hết là các nước láng giềng. Hai bên cũng khẳng định chính sách nhất quán của mình là tôn trọng độc lập, chủ quyền, không can thiệp vào công việc nội bộ của Campuchia, duy trì và phát triển quan hệ hữu nghị truyền thống và hợp tác nhiều mặt với Vương quốc Campuchia trên cơ sở bình đẳng, cùng có lợi.

Hai bên nhất quán ủng hộ và mong muốn Campuchia sớm trở thành thành viên chính thức - thành viên thứ 10 của ASEAN.

10. Hai bên vui mừng nhận thấy rằng chuyến thăm hữu nghị chính thức nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào của Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu cũng như các cuộc trao đổi ý kiến và những thỏa thuận giữa lãnh đạo cấp cao của hai Đảng, hai nước tạo cơ sở cho bước phát triển mới tăng cường quan hệ hữu nghị đoàn kết đặc biệt và sự hợp tác toàn diện giữa hai Đảng, hai Nhà nước và nhân dân hai nước.

Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu chân thành cảm ơn Đảng, Nhà nước và nhân dân các bộ tộc Lào đã dành cho Đoàn sự đón tiếp trọng thị, chân tình và những tình cảm anh em sâu sắc, coi đó là biểu hiện sinh động của mối quan hệ hữu nghị đoàn kết đặc biệt Việt Nam - Lào trong giai đoạn mới.

Thay mặt Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu mời Chủ tịch Khămtay Xiphăndon sang thăm Việt Nam vào thời gian thích hợp trong năm 1998. Chủ tịch Khămtay Xiphăndon đã vui vẻ nhận lời.

Báo *Nhân dân*, số 15593,
ngày 10-3-1998.

**PHÁT BIỂU
CỦA TỔNG BÍ THƯ LÊ KHẢ PHIÊU
BẾ MẠC HỘI NGHỊ CÁN BỘ NGHIÊN CỨU
NGHỊ QUYẾT TRUNG ƯƠNG 4 KHÓA VIII**

Ngày 19 tháng 3 năm 1998

Thưa các đồng chí,

Trong gần 4 ngày làm việc nghiêm túc và đầy trách nhiệm, Hội nghị đã nghe 7 bản báo cáo của Chính phủ, nghe đồng chí Phạm Thế Duyệt trình bày những vấn đề cần chú ý trong việc tổ chức thực hiện Chỉ thị 30 của Bộ Chính trị về thực hiện dân chủ ở cơ sở và tình hình Thái Bình, nghe đồng chí Nông Đức Mạnh trình bày những nội dung chủ yếu của ba pháp lệnh mới ban hành về cán bộ, công chức, thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí, tham nhũng, nghe đồng chí Phan Văn Khải giải đáp một số vấn đề về kinh tế - xã hội mà các đồng chí nêu lên. Về cơ bản đó là những vấn đề chủ yếu, làm rõ thêm nội dung Nghị quyết Trung ương lần thứ tư. Hôm nay tôi nói thêm một số điểm cần chú ý trong việc tổ chức nghiên cứu và thực hiện nghị quyết.

Thưa các đồng chí,

Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ tư chủ yếu

bàn về vấn đề kinh tế, tức là bàn về nhiệm vụ trung tâm của đất nước ta. Như các đồng chí đã biết, tình hình kinh tế nước ta, bên cạnh những thời cơ và thuận lợi, đang đứng trước nhiều thách thức gay gắt. Thời gian qua, kinh tế nước ta có tốc độ tăng trưởng khá, những thành tựu về kinh tế, chính trị, xã hội, về an ninh quốc phòng và quan hệ đối ngoại đang tạo ra thế và lực mới cho sự phát triển của đất nước trong thời gian tới. Nhưng mặt khác, chúng ta cũng cần thấy rằng, nền kinh tế nước ta có nhiều mặt phát triển còn chưa vững chắc; chất lượng, năng suất, hiệu quả còn thấp, nhiều doanh nghiệp còn thua lỗ, quản lý vĩ mô trên một số lĩnh vực còn yếu kém. Trung ương cũng không chỉ đánh giá tình hình kinh tế trong nước, mà còn xem xét sự tác động của tình hình kinh tế thế giới với những chấn động của cuộc khủng hoảng tài chính - tiền tệ Đông Nam Á tác động đến nước ta như thế nào để từ đó có sự điều chỉnh kịp thời, thích hợp. Hội nghị Trung ương 4 lần này với tinh thần nhìn thẳng vào sự thật để đánh giá đúng đắn những mặt làm được và chưa làm được, những thuận lợi, thời cơ và thách thức để từ đó đề ra các giải pháp bảo đảm sự phát triển kinh tế bền vững trong thời gian tới trong bối cảnh phức tạp của nền kinh tế thế giới. Các quan điểm và giải pháp được nêu ra trong Nghị quyết Trung ương 4 là sự kế tục đường lối, những quan điểm phát triển kinh tế của Đảng ta đã đề ra trước đây, đồng thời bổ sung những vấn đề mới cho phù hợp với bối cảnh tình hình hiện nay. Do đó, tuy đây là hội nghị thường kỳ, theo đúng chương trình của toàn khóa Trung ương, nhưng rất quan trọng. Vì thế các đồng chí cần quán triệt thật tốt những quan điểm và tư tưởng chỉ đạo của Nghị quyết Trung ương vào

việc triển khai nghiên cứu và đặc biệt là trong tổ chức thực hiện nghị quyết. Ở đây tôi chỉ nhấn mạnh một số điểm:

Một là, Nghị quyết Trung ương lần này đã xác định rõ các nguồn lực và động lực phát triển đất nước; khơi dậy mạnh mẽ tất cả các nguồn lực, đó chính là tiếp tục sự nghiệp đổi mới toàn diện đất nước theo đường lối của Đảng. Trong 2 năm trở lại đây, khi những khuyết điểm vốn có của nền kinh tế bộc lộ rõ hơn, với những khó khăn mới xuất hiện, một số lĩnh vực kinh tế có chiều hướng chậm lại thì có một số người nói rằng: động lực phát triển kinh tế trong 10 năm qua đã cạn kiệt; họ khuyên chúng ta phải tìm động lực mới trong việc từ bỏ định hướng chủ nghĩa xã hội, đòi từ bỏ sự lãnh đạo của Đảng... Đó là những quan điểm không đúng.

Tổng kết thực tiễn hơn 12 năm qua, nhất là hai năm trở lại đây, Hội nghị Trung ương đã khẳng định: nền kinh tế tiếp tục tăng trưởng ở mức khá, quốc phòng, an ninh được bảo đảm, chính trị ổn định, quan hệ đối ngoại được mở rộng, vị thế quốc tế của nước ta được nâng cao, tạo ra thế và lực mới để nước ta tiếp tục phát triển. Khẳng định điều này là sự khẳng định đường lối đổi mới có nguyên tắc của Đảng là đúng đắn, là động lực tạo nên những thành tựu quan trọng đó. Những khuyết điểm, yếu kém và sự chậm lại trên một số lĩnh vực là do nhiều nhân tố chủ quan, khách quan, trong đó việc quán triệt và tổ chức thực hiện nghị quyết yếu kém, nhất là trên lĩnh vực điều hành vĩ mô là nguyên nhân chủ yếu. Chính vì thế, hội nghị đã nhấn mạnh tư tưởng phải tiếp tục đẩy mạnh sự nghiệp đổi mới. Đường lối đổi mới do Đảng ta khởi xướng từ Đại hội VI đến nay đã hơn một chục năm, nó đã được sự đồng tình và ủng hộ của toàn dân và được thực

tiến kiểm nghiệm. Xuất phát từ mục tiêu của đổi mới là: dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng văn minh; từ quan điểm cách mạng là sự nghiệp của quần chúng, khơi dậy mọi tiềm lực trong xã hội, hơn 10 năm qua đường lối đổi mới của Đảng ta vừa hợp quy luật vừa hợp lòng người nên đã nhanh chóng đi vào cuộc sống, lôi cuốn hàng triệu người tham gia tích cực vào sự nghiệp đổi mới, tạo ra những thành tựu kinh tế, xã hội to lớn và rất quan trọng. Đảng ta luôn luôn nhận thức rằng, đổi mới kinh tế là trung tâm, bởi vì kinh tế có phát triển, đời sống nhân dân có được cải thiện, đất nước ngày càng phồn vinh thì chính trị mới ổn định, lòng dân mới yên. Song không vì vậy mà chúng ta coi nhẹ sự đổi mới về chính trị, về văn hóa, xã hội. Không đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng và sự quản lý của Nhà nước, không phát huy cao độ quyền làm chủ của nhân dân. Không tạo nên không khí dân chủ, cởi mở trong xã hội, không nâng niu, giữ gìn vốn quý văn hóa dân tộc và tạo mọi điều kiện tốt để tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại thì chúng ta cũng mất khả năng phát triển nhanh và bền vững. Chúng ta kiên quyết và kiên định định hướng xã hội chủ nghĩa, giữ vững vai trò lãnh đạo của Đảng, bởi đó là sự lựa chọn của chính nhân dân và lịch sử. Chỉ có con đường xã hội chủ nghĩa và sự lãnh đạo của Đảng mới đạt được những thành tựu quan trọng vừa qua trong đổi mới, và mới tiến lên thực sự giải phóng giai cấp, giải phóng xã hội, mang lại ấm no, tự do, hạnh phúc cho mọi người dân Việt Nam. Lịch sử hơn nửa thế kỷ qua dưới sự lãnh đạo của Đảng đã được nhân dân ta khẳng định; mục tiêu của Đảng và khát vọng của dân tộc là thống nhất với nhau. Trong quá trình đổi mới, ta luôn chú ý nghiên cứu kinh nghiệm các nước

và các dân tộc. Song cuộc sống đã dạy chúng ta phải luôn luôn nêu cao ý thức độc lập, tự chủ, tự lập, tự cường dân tộc, luôn tỉnh táo để tìm ra cách làm của mình, xử lý các vấn đề theo phương pháp của mình, dựa vào dân mà làm thì mới thành công. Hội nghị Trung ương lần này một lần nữa khẳng định: Tiếp tục đẩy mạnh công cuộc đổi mới theo định hướng xã hội chủ nghĩa, thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh. Đó là điều rất quan trọng chúng ta cần nắm vững trong quá trình triển khai và thực hiện Nghị quyết Trung ương.

Hai là, khi nghiên cứu nghị quyết, cần nắm vững tư tưởng phát huy nội lực, nâng cao hiệu quả hợp tác đầu tư. Vấn đề này chúng ta cũng đã nói nhiều, nhưng trong bối cảnh hiện nay nó mang ý nghĩa hết sức to lớn.

Càng ngày chúng ta càng thấy rõ hơn vai trò và khả năng to lớn của nguồn lực trong nước. Nội lực phải được hiểu một cách toàn diện: con người, trí tuệ, truyền thống dân tộc, truyền thống cách mạng, đất đai, tài nguyên, vốn liếng... trong đó, trung tâm là nhân lực, là con người được đào tạo. Nguồn lực của ta giờ đây đã khác trước. Nền kinh tế của ta đang chuyển sang nền kinh tế hàng hóa, thị trường trong nước và nước ngoài đang được mở rộng. Cơ sở vật chất kỹ thuật, trình độ khoa học công nghệ của nền kinh tế nước ta giờ đã hơn trước nhiều. Đặc biệt chúng ta có 76 triệu dân với gần 40 triệu người lao động cần cù, giàu nghị lực và trí tuệ. Tiềm lực mọi mặt trong dân ta còn lớn lắm. Vấn đề là làm thế nào để có thể huy động và khai thác thật tốt tiềm lực này. Sau Hội nghị này, từng cấp, từng ngành cần xác định chương trình hành động với những giải pháp khả thi nhằm

khai thác mạnh mẽ các nguồn lực từ con người, đất đai, tài nguyên, đến truyền thống văn hóa, truyền thống cách mạng. Mặt khác, việc kiên quyết khắc phục cho được những yếu kém của chúng ta trong thời gian qua cũng chính là tạo thêm một nguồn lực to lớn cho sự phát triển. Nếu chúng ta khắc phục một bước có hiệu quả tệ lãng phí trong sản xuất, chi tiêu hành chính và tiêu dùng, điều chỉnh cơ cấu đầu tư có hiệu quả, đẩy lùi một bước tệ tham nhũng chắc chắn sẽ tạo ra được một nguồn lực mới to lớn cho sự phát triển kinh tế - xã hội của nước ta.

Chúng ta nhấn mạnh phải lấy nội lực là chính không có nghĩa là chúng ta đóng cửa hay coi nhẹ nguồn lực bên ngoài. Nghị quyết Trung ương 4 chỉ rõ phải phát huy nội lực, đồng thời phải thực hiện nhất quán, lâu dài chính sách thu hút các nguồn lực từ bên ngoài và phải phát huy hiệu quả của nguồn lực đó. Nếu đóng cửa thì đất nước sẽ trì trệ và không phát triển. Ta phát huy mạnh mẽ nguồn lực trong nước cũng chính là để sử dụng tốt hơn, hiệu quả hơn mọi nguồn lực từ bên ngoài. Đồng thời có chính sách thu hút tốt các nguồn lực từ bên ngoài thì sẽ phát huy tốt hơn, có hiệu quả hơn các nguồn lực trong nước, nhất là hiện nay, khi cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật và công nghệ trên thế giới phát triển rất nhanh, khi mà thị trường thế giới đang biến chuyển nhanh chóng...

Ba là, Nghị quyết Trung ương lần này đặc biệt nhấn mạnh vấn đề tiết kiệm. Cán bộ ta từ Trung ương đến cơ sở cần phải quán triệt sâu sắc và phải làm chuyển biến thật sự trong xã hội tinh thần cần kiệm để công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Nhiều nước rất giàu nhưng người ta vẫn hết sức tiết kiệm; trong khi đó nước ta nghèo nhưng lại lãng phí

ghê gớm. Lần này Trung ương nhấn mạnh ba điều còn lãng phí lớn: một là sự lãng phí về sức người, lãng phí cả về sức lực lẫn trí lực, chất xám; thứ hai là sự lãng phí công quỹ; thứ ba là sự lãng phí trong tiêu dùng, tâm lý tiêu dùng không đúng đang lan tràn phổ biến trong xã hội. Đây là những vấn đề nhức nhối nhất hiện nay.

Khi còn sống, Bác Hồ thường nhắc: "Cần mà không kiệm, thì làm chừng nào xào chừng ấy. Cũng như một cái thùng không đáy; nước đổ vào chừng nào, chảy hết ra chừng ấy, như gió vào nhà trống, không lại hoàn không. Kiệm mà không cần, thì không tăng lên, không phát triển được...". Sự lãng phí trong khi nhân dân ta còn nghèo, nước ta còn lạc hậu là có tội với nhân dân, có tội với lịch sử gấp hai lần. Lãng phí và tham ô, tham nhũng không chỉ là vấn đề kinh tế mà còn là vấn đề đạo đức rồi trở thành vấn đề chính trị. Lãng phí sức người, lãng phí của công, lãng phí trong tiêu dùng, nói tóm lại đó là tiêu dùng một cách phí phạm sức người, sức của, trí tuệ của nhân dân. Nếu tiềm năng này được huy động, được sử dụng một cách tiết kiệm thì không những tiềm năng kinh tế của xã hội tăng lên mà tiềm năng về đạo đức, về tinh thần trong xã hội cũng được khơi dậy, lòng tin của nhân dân cũng được tăng lên. Muốn công nghiệp hóa mà tiêu dùng lãng phí, lại tham ô, tham nhũng thì còn đâu tiền của, công sức mà công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Nếu công nghiệp hóa mà chỉ dựa vào vốn nước ngoài thì khó có thể thậm chí không thể giữ được độc lập tự chủ về kinh tế, chính trị. Cho nên chúng ta nhất thiết phải cần kiệm. Phải quán triệt tư tưởng này đến từng người dân, đến từng gia đình, từng cơ sở, từng

địa phương trong cả nước, trước hết là những người lãnh đạo, những người quản lý, làm sao tạo được phong trào sâu rộng ở từng cơ sở, từng địa phương và trong cả nước "người người cần kiệm, nhà nhà cần kiệm; cần kiệm trong sản xuất, cần kiệm trong tiêu dùng, tất cả để công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước". Có thể thì mới đưa nghị quyết của Đảng vào cuộc sống được. Trên tinh thần đó, Nhà nước đã ban hành 3 pháp lệnh về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, tham ô; về chống tham nhũng; về cán bộ, công chức, viên chức nhà nước. Rồi đây Chính phủ, các bộ, các ngành sẽ có các văn bản hướng dẫn cụ thể việc thực hiện các chỉ thị, pháp lệnh này. Các tổ chức đảng, chính quyền các cấp cần chỉ đạo thực hiện nghiêm chỉnh những vấn đề trên. Tất cả cán bộ, đảng viên phải nghiêm túc chấp hành, các đồng chí Ủy viên Trung ương Đảng, các cán bộ cao cấp và chủ chốt các cấp phải thực sự nêu gương sáng trong tiết kiệm công quỹ, tiết kiệm tiêu dùng, dành vốn liếng để đầu tư cho sản xuất phát triển.

Bốn là, phải tiếp tục phát huy mạnh mẽ quyền làm chủ của nhân dân về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội. Phát huy nội lực lớn nhất xã hội ta là ở đây. Xã hội xã hội chủ nghĩa ưu việt là ở điều này.

Dân chủ xã hội chủ nghĩa, quyền làm chủ của nhân dân lao động là đặc trưng chủ yếu bao trùm của chủ nghĩa xã hội mà nhân dân ta xây dựng. Dân chủ xã hội chủ nghĩa về chính trị được thể hiện trên hai hình thức chủ yếu: Dân chủ đại diện và dân chủ trực tiếp. Nhân dân làm chủ bằng nhà nước, bằng các đoàn thể quần chúng, thông qua phương tiện thông tin đại chúng và làm chủ thông qua thiết chế dân chủ

ở cơ sở. Mỗi bước phát triển của chế độ làm chủ gắn liền với sự phát triển của cơ sở kinh tế, trình độ dân trí. Dân chủ xã hội chủ nghĩa phải phát triển hài hòa trong cơ chế Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ. Song mỗi người chúng ta đều hiểu rằng, phấn đấu cho một xã hội thật sự dân chủ là cả một quá trình gian khổ. Khi người dân còn nghèo khổ, thì dân chủ trước tiên là làm cho ai cũng có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành. Khi trình độ dân trí còn thấp, thì dân chủ có nghĩa là phải mở rộng thông tin, nâng cao dân trí để họ có điều kiện tham gia quản lý xã hội, quản lý đất nước... Nói tóm lại, muốn phát huy dân chủ, phải cung cấp cho người dân các phương tiện, điều kiện cần thiết để họ làm chủ. Chúng ta tôn trọng tự do tư tưởng song cũng kiên quyết đấu tranh chống sự áp đặt hoặc lợi dụng tự do tư tưởng để mưu cầu lợi ích riêng chống lại quyền lợi quốc gia, dân tộc. Tự do tư tưởng của một số người song phải hết sức tôn trọng và tuân thủ ý chí của nhiều người, của đa số. Mọi người dân đều được phát huy quyền dân chủ đồng thời phải tuân thủ pháp luật, vì pháp luật là điều kiện bảo đảm tự do, dân chủ cho mọi người. Nhà nước ta là nhà nước của dân, do dân và vì dân. Trong nhiều năm qua chúng ta nói nhiều đến khẩu hiệu: "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra". Tuy nhiên, nhìn chung quyền làm chủ của nhân dân còn bị vi phạm, tể quan liêu mệnh lệnh của quyền, tham nhũng, sách nhiễu, gây phiền hà cho dân vẫn còn phổ biến. Phương châm trên chưa được cụ thể hóa thành pháp luật, chệch đi vào cuộc sống. Bây giờ là lúc phải thể chế hóa khẩu hiệu này để nó thực sự đi vào cuộc sống. Để quyền làm chủ của nhân dân ở

cơ sở được pháp luật bảo đảm. Chỉ khi nhân dân được biết, được bàn và thực sự tự giác tham gia vào việc kiểm kê, kiểm soát sản xuất, phân phối, thu chi tài chính, thực hiện công khai hóa ở cơ sở thì mới chống được tham nhũng, tiêu cực và các tệ nạn xã hội khác, mới làm cho Nhà nước ta trong sạch, vững mạnh. Chỉ có phát huy cao độ quyền làm chủ của nhân dân thì mới phát huy mạnh mẽ các tiềm năng sức lực, tiền của, trí tuệ trong xã hội. Muốn làm được điều đó, chúng ta phải xây dựng bằng được thiết chế bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân qua đại diện và làm chủ trực tiếp ở các loại hình cơ sở: xã, phường; doanh nghiệp; bệnh viện, trường học, cơ quan... tạo điều kiện cho mọi người dân ở mọi miền đất nước, trong mọi thành phần kinh tế chủ động tham gia vào quá trình phát triển kinh tế, quản lý xã hội.

Thực hiện dân chủ, phát huy quyền làm chủ của nhân dân phải có sự lãnh đạo của Đảng thì mới không mất phương hướng và không rối loạn. Dân chủ phải tuân theo các quy định của Hiến pháp và pháp luật. Trong Đảng thì phải tuân thủ theo Điều lệ Đảng, chấp hành nghiêm túc nguyên tắc tổ chức cơ bản của Đảng. Dân chủ phải đi liền với kỷ luật, kỷ cương và có lãnh đạo. Chúng ta không chấp nhận dân chủ cực đoan, vô chính phủ, chống việc lợi dụng dân chủ để lan truyền các quan điểm sai trái, giải quyết các mâu thuẫn cá nhân, làm các điều vi phạm pháp luật, gây mất đoàn kết nội bộ, làm rối trật tự an ninh xã hội.

Năm là, Hội nghị Trung ương lần này khẳng định mạnh mẽ các quan điểm phát triển kinh tế theo định hướng xã hội chủ nghĩa đó là:

- Phải thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, điều chỉnh cơ cấu đầu tư để nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế, đáp ứng thị trường trong nước và mở rộng thị trường với nước ngoài, khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi nhất cho xuất khẩu.

- Phải ưu tiên phát triển lực lượng sản xuất đi đôi với việc xây dựng quan hệ sản xuất phù hợp với định hướng xã hội chủ nghĩa.

- Quan tâm thực hiện tốt chính sách đối với nông nghiệp, nông dân, nông thôn, giải quyết tốt vấn đề ruộng đất đối với nông dân, phát triển mạnh mẽ ngành nghề, đặc biệt là công nghiệp chế biến nông sản ở nông thôn, mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; chỉ đạo chặt chẽ việc xây dựng hợp tác xã nông nghiệp và thực hiện thật tốt quy chế dân chủ hóa ở nông thôn.

- Phát triển kinh tế phải đi đôi với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội.

- Tiếp tục đổi mới và lành mạnh hóa hệ thống tài chính - tiền tệ, hạn chế ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng tài chính - tiền tệ Đông Nam Á đối với nước ta.

- Tiếp tục tạo lập đồng bộ các yếu tố thị trường, đồng thời đổi mới và tăng cường sự quản lý của Nhà nước về kinh tế, tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính.

Đó là những quan điểm kinh tế hết sức quan trọng nhằm giúp ta phát huy các tiềm lực trong và ngoài nước, vượt qua khó khăn thách thức để đưa nền kinh tế nước ta phát triển nhanh và bền vững.

Thưa các đồng chí,

Mấy ngày nay các đồng chí đã nghe một loạt các kế

hoạch, các đề án của Chính phủ, Quốc hội nhằm sớm đưa Nghị quyết của Đảng vào cuộc sống. Đây là việc làm theo hướng đổi mới trong việc tổ chức quán triệt và thực hiện nghị quyết theo tinh thần Chỉ thị 26-CT/TW của Bộ Chính trị. Hội nghị Trung ương đã họp cách đây gần 3 tháng, nhưng nay mới tổ chức hội nghị cán bộ toàn quốc để nghiên cứu quán triệt Nghị quyết là hơi chậm. Song sau khi có Nghị quyết các bộ, các ngành kể cả các địa phương phải tập trung nghiên cứu, xây dựng các chính sách và khớp lại giữa kế hoạch của vĩ mô và vi mô, đến nay các đề án cơ bản đã hoàn thành và được trình bày với các đồng chí, như thế cũng là một bước tiến bộ đáng kể. Với các nghị quyết sau cần đồng thời với quá trình hình thành nghị quyết là quá trình chuẩn bị thể chế hóa nghị quyết để sau khi có nghị quyết một thời gian ngắn thì các quan điểm, phương hướng, giải pháp của Đảng được thể chế hóa thành luật, pháp lệnh, nghị định, chương trình hành động. Trên tinh thần này, các ngành, các địa phương cần hết sức khẩn trương xây dựng các chương trình hành động cụ thể để thực hiện nghị quyết, trong đó xác định rõ các nhiệm vụ trọng tâm, các vấn đề bức xúc mà các ngành, các địa phương cần tập trung giải quyết theo như tinh thần Chỉ thị 26-CT/TW của Bộ Chính trị.

Hiện nay cũng có ý kiến cho rằng Trung ương ra nhiều nghị quyết quá mà nghị quyết lại quá dài. Nghị quyết trước chưa triển khai xong thì đã phải tập trung học tập nghị quyết mới. Đúng là có như vậy. Thực ra vấn đề này phụ thuộc vào nhiều yếu tố, cả chủ quan và khách quan.

Về khách quan, chúng ta đang đứng trước một thực tiễn là: tình hình thế giới và trong nước luôn biến đổi không

ngừng, đòi hỏi Đảng ta phải có sự lãnh đạo, chỉ đạo, hướng dẫn tư tưởng, hành động kịp thời, đúng đắn. Mặt khác chúng ta xây dựng chủ nghĩa xã hội trong điều kiện vừa làm vừa rút kinh nghiệm, nhiều vấn đề lý luận, thực tiễn còn chưa sáng tỏ. Đại hội toàn quốc của Đảng đề ra những chủ trương, giải pháp có tính chiến lược; trong toàn khóa, Ban Chấp hành Trung ương phải cụ thể hóa thành những chủ trương, giải pháp, cách làm, bước đi cụ thể để thực hiện Nghị quyết của Đại hội. Một năm Ban Chấp hành Trung ương họp định kỳ hai lần, để bàn một hay một số vấn đề và tất nhiên đã họp bàn về vấn đề gì phải ra nghị quyết về vấn đề đó nhằm thống nhất tư tưởng và chỉ đạo hành động trong toàn Đảng.

Về chủ quan, việc kiểm tra, tổng kết thực hiện các nghị quyết của Đảng làm chưa tốt. Việc thực thi pháp luật thiếu nghiêm túc, tùy tiện, sách nhiễu gây phiền hà cho dân trong đó làm trở ngại nhiều cho các doanh nghiệp. Nhiều vấn đề nói chưa đi đôi với làm. Do đó gây tâm lý trong cán bộ, đảng viên và nhân dân là ra nhiều nghị quyết mà thực hiện kém hiệu quả. Hơn nữa, việc thể chế hóa các nghị quyết của Đảng tuy đã có nhiều cố gắng nhưng nói chung còn chậm, một số ngành, địa phương còn làm hình thức, thiếu cụ thể và thiết thực. Sự lãnh đạo, chỉ đạo việc tổ chức, phổ biến, quán triệt nghị quyết của nhiều cấp ủy còn thiếu chặt chẽ, thiếu kiểm tra đôn đốc; ý thức chấp hành nghị quyết của một bộ phận cán bộ, đảng viên chưa cao...

Chúng ta cần nghiên cứu để cải tiến cách ban hành, cách tổ chức học tập, quán triệt và tổ chức thực hiện nghị quyết của Đảng, các chủ trương, chính sách của Nhà nước sao cho có hiệu quả cao, thật sự thiết thực với đòi hỏi của cuộc sống,

đi nhanh vào cuộc sống, trở thành nội dung, phương thức hành động của các cấp, các ngành, trở thành phong trào hành động của quần chúng. Nghị quyết của Đảng càng sát với cuộc sống bao nhiêu thì giá trị thực tiễn và hiệu quả tác động càng lớn. Các cơ quan có trách nhiệm ở Trung ương cũng đang nghiên cứu đổi mới phương pháp học tập, quán triệt nghị quyết, làm sao đến được đối tượng cần nắm mà bớt tốn thời gian, tiền của của nhân dân, làm sao các chủ trương, các quan điểm của Đảng được quán triệt vào trong tư tưởng, hành động của mọi người. Hướng đổi mới trước tiên là, làm sao trong quá trình soạn thảo, thảo luận, thông qua nghị quyết, các cơ quan, các ngành có liên quan cần phải bám sát thực tiễn, tổng kết thực tiễn một cách nghiêm túc, có như vậy nghị quyết mới có chất lượng, và khi đã có nghị quyết cũng là lúc những giải pháp được thể chế hóa, ban hành kèm theo một loạt các chế độ chính sách, đề án, kế hoạch hành động để thực hiện nghị quyết. Phải thay đổi phương pháp truyền đạt, mở rộng đối thoại, giải đáp những vấn đề thực tiễn đặt ra. Tùy từng nghị quyết mà có cách làm cụ thể với từng đối tượng cụ thể, có đối tượng phải nghiên cứu thật sâu, có đối tượng chỉ cần nắm những chủ trương, quan điểm giải pháp lớn... Đi liền đó, chúng ta phải làm tốt công tác kiểm tra việc tổ chức nghiên cứu và tổ chức thực hiện nghị quyết ở các cấp, các ngành, thường xuyên tổng kết thực tiễn, rút kinh nghiệm để đổi mới công tác của chúng ta.

Sau hội nghị này, các cấp, các ngành cần tiếp tục quán triệt các quan điểm của nghị quyết và các pháp lệnh của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, các chương trình hành động của Chính phủ đối chiếu sát hơn với địa phương mình, ngành

mình để tập trung chỉ đạo tổ chức thực hiện. Có hai vấn đề cần có sự chuyển động tích cực:

Một là: Các cấp, các ngành nhất là các cơ quan tham mưu phải tăng cường công tác kiểm tra việc thực hiện nghị quyết, đừng để tình trạng nói mà không làm, hoặc nghị quyết một đường nhưng làm một nẻo, phải bám sát cơ sở, tổng kết kịp thời thực tiễn cái gì thấy không phù hợp thì đề nghị cấp có thẩm quyền bổ sung ngay.

Hai là: Cần tổng kết để thực sự đổi mới phong trào thi đua. Nếu chúng ta quán triệt sâu sắc nghị quyết, tổ chức thực hiện tốt chương trình hành động chắc chắn sẽ tạo ra phong trào thi đua mạnh mẽ. Các cấp, các ngành cần bám sát thực tiễn phong trào hành động của quần chúng để phát hiện các điển hình, kịp thời cổ vũ, động viên và nhân rộng các điển hình để đưa phong trào thi đua yêu nước của toàn dân phát triển mạnh mẽ sâu rộng trong toàn quốc.

Thưa các đồng chí,

Với Nghị quyết Trung ương 4, các nguồn lực phát triển kinh tế - xã hội đã được xác định, động lực để khơi dậy các nguồn lực đã được chỉ ra. Vấn đề còn lại là quán triệt và tổ chức thực hiện sao cho hiệu quả, đưa sự nghiệp đổi mới tiếp tục tiến lên.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

PHÁT BIỂU
CỦA TỔNG BÍ THƯ LÊ KHẢ PHIÊU
TẠI ĐẠI HỘI LẦN THỨ VIII
CÔNG ĐOÀN VIỆT NAM
Ngày 5 tháng 11 năm 1998*

Thưa Đoàn Chủ tịch Đại hội,
Thưa các đồng chí đại biểu,
Thưa các vị khách quý,

Hôm nay, tôi rất phấn khởi đến dự Đại hội lần thứ VIII Công đoàn Việt Nam. Thay mặt Ban Chấp hành Trung ương Đảng, tôi nhiệt liệt chào mừng các đồng chí đại biểu ưu tú, đại diện cho ý chí, nguyện vọng, trí tuệ của giai cấp công nhân và tổ chức công đoàn cả nước về dự đại hội. Qua các đại biểu, xin gửi tới toàn thể anh chị em công nhân, viên chức và lao động cả nước lời thăm hỏi thân thiết của Trung ương Đảng.

Tôi nhiệt liệt hoan nghênh và chào mừng các vị khách quốc tế, những sứ giả đại diện cho các tổ chức quốc tế, tổ chức công đoàn của các nước anh em đến dự đại hội, mang đến cho

* Đầu đề do chúng tôi đặt (B.T).

giai cấp công nhân và nhân dân Việt Nam tình hữu nghị và tình đoàn kết cao cả.

Tôi cũng mong rằng, các công đoàn bầu bạn trên thế giới sẽ tăng cường hợp tác, giúp đỡ, chia sẻ kinh nghiệm với Công đoàn Việt Nam và tin tưởng rằng, phong trào công đoàn quốc tế sẽ đóng góp một vai trò hết sức quan trọng trong việc đấu tranh xây dựng một nền hoà bình bền vững, vì sự bình đẳng giữa các dân tộc, vì lợi ích của những người lao động, và tiến bộ xã hội.

Thưa các đồng chí và các bạn,

Đại hội lần thứ VIII Công đoàn Việt Nam diễn ra trong bối cảnh đất nước của chúng ta đang có những chuyển biến sâu sắc. Nhìn lại chặng đường hơn 10 năm đổi mới, chúng ta phấn khởi tự hào vì thế và lực của nước ta tăng lên rõ rệt. Vượt qua những thách thức và khó khăn chồng chất, nền kinh tế nước ta tiếp tục phát triển và có mức tăng trưởng tương đối khá. Chúng ta đã tạo lập được một nền nông nghiệp bảo đảm những nhu cầu cơ bản của đời sống nhân dân và có dư để xuất khẩu. Năng lực các ngành công nghiệp và dịch vụ đáp ứng được phần lớn nhu cầu về tiêu dùng và một phần quan trọng nhu cầu về tư liệu sản xuất trong nước, có nhiều mặt hàng đã vươn ra thị trường thế giới. Cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa đang được hình thành, có tác dụng thúc đẩy tính năng động, tích cực trong xã hội. Đời sống nhân dân được cải thiện. Tình hình chính trị ổn định, trật tự và an ninh xã hội được giữ vững. Các mặt hoạt động về văn hóa - xã hội được duy trì, có bước phát triển và tiến bộ mới. Quan hệ hợp tác

quốc tế mở rộng, vị thế và uy tín của nước ta trên thế giới được nâng cao.

Thắng lợi đó khẳng định những chủ trương, chính sách của Đại hội VIII và những nghị quyết của Trung ương là đúng đắn; khẳng định tinh thần phấn đấu, nỗ lực của toàn dân và toàn quân, của các cấp, các ngành; sự chỉ đạo, điều hành kiên định, chủ động và sáng tạo của Trung ương Đảng và Chính phủ; sự cố gắng của các địa phương trong cả nước. Thắng lợi đó có sự đóng góp xứng đáng của giai cấp công nhân Việt Nam và Công đoàn Việt Nam.

Hoạt động phong phú và tích cực của phong trào công nhân và công đoàn các cấp đã góp phần thiết thực thúc đẩy phát triển sản xuất, hoàn thiện cơ chế quản lý, chăm lo đời sống tinh thần, vật chất và bảo vệ lợi ích chính đáng cho người lao động. Tổ chức công đoàn ngày càng mở rộng trong các thành phần kinh tế và không ngừng lớn mạnh.

Thay mặt Ban Chấp hành Trung ương Đảng, tôi nhiệt liệt hoan nghênh và biểu dương những thành tựu mà giai cấp công nhân và công đoàn nước ta đã đạt được trong thời gian qua.

Thưa các đồng chí và các bạn,

Đại hội lần thứ VIII Công đoàn Việt Nam có ý nghĩa rất quan trọng, đại hội động viên, tổ chức giai cấp công nhân Việt Nam phát huy truyền thống cách mạng, khơi dậy mọi tiềm năng sáng tạo, đi tiên phong trong sự nghiệp đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, cùng với toàn dân và toàn quân phấn đấu thực hiện thắng lợi mục tiêu do Đại hội lần thứ VIII của Đảng đề ra là đến năm 2020, đưa nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp. Đó là sứ mệnh vẻ vang

của giai cấp công nhân Việt Nam, là trách nhiệm nặng nề, đồng thời là cơ hội để tổ chức công đoàn và mỗi người cống hiến và trưởng thành.

Đại hội Công đoàn Việt Nam diễn ra trong thời điểm lịch sử đặc biệt. Chỉ còn hai năm nữa là kết thúc thế kỷ XX. Bên thêm của thế kỷ XXI, đất nước của chúng ta đứng trước thời cơ và những thách thức mới. Chúng ta không thể chủ quan, thỏa mãn mà phải thấy những mặt yếu, cùng với những diễn biến không thuận đang cản trở sự phát triển kinh tế - xã hội nước ta. Đó là tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế đang chậm lại; đầu tư phát triển và sản xuất, kinh doanh bị thu hẹp trên một số lĩnh vực; hiệu quả kinh tế và sức cạnh tranh của hàng hóa thấp; văn hóa - xã hội còn nhiều tồn tại và bức xúc; vấn đề giải quyết việc làm cho người lao động đang trở nên gay gắt, nhất là ở các doanh nghiệp thu hẹp sản xuất, sắp xếp lại và cả lao động nông nghiệp; tình trạng quan liêu, tham nhũng, lãng phí, buôn lậu, gian lận thương mại còn diễn ra phổ biến. Những yếu kém từ bên trong của nền kinh tế chưa khắc phục được ngay, lại chịu thêm những tác động tiêu cực của cuộc khủng hoảng tài chính - tiền tệ ở khu vực và có thể còn lan rộng ra một số nước; những diễn biến phức tạp của thiên tai; cùng những yếu tố biến động khác trên thế giới chưa thể lường hết được. Đó là những trở ngại mà mọi cấp, mọi ngành cần thấy rõ một cách nghiêm túc, để chủ động tìm biện pháp khắc phục. Chúng ta tin vào sức mạnh của bản thân mình để vượt lên, vì chúng ta có những thuận lợi rất cơ bản. Đó là sự ổn định về chính trị - xã hội; những thành tựu phát triển kinh tế, đời sống của nhân dân được bảo đảm; những cơ chế chính sách mà Trung ương Đảng và

Chính phủ mới ban hành; những kinh nghiệm trong quản lý điều hành của Nhà nước; những tiềm năng và lợi thế so sánh của đất nước; vai trò và uy tín của nước ta trên trường quốc tế. Tổng hòa những nhân tố ấy sẽ tạo ra động lực mới cho sự phát triển của đất nước chúng ta.

Báo cáo của Ban Chấp hành Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam khóa VII trình đại hội lần này đã tổng kết sâu sắc phong trào công nhân và hoạt động công đoàn nước ta trong những năm đổi mới, làm rõ vai trò của giai cấp công nhân - giai cấp lãnh đạo, đại diện cho quyền lợi của công nhân, lao động và lợi ích dân tộc. Báo cáo đã đề ra nhiệm vụ chung cũng như nhiệm vụ cụ thể cho từng lĩnh vực hoạt động, công tác của tổ chức công đoàn Việt Nam từ năm 1998 đến năm 2003. Báo cáo là sản phẩm của quá trình phát huy quyền dân chủ từ cơ sở, thể hiện ý thức làm chủ của giai cấp công nhân, tỏ rõ sự nhất trí của đông đảo công nhân, viên chức, lao động đối với tổ chức công đoàn Việt Nam. Tôi nhất trí với mục tiêu tổng quát của đại hội: "Vì sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; vì việc làm, đời sống, dân chủ và công bằng xã hội; xây dựng giai cấp công nhân và tổ chức công đoàn vững mạnh".

Sau đây tôi xin phát biểu thêm một số vấn đề:

Trước hết, cần phải nhấn mạnh, *giai cấp công nhân Việt Nam* có sứ mệnh lịch sử là lãnh đạo cách mạng Việt Nam thông qua đội tiên phong của mình là Đảng Cộng sản Việt Nam. Trong cuộc đấu tranh lâu dài, gian khổ giành độc lập dân tộc, thống nhất đất nước và trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc ngày nay, ở bất cứ giai đoạn cách mạng nào, giai cấp công nhân Việt Nam với đội tiên phong của mình

cũng luôn giữ vững ngọn cờ lãnh đạo, luôn đứng ở mũi nhọn trong mọi phong trào. Sự đóng góp của giai cấp công nhân là vô cùng to lớn trong tiến trình cách mạng của dân tộc ta. Đảng ta đánh giá cao và tự hào về truyền thống cách mạng của giai cấp công nhân Việt Nam.

Đảng Cộng sản Việt Nam trung thành và kiên định lập trường chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, khẳng định sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Phải khẳng định lại điều này vì, hiện nay trước những khó khăn tạm thời của chủ nghĩa xã hội và phong trào cách mạng thế giới, không ít người với những lý do khác nhau đã dao động, hoài nghi, thậm chí muốn phủ nhận sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân và vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản.

Trong thời kỳ mới của cách mạng nước ta - thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa với sự phát triển của công nghiệp, của cách mạng khoa học và công nghệ, giai cấp công nhân ngày càng phát triển cả về số lượng và chất lượng, là giai cấp đại diện cho lực lượng sản xuất tiên tiến nhất trong xã hội. Giai cấp công nhân có mặt trong công nghiệp, nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, giao thông vận tải..., trong các công xưởng nhà máy; đội ngũ các kỹ sư, các kỹ thuật viên cao cấp, cán bộ kỹ thuật, cán bộ quản lý trực tiếp lao động trong quá trình sản xuất công nghiệp đang giữ vai trò đầu tàu trong các ngành kinh tế - kỹ thuật hiện đại, trong các thành phần kinh tế trên mọi lĩnh vực, mọi địa bàn của đất nước.

Đảng ta, trong nhiều văn kiện đã nhấn mạnh rằng, phải chăm lo xây dựng giai cấp công nhân không ngừng lớn mạnh

về số lượng và chất lượng, đa dạng về ngành nghề, thích ứng với cơ chế thị trường, tiếp cận và làm chủ công nghệ hiện đại. Tuy nhiên, trong bước đầu chuyển sang nền kinh tế thị trường, những nhược điểm, yếu kém vốn có trong công nhân cũng bộc lộ rõ: số đông chưa được đào tạo nghề nghiệp, giác ngộ giai cấp còn hạn chế, còn có hiện tượng tiêu cực, lười biếng trong lao động; tinh thần trách nhiệm, ý thức tập thể chưa cao, tính tổ chức, tính kỷ luật còn kém, tác phong còn thiếu khẩn trương, chính xác, những yếu kém, nhược điểm đó không phù hợp và gây trở ngại đối với yêu cầu mới. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa là quá trình chuyển đổi căn bản, toàn diện các hoạt động kinh tế - xã hội từ sử dụng sức lao động thủ công là chính, sang sử dụng một cách phổ biến sức lao động cùng với công nghệ, phương tiện và phương pháp quản lý tiên tiến, hiện đại nhằm tạo ra năng suất lao động cao. Điều đó đòi hỏi đội ngũ công nhân phải có sự trưởng thành vượt bậc, sự phấn đấu phi thường, khắc phục một cách nhanh chóng những mặt yếu kém để đáp ứng được đòi hỏi khách quan của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa và ngang tầm với sứ mệnh lịch sử của mình trong giai đoạn cách mạng hiện nay.

Giai cấp công nhân Việt Nam có mối quan hệ chặt chẽ, máu thịt với giai cấp nông dân; khối liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức là nền tảng của đại đoàn kết dân tộc, là một vấn đề chiến lược, là nguyên tắc sống còn của Đảng, là một trong những yếu tố có ý nghĩa quyết định bảo đảm cho sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam được củng cố, giữ vững và tăng cường. Đây là một kinh nghiệm và là truyền thống cơ bản, quý báu

của Đảng Cộng sản Việt Nam; là nguồn sức mạnh vô tận bảo đảm cho thắng lợi của cách mạng nước ta.

Trong cách mạng dân tộc dân chủ, quan hệ này đã rất tốt đẹp; ngày nay, trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, quan hệ này càng cần được củng cố và tăng cường với những nội dung phong phú, toàn diện hơn.

Liên minh giữa công nhân với nông dân và trí thức không chỉ dựa trên sự thống nhất về chính trị mà còn cả về kinh tế. Các chủ trương, chính sách đổi mới đúng đắn về kinh tế của Đảng, Nhà nước thể hiện lập trường, quan điểm của giai cấp công nhân, kết hợp hài hoà lợi ích của giai cấp nông dân, tầng lớp trí thức và cả dân tộc. Và trên thực tế nhiều vấn đề về kinh tế, và lợi ích đã được giải quyết. Hiện nay, giai cấp công nhân và các nhà khoa học nước ta đang đặt trọng tâm suy nghĩ của mình về công nghiệp hóa nông nghiệp, nông thôn; và trên thực tế đã có nhiều đóng góp có ý nghĩa to lớn đối với nông nghiệp như: giao thông, thủy lợi, cơ khí, điện lực, giống cây, giống con, phân bón..., góp phần quan trọng đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp hàng hóa, xây dựng nông thôn mới và cải thiện đời sống của nông dân. Có thể khẳng định, mỗi sản phẩm nông nghiệp được làm ra đều thấm đượm mồ hôi, công sức của cả giai cấp nông dân, giai cấp công nhân và đội ngũ trí thức; đồng thời mỗi kết quả lao động của công nhân, của trí thức, của các nhà khoa học đều ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống hàng ngày của toàn xã hội trong đó có nông dân. Sự liên kết giữa kinh tế nhà nước với kinh tế hộ nông dân, kinh tế hợp tác trong nông nghiệp ở nông thôn trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo con đường xã hội chủ nghĩa là hình ảnh sinh động và nổi bật của sự liên minh đó.

Thưa các đồng chí,

Với vị trí là một tổ chức chính trị - xã hội rộng lớn của giai cấp công nhân Việt Nam, trong mọi giai đoạn cách mạng, Công đoàn Việt Nam có nhiệm vụ xây dựng tổ chức mình lớn mạnh về mọi mặt, qua đó động viên, tập hợp, đoàn kết lực lượng để trở thành đội ngũ nòng cốt, thực hiện thắng lợi đường lối của Đảng. Để thực hiện được nhiệm vụ của mình trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, công đoàn phải đổi mới về nội dung, hình thức và phương thức hoạt động, đổi mới về tổ chức và cán bộ. Trong nền kinh tế nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường và hội nhập quốc tế, điều kiện làm việc, điều kiện sống và nhu cầu, nguyện vọng, lợi ích của công nhân, lao động đã khác trước, của những bộ phận công nhân, lao động trong các thành phần kinh tế khác nhau cũng không giống nhau, nếu tổ chức và hoạt động công đoàn không phù hợp với mỗi loại hình tổ chức và hoàn cảnh cụ thể thì hiệu quả sẽ rất hạn chế.

Cần quan tâm xây dựng công đoàn cơ sở vững mạnh vì đó là nền tảng của tổ chức, là nơi tập hợp đoàn kết đoàn viên, nơi thực hiện mọi chủ trương của tổ chức công đoàn. Phải phát triển đoàn viên, xây dựng công đoàn ở các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế, không để một cơ sở nào không có tổ chức công đoàn. Đội ngũ cán bộ công đoàn phải được đào tạo, bồi dưỡng kiến thức về chính trị, văn hóa, kinh tế, kỹ thuật, pháp luật, phương pháp công tác..., am hiểu những vấn đề về sản xuất và kinh doanh. Cán bộ công đoàn phải vừa là người làm công tác chính trị, vừa là nhà hoạt động xã hội, vừa có khả năng tuyên truyền, vận động tổ chức trong sản xuất và kinh doanh, vừa có bản lĩnh tham gia và đấu

tranh bảo vệ lợi ích chính đáng, hợp pháp của người lao động. Những người trưởng thành từ phong trào công nhân và hoạt động công đoàn sẽ là nguồn quan trọng bổ sung cán bộ cho Đảng và Nhà nước.

Phát huy dân chủ, đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước, nhằm khai thác tốt nhất nguồn nội lực và nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế, không chỉ là trách nhiệm, là nghĩa vụ của các doanh nghiệp, cơ quan nhà nước mà còn là trách nhiệm, là nghĩa vụ của mọi thành phần kinh tế. Ở đâu làm tốt, có thành tích đóng góp với đất nước và chăm lo bảo đảm đời sống cho người lao động đều được Đảng và Nhà nước hoan nghênh và khen thưởng. Ngược lại, những nơi vi phạm quyền dân chủ và quyền lợi chính đáng, hợp pháp của người lao động đều bị phê phán và xử lý theo pháp luật.

Nhân đây, tôi muốn nói rõ, trong điều kiện phát triển nền kinh tế nhiều thành phần, quan hệ sở hữu và quan hệ lao động ở từng khu vực có khác nhau, nhưng đều đặt dưới sự quản lý thống nhất của Nhà nước, đều phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Trong nền kinh tế ấy, mọi thành phần đều bình đẳng trước pháp luật, đều được tạo điều kiện thuận lợi để phát triển, song thành phần kinh tế nhà nước phải giữ vai trò chủ đạo và cùng với thành phần kinh tế hợp tác dần dần trở thành nền tảng của nền kinh tế quốc dân. Do đó, công nhân trong các thành phần kinh tế này phải thấy rõ vị trí quan trọng ấy của mình trong toàn bộ giai cấp công nhân. Việc cổ phần hóa một bộ phận doanh nghiệp nhà nước là một chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước, nhằm mở rộng vốn của doanh nghiệp, khai thác nguồn vốn tiềm tàng trong công nhân, lao động cho đầu tư phát triển và như vậy vừa để

tăng cường thực lực kinh tế nhà nước (chứ không phải làm yếu đi), vừa tạo thêm điều kiện cho công nhân thực hiện quyền làm chủ, thông qua sở hữu của mình dưới hình thức cổ phần. Do đó, công đoàn phải tích cực tuyên truyền, vận động công nhân, lao động hăng hái tham gia cổ phần hóa vì ích nước, lợi nhà. Phải chủ động tham gia mọi công việc trong quá trình cổ phần hóa doanh nghiệp. Tổ chức và hoạt động của các công đoàn cơ sở phải phù hợp với mỗi loại hình doanh nghiệp. Trong các thành phần kinh tế khác nhau, không thể nhất loạt như nhau.

Cũng cần nhấn mạnh rằng, xây dựng giai cấp công nhân và tổ chức công đoàn vững mạnh, là trách nhiệm của Đảng, Nhà nước và cả hệ thống chính trị. Như Bác Hồ đã dạy: giai cấp công nhân mà không có đội tiên phong là Đảng Cộng sản lãnh đạo thì chẳng khác nào con tàu thiếu người cầm lái, dễ mất phương hướng và không thể hoàn thành sứ mệnh lịch sử của mình. Ngược lại, Đảng không gắn bó mật thiết với giai cấp công nhân, không giữ vững bản chất của giai cấp công nhân, thì không còn là một đảng tiên phong cách mạng. Do đó, giai cấp công nhân phải trung thành với mục tiêu, lý tưởng của Đảng, tham gia xây dựng Đảng, bảo vệ Đảng và bổ sung những thành viên ưu tú cho Đảng. Các cấp ủy đảng phải chăm lo xây dựng giai cấp công nhân và tổ chức công đoàn vững mạnh về chính trị, tư tưởng, tổ chức và cả phương pháp hoạt động; phải đổi mới phương thức lãnh đạo, tạo bầu không khí dân chủ và tin cậy của công nhân, viên chức và lao động với Đảng; khắc phục tình trạng khoán trắng, buông trôi hoặc bao biện, làm mất tính chủ động sáng tạo của tổ chức công đoàn.

Nhà nước của chúng ta là Nhà nước của dân, do dân, vì dân, là công cụ quản lý đất nước, thực hiện quyền làm chủ của giai cấp công nhân và nhân dân lao động. Mọi chủ trương, chính sách của Nhà nước phải phản ánh ý chí và nguyện vọng của nhân dân, phải tôn trọng và phát huy đầy đủ quyền làm chủ của nhân dân thông qua tổ chức đại diện của mình; phải bảo đảm mọi quyền lực đều thuộc về dân như Bác Hồ đã dạy.

Theo Hiến pháp và pháp luật quy định, thì ngoài chức năng bảo vệ lợi ích chính đáng, hợp pháp của công nhân, lao động và chức năng giáo dục, công đoàn còn có chức năng tham gia quản lý nhà nước, quản lý kinh tế. Bởi vậy, các cấp chính quyền, các cơ quan quản lý phải chủ động phối hợp và tạo mọi điều kiện để công đoàn hoạt động có hiệu quả. Vừa qua, Chính phủ và Tổng Liên đoàn Lao động đã có quy chế phối hợp hoạt động; nhiều công đoàn ngành, địa phương và cơ sở đã xây dựng được quy chế phối hợp với chính quyền cùng cấp có tác dụng tốt. Song, một số nơi chưa làm tốt, còn hình thức, việc thi hành *Luật công đoàn*, *Luật lao động* chưa nghiêm, thậm chí có doanh nghiệp chưa tạo điều kiện cho công đoàn hoạt động, còn cản trở việc thành lập công đoàn và phát triển đoàn viên, đó là những việc làm không đúng, cần phải nhanh chóng khắc phục.

Thưa các đồng chí và các bạn,

Từ đại hội trọng thể này, thay mặt Ban Chấp hành Trung ương Đảng, tôi bày tỏ niềm tin tưởng sâu sắc rằng giai cấp công nhân nước ta sẽ tiếp tục phát huy truyền thống cách mạng vẻ vang, nêu cao tinh thần tự lực tự cường, lao động cần cù, sáng tạo, vượt qua khó khăn thử thách, đi đầu

trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, cùng với toàn dân hoàn thành thắng lợi sự nghiệp đổi mới vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh, đóng góp thiết thực vào phong trào công đoàn thế giới. Tôi cũng tin tưởng tổ chức công đoàn nước ta sẽ tiếp tục đổi mới và không ngừng lớn mạnh, thật sự là tổ chức rộng lớn của giai cấp công nhân, đại diện cho sức mạnh, tài năng, trí tuệ và lợi ích của hàng triệu công nhân, lao động. Hãy đẩy lên phong trào hành động cách mạng, phong trào thi đua yêu nước mạnh mẽ, mang lại hiệu quả thiết thực, góp phần xứng đáng vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa của chúng ta.

Với niềm tin tưởng đó, xin chúc Đại hội thành công.

Chúc các vị đại biểu và các bạn quốc tế dồi dào sức khỏe và hạnh phúc.

Xin cảm ơn!

Lê Khả Phiêu: *Tuyển tập (1976 - 1998)*,
Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2010,
tr.739-751.

PHÁT BIỂU
CỦA TỔNG BÍ THƯ LÊ KHẢ PHIÊU
TẠI ĐẠI HỘI LẦN THỨ III
HỘI NÔNG DÂN VIỆT NAM
Ngày 11 tháng 11 năm 1998*

Thưa Đoàn Chủ tịch Đại hội,
Thưa các đồng chí đại biểu,
Thưa các vị khách quý,

Trong không khí phấn khởi của giai cấp nông dân và nhân dân cả nước trước những thành tựu to lớn trong nông nghiệp và nông thôn nước ta, Hội Nông dân Việt Nam tổ chức Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III, thay mặt Ban Chấp hành Trung ương Đảng, tôi nhiệt liệt chào mừng các đồng chí đại biểu về dự đại hội; chào mừng các vị khách quốc tế và chúc đại hội thành công tốt đẹp.

Thưa các vị đại biểu,

Trải qua các thời kỳ cách mạng từ khi thành lập Đảng đến nay, Đảng ta luôn khẳng định tầm quan trọng chiến lược

* Đầu đề do chúng tôi đặt (B.T).

của giai cấp nông dân, của nông nghiệp và nông thôn. Hơn 10 năm qua, đường lối đổi mới đúng đắn của Đảng trong nông nghiệp, trước hết là chủ trương giao quyền sử dụng đất lâu dài cho nông dân, phát huy vai trò tự chủ của kinh tế hộ, thực hiện tự do lưu thông nông sản hàng hóa, phát triển các ngành nghề và dịch vụ trong nông nghiệp, nông thôn..., đã tạo ra động lực mạnh mẽ giải phóng một bước quan trọng sức sản xuất ở nông thôn, khai thác, sử dụng có hiệu quả các tiềm năng lao động, đất đai, rừng biển, các nguồn lực trong nông nghiệp, các nguồn đầu tư, hỗ trợ của Nhà nước và sự hợp tác với nước ngoài. Nhờ đó sản xuất nông nghiệp phát triển toàn diện, liên tục, với tốc độ cao, nhiều mô hình và nhân tố mới làm ăn giỏi đã xuất hiện. Chỉ nói riêng về mặt lương thực cũng đủ thấy thành tựu đó có ý nghĩa biết nhường nào, từ chỗ thiếu ăn, phải nhập lương thực, nay không những đủ lương thực cho toàn xã hội mà còn có dự trữ và xuất khẩu. Cùng với phát triển cây lương thực, cơ cấu kinh tế nông thôn bước đầu chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng của công nghiệp và dịch vụ. Kim ngạch xuất khẩu nông, lâm, thủy sản tăng nhanh, một số mặt hàng có giá trị xuất khẩu lớn. Cơ sở hạ tầng nông nghiệp và nông thôn, nhất là hệ thống thủy lợi được đổi mới, tăng cường. Bộ mặt nông thôn được khởi sắc, đời sống vật chất và tinh thần của nông dân được cải thiện.

Trong những năm qua, Hội Nông dân Việt Nam đã có những đổi mới về nội dung và phương thức hoạt động, nắm bắt yêu cầu và nguyện vọng của nông dân trong sản xuất và đời sống, tuyên truyền đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, tập hợp, động viên, đoàn kết nông dân hăng hái thi đua phát triển kinh tế, xây dựng cuộc sống mới ở nông thôn.

Thay mặt Ban Chấp hành Trung ương Đảng, tôi nhiệt liệt biểu dương những thành tựu mà giai cấp nông dân và Hội Nông dân Việt Nam đã đạt được trong thời gian qua, tôi cũng nhiệt liệt biểu dương giai cấp công nhân và đội ngũ trí thức đã góp phần tích cực vào sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội nông thôn.

Thưa các vị đại biểu,

Bước vào thời kỳ đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, bên cạnh những thành tựu to lớn mà chúng ta đã đạt được, trong tổ chức thực hiện cũng còn một số nhận thức chưa đúng, trong việc làm còn những biểu hiện xem nhẹ vị trí, vai trò của nông nghiệp và kinh tế - xã hội nông thôn. Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng vừa qua đã nhấn mạnh: coi trọng thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong phát triển nông nghiệp và xây dựng nông thôn, đưa nông nghiệp và kinh tế nông thôn lên sản xuất lớn là nhiệm vụ cực kỳ quan trọng cả trước mắt và lâu dài, là cơ sở để ổn định tình hình kinh tế - chính trị - xã hội, củng cố liên minh công - nông - trí thức, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn nước ta là xây dựng một nền nông nghiệp toàn diện, hiện đại và bền vững, với lực lượng sản xuất phát triển ngày càng cao, thể hiện trong cơ cấu công nghiệp - nông nghiệp - dịch vụ không ngừng hiện đại hóa, gắn liền với quan hệ sản xuất được xây dựng từng bước phù hợp với sự phát triển của lực lượng sản xuất, trong nền kinh tế nhiều thành phần mà kinh tế nhà nước là chủ đạo, cùng với kinh tế hợp tác dần dần trở thành nền tảng.

Muốn thế, trước hết phải đổi mới cơ cấu kinh tế, cơ cấu đầu tư, cơ cấu cây trồng vật nuôi, cơ cấu ngành nghề trong nông nghiệp, nông thôn; xây dựng các cơ sở hạ tầng như đường, điện, thủy lợi, trường học, bệnh viện... chú ý các vùng cao, vùng sâu, vùng xa. Thực hiện điện khí hóa nông thôn, cơ khí hóa các khâu trồng trọt và chăn nuôi với những trình độ kỹ thuật khác nhau: hiện đại, tương đối hiện đại và thủ công, áp dụng các thành tựu khoa học - công nghệ, đặc biệt là công nghệ sinh học, đầu tư chiều sâu nhằm tăng năng suất và nâng cao chất lượng sản phẩm. Phát triển công nghiệp chế biến nông sản, lâm sản, hải sản để tạo ra những sản phẩm hàng hóa đa dạng có sức cạnh tranh trên thị trường trong nước và quốc tế. Hình thành những khu trồng trọt và chăn nuôi tập trung, chuyên môn hóa, trong đó đặc biệt coi trọng sản xuất lương thực, có dự trữ và xuất khẩu. Ngăn chặn nạn phá rừng, đốt nương làm rẫy, huy động các lực lượng, các thành phần kinh tế khoanh nuôi, tái sinh rừng, bảo vệ và trồng rừng. Nâng cao năng lực đánh bắt hải sản, đẩy mạnh nuôi trồng thâm canh thủy, hải sản. Phát triển các cơ sở công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, làng nghề và dịch vụ với quy mô thích hợp trên địa bàn nông thôn để phân công lại lao động, tạo việc làm, tăng thu nhập cho cư dân nông thôn.

Các quá trình nói trên gắn liền với quá trình giáo dục, nâng cao dân trí, phát triển nguồn nhân lực được đào tạo. Và như vậy, quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn sẽ đưa đến những thay đổi sâu sắc trong giai cấp nông dân, trong bộ mặt nông thôn.

Giai cấp nông dân sẽ từng bước công nhân hóa và trí thức hóa, thành những động lực mới xây dựng nông thôn, xây

dựng và bảo vệ đất nước. Thực ra nguồn bổ sung cho đội ngũ công nhân và đội ngũ trí thức là từ trong nông dân. Như trong một gia đình, bố mẹ làm nông nghiệp, con cái có người đi làm công nhân, có người đi học và trở thành kỹ sư, bác sĩ, nhà khoa học - thể hiện một tập hợp công - nông và trí thức ngay trong một gia đình, một làng, xã. Hiện tượng này sẽ ngày càng phát triển và đưa đến những nhận thức mới về giai cấp nông dân và đòi hỏi những chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước phù hợp để phát huy mạnh mẽ nguồn lực quan trọng này và cũng đòi hỏi các cấp hội nông dân hiểu rõ mới làm tốt nhiệm vụ của mình.

Nông thôn sẽ từng bước đô thị hóa, xuất hiện những thị xã, thị trấn, thị tứ mới ngay cả ở vùng cao, vùng sâu, vùng xa. Khi đó kinh tế đô thị sẽ giữ vai trò lớn trong nhịp độ tăng trưởng của nền kinh tế nhưng vẫn phải dựa vào kinh tế nông thôn, gắn bó chặt chẽ với nông nghiệp và nông thôn. Tình hình mọi mặt của nông nghiệp, nông thôn và nông dân sẽ khác trước. Đây thực sự là một cuộc biến đổi lịch sử của giai cấp nông dân Việt Nam, của nông nghiệp và nông thôn Việt Nam trên con đường tiến lên chủ nghĩa xã hội. Giai cấp nông dân Việt Nam từng bước thoát khỏi nghèo nàn và lạc hậu.

Công nghiệp hóa nông nghiệp, nông thôn là trách nhiệm và sự nghiệp của giai cấp nông dân liên minh với giai cấp công nhân và tầng lớp trí thức, là của toàn dân tộc từ nông thôn đến thành thị, từ miền xuôi lên miền ngược và ngoài biển - đảo, dưới sự lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước, đặc biệt là của cấp tỉnh. Đảng ta phải lãnh đạo giai cấp nông dân, lãnh đạo toàn dân tộc hoàn thành sự nghiệp vĩ đại đó.

Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn phải thể hiện trong nhiều chính sách của Đảng và

Nhà nước: chính sách đầu tư, tín dụng và thị trường; chính sách đất đai; chính sách khoa học - công nghệ; chính sách giáo dục - đào tạo, văn hóa - xã hội; chính sách về các thành phần kinh tế.

Như trên đã nói, quá trình công nghiệp hóa nông nghiệp, nông thôn gắn liền với quá trình phát triển nền kinh tế nhiều thành phần. Mỗi thành phần đều có vị trí, vai trò và đều được khuyến khích phát triển lâu dài. Kinh tế nhà nước đại biểu cho toàn dân, song nền kinh tế quốc dân không chỉ có kinh tế nhà nước mà có nhiều thành phần của tất cả các tầng lớp nhân dân, hợp thành một tổng thể kinh tế có mối quan hệ khăng khít, tác động lẫn nhau. Không tích cực xây dựng thành phần kinh tế nhà nước và kinh tế hợp tác xã làm nền tảng là sai lầm, nhưng kỳ thị hoặc xem nhẹ các thành phần kinh tế khác là không đúng. Xây dựng quan hệ sản xuất phù hợp trong nông nghiệp, nông thôn phải nhằm phát triển mạnh mẽ lực lượng sản xuất và từng bước xây dựng nông nghiệp và nông thôn theo con đường xã hội chủ nghĩa. Vai trò kinh tế nhà nước trong nông nghiệp, nông thôn phải được xây dựng đủ mạnh và hoạt động có hiệu quả hướng vào các khâu dịch vụ, đầu tư vào các lĩnh vực then chốt như thủy lợi, cơ khí, điện, xây dựng cơ sở hạ tầng, khoa học - công nghệ, công nghiệp chế biến, vấn đề kinh doanh xuất nhập khẩu, bám sát thị trường giải quyết tốt đầu ra. củng cố, sắp xếp lại các doanh nghiệp nhà nước. Rà soát, tổ chức lại các nông, lâm trường quốc doanh, đổi mới cơ chế quản lý đất đai và lao động ở những nơi đó. Đặc biệt củng cố và nâng cao hiệu quả hoạt động của các đơn vị kinh tế nhà nước ở vùng sâu, vùng xa, các địa bàn xung yếu, kết hợp phát triển kinh tế với củng cố an ninh - quốc phòng ở những vùng này.

Kinh tế hộ nông dân là đơn vị kinh tế tự chủ, tồn tại phát triển lâu dài. Nhà nước khuyến khích giúp đỡ kinh tế hộ nông dân phát triển mạnh mẽ để tạo ra nhiều sản phẩm hàng hóa có giá trị ngày càng cao, tăng thu nhập cho mỗi gia đình, cung cấp sản phẩm cho đô thị, cho công nghiệp và xuất khẩu thực hiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế ngay từ kinh tế hộ.

Ở nông thôn hiện nay đã có những mô hình trang trại nông nghiệp, phổ biến là trang trại gia đình, thực chất là kinh tế hộ sản xuất hàng hóa với quy mô lớn hơn, Nhà nước khuyến khích các hộ nông dân, các trang trại gia đình liên kết với nhau hình thành các tổ chức hợp tác, hợp tác xã để mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh.

Kinh tế hợp tác và hợp tác xã cần được tiếp tục phát triển với nhiều hình thức phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất và tiến trình công nghiệp hóa nông nghiệp, nông thôn. Khuyến khích các hợp tác xã nông nghiệp chuyển dịch cơ cấu ngành nghề, phát triển thành các hợp tác xã nông nghiệp kinh doanh dịch vụ tổng hợp. Chú trọng liên kết kinh tế nhà nước với kinh tế hợp tác trong nông nghiệp, góp phần tăng cường khối liên minh công nông về kinh tế. Các cấp ủy, cơ quan chính quyền, các đoàn thể là người trực tiếp tuyên truyền giúp nông dân hiểu rõ *Luật hợp tác xã* mới, thúc đẩy kinh tế hợp tác và hợp tác xã phát triển theo hướng đa dạng, dựa trên cơ sở tự nguyện của nông dân và sự hỗ trợ của Nhà nước, thực hiện nguyên tắc quản lý dân chủ và lấy hiệu quả kinh tế - xã hội làm mục đích.

Kinh tế tư nhân được khuyến khích tự đầu tư hoặc liên kết, liên doanh dưới mọi hình thức với nhau và với kinh tế

nhà nước phát triển ngành nghề, dịch vụ, công nghiệp chế biến ở nông thôn; khai thác, sử dụng diện tích đất trống, đồi núi trọc, đất hoang hóa để phát triển chăn nuôi, trồng trọt; khuyến khích những người có vốn, có năng lực quản lý kinh doanh đầu tư vào chăn nuôi, công nghiệp chế biến, xây dựng cơ sở hạ tầng, công nghiệp sử dụng nhiều lao động ở nông thôn theo quy định của pháp luật, khai thác, phát huy mọi tiềm năng trong nông nghiệp và nông thôn.

Hiện nay vấn đề xóa đói, giảm nghèo, chống các tệ nạn xã hội, xây dựng cuộc sống mới ở nông thôn là một nội dung lớn, quan trọng và bức thiết, đòi hỏi các cấp ủy đảng, các cơ quan chính quyền, mặt trận và các đoàn thể phải có các biện pháp thiết thực để giúp các hộ nghèo, các xã nghèo như: dồn vốn cho đầu tư phát triển các giống cây trồng, vật nuôi, ngành nghề, chính sách hỗ trợ người nghèo vay vốn tín chấp thông qua các ngân hàng phục vụ người nghèo, quỹ hỗ trợ nông dân, các hoạt động khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư, các hình thức dịch vụ, v.v.. Điều quan trọng là giúp các hộ nghèo, xã nghèo biết cách tổ chức, biết sử dụng vốn và khoa học kỹ thuật cùng những chính sách mà Nhà nước hỗ trợ để vươn lên sản xuất có hiệu quả, có làm được như vậy mới thực hiện tốt phương châm "Nhà nước và nhân dân cùng làm", mới đẩy nhanh được tốc độ xóa đói, giảm nghèo, tiến tới xóa bỏ được tình trạng đói nghèo, thực hiện từng bước nguyên tắc công bằng xã hội.

Tình hình các tệ nạn xã hội đang có chiều hướng phát triển không chỉ ở các đô thị mà cả ở nông thôn, làm xói mòn truyền thống văn hóa và thuần phong mỹ tục của dân tộc ta. Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã

chỉ rõ cùng với việc cải thiện và nâng cao đời sống vật chất, phải phát triển đời sống văn hóa và tinh thần trong nông dân, giải quyết các vấn đề xã hội trên địa bàn nông thôn và trong cả nước, xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam cùng tất cả các đoàn thể nhân dân cần thực hiện tốt cuộc vận động: "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa". Xây dựng các gia đình văn hóa, làng xã văn hóa và quy ước làng, xã trên cơ sở pháp luật của Nhà nước. Tổ chức các hình thức câu lạc bộ vui chơi giải trí, phát huy truyền thống văn hóa dân tộc và thuần phong mỹ tục của địa phương, xây dựng nếp sống mới, bài trừ các hủ tục, mê tín dị đoan. Tổ chức các phong trào văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, thu hút các tầng lớp nông dân tham gia, làm cho nông thôn ngày một giàu đẹp, văn minh.

Tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của nông dân trong các hoạt động kinh tế, xã hội, xây dựng nông thôn mới. Đảng ta đã nhiều lần nhấn mạnh dân chủ là bản chất của chế độ ta, tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân vừa là mục tiêu vừa là động lực của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Để thực hiện được điều đó đòi hỏi các cấp ủy đảng, các cơ quan chính quyền, mặt trận, các đoàn thể và các cấp hội nông dân phải làm tốt các việc:

Tuyên truyền, giáo dục, làm cho nông dân nắm vững đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước để thực hiện một cách tự giác.

Sâu sát thực tiễn, nắm bắt được tâm tư, nguyện vọng của nông dân để kiến nghị với Đảng và Nhà nước có những chủ

trương, chính sách phù hợp tháo gỡ những vướng mắc trong sản xuất và đời sống của nông dân.

Tiếp tục hoàn chỉnh và tổ chức thực hiện tốt các quy chế dân chủ ở nông thôn, có cơ chế kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy chế đó, bảo đảm phát huy dân chủ đi đôi với giữ gìn kỷ cương phép nước.

Vừa qua, ở một số nơi xảy ra tình trạng nông dân khiếu kiện, một phần là do một số người không nắm được chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước; nhưng phần quan trọng là do các tổ chức đảng, chính quyền ở những nơi đó quan liêu, xa rời quần chúng, một số cán bộ, đảng viên suy thoái đạo đức lối sống, tham nhũng, vi phạm quyền và lợi ích của người nông dân. Vì vậy, việc thực hiện các thiết chế dân chủ ở nông thôn đang là yêu cầu cấp bách để tạo động lực cho sự phát triển và bảo đảm cho làng xóm yên vui, đoàn kết.

Thưa các vị đại biểu,

Hội Nông dân Việt Nam là một tổ chức chính trị - xã hội rộng lớn của nông dân Việt Nam, trên cơ sở phát triển kinh tế và giải quyết những vấn đề xã hội, đáp ứng những đòi hỏi của nông dân về sản xuất và đời sống mà củng cố xây dựng Hội vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức, thật sự là lực lượng nòng cốt của phong trào nông dân xây dựng nông thôn mới, là thành viên tích cực trong khối đại đoàn kết toàn dân, là nhân tố quan trọng của khối liên minh công nhân, nông dân, trí thức, nền tảng chính trị vững chắc của chế độ ta. Hội phải hoạt động năng động, thiết thực hơn, sâu sát cơ sở, nắm chắc tình hình nông nghiệp, nông thôn và tâm tư, nguyện vọng của nông dân, đề xuất với cấp ủy, chính quyền

những chủ trương, biện pháp đáp ứng những đòi hỏi chính đáng của nông dân, khắc phục hiện tượng hành chính, hình thức, quan liêu xa rời quần chúng. Hội Nông dân phải là thành viên tích cực của các chương trình quốc gia về kinh tế - xã hội nông thôn, tham gia vào việc hoạch định các kế hoạch phát triển nông thôn, tổ chức hoạt động dịch vụ hỗ trợ nông dân phát triển sản xuất.

Hội phải tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, để mọi cán bộ của Hội thông hiểu đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và phương pháp vận động nông dân.

Thưa các đồng chí,

Suốt 70 năm qua, giai cấp nông dân Việt Nam giàu lòng yêu nước và tinh thần cách mạng, đã một lòng đi theo Đảng và làm nên những sự nghiệp vẻ vang chưa từng có trong lịch sử, Hội Nông dân Việt Nam được Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập và lãnh đạo, có vai trò quan trọng và đóng góp to lớn trong sự nghiệp đấu tranh lâu dài giải phóng dân tộc trước đây cũng như trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc ngày nay.

Với hàng chục triệu nông dân đang là lực lượng hùng hậu trong sự nghiệp đổi mới, phát triển nông nghiệp và kinh tế nông thôn, góp phần tích cực đưa nước ta thoát ra khỏi nghèo nàn và lạc hậu, giữ vững ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội, tạo ra bước phát triển mới của đất nước, Đảng, Nhà nước và nhân dân ta đánh giá cao vị trí, vai trò của giai cấp nông dân và Hội Nông dân Việt Nam trong sự nghiệp cách mạng vẻ vang của dân tộc.

Hội Nông dân Việt Nam hãy phát huy mạnh mẽ vai trò nòng cốt, khơi dậy một khí thế mới của giai cấp nông dân trên cả nước hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ kinh tế - xã hội đến năm 2000 và chuẩn bị hành trang bước vào thế kỷ XXI, thực hiện có hiệu quả công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn, góp phần tích cực vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Từ đại hội trọng thể này, tôi xin gửi tới giai cấp nông dân, Hội Nông dân Việt Nam lòng biết ơn sâu sắc, niềm tin vô hạn của Đảng Cộng sản Việt Nam, của giai cấp công nhân Việt Nam, của toàn dân tộc Việt Nam đối với đội quân chủ lực của cách mạng nước ta.

Chúc các đồng chí và các bạn mạnh khỏe, hạnh phúc.

Lê Khả Phiêu: *Tuyển tập (1976 - 1998)*,
Sđd, tr.761-772.

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
<i>Lời giới thiệu tập 57</i>	V
- Chỉ thị của Bộ Chính trị, số 26-CT/TW, ngày 8 tháng 1 năm 1998, về việc tổ chức thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII	1
- Chỉ thị của Bộ Chính trị, số 27-CT/TW, ngày 12 tháng 1 năm 1998, về việc thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội	5
- Thông báo ý kiến của Thường vụ Bộ Chính trị, số 105-TB/TW, ngày 17 tháng 1 năm 1998, về chủ trương và giải pháp hạn chế ảnh hưởng của khủng hoảng tài chính, tiền tệ ở các nước Đông Nam Á đối với nền kinh tế Việt Nam	9
- Thông báo ý kiến của Bộ Chính trị, số 104-TB/TW, ngày 6 tháng 2 năm 1998, về một số dự án Pháp lệnh	16
- Quyết định của Bộ Chính trị, số 32-QĐ/TW, ngày 7 tháng 2 năm 1998, về việc phân công các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị	20
- Chỉ thị của Bộ Chính trị, số 28-CT/TW, ngày 14 tháng 2 năm 1998, về lãnh đạo đại hội cấp tỉnh, thành phố và Đại hội toàn quốc lần thứ III Hội Nông dân Việt Nam	23
- Chỉ thị của Bộ Chính trị, số 29-CT/TW, ngày 14 tháng 2 năm 1998, về tăng cường công tác kiểm tra của Đảng	28

- Thông báo ý kiến của Thường vụ Bộ Chính trị, số 107-TB/TW, ngày 14 tháng 2 năm 1998, về chính sách giảm tiền mua nhà ở cho cán bộ, công nhân, viên chức nhà nước, lực lượng vũ trang khi mua nhà đang ở thuộc sở hữu nhà nước	33
- Thông báo ý kiến của Thường vụ Bộ Chính trị, số 108-TB/TW, ngày 14 tháng 2 năm 1998, về việc xây dựng khu nghỉ ngơi, giải trí (có sân golf) tại xã Kim Nỗ, huyện Đông Anh, Hà Nội	35
- Chỉ thị của Bộ Chính trị, số 30-CT/TW, ngày 18 tháng 2 năm 1998, về xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở	38
- Thông báo ý kiến kết luận của Bộ Chính trị, số 110-TB/TW, ngày 23 tháng 2 năm 1998, về một số vấn đề về tổ chức của Bộ Nội vụ	45
- Thông báo ý kiến kết luận của Bộ Chính trị, số 111-TB/TW, ngày 4 tháng 3 năm 1998, về tình hình tỉnh Thái Bình	48
- Thông báo quyết định của Bộ Chính trị, số 112-TB/TW, ngày 10 tháng 3 năm 1998, về việc bổ sung Quy định số 12-QĐ/TW, ngày 19-11-1996 "về việc đình chỉ sinh hoạt đảng của đảng viên, đình chỉ sinh hoạt cấp ủy của cấp ủy viên, đình chỉ hoạt động của tổ chức đảng"	53
- Thông báo ý kiến của Bộ Chính trị, số 114-TB/TW, ngày 19 tháng 3 năm 1998, về dự án <i>Luật khiếu nại, tố cáo</i>	55
- Thông báo ý kiến của Bộ Chính trị, số 117-TB/TW, ngày 19 tháng 3 năm 1998, về dự <i>Luật tài nguyên nước</i> và dự án <i>Pháp lệnh cảnh sát biển</i>	58
- Thông báo ý kiến của Thường vụ Bộ Chính trị, số 123-TB/TW, ngày 21 tháng 3 năm 1998, về xử lý thanh toán nợ giai đoạn II	61

-
- Thông báo ý kiến của Bộ Chính trị, số 120-TB/TW, ngày 25 tháng 3 năm 1998, về sửa đổi, bổ sung một số điều của *Luật khuyến khích đầu tư trong nước* 63
 - Thông báo ý kiến của Bộ Chính trị, số 121-TB/TW, ngày 25 tháng 3 năm 1998, về sửa đổi, bổ sung các dự án *Luật thuế tiêu thụ đặc biệt; Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu* và *Luật ngân sách nhà nước* 66
 - Thông báo kết luận của Bộ Chính trị, số 122-TB/TW, ngày 25 tháng 3 năm 1998, về việc đấu thầu dự án nhiệt điện Phả Lại II 70
 - Thông báo ý kiến của Thường vụ Bộ Chính trị, số 119-TB/TW, ngày 26 tháng 3 năm 1998, về việc viết lịch sử kháng chiến chống Pháp của quân và dân khu Tả Ngạn Sông Hồng 72
 - Thông báo kết luận của Thường vụ Bộ Chính trị, số 124-TB/TW, ngày 27 tháng 3 năm 1998, về việc tổng kết 10 năm thực hiện Chỉ thị 14 của Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa VI về công tác của Hội Chữ thập đỏ Việt Nam 74
 - Chỉ thị của Bộ Chính trị, số 31-CT/TW, ngày 2 tháng 4 năm 1998, về công tác sản xuất kinh doanh bổ sung ngân sách đảng 78
 - Thông tri của Thường vụ Bộ Chính trị, số 03-TT/TW, ngày 2 tháng 4 năm 1998, về việc tăng cường lãnh đạo công tác thể dục thể thao 85
 - Thông báo kết luận của Thường vụ Bộ Chính trị, số 125-TB/TW, ngày 8 tháng 4 năm 1998, về việc chuẩn bị văn kiện Đại hội IX của Đảng 89
 - Thông báo ý kiến của Bộ Chính trị, số 126-TB/TW, ngày 8 tháng 4 năm 1998, về tình hình kinh tế quý I-1998 và những giải pháp chỉ đạo thực hiện kế hoạch năm 1998 92

- Thông báo ý kiến của Bộ Chính trị, số 127-TB/TW, ngày 10 tháng 4 năm 1998, về chương trình xây dựng pháp luật nhiệm kỳ Quốc hội khóa X và Dự án <i>Pháp lệnh thuế tài nguyên</i> (sửa đổi)	98
- Thông báo kết luận của Bộ Chính trị, số 130-TB/TW, ngày 16 tháng 4 năm 1998, về việc điều chỉnh quy hoạch chung Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020	101
- Thông báo kết luận của Bộ Chính trị, số 131-TB/TW, ngày 16 tháng 4 năm 1998, về việc điều chỉnh quy hoạch chung Thủ đô Hà Nội đến năm 2020	107
- Thông báo của Thường vụ Bộ Chính trị, số 128-TB/TW, ngày 22 tháng 4 năm 1998, về việc tăng cường chỉ đạo thực hiện Quyết định 20-QĐ/TW của Ban Bí thư Trung ương (khóa VI) về Phòng Lưu trữ Đảng Cộng sản Việt Nam	113
- Thông báo ý kiến của Thường vụ Bộ Chính trị, số 129-TB/TW, ngày 22 tháng 4 năm 1998, về các biện pháp xử lý tình hình hạn hán, cháy rừng và an ninh lương thực	117
- Thông báo ý kiến của Bộ Chính trị, số 133-TB/TW, ngày 29 tháng 4 năm 1998, về việc xây dựng chiến lược phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2010	122
- Chỉ thị của Bộ Chính trị, số 32-CT/TW, ngày 4 tháng 5 năm 1998, về việc kỷ niệm 1000 năm Thăng Long (năm 1010 - 2010)	124
- Chỉ thị của Bộ Chính trị, số 33-CT/TW, ngày 8 tháng 5 năm 1998, về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong hoạt động ngân hàng	128
- Quy định của Bộ Chính trị, số 36-QĐ/TW, ngày 9 tháng 5 năm 1998, về tổ chức đảng trong Quân đội nhân dân Việt Nam	133

-
- Quy định của Bộ Chính trị, số 37-QĐ/TW, ngày 9 tháng 5 năm 1998, về tổ chức cơ quan chính trị trong Quân đội nhân dân Việt Nam 155
 - Thông báo ý kiến của Thường vụ Bộ Chính trị, số 134-TB/TW, ngày 9 tháng 5 năm 1998, về tổ chức ban kinh tế tỉnh ủy, thành ủy và về chương trình công tác năm 1998 của Ban Kinh tế Trung ương 167
 - Thông báo kết luận của Bộ Chính trị, số 135-TB/TW, ngày 9 tháng 5 năm 1998, về Dự luật quốc tịch (sửa đổi) và Dự luật khiếu nại, tố cáo 170
 - Quy định của Bộ Chính trị, số 38-QĐ/TW, ngày 18 tháng 5 năm 1998, về tổ chức đảng trong Công an nhân dân 172
 - Thông báo kết luận của Thường vụ Bộ Chính trị, số 137-TB/TW, ngày 19 tháng 5 năm 1998, về một số vấn đề xung quanh việc xét xử vụ án tổ chức buôn lậu ở tỉnh Long An 183
 - Thông báo ý kiến của Thường vụ Bộ Chính trị, số 138-TB/TW, ngày 20 tháng 5 năm 1998, về định hướng phát triển thị trường bảo hiểm Việt Nam 186
 - Thông báo kết luận của Bộ Chính trị số 141-TB/TW, ngày 22 tháng 5 năm 1998, về dự thảo báo cáo "Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc" trình Hội nghị Trung ương 5 189
 - Thông báo kết luận của Bộ Chính trị, số 140-TB/TW, ngày 23 tháng 5 năm 1998, về đổi mới công tác thi đua - khen thưởng và kỷ niệm 50 năm ngày Bác Hồ kêu gọi thi đua ái quốc 194
 - Quyết định của Bộ Chính trị, số 40-QĐ/TW, ngày 28 tháng 5 năm 1998, về việc giải thể Tổ Công tác giúp Bộ Chính trị, Ban Bí thư về bảo vệ Đảng, chống diễn biến hoà bình 198

- Chỉ thị của Bộ Chính trị, số 34-CT/TW, ngày 30 tháng 5 năm 1998, về tăng cường công tác chính trị tư tưởng; củng cố tổ chức đảng, đoàn thể quần chúng và công tác phát triển đảng viên trong các trường học	200
- Chỉ thị của Bộ Chính trị, số 35-CT/TW, ngày 3 tháng 6 năm 1998, về đổi mới công tác thi đua - khen thưởng trong giai đoạn mới	208
- Thông báo ý kiến của Thường vụ Bộ Chính trị, số 144-TB/TW, ngày 3 tháng 6 năm 1998, về các giải pháp điều hành chính sách tiền tệ để khắc phục ảnh hưởng của khủng hoảng tiền tệ châu Á	213
- Thông báo ý kiến của Thường vụ Bộ Chính trị, số 143-TB/TW, ngày 5 tháng 6 năm 1998, về tổ chức, hoạt động và quản lý các hội nghề nghiệp	217
- Thông báo kết luận của Bộ Chính trị, số 146-TB/TW, ngày 23 tháng 6 năm 1998, về một năm rưỡi thực hiện Nghị quyết 02-NQ/HNTW khóa VIII về giáo dục - đào tạo	219
- Chỉ thị của Bộ Chính trị, số 36-CT/TW, ngày 25 tháng 6 năm 1998, về tăng cường công tác bảo vệ môi trường trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước	223
- Thông báo kết luận của Bộ Chính trị, số 147-TB/TW, ngày 27 tháng 6 năm 1998, về tình hình kinh tế - xã hội hiện nay và các giải pháp lớn	232
- Phát biểu của Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu khai mạc Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII, ngày 6 tháng 7 năm 1998	243
- Tờ trình của Bộ Chính trị tại Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương, số 66/TLHN, ngày 2 tháng 7 năm 1998, về bản dự thảo Nghị quyết "xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc"	253

- Tờ trình của Bộ Chính trị tại Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương, số 68/TLHN, ngày 6 tháng 7 năm 1998, về kế hoạch tiến hành đợt sinh hoạt chính trị, tự phê bình và phê bình trong cán bộ, đảng viên theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII 264
- Bản trình bày ý kiến của Bộ Chính trị, số 80/TLHN, ngày 16 tháng 7 năm 1998 về một số vấn đề đã thảo luận về Dự thảo Nghị quyết tại Hội nghị Trung ương 5 271
- Kết luận Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII, số 01-KL/TW, ngày 16 tháng 7 năm 1998, về đấu tranh chống các quan điểm sai trái, bảo vệ Cương lĩnh, Điều lệ và đường lối của Đảng 287
- Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII, số 02-NQ/TW, ngày 16 tháng 7 năm 1998 291
- Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII, số 03-NQ/TW, ngày 16 tháng 7 năm 1998, về xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc 293
- Phát biểu của Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu bế mạc Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa VIII), ngày 16 tháng 7 năm 1998 325
- Thông báo Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam 335
- Chỉ thị của Bộ Chính trị, số 38-CT/TW, ngày 12 tháng 8 năm 1998, về việc tổ chức thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII 342
- Thông báo ý kiến của Thường vụ Bộ Chính trị, số 151-TB/TW, ngày 27 tháng 7 năm 1998, về việc xử lý một số vụ khiếu kiện phức tạp tại Hà Nội 347
- Quy chế làm việc của đồng chí Ủy viên Thường vụ Bộ

Chính trị chỉ đạo lĩnh vực nội chính, số 41-QĐ/TW, ngày 28 tháng 7 năm 1998	349
- Thông tri của Bộ Chính trị, số 04-TT/TW, ngày 30 tháng 7 năm 1998, về việc tăng cường lãnh đạo công tác bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em	356
- Thông báo ý kiến của Thường vụ Bộ Chính trị, số 155-TB/TW, ngày 4 tháng 8 năm 1998, về Đại hội VIII Công đoàn Việt Nam	361
- Thông báo ý kiến của Thường vụ Bộ Chính trị, số 157-TB/TW, ngày 4 tháng 8 năm 1998, về Đại hội V Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	364
- Thông báo ý kiến của Thường vụ Bộ Chính trị, số 160-TB/TW, ngày 12 tháng 8 năm 1998, về triển khai xây dựng thị trường chứng khoán ở Việt Nam	366
- Thông báo ý kiến của Thường vụ Bộ Chính trị, số 161-TB/TW, ngày 12 tháng 8 năm 1998, về vụ án buôn lậu tại cảng Sài Gòn	369
- Điện của Thường trực Bộ Chính trị, số 120, ngày 13 tháng 8 năm 1998, về điều chỉnh tỷ giá giữa đồng Việt Nam và đồng đôla Mỹ	371
- Chỉ thị của Bộ Chính trị, số 39-CT/TW, ngày 14 tháng 8 năm 1998, về việc thực hiện một số nhiệm vụ cấp bách trong công tác bảo vệ chính trị nội bộ	374
- Thông báo ý kiến của Thường vụ Bộ Chính trị, số 162-TB/TW, ngày 15 tháng 8 năm 1998, về Quy chế thực hiện dân chủ ở các doanh nghiệp nhà nước	380
- Thông báo ý kiến của Thường vụ Bộ Chính trị, số 163-TB/TW, ngày 21 tháng 8 năm 1998, về Đại hội IV Liên hiệp các hội Khoa học và kỹ thuật Việt Nam	383

-
- Chỉ thị của Bộ Chính trị, số 40-CT/TW, ngày 24 tháng 8 năm 1998, về tăng cường lãnh đạo Đại hội Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp 386
 - Thông báo ý kiến của Thường vụ Bộ Chính trị, số 164-TB/TW, ngày 3 tháng 9 năm 1998, về các phương án xử lý tình huống khẩn cấp về lụt bão năm 1998 391
 - Thông báo ý kiến của Thường vụ Bộ Chính trị, số 167-TB/TW, ngày 12 tháng 9 năm 1998, về hợp đồng dự án Nhà máy điện Phú Mỹ 1 395
 - Thông báo ý kiến của Bộ Chính trị, số 169-TB/TW, ngày 14 tháng 9 năm 1998, về việc chuẩn bị đề án xây dựng giai cấp công nhân, giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức, trình Hội nghị Trung ương 7 khóa VIII 397
 - Thông báo ý kiến của Thường vụ Bộ Chính trị, số 170-TB/TW, ngày 21 tháng 9 năm 1998, về kết quả sau hơn một tháng điều chỉnh tỷ giá giữa đồng Việt Nam với USD 399
 - Thông báo ý kiến của Thường vụ Bộ Chính trị, số 171-TB/TW, ngày 21 tháng 9 năm 1998, về thực hiện thí điểm chủ trương sử dụng quỹ đất để tạo vốn xây dựng cơ sở hạ tầng của tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu 402
 - Chỉ thị của Bộ Chính trị, số 41-CT/TW, ngày 22 tháng 9 năm 1998, về xuất khẩu lao động và chuyên gia 404
 - Thông báo kết luận của Thường vụ Bộ Chính trị, số 172-TB/TW, ngày 2 tháng 10 năm 1998, qua kết quả kiểm tra việc thực hiện Chỉ thị 21-CT/TW của Bộ Chính trị về vấn đề cấp bách ở nông thôn 410
 - Chỉ thị của Bộ Chính trị, số 42-CT/TW, ngày 6 tháng 10 năm 1998, về việc tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với tổ chức và hoạt động của các hội quần chúng 415

- Kết luận của Bộ Chính trị, số 02-KL/TW, ngày 6 tháng 10 năm 1998, về kế hoạch kinh tế - xã hội năm 1999	419
- Kế hoạch của Bộ Chính trị, số 01-KH/TW, ngày 10 tháng 10 năm 1998, về sinh hoạt chính trị, tự phê bình và phê bình trong Đảng theo tinh thần Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa VIII)	430
- Hướng dẫn của Thường vụ Bộ Chính trị, ngày 10 tháng 10 năm 1998, về việc thực hiện tự phê bình và phê bình đối với các đồng chí là Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Trung ương, thành viên Chính phủ, cán bộ chủ chốt ở các cơ quan Trung ương và địa phương (<i>Ban hành kèm theo Kế hoạch của Bộ Chính trị, số 01-KH/TW, ngày 10-10-1998</i>)	438
- Phát biểu của Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu, khai mạc Hội nghị lần thứ sáu (lần 1) Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII, ngày 13 tháng 10 năm 1998	443
- Bản trình bày ý kiến của Bộ Chính trị, số 85/TLHN, ngày 17 tháng 10 năm 1998, về một số vấn đề Trung ương đã nêu trong khi thảo luận về kế hoạch năm 1999 và vấn đề phát triển nông nghiệp - nông thôn	452
- Báo cáo của Bộ Chính trị, số 86/TLHN, ngày 17 tháng 10 năm 1998, về kết quả biểu quyết một số vấn đề đã thảo luận tại Hội nghị Trung ương 6 (lần 1)	474
- Nghị quyết Hội nghị lần thứ sáu (lần 1) Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa VIII), số 04-NQ/TW, ngày 17 tháng 10 năm 1998	480
- Nghị quyết Hội nghị lần thứ sáu (lần 1) Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa VIII), số 05-NQ/TW, ngày 17 tháng 10 năm 1998, về nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 1999	482
- Phát biểu của Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu bế mạc Hội nghị lần thứ sáu (lần 1) Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa VIII), ngày 17 tháng 10 năm 1998	501

-
- Thông báo Hội nghị lần thứ sáu (lần 1) Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam khóa VIII 509
 - Chỉ thị của Bộ Chính trị, số 43-CT/TW, ngày 26 tháng 10 năm 1998, về việc tổ chức thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 6 (lần 1) Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII 516
 - Thông báo ý kiến của Bộ Chính trị, số 176-TB/TW, ngày 15 tháng 10 năm 1998, về chương trình xây dựng luật, pháp lệnh trong nhiệm kỳ Quốc hội khóa X và một số dự án luật 520
 - Thông báo ý kiến của Thường vụ Bộ Chính trị, số 177-TB/TW, ngày 31 tháng 10 năm 1998, về vụ án cố ý làm lộ bí mật nhà nước trong việc đấu thầu dự án điện Phú Mỹ 2.1 và Phú Mỹ 2.1 mở rộng 525
 - Chỉ thị của Bộ Chính trị, số 44-CT/TW, ngày 4 tháng 11 năm 1998, về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong việc thực hiện *Luật thuế giá trị gia tăng* và các luật thuế mới 527
 - Nghị quyết của Bộ Chính trị, số 06-NQ/TW, ngày 10 tháng 11 năm 1998, về một số vấn đề phát triển nông nghiệp và nông thôn 532
 - Chỉ thị của Bộ Chính trị, số 45-CT/TW, ngày 11 tháng 11 năm 1998, về đẩy mạnh hoạt động của Liên hiệp các Hội Khoa học và kỹ thuật Việt Nam 553
 - Thông báo kết luận của Bộ Chính trị, số 179-TB/TW, ngày 11 tháng 11 năm 1998, về phát triển du lịch trong tình hình mới 557
 - Thông báo ý kiến của Thường vụ Bộ Chính trị, số 181-TB/TW, ngày 23 tháng 11 năm 1998, về việc chuẩn bị Đại hội Hội Luật gia Việt Nam lần thứ IX 559

- Thông báo của Thường vụ Bộ Chính trị, số 183-TB/TW, ngày 23 tháng 11 năm 1998, về tổng kết việc thực hiện chủ trương, chính sách đại đoàn kết dân tộc	561
- Thông báo ý kiến của Thường vụ Bộ Chính trị, số 187-TB/TW, ngày 23 tháng 12 năm 1998, về việc tổ chức Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II Liên minh các hợp tác xã Việt Nam	564
- Kế hoạch của Bộ Chính trị, số 02-KH/TW, ngày 28 tháng 12 năm 1998, về tổ chức lấy ý kiến cán bộ cao cấp thôi giữ chức vụ hoặc nghỉ hưu đóng góp vào dự thảo báo cáo trình Hội nghị Trung ương 6 (lần 2)	566
- Thông báo ý kiến Thường vụ Bộ Chính trị, số 188-TB/TW, ngày 29 tháng 12 năm 1998, về công tác thông tin đối ngoại trong tình hình mới	570
- Thông báo kết luận của Thường vụ Bộ Chính trị, số 190-TB/TW, ngày 30 tháng 12 năm 1998, về kết quả kiểm tra các tổ chức đảng trong lực lượng Công an nhân dân thực hiện Chỉ thị 15 và Nghị quyết 14 của Bộ Chính trị	574
PHỤ LỤC	579
- Tuyên bố chung Việt Nam - Lào, ngày 9 tháng 3 năm 1998	581
- Phát biểu của Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu bế mạc Hội nghị cán bộ nghiên cứu Nghị quyết Trung ương 4 khóa VIII, ngày 19 tháng 3 năm 1998	590
- Phát biểu của Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu tại Đại hội lần thứ VIII Công đoàn Việt Nam, ngày 5 tháng 11 năm 1998	605
- Phát biểu của Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu tại Đại hội lần thứ III Hội Nông dân Việt Nam, ngày 11 tháng 11 năm 1998	618

Chịu trách nhiệm xuất bản
Q. GIÁM ĐỐC - TỔNG BIÊN TẬP
TS. HOÀNG PHONG HÀ
Chịu trách nhiệm nội dung
ỦY VIÊN HỘI ĐỒNG BIÊN TẬP - XUẤT BẢN
ThS. NGUYỄN MINH
Biên tập nội dung: ThS. CHU VĂN KHÁNH
NGUYỄN THỊ HƯƠNG
ThS. NGUYỄN THU TRANG
Chế bản vi tính: LÂM THỊ HƯƠNG
Trình bày bìa: PHÙNG MINH TRANG
Sửa bản in: PHÒNG BIÊN TẬP KỸ THUẬT
Đọc sách mẫu: HƯƠNG - TRANG

Mã số: $\frac{3KV (060) "1998"}{CTQG-2015}$

In 5.000 cuốn, khổ 15 x 22cm, tại.....
Giấy đăng ký xuất bản số:
Quyết định xuất bản số:
Mã số ISBN:
In xong và nộp lưu chiểu tháng năm 2015.